Luận Đại Trí Độ

Tập IV

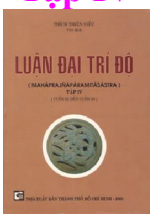

(Mahàprajnàparamitàsatra)

Tác giả: **Nàgàrjuna (Long Thọ)**

Dịch Phạn ra Hán: **Cưu Ma La Thập**

Việt Dịch HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

http://www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 10-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

Lời Nói Đầu
Cuốn 61
GIẢI THÍCH: PHẨM TÙY HỶ THỨ 39
Cuốn 62
GIẢI THÍCH: PHẨM CHIẾU MINH THỨ 40.
GIẢI THÍCH: PHẨM TÍN HỦY THỨ 41.
Cuốn 63
GIẢI THÍCH: PHẨM THÁN TỊNH THỨ 42.
Cuốn 64
GIẢI THÍCH: PHẨM VÔ TÁC THƯ 43.
Cuốn 65
GIẢI THÍCH: PHẨM CÁC BA LA MẬT THỨ 44
Cuốn 66
GIẢI THÍCH: PHẨM VĂN TRÌ THỨ 45.
Cuốn 67
Cuốn 68
GIẢI THÍCH: PHẨM MA SỰ THỨ 46.
GIẢI THÍCH: PHẨM HAI BÊN KHÔNG HÒA HỢP THỨ 47.
Cuốn 69
GIẢI THÍCH: PHẨM PHẬT MẪU THỨ 48.
GIẢI THÍCH: PHẨM VẤN TƯỚNG THỨ 49
Cuốn 71

GIẢI THÍCH: PHẨM THÍ DỤ THỨ 51.
GIẢI THÍCH: PHẨM TRI THỨC THỨ 52.
GIẢI THÍCH: PHẨM THÚ TRÍ THỨ 53.
Cuốn 72
GIẢI THÍCH: PHẨM ĐẠI NHƯ THỨ 54.
Cuốn 73
GIẢI THÍCH: PHẨM CHẲNG THOÁI CHUYỂN THỨ 55
GIẢI THÍCH: PHẨM CHUYỂN BÁNH XE BẤT THOÁI THỨ 56
Cuốn 74
GIẢI THÍCH: PHẨM THÂM ÁO THỨ 57.
GIẢI THÍCH: PHẨM MỘNG HÀNH THỨ 58
GIẢI THÍCH: PHẨM HÀ THIỆN THỨ 59
Cuốn 76
GIẢI THÍCH: PHẨM HỌC KHÔNG KHÔNG THỦ CHỨNG THỨ 60
GIẢI THÍCH: PHẨM MỘNG THỆ THỨ 61
Cuốn 77
GIẢI THÍCH PHẨM MA SẦU THỨ 62
GIẢI THÍCH PHẨM ĐẲNG HỌC THỨ 63
Cuốn 78
GIẢI THÍCH: PHẨM TỊNH NGUYỆN THỨ 64
Cuốn 79
GIẢI THÍCH PHẨM CHÚC LỤY THỨ 66
Cuốn 80
GIẢI THÍCH PHẨM VÔ TẬN THỨ 67
GIẢI THÍCH: PHẨM SÁU ĐỘ TƯƠNG NHIẾP THỨ 68

---o0o---

Lời Nói Đầu

Đây là tập 4 trong 5 tập của Luận Đại Trí Độ. Tập này có 20 cuốn, từ cuốn 61 đến cuốn 80, theo nguyên bản Hán văn. Trong 20 cuốn này gồm từ phẩm Tùy hỷ thứ 39 đến phẩm Lục độ tương nhiếp thứ 68, để làm sáng rõ các mặt công năng thù thắng của Bát nhã và các việc tin, hiểu, tu, chứng Bát nhã cũng như các việc tội phước chê bai hay khen ngợi đối với Bát nhã.

Giáo lý Bát nhã cốt để dìu dắt chúng ta đạt đến cái tri kiến chơn chánh đúng với thật tánh, thật tướng từ tin tưởng, học hỏi, tu hành, chứng qủa, nghĩa là đạt đến cái thấy không chấp thủ tướng, không rơi vào ba thứ điên đảo là tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Tưởng điên đảo là nhận thức méo mó về sự vật, như đêm mờ thấy dây cho là rắn. nó cũng gọi là vọng tưởng (Sanna vipallasa).

Tâm điên đảo là lẫn lộn thiện ác nhân qủa, tham ái nhiễm đắm theo các tướng. Nó cũng gọi là vọng tâm (Citta vipallasa).

Kiến điên đảo là chấp thủ quan điểm theo nhị biên có, không, đoạn, thường; không đă□nó vào sự thẩm xét của tuệ giác hoàn hảo, là khả năng độc nhất để khám phá chân lý tối hậu. Nó cũng gọi là vọng kiến (Dithi vipallasa).

Tránh được ba điên đảo như vậy chính là Bát nhã ba la mật, như sẽ thấy trong các phẩm Tùy hỷ, phẩm Chiếu minh ...

PL. 2544

Vạn Hạnh, ngày 09 tháng 11 năm 2000

Thích Thiện Siêu

--o0o –

Cuốn 61

GIẢI THÍCH: PHẨM TÙY HỶ THỨ 39

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tùy Hỷ Hồi Hướng thứ 37)

KINH: Bấy giờ Di Lặc Bồ tát ma ha tát nói với Tuệ mạng Tu bồ đề rằng: Có Bồ tát ma ha tát đem phước đức tùy hỷ cho tất cả chúng sanh để cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không sở đắc. Hoặc đem phước đức của Thăнh văn Bích chi Phật, hoặc phước đức bố thí, trì giới, tu định, tùy hỷ của tất cả chúnh sanh so với Bồ tát ma ha tát đem phước đức tùy hỷ cho tất cả chúng sanh để cùnh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phước này tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng không thể sánh bằng, vì sao? Vì Thanh văn, Bích chi Phật và tất cả chúnh sanh được phước đức do bố thí, trì giới, tu định tùy hỷ, đêu vì tự diệu phục, tự thanh tịnh, tự độ mà khỏi tu bốn niệm xứ, cho đến tám thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác; còn Bồ tát công đức tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem công đức ấy vì điều phục hết thảy chúnh sanh, vì thanh tịnh hết thảy chúnh sanh, vì độ hết thảy chúng sanh mà khởi tu.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề thưa Di lặc Bồ tát rằng: Các Bồ tát ma ha tát nhớ đến vô lượng vô biên vô số các đức Phật diệt độ trong mười phương vô lượng vô biên vô số thế giới, từ khi mới phát tâm cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào Vô dư Niết bàn cho đến khi Pháp tận, ở khoảng trung gian ấy tạo các phước thiện căn tương ưng sáu Ba la mật và thiện căn phước về bố thí, trì giới, tu định của các người Thanh văn, thiện căn vô lậu của các bậc hữu học, vô học; giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, nhất thiết trí, đại từ đại bi và vô lượng vô số các Phật pháp khác của chư Phật; và học từ pháp của chư Phật thuyết, được quả Tu đà hoàn, cho đến quả A la hán, Bích chi Phật đạo, vào Bồ tát ma ha tát vị, và thiện căn của các chúnh sanh khác, đem tất cả phước đức tùy hỷ với tất cả thiện căn hòa hợp lại ấy, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, không gì sánh bằng. Tùy hỷ như vậy rồi, đem phước đức tùy hỷ ấy, hồi hướng dến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có Thiện nam tử tu Bồ tát đạo, nghĩ rằng: Tôi đem tâm này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy là sanh tâm duyên sự. Nếu Thiện nam tử chấp thủ tướng mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đảng Chánh giác, có thể được như sở niệm chăng?

Di lặc Bồ tát nói với Tu bồ đề: Thiện nam tử ấy tu Bồ tát đạo, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy là tâm duyên sự, nếu thiện nam tử chấp thủ tướng như vậy, thời không thể được sở niệm.

Tu bồ đề nói với Di lặc Bồ tát: Nếu các sự các duyên không có gì của chính nó mà thiện nam tử ấy chấp thủ tướng, tu Bồ tát đạo đối với các thiện căn của chư phương Phật mười phương, từ khi mới phát tâm cho đến khi pháp tận, và đối với các thiện căn của Thanh văn, thiện căn của bậc học, vô học, tất cả phước đức tùy hỷ hòa hợp hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì vô tướng, nên Bồ tát ấy không có điên đảo; không có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo: vô thường cho là thường; không có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo: bất tịnh cho là tịnh, khổ cho là vui, vô ngã cho là ngã. Hoặc không có duyên như sự Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy, tâm hồi hướng cũng như vậy. Thí ba la mật, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Bát nhã ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Nếu như vậy, thế nào là duyên? Thế nào là sự? Thé nào là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Thế nào là thiện căn? Thế nào là tâm tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

LUẬN: Trong bảy phẩm trước Phật sai Tu bồ đề nói Bát nhã, giữa chừng Đế thích hỏi nhiều, nói nhiều việc công đức. Nay Di lặc thuận theo bổn ý Phật, trở lại muốn sai Tu bồ đề, nhân pháp tùy hỷ mà nói rộng Bát nhã ba la mật.

* Lại nữa, Đế thích nghe trên kia nói cúng dường Bát nhã bằng hoa hương, kỹ nhạc, phan lọng, được phước rất nhiều, tự vui mừng, may mắn sâu xa. Nghĩ rằng:" Các thứ cúng dường ấy chỉ chúng tôi sắm được, chẳng phải người xuất gia có được". Thế nên Di lặc muốn dẹp cái tâm tự cho mình nhiều của ấy, nên nói Tu bồ đề, Bồ tát chỉ đem tâm tùy hỷ, là hơn cả sự bố thí và các công đức vô lậu của Thanh văn, Bích chi Phật và tất cả chúng sanh, huống gì hương hoa cúng dường kinh quyển.

Phước đức tùy hỷ là không nhọc thân miệng làm các công đức, chỉ đem tâm phương tiện thiện xảo, thấy người khác tu phước, vui mừng theo, nghĩ rằng: Giữa hết thảy chúng sanh, người tu phước hành đạo được, là rất thù thắng, nếu lìa phước đức thời người và súc sanh đồng hành ba việc: Dâm dục, uống ăn, chiến đấu.

Người hành đạo tu phước được chúng sanh tôn trọng cung kính, thí như lúc nóng bức, có trăng tròn mát mẻ, không ai không ưa ngước xem, cũng như trước ngày đại hội chuẩn bị kỹ nhạc, hào soạn đầy đủ, người ở gần xa đều hân hoan phó hội. Người tu phước cũng như vậy.

Phước đức làm nhân duyên được hai thứ vui là vui thế gian và vui xuất thế gian. Xuất thế gian là các pháp vô lậu, tuy không có phước báo, song hay sanh phước đức, nên gọi là phước đức. Thế nên hữu lậu vô lậu, đều gọi là phước đức.

* Lại nữa, phước đức là gốc của Bồ tát ma ha tát, hay làm cho mãn nguyện, được tất cả thánh nhân tán thán, bị người vô trí hủy báng, chỗ người trí đạo đi, người vô trí xa lìa. Do nhân duyên phước đức nên được làm vua người, Thánh vương chuyển luân, vua trời, A la hán, Bích chi Phật, chư Phật Thế Tôn, đại từ đại bi, mười lực, bốn điều không sợ, trí thất thiết chủng, tự tại vô ngại, đều từ trong phước đức sanh.

Các thứ phước đức như vậy, vì được chánh kiến nên hoan hỷ theo.

* Lại nữa, Bồ tát tự suy nghĩ: Ta nên đem vui cho tất cả chúng sanh, nên thấy chúng sanh tự tu hành phước đức; thế nên tâm sanh hoan hỷ.

* Lại nữa, tất cả chúng sanh hành thiện, tương tợ với ta, ấy là cùng ta đồng bạn, thế nên hoan hỷ.

Các Bồ tát ma ha tát đối với chư Phật rong mười phương ba đời, và Bồ tát, Thanh văn, Bích chi Phật, và tất cả chúng sanh tu phước, bố thí, trì giới, tu định, đối với các phước đức ấy, sanh tùy hỷ phước đức, thế nên gọi là phước đức. Đem phước đức tùy hỷ ấy chung với hết thảy chúng sanh, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chung với hết thảy chúng sanh là phước đức ấy không thể đem cho hết thảy chúng sanh, mà có thể cho quả báo, nghĩa là Bồ tát đã được phước đức quả báo, là các thứ vui thế gian như đem y phục, uống ăn v.v... làm lợi ích chúng sanh.. Bồ tát do phước đức mà thân miệng thanh tịnh, được người tín thọ, nói pháp cho chúng sanh, khiến được mười thiện đạo, bốn thiền v.v... làm cho lợi ích đời sau, và cuối cùng thành Phật, được quả báo phước đức, thân có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, ánh sáng vô lượng, người xem không chán, thanh tịnh vô lượng, phạm âm nhu hòa, các Phật pháp giải thoát vô ngại, thị hiện ba việc (Biết tha tâm, hiện thần lực, thuyết giáo môn - N.D) độ vô lượng vô số chúng sanh, sau khi vào Niết bàn nát thân thành Xá lợi, để cho người cúng dường, lâu về sau đều khiến cho đắc đạo. Ấy là quả báo có thể đem cho hết thảy chúng sanh. Do trong quả nói nhân, nên nói đem phước đức cho chúng sanh chung hưởng. Nếu phước đức có thể đem cho người, thời chư Phật từ khi mới phát tâm nhóm các phước đức, đem cho người hết, sau lại tạo lại hay sao! Thể thiện pháp không thể đem cho người, nay chính dùng sức vô không não hại thí chúng sanh.

Ấy gọi là phước đức tùy hỷ của Bồ tát ma ha tát so với ba thứ phước đức của Thanh văn, Bích chi Phật và chúng sanh, là tối thắng, tối thượng đệ nhất, tối diệu, vô thượng, không thể sánh bằng.

Trong đây nói nhân duyên tối thắng: Là phước đức Nhị thừa là tự điều phục, tự thanh tịnh, tự độ thoát. Giữ giới là tự điều phục, tu thiền là tự thanh tịnh, trí tuệ là tự độ thoát.

* Lại nữa, tự điều phục là tu chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; tự thanh tịnh là tu chánh niệm, chánh định; tự độ là tu chánh kiến, chánh tư duy, chánh phương tiện.

* Lại nữa, do bố thí nên tự điều phục, do trì giới nên tự thanh tịnh, do tu định nên tự độ thoát.

Tu định là nhân duyên gần của pháp vô lậu. Pháp vô lậu là 37 phẩm, ba giải thoát môn. Bố thí, trì giới là nhân duyên xa, nên không giải thích. Phước đức tùy hỷ của Bồ tát tuy không có siêng năng mệt nhọc, mà vì độ chúng sanh nên hơn.

Hỏi: Thật không độ hết thảy chúng sanh, cớ sao nói độ hết thảy chúng sanh hơn?

Đáp: Lực công đức của chư Phật, Bồ tát, có thể độ hết thảy chúng sanh, chỉ vì chúng sanh không có nhân duyên hòa hợp, ví như lửa lớn, thường có sức đốt, chỉ vì củi không ở gần cho nên không cháy, gần thời cháy hết.

Bấy giờ, Tu bồ đề lấy trí tuệ rốt ráo không, nạn hỏi Di lặc Bồ tát: Niệm đến phước đức tùy hỷ hồi hướng Vô thượng đạo của chư Phật, ấy là niệm việc quá khứ, việc ấy có được như sở niệm chăng?

Di lặc dùng hai nhân duyên để đáp: Không!

1. Quá khứ vô lượng vô số kiếp, chư Phật diệt độ đã lâu, không còn để lại gì, còn Bồ tát hoặc không có trí túc mạng, hoặc có mà không thể biết kịp, chỉ theo như chỗ được nghe mà ức tưởng phân biệt, cho nên không được như sở niệm.

2. Chư Phật và công đức đều ra ngoài ba cõi, ba đời, bặt dứt đường nói năng hý luận, như tướng Niết bàn rốt ráo không, thanh tịnh.

Tùy hỷ là phân biệt công đức thiện căn của chư Phật và chư đệ tử, tâm hồi hướng ấy và đạo Vô thượng chẳng phải thật, cho nên đáp không!

Tu bồ đề nạn rằng: Nếu không có việc ấy, mà Bồ tát ức niệm phân biệt thời phải rơi vào điên đảo, nếu việc ấy thanh tịnh, rốt ráo không, mà ức niệm cũng rơi vào điên đảo, công đức của chư Phật quá khứ cũng như vậy, không có phân biệt, không có khác, làm sao được tùy hỷ theo? Đây lược nói nghĩa,

rộng thời như Kinh nói: Nghĩa là Tu bồ đề hỏi Di lặc Bồ tát ma ha tát: Nếu Bồ tát niệm các đức Phật đã diệt độ trong mười phương vô lượng vô biên vô số thế giới quá khứ, là Bồ tát muốn phát khởi công đức tùy hỷ. Phật là chủ công đức, cho nên ức niệm Phật, nghe kinh sách nói, có danh hiệu Phật quá khứ, nên nhân nơi danh hiệu ấy, ức niệm rộng đến hết thảy Phật quá khứ.

Từ khi mới phát tâm là bắt đầu phát tâm lập nguyện ta sẽ độ hết thảy chúng sanh. Tâm ấy tương ưng với ba thiện căn là không tham, không sân, không si, thiện căn tương ưng các thiện pháp và thiện căn khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp, hòa hợp pháp ấy, gọi là phước đức. Từ khi mới phát tâm tu sáu Ba la mật, vào Bồ tát vị, được mười địa, cho đến ngồi đạo tràng, trong đó, Bồ tát tu phước đức hòa hợp được Phật đạo, cho đến vào vô dư Niết bàn. Sau khi diệt độ, Xá lợi và giáo pháp lưu lại, đều là công đức tự thân Phật hòa hợp. Nhân nơi chư Phật, người Đại thừa tu sáu Ba la mật và tương ưng phước đức. Tương ưng là trừ sáu Ba la mật các pháp hành khác của Bồ tát đều nhiếp vào trong sáu Ba la mật; cho nên nói tương ưng với sáu Ba la mật hòa hợp, nếu người cầu Thanh văn, Bích chi phật thời gieo trồng phước đức bố thí, trì giới, tu định v.v..

Người Thanh văn, Bích chi Phật có 2 hạng:

1. Hạng hết lậu gọi là vô học.

2. Hạng được đạo, lậu hoặc chưa hết, gọi là học.

Hai hạng người này có thiện căn hơn hơn các phước đức, cho nên chỉ nói thiện căn.

Trên nói người cầu Nhị thừa là chỉ chung cả phàm phu, thánh nhân; đây nói vô học là thuần chỉ về thánh nhân.

Tướng tốt là sắc pháp vô ký, chẳng phải là công đức lành, nên chỉ nói năm uẩn vô học (tức năm pháp uẩn giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến - ND) của Phật.

Đại từ, đại bi và Phật pháp, nghiễ như trong phẩm đầu đã nói.

Pháp của Phật nói, học Pháp ấy được quả Tu đà hoàn, cho đến vào Bồ tát vị là sau khi Phật diệt độ, từ trong giáo pháp kưu lại mà được đạo, thế nên nói lại.

Và các chúng sanh khác gieo trồng căn lành là trong khi Phật ở đời và giáo pháp lưu lại chính là nhân duyên phước đức của trời, người và cho đến súc sanh.

Bốn đoạn phước đức trên, tâm hành giả duyên khắp, rồi ức niệm tùy hỷ, cầu Phật đạo, nên hồi hướng, gọi là tùy hỷ Vô thượng, tối thượng, không thể sánh bằng.

Hỏi: Người cầu Phật đạo cớ sao không tự tạo công đức mà lại đem tâm tùy hỷ.

Đáp: Các Bồ tát có sức phương tiện, nên đối với công đức người khác cực nhọc tạo được, phát tâm tùy hỷ, mà phước đức hơn người tạo ra.

* Lại nữa, phước đức tùy hỷ này tức là phước đức thật, vì sao? Vì ức niệm quá khứ Phật tức là niệm Phật tam muội, cũng là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên trong sáu niệm. Nhân tu giới thanh tịnh, vào thiền định, khởi lên trí tuệ rốt ráo, hòa hợp lại nên khởi lên tâm hỷ chơn chánh. Cho nên không chỉ tùy hỷ mà thôi, cũng là tu hành Phật pháp ấy.

Các duyên làsở duyên của tâm tùy hỷ, tức là công đức của chư Phật và hết thảy chúng sanh tạo được.

Các sự là gốc của sở duyên. Phước đức là trú xứ của công đức sở duyên, tức chư Phật và chúng sanh, cùng đất dai, núi rừng, tinh xá trú xứ, đều gọi là Sự.

Có thể được như sở niệm chăng? Di lặc đáp: Không. Tu bồ đề nói với Di lặc: Nếu các sự các duyên không có gì của chính nó, cớ sao không rơi vào điên đảo? Điên đảo là ba loại phân biệt về bốn điên đảo (vô thường chấp thường, khổ cho là vui, bất tịnh chấp tịnh, vô ngã chấp ngã - ND).

Điên đảo ấy là thí dụ. Không có Phật mà ức tưởng niệm Phật, giống như vô thường mà tưởng niệm thường, bất tịnh mà tưởng niệm tịnh.

Hỏi: Kiến là gốc điên đảo, như người được Sơ quả, có thể khởi tưởng điên đảo, tâm điên đảo, chứ không có kiến điên đảo, vì khi thấy Tứ đế thì đã dứt kiến hoặc?

Đáp: Điên đảo ấy khi sanh khác, khi dứt khác. Khi sanh thì tưởng khởi trước, thứ đến tâm, sau hết kiến. Khi dứt thì trước dứt kiến, thấy lý Tứ đế liền dứt. Thể tính điên đảo là tướng của kiến, thấy lý Tứ đế liền dứt, còn tưởng và tâm điên đảo là người học chưa lìa dục, quên ức niêm (thất niệm) nên thủ lấy tướng tịnh, khởi ra các kiết sử, khi trở lại được chánh niệm, liền dứt như trong kinh nói thí dụ: Như nước giọt trên sắt nóng, liền tiêu mất. Sai lầm nhỏ nên giả gọi là điên đảo, chẳng phải thật điên đảo. Thế nên nói người phàm phu có ba điên đảo, học nhân có hai điên đảo.

* Lại nữa, các duyên, các sự như thật rốt ráo không, ức niệm cũng không, Bồ đề cũng không, tâm tùy hỷ cũng không, Thí Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung cũng không. Nếu các pháp một tướng tức là vô tướng, thời trong đó thế nào là duyên, thế nào là sự, thế nào là tâm hồi hướng vô thượng đạo?

KINH: Di lặc Bồ tát nói với Tu bồ đề: Nếu các Bồ tát ma ha tát tu lâu sáu Ba la mật, cúng dường chư Phật nhiều, trồng căn lành; gần gũi thiện tri thức, khéo học pháp tự tướng không; các Bồ tát ấy không thủ tướng duyên ấy, sự ấy; đem phước đức tùy hỷ với các thiện căn của chư Phật mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì pháp không hai chẳng phải không hai, chẳng phải tướng chẳng phải phi tướng, chẳng phải khả đắc chẳng phải bất khả đắc, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng sanh chẳng diệt, ấy mới gọi là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trái lại nếu Bồ tát tu sáu Ba la mật không lâu, không cúng dường chư Phật nhiều, không trồng thiện căn, không gần gũi thiện tri thức, không khéo học pháp tự tướng không; Bồ tát ấy tâm thủ tướng các duyên ấy, các sự ấy, đem phước đức tùy hỷ với các thiện căn của chư Phật, mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy thời không gọi là hồi hướng.

Tu bồ đề! Nghĩa Bát nhã ba la mật cho đến nghĩa nhất thiết chủng trí như vậy, tức là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, không nên đem nói cho hàng Bồ tát tân học, vì sao? Vì Bồ tát ấy có chút ít tâm thanh tịnh tin vui cung kính, đều quên mất, chỉ nên nói cho hàng Bồ tát ở địa vị bất thối chuyển. Nếu người có được thiện tri thức thủ hộ, hoặc người đã cúng dường chư Phật nhiều, trồng các thiện căn, thời nên nói nghĩa Bát nhã cho đến nghĩa nhất thiết chủng trí cho họ, tức là nói nội không cho đến vô pháp hữu

pháp không; người ấy nghe pháp ấy, tâm không thoái chuyển, không kinh, không hãi, không sợ.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nên đem phước đức tùy hỷ, nên hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy, tức là Bồ tát dụng tâm tùy hỷ công đức, hồi hướng Vô thượng Chánh đảng Chánh giác, tâm ấy tận diệt biến lìa, các duyên ấy, các sự ấy các thiện căn ấy cũng tận diệt biến lìa.

Trong đây thế nào là tâm tùy hỷ? Thế nào là các duyên? Thế nào là các sự? Thế nào là tùy hỷ cácthiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Hai tâm không cùng có, tâm tánh ấy cũng không thể được hồi hướng, Bồ tát làm sao đem tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nếu Bồ tát ma ha tát khi hành Bát nhã ba la mật, biết như vầy: Bát nhã ba la mật không có pháp, cho đến Thí ba la mật cũng không có pháp, sắc không có pháp, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không có pháp. Bồ tát ma ha tát nên như vậy tùy hỷ công đức hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu hồi hướng được như vậy, ấy gọi là đem công đức tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Ý Di lặc cho các pháp sâu xa vi diệu, nghĩa là không hoại các pháp tướng, mà đem tâm tùy hỷ hồi hướng vô thượng đạo, việc ấy rất khó. Tâm người phàm phu cang cường không thể hành pháp ấy, thế nên Di lặc đáp: Nếu hành giả tu sáu Ba la mật lâu ngày, có công đức thâm hậu nên bất động, nghĩa là tin được, làm được, cúng dường chư Phật nhiều, trồng căn lành, nhóm vô lượng vô biên vô số công đức, bẻ gãy kiết sử, tâm được nhu nhuyến, đó là nhân duyên đời trước, đời nay gặp được thầy tốt, đồng học tốt, cũng tự học các pháp thật tướng không có phương tiện thiện xảo nên không chấp trước không ấy.

Do vô lượng nhân duyên như vậy, nên pháp tuy vô tướng, mà có thể khởi tâm tùy hỷ, hồi hướng vô thượng đạo, thí như sắt tuy cứng chắc, vào lò lửa thời mềm, tùy ý làm đồ dùng. Tâm Bồ tát cũng như vậy, tu sáu Ba la mật lâu ngày được thiện tri thức thủ hộ, tâm được nhu nhuyến, đối với các duyên các sự, các thiện căn của chư Phật quá khứ, không thủ tướng, mà khởi tâm tùy hỷ, dùng vô tướng hồi hướng Vô thượng đạo.

Vô tướng là dừng được pháp chẳng hai chẳng không hai, cho đến chẳng sanh chẳng diệt. Trái với vô tướng trên đây, là không thể hồi hướng.

Di lặc biết Tu bồ đề ưa nói không, nên nói: Nghĩa tùy hỷ của Bát nhã ba la mật như vậy, không nên đem nói ở trước hàng tân học Bồ tát, vì sao? Vì nếu người có ít thiện căn phước đức, nghe nói pháp rốt ráo không, liền chấp không, nghĩ rằng nếu các pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, thời ta làm phước để làm gì, thời bị mất tiền nghiệp. Vì vậy nên đối với Bồ tát mới phát tâm, trước hãy dạy thủ tướng tùy hỷ, dần dần được trí tuệ, mới có thể thật hành vô tướng tùy hỷ. Thí như chim con, lông cánh chưa thành, không thể ép khiến bay cao, sáu thứ lông cánh thành tựu thời mới bay xa được.

Đối với Bồ tát ở địa vị bất thối, vào pháp vị, được pháp nhẫn, có thể tin, có thể làm, mới nói cho. Nếu người tu sáu Ba la mật lâu ngày, thân cận thiện tri thức, bên trong có phước đức, bên ngoài có nhân duyên trợ lực, thời tuy chẳng phải ở địa vị bất thối, có thể tin có thể làm. Hai hạng người này, nghe nói Bát nhã thời tâm thanh tịnh; tùy hỷ tín thọ, như người đói khát lâu ngày, được đồ ăn uống ngon, như quá nóng được mát, quá lạnh được ấm; tâm rất ưa thích hoan hỷ. Hai hạng Bồ tát này cũng như vậy, được trí tuệ vô tướng ấy, nghĩ rằng: Ta nhân trí tuệ này mà độ được vô lượng chúng sanh, đâu có kinh hãi sợ sệt! Sợ sệt từ trong tâm ta sanh ra! Trong vô tướng, các pháp tướng còn không, huống gì có ta để mà quyết định thủ lấy tướng các pháp, nghe nói hết thảy pháp vô tướng, thời sanh sợ sệt?

Đến đây nói nghĩa thể tùy hỷ xong, sau sẽ dùng mỗi mỗi môn sai khác để giải thích sự ấy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát nên tư duy như vầy: Dùng tâm ấy hồi hướng vô thượng đạo, song tâm ấy niệm niệm biến dị tận diệt, không có thời gian ngưng trụ, còn các duyên các sự, tức là chư Phật và thiện căn quá khứ, các duyên và sự chư Phật ấy đã diệt lâu rồi tâm tùy hỷ nay diệt, đã diệt không khác, thế nên trong kinh nói dùng tâm ấy hồi hướng, thì tâm ấy tận diệt. Như vậy vì đều đi vào quá khứ, vì vào thật tướng các pháp, nên không có phân biệt là tâm, là duyên, là sự, là thiện căn. Nếu hồi hướng được như vậy, là chánh hồi hướng.

* Lại nữa, trong một lúc hai tâm không hòa hợp, khi có tâm tùy hỷ thì không có tâm Bồ đề, hết thảy tâm tướng rốt ráo không, không thể lấy tâm chấp thủ tướng hồi hướng, vì sao? Vì Bồ tát biết Bát nhã ba la mật không, không có

định pháp. Như Bát nhã ba la mật, hết thảy pháp cho đến vô thượng đạo cũng như vậy. Khi ấy dứt pháp ái, bỏ tâm chấp trước, đối với không, không tranh luận, ấy gọi là Bồ tát chánh hồi hướng.

KINH: Bấy giờ Thích đề hoàn nhân nói với Tu bồ đề: Bồ tát mới phát tâm nghe việv ấy, sẽ không kinh hãi sợ sệt chăng? Tu bồ đề! Thế nào là Bồ tát mới phát tâm làm các thiện căn, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Lại thế nào là đem phước đức tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề đáp: Thích đề hoàn nhân, nếu Bồ tát mới phát tâm tu Bát nhã ba la mật, không chấp thủ Ba la mật ấy, vì không sở đắc, vì vô tướng, cho đến Thí ba la mật cũng như vậy. Phần nhiều tin hiểu nội không, cho đến phần nhiều tin hiểu vô pháp hữu pháp không, phần nhiều tin hiểu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Thường thân cận tri thức, thiện tri thức ấy nói cho nghĩa sáu Ba la mật, mở bày phân biệt, dạy bảo như vậy, khiến thường không lìa Bát nhã ba la mật, cho đến khi được vào pháp vị Bồ tát, trọn không lìa Bát nhã ba la mật, cho đến không lìa Thí ba la mật, không lìa bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Cũng dạy việc của ma, nghe các việc của ma rồi, tâm không thêm không bớt, vì sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy không chấp thủ hết thảy pháp. Bồ tát ấy cũng thường không lìa chư Phật, cho đến khi được Bồ tát vị, ở trung gian ấy trồng các thiện căn, do thiện căn ấy nên sanh vào nhà Bồ tát, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa thiện căn ấy.

*Lại nữa, Bồ tát ma ha tát mới phát tâm, đối với công đức dứt đường sanh tử, dứt các hý luận, đạo, tận, bỏ gánh nặng, dứt gai nhọn xóm làng, dứt các hữu kiết sử, chánh trí được giải thoát của chư Phật trong mười vô lượng vô biên vô số thế giới, và công đức của các đệ tử Phật làm, , hoặc là các thiện căn của dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, trời bốn Thiên vương, cho đến trời Tịnh cư, tất cả công đức thiện căn ấy hòa hợp cần lượng, đem tâm tùy hỷ tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng, mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Di lặc Bồ tát nói với Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát mới phát tâm, niệm đến thiện căn của chư Phật và đệ tử, mà tùy hỷ công đức, tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng; tùy hỷ rồi, nên hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Làm sao Bồ tát không rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo?

Tu bồ đề đáp: Nếu Bồ tát ma ha tát niệm Phật và Tăng, mà nơi đó không sanh Phật tưởng, Tăng tưởng, không có thiện căn tưởng, dùng tâm ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong tâm ấy cũng chẳng sanh tâm tưởng; Bồ tát hồi hướng như vậy, tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo.

Nếu Bồ tát ma ha tát nghĩ đến thiện căn của Phật và Tăng, mà thủ tướng, thủ tướng rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ tát như vậy gọi là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Nếu Bồ tát dùng tâm ấy nghĩ đến các thiện căn của Phật và Tăng, khi tâm ấy niệm, liền biết nó tận diệt, nếu tận diệt, thời pháp ay□ không thể được hồi hướng, tâm hồi hướng được dùng cũng là tướng tận diệt, chỗ hồi hướng cũng là tướng tận diệt. Nếu hồi hướng như vậy, gọi là chánh hồi hướng, chẳng phải tà hồi hướng, Bồ tát ma ha tát nên hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy.

* Lại nữa, nếu Bồ tát ma ha tát nghĩ đến thiện căn của chư Phật và đệ tử; thiện căn của người phàm phu biết nghe pháp, hoặc thiện căn của chư Thiên, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già biết nghe pháp; hoặc thiện căn của dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, trời bốn Thiên vương, cho đến trời A ca nị sắc biết nghe pháp, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đem tất cả công đức ấy hòa hợp cân lường, tùy hỷ tối thượng, đệ nhất, vô thượng, vô đẳng đẳng; hồi hướng đến vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi ấy Bồ tát nếu biết như vầy: Các pháp ấy tận diệt, chỗ hồi hướng cũng tự tánh không. Hồi hướng được như vậy, gọi là chơn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, nếu Bồ tát biết như vầy: không có pháp có thể hồi hướng, vì sao? Vì hết thảy pháp tự tánh không. Nếu hồi hướng được như vậy, gọi là chánh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật cho đê□ hí ba la mật không rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo, vì sao? Vì Bồ tát không chấp trước hồi hướng, cũng không thấy chỗ tâm Bồ đề đem các thiện căn hồi hướng, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát vô thượng hồi hướng.

LUẬN - Hỏi: Bồ tát mới phát tâm nghe việc ấy, sẽ không kinh hãi sợ sệt chăng? Nghĩa này trước đã hỏi đáp, sao nay còn hỏi?

Đáp: Trên kia, tuy Di lặc nói với Tu bồ đề không nên đem nói cho hàng Bồ tát tân học, chỉ nói cho hàng Bồ tát bất thối và người tu lâu. Vì hai hạng người ấy, nghe rồi có thể tin làm. Đã nói nhân duyên của chánh hồi hướng mà còn nói pháp không, cho nên Đế thích nghi: Trong chúng có hạng mới phát tâm làm sao lại nói không làm cho họ sợ hãi. Tu bồ đề muốn thành tựu lời Di lặc nói, muốn khiến hàng mới phát tâm nên chánh hồi hướng, nên đáp với Đế thích: Nếu Bồ tát mới phát tâm, tuy không tin làm sáu Ba la mật, không cúng dường chư Phật, song vì có lợi căn, gặp được thiện tri thức, do có hai nhân duyên ấy, nên đủ sức chánh hồi hướng. Thế nên nói với Đế thích: Bồ tát mới phát tâm, tu Bát nhã ba la mật, không chấp thủ Bát nhã ấy, vì không sở đắc, vì rốt ráo không, nên Bát nhã ba la mật cũng chẳng được, chẳng trước, cho đến Thí ba la mật cũng như vậy.

Phần nhiều tin hiểu nội không là thường tu ưa vào tam muội quán nội không, nên tin hiểu, cho đến đối với mười tám pháp không chung, phần nhiều tin hiểu cũng như vậy.

Tướng mạo thiện tri thức, trước đã nói, trong đậy chỉ nói rõ người hay nói theo nghĩa sáu Ba la mật, người nghe nghĩa ấy rồi, thường không rời Bát nhã ba la mật, cho đến khi được vào Bồ tát pháp vị; có người tu lâu vào Bồ tát vị, có người mới phát tâm vào Bồ tát vị.

* Lại nữa, đối với Bồ tát mới phát tâm ấy, thiện tri thức nói cho nghe việc Ma, nghe việc Ma xong, không tăng không giảm, nhờ khéo tu tập tướng các pháp. Nếu Ma muốn phá, là vì muốn phá "Không", thời "không" không có phá; nếu có tăng ích, thì như huyễn như mộng, tăng ích cái gì, thế nên nói không tăng không giảm.

Do nhân duyên ấy, nên thường không lìa chư Phật, thường sanh nhà Bồ tát, đời đời không rời thiện căn, cho đến khi chứng vô thượng đạo. Bồ tát mới phát tâm ấy được có nhân duyên như vậy nên cùng Bồ tát phát tâm đã lâu không khác.

* Lại nữa, tùy hỷ hồi hướng là hàng Bồ tát mới phát tâm đối với đoạn đạo của chư Phật trong mười phương vô lượng vô số thế giới quá khứ là dứt đường sanh tử, vào Vô dư Niết bàn. Vì các hý luận dứt nên nói là dứt các hý luận; lấy tam muội không không v.v... xã tám Thánh đạo phần, nên nói là đạo tận; năm uẩn hay sanh khổ não nên nói là gánh nặng. Có hai lối xả năm uẩn: 1. Trong Hữu dư Niết bàn, xả phiền não, là nhân duyên của năm uẩn. 2. Trong Vô dư Niết bàn, xả quả năm uẩn (tức là năm uẩn). Hết thảy nhà bạch

y cư sĩ gọi là Xóm làng ; người xuất gia nương hàng bạch y cư sĩ mà sống, song nhà bạch y có thứ gai năm dục. Vì ăn nên đi vào rừng cây quả có gai nhọn, để lấy quả nên bị gai chích. Như người mang guốc gỗ đạp gai, thời gai bị đạp gãy, ấy là chư Phật lấy guốc thiền định trí tuệ đạp gãy gai năm dục, gọi là đoạn dứt năm hạ phần kiết (tham, sân, thân kiến, giới thủ, nghi - N.D). Kiết sử hữu phần dứt hết, gọi là đoạn năm thượng phần kiết, (sắc ái, vô sắc ái, trạo cữ, kiêu mạn, vô minh - N.D) Trí tuệ tương ưng với các pháp thật tướng Kim Cang tam muội, dứt hết thảy phiền não và tập khí, nên nói là chánh trí được giải thoát. Như vậy đều gọi là tán thán.

Công đức của quá khứ chư Phật và đệ tử làm là đệ tử có ba hạng là Bồ tát, Bích chi Phật, Thanh văn, dòng lớn Sát lợi cho đến trời Tịnh cư. Nơi ấy trồng thiện căn, là bốn nơi làm nhân ruộng phước, là nơi gieo phước đức, tâm tùy hỷ với phước đức hòa hợp cân lường, tối thượng, không thể sánh, hồi hướng vô thượng đạo, tâm hồi hướng ấy chẳng phải chánh chẳng phải tà, vì cớ sao? Nay Di lặc hỏi Tu bồ đề: Nếu Bồ tát mới phát tâm, niệm đến công đức chư Phật, rồi hồi hướng vô thượng đạo, làm sao không đọa vào điên đảo? Tu bồ đề đáp: Hoặc Bồ tát ấy vì Bát nhã ba la mật làm sức phương tiện nên đối với chư Phật không sanh Phật tưởng, và đối với thiện căn của các đệ tử không sanh thiện căn tưởng, vì hết thảy pháp do hòa hợp sanh, không có tự tánh, nên không có pháp nhất định, gọi là Phật, thế nên không sanh Phật tưởng v. v... tâm hồi hướng ấy, cũng không sanh tâm tưởng. Thế nên Bồ tát không đọa vào điên đảo. Trái với đây tức là đọa vào điên đảo.

* Lại nữa, Bồ tát lấy tâm ấy niệm chư Phật và các thiện căn, khi tâm ấy diệt tận liền biết diệt tận, tâm diệt tận không được hồi hướng, vì sao? Vì biến mất diệt hoại. Tâm ấy cũng vào cửa vô thường đến trong pháp tánh, trong pháp tánh không có phân biệt là tâm, là phi tâm, là Phật, là thiện căn, là vô thượng đạo. Tâm hồi hướng, tướng hồi hướng, tướng diệt tận cũng như vậy. Sơ tâm là tâm ức niệm đến công đức tùy hỷ của chư Phật quá khứ, hậu tâm là tâm hồi hướng. Nếu hồi hướng được như vậy, gọi là chánh hồi hướng.

Hỏi: Sơ tâm. hậu tâm là tướng sanh diệt, có thể vô thường, còn chỗ hồi hướng là vô thượng đạo, ở vào thời vị lai, làm sao nói diệt tận?

Đáp: Ông không nghe tôi đáp trước kia, vào cửa vô thường đến trong pháp tánh, rong đó không nói diệt tận là vô thường, chỉ nói thật tướng các pháp là diệt tận. Trước cũng đã nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ra khỏi ba đời, vượt quá ba cõi, không có tướng chấp thủ. Hồi hướng được như vậy, gọi là chánh hồi hướng.

* Lại nữa, chẳng phải chánh, chang phải tà hồi hướng, là Bồ tát đối với thiện căn của chư Phật quá khứ, cho đến vô thượng, không thể sánh, hồi hướng vô thượng đạo. Có Bồ tát biết việc ấy đều tận diệt, biết chỗ hồi hướng cũng tự tánh không, biết diệt, biết không, là chơn hồi hướng. Nếu pháp quá khứ vô thường, vô thường nên không thể hồi hướng nơi pháp tự tánh không. Nếu pháp quá khứ "Không", không, nên không thể hồi hướng trong pháp tự tánh không. Dùng trí tuệ như vậy mà hồi hướng, ấy gọi là chánh hồi hướng.

* lại nữa, nếu Bồ tát biết hết thảy pháp nhân duyên sanh, nên không có tự lực thường trú, tự pháp tướng bất động, huống gì có tạo tác. Không có tạo tác nên trong hết thảy pháp, không có pháp hồi hướng pháp, ấy gọi là chánh hồi hướng.

Bồ tát như vậy, tuy tu thiện pháp sáu Ba la mật, cũng không rơi vào điên đảo vì không chấp trước hết thảy pháp.

KINH: Lại nữa, nếu Bồ tát ma ha tát biết phước đức được khởi tạo xa lìa năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, cũng biết Bát nhã ba la mật là tướng xa lìa, cho đến Thí ba la mạt là tướng xa lìa; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là tướng xa lìa; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là tướng xa lìa, Bồ tát ma ha tát tâm tùy hỷ khởi lên phước đức như vậy, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Nếu Bố tát đối với phước nghiệp đã tu tạo, như thật biết rõ nó lìa uẩn xứ giới; cũng lìa Bát nhã ba la mật đa, cho đến Bố thí ba la mật đa, cũng lìa nội không cho đến vô tánh hữu tánh, cũng lìa bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp không chung. Bồ tát ma ha tát ấy, đối với phước nghiệp đã tu tạo, như thật biết rõ rồi, thâm tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề - N.D)

* Lại nữa, Bồ tát ma ha tát ấy tùy hỷ phước đức, biết tùy hỷ phước đức tự tánh xa lìa, cũng biết chư Phật xa lìa Phật tánh, các thiện căn cũng xa lìa tánh thiện căn, Bồ đề tâm cũng xa lìa tánh Bồ đề tâm, hồi hướng cũng xa lìa tánh hồi hướng, Bồ tát cũng xa lìa tánh Bồ tát, Bát nhã ba la mật cũng xa lìa tánh Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, cũng xa lìa tánh Thí ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung cũng xa lìa tánh mười tám pháp không chung. Bồ tát ma ha tát nên như vậy tập hành Bát nhã ba la mật lìa tướng, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát từ trong Bát nhã ba la mật sanh tùy hỷ phuóc đức.

* Lại nữa, Bồ tát ma ha tát, đối với thiện căn của chư Phật qúa khứ đã diệt độ, nếu muốn hồi hướng, nên hồi hướng như vầy, nghĩ rằng: Như tướng chư Phật diệt độ, tướng các thiện căn cũng như vậy, tướng pháp diệt độ cũng như vậy, ta dụng tâm hồi hướng, tướng tâm ấy cũng như vậy, nên biết đó là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không đọa vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật mà chấp thủ tướng thiện căn của chư Phật, mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ấy thời không gọi là hồi hướng, vì sao? Vì chư Phật và thiện căn quá khứ, chẳng phải duyên tướng, chẳng phải duyên vô tướng. Nếu Bồ tát ma ha tát cũng thủ tướng như vậy, ấy thời gọi là thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bồ tát ma ha tát như vậy, bị đọa vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Nếu Bồ tát ma ha tát đối với chư Phật và thiện căn, và các tâm, không thủ tướng, ấy gọi là lấy các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bồ tát ma ha tát ấy, không đọa vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Bấy giờ Di lặc Bồ tát hỏi Tu bồ đề: Làm sao Bồ tát ma ha tát đối với các thiện căn không thủ tướng, có thể hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Tu bồ đề đáp; Vì sự ấy, nên biết Bồ tát ma ha tát trong khi học Bát nhã ba la mật nên có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nếu phước đức ấy lìa Bát nhã ba la mật thời không được hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật thời chư Phật không thể có được, các thiện căn không thể có được, tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không thể có được. Trong đây, khi Bồ tát ma ha tát tập hành Bát nhã ba la mật, nên suy nghĩ như vầy: Thân chư Phật và đệ tử quá khứ đã diệt, các thiện căn cũng diệt, ta nay thủ tướng phân biệt chư Phật, các thiện căn và các tâm, thủ tướng như vậy mà hồi hương Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chư Phật không hứa cho, vì sao? Vì thủ tướng là có sở đắc,nghĩa là đối với chư Phật quá khứ có thủ tướng phân biệt, thế nên Bồ tát ma ha tát, muốn lấy các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không nên có sở đắc, không nên thủ tướng.. Như vậy hồi hướng, nếu có đắc, và thủ tướng hồi hướng, thời chư Phật không cho đó là có lợi ích lớn, vì sao? Vì hồi hướng ấy tạp độc; thí như đồ ăn ngon có tạp độc, tuy có sắc đẹp, hương thơm, được người tham ưa mà tạp độc, kẻ ngu si vào vui mừng, tham sắc đẹp

--o0o –

Cuốn 62

GIẢI THÍCH: PHẨM CHIẾU MINH THỨ 40.

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Đại Sư thứ 38)

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn: Ấy là Bát nhã ba la mật!

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật có thể chiếu rõ hết thảy pháp, vì rốt ráo thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn, nên lễ Bát nã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật, không dính mắc ba cõi.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật trừ các tối tăm, vì hết thảy phiền não vọng kiến đã trừ.

Bạch đức Thế tôn, Bát nhã ba la mật, là tối thượng trong hết thảy pháp trợ đạo.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật an ổn, vì dứt được hết thảy khổ não sợ hãi.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật, hay cho ánh sáng, vì có năm mắt trang nghiêm.

Bạch đức Thế Tôn. Bát nhã ba la mật, hay chỉ đạo các chúng sanh tà kiến xa lìa nhị biên.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật, là trí nhất thiết chủng, vì hết thảy phiền não và tập khí dứt.

Bạch đức Thế tôn, Bát nhã ba la mật là mẹ các Bồ tát ma ha tát, vì hay sanh ra các Phật pháp.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật chẳng sanh chẳng diệt, vì tướng nó không.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật lìa xa sanh tử, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật làm thủ hộ kẻ không được cứu hộ, vì bố thí tất cả trân bảo.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật, đầy đủ lực, vì không có gì có thể phá hoại.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật hay chuyển xoay bánh xe pháp ba lần chuyển mười hai hành tướng, vì hết thảy các pháp không chuyển không trở lại.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật, hay chỉ bày các pháp tánh, vì vô pháp hữu pháp không.

Bạch đức thế tôn, nên làm sao cúng dường Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Nên cúng dường Bát nhã ba la mật như cúng dường Thế Tôn, nên lễ Bát nhã ba la mật như lễ Thế Tôn, vì sao? Vì Thế Tôn không khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật không khác Thế Tôn; Thế Tôn tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là Thế Tôn. Trong Bát nhã ba la mật ấy xuất sanh chư Phật, Bồ tát, Bích chi Phật, A la hán, A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hoàn. Từ trong Bát nhã ba la mật xuất sanh mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần. Từ trong Bát nhã ba la mật ấy sanh ra Phật mười lực, mười tám pháp không chung, đại từ, đại bi, nhất trí thiết chủng.

Bấy giờ, Thích đề hoàn nhân tâm suy nghĩ rằng: Vì nhân duyên gì Xá lợi phâ□ ỏi việc ấy? Suy nghĩ xong, nói với Xá lợi phất: Vì nhân duyên gì nên hỏi việc ấy?

Xá lợi phát nói với Thích đề hoàn nhân: Kiều thi ca, Bồ tát ma ha tát được Bát nhã ba la mật thủ hộ, có sức phương tiện thiện xảo, nên đối với thiện căn tạo tác được ở khoảng trung gian từ khi mới phát tâm cho đến khi trụ pháp vị của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả hòa hợp lại mà tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì nhân duyên ấy, nên tôi hỏi việc ấy.

Này Kiều thi ca , Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát hơn Thí ba la mật, Giới, Nhận, Tấn, Thiền ba la mật, ví như người mù bẩm sanh, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc trăm ngàn người mà không có ai dẫn trước thời không thể theo đường đi vào thành. Kiều thi ca, năm Ba la mật cũng như vậy, lìa Bát nhã ba la mật thời như người mù bẩm sanh không kẻ dắt thì không thể đi đường, không thể được trí nhất thiết chủng.

Này Kiều thi ca, nếu năm Ba la mật được Bát nhã ba la mật dẫn đạo, thời bấy giờ năm Ba la mật gọi là có mắt, có Bát nhã ba la mật dẫn đạo, được gọi là Ba la mật.

Thích đề hoàn nhân nói với Xá lợi phất: Như lời Ngài nói, có Bát nhã ba la mật dẫn đạo năm Ba la mật nên được gọi là Ba la mật. Xá lợi phát, nếu không có Thí ba la mật, thời năm ba la mật cũng không được gọi là Ba la mật, nếu không có Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, thời năm ba la mật cũng không được gọi là Ba la mật. nếu như vậy, cớ sao chỉ tán thán Bát nhã ba la mật?

Xá lợi phất đáp: Như vậy, như vậy! Kiều thi ca, không có Thí ba la mật thời năm Ba la mật không được gọi là Ba la mật; không có giới Ba la mật, Nhẫn, Tấn, Thiền ba la mật thời năm Ba la mật không được gọi là Ba la mật. Nhưng Bồ tát ma ha tát trú trong Bát nhã ba la mật thời có thể đầy đủ Thí ba la mật, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền ba la mật. Vì vậy nên, Kiều thi ca! Bát nhã ba la mật là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô đẳng, vô đẳng đẳng đối với năm ba la mật.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, làm sao sanh Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Xá lợi phất; Vì sắc chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh; vì Thí ba la mật chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh, cho đến vì Thiền ba la mật chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh; vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực cho đến nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh. Như vậy vì các pháp chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh.

Xá lợi phất thưa: Bạch Thế Tôn! Tại sao vì sắc chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh? Cho đến vì các pháp chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh?

Phật dạy: Vì sắc không khởi không sanh, không được không mất, cho đến vì hết thảy pháp không khởi không sanh, không được không mất nên Bát nhã ba la mật phát sanh.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Sanh Bát nhã ba la mật như vậy, hợp với những pháp gì?

Phật dạy: Không hợp với gì cả, vì vậy nên được gọi là Bát nhã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn, không hợp những pháp gì?

Phật dạy: Không hợp với pháp bất thiện, không hợp với pháp thiện, không hợp với pháp thế gian, không hợp với pháp xuất thế gian, không hợp với pháp hữu lậu, không hợp với pháp vô lậu, không hợp với pháp có tội, không hợp với pháp không tội, không hợp với pháp hữu vi, không hợp với pháp vô vi, vì cớ sao? Vì Bát nhã ba la mật không vì được các pháp nên sanh, vì thế nên đối với các pháp không hợp.

Bấy giờ, Thích đề hoàn nhân bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy, cũng không hợp Tát bà nhã.

Phật dạy: Như vậy, Kiều thi ca! Bát nhã ba la mật cũng không hợp Tát bà nhã, cũng không được.

Thích đề hoàn nhân thưa: Bạch đức Thế Tôn, tại sao Bát nhã ba la mật cũng không hợp Tát bà nhã, cũng không được?

Phật dạy: Bát nhã ba la mật không như danh tự, không như tướng, không như pháp khởi tác hợp.

Thích đề hoàn nhân thưa: Nay hợp thế nào?

Phật dạy: Nếu Bồ tát ma ha tát như không thủ, không thọ, không trú, không trước, không dứt, hợp như vậy, cũng không chỗ hợp. Như vậy, Kiều thi ca! Bát nhã ba la mật tùy hợp với hết thảy pháp, cũng không chỗ hợp.

Bấy giờ, Thích đề hoàn nhân bạch Phật: Chưa từng có vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy vì hết thảy pháp chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất nên phát sanh.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, nghĩ rằng: "Bát nhã ba la mật hoă□hợp với hết thảy pháp, hoặc không hợp" thì Bồ tát ấy đã bỏ Bát nhã ba la mật, xa lìa Bát nhã ba la mật.

Phật bảo Tu bồ đề: Lại có nhân duyên Bồ tát ma ha tát bỏ Bát nhã ba la mật, xa lìa Bát nhã ba la mật, nếu Bồ tát ma ha tát nghĩ rằng:"Bát nhã ba la mật ấy không có gì của chính nó, không hư, không kiên cố". Thời Bồ tát ma ha tát ấy bỏ Bát nhã ba la mật, xa lìa Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề, vì nhân duyên ấy, nên lìa bỏ Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tin Bát nhã ba la mật là không tin pháp gì?

Phật bảo Tu bồ đề! Tin Bát nhã ba la mật thời không tin sắc, không tin thọ, tưởng, hành, thức; không tin mắt cho đến ý; không tin sắc cho đến pháp; không tin nhãn giới cho đến ý thức giới; không tin Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật; không tin nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; không tin bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, không tin Phật mười lực, cho đến mười tám pháp không chung; không tin Tu đà hòan quả, Tư đà hàm quả, A na hàm quả, A la hán quả, Bích chi Phật đạo; không tin Bồ tát đạo, không tin Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cho đến trí nhất thiết chủng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, tại sao khi tin Bát nhã ba la mật, thời không tin sắc cho đến trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu bồ đề! Vì sắc không thể có được nên tin Bát nhã ba la mật, thời không tin sắc; cho đến vì trí nhất thiết chủng không thể có được nên tin Bát nhã ba la mật, không tin trí nhất thiết chủng. Vì thế cho nên Tu bồ đề khi tin Bát nhã ba la mật, thời không tin sắc cho đến không tin trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Ở trrên Phật cùng với Di lặc, Tu bồ đề, Thích đề hoàn nhân, chung nói ý nghĩ tùy hỷ. Xá lợi phất tuy im lặng, lắng nghe nghĩa Bát nhã ba la mật tùy hỷ ấy thâm thâm, vô lượng, vô biên, lợi ích lớn cho chúng sanh; tuy hết lậu hoặc được tịch diệt, mà phát tâm hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay, bạch Phật rằng: "Làm được sự tùy hỷ, dứt các hý luận, lợi ích vô lượng

chúng sanh, khiến vào Phật đạo, ấy là Bát nhã ba la mật". Phật ấn khả lời ấy, nên nói "Phải"! Trong Bát nhã ba la mật nói thật tướng các pháp, trong thật tướng các pháp không có cấu trược hý luận, nên gọi là rốt ráo thanh tịnh, rốt ráo thanh tịnh nên có thể chiếu khắp hết thảy năm pháp tạng là quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất khả thuyết.

Thế nên Xá lợi phất thưa: Bạch Thế Tôn, Bát nhã ba la mật có thể chiếu khắp hết thảy pháp, vì rốt ráo thanh tịnh. Bat□ ã ba la mật hay thủ hộ Bồ tát, cứu các khổ não, làm mãn sở nguyện. Như vua trời Phạm Thiên thủ hộ ba ngàn đại thiên thế giới, cho nên chúng sanh đều kính lễ.

Bùn ba độc trong ba cõi không làm ô nhiễm, nên nói là không dính mắc ba cõi.

Phá hết thảy 108 phiền não ái nhiễm v.v... 62 kiến chấp là ngã kiến v.v... nên nói là phá vô minh tối tăm.

Trong các pháp, trí tuệ hơn cả; trong trí tuệ, Bát nhã ba la mật hơn cả, lấy trí tuệ làm gốc, phân biệt 37 phẩm như bốn niệm xứ v.v... nên nói trí tuệ là tối thượng trong tất cả pháp trợ đạo.

Dứt được các khổ não sợ hãi sanh, già, bệnh, chết, nên nói là an ổn.

Trong Bát nhã ba la mật ấy thu nhiếp năm mắt, nên nói là hay cho ánh sáng.

Xa lìa nhị biên, hữu biên, vô biên v.v... nên nói hay chỉ bày chánh đạo.

Bồ tát trụ ở Kim Cang tam muội dứt hết thảy tập khí phiền não vi tế, khiến không còn sót lại, được vô ngại giải thoát, nên nói là trí nhất thiết chủng.

* Lại nữa, biết tướng chung, tướng riêng của hết thảy pháp, biết nhân duyên của trí nhất thiết chủng, nên nói là trí nhất thiết chủng.

Hay sanh mười phương ba đời vô lượng Phật pháp, nên nói là mẹ các Bồ tát.

Trong tất cả pháp vì mỗi mỗi tự tướng không, nên nói là bất sanh bất diệt.

Đoạn và thường là gốc các kiến chấp, các kiến chấp là gốc các kiết sử, các kiết sử là gốc khổ trong hết thảy sanh tử; thế nên nói là xa lìa sanh tử.

Hay làm cho chúng sanh tin các thiện pháp bảo của Tam bảo, được các thiện pháp bảo nên được cái vui thế gian, xuất thế gian. Vì hay làm cho chúng sanh được hai thứ vui nên nói là người cứu hộ cho người không ai cứu hộ.

Tướng Bát nhã ba la mật ấy cho đến mười phương chư Phật, không thể phá hoại, vì cớ sao? Vì rốt ráo không thể có được, huống gì người khác làm sao phá hoại. Cho nên nói là đầy đủ Ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật ấy, vì không có tự tánh, nên nói các pháp không chuyển vận trong sanh tử, không trở lại vào Niết bàn. Chẳng sanh nên chẳng chuyển vận, chẳng diệt nên chẳng trở lại. Cho nên nói hay chuyển vận pháp luân ba lần chuyển mười hai hành tướng. Nghĩa pháp luân ba lần chuyển mười hai hành tướng như trên đã nói.

Tất cả pháp có hai phần là hoặc có hoặc không có.Trong Bát nhã ba la mật ấy, có cũng không nên thủ, không có cũng không nên thủ, lìa có và không có ấy tức là thực tánh các pháp, cho nên nói là hay chỉ bày các pháp tánh.

Do vô lượng nhân duyên như vậy, tán thán Bát nhã sau sẽ nói rộng.

Tướng Bát nhã ba la mật ấy là vô tướng, có người tâm chưa thuần thục, cố tìm định tướng của Bát nhã, không thể được, bèn sanh tâm kiêu mạn. Thế nên Xá lợi phất hỏi: Nên làm sao cúng dường? Phật dạy: Nên cúng dường Bát nhã như cúng dường Phật. Vì người ta từ xa xưa lại đây đắ□ âu vào tướng chúng sanh, đối với pháp tôn quý, tình mỏng nên nói như cúng dường Phật.

Người trí xem Phật với Bát nhã không khác nhau, vì sao? Vì Bát nhã được tu tập liền biến thành nhất thiết trí. Trong đây Phật tự nói nhân duyên. Trong Bát nhã ba la mật ấy xuất sanh hiền thánh, xuất sanh mười thiện đạo v.v... và pháp thế gian xuất thế gian cho đến trí nhất thiết chủng.

Bấy giờ Đế thích khởi niệm ấy là ý rằng: Vì Xá lợi phất là người lậu tận lìa dục, mà như tuồng người chấp trước pháp tán thán Bát nhã. Nay Xá lợi phất tự nói nhân duyên: Bồ tát vì được Bát nhã thủ hộ, dùng sức phương tiện, hay tùy hỷ phước đức hồi hướng mà không phá hoại tướng Bát nhã ba la mật. Việc ấy quá hy hữu, nên tôn kính Bát nhã ba la mật và hỏi Phật làm sao cúng dường?

* Lại nữa, Kiều thi ca! Bát nhã ba la mật tự có thế lực nên hơn năm Ba la mật kia.

Hỏi: năm Ba la mật kia nên dùng năm người mù ví dụ là đủ, cớ sao nói đến trăm ngàn người?

Đáp: Trong đây cốt nói thế lực Bát nhã, không luận nhiều ít.

* Lại nữa, nếu nói dẫn đạo năm người thì không đủ quý, nên nói dẫn đạo trăm ngàn người.

* Lại nữa, Ba la mật như trong hiền kiếp tam muội có 84.000 ba la mật; nói rộng thì vô lượng.

Hỏi: Thí Ba la mật cũng có mắt, vì sao? Vì tin có tội phước phá vô minh tà kiến, cho nên bố thí, cớ sao ví dụ người không có mắt?

Đáp: Ở trong bố thí, trí tuệ là khách từ ngoài đến, không phải chú thể chính, ví như bốn đại thuòng hòa hợp, không được rời nhau, các ba la mật hòa hợp với nhau cũng như vậy.

Không thể theo đường đi đến thành, con đường là con đường mười địa Bồ tát, thành là trí nhất chủng và các Phật pháp.

* Lại nữa, con đường là tám Thánh đạo phần, thành là Niết bàn. Như người mù tuy có đủ sức lực tay chân, mà không thể tùy ý đi đến, được người có mắt sáng dẫn dắt mới tùy ý đi đến, thành tựu mọi việc. Năm ba la mật tuy mỗi mỗi có thể làm nên việc, nếu không được Bát nhã chỉ đạo, thời còn không được hai thừa, huống gì đạo vô thượng. Năm Ba la mật được Bát nhã ba la mật dẫn đạo, nên được gọi là Ba la mật, cho đến thành Phật đạo.

Đế thích hỏi: Ông tự nói các ba la mật hòa hợp, giúp đỡ cho nhau như bốn đại không được rời nhau, như vậy thì Bát nhã ba la mật cũng phải chờ năm pháp kia, cớ sao đây chỉ nói nhờ Bát nhã nên năm pháp kia được gọi là ba la mật?

Đáp: tuy sáu pháp hòa hợp giúp đỡ cho nhau, mà lực Bát nhã ba la mật lớn, nên năm pháp kia nhân đó được gọi là ba la mật; ví như hợp các thứ thuốc đã tán thành bột, tuy các thứ thuốc đều có lực dụng, nhưng thế của đá lớn

hơn nên gọi là thạch tán. lạinhư đại quân đánh giặc, tuy mỗi người đều có sức, mà sức chủ tướng lớn hơn; nên chủ được gọi là tướng.

Xá lợi phất đã hỏi việc cúng dường Bát nhã, nay hỏi hành giả làm sao phát sanh Bát nhã ba la mật?

Phật đáp: Nếu hành giả quán thấy tướng các pháp sắc v.v... chẳng sanh, ấy thời phát sanh Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phất lại hỏi: Làm sao quán thấy sắc chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh?

Đáp: Sắc do nhân duyên hòa hợp sanh khởi, hành giả biết sắc hư vọng không để khởi lên, vì không khởi nên không sanh, không sanh nên không được, không được nên không mất.

Bấy giờ, Xá lợi phất ý hỏi: Bát nhã không có chỗ làm duyên phát sanh, hành giả cũng không có sanh, như vậy Bát nhã hợp với pháp gì? Cuối cùng về trụ chỗ nào? Được quả báo gì?

Đáp: Tướng Bát nhã ba la mật vô sanh, cho nên không có hợp. Nếu Bát nhã ba la mật có pháp hợp, hoặc thiện, hoặc bất thiện v.v... thời không gọi là Bát nhã ba la mật. Không hợp vào đâu, nên vào trong Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Nếu như vậy, Đế thích đã biết tát cả pháp không hợp, cớ sao chỉ hỏi về Tát bà nhã không hợp?

Đáp: Đế thích quí trọng, đắm sâu Bát nhã ấy, còn đối với Tát bà nhã thì chưa dứt ái, nên nói cho đến Tát bà nhã cũng không hợp ư?

Phật đáp: Bát nhã ba la mật với Tát bà nhã cũng không hợp, vì tất cả pháp rốt ráo không sanh. Trong đây Phật phá tà kiến chấp đoạn diệt, nên nói hợp; Bát nhã ba la mật không như người phàm phu chấp tướng chấp danh, hợp với pháp hữu vi tác khởi như tâm hợp tâm Phật.

Hỏi: Thế nào như hợp Phật tâm?

Đáp: Biết tất cả tướng hư dối, nên không chấp tướng; biết trong tát cả pháp có tội lỗi vô thường nên không thọ; tâm chấp tôi ta trói buộc thế gian đều là tướng động, nên không trụ; hay sanh các thứ khổ não, sau biến đổi, nên

không đắm trước; tất cả thế gian điên đảo, quả báo điên đảo không thật, như nhuyễn, như mộng, không diệt đi đâu, nên không đoạn. Thế nên Phật không chấp trước pháp, không sanh tâm cống cao, vào trong tướng lành rốt ráo không, thâm nhập tâm đại bi, để cứu chúng sanh, Bồ tát nên hợp như tâm Phật.

Đế thích hoan hỷ tán thán rằng: Hy hữu! Bát nhã ba la mật ấy không phá hoại các pháp, chẳng sanh, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất, mà có thể thành tựu Bồ tát, khiến được đi đến thành Phật.

Tu bồ đề thưa: Nếu bồ tát dùng tâm có sở đắc như vậy mà phân biệt nhất thiết trí v.v... tất cả pháp hoặc hợp hoặc không hợp, thời Bồ tát ấy Bát nhã ba la mật.

Phật ấn khả lời nói ấy! Như vậy lại có nhân duyên, Bồ tát nếu thủ lấy lời ông nói, tất cả pháp không có hợp, chẳng hợp, thủ lấy tướng không ấy, nói rằng Bát nhã không, không có gì của chính nó, không kiên cố, ấy thời cũng mất Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề biết tướng Bát nhã ba la mật là không thể có được, cho nên hỏi nếu tin Bát nhã ba la mật, là tin pháp gì? Bát nhã ba la mật không cũng không thể có được, thời tâm quyết định tin nơi pháp gì?

Phật dạy: Tất cả pháp sắc v.v... không thể tin, vì sao? Vì tất cả pháp sắc v.v... tự tánh không thể có được, cho nên không thể tin.

KINH: Tu bồ đề thưa Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật gọi là đại Ba la mật!

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật đối với sắc không tác ý lớn, không tác ý nhỏ, đối với thọ, tưởng, hành, thức không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức giới cho đến ý thức giới không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với Thí ba la mật cho đến Thiền ba la mật không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với nội không cho đến vo pháp hữu pháp không, không tác ý lớn, không ác ý nhỏ; đối với bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với các Phật pháp không tác ý lớn không tác ý nhỏ; đối với Phật không tác ý lớn không tác ý nhỏ.

Bát nhã ba la mật ấy, đối với sắc không tác ý hợp, không tác ý tán; đối với thọ, tưởng, hành, thức không tác ý hợp, không tác ý tán; cho đến đối với chư Phật không tác ý hợp, không tác ý tán. Đối với sắc không tác ý vô lượng, không tác ý chẳng phải vô lượng. Đối với sắc không tác ý rộng, không tác ý hẹp, không tác ý sắc có lực, không tác ý sắc không có lực, cho đến đối với chư Phật không tác ý có lực, không tác ý không có lực.

Bạch đức Thế Tôn! do nhân duyên ấy, nên Bát nhã ba la mật được gọi là đại Ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tân học, nếu không xa lìa Bát nhã ba la mật, không xa lìa Thiền ba la mật, không xa lìa Tấn ba la mật, không xa lìa Nhẫn ba la mật, không xa lìa Giới ba la mật, không xa lìa Thí ba la mật, nhưng suy ngĩ như vầy: Bát nhã ba la mật ấy không tác ý sắc lớn, không tác ý sắc nhỏ; cho đến đối với chư Phật không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với sắc không tác ý hợp, không tác ý tán, không tác ý sắc vô lượng, không tác ý chẳng phải sắc vô lượng, không tác ý sắc có lực, không tác ý sắc không có lực, cho đến đối với chư Phật không tác ý có lực, không tác ý không có lực. Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát ấy nếu nghĩ như vậy là không thật hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì đó chẳng phải tướng Ba la mật, nghĩa là tác ý sắc lớn nhỏ, cho đến đối với chư Phật tác ý lớn nhỏ, sắc có lực, không có lực, cho đến chư Phật có lực không có lực.

Bạch đức Thế Tôn! Vì Bồ tát ma ha tát ấy dùng trí có sở đắc nên có lỗi lớn, tức là khi thật hành Bát nhã ba la mật, mà tác ý sắc lớn, tác ý sắc nhỏ cho đến đối với chư Phật tác ý có lực, tác ý không có lực, vì sao? Vì có tướng sở đắc, thời không có Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì cớ sao? Vì chúng sanh chẳng sanh, nên Bát nhã ba la mật cũng chẳng sanh; cho đến vì Phật chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật chẳng sanh.

Vì chúng sanh tánh không có, nên Bát nhã ba la mật tánh không có, vì sắc tánh không có, nên Bát nhã ba la mật tánh không có; cho đến Phật tánh không có, nên Bát nhã ba la mật không có.

Vì chúng sanh chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp; vì sắc chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật; cho đến vì Phật chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp.

Vì chúng sanh không nên Bát nhã ba la mật không; vì sắc không nên Bát nhã ba la mật không; cho đến vì Phật không nên Bát nhã ba la mật không.

Vì chúng sanh lìa tướng nên Bát nhã ba la mật xa lìa, vì sắc lìa tướng nên Bát nhã ba la mật lìa tướng; cho đến vì Phật lìa tướng nên Bát nhã ba la mật lìa tướng.

Vì chúng sanh không có nên Bát nhã ba la mật không có; vì sắc không có nên Bát nhã ba la mật không có; cho đến vì Phật không có nên Bát nhã ba la mật không có.

Vì chúng sanh không thể nghĩ bàn nên Bát nhã ba la mật không thể nghĩ bàn; vì sắc không thể nghĩ bàn nên Bát nhã ba la mật không thể nghĩ bàn; cho đến vì Phật không thể nghĩ bàn nên Bát nhã ba la mật không thể nghĩ bàn.

Vì chúng sanh không diệt nên Bát nhã ba la mật không diệt; vì sắc không diệt nên Bát nhã ba la mật không diệt; cho đến vì Phật không diệt, nên Bát nhã ba la mật không diệt.

Vì chúng sanh không thể biết nên Bát nhã ba la mật không thể biết; vì sắc không thể biết nên Bát nhã ba la mật không thể biết; cho đến vì Phật không thể biết nên Bát nhã ba la mật không thể biết.

Vì chúng sanh lực không thành tựu nên Bát nhã ba la mật lực không thành tựu; vì sắc lực không thành tựu, nên Bát nhã ba la mật lực không thành tựu; cho đến vì Phật lực không thành tựu nên Bát nhã ba la mật lực không thành tựu.

Bạch đức Thế Tôn, do nhân duyên ấy nên Bát nhã ba la mật của các Bồ tát được gọi là đại Ba la mật.

LUẬN: Tu bồ đề nghe lời Phật dạy, cỡi mở tâm nghi, tán thán Bát nhã ba la mật rằng: "Bát nhã ấy gọi là đại Ba la mật".

Phật trở lại hỏi Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Cớ sao gọi là đại Ba la mật?

Tu bồ đề đáp: Vì đối với các pháp sắc v.v... không tác ý lớn, không tác ý nhỏ. Tâm phàm phu đối với các pháp tùy ý tác lớn nhỏ, như người gặp khi cấp bách thời tâm họ rút nhỏ lại, khi an ổn giàu vui thì tâm họ mở rộng lớn.

Lại như trong tám pháp bội xả, vì hoặc theo tâm mà ngoại sắc biến thành hoặc lớn nhỏ.

Lại như người phàm phu, đối với sắc mất, thấy chẳng phải sắc cũng bảo là sắc, như nghiệp, lượng, số, pháp một, khác v.v... hợp làm sắc, ấy gọi là đối với sắc tác ý lớn. Có

người mắt thấy sắc, chỗ thấy được gọi là sắc, chỗ không thấy được, không gọi là sắc.

Có người nói: Sắc thô, hư dối chẳng phải thật sắc, chỉ các vi trần thường có mới gọi là sắc thật, vi trần khi hòa hợp lại giả danh là sắc, ấy gọi là đối với sắc tác ý nhỏ.

Có các nhân duyên như vậy, phàm phu đối với sắc hoặc tác ý lớn, hoặc tác ý nhỏ, theo ức tưởng phân biệt, cho nên phá hoại pháp tánh. Còn Bát nhã ba la mật thì tùy theo sắc tánh mà quán đúng thật, không tác ý lớn, nhỏ, chẳng hợp, chẳng tán, trong Bát nhã ba la mật không nói sắc vi trần hòa hợp lại liền có sắc danh, mà chỉ có giả danh, không có sắc có định tướng, thế nên không hợp không tán.

Sắc vô biên nên vô lượng; không chỗ nào không có sắc, không lúc nào không có sắc, cho nên không có lượng.

Sắc là pháp có tạo tác, trong Bát nhã ba la mật không cho vì vi trần hợp lại nên có sắc thô, không vì sắc thô tán ra nên trở vi trần. Thế nên nói không hợp không tán.

Pháp sinh khởi thì có phân biệt trù lượng nhiều ít, không được nói là chẳng hợp chẳng tán vô lượng, như đối với người phàm vì "không" nên nói vô lượng, vì thật nên nói có lượng. Bát nhã ba la mật xa lìa "không" "thật", nên nói chẳng phải lượng chẳng phải vô lượng.

Người phàm phu theo tâm ức niệm mà được hiểu, cho nên đối với sắc tác ý rộng tác ý hẹp, còn Bát nhã ba la mật quán tướng thật pháp không theo tâm nên chẳng phải rộng chẳng phải hẹp.

Người phàm phu không biết do nhân duyên hòa hợp sanh các pháp, cho nên nói sắc có lực, như hợp các sợi làm dây, người không biết bảo dây có lực. Lại như tường đổ giết người, nói tường có lực. Nếu mỗi mỗi phân tán thời

không có lực. Bát nhã ba la mật biết tướng hòa hợp nên không nói một pháp có lực, không nói không có lực, vì thế nên gọi là đại Ba la mật.

Lại có nhân duyên lơn□ ếu Bồ tát không xa lìa sáu Ba la mật, thời đối với các pháp sắc v.v... không tác ý lớn, không tác ý nhỏ, chỉ hành Bát nhã ba la mật, thời tâm tán loạn không điều hòa nhu thuận, thường sanh nghi hối tà kiến, mất tướng Bát nhã ba la mật. Nếu Bát nhã cùng với năm Ba la mật hòa hợp thực hành thời điều hòa nhu thuận không sai lầm, thành tựu được mọi việc, thí như tám Thánh đạo phần, chánh kiến là đạo, nhưng nếu không có bảy việc kia trợ giúp thời không thành sự, cũng không gọi là chánh kiến. Vì thế nên Phật nói tất cả các thiện pháp, đều do nhân duyên hòa hợp cọng sanh, không có một pháp nào độc một mình tự sanh ra. Thế nên khi hòa hợp thì mỗi mỗi đều có lực, chỉ lực có lớn nhỏ, ấy gọi thật hành Bát nhã ba la mật, phân biệt các pháp sắc v.v... hoặc lớn hoặc nhỏ, người ấy liền rơi vào chỗ dùng có sở đắc, rơi vào hữu biên; nếu với các pháp sắc v.v... không phân biệt hoặc lớn hoặc nhỏ, lìa năm Ba la mật thì đắm vào tướng "không" chẳng lớn chẳng nhỏ v.v... ấy! Trước phân biệt các pháp lớn nhỏ, có sở đắc, là sai; nay đắm vào tướng "không" chẳng lớn chẳng nhỏ, cũng là sai, vì cớ sao? Vì trong đây Tu bồ đề nói nhân duyên: Có tướng sở đắc là cho đến nói không có Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tướng tịch diệt, tướng không sở đắc, tướng rốt ráo thanh tịnh. Tướng có sở đắc là sanh các hý luận cạnh tranh.

Tất cả pháp không sanh không diệt, không có tướng sở đắc, như ngã, chúng sanh, tìm khắp mười phương cũng không thể có được, chỉ có giả danh, thật chẳng sanh. Vì chúng sanh chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật cũng như tướng chúng sanh, phá tâm điên đảo chấp tôi ta, nên chẳng sanh chẳng diệt. Như các pháp sắc v.v... tìm tướng sanh không thể có được, nên chẳng sanh.

hai pháp thu nhiếp hết thảy pháp là chúng sanh và pháp. hai pháp ấy do nhân duyên hòa hợp sanh nên chỉ có giả danh, không có định tánh. Nếu pháp không có định tánh, pháp ấy tức là vô sanh. Vì hai pháp ấy vô sanh, cho nên biết các pháp sắc v.v... cũng vô sanh.

Chúng sanh pháp không có tự tánh, không có gì của chính nó, "không" lìa tướng, không thể nghĩ bàn, không diệt, không thể biết, cũng như vậy.

Vì lực chúng sanh không thành tựu nên lực Bát nhã ba la mật không thành tựu là, trước nói tất cả pháp tự nhân duyên hòahợp sanh, mỗi mỗi không có

tự lực. Bát nhã ba la mật biết các pháp mỗi mỗi không có tự lực, nên không có tự tánh; không có tự tánh nên không.

Bát nhã ba la mật từ các pháp sanh, nên không có tự lực, vì không có tự lực, nên cũng đồng các pháp rốt ráo không. Thế nên nói chúng sanh và pháp, lực không thành tựu nên Bát nhã ba la mật lực cũng không thành tựu.

Hòi: Trước nói đối với các pháp sắc v.v... không tác ý có lực, không tác ý vô lực, cớ sao nay lại nói chúng sanh và các pháp sắc v.v... lực không thành tựu nên Bát nhã ba la mật lực cũng không thành tựu?

Đáp: Ở trên nói Bát nhã quán các pháp không tác ý có lực, không tác ý vô lực, người nghe cho rằng Bát nhã ba la mật hay khởi lên sự quán sát ấy, tức là có lực, cho nên trong đây nói lực chúng sanh và sắc v.v... không thành tựu nên lực Bát nhã ba la mật cũng không thành tựu.

Có các nhân duyên như vậy, nên gọi là đại Ba la mật.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM TÍN HỦY THỨ 41.

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phần 2, Phẩm Địa ngục thứ 39).

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, có Bồ tát ma ha tát tin hiểu Bát nhã ba la mật, vị ấy ở chỗ nào mạng chung sanh đến trong đây? thời gian phát tâm Vô thượng Chánh Bồ đề đến nay bao lâu? Cúng dường bao nhiêu Phật? Tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật đến nay thời gian bao nhiêu? Mà nay có thể tùy thuận hiểu nghĩa Bát nhã ba la mật thâm sâu?

Phật bảo Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát ấy đã cúng dường mười phương chư Phật, nay sanh đến đây; Bồ tát ấy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đến nay đã vô lượng vô biên vô số kiếp; Bồ tát ma ha tát ấy từ khi mới phát tâm, thường tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật; cúng dường vô lượng vô biên, bất khả tư nghì vô số chư Phật nay sanh đến đây.

Xá lợi phất, Bồ tát ma ha tát hoặc thấy hoặc nghe Bát nhã ba la mật nghĩ rằng ta thấy Phật theo Phật nghe:

Xá lợi phất, Bồ tát ma ha tát ấy thường tùy thuận hiểu nghĩa Bát nhã ba la mật thâm sâu, vì vô tướng, vô nhị, không sở đắc.

Phật bảo Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật không có ai nghe, không có ai thấy. Bát nhã ba la mật không nghe không thấy, vì các pháp ám độn. Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! Nội không, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! cho đến vô pháp hữu pháp không, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn. Bốn niệm xứ không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! cho đến tám Thánh đạo phần không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn.

Tu bồ đề, Phật đạo không nghe không thấy, vì các pháp ám độn.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ấy tu Phật đạo bao lâu là có thể tập hành Bát nhã ba la mật thậm thâm như vậy?

Phật bảo Tu bồ đề: Trong đây nên phân biệt. Nầy, Tu bồ đề có Bồ tát ma ha tát mới phát tâm là tập hành được Bát nhã ba la mật thậm thâm, tập hành Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, do sức phương tiện, đối với các pháp không phá hoại gì, chẳng thấy các pháp không có lợi ích, cũng trọn không xa lìa sự tập hành sáu Ba la mật, cũng không xa lìa chư Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, nếu muốn dùng lực thiện căn cúng dường chư Phật, liền được theo ý, trọn không sanh vào trong bụng người mẹ, trọn không lìa các thần thông, trọn không sanh các phiền não và tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu bồ đề, các Bồ tát ma ha tát như vậy, có thể tập hành Bát nhã ba la mật thâm sâu.

Tu bồ đề, có Bồ tát ma ha tát, thường thấy chư Phật, hoặc vô lượng trăm ngàn vạn ức, ở tại chỗ chư Phật tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm trí tuệ, vì đều do có sở đắc, nên khi Bồ tát ấy nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm liền từ giữa chúng đứng dậy, bỏ đi, không cung kính Bát nhã ba la mật thậm thâm và chư Phật. Bồ tát ấy nay ngồi ở giữa chúng này, nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy không vui, bèn bỏ đi, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, đời trước, khi nghe Bát nhã ba la mât thậm thâm đã bỏ đi, nên đời nay nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm cũng bỏ đi, thân tâm

không hòa.Người ấy gieo nghiệp nhân duyên ngu si; gieo nghiệp nhân duyên ngu si ấy, nên nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm thì chê bai; vì chê bai Bát nhã ba la mật nên chê bai chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, chê bai nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí. Người ấy chê bai nhất thiết trí của ba đời chư Phật, nên tạo nghiệp phá pháp; vì nhân duyên của nghiệp phá pháp tập hợp, nên phải đọa vào trong đại địa ngục trải vô lượng trăm ngàn vạn ức năm. Nghiệp của người phá pháp ấy, từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, nếu khi kiếp lửa nổi lên thời lại sanh đến trong đại địa ngục ở phương khác. Tại đây từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, nếu khi kiếp lửa nổi lên, lại sanh đến trong đại địa ngục ở phương khác nữa. Tại đây từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục , như vậy trải khắp mười phương, tại đây nếu khi kiếp lửa nổi lên chết ở đó, nếu nhân duyên của tội nghiệp phá pháp chưa hết thời trở lại trong đại địa ngục ở đây. Tại đây cũng từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, chịu vô lượng khổ. Tại đây, kiếp lửa nổi lên, lại phải sanh đến trong mười phương thế giới khác. Chịu khổ vì tội nghiệp phá pháp ở trong súc sanh cũng như ở trong địa ngục. Khi trọng tội mỏng dần, hoặc được sanh làm người, phải sanh vào nhà người mù bẩm sanh, sanh vào nhà hạng chiên đà la, sanh vào nhà hạ tiện làm nghề dọn cầu tiêu, khiêng thây chết, hoặc không có mắt, hoặc một mắt, hoặc mắt mờ, không lưỡi, không tai, không tay, nơi xứ sở sanh ra không có Phật, không có pháp, không có đệ tử Phật, vì sao? Vì gieo nghiệp phá phách, tích tập đầy đủ nặng dày, nên chịu quả báo ấy.

Bấy giờ Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, năm tội nghịch cùng với tội phá pháp giống nhau chăng?

Phật bảo Xá lợi phất: Không nên nói giống nhau, vì sao? Vì nếu có người nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, mà chê bai không tin, nói rằng: " Không nên học pháp ấy, đó là phi pháp, chẳng phải lành, chẳng phải Phạ□giáo, chư Phật không nói lời ấy'. Người ấy tự mình chê bai Bát nhã ba la mật, cũng dạy người khác chê bai Bát nhã ba la mật, tự hoại thân mình, cũng hoại thân người khác; tự uống thuốc độc giết mình, cũng cho người khác uống thuốc độc; tự làm mất thân mình, cũng làm mất thân người khác; tự không biết không tin, chê bai Bát nhã ba la mật, cũng dạy người khiến không biết không tin.

Xá lợi phất,người như vậy, ta không cho nghe danh tự Bát nhã, huống gì mắt thấy, vì sao? Vì nên biết người ấy là người làm nhơ pháp, bị rơi vào suy vi, ô trược, tánh hắc ám. Người như vậy, nếu có ai nghe lời người ấy nói, tin dùng lời người ấy, cũng chịu khổ như vậy.

Xá lợi phất, nếu người phá Bát nhã ba la mật, nên biết người ấy là người phá pháp.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói người phá pháp chịu trọng tội, mà không nói người ấy thân thể lớn nhỏ?

Phật bảo Xá lợi phất: Không cần nói người ấy thọ thân lớn nhỏ, vì sao? Vì người phá pháp, nếu nghe nói thọ thân lớn nhỏ, thì liền thổ huyết nóng, khổ hoặc chết, hoặc gần chết, người phá pháp ấy, nghe nói thân như vậy, có trọng tội như vậy, người ấy bèn rất sầu ưu, như mũi tên găm vào tim, dần dần khô héo, nghĩ rằng: Vì tội phá pháp mà phải mang thân rất xấu, chịu khổ vô lượng như vậy. Vì vậy, nên Phật không cho Xá lợi phất hỏi người ấy thọ thân thể lớn nhỏ.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Mong Phật nói cho, để làm giới răn sáng suốt cho đời vị lai, khiến biết được vì chất chứa nghiệp phá pháp, nên phải bị mang thân rất xấu và chịu khổ như vậy.

Phật bảo Xá lợi phất: Người đời sau nếu nghe người chất chứa nghiệp phá pháp đầy đủ nặng dày ấy phải chịu vô lượng khổ rất lâu trong đại địa ngục, nghe thời gian chịu khổ vô lượng rất lâu ấy, là đủ làm giới răn sáng suốt cho đời vị lai.

Xá lợi phất bạch Phật ràng: Bạch đức Thế Tôn, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thiện tánh, nghe pháp ấy đủ lấy làm nương dựa, thời thà mất mạng, chớ trọn không phá pháp. Tự nghĩ, nếu ta phá pháp thời sẽ chịu khổ như vậy.

LUẬN: Xá lợi phất nghe nói Bát nhã ba la mật vi diệu sâu xa, nghe được còn khó, huống chi thực hành! Vì thế nói: người tin hiểu Bát nhã thật là hy hữu. Cho nên thưa đức Thế Tôn, người tin hiểu được Bát nhã ấy ở chỗ nào mạng chung sanh đến đây? Xá lợi phất nghĩ rằng: Người ấy phải là người từ thế giới tốt đẹp mạng chung, mà sanh đến đây. Người ấy không phải là người mới phát tâm, không phải là người ít cúng dường Phật, không phải ít tu sáu Ba la mật, người ấy chắc chắn là người đại đức, chưa phải thánh mà có thể biết được thánh pháp. Vì thế nên hỏi, đã phát tâm bao lâu, cúng dường bao nhiêu Phật, tu sáu Ba la mật bao lâu, mà có thể tin hiểu nghĩa Bát nhã sâu thẳm. Vị Bồ tát ấy đối với các pháp không thủ tướng, không chấp trước không, tu không hạnh, hòa hợp năm Ba la mật, tu Bát nhã ba la mật, dùng tâm đại từ bi, vì hết thảy chúng sanh nên tu Bát nhã ba la mật. Từ trong

thế giới thanh tịnh của mười phương chư Phật mạng chung, mà sanh đến đây, là vì độ chúng sanh hữu duyên, làm nhân duyên cho đức Phật Thích ca Mâu ni. Tuy có người chết sanh ở đây, song chỉ người từ chỗ Phật ở tha phương đến đây là qúy. Vì từ khi phát tâm lại đây trải vô lượng vô sô số kiếp chứa nhóm phước đức sâu dày, nên có thể tin hiểu tùy thuận nghĩa lý thâm sâu.

Có người tuy phát tâm đã lâu từ vô lượng vô số kiếp, song không tu công đức, cho nên đây nói, từ khi phát tâm lại đây, thường tu sáu Ba la mật. Vì phước đức thường tu sáu Ba la mật nên có thể được thấy, được cúng dường vô lượng vô số Phật.

Vị bồ tát ấy thành tựu bốn nhân duyên trên nên được vô lượng vô biên phước đức và trí tuệ. Do nhân duyên phước đức ấy, nên cá phiền não mỏng, tâm được nhu nhuyễn, các căn tín và tuệ được lanh lợi của Bồ tát, thêm đắc lực dần, nên thâm nhập Bát nhã ba la mật, chán ghét việc thế gian. Nếu thấy kinh quyển Bát nhã, thời liền sanh tâm như thấy Phật; hoặc mở kinh tìm nghĩa thời liền sanh tâm như từ Phật nghe. Do thành tựu tín lực tuệ lực, nên tùy thuận hiểu nghĩa Bát nhã thâm sâu; nghĩa là hết thảy pháp vô tướng, ra khỏi mười hai nhập, hai pháp, không hai pháp, tâm không chấp trước, gọi là không sở đắc.

Lược nói ba tướng là tùy thuận hiểu nghĩa Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề nghe nói: Thấy kinh quyển như thấy Phật, đọc kinh văn như nghe lời Phật, như tuồng có chấp trước,, cho nên hỏi: Bát nhã có thể thấy, có thể nghe ư? Ý Tu bồ đề cho Bát nhã ba la mật rốt ráo không, thời mắt trời, tai trời còn không thấy nghe được, huống gì mắt thịt, tai thịt; mắt tuệ xuất thế gian cũng không thấy được, huống gì mắt thế gian!

Phật thuận theo ý ấy mà đáp: Bát nhã ba la mật không thể thấy nghe được. Trong đây nói nhân duyên: Các pháp vào Bát nhã ba la mật đều một tướng, là vô tướng, trong đó không phân biệt người nghe người thấy, và có thể nghe, có thể thấy.

Người phàm phu trong ba cõi phân biệt ấy là mắt, là sắc, là tai, là tiếng, sáu căn là lợi, sáu trần là độn. Các pháp sắc v.v... là độn; tuệ v.v... là lợi. Các pháp vào trong Bát nhã ba la mật, như trăm sông đổ về biển, đều là một vị, thế nên nói Bát nhã ba la mật không thể thấy, không thể nghe; vì các pháp

độn, nên từ Thí ba la mật cho đến Phật đạo, Tu đà hoàn cho đến Phật cũng như vậy.

* Lại nữa, chúng sanh lìa pháp thời không nghe được, không thấy được; pháp lìa chúng sanh cũng không nghe được, không thấy được.

Hỏi: Trên kia đã hỏi Bồ tát phát tâm bao lâu, cúng dường bao nhiêu Phật, mà có thể tùy thuận hiểu nghĩa thâm sâu; cớ chi nay còn hỏi lại?

Đáp: Trên kia Phật nói Bát nhã không nghe không thấy, cũng nói thấy kinh quyển Bát nhã như thấy Phật, đọc Bát nhã như nghe Phật nói. Với hai tướng nói Bát nhã, nên cũng nói có thể nghe, có thể thấy, cũng nói không thể nghe, không thể thấy. Thế nên trở lại hỏi Phật: Bồ tát tu hành bao lâu mà có được phương tiện có thể hành theo có, có thể hành theo không; hành theo có mà không đọa vào ba cõi, hành theo không mà không đọa vào đoạn diệt, có thể hành theo tướng Bát nhã ba la mật?

Phật đáp: Có, việc ấy không nhất định, nên phải phân biệt nói: Hoặc có Bồ tát mới phát tâm, liền tập hành được sáu Ba la mật thậm thâm.

Tập hành là nhất tâm tín thọ thường hành, nhờ sức phương tiện là (trí tuệ) tuy tập hành, sáu Ba la mật, làm nhân duyên sanh khởi phước đức, mà tâm không chấp trước.

Các pháp không thể phá hoại là tín lực, trí tuệ lực của Bồ tát rất lớn, nên nghe pháp Đại thừa thâm sâu, liền tin, nghe pháp Thanh văn cũng tin, nghe pháp tại gia xuất gia của ngoại đạo, cũng không phá hoại, mà từ trong đó phát xuất hai thứ lợi: 1. Là phân biệt thị đạo phi đạo, bỏ phi đạo, hành theo thị đạo. 2. Là hết thảy pháp vào trong Bát nhã ba la mật thì không thị, không phi, không phá bỏ, không lãnh thọ.

Không thấy các pháp không có lợi ích là tức trên kia từ trong đó phát xuất hai thứ lợi. Phước đức ấy đầy đủ nên trọn không xa lìa sáu Ba la mật, cho đến nghiêm tịnh cõi Phật.

Có Bồ tát tuy mới phát tâm mà tín thọ sâu xa Bát nhã ba la mật. Có Bồ tát phát tâm đã lâu, cúng dường ngàn vạn ức chư Phật, mà vì dùng tâm có sở đắc tu sáu Ba la mật, nên không tín thọ Bát nhã ba la mật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy ở đời quá khứ nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, không tin không thọ, từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, nên nay Phật nói cho, cũng

không không tin không thọ; vì quả báo của tội phá Bát nhã ba la mật, nên nói người ấy vì nghiệp không tin không thọ, nên làm nhân duyên khởi lên nghiệp ngu si, vì nghiệp ngu si nên nghi hồi tà kiến, tâm chấp trước càng tăng thêm, tâm chấp trước càng tăng thêm nên ở giữa đại chúng chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật. Vì phá hoại Bát nhã ba la mật nên phá nhất thiết trí của mười phương Phật; vì tội phá nhất thiết trí của mười phương chư Phật, nên khi chuyển đổi thân bị đọa đại địa ngục.

Đại địa ngục là địa ngục A tỳ (Vô gián) chịu ưu sầu khổ não trong vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số kiếp, ưu sầu là tâm khổ, khổ não là thân khổ.

Từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục là như do phước đức nên ở trên có trời Lục dục; do tội nghiệp nhân duyên cũng như vậy, dưới có tám đại địa ngục. Tám đại địa ngục, mỗi mỗi có mười sáu địa ngục nhỏ, trong đó ngục A tỳ lớn nhất. Ngoài ra, dưới trời Tứ thiên vương, cũng như vậy. Trong ba ngàn đại thiên thế giới có trăm ức núi Tu di, có trăm ức địa ngục A tỳ. Thế nên nói từ một đại địa ngục A tỳ đến một đại địa ngục A tỳ. Như người từ hội này đến hội khác.

Lại như người vào chánh vị, từ trời đến nhân gian thọ vui, từ cõi người trở lại cõi trời thọ vui. Nếu ở đây kiếp lửa nổi lên, tội kia chưa hết, thời phải chuyển đến chịu tội trong đại địa ngục ở mười phương thế giới khác. Nếu ở nơi đó, kiếp lửa nổi lên lại phải chuyển đến phương khác. Ở phương khác kiếp lửa nổi lên, lại trở lại sanh vào địa ngục A tỳ ở đây, triển chuyển như trước.

Tội bớt nhẹ dần, được làm thân người, thì sanh vào hạ tiện, tức là sanh vào nhà người đui bẩm sanh, không muốn thấy Bát nhã ba la mật. Khinh chê người thuyết pháp nên phải sanh vào hạ tiện Chiên đà la, làm người dọn phân, khiêng thây chết v.v... chê bai người thuyết pháp nên chịu họa không có lưỡi, không muốn nghe pháp nên chịu họa không có tai; phi bác nên chịu họa không có tay. Người ấy tuy tâm mến Phật, nhưng vì ngu si vô trí nên hay diệt mẹ Phật (tức Bát nhã) phá hoại pháp tạng. Vì phá hoại pháp tạng nên sanh vào chỗ không có Phật pháp tăng.

Hỏi: Sao không nói sanh trong loài ngạ□ủy?

Đáp: Người phá hoại ấy, phần nhiều do hai phiền não là sân nhuế và ngu si. Vì xan tham nên đọa ngạ quỷ, ở đây không có xan tham, nên không nói.

Hỏi: Cớ sao Xá lợi phất nói năm tội nghịch với tội phá pháp giống nhau?

Đáp: Xá lợi phất là người Thanh văn thường nghe nói năm tội nghịch rất nặng đọa địa ngục A tỳ, chịu khổ một kiếp. Người Thanh văn không hiểu rõ cúng dường Bát nhã được quả báo lớn, lại không biết hủy báng Bát nhã bị tội lớn, cho nên nêu năm tội nghịch, so sánh hỏi giống nhau chăng? Đáp rằng: Không giống nhau, vì cách nhau xa lắm, vì sao ? Vì người hủy báng Bát nhã, tự mất lợi lớn, cũng làm người khác mất; tự xa lìa Bát nhã, cũng khiến người khác xa lìa; tự phá hoại thiện căn cũng phá hoại thiện căn của người khác; tự xoa độc tà kiến, cũng xoa độc tà kiến vào người khác; tự mất thân mình cũng làm mất thân người; vì tự không biết, vì đắm trước pháp ái, nên tự phá cũng khiến người khác phá Bát nhã ba la mật. Như cha mẹ thương con, ân đức cùng cực trong một đời, lại vì có nhân duyên nên thương yêu, còn Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật thâm tâm ái niệm chúng sanh trong vô lượng đời. Cha mẹ nghĩ đến con, không thể đem một con mắt cho, còn người tu Bát nhã ba la mật đem đầy mắt tủy não chất quá núi Tu di thí cho chúng sanh trong vô lượng kiếp. Làm thân Phật chảy máu, giết A la hán là chỉ hoại thân xác thịt, chứ không hoại pháp thân, phá hoại Tăng chỉ làm xa lìa quyến thuộc, đó là tán thán năm pháp không phá hoại Bát nhã; thế nên không được cho năm tội nhịch giống với tội phá hoại Bát nhã ba la mật.

Bát nhã ba la mật hay khiến người làm Phật, nên tội hủy hoại Bát nhã không thể lấy gì mà ví dụ được. Thế nên đối với người phá Bát nhã, Ta không muốn cho nghe danh tự Bát nhã, huống gì cho mắt thấy, người phá Bát nhã ấy, hoặc do phước đức đời trước, học rộng nghe nhiều, giàu sang oai đức, khéo nói năng, các quyến thuộc Ma, thường đi theo hổ trợ. Bồ tát chưa được địa vị bất thối, thấy kia được nhiều người cúng dường, có nhiêu đệ tử xuất gia tại gia, thế nên nếu có ai khen ngợi danh tiếng người ấy, còn không muốn nghe, huống gì thân cận lễ bái, lãnh thọ lời giáo huấn, vì sao? Vì Bồ tát muốn tăng trưởng thiện pháp, lợi ích chúng sanh, còn người ấy chỉ muốn phá pháp, khiến chúng sanh đọa vào chỗ suy vi ô trược, hai việc trái ngược nhau.

Suy vi ô trược, là như người mắc chứng suy vi, tuy mặc áo đẹp, đồ ăn ngon, thường không có sắc lực, tuy siêng năng làm việc, mà tài sản mỗi ngày hao mòn. Vì người ấy phá hoại pháp bảo tối thượng của chư Phật, nên tuy thân nghiệp, khẩu nghiệp lành, trì giới, bố thí, đọc kinh, mà pháp lành không hề tăng trưởng, như nước bùn đục, soi không thấy mặt cũng không thể uống. Với người ấy không nên thân cận, nếu thân cận thời dễ nhiễm trước. người ấy vì phá pháp nên tà kiến nghi hối thường nhiễu loạn tâm. Pháp được nghe

trước, ái trước sâu nặng, không hiểu tướng Bát nhã ba la mật, nên nói Bát nhã ba la mật không có gì, trống không, không bền chắc, không có tội phước. Vì tâm kia bị ô trược tán loạn ngăn che như vậy, nên không thấy được tướng thật pháp thanh tịnh.

Tánh hắc ám là trong Phật pháp, pháp thiện gọi là bạch, pháp bất thiện gọi là hắc. Người ấy thường chứa nhóm pháp bất thiện, nên thành tánh bất thiện. Nếu có tín thọ lời người ấy, thì tội người kia cũng đồng.

Hỏi: Cớ sao Xá lợi phất hỏi người kia thọ thân lớn nhỏ, mà Phật không đáp?

không có Phật, hoặc sanh vào nhà bần cùng trong cõi người, hoặc bị người ta không tin thọ lời người kia nói.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì chất chứa nghiệp miệng, nên có trọng tội phá pháp ấy.

Phật bảo Tu bồ đề: Vì chất chứa nghiệp miệng nên có trọng tội phá pháp ấy.

Tu bồ đề, người ngu si ấy xuất gia thọ giới trong Phật pháp, mà phá Bát nhã ba la mật thâm sâu, chê bai không lãnh thọ.

Tu bồ đề, nếu phá Bát nhã ba la mật, chê bai Bát nhã ba la mật, thời là phá nhất thiết trí của mười phương chư Phật; phá nhất thiết trí thời là phá Phật bảo; phá Phật bảo nên phá pháp bảo; phá pháp bảo nên phá Tăng bảo. Phá Tam Bảo thời là phá chánh kiến thế gian; phá chánh kiến thế gian thời là phá bốn niệm xứ, cho đến phá trí nhất thiết chủng; phá trí nhất thiết chủng, thời mắc vô lượng vô biên vô số tội; mắc vô lượng vô biên vô số tội thì chịu vô lượng vô biên vô số ưu khổ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng; Bạch đức Thế Tôn! Người ngu si chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu; có mấy nhân duyên?

Phật bảo Tu bồ đề: Có bốn nhân duyên, người ngu si ấy chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Những gì la bốn? Người ngu si ấy bị Ma sai khiến muốn chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu; ấy là nhân duyên đầu. người ngu si ấy không tin pháp sâu, không tin không hiểu, tâm không được thanh tịnh; ấy là nhân duyên hai, người ngu si ấy muốn chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu. người ngu si ấy đi theo ác tri thức; tâm chìm đắm lười biếng, chấp chặc năm thọ uẩn; ấy là nhân duyên ba, người ngu si ấy muốn chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu. Người ngu si ấy nhiều sân giận, tự cao khinh người; ấy là nhân duyên bốn, người ngu si ấy chê bai -phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu. Tu bồ đề, vì bốn nhân duyên ấy người ngu si muốn chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu.

LUẬN: Hỏi: Nghiệp miệng là phá pháp; cớ sao nói nhiếp giữ ba nghiệp thân, miệng, ý?

Đáp: Nghiệp ý là gốc của nghiệp miệng, nếu muốn nhiếp nghiệp miệng, trước phải nhiếp nghiệp ý, nghiệp ý nhiếp, nên nghiệp thân, nghiệp miệng cũng lành, nghiệp thân miệng lành, thời nghiệp ý cũng lành.

Trong đây Tu bồ đề nói nhân duyên: Chẳng chịu các khổ ấy, hoặc không được thấy Phật v.v... Người đời cho nghiệp thân là nặng, nghiệp miệng là nhẹ, nên Tu bồ đề hỏi: Chỉ do nghiệp miệng mà bị tội như thế ư? Phật nhận ý đó, nên khai thị rằng: người ngu si tự không có việc chi cấp bách, cũng không ai khiến làm, cũng không được gì, mà tự đem lưỡi mình gây tội như vậy, thật là người đại cuồng! Người cuồng ấy đời vị lai, ở trong pháp của Ta xuất gia, người xuất gia có năm chúng, người thọ giới của Ta có bảy chúng; người Thanh văn ấy chấp trước pháp Thanh văn. Phật pháp quá 500 năm sau, phân biệt ra có 500 bộ phái, tù đó trở đi, vì tìm hướng quyết định của các pháp, chấp lấy pháp mình, không biết Phật vì sự giải thoát nên thuyết pháp, mà cứ chấp chặc ngôn ngữ, nên khi nghe nói Bát nhã các pháp rốt ráo không, thì như dao cắt tâm, đều cho rằng pháp quyết định như vậy, sao nay lại nói không có! Ở nơi Bát nhã ba la mật không có đắc không có trước tướng, lại đắc lại trước tướng, rồi chê bai phá hoại cho là chẳng phải Phật giáo. Phật vì thương xót chúng sanh nên nói là đạo là phi đạo, nay trong Bát nhã là đạo là phi đạo, đều là một tướng, tức là vô tướng. Thế nên trước tiên sanh ý nghi ngờ, sau tâm quyết định sanh tà kiến đối với pháp không. Tà kiến đắc lực nên ở giữa đại chúng nơi nơi đều chê bai hủy hoại Bát nhã ba la mật, vì hủy hoại Bát nhã ba la mật thời phá các công đức nhất thiết trí v.v... của mươi phương ba đời chư Phật. Phá công đức Phật tức là phá Tam bảo, phá Tam bảo thời phá nhân duyên an lạc của thế gian đó là chánh kiến của thế gian; nếu phá chánh kiến của thế gian thời phá nhân duyên an lạc của xuất thế gian. Chánh kiến của xuất thế gian là bốn niệm xứ, cho đến trí nhất thiết chủng. Pháp ấy là nhân duyên vô lượng vô biên phước đức, phá pháp ấy thời mắc vô lượng vô biên tội. Mắc vô lượng vô biên tội, nên chịu vô lượng vô biên ưu sầu khổ não.

Hỏi: Trước đã nói nhân duyên phá pháp, đó là ái trước pháp, sao Tu bồ đề lại còn hỏi?

Đáp: Trước trong luận nói, nay trong kinh nói, trước nói không khắp, nay nói rộng khắp, đó là bốn nhân duyên: Người ấy bị ma sai khiến, hoặc Ma hoặc Ma dân đến vào trong tâm kia, chuyển đổi thân miệng, khiến hủy phá Bát nhã ba la mật, như Phật ba lần hỏi A nan cõi Diêm phù đề vui, sống lâu cũng vui? mà vì bị Ma vào thân nên ba lần A nan không đáp lời Phật. A nan được Sơ quả, còn bị ma quấy huống gì người phàm?

* Lại nữa, Ma có bốn thứ: Ma ngũ uẩn, Ma phiền não, Ma chết, Ma thiên tử tự tại. Trong bốn loại ma này, phần nhiều là Ma phiền não, Ma thiên tử tự tại, xúi đừng tin Bát nhã, tham đắm pháp mình, ganh tị pháp khác; ngu si điên đảo nên hay hủy phá Bát nhã ba la mật.

Có người nói: Nhân duyên đầu là Ma phiền não, nhân duyên thứ tư là Ma thiên tử. Bị hai loại Ma ấy xúi sử nên gọi là Ma sai khiến. Chấp chặc tà kiến tham ái pháp mình, tuệ căn ám độn, không hiểu Phật ý, không tin không thọ Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho nên phá. Người có lợi căn kham tín thọ được, ma không đến được, chỉ có theo lời ác sư nên cũng phá Bát nhã. Có người tuy thuộc ác tri thức mà kiết sử mỏng, nên siêng tinh tấn, có thể tin Bát nhã ba la mật. Cho nên hai việc hợp lại làm một, cũng thuộc ác tri thức, cũng đắm sâu năm uẩn, kiết sử dày, tâm sanh lười biếng, cho nên không tin Bát nhã; người ấy đời đời chứa nhiều sân hận, thành tánh. Tướng trạng của sân là tướng bất tín, người ấy cương cường tự cao, khinh hèn người thuyết pháp, nghĩ rằng: Trí và đức của ta như vầy mà còn không hiểu được, huống chi người ngu si làm sao biết được. Vì tâm sân hận kiêu mạn nhiều ấy nên phá hoại Bát nhã ba la mật.

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, người không siêng tinh tấn, gieo căn bất thiện, tương đắc với bạn ác, thời khó tin khó hiểu.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, người không siêng tinh tấn, gieo trồng căn bất thiện, tương đắc vói bạn ác, thì khó tin khó hiểu.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy vì sao thâm sâu, khó tin khó hiểu?

Tu bồ đề! Sắc chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì là sắc. Thọ, tưởng, hành thức chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì ấy là thọ, tưởng, hành, thức. Thí ba la mật chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì là Thí ba la mật; Giới ba la mật chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là Giới ba la mật; Nhẫn ba la mật ấy chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là Nhẫn ba la mật; Tấn ba la mật chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là Tấn ba la mật; Thiền ba la mật chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là Thiền ba la mật; Bát nhã ba la mật

chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề, nội không chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là nội không; cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là bốn niệm xứ; cho đến nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là nhất thiết chủng trí.

Tu bồ đề, sắc bản tế chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì bản tế, tánh không có sở hữu gì, ấy là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng bản tế chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì bản tế, tánh không có sở hữu gì, ấy là trí nhất thiết chủng.

Tu bồ đế, sắc hậu tế (đời sau) chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì sắc hậu tế tánh không có sở hữu gì, ấy là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng hậu tế, chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì hậu tế, tánh không có sở hữu gì, ấy là trí nhất thiết chủng.

Tu bồ đề, sắc hiện tại chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì hiện tại, tánh không có sở hữu gì, ấy là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng, hiện tại chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì hiện tại, tánh không có sở hữu gì, ấy là trí nhất thiết chủng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật, người không siêng tinh tấn, không trồng căn lành, tương đắcvới bạn ác, giải đãi ít tiến, ưa quên, không có tuệ thiện xảo phương tiện. Người như vậy, thật khó tin khó hiểu.

Tu bồ đề, như vậy, như vậy! Bát nhã ba la mật ấy, người không siêng tinh tấn, không trồng căn lành, tương đắc với bạn ác, hệ thuộc với ma, giải đãi ít tiến, ưa quên, không có tuệ thiện xảo phương tiện, người như thế, thật khó tin khó hiểu, vì sao? Vì sắc tịnh, quả cũng tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh, quả cũng tịnh; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tịnh, quả cũng tịnh.

* Lại nữa, Tu bồ đề, vì sắc tịnh tức Bát nhã ba la mật tịnh, Bát nhã ba la mật tịnh tức sắc tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh, tức Bát nhã ba la mật tịnh, Bát nhã ba la mật tịnh tức thọ, tưởng, hành, thức tịnh; cho đến trí nhất thiết

chủng tịnh tức bát nhã ba la mật tịnh; ; Bát nhã ba la mật tịnh tức trí nhất thiết chủng tịnh. Sắc tịnh với Bát nhã ba la mật tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại; cho đến trí nhất thiết chủng tịnh với Bát nhã ba la mật tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Không hai tịnh nên sắc tịnh, không hai tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, vì sao? Vì không hai tịnh ấy với sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác. Vì ngã tịnh, chúng sanh tịnh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh, nên sắc tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh. Vì sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, nên ngã, chúng sanh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh, vì sao? Vì ngã, chúng sanh cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh với sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

LUẬN: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: "Bát nhã ba la mật ấy rất sâu thẳm, người giải đãi, theo ác tri thức, trồng giống căn bất thiện, khó tin, còn trái với đây, gọi là tin Bát nhã ba la mật" Phật chấp nhận lời đó.

Tu bồ đề lại hỏi: Bát nhã ba la mật ấy rất sâu thẳm thế nào nên khó tin?

Phật đáp: Các pháp sắc v.v... không trói không mở. Ba độc là trói, ba cửa giải thoát là mở. Ba độc phiền não ấy hư vọng không thật, do nhân duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh cho nên không trói, vì không trói nên không mở. Phá ba độc nên ba cửa giải thoát cũng không.

* Lại nữa, thủ trước các pháp, khởi lên hết thảy điên đảo phiền não là trói. Nếu sự trói có tự tánh nhất định thời không thể mở. Nếu nó thật có nhất định, ai phá được nó. Nếu phá thời bị rơi vào đoạn diệt, còn nếu các phiền não điên đảo thủ tướng, là hư dối không thật, thì cũng không có gì để dứt.

* Lại nữa, tất cả tâm tâm số pháp (tức tâm sở) ức tưởng phân biệt, thủ tướng, đều bị trói trong các duyên, nếu ở vào trong thật tướng các pháp, biết chúng đều hư dối, như Phẩm trên nói: Tướng trạng của tâm thanh tịnh là chẳng phải tâm tướng. Sự trói ấy "không" nên sự mở cũng không. Có các nhân duyên như vậy, nên các pháp sắc v.v... không trói không mở.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Các pháp sắc v.v..., là pháp hữu vi tạo tác, do nhân duyên hòa hợp sanh, không có định tánh; nên kinh nói các pháp sắc v.v... tánh không có sở hữu gì ấy là sắc v.v...

* Lại nữa,các pháp sắc v.v... trong ba đời không trói không mở, như đã phá ở đoạn phá ba đời trong Trung luận.

Khi ấy, Tu bồ đề, biết Bát nhã ba la mật chẳng phải sâu thẳm, chẳng phải không sâu thẳm, như trong Phẩm sau nói: Nếu bảo Bát nhã ba la mật rất sâu thẳm, ấy thời xa lià Bát nhã ba la mật. Vì thế nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người ác cho Bát nhã ba la mật rất sâu thẳm khó hiểu, người ấy chẳng phải người lành. người ác không tương ưng với Bát nhã, không nhất tâm siêng tinh tấn, không gieo trồng thiện căn hiểu Bát nhã ba la mật, đi theo ác sư phá hoại Bát nhã. Giải đãi là tham đắm cái vui thế gian, không ưa xuất thế gian, người như thế, nếu có tinh tấn, thì quá ít không đủ nói: Bị các phiền não loạn tâm cho nên ưa quên. Tướng thiện không thiện không phá, kiêu mạn không trừ, tà kiến hý luận, nên tìm thật tướng các pháp, không biết phân biệt tướng các pháp tốt xấu, ấy gọi là không có tuệ thiện xão phương tiện.

Có các ác pháp như vậy, nên người ấy khó hiểu Bát nhã sâu thẳm v.v... Phật chấp nhận ý ấy, nên nói: Như vậy, như vậy.

Hỏi: Trong lời Tu bồ đề không có Ma sự, sao trong lời Phật nói lại có thêm chuyện Ma?

Đáp: Tu bồ đề nói thẳng nhân duyên trong ngoài không đầy đủ, nay Phật nói đầy đủ rằng: Người ấy bị Ma sai sử. Phật lại muốn nói tướng sâu thẳm khó hiểu, bảo với Tu bồ đề: Các pháp sắc v.v... tịnh, nên quả cũng tịnh. Bốn niệm xứ là quả của các pháp sắc v.v..., vì sao? Vì quán các pháp sắc v.v... bất tịnh, vô thường v.v... đầu tiên được thân niệm xứ. Các niệm xứ khác nói như trên. Trong đó tánh của bốn niệm xứ là vô lậu, dứt hết các phiền não là Niết bàn, cho nên thanh tịnh. Thấy quả tịnh nên biết nhân cũng tịnh.

Hỏi: Trước nói nhờ quán sắc v.v... bất tịnh, vô thường v.v... được thân niệm xứ, cớ sao nay nói quả tịnh nên nhân cũng tịnh?

Đáp: Quán bất tịnh là cửa vào ban đầu, chẳng phải thật quán. Thế nên quán bất tịnh không ở trong mười sáu thánh hạnh.T rong mười sáu thánh hạnh quán vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải quán bất tịnh. Điên đảo chấp tịnh nên sanh dâm dục, phá tịnh nên nói bất tịnh, chứ chẳng phải thật, cho nên quán bất tịnh không đưa vào mười sáu thánh hạnh, nó chỉ đượa giải quán (Chứ không phải thật quán -N.D)

Trong Bát nhã không quán thường, không quán vô thường, không quán tịnh, không quán bất tịnh v.v... Thường, vô thường, tịnh, bất tịnh, không thật v.v... các quán hý luận ấy diệt, ấy là thật tướng sắc. Thật tướng sắc vốn tịnh, nên quả cũng tịnh.

* Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bát nhã ba la mật như hư không, rốt ráo thanh tịnh, không có nhiễm ô, ấy là Bát nhã ba la mật. Quán thật tướng các pháp sắc v.v... chẳng sanh chẳng diệt, tu sáu Ba la mật, bốn niệm xứ như vậy có thể được Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật ấy có ba nhân duyên là chánh quán, chánh hạnh, chánh tu. Thế nên nói Bát nhã ba la mật tịnh nên các pháp sắc v. v... tịnh; vì các pháp sắc v.v... tịnh, nên Bát nhã ba la mật tịnh, vì sao? Vì các pháp sắc v.v... với Bát nhã ba la mật ở trong thật tướng thì không hai không khác. Vì không dị không biệt, không lìa không tán, nên chẳng dứt chẳng hoại.

* Lại nữa, như "Ngã" tìm khắp trong mười phương ba đời, không thể có được, chỉ trong năm uẩn chỉ có giả danh. Chúng sanh cho đến kẻ biết kẻ thấy cũng như vậy.

Giống như "Ngã" là không, không có gì của chính nó, thanh tịnh, nên các pháp cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề! Vì tham tịnh nên sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, vì sao? Vì tham tịnh và sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác. Vì sân, si tịnh nên sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh; vì sao? Vì sân, si và sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Vì vô minh tịnh nên các hành tịnh, các hành tịnh nên thức tịnh; thức tịnh nên danh sắc tịnh, danh sắc tịnh nên lục nhập tịnh; lục nhập tịnh nên xúc tịnh; xúc tịnh nên thọ tịnh; thọ tịnh nên ái tịnh, ái tịnh nên thủ tịnh; thủ tịnh nên hữu tịnh; hữu tịnh nên sanh tịnh; sanh tịnh nên lão tử tịnh, lão tữ tịnh nên Bát nhã ba la mật tịnh, Bát nhã ba la mật tịnh nên cho đến Thí ba la mật tịnh; Thí ba la mật tịnh nên nội không tịnh, nội không tịnh nên cho đến vô pháp hữu pháp không tịnh; vô pháp hữu pháp không tịnh nên bốn niệm xứ tịnh; bốn niệm xứ tịnh, nên cho đến nhất thiết trí tịnh, nhất thiết trí tịnh, nên nhất thiết chủng trí tịnh, vì sao? Vì nhất thiết trí tịnh và nhất thiết chủng trí tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật tịnh nên sắc tịnh, cho đến Bát nhã ba la mật tịnh nên nhất thiết trí tịnh, vì Bát nhã ba la mật tịnh ấy và nhất thiết trí tịnh, không hai không khác.

Tu bồ đề, vì Thiền ba la mật tịnh cho đến nhất thiết trí tịnh; Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật tịnh nên cho đến nhất thiết trí tịnh; vì nội không tịnh nên cho đến nhất thiết trí tịnh; vì bốn niệm xứ tịnh nên cho đến nhất thiết trí tịnh.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Vì hữu vi tịnh nên vô vi tịnh; vì sao? Vì hữu vi tịnh và vô tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Vì quá khứ tịnh nên vị lai, hiện tại tịnh; vì vị lai tịnh nên quá khứ hiện tại tịnh, vì hiện tại tịnh nên quá khứ vị lai tịnh, vì sao? Vì hiện tại tịnh và quá khứ vị lai tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

LUẬN: Hỏi: Phật dạy ba độc là cấu uế bất tịnh; cớ sao trong đây nói vì tham dục v.v... tịnh, nên sắc v.v... cũng tịnh?

Đáp: Phật dạy thật tánh của ba độc thanh tịnh, nên các pháp sắc v.v... cũng thanh tịnh. Vì ba độc tịnh và sắc v.v... tịnh, không hai không khác. Muốn nói rộng ba độc thanh tịnh và nhân duyên quả báo của ba độc thanh tịnh, nên nói vì vô minh tịnh nên các hành cũng tịnh.

Vô minh tịnh là vì vô minh rốt ráo không, như trong đoạn mười dụ phá vô minh nói. Từ mười hai nhân duyên cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Nên vì sắc v.v... vô minh v.v... các pháp thanh tịnh, nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Bát nhã ba la mật thanh tịnh, nên pháp sở hành của các Bồ tát như Thiền ba la mật cho đến trí nhất thiết chủng đều thanh tịnh. Thiền ba la mật v.v... cũng như vậy.

* Lại nữa, Vì mười phương tám không không nên sắc v.v... cho đến trí nhất thiết chủng không, cho đến vì trí nhất thiết chủng không, nên mười tám không cũng không. Trí nhất thiết chủng không lìa mười tám không, mười tám không, không lìa trí nhất thiết chủng. Thế nên nói không hai không khác.

Không tức là thanh tịnh. Nay sắc cho đến trí nhất thiết chủng, một pháp làm đầu, các pháp khác mỗi mỗi đều làm đầu, triển chuyển đều thanh tịnh.

cũng làm thân Phật chảy máu, tuy đồng làm chảy máu, màtâm khác nhau, nên một người mắc tội, một người được phước. Như vẽ tượng Phật, một người vì thấy tượng không đẹp nên phá để vẽ lại, một người vì ác tâm nên phá, do tâm khác nhau nên một người được phước, một người mắc tội. Người phá Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

* Lại nữa, hoặc có người phá Bát nhã, tuy tâm không sân hận, không khinh Phật, mà chỉ vì tâm ức tưởng phân biệt cho rằng pháp ấy sâu xa do bậc nhất thiết trí nói, thời lẽ phải có ý nghĩa thâm diệu, chứ sao lại nói tất cả đều không? Phật lấy tâm vô trước, vì độ chúng sanh nên nói pháp, còn người ấy vì tâm chấp trước thủ tướng, nên khởi nghiệp miệng chê bai, phá hoại Bát nhã, khởi nghiệp thân, lấy tay chỉ chỏ bài bác, chỉ chỏ hủy báng đuổi đi. Trái với hai thứ bất tín này nên gọi là hai thứ tin: 1. Biết thật nghĩa Bát nhã mà tin, được quả báo như Kinh nói. 2. Tin ngôn ngữ văn tự của Kinh quyển; được công đức ít. Vì tà kiến tội nặng nên tuy thân, khẩu nghiệp trì giới tốt cũng đi theo ác tâm tà kiến; như Phật tự nói thí dụ: Như trồng giống đắng, tuy vẫn do bốn đại tạo thành, vẫn là vị đắng, người tà kiến cũng như vậy, tuy trì giới, tinh tấn, vẫn thành pháp ác. Trái vói đây, gọi là chánh kiến, người tạo năm tội nghịch, tội ác thường che, tâm còn nghi ngờ nghiệp báo đời này đời sau, huống gì tin được Bát nhã thậm thâm. Tuy chép Kinh quyển cúng dường, mong khỏi tội ác, vẫn cách Bát nhã rất xa. Hoặc nhờ có nhân duyên thanh tịnh, gặp thiện tri thức, đời trước chứa nhóm phước đức, lợi trí đệ nhất, tin Bát nhã ba la mật, nên có thể được quả báo như Kinh nói. Như vua A xà thế có tội giết cha, mà nhờ Phật và Văn thù Sư lợi thiện tri thức, nên trừ được trọng tội, được như Kinh nói quả báo Bát nhã, là được thọ ký đạo vô thượng.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM THÁN TỊNH THỨ 42.

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thanh Tịnh thứ 40)

KINH: Bấy giờ, Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn, Tịnh ấy rất sâu xa.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Pháp gì tịnh nên thanh tịnh ấy rất sâu xa.

Phật dạy: Vì sắc thanh tịnh nên thanh tịnh ấy rất sâu xa; thọ, tưởng, hành, thức tịnh nên bố niệm xứ tịnh cho đến tám Thánh đạo phần tịnh; Phật mười lực tịnh, cho đến mười tám pháp không chung tịnh; Bồ tát tịnh Phật tịnh nên nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí tịnh, nên tịnh ấy rất sâu xa.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy sáng suốt.

- Phật dạy: vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Pháp gì tịnh nên tịnh ấy sáng suốt?

- Phật dạy: Bát nhã ba la mật tịnh nên tịnh ấy sáng suốt, cho đến Thí ba la mật tịnh nên tịnh ấy sáng suốt; bốn niệm xứ tịnh cho đến nhất thiết trí tịnh, nên tịnh ấy sáng suốt.

- Bạch đức Thế tôn, tịnh ấy không tương tục!

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Pháp gì không tương tục, nên tịnh không tương tục?

- Phật dạy: Sắc không đi, không tương tục, nên tịnh ấy không tương tục. Cho đến trí nhất thiết chủng không đi, không tương tục, nên tịnh ấy không tương tục.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy không nhơ.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Pháp gì không nhơ, nên tịnh ấy không nhơ?

- Phật dạy: Sắc tánh thường tịnh, nên tịnh ấy không nhơ, cho đến trí nhất thiết chủng tánh thường tịnh, nên tịnh ấy không nhơ.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy vô đắc vô trước (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Vô hiện quán - N.D)

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Pháp gì vô đắc vô trước, nên tịnh ấy vô đắc vô trước?

- Phật dạy: Sắc vô đắc vô trước; nên tịnh ấy vô đắc vô trước, cho đến trí nhất thiết chủng vô đắc vô trước, nên tịnh ấy vô đắc vô trước.

- Bạch đức Thế Tôn, Tịnh ấy vô sanh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Pháp gì vô sanh, nên tịnh ấy vô sanh?

- Phật dạy: Sắc vô sanh nên tịnh ấy vô sanh, cho đến trí nhất thiết chủng vô sanh, nên tịnh ấy vô sanh.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy không sanh trong cõi Dục!

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Tại sao tịnh ấy không sanh trong cõi Dục?

- Phật dạy: Vì tánh cõi Dục không thể có được, nên tịnh ấy không sanh trong cõi Dục.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy không sanh trong cõi Sắc!

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Tại sao tịnh ấy không sanh trong cõi Sắc?

- Phật dạy: Vì tánh cõi Sắc không thể có được, nên tịnh ấy không sanh trong cõi Sắc.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy không sanh trong cõi Vô sắc.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Tại sao tịnh ấy không sanh trong cõi Vô sắc?

- Phật dạy: Vì tánh cõi Vô sắc không thể có được; nên tịnh ấy không sanh trong cõi Vô sắc.

- Bạch Đức Thế Tôn, tịnh ấy vô tri.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Tại sao tịnh ấy vô tri?

- Phật dạy: Vì các pháp bổn tánh độn (sáu căn là lợi, sáu trần là độn), nên tịnh ấy vô tri.

- Bạch đức Thế Tôn, sắc vô tri nên tịnh ấy tịnh!

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Tại sao sắc vô tri nên tịnh ấy tịnh?

- Phật dạy: Vì sắc tự tánh không, nên sắc vô tri, nên tịnh ấy tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn, thọ, tưởng, hành, thức vô tri nên tịnh ấy tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Tại sao thọ,tưởng, hành, thức vô tri, nên tịnh ấy tịnh.

- Phật dạy: Vì thọ, tưởng, hành, thức tự tánh không, nên vô tri, nên tịnh ấy tịnh.

- Bạch đức Thế tôn, vì hết thảy pháp tịnh, nên tịnh ấy tịnh!

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Tại sao vì hết thảy pháp tịnh, nên tịnh ấy tịnh?

- Phật dạy: Vì hết thảy pháp không thể có được, nên hết thảy pháp tịnh nên tịnh ấy tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật đối với Tát bà nhã không thêm không bớt.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Tại sao Bát nhã ba la mật đối với Tát bà nhã không thêm không bớt?

- Phật dạy: Pháp tướng thường trú, nên Bát nhã ba la mật với Tát bà nhã không thêm không bớt.

- Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy tịnh, đối với các pháp không chấp thọ.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phất thưa: Tại sao Bát nhã ba la mật tịnh, đối với các pháp không chấp thọ?

- Phật dạy: Vì pháp tánh bất động nên Bát nhã ba la mật tịnh, đối với các pháp không chấp thọ.

LUẬN: Tịnh ấy rất sâu xa là tịnh có hai thứ: 1. Trí, không có trí thời không biết duyên tịnh. tuệ tịnh. 2. Pháp sở duyên tịnh. hai tịnh này đối đãi nhau; lìa trí tịnh không có duyên tịnh, lìa duyên tịnh không có trí tịnh, vì sao? Vì tất cả tâm tâm số pháp đều do duyên sanh, nếu không có duyên thời trí không sanh, thí như không có củi thời lửa không cháy được, và do có trí mới biết duyên là tịnh, không có trí thời không biết duyên tịnh. Trong đây trí tịnh và duyên tịnh đối đãi nhau; đó là pháp thường của thế gian. Trong đây cốt nói thật tướng các pháp vốn tự thanh tịnh, lìa trí lìa duyên. Vì theo sở duyên của tâm tâm số pháp thời ô nhiễm chẳng thanh tịnh, thí như món ăn ngon trăm vị để chung với đồ độc, thời không thể ăn.

Thật tướng các pháp thường tịnh, chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bồ tát, Bích chi Phật, Thanh văn và phàm phu thế gian làm ra, có Phật không có Phật, tướng nó vẫn thường trú không hoại; nó ở trong pháp điên đảo hư dối và quả báo, thời ô nhiễm không tịnh.

Thanh tịnh ấy có nhiều danh tự, hoặc gọi là như, hoặc gọi là pháp tánh, thật tế, Bát nhã ba la mật, hoặc gọi là đạo, hoặc gọi vô sanh vô diệt, không, vô tướng, vô tác, vô trí, vô đắc, hoặc gọi là rốt ráo không v.v... vô lượng vô biên danh tự như vậy.

Xá lợi phất quán tướng Bát nhã ba la mật ấy tuy không thể thấy, không thể nghe, không thể nói, không thể phá hoại, nhưng hủy báng thời mắc vô lượng tội, tín thọ tu hành thời được quả báo Vô thượng.

Xá lợi phất phát tâm hoan hỷ hy hữu bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Tịnh ấy rất sâu xa.

Phật dạy: Điều ông thấy cho là hy hữu, trong thật tướng còn quá hơn điều ông thấy. Trong tất cả pháp rốt ráo thanh tịnh không dính mắc, cho đến thể thanh tịnh cũng không dính mắc, ấy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

* Lại nữa, ông chủ thanh tịnh, là chư Phật trong ba đời mười phương, chư Phật cũng không dính mắc thanh tịnh ấy; thế nên nói rốt ráo thanh tịnh.

Bát nhã ba la mật thanh tịnh ấy, hay làm cho hết thảy hiền thánh dứt vô biên khổ. Được lợi ích lớn mà cũng không dính Bát nhã ba la mật.

Có vô lượng nhân duyên rốt ráo thanh tịnh như vậy nên tịnh ấy rất sâu xa.

Xá lợi phất hỏi pháp gì rốt ráo thanh tịnh nên tịnh ấy rất sâu xa?

Phật đáp: Các pháp sắc v.v... rốt ráo thanh tịnh nên tịnh ấy rất sâu xa, vì sao? Vì các pháp sắc v.v... gốc ngọn nhân quả thanh tịnh, nên tịnh ấy rất sâu xa, như Phẩm trên nói: Bồ tát quán hạnh đối với sắc v.v... đã dứt nên được thanh tịnh như vậy. Do thế nên gọi sắc v.v... thanh tịnh. Tịnh ấy hay phá hý luận vô minh đối với hết thảy pháp, hay giúp cho trí tuệ rốt ráo không được sáng suốt, thế nên nói là thanh tịnh sáng suốt. Tu hành diệu pháp của Bố tát như Thí ba la mật v.v... nên được thanh tịnh sáng suốt ấy. Tịnh ấy hay đưa đến Hữu dư Niết bàn nên nói là thanh tịnh sáng suốt; đưa đến Vô dư Niết bàn nên nói tịnh ấy không tương tục.

Trước dùng ba Tam muội không không v.v... bỏ các thiện pháp, thọ mạng tối hậu tự nhiên chấm dứt, năm uẩn không đi cũng không tương tục, nên tịnh ấy không tương tục. Vì 108 phiền não không thể ngăn che ô nhiễm tịnh, nên nói là tịnh vô cấu.

Thật hành đạo các pháp thật tướng bất nhị ấy, từ tâm khổ pháp nhẫn cho đến tâm thứ mười lăm, gọi là Đắc ; tâm thứ mười sáu, (Tâm quán lý Tứ đế qua 16 đoạn là khổ pháp nhẫn, khổ pháp trí; tập pháp nhẫn, tập pháp trí; diệt pháp nhẫn, diệt loại nhẫn, diệt loại trí; đạo loại nhẫn, đạo loại trí - ND) được

quả Sa môn, gọi là Trước (trước là đắm trước vào chỗ chứng đắc không đọa lạc).

* Lại nữa, tu sáu Ba la mật, cho đến khi sanh tâm nhu thuận nhẫn, gọi là đắc, phát sanh vô sanh, vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, gọi là trước. Đối với pháp thanh tịnh ấy, dùng Tâm vô sở đắc, không có hai việc ấy, nên gọi là Không đắc không trước.

Tu pháp như vậy, biết hết thảy pháp rốt ráo không; vì rốt ráo không, nên không thủ tướng, vì không thủ tướng, nên không khởi làm ba nghiệp; vì không làm ba nghiệp nên không sanh vào thế gian. Thế gian tức ba cõi, trong đây vì hai nhân duyên nên không sanh: 1. Ba thứ sanh nghiệ? không khởi lên. 2. Ba cõi tự tánh nó không thể có được. Trong đây Phật tổng nói nhân duyên, tức là ba cõi tự tánh không, nên nói sắc v.v... trong ba cõi tự tánh không thể có được, tịnh ấy vô tri, vì các pháp ám độn, như Phẩm trên đã nói. Hết thảy pháp tánh thường chẳng sanh, vì chẳng sanh nên không thể có được, vì không thể có được nên rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi phất được Thanh văn Ba la mật, còn Phật là bậc nhất thiết trí, nhân hai vị hỏi đáp, nên các Bồ tát tham trước Bát nhã ba la mật; vì thế Xá lợi phất muốn dứt lòng tham trước Bát nhã ba la mật của họ, nên nói: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật tuy có công đức như vậy, vì rốt ráo thanh tịnh, nên nói đối với Tát bà nhã cũng không ích không tổn, như trong mộng huyễn, tuy có được mất, cũng không ích không tổn, thí như hư không rốt ráo thanh tịnh không có gì, song cũng nhân hư không mà có việc thành tựu, và cũng không được nói hư không có tạo tác, cũng không được nói hư không không có lợi ích.

Thí ba la mật nhân Bát nhã ba la mật mà có sở tác, thế nên nói Bát nhã ba la mật không ích không tổn.

Bát nhã ba la mật quán hết thảy pháp có lỗi bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, bất sanh, bất diệt, chẳng phải bất sanh, chẳng phải bất diệt v.v... đủ các nhân duyên tán thán dứt hý luận về các quán, dứt đường ngôn ngữ, nên nói Bát nhã ba la mật thanh tịnh, không chấp thủ đối các pháp.

Dứt hý luận về các quán, dứt đường ngôn ngữ, thời tức là vào tướng pháp tánh, thế nên trong đây nói pháp tánh bất động.

KINH: Bấy giờ, Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vì ngã tịnh nên sắc tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu bồ đề thưa: Vì nhân duyên gì mà ngã tịnh nên sắc tịnh, rốt ráo tịnh?

- Phật dạy: Ngã không gì của chính nó nên sắc không có gì của chính nó, rốt ráo tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn, ngã tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu bồ đề thưa: Vì nhân duyên gì nên ngã tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh nên rốt ráo tịnh?

- Phật dạy: Ngã không có gì của chính nó, nên thọ, tưởng, hành, thức không có gì của chính nó, nên rốt ráo tịnh.

- Bạch đức Thế tôn, ngã tịnh nên Thí ba la mật tịnh, ngã tịnh nên Giới ba la mật tịnh, ngã tịnh nên Nhẫn ba la mật tịnh, ngã tịnh nên Tấn ba la mật tịnh, ngã tịnh nên Thiền ba la mật tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn, ngã tịnh nên Bát nhã ba la mật tịnh. Ngã tịnh nên bốn niệm xứ tịnh. Ngã tịnh nên cho đến tám thánh đạo phần tịnh. Ngã tịnh nên Phật mười lực tịnh. Ngã tịnh nên cho đến mười tám pháp không chung tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu bồ đề thưa: Vì nhân duyên gì, nên Thí ba la mât tịnh, ngã tịnh cho đến mười tám pháp không chung tịnh?

- Phật dạy: Vì ngã không có gì của chính nó, nên Thí ba la mật không có gì của chính nó, cho đến mười tám pháp không chung không có gì của chính nó, nên tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn, ngã tịnh nên Tu đà hoàn quả tịnh; ngã tịnh nên Tư đà hàm quả tịnh; ngã tịnh nên A na hàm quả tịnh; ngã tịnh nên A la hán quả tịnh; ngã tịnh nên Bích chi Phật đạo tịnh; ngã tịnh nên Phật đạo tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

Tu bồ đề thưa: Vì nhân gì ngã tịnh, nên Tu đà hoàn quả tịnh, Tư đà hàm quả tịnh, A na hàm quả tịnh, A la hán quả tịnh, Bích chi Phật đạo tịnh, Phật đạo tịnh?

- Phật dạy: Vì tự tướng không.

- Bạch đức Thế Tôn, ngã tịnh nên nhất thiết trí tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu bồ đề thưa: Vì nhân duyên gì ngã tịnh nên nhất thiết trí tịnh?

- Phật dạy: Vì vô tướng vô niệm.

- Bạch đức Thế Tôn, vì hai tịnh nên vô đắc vô trước.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu bồ đề thưa: Vì nhân duyên gì, do hai tịnh nên vô đắc vô trước, là rốt ráo tịnh.

- Phật dạy: Vì không nhơ không sạch.

- Bạch đức Thế Tôn, vì ngã vô biên nên sắc tịnh, thọ, tưởng, hành, thức tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu bồ đề thưa: Vì nhân duyên gì ngã vô biên nên sắc tịnh? Thọ, tưởng, hành, thức tịnh?

- Phật dạy: Vì rốt ráo không, vô thỉ không.

- Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát ma ha tát biết được như vậy, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu bồ đề thưa: Vì nhân duyên gì Bồ tát ma ha tát biết được như vậy, gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật?

- Phật dạy: Vì biết đạo chủng.

- Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện (trí tuệ) nên nghĩ rằng: Sắc chẳng biết sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng biết thọ, tưởng, hành, thức; pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ, pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai, pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại.

- Phật dạy: Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật do sức phương tiện không nghĩ rằng: "Ta thí cho người kia, ta trì giới, trì giới như vậy; ta tu nhẫn, tu nhẫn như vậy; ta tinh tấn, tinh tâ? như vậy; ta nhập thiền, nhập thiền như vậy; ta tu trí tuệ, tu trí tuệ như vậy; ta được phước đức, được phước đức như vậy; ta sẽ vào pháp vị Bồ tát, ta sẽ làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, sẽ được trí nhất thiết chủng".

Tu bồ đề, bồ tát ma ha tát ấy tu Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện, không có các ức tưởng phân biệt: nọ? không, ngoại không, nọ? ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, vô thỉ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không.

Tu bồ đề, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật; do sức phương tiện nên không có chướng ngại.

LUẬN: ban đầu Phật sai Tu bồ đề nói Bát nhã, nếu có lời nói gì, không nên tìm nhân duyên của nó, nếu người khác nói thời nên tìm nhân duyên. Xá lợi phất đã hỏi tướng thanh tịnh, Phật tác chứng, nay Tu bồ đề nói tướng thanh tịnh, Phật cũng tác chứng.

Ngã thanh tịnh nên năm uẩn thanh tịnh là như ngã rốt ráo không có gì của chính nó, không thể có được, năm uẩn cũng như vậy, rốt ráo không, tức là ngã thanh tịnh. Năm uẩn thanh tịnh khó hiểu, ngã "không" dễ hiểu, nhưng năm uẩn "Không" khó hiểu, thế nên lấy việc dễ hiểu dụ việc khó hiểu.

Sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; quả Tu đà hoàn cho đến Phật đạo cũng như vậy. Vì ngã tịnh nên pháp cũng tịnh.

Hỏi: Trên nói ngã không có gì của chính nó nên sắc cho đến mười tám pháp không chung cũng không có gì của chính nó, nay cớ sao nói quả Tu đà hoàn cho đến Phật đạo, tự tướng không?

Đáp: ngã do nhân duyên hòa hợp giả gọi là sanh, đối với vô ngã có điên đảo chấp ngã, thế nên nói ngã hư dối, không có gì của chính nó. Vì năm uẩn thuộc ở nơi nhân duyên, nên không có gì của chính nó. Thí ba la mật v.v... tuy thiện mà là pháp hữu vi tạo tác, còn Bồ tát thấy đúng thực nên nói là không có gì của chính nó, quả Tu đà hoàn v.v... là pháp vô vi, pháp vô vi tự tướng không, nghĩa là vô sanh vô diệt, vô trú vô dị, thế nên không nói là không có gì của chính nó, chỉ nói là tự tướng không.

* Lại nữa, vì nơi pháp hữu vi vì tà hạnh nhiều nên nói là không có gì của chính nó, trong pháp vô vi vì không sanh diệt, không tà hạnh, nên nói là tự tướng không.

Ngã tịnh, trí nhất thiết chủng tịnh là vì Bồ tát hiểu sâu nên vô tướng vô niệm. Vô tướng là vô tướng tam muội, vô niệm là đối với vô tướng tam muội cũng không niệm.

Nay Tu bồ đề biết Bát nhã ba la mật thật thanh tịnh, nên bạch Phật vì hai tịnh nên vô đắc vô trước.

Thanh tịnh có hai thứ: 1. Dùng nhị pháp thanh tịnh. 2. Dùng bất nhị pháp thanh tịnh. Nhị pháp thanh tịnh là danh tự thanh tịnh; dùng bất nhị pháp thanh tịnh là chơn thanh tịnh.

Phật dạy: Tướng các pháp rốt ráo không, tại sao dùng nhị pháp thanh tịnh, có đắc có trước? trong đây nói nhân duyên; tức là hết thảy pháp không nhơ không sạch. Trong hai thanh tịnh, phân biệt là nhơ là sạch.

Vì ngã vô biên nên năm uẩn thanh tịnh là như ngã không, vì không nên vô biên, năm uẩn cũng như vậy.

Hỏi: Thường nói vì rốt ráo thanh tịnh, nay cớ sao lại nói rốt ráo không, vô thỉ không?

Đáp: Rốt ráo không tức là rốt ráo thanh tịnh. Vì người ta sợ không, nên không nói chữ không, mà nói chữ thanh tịnh.

Trong đây nói ngã vô biên, ngã tức là chúng sanh, chúng sanh không, vì sao? Vì vô thỉ không.

Nói biết được như vậy ấy gọi Bát nhã là có thể thấy chúng sanh không, pháp không, hết thảy pháp rốt ráo không, ấy gọi là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật tức là rốt ráo thanh tịnh. Chư Phật thường đáp rốt ráo không, thế nên hỏi: Nếu rốt ráo không, sao còn nói Bồ tát biết được như vậy, gọi là Bồ tát Bát nhã? (đây nạn rốt ráo không, vì rốt ráo không thời không có biết).

Phật dạy: Biết đạo chủng. Bồ tát tuy biết hết thảy pháp rốt ráo không, song muốn làm chúng sanh biết được rốt ráo không ấy, để xa lìa tâm chấp trước. Chỉ vì phá tâm chấp trước nên nói rốt ráo không, chứ chẳng phải thật có nhất định (nói rốt ráo không, tức là đáp về đạo chủng trí).

Bấy giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, người tu Bát nhã nghĩ rằng: Sắc chẳng biết sắc v.v... Ý Phật Bát nhã không có định tướng, chỉ vì đạo chủng trí nên phân biệt nói (1. Nhất thiết trí, là trí của Nhị thừa, biết tổng tướng các pháp, tức là biết tướng không, nhiều trường hợp nhứt thiết cũng là trí của Phật. 2. Đạo chủng trí, là trí của Bồ tát, biết đạo pháp mỗi mỗi sai biệt; 3. Nhất thiết chủng trí, là trí của Phật, sáng suốt viên mãn, thông đạt tổng tướng biệt tướng, biết pháp hóa đạo dứt hoặc sai khác. Đúng thật ba trí không rời nhau -N.D). Khiến Bồ tát ma ha tát có phương tiện nên pháp tuy rốt ráo không, cũng biết rằng sắc chẳng biết sắc v.v... như vậy. Quán hết thảy pháp rốt ráo không, chỉ có trí tuệ năng quán tồn tại, không nên rốt ráo không, vì dẫn đạo chúng sanh tâm chấp trước, khiến vào rốt ráo không.

Phật đáp: Nếu Bồ tát tu Bát nhã có phương tiện, thời có thể quán pháp bên ngoài rốt ráo không, sắc chẳng biết sắc v.v..., bên trong tự quán nội tâm cũng với lực phương tiện như vậy. Nếu khi tu bố thí, không khởi tâm nghĩ rằng: Ta thí cho, người kia nhận lấy.

Trước đây Tu bồ đề nói sắc chẳng biết sắc, là hết thảy pháp không, cho nên không biết nhau. Không biết nhau nên không làm. Phá hai sự tức là phá người nhận và vật bố thí (hai sự này đều ở bên ngoài). Nay thì phá người cho, cho đến phá ngã. Tu trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Trong đây nói nhân duyên; Bồ tát tu Bát nhã, nhờ sức phương tiện nên không phân biệt như vậy, vì nội không nên cho đến tự tướng không, mười ba không ấy phá các pháp trọn hết, còn năm thứ "Không" sau là tổng tướng, ấy gọi là Bồ tát

không có chi ngăn ngại. Không có chi ngăn ngại là vì lấy mười tám không ấy mà không hết thảy pháp, không có chi ngăn ngại.

(Hết cuốn 63 theo bản Hán).
--o0o –

Cuốn 64

KINH: Bấy giờ Thích đề hoàn nhân hỏi Tu bồ đề: Thế nào là pháp chướng ngại của thiện nam tử khi cầu đạo Bồ tát?

Tu bồ đề đáp: Kiều thi ca! Có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cầu đạo Bồ tát, chấp thủ tâm tướng, tức là thủ tướng Thí ba la mật, thủ tướng Giới ba la mật, tướng Nhẫn ba la mật, tướng Tấn ba la mật, tướng Thiền ba la mật, tướng Bát nhã ba la mật; thủ tướng nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến tướng vô pháp hữu pháp không; thủ tướng bốn niệm xứ cho đến tướng tám Thánh đạo phần; thủ tướng Phật mười lực cho đến tướng mười tám pháp không chung; thủ tướng chư Phật; thủ tướng thiện căn của chư Phật, hòa hợp hết thảy phước đức ấy, thủ tướng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Kiều thi ca, ấy gọi là sự chướng ngại của thiện nam tử, thiện nữ nhân khi cầu Bồ tát đạo, vì sự ấy nên không thể không bị chướng ngại khi tu Bát nhã ba la mật, vì sao? Kiều thi ca, vì sắc tướng không thể hồi hướng:;thọ, tưởng, hành, thức không thể hồi hướng, cho đến trí nhất thiết chủng tướng không thể hồi hướng.

* Lại nữa, Kiều thi ca, nếu Bồ tát ma ha tát khai thị, giáo hóa, làm lợi ích, vui mừng cho người khác về Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khai thị, giáo hóa, làm lợi ích, vui mừng cho người khác về thật tướng hết thảy các pháp. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo khi tu Thí ba la mật, không nên phân biệt rằng: "Ta bố thí, ta trì giới, ta nhẫn nhục, ta tinh tấn, ta nhập thiền, ta tu trí tuệ; ta tu nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến ta tu vô pháp hữu pháp không; ta tu bốn niệm xứ, cho đến ta tu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên như vậy khai thị, giáo hóa, làm lợi ích, vui mừng cho người khác về Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu khai thị, giáo hóa làm lợi ích, vui mừng về Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như vậy, thời tự

không có sai lầm, cũng như Phật thuyết pháp, khai thị, giáo hóa làm lợi ích, vui mừng làm cho thiện nam tử, thiện nữ nhân xa lìa mọi pháp chướng ngại.

Bấy giờ Phật tán thán Tu bồ đề: Lành thay! Như ông vì Bồ tát nói các sự chướng ngại. Tu bồ đề, ông nay lại nghe ta nói tướng chướng ngại vi tế. Tu bồ đề, hãy nhất tâm khéo nghe!

Phật bảo Tu bồ đề: Có thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mà thủ tướng niệm Phật. Tu bồ đề, tướng có thể thủ đều là tướng chướng ngại.

Lại đối với thiện căn có được của chư Phật ở khoảng trung gian từ sơ phát tâm cho đến khi vào pháp vị, mà thủ tướng ức niệm; thủ tướng ức niệm rồi, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tu bồ đề, tướng có thể thủ, đều là tướng chướng ngại.

Lại, đối với các thiện căn của chư Phật và đệ tử, và thiện căn của chúng sanh khác mà thủ tướng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; tướng có thể thủ đều là tướng chướng ngại, vì sao? Vì không nên thủ tướng mà ức niệm chư Phật, cũng không nên thủ tướng mà nghĩ đến thiện căn của chư Phật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy rất sâu xa.

Phât dạy: Vì thường xa lìa hết thảy pháp.

Tu bồ đề thưa: bạch đức Thế Tôn con sẽ kính lễ Bát nhã ba la mật.

Phật bảo Tu bồ đề: Bát nhã ba la mật ấy không khởi không tác, nên không có năng đắc.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy pháp cũng không thể có được.

Phật dạy: Hết thảy pháp một tánh, chẳng phải hai tánh. Tu bồ đề, một pháp tánh ấy cũng vô tánh. Vô tánh ấy tức là tánh, tánh ấy không khởi không tác. Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát, nếu biết các pháp một tánh là vô tánh, không khởi không tác, thời xa lìa hết thảy tướng chướng ngại.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy khó biết khó hiểu.

Phật dạy: Như lời ông nói, Bát nhã ba la mật ấy không có kẻ thấy, không có kẻ nghe, không có kẻ biết, không có kẻ hiểu, không có kẻ đắc.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy không thể nghĩ bàn.

Phật dạy: Nhu lời ông nói, Bát nhã ba la mật ấy, không từ tâm sanh, không từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh, cho đến không từ mười tám pháp không chung sanh.

LUẬN: Hỏi: Nếu trái với vô ngại gọi là ngại: cớ sao Đế thích lại hỏi ngại?

Đáp: Pháp chướng ngại của Bồ tát vi diệu, hợp vào các thiện pháp, người lợi căn hiểu được, người độn căn không hiểu. Vì khó hiểu nên ở trước Phật còn hỏi lại; pháp chướng ngại là những gì? Đó là Bồ tát phân biệt về tâm xan lẫn, tâm bố thí, tâm bỏ xan lẫn, tâm thủ tướng bố thí; ấy gọi là thủ tâm tướng ,biết vật bố thí quý tiện, biết tu tập bố thí có thể cho tất cả. Thủ tướng về các thiện pháp bố thí ba la mật thí cho đến phước đức tùy hỷ ấy, tuy là diệu, song do trong chấp ngã, ngoài chấp pháp, nên rơi vào pháp chướng ngại, thí như ăn tuy thơm ngon, ăn qua rồi sinh bệnh.

Trong đây Tu bồ đề nói nhân duyên: Tướng các pháp sắc v.v... rốt ráo không, nên không thể hồi hướng đạo vô thượng được.

Trên nói tướng chướng ngại, nay nói tướng không chướng ngại, tức là Bồ tát muốn giáo hóa đạo vô thượng cho người khác, phải đem thật pháp khai thị, giáo hóa làm lợi ích, vui mừng. Nghĩa thị, giáo, lợi, hỷ, như trước đã nói.

Thật pháp là dứt các ức tưởng phân biệt, nên nói khi bố thí, không phân biệt rằng ta cho,v.v... Nếu giáo hóa được như vậy, được hai thứ lợi: 1. Tự không có sai lầm. 2. Cũng như pháp Phật chứng được đem giáo hóa người khác.

Trái với vô lượng tướng chuóng ngại như vậy, gọi là tướng không chướng ngại.

Hỏi: Phật đã tán thán Tu bồ đề nói về tướng không chướng ngại, nay cớ sao còn tự nói tướng chướng ngại vi tế?

Đáp: Phật cứ theo lực Tu bồ đề mà tán thán, ông là người bỏ chúng sanh mà có thể nói được tướng chướng ngại của Bồ tát. Tướng chuóng ngại vi tế, lực

Tu bồ đề không thể biết kịp được; thế nên Phật tự nói: Tướng chướng ngại vi tế, ông hãy nhất tâm khéo nghe, vì sao vậy? Bồ tát dùng tâm thủ tướng niệm Phật, đều là chướng ngại.

Tướng vô tướng, là Bát nhã ba la mật, Phật từ trong Bát nhã xuất sanh, cũng là tướng vô tướng. Tâm chấp trước thiện căn, thủ tướng hồi hướng, là quả báo có tận cùng của thế gian, bị tạp độc nên không thể được đạo Vô thượng.

Hỏi: Trên nói chướng ngại thô nói là chấp thủ tướng, nay trong chướng ngại vi tế cũng nói là chấp thủ tướng, có gì sai biệt?

Đáp: Trên nói ta là người cho, kia là kẻ nhận, nay chỉ nói thủ tướng.

* Lại nữa, nay nói các Bồ tát niệm Phật tam muội, nên tướng vi tế, sự chướng ngại trong người có tâm vi tế, ấy gọi là chướng ngại vi tế.

Tu bồ đề biết điều Phật dạy thâm diệu, chẳng phải mình biết được, thế nên tán thán: "Rất sâu xa".

Phật dạy: Hết thảy pháp thường xa lìa tướng.

Phật dạy: Bát nhã ấy lìa hết thảy pháp, lìa hết thảy pháp, nên tướng vi tế không vào trong Bát nhã ba la mật được.

Tu bồ đề hoan hỷ thưa: Con sẽ làm lễ Bát nhã. Ý Tu bồ đề nghĩ rằng: "Ta hiểu được tướng Bát nhã ba la mật rất sâu thẳm, nên phát tâm, ta nên làm lễ".

Phật dạy: Bát nhã ba la mật ấy không khởi không tác, nên mười phương như hằng hà sa Phật còn không nói được, huống ông là người Thanh văn làm sao nói được.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải chỉ Bát nhã mà hết thảy pháp đều vô tri vô đắc.

Phật dạy: Các pháp một tánh không hai. Một tánh tức là tánh rốt ráo không. Không hai là không có vừa rốt ráo vừa không rốt ráo. Một pháp tánh tức là vô tánh, không nên chấp trước, không nên thủ tướng rốt ráo không. Vì sao? Vì do nhân duyên hòa hợp sanh.

Tu bồ đề nghĩ rằng: Nếu vô tánh tức là tánh, vì không khởi không tác, tức sự khổ đời sau không còn tiếp nối. Biết được Bát nhã ba la mật như vậy, mọi chướng đều xa lìa. Nếu xa lìa các chướng ngại, thời tự tại được vô thượng đạo.

Tu bồ đề nghe nói như vậy, nghĩ rằng: Ta cho là được, Phật bảo chẳng được, Bát nhã ba la mật ấy khó hiểu khó biết?

Phật đáp: Chẳng phải riêng ông khó, mà hết thảy chúng sanh không có ai thấy, không có ai nghe, không có ai biết, không có ai hiểu, không có ai được. Mũi, lưỡi, thân không biết, ý không hiểu không được. Bát nhã ba la mật ấy vượt quá sáu cách biết của mắt, tai, v.v... nên nói là khó hiểu. Tu bồ đề, vào trong Bát nhã sâu xa, trí lực cùng cực, nên nói là chẳng thể nghĩ bàn.

Phật dạy: Bát nhã ấy chẳng phải tâm sanh, chẳng phải năm uẩn sanh, cho đến chẳng từ mười tám pháp không chung sanh, vì không tướng sanh.

Hỏi: Nếu nói từ tâm sanh, cớ sao lại nói năm uẩn ? Trong năm uẩn thức uẩn tức là tâm?

Đáp: Trước nói tâm là lược nói, sau nói năm uẩn v.v... là nói rộng. Năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung, có thể làm nhân duyên cho Bát nhã chứ không thể sanh Bát nhã, thí như gió mạnh trừ mây, làm cho mặt trời mặt trăng xuất hiện, chứ không thể làm ra mặt trời mặt trăng.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM VÔ TÁC THƯ 43.

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Tiêu Xí thứ 41)

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bát nhã ba la mật ấy không làm. Phật dạy: Vì tác giả không thể có được; sắc không thể có được, cho đến hết thảy pháp không thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát ma ha tát muốn tu Bát nhã ba la mật, nên tu thế nào?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát muốn tu Bát nhã ba la mật, không tu sắc, là tu Bát nhã ba la mật, không tu thọ, tưởng, hành thức là tu Bát nhã ba la

mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng, là tu Bát nhã ba la mật. Không tu sắc thường vô thường là tu Bát nhã ba la mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng thường vô thường là tu Bát nhã ba la mật. Không tu sắc hoặc khổ hoặc vui, là tu Bát nhã ba la mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng hoặc khổ hoặc vui, là tu Bát nhã ba la mật. Không tu sắc là ngã phi ngã là tu Bát nhã ba la mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng là ngã phi ngã, là tu Bát nhã ba la mật. Không tu sắc tịnh bất tịnh là tu Bát nhã ba la mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng tịnh bất tịnh, là tu Bát nhã ba la mật, vì cớ sao? Vì sắc ấy tánh không có sở hữu gì, làm sao có thường vô thường, khổ, vui, ngã, vô ngã, tịnh, bâùt tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tánh cũng không có sở hữu gì, làm sao có thường vô thường, cho đến tịnh bất tịnh; cho đến trí nhất thiết chủng tánh không có sở hữu gì, làm sao có thường vô thường, cho đến tịnh bất tịnh. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Còn không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, huống thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường v.v... N.D)

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật; không tu sắc chẳng đầy đủ, (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Viên mãn - N.D) là tu Bát nhã ba la mật; không tu thọ, tưởng, hành, thức chẳng đầy đủ, là tu Bát nhã ba la mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng chẳng đầy đủ, là tu Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì sắc chẳng đầy đủ ấy chẳng gọi là sắc, như vậy cũng chẳng tu, là tu Bát nhã ba la mật; thọ, tưởng, hành, thức chẳng đầy đủ, ấy chẳng gọi là thức, như vậy cũng chẳng tu, là tu Bát nhã ba la mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng chẳng đầy đủ ấy không gọi là trí nhất thiết chủng, như vậy cũng chẳng tu, là tu Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Thật chưa từng có, bạch đức Thế Tôn! Khéo nói tướng chướng ngại không chướng ngại (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Tướng chấp trước không chấp trước - N.D) của thiện nam tử, thiện nữ nhân khi cầu Bồ tát đạo.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, phật khéo nói tướng chướng ngại không chướng ngại của thiện nam tử, thiện nữ nhân khi cầu Bồ tát dạo.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nếu Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, không tu sắc chẳng chướng ngại, là tu Bát nhã ba la mật, (hoặc theo kinh Đại Bát Nhã ghi: Không chấp trước không tu sắc, là tu Bát nhã ba la mật - N.D) không tu thọ, tưởng, hành, thức chẳng chướng ngại, là tu Bát nhã ba la mật; không tu mắt chẳng chướng ngại, là tu Bát nhã ba la mật; không tu tai, mũi, lưỡi, thân chẳng chướng ngại, là tu Bát nhã ba la mật; không tu ý chẳng chướng ngại là

tu Bát nhã ba la mật; không tu Thí ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; không tu Giới ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; không tu Nhẫn ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; không tu Tấn ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; không tu Thiền ba la mật chẳng chướng là tu Bát nhã ba la mật; không tu Bát nhã ba la mật; không tu Bát nhã ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật như vậy, biết sắc là chẳng chướng ngại, biết thọ, tưởng, hành, thức là chẳng chướng ngại; cho đến biết trí nhất thiết chủng là chẳng chướng ngại, biết quả Tu đà hoàn chẳng chướng ngại, biết quả Tu đà hàm chẳng chướng ngại, biết quả A na hàm chẳng chướng ngại, biết Bích chi Phật đạo chẳng chướng ngại, biết đạo Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng chướng ngại. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Như thật biết rõ sắc không có tướng chấp trước không chấp trước v.v... N.D).

Bấy giờ, Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Thật chưa từng có, bạch đức Thế Tôn. Pháp thậm thâm ấy, nếu nói cũng chẳng tăng chẳng giảm, nếu không nói cũng chẳng tăng chẳng giảm. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Pháp tánh thậm thâm rất là hy hữu, hoặc nói hoặc không nói đều không tăng không giảm - N.D).

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Pháp thậm thâm ấy, nếu nói cũng chẳng tăng chẳng giảm, nếu không nói cũng chẳng tăng chẳng giảm; thí như Phật trọn đời hoặc khen hoặc chê hư không, khi khen hư không không tăng không giảm, khi chê hư không cũng không tăng không giảm.

Tu bồ đề, thí như đối với người huyễn, khi khen không tăng không giảm, khi chê cũng không tăng không giảm, khi khen không mừng, khi chê không lo. Tu bồ đề, các pháp tánh cũng như vậy, hoặc nói hoặc không nói cũng như cũ không đổi khác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ tát ma ha tát tu hành rất là khó, khi tu hành Bát nhã ba la mật không lo, không mừng, mà tập hành được Bát nhã ba la mật, đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không thối chuyển, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì tu hành Bát nhã ba la mật giống như tu hư không, như trong hư không, không có Bát nhã ba la mật, không có Thiền, không có Tấn, không có Nhẫn, không có Giới, không có Thí ba la mật; như trong hư không, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức;

cũng không có nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không; không có bốn niệm xứ cho đến không có tám Thánh đạo phần; không có Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung; không có quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán; không có Bích chi Phật đạo, không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nên kính lễ các Bồ tát ma ha tát ấy phát đại thệ nguyện trang nghiêm (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Mặc áo giáp công đức -N.D)

Bạch đức Thế Tôn, các vị ấy muốn độ chúng sanh là như muốn độ hư không.

Bạch đức Thế Tôn, các Bồ tát ma ha tát ấy phát dại nguyện trang nghiêm là vì chúng sanh như hư không v.v... mà phát đại nguyện trang nghiêm.

Bạch đức Thế Tôn, các vị ấy phát đại thệ nguyện trang nghiêm muốn độ chúng sanh, là như muốn cất hư không lên. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Các Bồ

Khi ấy có một tỳ kheo nói rằng: Muốn kính lễ Bát nhã ba la mật, trong Bát nhã ba la mật tuy không có pháp sanh, không có pháp diệt, mà có giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn; mà có các Tu đà hoàn, các Tư dà hàm, các A na hàm, các A la hán, các Bích chi Phật, có các Phật; mà có Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ kheo Tăng bảo, mà có Chuyển pháp luân.

LUẬN: Tu bồ đề nghe Phật dạy Bát nhã ba la mật không có tướng khởi, tướng tác, nên nay ở trước Phật, nói Bát nhã ba la mật không làm gì. Nếu không làm là không thể dứt các phiền não, không thể tu tập các thiện pháp. Trong đây Phật nói nhân duyên: Từ tác giả cho đến hết thảy pháp đều không thể có được. Kẻ biết còn không có huống gì kẻ làm.

Tu bồ đề nói: Nếu Bồ tát không tu hết thảy pháp, không được hết thảy pháp, hoặc thường hoặc vô thường, cho đến hoặc tịnh hoặc bất tịnh, ấy gọi là tu Bát nhã ba la mật.

Hết thảy pháp là từ sắc cho đến trí nhất thiết chủng, ấy là pháp hành của Bồ tát. Đối với pháp ấy, người vô trí hành các pháp thường v.v..., người trí hành các pháp vô thường v.v... Bát nhã ba la mật khai thị thật tướng các pháp, nên không nói các pháp là thường vô thường, vô thường tuy phá được điên đảo chấp thường; trong Bát nhã không thọ nhận pháp đó, vì nó có thể sanh tâm chấp trước, tư duy trù lượng, tìm định tướng thường vô thường, không thể có được.

Hỏi: Sắc v.v... là pháp có tội lỗi có thể quán nó bất tịnh, khổ, còn các thiện pháp khác, làm sao quán nó bất tịnh, khổ?

Đáp: Đó là bất tịnh, khổ về mặt danh tự, như pháp tốt lành an ổn theo ý, gọi là thanh tịnh khoái lạc. Pháp không an ổn theo ý gọi la bất tịnh, khổ. Đối với pháp lành người vui thích thì cho là tịnh,vui; người chán ghét không mừng thì cho là bất tịnh, khổ.

Tu bồ đề nghĩ rằng: Nếu lìa các phép quán, chắc sẽ đầy đủ Bồ tát đạo ư? Thế nên Phật dạy: Nếu không tu sắc v.v... chẳng đầy đủ (viên mãn) la tu Bát nhã ba la mật.

Sắc đầy đủ là đối với sắc pháp v.v... ức tưởng phân biệât thường, vô thường v.v... ấy gọi là đầy đủ.

Sắc không đầy đủ là đối với sắc pháp v.v... dùng quán vô thường v.v... phá thường v.v... ấy gọi là không đầy đủ, vì thiếu thường v.v... Nay đối với sắc cũng không tu vô thường quán, nên nói là không tu sắc ... không đầy đủ, ấy là tu Bát nhã ba la mật.

* Lại nữa, có người nói đầy đủ là Bồ tát bổ xứ thật quán đúng như sắc, cho đến trí nhất thiết chủng, ấy gọi là đầy đủ, ngoài ra là không đầy đủ. Nếu Bồ tát không tu sắc v.v... không đầy đủ, tức là tu Bát nhã ba la mật đầy đủ, vì sao? Vì sắc chẳng đầy đủ, tức là phi sắc, vì sắc chẳng phải tướng thường.

Phật dạy: Đưa chúng sanh ra khỏi thường, đặt trong không sở hữu, vì theo âm thanh ngữ ngôn nên nói thật thanh tịnh; cũng không tu như vậy, ấy là tu Bát nhã ba la mật.

Khéo nói đạo phi đạo nên Tu bồ đề nói: Hy hữu! Ngại là phi đạo, vô ngại là đạo (Kinh Đ?i Bát Nhã ghi: Chấp trước là phi đạo, không chấp trước là đạo - N.D).

Phật xem tâm chúng hội phần nhiều hồi hướng đến "Không", biết Bát nhã ba la mật không có tướng ngại, nên nói không tu sắc v.v... vô ngại, là tu Bát nhã ba la mật. Tu được như vậy, đối với sắc pháp v.v... vô ngại.

Tu bồ đề tuy không cứu xét cùng tột lý rốt ráo không, mà thường vui nói pháp "Không" hy hữu ấy trái với hết thảy pháp thế gian. Phật chấp nhận lời Tu bồ đề nói; hoặc nói hoặc chẳng nói, đều không tăng không giảm, là thật tướng các pháp. Nếu lấy thân nghiệp hủy hoại cũng không thể làm cho khác đi, huống gì dùng miệng nói, vì tướng thường chẳng sanh, thí như hư không. Hư không là Bát nhã ba la mật, người huyễn là hành giả, hành giả tuy do tội nghiệp nhân duyên sanh, là pháp hư dối, vì hợp với Bát nhã ba la mật nên không có khác, như các thứ màu sắc, đến bên núi Tu di, đồng là kim sắc. Thật tướng các pháp không thể biết, không thể nói, cho nên hoặc nói hoặc không nói, đều vẫn như cũ không đổi khác.

Bấy giời Tu bồ đề nghĩ rằng: "Nếu các pháp rốt ráo không, không có sở hữu gì như hư không, cho đến không có tướng vi tế, mà Bồ tát hay tu tập thiện pháp, được đạo vô thượng, việc ấy khó tin khó nhận". Nghĩ như vậy rồi bạch Phật rằng: Việc các Bồ tát làm rất khó, làm được việc khó, cho nên lễ bái,

nghĩa là hay phát thệ nguyện lớn trang nghiêm. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Mặc áo giáp công đức - N.D). Tu bồ đề với tâm cho là hy hữu nói: Bồ tát ma ha tát vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà đại thệ trang nghiêm, nên tất cả trời người đều nên lễ bái.

Hỏi: Làm sao biết đó là đại thệ trang nghiêm?

Đáp: Trong đây Tu bồ đề tự nói thí dụ: Như có người vì hư không nên siêng tu tinh tấn, vì lợi ích nên đại thệ trang nghiêm. Bồ tát vì lợi ích chúng sanh nên siêng tu tinh tấn cũng như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người muốn độ hư không, Bồ tát ma ha tát muốn độ chúng sanh cũng như vậy.

Hỏi: Chỉ một việc cớ sao nói lại?

Đáp: Lợi ích là chưa được Niết bàn, chỉ làm cho được trí tuệ, thiền định v.v..., vui đời này, đời sau. Muốn độ là làm cho được hết lậu hoặc, thành đạo Tam thừa; vào Vô dư Niết bàn. Như hư không, không sanh không diệt, không khổ không vui, không mở không trói, vì không có sở hữu gì, chúng sanh cũng như vậy. Thế nên nói: Bạch đức Thế Tôn, vì độ chúng sanh hư không nên đại thệ, trang nghiêm. Như hư không, không có sắc không có hình, nếu có ý muốn rốt ráo không, là khó. Chúng sanh pháp cũng rốt ráo không như vậy, mà Bồ tát muốn đưa chúng sanh ba cõi vào trong Niết bàn, thế nên gọi là đại thệ trang nghiêm.

Tu bồ đề lại tán thán Bố tát ấy có sức tinh tấn lớn, không theo tâm tà nghi, nên tuy chưa được Phật đạo, chưa diệt các kiết sử, mà có thể dõng mãnh lớn, tu được Bồ tát đạo, vì chúng sanh như vậy, chúng sanh cũng không. Thí như lấy các màu sắc muốn vẽ lên hư không. Trong đây Phật nói nhân duyên chúng sanh không, là chư Phật mười phương như hằng hà sa, dùng sức thần thông vì chúng sanh mà trải vô lượng kiếp thuyết pháp, mỗi mỗi Phật độ vô lượng vô số chúng sanh vào Niết bàn; giả sử như vậy, đối với chúng sanh không có giảm ít đi. Nếu thật có chúng sanh, thật có giảm ít, thời lẽ đáng chư Phật có tội làm giảm ít chúng sanh. Nếu chúng sanh thật "Không", chỉ vì nhân duyên hòa hợp nên có chúng sanh giả danh, không có định tướng, nên bấy nhiêu Phật độ chúng sanh, thật chúng sanh không giảm ít. Nếu không độ cũng không tăng, thế nên chư Phật không có cái lỗi làm giảm ít chúng sanh. Thế nên nói Bồ tát muốn độ chúng sanh là muốn độ hư không.

Bấy giờ có môt tỳ kheo, nghe nói tướng rốt ráo không, vừa kinh hãi vừa mừng nói: Tôi sẽ lễ bái Bát nhã ba la mật; trong Bát nhã ba la mật không có pháp có tướng thật nhất định, mà vẫn có chúng sanh và nghiệp báo.

KINH: Bấy giờ, Thích đề hòan nhân nói với Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát tu tập Bát nhã ba la mật, là tu tập pháp gì?

Tu bồ đề đáp: Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát tu tập Bát nhã ba la mật là tu tập "Không".

Thích đề hoàn nhân bạch Phật, bạch đức Thế Tôn, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, con sẽ thủ hộ thế nào?

Báy giờ Tu bồ đề nói với Thích đềø hoàn nhân: Kiều thi ca, vả chăng ông thấy pháp ấy có thể thủ hộ chăng?

Thích đề hoàn nhân đáp: Thưa không, Tu bồ đề! Tôi không thấy pháp ấy có thể thủ hộ.

Tu bồ đề nói: Kiều thi ca, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, tu hành như lời trong Bát nhã ba la mật nói, tức là thủ hộ, nghĩa là thường không xa lìa đúng như Bát nhã ba la mật nói mà tu hành. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, hoặc người hoặc chẳng phải người, không tìm được chỗ thuận tiện để phá, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, không xa lìa Bát nhã ba la mật.

Kiều thi ca, nếu người muốn thủ hộ kẻ tu hành Bát nhã ba la mật là muốn thủ hộ hư không.

Kiều thi ca, ý ông nghĩ sao? Ông có thể thủ hộ chiêm bao, rán nắng, bóng, tiếng vang, sự huyễn hoá chăng?

Thích đề hoàn nhân đáp: Không thể thủ hộ.

Nếu người muốn thủ hộ các Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy, chỉ luống tự khổ nhọc.

Kiều thi ca, ý ông nghĩ sao? Có thể thủ hộ sự biến hóa của Phật chăng?

Thích đề hoàn nhân thưa: Không thể thủ hộ.

Nếu người muốn thủ hộ các Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Kiều thi ca, ý ông nghĩ ao? Có thể thủ hộ pháp tánh, thật tế, như như, bất khả tư nghì tánh chăng?

Thích đề hoàn nhân thưa: Không thể thủ hộ.

Nếu người muốn thủ hộ các Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Bấùy giờ Thích đề hoàn nhân hỏi Tu bồ đề! Làm sao Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật, biết thấy các pháp như mộng, như rán nắng, như bóng, như tiếng vang, như huyễn, như hóa, các Bồ tát ma ha tát đúng như chỗ biết thấy nên không nghĩ mộng, không nghĩ đó là mộng, không nghĩ dùng mộng, không nghĩ ta mộng. Đối với rán nắng, bóng, tiếng vang, huyễn, hóa cũng như vậy.

Tu bồ đề nói: Kiều thi ca, nếu Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật; không nghĩ sắc, không nghĩ đó là sắc, không nghĩ dùng sắc, không nghĩ ta sắc, Bồ tát ma ha tát ấy cũng có thể không nghĩ mộng, không nghĩ là mộng, không nghĩ dùng mộng, không nghĩ ta mộng; cho đến hóa cũng không nghĩ hóa, không nghĩ là hóa, không nghĩ dùng hóa, không nghĩ ta hóa. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; cho đến nhất thiết trí, không nghĩ nhất thiết trí, không nghĩ là nhất thiết trí, không nghĩ dùng nhất thiết trí, không nghĩ ta nhất thiết trí. Bồ tát ấy cũng có thể không nghĩ mộng, không nghĩ là mộng, không nghĩ dùng mộng, không nghĩ ta mộng, cho đến hóa cũng vậy.

Như vậy Kiều thi ca, Bồ tát ma ha tát biết các pháp như mộng, như rán nắng, như bóng, như tiếng vang, như huyễn, như hóa.

LUẬN: Đế thích liền hỏi: Tu bồ đề theo Phật được nghe dạy Bát nhã thậm thâm, vì tu tập pháp gì?

Tu bồ đề đáp: Các pháp đều qui về Niết bàn, nên hãy tu tập các pháp không, thế nên nói muốn tu tập Bát nhã ba la mật hãy tu tập không. Đế thích là vua của người trời, đối với thế gian tự tại, có thể giúp cho sự cần thiết, nguyện làm kẻ thủ hộ. Nghe Bát nhã ba la mật ấy, hoan hỷ bạch Phật rằng: Con sẽ làm việc thủ hộ gì? Tùy theo chỗ người kia cần, con sẽ đều giúp cho. Tu bồ

đề và một tỳ kheo theo pháp xuất gia, chỉ kính lễ mà thôi. Các ác qủy thường xúc não người ấy, Ma hoặc Ma dân thường xúc não người tu, thế nên hỏi Phật: Con sẽ lấy việc gì thủ hộ, hoặc tự mình thủ hộ, hoặc sai đệ tử, hoặc sai quan thuộc hầu hạ, tùy theo Phật dạy.

Tu bồ đề biết Bát nhã ba la mật có vô lượng lực, lại biết ý Phật muốn khiến cho Bát nhã ba la mật Phật qúy trọng, không cần thọ ân, cho nên nói với Đế thích: Kiều thi ca, trong Bát nhã ba la mật, tất cả đều không, như huyễn, như mộng, vả ông thấy nhất định có một pháp có thể thủ hộ ư?

Đế thích đáp: Thưa không.

Nếu có một pháp có thể thấy, thời không gọi là Bát nhã ba la mật rốt ráo không. Nếu có một pháp không thể thấy, tại sao tôi sẽ làm việc gì để thủ hộ?

* Lại nữa, Kiều thi ca! Nếu người tu an trú như trong Bát nhã ba la mật nói, tức là thủ hộ. Nếu Bồ tát nhất tâm tín thọ như trong Bát nhã ba la mật nói, tư duy nhớ nghĩ đúng, vào thiền định quán thật tướng các pháp, được trí tuệ về rốt ráo không, tương ưng với vô sanh pháp nhẫn, vào địa vị Bồ tát. Người như vậy không tiếc thân mạng, huống gì vật bên ngoài? người này không cần thủ hộ. Thủ hộ là ngăn các điều khổ não, khiến được an vui. Người này lìa hết thảy pháp thế gian, nên không có ưu sầu khổ não; được việc thế gian không lấy làm mừng, mất việc thế gian không lấy làm lo, nghĩa là thường không lìa hạnh Bát nhã ba la mật như đã nói. Nếu người tu một thời gian, sau trở lại bị mất, thời nên cần thủ hộ; nếu thường không lìa Bát nhã ba la mật như đã nói, thời không cần thủ hộ. Như qủy Dạ xoa Già la lấy nắm tay đánh trên đầu Xá lợi phất, trong lúc Xá lợi phất vào Diệt tận định, không biết đánh đau. Khí phần của Bát nhã ba la mật tức là Diệt tận định. Thế nên người hoặc phi nhân không thể tìm được thuận tiện để phá.

Lược nói có hai nhân duyên không cần thủ hộ, mà hoặc người hoặc phi nhân không tìm được thuận tiện để phá: 1. Đối với thân cho đến hết thảy pháp đều chán lìa, vì không có ta, không có của ta, nên không dính mắc gì, như chém cỏ cây, không sanh ưu sầu. 2. Được vô thượng diệu pháp nên được mười phương chư Phật, Bồ tát, chư thiên thủ hộ.

* Lại nữa, thí như người muốn thủ hộ hư không, đối với hư không, mưa không thể hại, nắng gió không thể khô, đạo trượng không thể cắt; nếu có người muốn thủ hộ hư không, thì chỉ luống tự mình khổ nhọc, đối với hư không vô ích. Nếu người muốn thủ hộ Bồ tát tu Bồ tát tu Bát nhã ba la mật

cũng như vậy, muốn làm cho việc này được rõ ràng nên hỏi ông có thể thủ hộ hư không và người thấy trong mộng, và bóng, tiếng vang, huyễn hóa chăng? Đáp: Thưa không, vì pháp ấy chỉ dối tâm và mắt, tạm hiện ra liền mất, làm sao thủ hộ được! Bồ tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy, quán năm uẩn hư dối như mộng. Như pháp vô vi, như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh không thể thủ hộ cũng không có lợi ích. Bồ tát tu Bát nhã biết thân giống như như như, pháp tánh, thật tế không phân biệt, khi được lợi cúng dường không mừng, khi phá hoại mất không lo, người như vậy đâu cần thủ hộ?

Bấy giờ Đế thích tham quý trí tuệ như mộng ấy, còn Bồ tát được lực trí tuệ ấy không cần sự thủ hộ bên ngoài, cho nên hỏi Tu bồ đề: Làm sao Bồ tát biết pháp không ấy như mộng? Đúng như điều được biết thấy không nghĩ đến mộng v.v... mộng huyễn v.v... dụ cho năm uẩn, người chấp trước năm uẩn, không chấp trước mộng. Muốn khiến lìa việc chấp trước, nên lấy việc không chấp trước làm ví dụ. Muốn khiến quán năm uẩn như mộng, nhưng đối với mộng lại sanh chấp trước; nên Đế thích hỏi như mộng cũng không chấp trước là mộng. Đối người phàm phu lấy mộng dụ năm uẩn, họ lại chấp trước mộng mà nói rằng: "chắc chắn có mộng, sinh ra trong khi ngủ", thế ấy gọi là nghĩ đến mộng. mộng ấy xấu, mộng ấy tốt, phân biệt như vậy, ấy gọi là nghĩ đến mộng ấy. Mộng được việc tốt thời tâm cao, được việc xấu, thời tâm sầu, lại dùng mộng ấy để thí dụ, mà hiểu được thật trí tuệ như mộng, ấy gọi là nghĩ đến dùng mộng. Nghe thí dụ ấy, nói ta nhân mộng ấy mà biết được các pháp như mộng, ấy gọi là nghĩ đến ta mộng. Các thí dụ khác cũng như vậy.

Bấy giờ Tu bồ đề đáp Đ? thích: Nếu hành giả không nghĩ đến sắc là không nghĩ đến sắc, ấy là sắc người, sắc phi nhân, sắc cây, sắc núi, là sắc bốn đại, sắc bốn đại tạo ra v.v... không nghĩ đến sắc ấy, hoặc thường hoặc vô thường v.v... cũng không vì sắc nên sanh tâm kiêu mạng; không nghĩ đến sắc là của ta, mà vào cửa vô ngã, thẳng đến trong thật tướng các pháp. Người ấy có thể không nghĩ đến mộng v.v... dùng các thí dụ mộng v.v... phá tâm chấp năm uẩn, phá chấp trước nên đối với mộng cũng không sai lầm. Nếu không thể phá chấp trước sắc, người ấy đối với sắc có sai lầm, đối với mộng cũng sai lầm. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Huyễn, rán nắng, tiếng vang, bóng, hóa v.v... cũng như vậy. Các Bồ tát biết các pháp như mộng, đối với mộng cũng không nghĩ đến tưởng.

KINH: Bấy giờ do thần lực Phật nên trong ba ngàn đại thiên thế giới các trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời

Đại phạm, trời Thiểu quang, cho đến trời Tịnh cư. Các chư thiên ấy dùng hương Chiên đàn trời từ xa rãi lên trên Phật, đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, trời Tứ thiên vương, trời Đế thích, và trời Ba mươi ba, vua Phạm thiên cho đến các trời Tịnh cư, nhờ thần lực Phật nên thấy được ngàn đức Phật ở phương dông thuyết pháp; cũng tướng mạo như vậy, danh tự như vậy, nói phẩm Bát nhã ba la mật ấy. Các tỳ kheo đều có tự hiệu Thích đề hoàn nhân. Phương nam, tây, bắc Tu bồ đề, các người vấn nạn phẩm Bát nhã ba la mật đều có tự bốn góc trên dưới cũng mỗi mỗi ngàn đức Phật hiện ra như vậy.

Bấy giờ, Phật bảo Tu bồ đề: Di lặc Bồ tát ma ha tát, khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng sẽ ở tại chỗ này thuyết Bát nhã ba la mật, như trong hiền kiếp các Bồ tát ma ha tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng sẽ ở tại chỗ này thuyết Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Di lặc Bồ tát ma ha tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, dùng tướng gì, nhân gì, nghĩa gì nói nghĩa Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Di lặc Bồ tát ma ha tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, sẽ thuyết pháp như vầy: Sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường; Sắc chẳng phải khổ chẳng phải vui, sắc chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, sắc chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh . Sẽ thuyết pháp như vầy: Sắc chẳng phải trói chẳng phải mở. Sẽ thuyết pháp như vầy: Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường chẳng phải vô thường cho đến chẳng phải trói chẳng phải mở. Sẽ thuyết pháp như vầy: Sắc chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vầy. Sẽ thuyết pháp như vầy: Sắc rốt ráo tịnh; Thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo tịnh, cho đến nhất thiết trí rốt ráo tịnh.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy thanh tịnh.

Phật dạy: Vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn, vì sao sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh; vì sao thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?

* Lại nữa, vì như hư không không thể đắc, nên Bát nhã ba la mật thanh thịnh.

Bạch đức Thế Tôn, vì sao như hư không không thể đắc, nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?

Phật dạy: Như hư không không có tướng sở đắc, Bát nhã ba la mật cũng như hư không, không có tướng sở đắc nên thanh tịnh.

* Lại nữa, Tu bồ đề, hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Vì sao hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?

Phật dạy: Vì hết thảy pháp rốt ráo thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

LUẬN: Bát nhã ba la mật tuy đều thậm thâm, song trong phẩm này nói rõ ràng thật tướng các pháp, nên chư thiên trong ba ngàn đại thiên thế giới đem các đồ cúng dường đến cúng dường Phật, rồi đứng một bên.

Hỏi: Chính chư thiên trên kia, nay trở lại ư?

Đáp: Có người nói: Việc đã làm lâu nên đi rồi trở lại. Có người nói: Còn có trời mới đến. Vì muốn khiến tín thọ Bát nhã, nên mười phương mỗi mặt đều có ngàn đức Phật hiện. Người ấy có nhân duyên đại phước đức nên thấy được ngàn đức Phật, và nhờ thần lực của Phật mà mọi người tại hội đều thấy mười phương Phật. Chỗ thấy của trời người có hạn, không phải oai thần của Phật thì không do đâu thấy được chư Phật kia. Người ở trước Phật nói pháp, đều có tự hiệu Tu bồ đề, những người nạn vấn đều có tự hiệu Thích đề hoàn nhân. Lấy tự hiệu đồng nhau như vậy có ngàn người.

Khi ấy Tu bồ đề, Đế thích đều hoan hỷ nói: Chẳng phải riêng tôi có thể nói có thể hỏi. Phật muốn chứng minh việc ấy nên dẫn rộng việc ấy, nói Di lặc và Bồ tát trong Hiền kiếp, ở nước Ma già đà, thành Vương Xá, núi Kỳ xà quật nói Bát nhã ba la mật. Như trong Kinh nói: Di lặc Bồ tát đem đại chúng đi đến núi Kỳ xà quật, lấy ngón chân mở đỉnh núi, thân cốt Ma ha ca diếp mặc áo Tăng già lê, cầm gậy tích mang bình bát từ núi đi ra, Di lặc nói với đại chúng rằng: Có đức Phật Thích ca Mâu ni thời quá khứ, lúc con người

sống trăm tuổi, người này là người biết đủ ít muốn, tu hạnh Đầu đà đệ nhất trong hàng đệ tử, đủ sáu thần thông, được ba minh: thường thương xót lợi ích chúng sanh, nên dùng lực thần thông, khiến thân cốt ấy tồn tại đến nay. Nhân nơi thân nhỏ ấy còn được lợi như vậy, huống gì thân các ông lớn, thân lớn lại sanh vào đời tốt, mà không thể tự lợi.

Bấy giờ, Di lặc nhân việc ấy mà nói pháp rộng rãi, khiến vô lượng chúng sanh được dứt hết khổ.

Do việc ấy, biết Di lặc ở trong núi Kỳ xà Quật thuyết pháp Bát nhã ba la mật ấy, chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều nói, hãy nên tín thọ.

Tu bồ đề hỏi: "Di lặc lấy tướng gì, nhân gì, lấy pháp môn gì để nói?" Phật dạy: Nói như Ta nói. Các pháp sắc v.v... chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải trói chẳng phải mở, như đã nói trước đây. Cũng không nói sắc quá khứ, vị lai, hi?n tại. Như Niết bàn ra ngoài ba cõi, các pháp sắc v.v... cũng như vậy, như trước đây nói hết thảy pháp như tướng Niết bàn. Di lặc cũng như vậy.

Bấy giờ, Tu bồ đề hoan hỷ bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy thanh tịnh đệ nhất.

Phật dạy: Vì các pháp sắc v.v... thanh tịnh nên Bát nhã tịnh. Vì nhân quả giống nhau.

Các pháp sắc v.v... thanh tịnh là sắc pháp không mất nghiệp nhân duyên và không thủ đắc các pháp nhất định thật có tướng sanh, nên chẳng sanh chẳng diệt. Vì tướng các pháp thường không ô nhiễm nên chẳng nhơ chẳng sạch. Trong đây nói thí dụ, là muốn làm cho sự việc rõ ràng. Như hư không, bụi và nước không dính, vì tánh nó thanh tịnh. Bát nhã ba la mật cũng như vậy, vì chẳng sanh chẳng diệt nên thường thanh tịnh. Như hư không, không thể bị ô nhiễm, Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Tuy tà kiến hý luận, không thể làm ô nhiễm; đao gậy việc dữ không thể phá hoại; không có sắc không có hình nên không thể chấp thủ. Không thể chấp thủ thời không thể ô nhiễm.

* Lại nữa, các Bồ tát trú trong trí biện tài vui nói không ngại, vì chúng sanh nói mười hai bộ kinh, 84.000 pháp tụ. Đều là một việc Bát nhã ba la mật; mà phân biệt nói ra nhiều cách. Thế nên nói Bát nhã ba la mật có thể nói, thanh tịnh như hư không, nhân nói hư không và hang núi, có người từ miệng phát ra âm thanh giữa trống, nhân nơi hai âm thanh nên gọi là tiếng vang. Như

tiếng vang giữa không, tiếng nơi miệng cũng như vậy. Hai thứ tiếng ấy đều hư dối không thật; mà người ta cho tiếng là thật còn vang là hư dối. Bát nhã cũng như vậy. Hết thảy pháp đều rốt ráo không, như huyễn, như mộng; pháp phàm phu, pháp thánh đều là hư dối. Tiểu Bồ tát cho pháp phàm phu là hư dối, pháp thánh là thật.

Hỏi: Cả hai đều hư dối, cớ sao tiểu Bồ tát cho pháp phàm phu là hư dối, pháp thánh là thật?

Đáp: Pháp thánh do công đức trì giới, thiền định, trí tuệ, tu tập mà thành, cho nên cho là thật, vì pháp pham phu tự nhiên có, như vang tự nhiên phát ra, chẳng phải do người làm nên cho là hư dối. Chúng sanh từ vô thỉ lại đây, chấp trước thân này, tiếng từ thân phát ra cho là thật; tiểu Bồ tát vui sâu thiện pháp nên cho là thật.

* Lại nữa, như giữa hư không, không có tướng âm thanh ngữ ngôn, nên không thể nói âm thanh ngữ ngôn đều là pháp làm ra, còn hư không là pháp không làm ra. Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Thâm nghĩa đệ nhất rốt ráo không, không có ngôn thuyết, hết thảy đường ngôn thuyết dứt.

* Lại nữa, như hư không, không có tướng sở đắc, chẳng đắc có, chẳng đắc không có. Hoặc có, thì không có tướng như trước phá tướng hư không; hoặc không có, thì chính nhân nơi hư không tạo ra vô lượng việc. Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Tướng có, tướng không có đều bất khả đắc nên thanh tịnh.

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật, nhân ức niệm đúng các pháp mà phát sanh, ức niệm đúng là rốt ráo "Không" thanh tịnh, nên hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch.

(Hết cuốn 64 theo bản Hán).

--o0o –

Cuốn 65

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì Bát nhã ba la mật và thân cận, nhớ nghĩ đúng, thời trọn không bị bệnh mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; thân không tàn tật, cũng không suy

già, trọn không bị hoạnh tử. Vô số trăm ngàn vạn ức chư thiên, trời Tứ thiên vương, cho đến trời Tịnh cư, đều đi theo nghe, lãnh thọ. Sáu ngày trai là mỗi tháng mồng 8, 23, 14, 15, 29, 30, chư thiên tu hội; thiện nam tử làm pháp sư, tại chỗ thuyết Bát nhã ba la mật, chư thiên đều tập đến. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy ở giữa đại chúng nói Bát nhã ba la mật, được phước đức vô lượng vô biên vô số, không thể nghĩ bàn, không thể cân lường.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, nếu trong sáu ngày trai mỗi tháng là mồng 8, 23, 14, 29, 15, 30, mà ở trước chư thiên ấy thuyết Bát nhã ba la mật, thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước đức vô lượng vô biên vô số không thể nghĩ bàn, không thể cân lường, vì sao? Tu bồ đề! Vì Bát nhã ba la mật là trân bảo lớn. Thế nào là trân bảo lớn? Là Bát nhã ba la mật ấy, cứu được địa ngục, súc sanh, ngạ qủy và người bần cùng, hay cấp cho dòng lớn Sát lợi, Bà la môn, đại gia cư sĩ; cấp cho Tứ thiên vương thiện xứ, cho đến phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ; cấp cho quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, Bích chi Phật đạo, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật có nói rộng đến mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần; Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật. Nói rộng nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, nói rộng Phật mười lực, cho đến trí nhất thiết chủng. Từ trong pháp ấy học, xuất sanh ra dòng Sát lợi, Bà la môn, đại gia cư sĩ; xuất sanh ra trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm Thân, trời Phạm Phụ, trời Phạm Chúng, trời Đại Phạm, trời Quang, trời Thiểu Quang, trời Vô lượng quang, trời Quang AÂm, trời Tịnh, trời Thiểu Tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời A tra bà già, trời Phước Sanh, trời Quảng Quả, trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc cứu cánh, trời Không vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ. Học từ trong pháp ấy, được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, được Bích chi Phật đạo, được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì vậy Tu bồ đề, nên Bát nhã ba la mật gọi là trân bảo lớn (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Bát nhã ba la mật như vậy gọi là bảo tạng lớn, trân bảo công đức xuất thế gian, đều nương Bát nhã ba la mật thâm thâm mà xuất hiện N.D). Trong trân bảo Ba la mật không có pháp khả đắc, hoặc sanh hoặc diệt, hoặc nhơ hoặc sạch, hoặc thủ hoặc xả; trong trân bảo Ba la mật cũng không có pháp hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi; vì vậy, Tu bồ đề nên gọi là trân bảo Ba la mật không sở đắc.

Tu bồ đề, trân bảo Ba la mật ấy không có pháp làm ô nhiễm được, vì sao? Vì pháp ô nhiễm không thể có được. Tu bồ đề, vì vậy gọi là vô nhiễm Ba la mật.

Tu bồ đề, nếu Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, cũng không biết như vậy, cũng không phân biệt như vậy, cũng không được như vậy, cũng không hý luận như vậy, ấy có thể tu hành Bát nhã ba la mật, cũng có thể lễ cẩn chư Phật, từ một nước Phật đi đến một nước Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán chư Phật; dạo qua các cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật ấy, đối với các pháp không có lực, không có phi lực, cũng không có nhận, không có cho, không sanh không diệt, không nhơ không sạch, không tăng không giảm. Ba la mật ấy cũng chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, không bỏ cõi Dục, không trú cõi Dục, không bỏ cõi Sắc, không trú cõi Sắc. Bát nhã ba la mật ấy không cho cũng không bỏ Thí ba la mật,không cho cũng không bỏ Giới ba la mật,không cho cũng không bỏ Nhẫn ba la mật, không cho cũng không bỏ Tấn ba la mật, không cho cũng không bỏ Thiền ba la mật, không cho cũng không bỏ Bát nhã ba la mật; không cho cũng không bỏ nội không, cho đến không cho cũng không bỏ vô pháp hữu pháp không, không cho cũng không bỏ bốn niệm xứ, cho đến không cho cũng không bỏ tám thánh đạo phần; không cho cũng không bỏ Phật lực, cho đến không cho cũng không bỏ quả Tu đà hoàn, cho đến không cho cũng không bỏ quả A la hán, không cho cũng không bỏ Bích chi Phật đạo, cho đến không cho cũng không bỏ trí nhất thiết chủng.

Bát nhã ba la mật ấy không cho pháp A la hán, không bỏ pháp phàm phu; không cho pháp Bích chi Phật, không bỏ pháp A la hán; không cho pháp Phật, không bỏ pháp Bích chi Phật.

Bát nhã ba la mật ấy không cho pháp vô vi, không bỏ pháp hữu vi, vì sao? Vì có chư Phật hoặc không có chư Phật, tướng các pháp ấy thường trú không biến dị, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thường trú không lầm không mất.

LUẬN: Hỏi: Hoặc thọ trì, nhớ nghĩ đúng Bát nhã, còn có các hoạn nạn, làm sao nói không bị bệnh mắt v.v...?

Đáp: Việc này, phẩm công đức và địa ngục ở trên đã nói rộng. Đó là nói nghiệp chẳng phải chắc chắn thọ báo, nên không có các hoạn nạn, lại thường thọ trì, nhớ nghĩ đúng; thật hành Bát nhã như đã nói, nên không có các hoạn

nạn; thí như thuốc hay trị được các bệnh, nếu không chữa trị thích hợp, thời không lành bệnh, không phải lỗi tại thuốc. Lại như người tuy có khí cụ, mà không ngăn được nạn, chẳng phải lỗi tại khí cụ, người tu cũng như vậy, đời trước tội nặng, đời nay không tu đúng như điều được nói, nên không có thế lực Bát nhã, chứ chẳng phải lỗi tại Bát nhã.

Hỏi: Trên trời cũng có Bát nhã ba la mật, cớ sao chư thiên trong sáu ngày trai, đi theo người mang thân bất tịnh, cầu nghe nói Bát nhã?

Đáp: Trên trời có kinh quyển, truyền nghe như vậy, chẳng phải chính Phật nói. Nếu có thì trên trời Đao lợi, trời Đâu suất sẽ có, vì sao? Vì khi A tu la chiến đấu với trời Đao lợi, Phật dạy Đế thích ông nên tụng niệm Bát nhã, còn trên trời Đâu suất thường có Bồ tát bổ xứ, nói cho hàng chư thiên, nên có thể có Bát nhã. Chư thiên cõi Sắc, thân và y phục nhẹ mỏng vi tế, thường ưa yên lặng, hưởng mùi vị thiền định, cho nên không thể có kinh quyển Bát nhã. Chư thiên đắm hai thứ vui là vui ngũ dục và vui thiền định; không thể siêng chép, thọ trì Bát nhã ba la mật. Còn người cõi Diêm phù đề, thường tinh tấn, viết chép, trì tụng, thọ học, nhớ nghĩ đúng, như kinh nói người cõi Diêm phù đề do ba nhân duyên mà hơn chư thiên và người cõi Uất đơn việt (Bắc Cu lô châu): 1. Có thể đoạn dâm dục. 2. Có sức nhớ biết. 3. Tinh tấn dõng mãnh. Người cõi Diêm phù đề hay viết chép, đọc tụng, thọ trì nên chư thiên xuống đến lễ bái kinh quyển Bát nhã, hoaàu7841?c muốn nghe nói.

Lại có người nói: Trên trời nếu có kinh quyển, còn từ xa đi đến cúng dường, thì phước đức tăng thêm. cầu Bát nhã ba la mật không biết chán đủ. Cũng có trời Bồ tát muốn làm cho Bát nhã tôn trọng, nên xuống đến, muốn làm cho chúng sanh càng thêm tin kính, chư thiên còn đi đến, huống gì chúng ta? Hành giả hoặc nghe mùi thơm, hoặc thấy ánh sáng, có những việc hy hữu như thấy, cho nên thâm tâm tin ưa Bát nhã.

Lại người chưa lìa dục, ác qủi, Ma dân thường tìm chỗ hở, làm cho rơi vào chỗ ác. Từ trời Tứ thiên vương cho đến trời Tịnh cư, là chư thiên có sức lớn đến, thì tiểu quỷ tránh đi. Bồ tát thường sanh đại tâm thanh tịnh, như phẩm trước nói, thế nên đi đến theo pháp sư.

Sáu ngày trai, chư thiên đi đến xem tâm người, ngày 15, ngày 30, trở lại báo với chư thiên.

* Lại nữa, 6 ngày trai ấy là 6 ngày ác, làm cho người suy xấu, nếu có người trong các ngày ấy thọ 8 giới, trì trai, bố thí, nghe pháp, khi ấy chư thiên hoan

hỷ, tiểu qủy không được dễ dàng phá hoại, lợi ích người tu. Ngày ấy pháp sư lên tòa cao thuyết pháp. Có các nhân duyên như vậy, nên chư thiên đều đến. Người thuyết pháp tán thán vô lượng vô biên vô thượng pháp, tức là Bát nhã ba la mâït, cũng được vô lượng vô biên phước đức. Nếu nói cho người, người độn căn, phước đức mỏng, nên được phước ít, nói cho chư thiên, chư thiên lợi căn, phước đức nhiều, ruộng phước tốt, nên được phước nhiều. Nên Phật dạy người tu trong các ngày trai ở giữa chư thiên và đại chúng nói Bát nhã, được phước vô lượng. Trong đây Phật hứa nhận lời Tu bồ đề nói, lại tự nói vô lượng nhân duyên của phước đức, đó là Bát nhã ba la mật. Đại trân Bát nhã ba la mật ấy như ngọc báu như ý; hay thỏa mãn ước nguyện của mọi người, còn Bát nhã ba la mật này hay làm thỏa mãn ước nguyện của tất cả chúng sanh, tức lìa khổ được vui.

Lìa khổ là Bát nhã ba la mật hay cứu vớt chúng sanh địa ngục, súc sanh, ngạ qủy và người nghèo cùng.

Cho vui là cho dòng lớn Sát lợi, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Pháp lành là nhân duyên của cái vui ấy, ở trong Bát nhã ba la mật có nói rộng. Đó là mười thiện đạo, cho đến nhất thiết trí, cũng như ngọc như ý, hay phát xuất y phục, ẩm thực, vàng bạc v.v... tùy ý cần dùng, Bát nhã ba la mật cũng như vậy, hay làm cho được mười thiện đạo, cho đến nhất thiết trí, dòng lớn Sát lợi cho đến Phật.Vì việc ấy nên gọi là trân bảo Ba la mật.

* Lại nữa, trân bảo Ba la mật là như người được ngọc như ý, thời tùy ý cần chi đều được nấy; mất nó thời ưu não, còn Bát nhã ba la mật này chẳng sanh chẳng diệt, thường không mất; đời đời cho chúng sanh vui, cuối cùng làm cho được thành Phật. Như người được ngọc như ý thời tâm tự cao, khinh hèn người khác, ấy là nhân duyên suy hoại, nếu người được Bát nhã ba la mật thế gian, cũng phân biệt như vậy, đắm các thiện pháp, bỏ các ác pháp, sanh tâm cao ngạo, khinh miệt người khác, thời đó là mở cửa các tội. Còn trong trân bảo Bát nhã ba la mật, xuất thế gian Bát nhã ba la mật, không phân biệt lành chẳng lành, ấy gọi là đại trân bảo Ba la mật, hay làm lợi ích chúng sanh, rốt ráo không ưu não. Trân bảo Ba la mật ấy, thiện pháp còn không làm ô nhiễm, huống gì pháp bất thiện. Như trong đây nói, như vậy cũng chẳng có kẻ biết, như trên tướng nói Bát nhã, cũng không khởi lên là biết, không khởi lên là kẻ biết. Không thủ tướng cũng không sanh tâm chắp đắm; không phân biệt, không tìm định tướng; ấy gọi là không có tội lỗi, không có pháp ái, dứt các hý luận. Như vậy, người chân thật tu hành Bát nhã ba la mật, dùng pháp lễ Phật, tự được lợi ích thật pháp, nên hay làm lợi ích chúng sanh; hay tự lìa ác, hay khiến chúng sanh lìa ác. Cho nên nghiêm tịnh được thế giới Phật; do

lực phương tiện không sở đắc, nên biết pháp tướng rốt ráo tịch tịnh, nhưng hay vì chúng sanh nên phân biệt các thiện pháp.

Bát nhã ba la mật rốt ráo thanh tịnh, nên không có lực, không có phi lực, thí như hư không tuy không có pháp, mà nhân nơi hư không mới có được sở tác. Không có một pháp gì có tướng nhất định có thể thủ trước, nên không có lực; được thật tướng các pháp, đối các thiện pháp không ngại, cho đến hàng phục Ma quân mà thành Phật, chẳng phải không có lực.

Chẳng thọ lãnh chẳng cho, chẳng sanh chẳng diệt v.v... cho đến chẳng bỏ pháp hữu vi, chẳng cho pháp vô vi, cũng như vậy. Trong đây nói nhân duyên: Có Phật không có Phật, pháp tánh vẫn thường trú thế gian.

Các pháp tánh tức là thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là Bát nhã ba la mật. Nếu lấy thường vô thường mà tìm thật tướng các pháp, đều là sai lầm. Nếu người vào trong pháp tánh, thời không có sai lầm; vì pháp tánh thường nên chẳng diệt chẳng mất.

KINH: Bấy giờ các thiên tử đứng ở giữa hư không, phát âm thanh lớn, nhảy nhót vui mừng, lấy hoa Ưu bát la, hoa Ba đầu na, hoa Câu vật đầu, hoa Phân đà lị rãi trên Phật, nói như vầy: Chúng con ở cõi Diêm phù đề, thấy Phật chuyển pháp luân lần thứ hai, trong ấy vô lượng trăm ngàn thiên tử, được vô sanh pháp nhẫn.

Phật bảo Tu bồ đề: Pháp luân ấy chẳng phải chuyển lần thứ nhất, chẳng phải chuyển lần thứ hai. Bát nhã ba la mật chẳng vì chuyển nói mà xuất hiện, chẳng vì qui hoàn mà xuất hiện, vì vô pháp hữu pháp không.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tại sao vì vô pháp hữu pháp không nên Bát nhã ba la mật chẳng vì chuyển nói chẳng vì quy hoàn nên xuất hiện?

Phật dạy: Bát nhã ba la mật, tướng Bát nhã ba la mật không; cho đến Thí Ù

tướng Bích chi Phật đạo không; trí nhất thiết chủng, tướng trí nhất thiết chủng không.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát là đại Ba la mật, vì sao? Vì tuy hết thảy pháp tự tướng không, mà các Bồ tát ma ha tát nhân nơi Bát nhã ba la mật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng không có pháp có thể được chuyển pháp luân, cũng không có pháp có thể chuyển, cũng không có pháp có thể hoàn; ở trong đại Ba la mật ấy, cũng không có pháp có thể thấy, vì sao? Vì pháp ấy không thể có được, hoặc chuyển hoặc hoàn, vì hết thảy pháp rốt ráo chẳng sanh, vì sao? Vì tướng không, không thể chuyển, không thể hoàn; tướng vô tướng không thể chuyển không thể hoàn tướng vô tác, không thể chuyển không thể hoàn. Nếu nói Bát nhã ba la mật được như vậy, giáo hóa, chiếu soi, khai mở, chỉ bày, phân biệt hiển hiện, giải thích, cạn dễ, người giáo hóa được như vậy, gọi là thanh tịnh nói Bát nhã ba la mật, cũng không có người nói, cũng không có người lãnh thọ, cũng không có người chứng. Nếu không có nói, không có thọ, không có chứng, cũng không có người diệt hoại, đối với người thuyết pháp ấy cũng không có phước điền rốt ráo nhất định.

LUẬN: Chư thiên nghe nói Bát nhã, rất vui mừng nhảy nhót, chư thiên thân nhẹ căn lợi, phân biệt chấp tướng, biết có nhẹ nặng, nghe nói Bát nhã ba la mật rốt ráo thanh tịnh, thật tướng bình đẳng, đại lợi ích cho chúng sanh, không chi hơn được, nên nhảy nhót vui mừng, khởi thân nghiệp khẩu nghiệp, mang đồ cúng dường, hoa sen v.v... cúng dường Phật, nói rằng: Chúng con ở tại cõi Diêm phù đề, thấy Phật chuyển pháp luân lần thứ hai.

Hỏi: Ban sơ thuyết pháp khiến người đắc đạo, gọi là chuyển pháp luân, sao nay nói pháp luân chuyển lần thứ hai? Nếu do Phật nói gọi là chuyển pháp luân; đều là pháp luân, chứ đâu có giới hạn lần thứ hai?

Đáp: Ban sơ thuyết pháp gọi là định thật một pháp luân, nhân chuyển nói ban đầu cho đến khi pháp tận, chung gọi là chuyển. Chư thiên thấy trong chúng hội nay có nhiều người phát tâm Vô thượng đạo, được vô sanh pháp nhẫn, vì thấy lợi ích ấy, nên tán thán nói chuyển pháp luân thứ hai. Sơ chuyển pháp luân, tám vạn chư thiên được vô sanh pháp nhẫn, một mình A nhã Kiều trần như được sơ đạo quả (Dự lưu), nay vô lượng chư thiên được vô sanh pháp nhẫn, thế nên nói chuyển pháp luân thứ hai; nay chuyển pháp luân giống như sơ chuyển.

Hỏi; Nay chuyển pháp luân, nhiều người đắc đạo, sơ chuyển pháp luân người đắc đạo ít, cớ sao lấy lớn dụ nhỏ.

Đáp: Việc của chư Phật có hai thứ: 1. Mật. 2. Hiển. Sơ chuyển pháp luân, người Thanh văn thấy tám vạn một người được Sơ đạo quả, hàng Bồ tát thấy vô lương vô số người được Thanh văn đạo, vô số người gieo nhân Bích chi Phật đạo, vô lượng vô số người phát tâm vô thượng đạo, vô lượng vô số người tu sáu Ba la mật đạo, được các môn tam muội Đà la ni sâu xa, mười phương vô lượng chúng sanh được vô sanh pháp nhẫn. Vô lượng vô số chúng sanh trụ từ Sơ địa cho đến Thập địa, vô lượng vô số chúng sanh được còn đòi bổ xứ làm Phật, vô lượng vô số chúng sanh được ngồi đạo tràng, nghe pháp ấy mau thành Phật đạo.

Có bất khả tư nghì tướng như vậy, ấy gọi là tướng mật chuyển pháp luân, thí như mưa lớn, cây lớn thời hưởng nhiều, cây nhỏ thời hưởng ít, vì vậy nên biết sơ chuyển pháp luân cũng lớn. Lấy sau thí dụ trước, không có lỗi.

Chuyển pháp luân chẳng phải một chẳng phải hai là vì rốt ráo không, và vì quả báo chuyển pháp luân là Niết bàn nên nói như vậy, ấy là trong nhân nói quả. Pháp luân tức là Bát nhã ba la mật, tướng Bát nhã ba la mật không khởi không tác, cho nên không chuyển không hoàn. Như trong 12 nhân duyên, nói vô minh rốt ráo không, nên không thể thật sanh ra các hành v.v... vô minh hư vọng điên đảo, không có thật nhất định, cho nên không có pháp có thể diệt. Nói pháp sanh thế gian nên gọi là chuyển. Nói pháp diệt thế gian, nên gọi là hoàn. Trong Bát nhã ba la mật không có hai việc ấy, nên nói không chuyển không hoàn. Vì vô pháp hữu pháp không; vô chuyển là hữu pháp không, vô hoàn là vô pháp không.

Hỏi: Cớ gì Tu bồ đề hỏi câu: Vì hữu pháp không, nên Bát nhã ba la mật không vì chuyển, không vì hoàn mà xuất hiện; nhưng Phật lại lấy "Không" mà đáp?

Đáp: Có người nói: Các pháp có 4 tướng: 1. Nói có. 2. Nói không. 3. Nói cũng có cũng không. 4. Nói chẳng phải có chẳng phải không. Vì tà ức niệm đối 4 thứ ấy nên có thứ tà hạnh. Chấp trước 4 thứ ấy nên gọi là tà đạo; vì chánh ức niệm đối 4 thứ ấy nên có chánh hạnh, cũng không chấp 4 chánh hạnh nên gọi là chánh đạo. Trong đây vì phá chấp tướng phi hữu phi vô, nên gọi là vô pháp hữu pháp không. Phật dạy: Cho đến phá phi hữu phi vô, nên nói là không có chuyển không có hoàn.

Phá phi hữu phi vô có 2 cách: 1. Dùng 3 câu trên phá. 2. Dùng thật tướng Niết bàn phá. Tu bồ đề! Tuy biết Phật dùng thật tướng Niết bàn phá hữu vô, trong đó có Bồ tát mới phát tâm, hoặc còn sai lầm, nên lấy 3 câu phá phi hữu phi vô; đối với vô pháp hữu pháp không trở lại sanh tà kiến, nên Phật nói hữu pháp vô pháp cũng tự tướng không, thế nên nói Bát nhã ba la mật không chuyển không hoàn. Trong Bát nhã ba la mật không có tướng Bát nhã ba la mật, vì hết thảy pháp không có tướng, cho đến Thí ba la mật cũng như vậy, nội không cho đến tướng trí nhất thiết chủng không cũng như vậy.

Bấy giờ Tu bồ đề và đại chúng hoan hỷ tán thán Bát nhã ba la mật nói rằng: Đại Ba la mật tức là Bát nhã ba la mật.

Đại Ba la mật là hết thảy pháp tuy tự tánh không mà Bát nhã ba la mật hay lợi ích cho Bồ tát, làm cho chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; tuy được cũng không sở đắc, tuy chuyển pháp luân cũng không sở chuyển.

Hỏi: Nếu các pháp không, Bát nhã ba la mật không, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không, thời không nên tán thán Bát nhã là đại Ba la mật?

Đáp: Trong đây nói hết thảy pháp tự tánh không, nên trong tự tánh không cũng không có tự tánh không, thế nên gọi là đại Ba la mật. Nếu không có tướng không, không nên vấn nạn; Vì rốt ráo không, nên không có gì để phá, mà vẫn làm các thiện pháp để chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đây là nói theo thế tục, chẳng phải đệ nhất nghĩa.

Chư Phật tuy thuyết pháp làm cho người khác đắc đạo, phá phiền não, từ đây đến kia, gọi là chuyển, nay các phiền não của chúng tôi hư dối điên đảo, vọng ngữ không có tướng nhất định, thì đoạn cái gì? Nếu không đoạn cái gì, thì cũng không có chuyển có hoàn, thế nên nói tuy chuyển pháp luân cũng không có chuyển, hoàn, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật ấy, không có pháp để cho năm mắt có thể thấy được, hoặc chuyển hoặc hoàn , vì hết thảy pháp từ xưa đến nay rốt ráo chẳng sanh; là tự tánh không, rốt ráo không, chẳng phải tướng chuyển, chẳng phải tướng hoàn. Vì sợ đọa thường kiến nên chẳng chuyển, vì sợ đọa đo?n kiến nên chẳng hoàn; vì sợ đọa hữu nên chẳng chuyển; vì sợ đọa vô nên chẳng hoàn; vì sợ đắm thế gian nên chẳng chuyển, vì sợ đắm Niết bàn nên chẳng hoàn.

Tự tánh không, rốt ráo không, mười tám không, vô lượng các không như vậy, là môn không giải thoát chẳng chuyển chẳng hoàn; môn vô tướng, vô tác giải thoát cũng như vậy. Vào ba môn giải thoát ấy, bỏ tâm chấp ta, chấp

của ta, ấy gọi là được giải thoát. Có được tâm không thủ tướng, không chấp trước như vậy, mà thuyết, giáo, chiếu v.v... Bát nhã ba la mật. Thuyết là học làm sách văn, học miệng truyền nói; Giáo là tán thán Bát nhã khiến người thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng. Chiếu là như người cầm đèn chiếu vật, nếu người không biết Bát nhã, lấy ánh sáng trí tuệ chiếu soi khiến biết. Khai là như kho báu đóng cửa, tuy có vật tốt, mà không lấy được, nếu mở cửa thời tùy ý lấy, nhu người nghi ngờ không tin Bát nhã, mở cánh cửa tà nghi, bẻ chốt cửa vô minh, thời người ấy tùy ý lấy.Thị là như người mắt thấy không rõ, lấy ngón tay chỉ cho biết tốt xấu. Như người ít tin ít trí, chỉ cho biết là đạo hay chẳng phải đạo, là có lợi hay thất lợi v.v... Phân biệt là phân biệt các pháp là thiện hay bất thiện, là tội hay phước, là thế gian hay Niết bàn. Kinh sách chỉ nói lược, khó hiểu khó tin, phân biệt giải nói rộng rãi cho họ được tin hiểu. Hiển hiện là Phật vì mỗi mỗi chúng sanh thuyết mỗi mỗi pháp hoặc có khi chê bai thiện pháp, hổ trợ pháp bất thiện, nhắm tới khiến chúng sanh được hiểu.Thuyết pháp là nói ý thú của Phật thích ứng với chúng sanh, khiến biết tướng nhẹ nặng.Giải thích là như vật báu ở trong đảy, buộc miệng lại thời người chẳng biết, nếu người mở cái đảy kinh quyển giải thích lý nghĩa. Lại như vật nặng, làm cho nhẹ, dùng các nhân duyên thí dụ giải thích gốc ngọn, làm cho dễ hiểu.Thiển dị là như nước sâu khó lội qua, có người phân tán nước ấy làm cho cạn, thời lội qua dễ dàng. Bát nhã ba la mật như nước rất sâu, lấy sức luận nghị phương tiện giảng giải nói làm cho cạn dễ, cho đến người tiểu trí cũng tin hiểu được. Có thể lấy mười việc là thuyết, giáo, chiếu v.v... ở trên để giảng nói nghĩa rất sâu xa, ấy gọi là thanh tịnh nói Bát nhã ba la mật.

Trong đệ nhất nghĩa, thật không có thuyết, vì rốt ráo không, nên không có thuyết, không có thuyết nên không có tín thọ, không có tín thọ nên không có chứng, không có chứng nên không có diệt các phiền não, nếu không có diệt các phiền não, thời không có ruộng phước.

Thọ là tín thọ, đọc tụng tu pháp ấy được quả Sa môn, vào vô sanh pháp nhẫn, ấy gọi là chứng. Khi chứng thời các phiền não dứt, được hữu dư Niết bàn; được hữu dư Niết bàn nên chắc chắn đó là ruộng phước. Chắc chắn là các pháp đồng tánh với Niết bàn, cho nên nói cũng không có ruộng phước chắc chắn.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM CÁC BA LA MẬT THỨ 44

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Bách Ba la mật Biến Thán)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Bất Khả Đắc thứ 42).

KINH: Bấy giờ, Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật vô biên là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Ví như hư không vô biên.

Bạch đức Thế Tôn, bình đẳng Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì các pháp bình đẳng.

Bạch đức Thế Tôn, lìa Ba la mật là Bát nhã ba la mật. (Kinh Đại Bát nhã ghi: Bát nhã ba la mật đa như vậy là vô biên Ba la mật đa; Phật dạy: Như vậy! Thí như hư không, không biên tế. Bát nhã ba la mật đa như vậy là bình đẳng Ba la mật đa; Phật dạy: Như vậy, vì hết thảy pháp tánh bình đẳng. Bát nhã ba la mật đa như vậy là viễn ly Ba la mạt đa; Phật dạy như vậy, vì rốt ráo không v.v... N.D). Phật dặy: Vì rốt ráo không.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng hoại Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, không bờ kia Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì không có danh không có thân.

Bạch đức Thế Tôn, không chủng Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hơi thở ra vào chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, bất khả thuyết Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì giác quán chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô danh Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, không đi Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp không đến.

Bạch đức Thế Tôn, không di chuyển Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp không nép dấu.

Bạch đức Thế Tôn, tận Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp rốt ráo tận hết.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng sanh Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng diệt.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng diệt ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng sanh.

Bạch đức Thế Tôn, không tạo tác Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì tác giả chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô tri Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì tri giả chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng đến Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì sanh tử chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng mất Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng mất.

LUẬN: Ba la mật vô biên là Tu bồ đề nghe Phật nói nghĩa Ba la mật đại trân bảo, nhân đó mà tự tán thán Bát nhã là đại Ba la mật. Lại lấy trí tuệ vào sâu

mỗi mỗi pháp môn, quán Bát nhã ba la mật như nước biển lớn vô lượng vô biên, biết sâu công đức Bát nhã ba la mật, nhân đó phát tâm đại hoan hỷ. Muốn lấy mỗi mỗi nhân duyên tán thán Bát nhã; cho nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! vô biên Ba la mật là Bát nhã ba la mật. Nghĩa vô biên thì từ đầu phẩm cho đến hết đều là nghĩa vô biên, vì trở ngại nói việc khác nên lược nói. Nếu nói rộng thời vô lượng.

* Lại nữa, thường là một bên, vô thường là một bên, ngã vô ngã, có, không, thế gian có biên giới không biên giới, chúng sanh có biên giới không biên giới, các pháp như vậy gọi là tà kiến biên; được Bát nhã ba la mật thời không có các biên ấy, nên gọi là vô biên.

* Lại nữa, thí như chỗ vật cùng tận gọi là biên, hư không, không có sắc không có hình, cho nên vô biên; Bát nhã ba la mật rốt ráo thanh tịnh không có biên, không có tận, không có chỗ thủ, không có chỗ thọ nhân, không có chỗ chắp đắm, thế nên Phật đáp: "Như hư không vô biên nên Bát nhã ba la mật cũng vô biên".

Bồ tát được pháp nhẫn, quán hết thảy pháp đều bình đẳng, thế nên nói vì hết thảy pháp bình đẳng nên nói Bát nhã ba la mật bình đẳng.

Bồ tát dùng tâm rốt ráo không, lìa các phiền não, cũng lìa các pháp, thế nên gọi là lìa Ba la mật. Bồ tát dùng Bát nhã ba la mật ấy tìm tướng chung tướng riêng các pháp, không thấy được có tướng nhất định bằng lông tóc, vì chẳng thể có được, nên đối với hết thảy pháp tâm không chấp trước. Nếu người có tà kiến hý luận, dùng tâm tà kiến chấp trước, muốn phá hoại Bồ tát, vì Bồ tát ấy tâm không chấp trước, nên không phá hoại được; ấy gọi là chẳng hoại Ba la mật.

Bờ này gọi là sanh tử, bờ kia là Niết bàn, ở giữa có sông lớn các phiền não, hết thảy người xuất gia, muốn bỏ bờ này tham đắm bờ kia, mà Bát nhã ba la mật không có bờ kia. Bờ kia là Niết bàn, không có sắc không có danh, nên nói vì không có sắc không có danh, ấy gọi là không bờ kia Ba la mật.

Có hư không thời có hơi thở ra vào, hơi thở ra vào đều từ nghiệp nhân duyên hư dối sanh; thở ra chẳng phải thở vào, thở vào chẳng phải thở ra, niệm niệm sanh diệt, không có thật tướng khả đắc. Vì hơi thở không thể có được, nên hết thảy pháp cũng không thể có được. Không thể có được nên gọi là không chủng (không giới) Ba la mật.]

Hết thảy pháp tướng không tịch, nên chẳng cần giác quán. Vì không có giác quán thời không có ngôn thuyết, vì không có ngôn thuyết nên nói Bát nhã ba la mật dứt đường nói năng, ấy gọi là bất khả thuyết Ba la mật.

Hau pháp thu nhiếp hết mọi pháp đó là danh và sắc. Bốn đại và bốn đại tạo tác, thu nhiếp về sắc; bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức thu nhiếp về danh. Phân biệt các pháp là nói Bát nhã ba la mật là tướng trí tuệ nên nhiếp về danh. Song nay không lìa sắc là danh, không lìa danh là sắc, vì Bát nhã ba la mật không có tướng biết, nên nói thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể có được, ấy gọi là vô danh ba la mật.

Hết thảy pháp không đi không lại, nên gọi là không đi Ba la mật.

Bát nhã ba la mật là pháp tạng của ba đời mười phương chư Phật, ấn bằng ba pháp ấn, không có trời người phá được, nên gọi là không di chuyển Ba la mật.

Các pháp hữu vi, niệm niệm tận diệt, không có lúc ngưng trụ, nếu như vậy, pháp quá khứ chẳng cùng tận, pháp vị lai cũng chẳng cùng tận, pháp hiện tại cũng chẳng ngưng trụ nên chẳng cùng tận. Tướng ba đời cùng tận chẳng thể có được, nên gọi là rốt ráo cùng tận, vì rốt ráo cùng tận nên gọi là tận Ba la mật.

Hết thảy pháp sanh trong ba đời chẳng thể có được, cho nên không có sanh, vì không có sanh nên gọi là vô sanh Ba la mật, không diệt Ba la mật cũng như vậy.

Tạo tác có hai:1. Chúng sanh tạo tác. 2. Pháp tạo tác. Chúng sanh tạo tác là bố thí, trì giới v.v... Pháp tạo tác là lửa cháy, nước làm rã nát, tâm thức hay biết. Vì chúng sanh "không" nên không có tác giả. Vì hết thảy pháp độn, tướng không khởi không tác, nên pháp cũng không tạo tác. Vì hai không tạo tác ấy nên gọi là vô tác Ba la mật.

Vô tri Ba la mật cũng như vậy, vì hết thảy pháp độn nên không biết.

Thiên nhãn thấy có sanh tử, dùng tuệ nhãn không tướng thấy sanh tử chẳng thể có được. Vì sanh tử chẳng thể có được, nên chúng sanh chết đời nay không có đi đến đời sau; chỉ có năm uẩn do nhân duyên của nghiệp đời trước tương tục sanh ra, nên gọi là chẳng đến Ba la mật. Bát nhã ba la mật chẳng làm mất thật tướng các pháp, cũng làm cho hết thảy pháp chẳng mất thật

tướng, còn lìa Bát nhã ba la mật, hết thảy pháp đều mất. Quán thật tướng hết thảy pháp, được Bát nhã ba la mật, nên gọi là chẳng mất Ba la mật.

KINH: Bạch đức Thế Tôn, mộng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Cho đến việc thấy trong mộng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, tiếng vang Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì kẻ nghe tiếng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, bóng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì mặt trong gương chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, sóng nắng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Dòng nước chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, huyễn Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì huyễn thuật chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng nhơ Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các phiền não chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng sạch Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì phiền não hư dối.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng ô cấu Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì nơi chỗ chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, không hý luận Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy hý luận bị phá hoại.
Bạch đức Thế Tôn, chẳng niệm Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy niệm bị phá.

Bạch đức Thế Tôn, bất động Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp tánh thường trú.

Bạch đức Thế Tôn, không nhiễm Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì biết hết thảy pháp vọng giải (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Vì biết hết thảy pháp hư vọng - N.D).

Bạch đức Thế Tôn, chẳng khởi Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp không phân biệt.

Bạch đức Thế Tôn, tịch diệt Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp tướng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô dục Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì dục chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô sân Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì sân hận không thật.

Bạch đức Thế Tôn, vô si Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vìvô minh tối tăm dứt.

Bạch đức Thế Tôn, không phiền não Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì phân biệt ức tưởng hư vọng.

Bạch đức Thế Tôn, không có chúng sanh Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì chúng sanh không có.

Bạch đức Thế Tôn, đoạn dứt Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các pháp không khởi.

Bạch đức Thế Tôn, không có nhị biên Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì lìa nhị biên.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng phá hoại Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng lìa nhau.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng thủ Ba la mật là Bát nhã ba la mậ? - Phật dạy: Vì quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng phân biệt Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các vọng tưởng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô lượng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các pháp lượng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế` Tôn, hư không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp không có.

LUẬN: Tu bồ đề tán thán Bát nhã ba la mật, khai thị chúng sanh thế gian không, như mộng. Phật dạy: Mộng cũng chẳng thể có được, nên gọi là mộng Ba la mật.Tiếng vang, bóng, sóng nắng, huyễn cũng như vậy. Tâm người cho tiếng là thật, vang là hư giả, bóng thì lấy mặt gương làm thật, tưởng là hư giả; sóng nắng thì lấy gió, bụi, ánh sáng mặt trời làm thật, nước là hư giả; huyễn thì lấy chú thuật làm thật, vật do chú thuật làm ra hư giả.

Tu bồ đề tán thán Bát nhã lấy không làm ví dụ, Phật dạy: Dụ và việc chính đều không, vì việc chính đều không nên dụ cũng không.

Bát nhã ba la mật ấy không nhơ, đoạn diệt được hết thảy nhơ. Phật dạy: Các phiền não từ xưa lại đây thường không có, nay đoạn cái gì? thế nên gọi là không nhơ Ba la mật.

Ba la mật không sạch cũng như vậy.

Không có phiền não tức là sạch, các phiền não dâm dục, sân nhuế v.v... gọi là ô cấu. Bát nhã ba la mật ấy, tất cả pháp ô cấu không thể làm ô cấu được. Sáu căn là trú xứ của các phiền não, sáu căn và hết thảy pháp là chỗ các phiền não duyên. Vì trú xứ đều chẳng thể có được nên gọi là chẳng ô cấu Ba la mật.

Được Bát nhã ba la mật ấy, hết thảy ức tưởng phân biệt hý luận đều dứt, nên gọi là chẳng hý luận Ba la mật.

Vì hết thảy pháp rốt ráo không, không ức, không niệm tưởng; không ức, không niệm tưởng nên gọi là vô niệm Ba la mật.

Bồ tát an trú pháp tánh, tất cả các luận nghị đều không thắng được. Tất cả kiết sử tà kiến không che lấp được, tất cả pháp vô thường phá hoại, tâm không sanh lo; do các nhân duyên như vậy nên gọi là bất động Ba la mật.

Hết thảy pháp đều hư vọng, chẳng phải chỉ ái nhiễm, nên gọi là vô nhiễm Ba la mật.

Ức tưởng phân biệt là căn bản của tất cả kiết sử. Kiết sử hay tạo nghiệp đưa đến thân sau, biết được ức tưởng phân biệt là hư vọng, thời tất cả nghiệp đưa

đến sanh ra thân sau không còn khởi lên nữa, nên gọi là chẳng khởi Ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật không thủ tướng ba độc tịch diệt, mà hết thảy pháp tướng đều chẳng thể có được. Bát nhã ba la mật ấy, cho đến đối với thiện pháp còn không tham, huống gì các tham dục khác.

Phật dạy: Vì dục từ xưa lại đây chẳng thể có được, tham dục hư dối, tự tánh chẳng thể có được, nên gọi là vô dục Ba la mật, chứ chẳng phải vì lìa dục nên gọi là vô dục.

Tánh sân nhuế rốt ráo không có nên gọi là vô sân Ba la mật, chứ chẳng phải lìa sân nên gọi là vô sân.

Đối với hết thảy pháp, vô minh tối tăm bị phá trừ, nên gọi là vô si Ba la mật, chứ chẳng phải diệt si nên gọi là vô si.

Ba la mật không có phiền não là vì Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, nên tất cả phiền não dứt.

Phật dạy: Ức tưởng phân biệt là căn bản của phiền não, ức tưởng phân biệt không có, huống gì phiền não, nên gọi là không phiền não Ba la mật.

Bát nhã hay phá cái điên đảo chấp có chúng sanh đối với không có chúng sanh, nên gọi là không có chúng sanh Ba la mật.

Phật dạy: Chúng sanh từ xưa lại đây chẳng sanh, vì không có gì của chính nó, nên gọi là không có chúng sanh.

Ý Tu bồ đề cho Bát nhã dứt được hết thảy pháp hữu lậu, nên gọi là đoạn dứt Ba la mật.

Phật dạy: Các pháp chẳng khởi chẳng sanh, không tạo tác, tướng các pháp tự nhiên đoạn, nên gọi là đoạn.

Nhị biên là ngã và vô ngã, đoạn và vô đoạn, pháp khả đoạn và pháp không khả đoạn, thường và đoạn, có và không, vô lượng nhị biên như vậy. Trong Bát nhã ba la mật không có các biên ấy nên gọi là không có nhị biên Ba la mật.

Phật dạy: Các biên ấy từ xưa lại đây không có, chỉ do điên đảo hư vọng chấp trước. Bồ tát cầu sự thật, cho nên lìa các bên điên đảo. Bát nhã ba la mật ấy vì nhất tướng không, nên không thể phá.

Phật dạy: không chỉ Bát nhã ba la mật mà tất cả pháp đều không có tướng sai khác nhất định, như quả chẳng lìa nhân, nhân chẳng lìa quả; pháp hữu vi chẳng lìa pháp vô vi, Bát nhã ba la mật chẳng lìa hết thảy pháp, hết thảy pháp chẳng lìa Bát nhã ba la mật; thật tướng hết thảy pháp tức là Bát nhã ba la mật, nên gọi là chẳng phá Ba la mật. Phá là các pháp mỗi mỗi lìa tán. Hết thảy pháp có các lỗi thường vô thường v.v... thế nên Bát nhã ba la mật chẳng thủ hết thảy pháp.

Phật dạy: hết thảy pháp cho đến pháp xuất thế gian thanh tịnh của Nhị thừa, cũng chẳng thủ, nên gọi là Ba la mật chẳng thủ. Phân biệt là tâm sanh ra chấp thủ tướng, vọng tưởng phân biệt, Bát nhã là thật tướng nên không có vọng tưởng phân biệt ấy.

Phật dạy: Nhân ức tưởng phân biệt mà phân biệt có không, nay chính ức tưởng phân biệt, từ xưa lại đây không có, nên gọi là không có phân biệt Ba la mật.

Bát nhã ba la mật xuất sanh bổn vô lượng, nên gọi là Ba la mật vô lượng.

* Lại nữa, rốt ráo không, là được Niết bàn vô lượng, nên gọi là vô lượng.

* Lại nữa, trí tuệ không thể đạt đến bờ mé, nên gọi là vô lượng.

Lượng gọi là sáu thức trù lượng. Pháp ấy "không", không có tướng, không có sanh diệt, vì sao? Vì vật nhiều mà đồ đo lường nhỏ.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ Bát nhã ba la mật ấy vô lượng mà hết thảy pháp sắc v.v... chẳng thể có được, nên đều vô lượng. Nhu hư không, không có sắc không có hình, không có làm và việc làm; Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Phật dạy: Chẳng phải chỉ hư không, không có gì của chính nó mà các pháp sắc v.v...cũng đều không có gì của chính nó, nên gọi là hư không Ba la mật.

KINH: Bạch đức Thế Tôn, vô thường Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp bị phá hoại.

Bạch đức Thế Tôn, khổ Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp có tướng bức não.

Bạch đức Thế Tôn, vô ngã Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp không chấp trước.

Bạch đức Thế Tôn, "Không" Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô tướng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng sanh.

Bạch đức Thế Tôn, nội không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì nội không chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, nội ngoại không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì nội ngoại pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, không không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp không không chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, đại không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, đệ nhất nghĩa không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì Niết bàn chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, hữu vi không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp hữu vi chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô vi không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp vô vi chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, rốt ráo không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các pháp rốt ráo chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô thỉ không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các pháp vô thỉ chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, tán không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp phân tán chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, tánh không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp hữu vi vô vi chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, các pháp không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, tự tướng không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì tự tướng xa lìa.

Bạch đức Thế Tôn, vô pháp không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì vô pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, hữu pháp không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hữu pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô pháp hữu pháp không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì vô pháp hữu pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, niệm xứ Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì thân, thọ, tâm, pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, Như ý túc Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì bốn Như ý túc chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, căn Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì năm căn chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, lực Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì năm lực chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, giác Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì bảy giác phần chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, đạo Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì tám Thánh đạo phần chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô tác Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì vô tác chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, "Không" Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì không tướng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô tướng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì tướng tịch diệt chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, bội xả Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì tám bội xã chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, định Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì chín thứ đệ định chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, Thí Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì xan than chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, giới Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy; Vì phá giới chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, nhẫn Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì nhẫn không nhẫn nhục chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, tấn Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì giải đãi tinh tấn chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, thiền Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì định và loạn chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì si và tuệ chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, mười lực Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì đạt hết thảy pháp không thể khuất phục.

Bạch đức Thế Tôn, bốn Điều không sợ Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp không có chướng ngại.

Bạch đức Thế Tôn, Phật pháp Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì vượt qua hết thảy pháp Thanh văn, Duyên giác.

Bạch đức Thế Tôn, nói như thật Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì tất cả ngữ ngôn đều như thật.

Bạch đức Thế Tôn, tự nhiên Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì đối hết thảy pháp tự tại.

Bạch đức Thế Tôn, Phật Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì biết hết thảy pháp, hết thảy chủng (trong Kinh văn, cuối mỗi lời Phật dạy đều có ghi số thứ tự chữ nhỏ, từ 1 đến 90 câu. 90 câu này theo văn trong Đại Bát Nhã đều ghi ngược lại như: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật như vậy là tự nhiên Ba la mật. Phật dạy: Vì đối hết thảy pháp tự nhiên chuyển nói. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật như vậy là Chánh đẳng giác Ba la mật. Phật dạy: Vì đối với hết thảy pháp hiện chứng được vậy. - N.D).

LUẬN: Trong Bát nhã ba la mật có thánh hạnh quán vô thường nên gọi là vô thường Ba la mật. Phật dạy: Chẳng phải chỉ trong Bát nhã có vô thường, mà vì quán hết thảy pháp vô thường, nên gọi là vô thường Ba la mật.

Hỏi: Từ trước lại đây nói Bát nhã ba la mật pháp tánh thường trú sao nay nói vô thường?

Đáp: Bát nhã ba la mật là trí tuệ, quán pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, là pháp hữu vi nên vô thường, còn chỗ sở duyên của Bát nhã ba la mâït là Như, pháp tánh, thật tế, là pháp vô vi nên thường. Tu bồ đề nói hữu vi Bát nhã nên nói Bát nhã vô thường.

Hỏi: Nếu như vậy cớ sao Phật nói hết thảy pháp tận là phá hoại vô thường; pháp vô vi không có tướng phá hoại?

Đáp: hết thảy pháp gọi là sáu căn sáu trần, trong ngoài, đều là pháp tạo tác. Pháp tạo tác nên chắc chắn quy về tướng phá hoại; lìa pháp hữu vi không có pháp vô vi, cũng lại không có tướng pháp, chỉ nhân nơi tướng pháp hữu vi nên nói pháp vô vi chẳng sanh chẳng diệt.

* Lại nữa, tất cả pháp hữu vi có hai loại: 1. Danh tự tất cả. 2. Thật tất cả. Tất cả pháp hữu vi phá hoại nên gọi là tất cả vô thường, khổ v.v... cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy.

Tu bồ đề nói: Tất cả pháp tướng để tán thán Bát nhã, Phật nêu tất cả pháp ra đáp. Chánh quán bốn thứ thân, thọ, thân, pháp từ bốn niệm xứ phát sanh. Bốn niệm xứ là cửa ban đầu của bốn đế; bốn đế là cửa ban đầu của bốn quả Sa môn. Phân biệt quả A la hán, tức là ba thừa. Bốn niệm xứ ở trong Bát nhã ba la mật mỗi mỗi nói rộng. Phật dạy: Chỗ bốn pháp duyên ấy từ xưa lại đây đều chẳng thể có được, nên gọi là niệm xứ Ba la mật. Từ bốn Chánh cần cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Hỏi: Có thể lấy các pháp khác tán thán Bát nhã, cớ sao lại lấy Bát nhã tán thán Bát nhã?

Đáp: Có hai thứ Bát nhã: 1. Bát nhã thường trú riêng biệt. 2. Đi chung với năm Ba la mật kia có dùng Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề tán thán Bát nhã ba la mật hữu dụng, có thể phá vô minh tối tăm, có thể cho trí tuệ chân thật, thế nên Phật nói trong thường trú Bát nhã ba la mật, si và tuệ chẳng thể có được. Bồ tát tu Bát nhã ba la mật ấy, ban đầu được Bồ tát mười lực, sau được Phật mười lực. Thế nên nói là mười lực Ba la mật. Phật dạy: Chẳng phải chỉ mười lực là không thể phá hoại, không thể khuất phục, mà thật tướng tất cả pháp, cũng không thể phá hoại, không thể khuất phục. Ý Phật vì chúng sanh nên nói mười lực, chứ Phật lực vô lượng vô biên. Giống như Phật lực, thật tướng tất cả pháp cũng như vậy, không thể khuất phục, nên gọi là mười lực Ba la mật. Bồ tát được lực Bát nhã ba la mật ấy, có thể ở trước Phật nói pháp luận nghị, huống gì ở chỗ khác; còn chẳng sợ Ma vương, huống gì ngoại đạo, nên gọi là Ba la mật không sợ.

Phật dạy: Đạo chủng trí không thối mất; đạo chủng trí gọi là pháp nhãn, biết tất cả chúng sanh dùng đạo gì mà được niết bàn. Bát nhã ba la mật tướng thường tịch diệt không thể nói, Bồ tát ấy dùng đạo chủng trí, để dẫn đạo chúng sanh, nên ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử. Đạo chủng trí được tăng ích nên không thối mất, không sợ, không tự kiêu mạn cho ta có pháp ấy, nên gọi là Ba la mật không sợ.

Tu bồ đề theo Phật nghe pháp, tính không sợ càng sâu, nên tán thán Bát nhã ba la mật là vô ngại Ba la mật. Phật dạy: Chẳng phải chỉ có bốn vô ngại, mà tất cả pháp vào như như, pháp tánh, thật tế, đều là tướng vô ngại. Bồ tát nhân nơi Bát nhã ba la mật hay chứa nhóm mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi các Phật pháp, nên gọi là Phật pháp Ba la mật.

Phật dạy: Pháp Thanh văn hơn pháp phàm phu, pháp Bích chi Phật hơn pháp Thanh văn, Phật pháp tối thắng hơn hết thảy pháp. Như trong tất cả sắc, hư không là rộng lớn. Phật pháp tối thắng không chi sánh kịp, không thể ví dụ, vượt quá tất cả pháp, nên gọi là Phật pháp Ba la mật. Như quá khứ Phật tu sáu Ba la mật được tướng Như của các pháp, Phật nay cũng như vậy, tu sáu Ba la mật được Phật đạo, nên gọi là Đa đà a già độ (Tathagatatha) Đa đà a già độ là Như Lai; hoặc gọi là Nói như thật, hoặc gọi là Biết như thật.

Trong đây Phật dạy chẳng phải chỉ Phật nói, gọi là nói như thật, mà tất cả ngôn ngữ đều là như thật, nên gọi là nói như thật Ba la mật.

Bát nhã ba la mật ấy đầy đủ, thân sau tự nhiên làm Phật, nên gọi là Ba la mật tự nhiên. Tự nhiên gọi là Phật, vì Phật nói nên gọi là tự nhiên Ba la mật.

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật thật tướng tự nhiên, chẳng do cái khác làm ra, nên gọi là tự nhiên.

Phật dạy: Phật được lực tự tại đối với các pháp nên gọi là tự nhiên Ba la mật.

Đầy đủ mười địa, được mười lực, bốn điều không sợ, chuyển xe pháp, đánh trống pháp, giác tỉnh chúng sanh đang ngủ trong vô minh, nên gọi là Phật Ba la mật.

Phật, Trung Hoa dịch là người giác ngộ, người biết, sao vậy? Là chánh tri hết thảy pháp, hết thảy chủng (hành tướng) nên gọi là giác. Tất cả pháp là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới.

* lại nữa, tất cả pháp là kinh sách ngoại đạo, kỷ thuật, thiền định v.v... lược nói có 5 thứ: 1. Pháp phàm phu, 2. Pháp Thanhvăn, 3. Pháp Bích chi Phật, 4. Pháp Bồ tát, 5. Pháp Phật.

Phật, lược biết có 2 tướng: là tổng tướng và biệt tướng. Lại lấy tướng phân biệt, tướng rốt ráo không mà biết rộng tất cả chủng, tất cả chủng là vô lượng vô biên pháp môn. Vì việc ấy nên gọi là Phật Ba la mật, chứ không vì lấy Phật thân gọi là Phật Ba la mật, mà chỉ lấy trí nhất thiết chủng.

(Hết cuốn 65 theo bản Hán)

--o0o –

Cuốn 66

GIẢI THÍCH: PHẨM VĂN TRÌ THỨ 45.

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Kinh Nhỉ Văn Trì)

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phần 2, Phẩm Đông Bắc Phương thứ 43)

KINH: Bấy giờ Thích đề hoàn nhân nghĩ rằng: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, tai được nghe Bát nhã ba la mật, là người đời trước đã làm công đức đối với chư Phật, và đã theo cùng thiện tri thức; huống gì thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đã từng thân cận chư Phật nhiều; hoặc được nghe thọ trì, nhớ nghĩ đúng, tu đúng như nói, có thể hỏi có thể đáp, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, vì đời trước đã cúng dường thân cận chư Phật nhiều, nên nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm mà không kinh, không hãi, không sợ, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, trong vô lượng ức kiếp đã tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân, nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm ấy, không kinh, không hãi, không sợ, nghe rồi thọ trì, thân cận tu hành đúng như nói, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, như Bồ tát ma ha tát không thối chuyển, vì sao? Bạch đức Thế Tôn, vì Bát nhã ba la mật ấy rất sâu, nếu đời trước tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, không lâu, thời không thể tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu thẳm.

Bạch đức Thế Tôn, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân, hủy báng Bát nhã ba la mật sâu thẳm, nên biết người ấy đời trước cũng hủy báng Bát nhã ba la mật sâu thẳm, vì sao? Vì thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, khi nghe nói Bát nhã ba la mật sâu thẳm, không tin không vui, tâm không thanh tịnh, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đời trước không hỏi không nạn Phật và đệ tử nên như thế nào tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật; nên tu như thế nào nội không cho đến nên tu như thế nào vô pháp hữu pháp không; nên tu như thế nào bốn niệm xứ, cho đến nên tu như thế nào tám Thánh đạo phần; nên tu như thế nào Phật mười lực, cho đến nên tu như thế nào mười tám pháp không chung?

Thíc đề hoàn nhân nói với Xá lợi phất: Bát nhã ba la mật sâu thẳm ấy, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật không lâu, không tu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; không tu bốn niệm xứ, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, không tu bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần; không tu Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung. người như vậy không tin không hiểu Bát nhã ba la mật, có gì đáng quái lạ! Đại đức Xá lợi phất, tôi kính lễ Bát nhã ba la mật, đảnh lễ Bát nhã ba la mật là đảnh lễ nhất thiết trí.

Phật bảo Thích đề hoàn nhân: Như vậy, như vậy, Kiều thi ca, kính lễ Bát nhã ba la mật là kính lễ nhất thiết trí, vì sao? Kiều thi ca, vì nhất thiết trí của chư Phật đều từ Bát nhã ba la mật xuất sanh. Nhất thiết trí là Bát nhã ba la mật. Vì thế, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn trụ ở nhất thiết trí, nên trú ở Bát nhã ba la mật. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn trú ở đạo chủng trí nên tập hành Bát nhã ba la mật. Muốn dứt tất cả kiết sử và tập khí, nên tập hành Bát nhã ba la mật.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn chuyển pháp luân, nên tập hành Bát nhã ba la mật. Thiện nam tử thiện nữ nhân, muốn được quả Tu đà hoàn, quả Tư dà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, nên tập hành Bát nhã ba la mật. Muốn được Bích chi Phật đạo, nên tập hành Bát nhã ba la mật, muốn giáo hóa chúng sanh làm cho được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, Bích chi Phật đạo, nên tập hành Bát nhã ba la mật. Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân muốn giáo hóa chúng sanh làm cho được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, hoặc muốn thống nhiếp Tỳ kheo tăng, nên tập hành Bát nhã ba la mật.

LUẬN: Thích đề hoàn nhân là vua các trời, trí lợi căn thắng hơn, vì tin Phật pháp, lại tăng ích gấp bội, như lửa gặp gió, lại càng cháy bừng. Nghe Tu bồ đề dùng các nhân duyên khen ngợi Bát nhã ba la mật, Phật lấy lẽ sâu xa tán thành lời khen ngợi ấy. Đế thích phát tâm hy hữu nghĩ rằng: Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân, tai được nghe kinh Bát nhã, là người ở đời trước đã cúng dường nhiều chư Phật, làm công đức lớn, nên đời nay gặp được thầy tốt, thiện tri thức đồng học, nhân đời trước cúng dường Phật, duyên đời nay gặp thiện tri thức, nên nghe Bát nhã ba la mật thì tin được, huống gì còn đọc tụng, suy nghĩ, nhớ nghĩ đúng, tu tập thiền định, trù lượng phân biệt nghĩa lý ý thú, hay thành tựu sự việc. nên biết người ấy, từ nơi chư Phật và đệ tử quá khứ, nghe nghĩa lý Bát nhã ba la mật liền tín thọ, không hãi, không sợ, vì sao? Vì người ấy từng trong vô lượng vô số kiếp tu các công đức sáu Ba la

mật v.v... cho nên tuy chưa đến địa vị bất thối chuyển, mà đối với thâm pháp chẳng nghi chẳng hối, thí như lông nhỏ khô mới mọc trên ngón tay cái, theo gió thổi qua lại đông tây, còn lông ướt dây thừng cứng thời không lay động. Bồ tát mới phát tâm cũng như thế, tu đức chẳng lâu, làm phước cạn mỏng, nghe theo lời người khác, không thể tín thọ Bát nhã ba la mật; nếu tu phước đức lâu, không nghe theo lời người khác, thời có thể tín thọ Bát nhã ba la mật sâu thẳm, không kinh, không sợ.

Trong khi Đế thích tư duy niệm tưởng Bát nhã ba la mật có vô lượng công đức, Xá lợi phất biết tâm niệm của Đế thích nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Thiện nam tử thiện nữ nhân, tuy chưa vào Bồ tát vị, mà có thể tín thọ Bát nhã ba la mật sâu thẳm, không kinh, không sợ, làm đúng như lời nói, ấy là người có phước đức, trí tuệ, tín lực lớn, nên biết như địa vị bất thối chuyển không khác.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bát nhã ba la mật rất sâu, không có tướng có thể thủ, có thể tin, có thể thọ, nếu tín thọ được, đó là hy hữu, như người trồng cây giữa không, là việc rất khó.

Tất cả phàm phu khi được pháp thù thắng thời bỏ việc củ, như được cái vui thiền định liền bỏ cái vui ngũ dục. Cho đến nương chỗ Hữu đảnh bỏ công đức ở chỗ Vô sở hữu, không thể không có nơi nương tựa mà có việc bỏ được, như con sâu đo tìm cành, đặt chân trước mới tiến bước chân sau, tận cùng mút cành, không còn chỗ nương tựa, mới trở lui chỗ cũ. Bồ tát ấy chưa đắc đạo, đối với Bát nhã ba la mật không có chỗ nương tựa, mà có thể tu phước đức, bỏ năm dục, việc ấy hy hữu! Trong đây nói về nhân duyên là người ấy đời trước đã tín thọ, tu lâu sáu Ba la mật, nhóm nhiều các phước đức. Trái với tín thọ, là hủy báng Bát nhã. Như người có phước đức sâu dày, là do tích tập lâu ngày, người không tin mà hủy báng cũng do tập quen lâu ngày.

Hỏi: Nếu đời trước chê bai bủy báng, thì đáng đọa địa ngục, cớ gì lại được nghe Bát nhã?

Đáp: Có người nói, người ấy tội đọa địa ngục đã hết, trở lại hủy báng, chứ không nói về thân kế tiếp sau.

Có người nói: Gây nghiệp tích chứa sâu nặng, thời mới đưa đến quả báo, còn người này đời trước, tuy chẳng tin, mà tích chứa nghiệp chưa dày, thời chưa

chịu quả báo; nhờ phước đức dư thừa được sanh trong loài người, tiếp tục lại không tin.

* Lại nữa, có người nói, tội ngũ nghịch, thân kế tiếp mới chắc chắn thọ báo, còn tội khác thì không như vậy, hoặc thân kế tiếp, hoặc thân lâu sau nữa.

Khi ấy Đế thích nói với Xá lợi phất: Bát nhã ba la mật ấy rốt ráo không, không có gì của chính nó, nên rất sâu. Bồ tát không tu công đức lâu, thời tâm nhiễm trước kiên cố, sức tin nhỏ yếu, nên chẳng tin Bát nhã ba la mật cho đến nhất thiết trí, đâu đủ cho quái lạ.

Đế thích suy nghĩ trù lượng rằng: Tin Bát nhã ba la mật, phước đức vô lượng, chẳng tin mắc tội rất nặng, người thâm ái Bát nhã ba la mật nên phát ra lời rằng: Tôi sẽ kính lễ Bát nhã, vì sao? Vì kính lễ Bát nhã ba la mật, là kính lễ nhất thiết trí, kính lễ nhất thiết trí là kính lễ ba đời mười phương Phật.

Khi ấy, Phật nhận lời kia, và nói nhân duyên tán thán Ba la mật, là tất cả trí tuệ của chư Phật đều từ trong Bát nhã xuất sanh, thế nên nói: Nếu có Bồ tát muốn trụ trong nhất thiết trí cho đến thống nhiếp Tỳ kheo tăng, thời nên tập hành Bát nhã ba la mật.

KINH: Thích đề hoàn nhân bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, khi Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, thế nào là trú Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật? Thế nào là trú nội không cho đến vô pháp hữu pháp không? Thế nào là trú bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông? Thế nào là trú bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần? Thế nào là trú Phật mười lực cho đến tám pháp không chung?

Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát làm sao tu hành Bát nhã ba la mật cho đến Thí ba la mật, nội không cho đến mười tám pháp không chung?

Phật dạy: Thích đề hoàn nhân: Lành thay, lành thay, Kiều thi ca, người vui hỏi được việc ấy, đều là do thần lực Phật. Kiều thi ca, Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, nếu không trụ sắc là tu hành Bát nhã ba la mật, nếu không trụ thọ, tưởng, hành, thức là tu hành Bát nhã ba la mật, không trụ mắt, tai, mũi, thân, ý, sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp, nhãn giới, cho đến ý thức giới, cũng như vậy.

Kiều thi ca, nếu Bồ tát ma ha tát không trú Bát nhã ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật, không trú Thiền ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật, không trú Tấn ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật, không trú Nhẫn ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật, không trú Giới ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật, không trú Thí ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật.

Như vậy, Kiều thi ca, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát không trú Bát nhã ba la mật là tập hành Bát nhã ba la mật.

Kiều thi ca, không trú nội không là tập hành nội không cho đến không trú vô pháp hữu pháp không là tập hành vô pháp hữu pháp không, không trú bốn thiền là tập hành bốn thiền, không trú bốn tâm vô lượng là tập hành bốn tâm vô lượng, không trú bốn định vô sắc là tập hành bốn định vô sắc, không trú năm thần thông là tập hành năm thần thông, không trú bốn niệm xứ là tập hành bốn niệm xứ, cho đến không trú tám Thánh đạo phần là tập hành tám Thánh đạo phần, không trú Phật mười lực là tập hành Phật mười lực, cho đến không trú mười tám pháp không chung là tập hành mười tám pháp không chung, vì sao? Kiều thi ca, vì Bồ tát đối với sắc không có được chỗ khả trú, khả tập, cho đến mười tám pháp không chung, không có được chỗ khả trú khả tập nơi mười tám pháp không chung.

* Lại nữa, Kiều thi ca, Bồ tát ma ha tát không tập hành sắc, nếu không tập hành sắc, ấy gọi là tập hành sắc; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy, vì sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy quán sắc quá khứ chẳng thể có được, hiện tại chẳng thể có được, vị lai chẳng thể có được; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy rất sâu.

Phật dạy: Sắc chơn như rất sâu nên Bát nhã ba la mật rất sâu; thọ, tưởng, hành, thức chơn như rất sâu, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Xá lợi phất thưa: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy khó có thể trắc lượng.

Phật dạy: Sắc khó có thể trắc lượng nên Bát nhã ba la mật khó có thể trắc lượng; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung khó có thể trắc lượng, nên Bát nhã ba la mật khó có thể trắc lượng.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy vô lượng.

Phật dạy: Vì sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật ấy vô lượng, vì thọ, tưởng, hành, thức vô lượng cho đến mười tám pháp không chung vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng.

Phật bảo Xá lợi phất: Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, không tập hành sắc rất sâu là tập hành Bát nhã ba la mật; không tập hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung rất sâu là tập hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì sắc tướng (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Sắc tánh - N.D) rất sâu là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, tướng rất sâu là chẳng phải mười tám pháp không chung, như vậy không tập hành, là tập hành Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phất, nếu Bồ tát ma ha tát khi tập hành Bát nhã ba la mật; không tập hành sắc khó trắc lượng là tập hành Bát nhã ba la mật; không tập hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến không tập hành mười tám pháp không chung khó trắc lượng là tập hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì sắc tướng khó trắc lượng là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung tướng khó trắc lượng là chẳng phải mười tám pháp không chung.

Xá lợi phát, nếu Bồ tát ma ha tát khi tập hành Bát nhã ba la mật, không tập hành sắc vô lượng là tập hành Bát nhã ba la mật, không tập hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung vô lượng là tập hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì sắc tướng vô lượng là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung vô lượng là chẳng phải mười tám pháp không chung.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy rất sâu khó thấy khó hiểu, không thể nghĩ lường, không nên nói ỏ trước Bồ tát mới phát tâm, vì sao? Vì Bồ tát mới phát tâm, nghe Bát nhã ba la mât rất sâu ấy, hoặc sẽ kinh sợ, tâm sanh nghi hối, chẳng tin chẳng hành, Bát nhã ba la mật rất sâu ấy, nên nói ở trước Bồ tát ma ha tát ở địa vị bất thối. Bồ tát này nghe Bát nhã ba la mật rất sâu ấy, không kinh, không sợ, tâm không nghi hối, thời tin tu được.

Thích đề hoàn nhân hỏi Xá lợi phất: Nếu ở trước Bồ tát ma ha tát mới phát tâm nói Bát nhã ba la mật rất sâu ấy, có những lỗi gì?

Xá lợi phất đáp Thích đề hoàn nhân: Kiều thi ca! Nếu ở trước Bồ tát mới phát tâm, nói Bát nhã ba la mật rất sâu ấy, hoặc có lẽ sẽ kinh sợ, chê bai, không tin. Nếu Bồ tát mới phát tâm nghe Bát nhã ba la mạt rất sâu, hủy báng không tin, gieo ba nghiệp ác đạo, do nghiệp ấy, rất lâu khó được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Bấy giờ, Đế thích theo Phật nghe tán thán Bát nhã ba la mật đầy đủ, nên nay hỏi Phật: Bồ tát làm thế nào trú Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật cho đến mười tám pháp không chung.

Phật tán thán: Lành thay! Lành thay! Vì Thích đề hoàn nhân là vua trong chư thiên, nói chắc chắn đáng tin. hỏi việc ấy, dứt nghi cho đại chúng, thông suốt vô ngại, được lợi ích lớn, nên nói: "Lành thay! Lành thay!".

* Lại nữa, Phật cho rằng Đế thích có thể bỏ được năm dục thượng diệu, cung điện bảy báu, có thể hỏi việc làm của Phật hiền thánh, thế nên nói; " Lành thay!" Do thần lực Phật nên ông có thể hỏi được việc ấy. Trong đây còn có chư thiên thượng diệu, xem Phật có thần đức vô lượng, mà nay Đế thích ở giữa đại chúng hỏi được việc Phật, ấy là do oai thần của Phật. Như trong kinh Trì Tâm nói: Khi ánh sáng Phật nhập vào thân thời có thể hỏi việc Phật.

Phật đáp: Kiều thi ca, nếu Bồ tát không trú sắc v.v... ấy là tập hành Bát nhã ba la mật. Bồ tát ấy thấy sắc có các tội lỗi vô thường, khổ v.v... nên không trú sắc, nếu không trú ắc tức là có thể tập hành Bát nhã ba la mật.

Người phàm phu hể thấy sắc thì đắm sắc, khởi phiền não điên đảo, mất đạo Bát nhã ba la mật ấy. Vì vậy nên không trú, mới có thể tập hành Bát nhã ba la mật. Đối với năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy.

Hỏi: Cớ gì mỗi mỗi tự tập hành không trú sáu Ba la mật?

Đáp: Sáu Ba la mật v.v... đều là pháp lành, pháp tu. Vì vậy nên nói mỗi mỗi tập hành không trú sáu Ba la mật v.v... Không trú năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, là tập hành Bát nhã ba la mật. Nếu đối với các pháp ấy không trú trước, thời dứt ái trước, vì dứt ái trước nên tập hành thanh tịnh đối với các pháp sắc v.v...

Trong đây nói nhân duyên không trú trước: Là vì không có được chỗ trú của sắc pháp v.v..., không có được chỗ tập hành của sắc pháp v.v...

* Lại nữa, Phật cho việc ấy khó hiểu khó tin nên lại nói nhân duyên: Không tập hành sắc là Bồ tát thấy tội lỗi của sắc cho nên không trú sắc, không trú nên không tập.

Tập sắc gọi là chấp thủ tướng sắc hoặc thường hoặc vô thường v.v...

* Lại nữa, Bồ tát thường tu thiện pháp, chứa nhóm, tập luyện, thuần hậu chánh ngữ, chánh nghiệp v.v... nên gọi là tập sắc. nay Bồ tát muốn tập hành Bát nhã nên tán hoại sắc ấy, không tập, vì sao? Vì sắc quá khứ đã diệt, sắc vị lai chưa có, nên không thể tập. Còn sắc hiện tại sanh ra liền diệt không ngưng trụ; nếu nó ngưng trụ được một niệm còn không tập, huống gì niệm niệm diệt. Thế nên trong đây nói lý do việc không tập sắc, là vì sắc ba đời chẳng thể có được. (Tích tập, học đi, học lại, làm đi làm lại mãi gọi là tập - N.D). Cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Nếu quán các pháp được như vậy, tán hoại chẳng thủ tướng, ấy gọi là tập sắc v.v..., tập thật tướng của các pháp sắc v.v...

Bấy giờ, Xá lợi phất theo Phật được nghe nghĩa ấy rất hoan hỷ, thâm nhập không trí, bạch Phật rằng: Bát nhã ba la mật rất sâu. Phật nhận lời tán thán đó. Vì các pháp "Sắc như" v.v... nên rất sâu.

Phật dạy: Không chỉ mắt thấy sâu, mà lấy Bát nhã ba la mật phân biệt sắc vào như thật nên rất sâu. Như nước mưa từng giọt, không gọi rất sâu, hợp các dòng vào biển lớn mới gọi là rất sâu. Sắc v.v... cũng như vậy, mắt trời, mắt thịt thấy cạn mà chẳng sâu, nếu lấy mắt tuệ xem, thời sâu không thể lường, rất sâu nên khó thể trắc lượng, chỉ có chư Phật mới thấy tận đáy nó. Rất sâu không thể trắc lượng nên gọi là vô lượng. Không có trí tuệ nhận biết được thật tướng của sắc v.v... vì có tội lỗi trù lượng sắc hoặc thường hoặc vô thường.

Khi ấy Xá lợi phất và các thính giả, nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật không thể trắc lượng, không có lượng, Bồ tát sẽ tập hành làm sao? Phật biết ý nghĩ ấy, nên bảo Xá lợi phất rằng: Bồ tát ma ha tát nếu tập hành sắc v.v... rất sâu, thời là mất Bát nhã ba la mật; nếu không tập hành sắc rất sâu ấy là được Bát nhã ba la mật. Kẻ phàm phu độn căn nên nói rất sâu, nếu người có nhất tâm, phước đức, lợi căn, là chẳng phải rất sâu, thí như nước sâu cạn không nhất định, đối với tiểu nhi là sâu, đối người lớn là cạn cho đến như biển lớn, đối người là sâu, đối với vua A tu la La hầu là cạn. Như vậy, đối với phàm phu, người mới phát tâm, người giải đãi là rất sâu, còn đối với bậc bất thối chứa

đức lâu ngày thời cạn. Chư Phật như vua A tu la La hầu, đối hết thảy pháp không có sâu, vì được giải thoát vô ngại. Vì thế nên biết vì chúng sanh, vì thời tiết, căn lợi độn, mới tu, tu lâu, giải đãi, tinh tấn nên phân biệt nói sâu cạn. Kông thể trắc lượng, không có lượng, cũng như vậy.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Sắc v.v... tướng rất sâu là chẳng phải sắc, vì sao? Vì tâm sợ hãi, thối thất, nghi hối, nên cho sắc là rất sâu, sắc tướng thời không có sâu, như trước nói.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy rất sâu, tướng rất sâu khó thấy khó hiểu.

Hỏi: Trên kia nói Bồ tát không tập hành rất sâu, là tập hành Bát nhã ba la mật, sao nay Xá lợi phất lại nói rất sâu?

Đáp: Chẳng phải Xá lợi phất định tâm nói rất sâu, nắm được ý thú Phật, vì người khác nên nói rất sâu, thế nên trong đây nói: Bạch đức Thế Tôn, không nên ở trước Bồ tát mới phát tâm nói Bát nhã ba la mật; Bồ tát tân học nghe trí tuệ rất sâu ấy thời tâm họ thối mất, nên nói ở trước Bồ tát bất thối, vì Bồ tát bất thối có trí tuệ sâu nên tin chứ không thối mất, thí như chỗ nước sâu không nên bảo tiểu nhi lội qua, chỉ nên bảo người lớn lội qua.

Đế thích hỏi Xá lợi phất: Nếu nói cho Bồ tát mới phát tâm, có những lỗi gì?

Xá lợi phất đáp: người mới phát tâm thời không tin, tâm thối mất, tâm thối mất nên sanh nghi hối, hãi sợ: "Nếu thọ học pháp nhất thiết không, sao ta sẽ phải rơi vào đoạn diệt? Nếu không thọ học, thế thì lời Phật dạy, sao ta có thể không thọ học?" Thế nên sợ hãi, sanh nghi hối. Nếu tâm định thời sanh ác tà kiến hủy báng. Quả báo hủy báng như thế nào, như đã nói trong phẩm địa ngục. Trong đây kinh lược nói gieo nghiệp nhân về ba ác đạo thì rất lâu khó được vô thượng đạo.

KINH: Thích đề hoàn nhân hỏi Xá lợi phất: Có chăng Bồ tát ma ha tát chưa được thọ ký, mà nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, không kinh, không sợ ư?

Xá lợi phất đáp: Như vậy, Kiều thi ca, nếu có Bồ tát ma ha tát nghe Bát nhã ba la mật rất sâu không kinh, không sợ, nên biết Bồ tát ấy, không bao lâu, sẽ gặp không quá một hai đức Phật, là được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Phật bảo Xá lợi phất: Như vậy, như vậy! Bồ tát ma ha tát ấy phát tâm tu sáu Ba la mật lâu ngày, cúng dường nhiều đức Phật, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa ấy không kinh, không sợ, nghe liền thọ trì, tu hành như lời Bát nhã ba la mật nói.

Bấy giờ, Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, con muốn nói thí dụ: Như thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo mà ở trong lúc mộng tu hành Bát nhã ba la mật, vào thiền định, siêng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, thủ hộ giới, hành bố thí, tu hành nội không, ngoại không, cho đến ngồi đạo tràng; nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy còn gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, huống gì Bồ tát ma ha tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mà trong lúc tĩnh thức tu hành Bát nhã ba la mật, vào thiền định, siêng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, thủ hộ giới, hành bố thí, lại không chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ngồi đạo tràng.

Bạch đức Thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nhân, thiện căn thành tựu, được nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì cho đến tu hành đúng như nói; nên biết Bồ tát ma ha tát ấy, phát tâm trồng căn lành đã lâu, cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức, người ấy có thể thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng. Nên biết người ấy gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy như Bồ tát ma ha tát ở địa vị bất thối, không động chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; có thể được Bát nhã ba la mật sâu thẳm. Được rồi thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng.

Bạch đức Thế Tôn, thí như người muốn đi qua một trăm do tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, bốn trăm do tuần, trải qua đồng vắng đường hiểm, đầu tiên trông thấy các tướng người chăn trâu, cương giới, vườn rừng, thấy các tướng như vậy nên biết sắp đến thành ấp làng xóm. Người ấy thấy tướng kia liền nghĩ rằng: Như tướng ta thấy đó, nên biết thành ấp làng xóm không còn xa, tâm được yên vui, không sợ nạn giặc, trùng dữ, đói khát. Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, nếu được Bát nhã ba la mật sâu thẳm này, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết đã gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không lâu. Nên biết Bồ tát ma ha tát ấy, không phải sợ đọa vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Các tướng thấy trước ấy, đó là Bát nhã ba la mật rất sâu, được nghe, được thấy, được thọ trì, cho nên nhớ nghĩ đúng.

Phật bảo Xá lợi phất: Như vậy, như vậy, ông muốn vui nói nữa, cứ nói.

Bạch đức Thế tôn, thí như người muốn thấy biết biển lớn, phát tâm đi đến, chẳng thấy tướng cây, chẳng thấy tướng núi, người ấy tuy chưa thấy biển lớn, song biết biển lớn không còn xa, vì sao? Vì biển lớn ở chỗ bằng phẳng không có tướng cây tướng núi. Như vậy, bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát nếu nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng, tuy chưa ở trước Phật được thọ ký kiếp số hoặc trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, trăm ngàn ức kiếp thành vô thượng đạo, song Bồ tát đã tự biết gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì sao? Vì con được nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng.

Bạch đức Thế Tôn, thí như đầu xuân, các lá cũ trên cây đã rụng, nên biết cây ấy sắp có lá hoa quả mới, trổ ra không lâu, vì sao? Vì thấy tướng khởi đầu của cây ấy, nên biết không lâu lá hoa quả sẽ trổ ra. Khi ấy người cõi Diêm phù đề thấy tướng khởi đầu của cây, đều rất hoan hỷ.

Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát được nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói, nên biết Bồ tát ấy, căn lành thành thục, cúng dường nhiều đức Phật. Bồ tát ấy nên nghĩ rằng: Thiện căn đời trước đuổi tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, do nhân duyên ấy nên được thấy được nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói. Trong đây các thiên tử từng thấy Phật, vui mừng nhảy nhót nghĩ rằng: Trước đây các Bồ tát ma ha tát cũng có thấy các tướng trước khi được thọ ký như vậy, nay Bồ tát ma ha tát này cũng sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không lâu.

Bạch đức Thế Tôn, thí như người mẹ mang thai, thân thể nặng nề khổ sở, đi bước không tiện, đứng ngồi không yên, ngủ ăn giảm ít, không ưa nói năng, chán việc đã quen, chịu đủ thống khổ. Có người mẹ khác thấy tướng hiện ra trước ấy, biết người kia gần sanh. Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, trồng căn lành cúng dường nhiều đức Phật, tu lâu sáu Ba la mật, theo cùng thiện tri thức, căn lành thành tựu, được nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói. Các người cũng biết Bồ tát ma ha tát ấy gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không lâu.

Phật bảo Xá lợi phất: Lành thay, lành thay! Ông vui nói được, đều nhờ lực Phật.

Khi ấy Tu bồ đề bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch đức Thế Tôn, các đấng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, khéo phú chúc việc các Bồ tát ma ha tát.

Phật bảo Tu bồ đề: Các Bồ tát ma ha tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, an ổn nhiều chúng sanh, làm cho vô lượng chúng sanh được vui, vì thương xót đem an vui lợi ích cho chư thiên nhân loại. Các Bồ tát ấy khi tu Bồ tát đạo, lấy bốn việc thu nhiếp vô lượng trăm ngàn chúng sanh, đó là bố thí, aí ngữ, lợi hành, đồng sự, cũng lấy mười thiện đạo thành tựu chúng sanh, tự tu Sơ thiền cũng dạy người khác tu Sơ thiền, cho đến tự tu định Phi hữu tưởng Phi vô tưởng xứ, cũng dạy người tu định Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ. Tự tu Thí ba la mật cũng dạy người tu Thí ba la mật, tự tu Giới ba la mật cũng dạy người tu Giới ba la mật, tự tu Nhẫn ba la mật cũng dạy người tu Nhẫn ba la mật, tự tu Tấn ba la mật cũng dạy người tu Tấn ba la mật, tự tu Thiền ba la mật cũng dạy người tu Thiền ba la mật, tự tu Bát nhã ba la mật cũng dạy người tu Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ấy được Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện dạy chúng sanh khiến được quả Tu đà hoàn, mà tự mình không chứng; dạy chúng sanh khiến được Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, mà tự mình không chứng; dạy chúng sanh khiến được Bích chi Phật đạo, mà tự mình không chứng trong đó; tự mình tu sáu Ba la mật, cũng dạy vô lượng trăm ngàn vạn các Bồ tát, khiến tu sáu Ba la mật; tự mình trú địa vị bất thối, cũng dạy người trú địa vị bất thối; tự mình nghiêm tịnh cõi Phật, cũng dạy người nghiêm tịnh cõi Phật; tự thành tựu tuệ giác cho chúng sanh cũng dạy người thành tựu tuệ giác cho chúng sanh; tự mình được Bồ tát thần thông cũng dạy người khiến được Bồ tát thần thông; tự mình nghiêm tịnh môn Đà la ni cũng dạy người nghiêm tịnh môn Đà la ni; tự đầy đủ biện tài vui nói cũng dạy người đầy đủ biện tài vui nói; tự nhiếp thọ sắc thân thành tựu, cũng dạy người khiến nhiếp thọ sắc thân thành tựu; tự thành tựu 32 tướng cũng dạy người thành tựu 32 tướng; tự thành tựu đồng chơn địa cũng dạy người thành tựu đồng chơn địa; tự thành tự Phật mười lực cũng dạy người khiến tự thành tựu Phật mười lực; tự tu bốn điều không sợ cũng dạy người tu bốn điều không sợ; tự tu mười tám pháp không chung cũng dạy người tu mười tám pháp không chung; tự tu đại từ đại bi cũng dạy người tu đại từ đại bi; tự được trí nhất thiết chủng cũng dạy người khiến được trí nhất thiết chủng; tự lìa hết thảy phiền não và tập khí cũng dạy người lìa hết thảy phiền não và tập khí; tự chuyển pháp luân cũng dạy người chuyển pháp luân.

LUẬN: Khi ấy Đế thích hỏi Xá lợi phất: Có chăng có vị Bồ tát chưa được thọ ký mà nghe Bát nhã sâu thẳm ấy, không kinh không sợ?

Xá lợi phất đáp: Không có người không được thọ ký nghe Bát nhã mà có thể tin, nếu người có thể tin, nên biết người ấy sắp được thọ ký, chẳng qua gặp một đức Phật hai đức Phật liền được thọ ký.

Phật hứa khả lời Xá lợi phất nói.

Xá lợi phất nghe Phật hứa khả lời mình nói, tâm rất hoan hỷ, lại muốn việc ấy được rõ ràng hơn nên nói thí dụ rằng: Tâm trong mộng bị sức ngủ che lấp, chẳng phải chơn tâm làm: nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ở trong mộng phát tâm tu sáu Ba la mật, cho đến ngồi đạo tràng, nên biết người ấy phước đức nhỏ nhẹ, còn gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, huống gì Bồ tát ma ha tát trong khi thức, thật phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tu sáu Ba la mật mà không gần được thọ ký.

Bạch đức Thế Tôn, nếu người qua lại trong sáu đường sanh tử, hoặc thời được nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, biết chắc người ấy không lâu sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, như cá nuốt lưỡi câu, tuy còn bơi lội trong ao, nên biết nó ra ngoài ao không lâu. Hành giả cũng như vậy, tin vui sâu vào Bát nhã ba la mật, không còn ở lâu trong sanh tử. Trong đây Xá lợi phất tự nói thí dụ: Nếu người muốn đi qua đường hiểm. Đường hiểm tức là thế gian. Trăm do tuần tức là cõi Dục. Hai trăm do tuần là cõi Sắc. Ba trăm do tuần là cõi Vô sắc. Bốn trăm do tuần là Thanh văn, Bích chi Phật đạo.

* Lại nữa, bốn trăm do tuần là cõi Dục; ba trăm do tuần là cõi Sắc; hai trăm do tuần là cõi Vô sắc; một trăm do tuần là Thanh văn, Bích chi Phật.

Muốn ra là người tín thọ tu hành Bát nhã ba la mật.

Trước thấy tướng các pháp là thấy đại Bồ tát bỏ cái dục lạc thế gian, thâm tâm vui Bát nhã ba la mật.

Thấy cương giới, là phân biệt các pháp đây là pháp Thanh văn, đây là pháp Bích chi Phật, đây là pháp Đại thừa; như vậy lợi ích nhỏ là Thanh văn, lợi ích lớn là Bồ tát. Cõi ma là sanh tử, cõi Phật là Bát nhã ba la mật, nơi cam lộ vị bất tử.

Thấy vườn rừng là chỗ các cái vui thiền định, trí tuệ theo Phật đạo; vô lượng tướng thiện pháp như vậy.

Thấy xóm làng là nhu thuận pháp nhẫn; ấy là vô sanh pháp nhẫn; thành là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Được an ổn là Bồ tát nghe pháp ấy tư duy trù lượng, tu hành, ta được pháp ấy tâm an ổn, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Giặc là 62 tà kiến chấp ngã v.v...

Trùng dữ là các phiền não tham ái, sân nhuế v.v...

Không sợ giặc là người không tìm được thuận tiện để phá.

Không sợ trùng dữ là phi nhân không tìm được thuận tiện để phá.

Không sợ đói là không sợ không thể được chọn trí tuệ thánh nhân.

Không sợ khát là không sợ không thể được vị pháp lạc của thiền định, giải thoát v.v...

Trong đây tự nói nhân duyên: Bồ tát ma ha tát thấy được tướng đầu tiên, biết không bao lâu sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không sợ đoạ vào đường ác, đói khát chết, không sợ đọa vào Thanh văn, Bích chi Phật địa.

Phật chấp nhận ví dụ ấy, lấy thô dụ tế, lấy thế gian dụ xuất thế gian. Còn ba thí dụ kia cũng nên phân biệt nói như trên.

Nước biển lớn là dụ Vô thượng đạo, đất bằng phẳng không có cây núi, đó là dụ quyển kinh Bát nhã ba la mật.

Trái cây là dụ Vô thượng đạo, hoa cây là dụ địa vị bất thối.

Đầu xuân lá cũ rụng lại sanh lá mới là dụ các phiền não tà kiến, nghi v.v... dứt; có thể được kinh quyển Bát nhã ba la mật.

Người mẹ là dụ hành giả; thân trong bào thai là dụ Vô thượng đạo.

Tướng sắp sinh là dụ Bồ tát tu tập Bát nhã ba la mật lâu ngày.

Chán điều đã tập quen la dụ sợ cái vui dâm dục của thế gian, không còn ưa đắm.

Phật khen lời nói kia lành thay!

Khi ấy Tu bồ đề nghe Xá lợi phất nói được Phật nhận, khen lành thay, biết ý Phật kính niệm sâu xa Bồ tát ấy, cho nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, rất là hy hữu, khéo phó chúc việc Bồ tát.

Việc Bồ tát là "không" đạo, phước đức đạo, cũng như Phật nói có tổng tướng biệt tướng. Đ? ký thác cho A nan, Di lặc v.v... sau khi Phật vào Vô dư Niết bàn, khéo tự phụng hành, dạy bảo chỉ bày, lợi ích chúng sanh, không để cho sai lầm.

Phật nói nhân duyên khéo phó chúc, là các Bồ tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

An ổn nhiều chúng sanh, là trong chúng sanh có vô lượng vô biên vô số, trừ Phật không ai tính biết được.

Người theo Phật, được lợi ích là không thể đếm biết, gọi là nhiều.

An ổn là đối với chúng sanh chấp thường thì dạy vô thường, người đắùm vui thì dạy về khổ, người chấp thật thì dạy về không, người chấp ngã thì dạy về vô ngã, như vậy gọi là an ổn.

Người phàm phu nghe vậy, đương thời tuy không vui mừng, nhưng lâu dài dứt các phiền não, được cái vui an ổn. Như uống thuốc đắng, đương thời tuy khổ, về sau trừ được bệnh.

Vô lượng chúng sanh được vui, là Bồ tát cầu Bát nhã ba la mật khi chưa được thành tựu, vẫn lấy cái vui đời này đời sau làm lợi ích chúng sanh. Như trong kinh Bồ tát Bản sanh nói: Nếu được Bát nhã ba la mật, đã diệt các phiền não, cũng lấy cái vui thế gian, vui xuất thế gian làm lợi ích chúng sanh. nếu khi được vô thượng đạo, thời chỉ lấy cái vui xuất thế gian làm lợi ích chúng sanh.

An vui lợi ích là chỉ lấy lòng thương xót; an vui lợi ích là lợi ích nhiều cho hàng thiên nhân. Trong các đạo khác vì lợi ích ít nên không nói.

Việc lợi ích là bốn nhiếp pháp. lấy tài thí, pháp thí nhiếp thủ chúng sanh.

Ái ngữ có hai: 1. Ái ngữ theo ý. 2. Là người tùy ý người ưa pháp gì nói cho pháp ấy. Bồ tát chưa đắc đạo, vì thương xót chúng sanh, tự phá kiêu mạn, tùy ý thuyết pháp. Nếu đã đắc đạo, thì tùy theo pháp có thể độ mà nói. Đối với người giàu tâm cao ngạo, thì khen việc bố thí, rằng người ấy có thể được tài vật, danh tiếng, phước đức, còn nếu khen việc trì giới, chê bai phá giới, thì tâm họ không vui. như vậy tùy theo pháp thích hợp với họ mà nói.

Lợi hành cũng có hai: Một vì lợi đời nay lợi đời sau, mà nói phương pháp nuôi sống, khuyến tu việc lợi. Hai là người không tin dạy khiến tin, phá giới dạy khiến giữ giới, ít hiểu dạy khiến nghe nhiều, người không ưa bố thí dạy khiến bố thí. Người ngu si dạy trí tuệ. Như vậy, lấy thiện pháp làm lợi ích chúng sanh.

Đồng sự là Bồ tát giáo hóa chúng sanh, khiến tu thiện pháp, đồng hành với họ; Bồ tát thiện tâm, chúng sanh ác tâm, hóa được ác tâm của họ khiến đồng với thiện tâm của mình.

Bồ tát lấy bốn pháp nhiếp thủ chúng sanh khiến an trú trong mười thiện đạo. Đây là nói rộng nghĩa bốn nhiếp.

Trong hai thứ thí, pháp thí là tùy theo chỗ người ưa thích mà thuyết pháp, đó là đệ nhất trong các ái ngữ. Chúng sanh tham tiếc mạng sống, dạy khiến tu mười thiện đạo, thời được sống lâu.

Trong lợi hành thì trong tất cả cái lợi bảo vật, pháp lợi là hơn cả. Ấy là lợi hành. Trong đồng sự. Đồng hành thiện pháp là hơn cả. Bồ tát làm mười thiện cũng dạy người làm. Có người nói: Sau hết tự làm mười điều thiện, đồng nghĩa với nhiếp sự thứ tư. Thế nên nói tự làm mười thiện cũng dạy người làm; tự tu Sơ thiền cũng dạy người tu.

Sơ thiền v.v... đồng lìa dục, đồng trì giới, nên gọi là nhiếp nhau. Vì nhiếp nhau nên dần dần lấy pháp Tam thừa mà độ, cho đến tu Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ, cũng như vậy.

Tự tu sáu Ba la mật cũng dạy người tu, nhân nơi Bát nhã nên cũng khiến chúng sanh được khí phần của Bát nhã; nghiõa là được Tu đà hoàn v.v...

Vì lực phương tiện, nên tự mình không chứng; Vì người ấy có lực phước đức và trí tuệ tăng ích nên dạy vô lượng vô số Bồ tát, khiến an trú sáu Ba la mật. Tự mình trú địa vị bất thối, cũng dạy người khác trú, cho đến tự chuyển

pháp luân cũng dạy người khác chuyển pháp luân. Thế nên, ta lấy tâm từ bi, khéo phó chúc việc Bồ tát không vì tham ái, chấp đắm.

(Hết cuốn 66 theo bản Hán)
--o0o –

Cuốn 67

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch đức Thế Tôn. Các Bồ tát ma ha tát thành tựu đại công đức đó là vì hết thảy chúng sanh mà tu hành Bát nhã ba la mật, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề: Bạch đức Thế Tôn, làm sao các Bồ tát ma ha tát tu hành đầy đủ Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật chẳng thấy tướng sắc tăng chẳng thấy tướng sắc giảm, chẳng thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức tăng; cũng chẳng thấy tướng giảm, cho đến đối với trí nhất thiết chủng cũng chẳng thấy tướng tăng, chẳng thấy tướng giảm, Bồ tát ma ha tát khi ấy đầy đủ Bát nhã ba la mật.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật chẳng thấy ấy là pháp, ấy là phi pháp, chẳng thấy ấy là pháp quá khứ, là pháp vị lai, pháp hiện tại, chẳng thấy đó là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, chẳng thấy đó là pháp hữu vi, pháp vô vi; chẳng thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; chẳng thấy Thí ba la mật, Giớùi ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, cho đến chẳng thấy trí nhất thiết chủng. Như vậy, Bồ tát ma ha tát đầy đủ tu hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì các pháp vô tướng, các pháp không, hư dối, không kiên cố, không có kẻ biết, không có kẻ sống lâu.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, điều Thế Tôn nói chẳng thể nghĩ bàn.

Phật bảo Tu bồ đề: Sắc chẳng thể nghĩ bàn nên điều nói ra chẳng thể nghĩ bàn; Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nghĩ bàn nên điều nói ra chẳng thể nghĩ bàn; Vì sáu ba la mật chẳng thể nghĩ bàn, nên điều nói ra chẳng thể nghĩ bàn, cho đến vì trí nhất thiết chủng chẳng thể nghĩ bàn, nên điều nói ra chảng thể nghĩ bàn. Tu bồ đề, nếu Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, biết sắc là chẳng thể nghĩ bàn; thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nghĩ bàn, cho đến trí nhất thiết chủng là chẳng thể nghĩ bàn, thời Bồ tát không thể đầy đủ tu hành Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật sâu thẳm ấy ai sẽ tin hiểu?

Phật dạy: Nếu có Bồ tát mà tu lâu sáu ba la mật, trồng căn lành, thân cận cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức thời Bồ tát ấy có thể tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu thẳm.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tu lâu sáu ba la mật trồng căn lành, thân cận cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức như thế nào?

Phật dạy: nếu Bồ tát ma ha tát không phân biệt sắc, không phân biệt sắc tướng, không phân biệt sắc tánh, không phân biệt thọ, tưởng, hành, thức; không phân biệt thọ, tưởng, hành, thức tướng; không phân biệt thọ, tưởng, hành, thức tánh. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp, nhãn giới cho đến ý thức giới cũng như vậy. Không phân biệt cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không phân biệt tướng, tánh ba cõi. Không phân biệt Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực, cho đến mười tám pháp không chung; không phân biệt tướng tánh mười tám pháp không chung; không phân biệt tướng tánh đạo chủng trí; không phân biệt trí nhất thiết chủng, không phân biệt tướng trí nhất thiết chủng, không phân biệt tánh trí nhất thiết chủng; vì sao? Tu bồ đề, vì sắc chẳng thể nghĩ bàn, cho đến trí nhất thiết chủng chẳng thể nghĩ bàn. Như vậy, Tu bồ đề! Ấy là Bồ tát ma ha tát tu lâu Bát nhã ba la mật, trồng căn lành thân cận cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, sắc rất sâu nên Bát nhã ba la mật rất sâu; thọ, tưởng, hành, thức rất sâu, cho đến trí nhất thiết chủng rất sâu, nên Bát nhã ba la mật rất sâu.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy, là nơi tích tụ trân bảo, vì có trân bảo quả Tu đà hoàn, có trân bảo quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; có trân bảo bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy là nơi tích tụ thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật tích tụ thanh tịnh, vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh cho đến trí nhất thiết chủng thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật tích tụ thanh tịnh.

LUẬN: Bồ tát ấy thành tựu đại công đức là như trước nói tự mình tu cũng dạy người khác tu.

* Lại nữa, nhiều công đức là đối với chúng sanh chẳng phải bà con lại không có tham lợi, song chỉ vì chúng sanh mà cần khổ tu Bát nhã ba la mật, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bồ tát ma ha tát ấy có ân lớn, nên gọi là đại công đức.

Tướng trạng tu Bát nhã ba la mật, như trong phần trước, mỗi mỗi nói rõ. Nay hỏi tướng trạng tu Bát nhã đầy đủ, Phật dạy: Tướng trạng tu Bát nhã đầy đủ cũng như vậy, vì sao? Nếu Bồ tát không thấy các pháp sắc v.v... tăng, giảm. Như vậy gọi là đầy đủ. Bồ tát ấy tuy được mười địa, ngồi đạo tràng, bấy giờ tu Bát nhã ba la mật đầy đủ, như mộng, như huyễn, chẳng tăng, chẳng giảm, vì rốt ráo "không" cho nên nói.

* Lại nữa, nếu Bồ tát đối với hết thảy pháp,không phân biệt là pháp, là phi pháp, đều là pháp, như nước biển lớn, trăm sông muôn dòng, đều hợp cùng một vị, bấy giờ tu Bát nhã ba la mật đầy đủ.

* Lại nữa, nếu Bồ tát trông vào pháp không, chẳng thấy pháp có ba đời, thiện bất thiện v.v... chẳng thấy sáu ba la mật, cho đến trí nhất thiết chủng, là bấy giờ tu Bát nhã ba la mật đầy đủ, vì sao? Vì các pháp thật tướng là vô tướng, nếu phân biệt các pháp, thì đó là tướng tà kiến, dùng mười tám 'không' nên gọi là các pháp không. Các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh cho là có, vì các duyên xa lìa thời tán hoại, nên hư dối. Trong hết thảy pháp hữu vi, vì vô thường không thật, nên gọi là chẳng kiên cố.

Không có kẻ thọ khổ vui là vì chúng sanh không; không có kẻ biết, là không biết khổ vui; Không có kẻ sống lâu, sống tức là mạng căn. Có người nói mạng căn ấy có ngã tướng, thế nên sống lâu là ngã. Đối với chúng sanh "không", dùng mỗi mỗi nhân duyên phá, thế nên không có kẻ hành pháp, không có kẻ thọ pháp. nếu quán các pháp không, chúng sanh không, pháp không, như vậy, thời đầy đủ tu Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ, Tu bồ đề đối với Bát nhã không có được chỗ nương dựa, như chìm biển lớn, thế nên bạch Phật: Bát nhã sâu thẳm ấy chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn, vậy ai sẽ tin hiểu được? Nếu chỉ chẳng thể nghĩ bàn còn không thể tin được, huống gì chẳng thể nghĩ bàn lại chẳng thể nghĩ bàn?

Phật dạy: Nếu Bồ tát tu sáu ba la mật lâu, trồng thiện căn lâu, cúng dường thân cận chư Phật lâu, theo cùng thiện tri thức lâu, nhờ nhân duyên ấy nên lòng tin bền chắc, có thể tín thọ Bát nhã ba la mật sâu thẳm.

Trong các phẩm khác nói: Có người mới phát tâm cũng có thể tin Bát nhã ba la mật sâu thẳm. Nay Phật nói người phát tâm lâu nên có thể tin, vì vậy Tu bồ đề hỏi thế nào là phát tâm lâu?

Phật dạy: Nếu Bồ tát biết tướng Bát nhã ba la mật rõ ràng, không phân biệt tất cả pháp, nghĩa là không phân biệt sắc bốn đại, hoặc sắc do bốn đại tạo ra.

Không phân biệt sắc tướng là không phân biệt sắc là có thể thấy, tiếng là có thể nghe. Sắc ấy hoặc tốt hoặc xấu, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui v.v...; Không phân biệt sắc tánh là không thấy sắc pháp thường; tức là không thấy đất có tánh cứng v.v...

* Lại nữa, thật tánh của sắc gọi là pháp tánh. Vì rốt ráo không. Bồ tát không phân biệt pháp tánh, vì pháp tánh là bất hoại. Cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Tướng đất là cứng, cớ sao nói tánh?

Đáp: Tướng ấy tích tập thành tánh. Thí như người giận dữ, ngày ngày tập quen mãi thời thành tánh dữ. Hoặc tánh và tướng khác nhau, như thấy khói biết lửa, khói là tướng lửa, chứ chẳng phải lửa. Hoặc tướng và tánh chẳng khác nhau, như nóng là tướng lửa, cũng là tánh lửa. Trong đây Phật nói nhân duyên: Các pháp sắc v.v... chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn tức là rốt ráo không, thật tướng các pháp thuờng thanh tịnh. Tu bồ đề, tuy Bồ tát trải ngày tháng năm không lâu, song tu được như vậy, nên gọi là tu lâu.

Tu bồ đề nghe Bát nhã ba la mật còn được lợi ích sâu xa, nên bạch Phật rằng: Bát nhã ba la mật rất sâu vì sắc v.v... rất sâu. Tướng sắc v.v... rất sâu như trước đã nói.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật là nơi tích tụ trân bảo; tích tụ trân bảo đó là quả Tu đà hoàn, vì hay diệt trừ ba ác độc, ba kiết, cho đến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, hay diệt trừ tất cả phiền não và tập khí, hay đầy đủ tất cả ước nguyện. Các quả vị ấy nương các thiền cho đến trí nhất thiết chủng, nhân và quả hợp lại, nói gọi là trân bảo tích tụ.

Bát nhã ba la mật ấy là nơi tích tụ thanh tịnh, vì các pháp sắc v.v... thanh tịnh. Đối với sắc pháp v.v... chánh hạnh không tà, gọi là thanh tịnh, không có các tội lỗi, cho đến chẳng chấp trước rốt ráo không, cũng chẳng chấp trước, chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là thanh tịnh tích tụ.

KINH: Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất quái lạ! Khi nói Bát nhã ba la mật thì thường có chướng nạn.

Phật dạy: Như vậy! Như vậy! Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật sâu thẳm ấy thường có chướng nạn. Vì lẽ ấy thiện nam tử thiện nữ nhân nếu khi muốn chép Bát nhã ba la mật, hãy nên chép mau; nếu khi đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ, tu hành cũng nên tu hành mau, vì sao? Vì không muốn để cho các nạn khởi lên trong khi chép, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành Bát nhã ba la mật sâu thẳm ấy.

Thiện nam tử thiện nữ nhân, nếu một tháng chép thành hãy nên siêng chép, hoặc hai tháng, ba tháng, bốn tháng, năm tháng, sáu tháng, bảy tháng; Hoặc một năm mới chép thành cũng nên siêng chép. Nếu đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành, hoặc một tháng được thành tựu, cho đến một năm được thành tựu, hãy nên siêng năng thành tựu, vì sao? Vì đối với trân bảo ấy có nhiều chướng nạn khởi lên.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Đối với Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, ác ma ưa làm chướng nạn không để cho chép, không để cho đọc tụng, suy nghĩ thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành.

Phật bảo Tu bồ đề, ác ma tuy muốn làm chướng nạn Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, không để cho chép, đọc tụng, suy nghĩ, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành; cũng không thể phá hoại Bồ tát ma ha tát chép Bát nhã ba la mật cho đến tu hành.

Bấy giờ Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! do lực của ai nên ác ma không thể làm chướng nạn Bồ tát ma ha tát chép Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến tu hành?

Phật dạy: Do lực của Phật nên ác ma không thể chướng nạn Bồ tát ma ha tát chép Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến tu hành. Xá lợi phất cũng là do lực của chư Phật hiện tại trong mười phương thế giới, ủng hộ niệm tưởng Bồ tát ấy nên làm cho ác ma không thể lưu nạn Bồ tát ma ha tát, khiến không chép thành được Bát nhã ba la mật cho đến tu hành, vì sao? Vì trong mười phương thế giới, vô lượng vô biên vô số chư Phật hiện tại ủng hộ niệm tưởng Bồ tát ấy chép Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến tu hành. Pháp nhĩ như vậy, không thể làm chướng nạn.

Xá lợi phất, thiện nam tử thiện nữ nhân, nên nghĩ rằng: Ta chép được Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy cho đến tu hành, đều là nhờ lực của mười phương chư Phật.

Xá lợi phất thưa: Bạch đức Thế Tôn, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân chép Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, cho đến tu hành, đều là nhờ lực của Phật.Nên biết người ấy được chư Phật ủng hộ.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Xá lợi phất nên biết nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân chép được Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy cho đến tu hành đều là nhờ lực của Phật, nên biết cũng là được chư Phật ủng hộ.

Xá lợi phất thưa: Bạch đức Thế Tôn, vô lượng vô biên vô số chư Phật hiện tại trong mười phương, đều biết đều lấy Phật nhãn thấy thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, khi chép Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến tu hành.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Vô lượng vô biên vô số chư Phật hiện tại trong mười phương đều biết, đều lấy Phật nhãn thấy khi thiện nam tử thiện nữ nhân ấy chép Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến tu hành.

Xá lợi phất, trong đây thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo, nếu chép Bát nhã ba la mật thậm thâm và thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói, nên biết người ấy đã gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không lâu.

Xá lợi phất, thiện nam tử thiện nữ nhân chép Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy và thọ trì, đọc tụng cho đến nghĩ đúng, người ấy đối với Bát nhã ba la mật,

tin hiểu nhiều, cũng cúng dường cung kính,tôn trọng tán thán Bát nhã ba la mật, và cúng dường hương hoa, anh lạc cho đến phan lọng.

Xá lợi phất, chư Phật đều biết, đều lấy Phật nhãn thấy thiện nam tử thiện nữ nhân ấy. Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy nhờ công đức cúng dường, sẽ được lợi ích lớn, quả báo lớn.

Xá lợi phất, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên công đức cúng dường ấy nên trọn không bị đọa vào đường ác cho đến khi được địa vị bất thối chuyển, trọn không xa lìa chư Phật. Xá lợi phất, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên của thiện căn nên cho đến khi được địa vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, trọn không xa lìa sáu ba la mật, trọn không xa lìa nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, trọn không xa lìa bốn niệm xứ, cho đến tám Thánh đạo phần, trọn không xa lìa mười lực cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Bấy giờ Tu bồ đề nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật ấy là nơi trân bảo tích tụ, hay làm thoả mãn ước nguyện của hết thảy chúng sanh, đó là các cái vui đời nay, vui Niết bàn, cái vui Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Người ngu si mà lại muốn phá hoại Bát nhã ba la mật thanh tịnh tích tụ, như ngọc báu Như ý không có tỳ vết, như hư không, không có bụi nhơ. Bát nhã ba la mật là thanh tịnh tích tụ rốt ráo mà người kia tự khởi lên tà kiến muốn làm chướng nạn phá hoại, thí như người mắt lòa, thấy trân bảo đẹp cho là bất tịnh, mới nghĩ như vậy.

Chướng nạn là nhân duyên về những việc ma phá hoại Bát nhã ba la mật. Phật ấn khả lời Tu bồ đề nói; nếu thiện nam tử thiện nữ nhân muốn chép Bát nhã ba la mật, hãy chép cho mau, cho đến nhớ nghĩ đúng, khi tu hành đúng như lời nói, cũng hãy tu hành mau. Lý do phải cho mau vì pháp hữu vi không thể tin, vì có sự chướng nạn khởi lên. Bộ loại kinh quyển Bát nhã ba la mật có nhiều có ít, có thượng trung hạ, như Quang tán Bát nhã, Phóng quang Bát nhã, Đạo hành Bát nhã. Có người viết chép, viết mau viết chậm, có người nhất tâm siêng viết, có người giải đãi không tinh cần, mạng người vô thường, là pháp hữu vi không thể tin.

Đức Phật Thích ca sanh ra giữa đời ác trược, có nhiều chướng nạn, thế nên nói nếu có thể chép một tháng xong, hãy siêng chép cho xong, chớ bỏ giữa chừng, vì sợ có chướng nạn, cho đến phải chép một năm cũng vậy. Giống như chép, cho đến tu hành cũng phải cho mau. Mau chậm tùy theo người căn lợi độn.

Trong đây Phật lại nói nhân duyên: Thế gian vì trân bảo nên sinh nhiều giặc cướp, Bát nhã là trân bảo lớn nên có nhiều chướng nạn. Chướng nạn là như tật bệnh, đói khát v.v... song vì ma sự lớn nên nói ma sự chướng nạn. Hoặc ma hoặc ma dân, ác qủy, gây nhân duyên ác, xâm nhập thân người, nhiễu loạn tâm người. Phá người chép Bát nhã, hoặc khiến người chép mệt mỏi, hoặc xúi việc nước nổi lên, hoặc người chép không ai cúng dường giúp đỡ; những việc như vậy.

Khi đọc tụng thời thầy trò không hòa hợp; khi thuyết giảng ở giữa đại chúng, hoặc có người đến kể tội lỗi của pháp sư, hoặc nói pháp sư không thể tu hành như lời nói, đâu cần nghe theo. Hoặc nói tuy pháp sư giữ giới mà lại độn căn, không hiểu nghĩa sâu, nếu nghe pháp sư ấy nói trọn không ích gì. Hoặc nói Bát nhã ba la mật là không, không cógì của chính nó, diệt hết thảy pháp, không có chỗ để tu hành, thí như người trần truồng mà lại tự nói ta mặc áo trời. Co các chướng nạn như vậy, làm cho không thể thuyết giảng.

Không nhớ nghĩ đúng là mahiện làm thân đẹp, hoặc hiện làm thiện tri thức, hoặc hiện hình vị Sa môn đáng tin kính, để nói Bát nhã ba la mật là không, không có gì của chính nó, tuy có danh từ tội phước mà không có đạo lý. Hoặc nói Bát nhã ba la mật không, tức có thể chứng Niết bàn. Những việc như vậy, là việc phá hoại sự nhớ nghĩ đúng, tu hành Phật đạo.

Bồ tát mới phát tâm, nghe việc ấy, tâm rất kinh sợ: Chúng ta mang thân sinh tử, ma là chủ cõi Dục, oai thế rất lớn, ta làm sao tu Bát nhã ba la mật để được đạo Vô thượng? Vì thế Phật nói ác ma tuy muốn chướng nạn, cũng không thể phá hoại, vì sao? Vì nhân duyên lớn thường phá được tiểu nhân duyên, như người lìa dục thường hơn người tham dục, người từ bi thường hơn người sân nhuế, người trí thường hơn người vô trí. Bát nhã ba la mật là chơn trí tuệ, oai lực rất lớn, còn ma sự hư dối. Bồ tát tuy chưa được đầy đủ Bát nhã ba la mật, song được khí phần của Bát nhã nên ma không thể phá. Vì nhân duyên việc ấy, nên Xá lợi phất bạch Phật, do sức ai nên ma không thể phá?

Phật đáp: Do sức Phật. Như giữa hạng người ác thì ma lớn, giữa hạng người thiện thì Phât lớn, giữa hạng người trói buộc, thì ma lớn, giữa hạng người giải thoát thì Phật lớn; giữa hạng người chướng nạn thì ma lớn, giữa hạng người thông đạt thì Phật lớn.

Trước đây nói sức Phật là chỉ đức Phật Thích ca Văn, sau nói sức Phật là chỉ chư Phật hiện tại trong mười phương, như Phật A súc, A di đà v.v...Giống như giặc ác có các ác khác tương trợ, phép của chư Phật cũng như vậy. Thường vì hết thảy chúng sanh, nên hễ có người phát tâm thì liền ủng hộ, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là mẹ của chư Phật mười phương, hay bị người muốn trở hoại, không thể không ủng hộ. Vì sức của các chướng nạn lớn, nên những người chép, đọc, nhớ nghĩ đúng được là đều nhờ sức Phật mười phương thủ hộ.

Xá lợi phất nói: Nếu có người viết chép, thọ trì cho đến tu hành, đều được chư Phật ủng hộ. Phật ấn khả lời ấy.

Xá lợi phất lại thưa: Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam tử thiện nữ nhân viết chép thọ trì v.v... chư Phật hiện tại trong mười phương đều lấy Phật nhãn thấy biết nhớ nghĩ ư? Phật ấn khả nói như vậy, trước ác ma đến phá hoại, Phật và mười phương thủ hộ, không cho trở hoại. Nay lấy Phật nhãn thấy thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, biết người ấy khó có công đức, chưa phá lưới ma mà có thể tu hành Bát nhã ba la mật là việc lớn, nên mười phương Phật lấy Phật nhãn thấy biết nhớ nghĩ người ấy.

Hỏi: Lấy Thiên nhãn thấy hay lấy Phật nhãn thấy? Nếu lấy Thiên nhãn thấy, cớ sao trong đây nói Phật nhãn? Nếu lấy Phật nhãn, thì chúng sanh hư dối tại sao lấy Phật nhãn thấy?

Thiên nhãn có hai loại: 1. Nhiếp vào Phật nhãn. 2. Không nhiếp. Loại không nhiếp vào Phật nhãn thì thấy chúng sanh hiện tại, vì có hạn lượng. Loại nhiếp vào Phật nhãn thời thấy chúng sanh ba đời không có hạn lượng. Pháp nhãn nhiếp vào Phật nhãn, chỉ thấy các pháp không thấy chúng sanh; tuệ nhãn nhiếp vào Phật nhãn, không thấy pháp, chỉ thấy rốt ráo không.

Hỏi: Thiên nhãn nhiếp vào Phật nhãn là thật hay hư vọng? Nếu hư vọng, Phật không nên lấy cái hư vọng để thấy; nếu thật, chúng sanh không, chúng sanh hiện tại còn không thật, huống gì chúng sanh vị lai, quá khứ?

Đáp: Thiên nhãn nhiếp vào Phật nhãn đều là thật. Chúng sanh đối với Niết bàn cho là hư vọng, chẳng phải đối với cái thế giới trông thấy cho là hư vọng. Nếu người nào đối với chúng sanh thủ lấy định tướng, thì nói là hư vọng, chẳng phải vì Thế đế nên nói hư vọng. Vì thế, thiên nhãn nhiếp vào Phật nhãn, thì thấy chúng sanh.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao không lấy tuệ nhãn nhiếp vào Phật nhãn để thấy chúng sanh?

Đáp: Tuệ nhãn mãnh lợi vô tướng, nên tuệ nhãn thường tương ưng với không, vô tướng, vô tác, không nhằm để thấy chúng sanh, vì sao? Vì năm uẩn hòa hợp giả gọi là chúng sanh. Thí như đối với tiểu nhi, có thể lấy gậy nhỏ đánh, không thể đánh gậy to. Trong đây tán thán Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật là nói theo Thế đế chứ không phải nói theo Đ? nhất nghĩa.

Hỏi: Pháp đời vị lai chưa có, nghĩ còn biết khó, huống gì mắt thấy?

Đáp: Như pháp quá khứ, tuy đã mất không có gì mà do niệm lực tâm số pháp, nên có thể nhớ việc quá khứ, suốt cả đời trước. Thánh nhân cũng như vậy, có sức thánh trí, tuy pháp chưa sanh khởi mà có thể biết có thể thấy.

* Lại nữa, ở trong Bát nhã thì không phân biệt ba đời, vị lại, quá khứ, hiện tại không khác. Nếu thấy quá khứ, hiện tại thì vị lai cũng có thể thấy; nếu không thấy quá khứ, vị lai thì cũng không thể thấy hiện tại.

Hỏi: Chúng sanh đời mạt pháp ở phương bắc, lậu kiết chưa hết, là người tội ác, cớ sao Phật thấy, biết, niệm nghĩ?

Đáp: Tướng trạng đại bi của Phật là thương yêu thấu xương tủy. Bồ tát ấy có thể phát tâm Vô thượng đạo vì chúng sanh, nên Phật xem pháp ấy cuối cùng sẽ hưng thịnh, sau khi Ta Niết bàn, người ấy sẽ tá trợ Phật pháp, vì thế nên Ta nghĩ, biết đến.

* Lại nữa, người cuối cùng ở phương bắc, sanh ở biên địa đời xấu ác, ba độc xí thịnh, trong kiếp đao binh, hiền thánh rất ít, người ấy không biết được nhân duyên tội phước, chỉ nghe theo người, hoặc đọc kinh, bèn hay tín vui cúng dường, mà mau gần đến Vô thượng đạo không lâu, việc ấy là khó, còn nếu gặp Phật ở đời, được địa vị bất thối mà tin hiểu tu hành Bát nhã ba la mật, không phải là khó.

Có vô lượng các thứ nhân duyên như vậy, nên Phật có thể thấy, nhớ nghĩ, biết: Người ấy có tâm tin hiểu lớn nên có thể cúng dường Bát nhã ba la mật. Cúng dường đủ hoa hương v.v... như trước đã nói. Do cúng dường nên được quả báo lớn, cũng như người hủy báng bị khổ não lớn. Quả báo lớn là Tu đà hoàn trọn không bị đọa ba ác đạo. Bồ tát ấy nhất tâm tin hiểu, cúng dường Bát nhã ba la mật, cũng như vậy, do ái niệm chư Phật thường tu niệm Phật

tam muội, nên trọn không rời chư Phật, cho đến khi đạt địa vị bất thối. Vì giáo hóa chúng sanh mà rời chư Phật, không có lỗi, cũng như trẻ con không rời mẹ nó vì sợ sa vào tai nạn. Vì thường ái niệm sâu xa thiện pháp nên cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, trọn không xa lìa sáu ba la mật.

Được đại quả báo đời nay đờisau như thế.

KINH: Xá lợi phất, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, sau khi Phật Niết bàn, sẽ truyền đến phương nam, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di ở đó, sẽ chép Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, và tu hành. Do nhân duyên của thiện căn ấy, nên trọn không rơi vào ác đạo, huởng cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu ba la mật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, tạm dùng Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thừa mà đắc Niết bàn.

Xá lợi phất, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, từ phương nam sẽ truyền đến phương tây sở tại, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ư bà di ở đó sẽ chép Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành. Do nhân duyên của thiện căn ấy nên trọng không sa vào ác đạo, mà hưởng thọ cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu ba la mật, cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, tạm lấy Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thừa mà được Niết bàn.

Xá lợi phất, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, từ phương tây sẽ truyền đến chỗ sở tại phương bắc, ở đó Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, sẽ chép Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành. Do nhân duyên của thiện căn ấy nên trọn không sa vào ác đạo, mà hưởng cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu ba la mật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, tạm lấy Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thừa mà được Niết bàn.

Xá lợi phất, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, khi ấy phương bắc sẽ lấy làm Phật sự, vì sao? Xá lợi phất, Pháp Ta lúc thạnh, không có tướng diệt. Xá lợi phất, Ta đã niệm tưởng thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến tu hành; Ta cũng niệm tưởng thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, có thể chép Bát nhã ba la mật, tôn trọng, tán thán, cung kính, cúng dường, hương hoa cho đến phan lọng.

Xá lợi phất, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên của thiện căn ấy, trọn không sa vào ác đạo, mà hưởng cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu ba la mật, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán chư Phật, tạm lấy Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thừa mà được Niết bàn, vì sao? Xá lợi phất, vì Ta lấy Phật nhãn xem thấy người ấy, Ta cũng khen ngợi tán thán và vô lượng vô số chư Phật trong mười phương thế giới cũng lấy Phật nhãn xem thấy người ấy, cũng khen ngợi tán thán.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, lúc về sau sẽ lưu hành rộng rãi ở phương bắc ư?

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Xá lợi phất! Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, lúc sau sẽ lưu hành rộng rãi ở phương bắc.

Xá lợi phất, lúc sau ở phương bắc, thiện nam tử thiện nữ nhân, nếu nghe đượcBát nhã ba la mật thâm sâu ấy, hoặc chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói. Nên biết thiện nam tử thiện nữ nhân ấy từ lâu đã phát tâm Đại thừa, cúng dường nhiều đức Phật, trồng thiện căn lâu ngày, đi theo cùng thiện tri thức.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Lúc sau ở phương bắc sẽ có bao nhiêu thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Phật đạo, chép Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến tu hành như lời nói?

Phật bảoXá lợi phất: Lúc sau ở phương bắc tuy có nhiều thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Phật đạo, mà ít có người nghe Bát nhã ba la mật ấy chẳng thối, chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hãi, vì sao? Vì người ấy đã thân cận cúng dường nhiều chư Phật, hỏi han nhiều đức Phật, người ấy chắc chắn được đầy đủ Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, đầy đủ bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung.

Xá lợi phất! Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, vì căn lành thuần thục nên có thể làm lợi ích nhiều cho chúng sanh, vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì sao? Vì Ta nay vì thiện nam tử thiện nữ nhân ấy mà nói pháp tương ưng với trí nhất thiết chủng; quá khứ chư Phật cũng vì thiện nam tử thiện nữ nhân ấy mà nói pháp tương ưng với trí nhất thiết chủng.

Do nhân duyên ấy, nên người vào đời sau tiếp tục được tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng vì người khác nói pháp Vô thượng Chánh đẳng Bồ

đề, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy đều nhất tâm hòa hợp, ma hoặc ma dân còn không thể làm phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, huống gì người ác chê bai người tu Bát nhã ba la mật mà phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề kia được.

Xá lợi phất, các thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo ấy, nghe nói Bát nhã ba la mật thâm sâu, được pháp hỷ pháp lạc lớn, cũng an lập nhiều người nơi thiện căn, vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, sau khi Phật diệt độ, sẽ truyền đến quốc độ phương nam. Phật xuất hiện ở phương đông, nói Bát nhã ba la mật, phá ma và ma dân, ngoại đạo, độ vô lượng chúng sanh, vậy sau ở nơi thành Câu di na kiệt, dưới cây song thọ mà diệt độ. Sau đó Bát nhã ba la mật từ phương đông truyền đến phương nam, như mặt trời mặt trăng, 5 ngôi sao, 28 ngôi sao, thường từ phương đông lần đi đến phương nam, từ phương nam lần đến phương tây, từ phương tây lần đến phương bắc, vòng quanh núi Tu di, lại như thường pháp cúng dường đi quanh theo phía hữu, ứng khắp độ người Diêm phù đề. Do nhân duyên ấy nên từ phương đông đến phương nam, từ phương nam đến phương tây.

Như Phật vì tâm vô trước nên không định ở một chỗ; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, không định ở một chỗ. Từ phương tây đến phương bắc, chúng sanh hai phương này ưa cúng dường viết chép, đọc tụng, cho đến tu hành, hương hoa cho đến phan lọng; được quả báo lớn như trong kinh nói. Sau đó triển chuyển đến phương bắc, quả báo có được nhờ sự cúng dường ở đây, như trên đã nói.

Xá lợi phất, Bát nhã ba la mật sẽ làm Phật sự ở phương bắc. Trong đây nói nhân duyên. Lúc Phật ở đời, hay dứt các nghi hoặc, nên Phật pháp hưng thịnh, không sợ pháp diệt. Sau Phật diệt độ, quá 500 năm, chánh pháp lần diệt, bấy giờ Phật sự dần khó. Khi ấy người lợi căn, tụng đọc, nhớ nghĩ đúng, hoa hương cúng duòng, còn người độn căn thì viết chép, hoa hương cúng dường. Hai hạng người này, lâu lâu đều sẽ được độ, nên nói sẽ làm Phật sự.

Phật dạy: Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, Ta và mười phương chư Phật đều lấy Phật nhãn thấy, nhớ nghĩ, biết và tán thán.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bát nhã thâm sâu ấy lưu hành rộng rãi ở phương bắc ư? Lưu hành rộng rãi là phương bắc của Diêm phù đề rộng lớn. Lại ở

phương bắc có núi Tuyết, núi Tuyết lạnh nên cỏ thuốc có khả năng diệt độc, gạo lúa ăn vào, ba độc không thể phát ra m?nh, không thể phát ra mạnh nên chúng sanh mềm mại, năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ đều có thế lực.

Có các nhân duyên như vậy, phương bắc tu hành Bát nhã ba la mật. Người ở đây nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu, viết chép thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói: Nên biết người ấy từ lâu phát tâm Đại thừa, cúng dường nhiều Phật, trồng căn lành, cùng đi theo thiện tri thức, thế nên có thể ở đời ác mà viết chép, giữ gìn, tín thọ, cho đến tu hành đúng như lời nói.

Xá lợi phất hỏi: Phương bắc có bao nhiêu người nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu, rồi viết chép, đọc tụng, cho đến tu hành đúng như lời nói?

Phật dạy: Bát nhã thâm sâu ấy khó biết khó làm, tuy có nhiều người phát tâm vô thượng đạo, được gọi là Bồ tát, mà ít có người nghe Bát nhã ba la mật, tâm liền thông đạt, không kinh, không thối mất, tướng trạng của tâm thông đạt không kinh, không sợ, trong đây Phật tự nói: Là người ấy thân cận nhiều đức Phật. Người thân cận chư Phật, ở trong vô lượng đời thường thấy chư Phật, cung kính cúng dường.

Vấn nạn là hỏi thẳng việc kia mà nghi tâm không mở, lại hỏi lại nhiều lần, gọi là nạn. Công đức quả báo người ấy tuy chưa thành, nên biết người ấy đã đầy đủ sáu ba la mật, ba mươi bảy phẩm cho đến mười tám pháp không chung. Phước đức ấy thuần thục làm lợi ích nhiều cho chúng sanh, đó là do Thí ba la mật, Giới ba la mật, nên được sanh vào nhà giàu, tự làm việc bố thí, dạy người bố thí. Do Nhẫn ba la mật, Thiền ba la mật, nên khiến vô lượng chúng sanh xuất gia, thọ giới, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong đây Phật nói nhân duyên: Người ấy theo ta và chư Phật quá khứ, nghe pháp Đại thừa tương ưng với trí nhất thiết chủng, thế nên đời sau không mất tâm Bồ đề ấy, cũng giáo hóa người khác, như đốt một ngọn đèn, triển chuyển đều đốt. Người ấy các phiền não đã mỏng, không có xan tham, tật đố, sân nhuế, nên không chê bai nhau, thường nhất tâm, hòa hợp; thế nên ma hoặc ma dân, không thể làm trở hoại. Nếu người có chút ít sai lầm thì ma chớp được chỗ dễ như người bị lỡ gặp chất độc. Ma là chúa cõi Dục còn không thể làm trở hoại, huống gì người ác! Hoặc có người làm ác mà chẳng phải ác, như thánh nhân chưa lìa dục. Thế nên nói người ác chê bai Bát nhã ba la mật, chê bai Bồ tát.

* Lại nữa, các thiện nam tử thiện nữ nhân, vô lượng đời lại đây ưa Phật pháp, đắm sâu th?t pháp, tín lực tuệ lực nhiều, nên nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu; có được tâm đại từ bi, nên tùy theo sức chúng sanh, khiến họ vào Bát nhã ba la mật thâm sâu; hoặc khiến được các nhân duyên của Bát nhã là các thiện căn bố thí, trì giới v.v... vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên thiện nam tử thiện nữ nhân ấy cầu đạo vô thượng, dạy người khác khiến sanh các thiện căn phước đức.

KINH: Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy ở trước Ta lập thệ nguyện rằng: "Khi ta tu Bồ tát đạo, sẽ độ vô số trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ dề, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng, cho đến khi được thụ ký địa vị bất thối". Ta biết tâm người ấy và cũng tùy hỷ.

Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy cũng ở trước chư Phật quá khứ lập thệ nguyện rằng: "Khi ta tu Bồ tát đạo, sẽ độ vô vô số trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng, cho đến khi được thọ ký địa vị bất thối" Chư Phật quá khứ cũng biết tâm người ấy và tùy hỷ.

Xá lợi phất, các thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, vì có tâm lớn, lãnh thọ, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng lớn, cũng có thể bố thí lớn, có thể bố thí lớn rồi, trồng căn lành lớn, trồng căn lành lớn rồi, được quả báo lớn. Vì nhiếp hóa chúng sanh nên thọ thân, đối với chúng sanh, có thể bỏ vật sở hữu trong ngoài. Do nhân duyên thiện căn ấy, phát nguyện muốn sanh đến thế giới tha phương, nơi hiện tại chư Phật đang thuyết Bát nhã ba la mật thâm sâu. Ở trước chư Phật nghe Bát nhã ba la mật tâm sâu ấy rồi, cũng ở tại đó chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng cho trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch Thế Tôn! Phật đối với pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, không có pháp gì không biết, không có pháp nào như tướng nó mà không biết, không có việc làm gì của chúng sanh mà không biết. Nay Phật đều biết chư Phật và Bồ tát, Thanh văn quá khứ, cũng như biết mười phương thế giới và chư Phật, Bồ tát, Thanh văn hiện tại; cũng biết chư Phật và Bồ tát, Thanh văn vị lai. Bạch đức Thế tôn, đời vị lai có thiện nam tử thiện nữ nhân, siêng cầu sáu ba la mật, thọ trì, đọc tụng, cho đến tu hành, sao có người được có người không được ư?

Phật bảo Xá lợi phất: Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân, nhất tâm tinh tấn siêng cầu, sẽ được các kinh ứng hợp với sáu ba la mật.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Thiện nam tử thiện nữ nhân, người siêng tu như vậy sẽ được kinh thâm diệu ứng hợp với sáu ba la mật ư?

Phật bảo Xá lợi phất: Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, sẽ được kinh thâm diệu ứng hợp với sáu ba la mật ấy, vì sao? Vì thiện nam tử thiện nữ nhân vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên thuyết pháp cho chúng sanh, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng, khiến an trụ trong sáu ba la mật. Do nhân duyên ấy, nên thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, chuyển sanh thân sau, dễ được kinh thâm diệu ứng hợp với sáu ba la mật. Được rồi tu hành đúng như lời sáu ba la mật dạy, tinh cần không nghỉ, cho đến khi làm nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Phật dạy: Thiện nam tử thiện nữ nhân, đối với trước Ta và trước chư Phật quá khứ, lập thệ nguyện rằng: "Ta tu Bồ tát đạo, sẽ khiến vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh, phát tâm vô thượng đạo, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích , vui mừng, khiến được thọ ký địa vị bất thối". Ta và chư Phật quá khứ biết thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, có tâm lớn, có thể làm việc lớn nên tùy hỷ. Thiện nam tử thiện nữ nhân nghe Phật biết tâm mình thời sanh hoan hỷ; tự nhớ quá khứ việc lập thệ nguyện, càng thêm tinh tấn.

Tâm lớn là tâm hết thảy chúng sanh đều ưa duyên theo sáu trần: Co ù người làm phước đức hổn tạp, nghiã là trong khi làm phước mà tâm sanh nghi ngờ hối tiếc, quả báo của phước đức ấy tuy được giàu sang, không thể hảo dụng, cũng không thể cho ai, do tội nghiệp nên các căn ám độn, không biết chọn lựa tốt xấu; còn thiện nam tử ấy khi chưa đắc đạo, do phước đức thanh tịnh nên được ngũ dục thượng diệu, được tùy ý tận dụng, cũng tùy ý cho người khác, hoặc cho người nghèo thiếu, hoặc cúng vào phước điền; nếu gặp được thiện tri thức, nghe Phật pháp, dứt tâm đắm dục, thương xót chúng sanh, vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên bố thí vật sỡ hữu trong ngoài, không chút lẫn tiếc; nếu trì giới, khắp làm mười thiện đạo, đầy đủ luật nghi, cọng hành với tâm từ bi; tu các thiện pháp khác cũng như vậy; đem thân tu hành và dẫn dắt người khác tu hành thiện đạo; với nhân duyên phước đức ấy không cầu cái vui ở đời, ở chỗ vua trời, vua người, chỗ giàu sang, song nghe chỗ nào có Phật hiện tại, thời nguyện sanh đến đó; còn Bồ tát biết rõ thật tướng các pháp, nên không muốn sanh đến các nơi đó; nếu vì chúng sanh thì sanh ở trước mười phương Phật, nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu, nghe xong, ở tại đó khai hoá cho vô lượng trăm ngàn chúng sanh, phát tâm vô thượng đạo.

Xá lợi phất không có nhất thiết trí, nghe nói việc hạnh nguyện của Bồ tát ba đời, liền phát tâm hy hữu bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Phật đối với các pháp trong ba đời đều biết, từ như như, pháp tánh, thật tế đều biết, tánh hành nghiệp nhân duyên quả báo của chúng sanh đều biết, chư Phật hiện tại, quá khứ, vị lai trong mười phương, và các đệ tử cùng hành sự của đệ tử trong thế giới đều biết. Nhất thiết trí của Phật có lực rất lớn, không thể nghĩ bàn. Ý của Xá lợi phất cho rằng đồng là người xuất gia, đều cầu Bát nhã ba la mật, cớ sao có người được người không được?

Phật đáp: Nếu Bồ tát thường nhất tâm cầu sáu ba la mật, không tiếc thân mạng, người ấy bên trong có tâm tốt, bên ngoài có chư Phật Bồ tát và chư thiên hổ trợ. Ý Xá lợi phất cho rằng dầu có tinh tấn mà không có Phật ở đời, ma lực lại mạnh, thời Bồ tát ấy làm sao có được kinh thâm diệu Bát nhã ba la mật, thế nên lại hỏi có được kinh tâm diệu tương ưng với sáu ba la mật ư?

Phật dạy: Được.

Trong đây nói nhân duyên có được: Là thiện nam tử thiện nữ nhân, vì đạo vô thượng, nên vì chúng sanh mà thuyết pháp, khai thị, giáo hóa, lợi ích, an vui, khiến an trú sáu ba la mật, mở Phật đạo, do quả báo của nghiệp ấy nên khi chuyển sanh thân khác dễ có được kinh thâm diệu tương ưng với sáu ba la mật. Nếu có được thời nên mau chóng thọ trì, cho đến tu hành đúng như lời nói, tinh tấn không bỏ, đời đời không xa lìa. Dùng quả báo sáu ba la mật, làm nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, cho đến chứng đạo vô thượng. Nếu lẫn tiếc pháp, thời thường sanh chỗ biên địa, không có Phật pháp.

(Hết cuốn 67 theo bản Hán)
--o0o –

Cuốn 68

GIẢI THÍCH: PHẨM MA SỰ THỨ 46.

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tu sáu ba la mật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, Phật đã

tán thán nói công đức họ rồi. Bạch đức Thế Tôn, cớ sao thiện nam tử thiện nữ nhân ấy cầu Phật đạo lại gặp các chướng nạn?

Phật bảo Tu bồ đề; Biện tài vui nói không phát sanh liền, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì biện tài vui nói không phát sanh liền, là ma sự của Bồ tát?

Phật dạy: Có Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, khó đầy đủ sáu ba la mật, vì nhân duyên ấy nên biện tài vui nói không phát sanh liền, đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, biện tài vui nói vội vã phát khởi, nên biết cũng là ma sự của Bồ tát.

Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì, biện tài vui nói vội vã phát khởi, lại là ma sự?

Phạt dạy: Bồ tát ma ha tát tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật mà đắm vào sự ưa vui thuyết pháp vì nhân duyên ấy, nên biết biện tài vui nói vội vàng phát khởi, là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, khi chép kinh Bát nhã ba la mật ấy, mà tâm ngạo mạn vô lễ, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, khi chép kinh Bát nhã ba la mật mà loạn tâm cười giỡn, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ dề, nếu khi chép kinh Bát nhã mà bất kính, khinh cười, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nếu khi chép kinh Bát nhã mà loạn tâm bất định, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nếu chép kinh mà mỗi người không hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tử thiện nữ nhân nghĩ rằng: Ta không được ý vị trong kinh Bát nhã liền bỏ đi, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, khi thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, hoặc nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật mà tâm ngạo mạn vô lễ, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nếu trong khi thọ trì, thân cận, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, mà lại cười nhau cười đùa, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nếu trong khi thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng và tu hành kinh Bát nhã ba la mật, mà khinh miệt cùng nhau, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Nếu khi thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, mà tâm tán loạn, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Nếu trong khi thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, mà tâm không hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn nói thiện nam tử thiện nữ nhã nghĩ rằng: Ta không được ý vị trong kinh liền bỏ đi,nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì Bồ tát không được ý vị trong kinh liền bỏ đi?

Phật dạy: Bồ tát ma ha tát ấy, đời trước tu hành Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật không được bao lâu, nên người ấy khi nghe nói Bát nhã ba la mật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, suy nghĩ và nói rằng: Ta đối với Bát nhã ba la mật, không ghi nhớ, tâm không thanh tịnh, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì, không được thọ ký, khi nghe nói Bát nhã ba la mật thâm sâu, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát chưa vào trong pháp vị, nên chư Phật không thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cho.

* Lại nữa, Tu bồ đề, khi nghe nói Bát nhã ba la mật, Bồ tát nghĩ rằng: Ta không có danh tự trong đây, tâm không thanh tịnh, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Phật dạy: Bồ tát chưa được thọ ký, chư Phật không nói đến danh tự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát ấy nghĩ rằng: Trong Bát nhã ba la mật, không có danh tự nơi sanh của ta, hoặc xóm làng, thành ấp, người ấy không muốn nghe Bát nhã ba la mật, bèn từ trong hội chúng đứng dậy bỏ đi. Người ấy như từ khi khởi niệm, mỗi niệm trừ một kiếp, mới phải lại siêng tinh tấn, cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Tát cả pháp hữu vi, đều có thêm lên. Thêm lên là trái ngược nhau; trái nhau tức là giặc oán của nhau. Như sức nước được thêm lên thời diệt tắt lửa, sức lửa được thêm lên thời làm tiêu mất nước; cho đến cỏ cây đều có sự hại nhau, huống gì chúng sanh. Bồ tát ma ha tát có tâm đại từ bi, tuy không gây oán với chúng sanh, mà chúng sanh lại gây oán với Bồ tát, vì thân Bồ tát là pháp hữu vi, nên có thể làm cho chướng nạn. Ở trên Phật nói công đức Bồ tát, đó là được chư Phật, Bồ tát, chư thiên hộ trì, mà chưa nói đến tướng giặc oán, vì Phật thương xót, nên trước tuy đã lược nói, mà nay Tu bồ đề thỉnh Phật nói rộng việc chướng nạn. Tuy Phật tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, hết thảy pháp, song vì Bồ tát có thể làm lợi ích lớn cho thế gian, nên Phật nói tướng các việc chướng nạn, tốt xấu, lợi hại; là đạo, là chẳng phải đạo. Phật không khiến người tu hành hủy hoại người gây chướng nạn, chỉ khiến giác tri, không theo việc ấy.

Sao gọi là giặc oán? Lược nói: Hoặc chúng sanh, hoặc phi chúng sanh có thể làm trở ngại tâm vô thượng đạo của Bồ tát, đều gọi là giặc oán. Phi chúng sanh là tật bệnh, đói khát, lạnh nóng, áp bức trụy lạc, v.v... chúng sanh là Ma và Ma dân, qủy dữ, người tà kiến nghi ngờ không tin, người dứt thiện căn, người định kiến có sở đắc, người quyết định phân biệt các pháp, người đắm sâu cái vui thế gian, giặc oán, việc quan, sư tử, hổ lang, thú dữ, trùng độc v.v...

Giặc chúng sanh có hai thứ: Hoặc trong hoặc ngoài. Trong là từ trong tâm sanh, lo sầu không được pháp vị, sanh tà kiến, nghi ngờ, hối tiếc, không tin. Ngoài là như trên nói. Các nạn sự như vậy, Phật gọi chung là ma.

Ma có bốn thứ: Ma phiền não, Ma ngũ ấm, Ma chết, Ma trời.

Ma phiền não là 108 phiền não, phân biệt rộng có 84.000 phiền não.

Ma ngũ ấm là do nhân duyên phiền não và nghiệp hòa hợp có được thân này. Bốn đại và bốn đại tạo sắc (sắc, hương, vị, xúc) và nhã căn v.v... gọi là sắc uẩn; 108 phiền não các thọ hòa hợp, gọi là thọ uẩn; các tưởng nhỏ lớn, vô lượng, vô sỡ hữu, phân biệt hòa hợp, gọi là tưởng uẩn. Do tâm phân biệt tốt xấu phát sanh, tâm khởi lên tham dục, sân nhuế, pháp tương ưng, pháp không tương ưng với tâm, gọi là hành uẩn; sáu căn trần hòa hợp sanh sáu thức, sáu thức ấy phân biệt hòa hợp thành vô lượng vô biên tâm, gọi là thức uẩn.

Ma chết là do vô thường nên phá sự tương tục của mạng sống của thân ngũ uẩn, lìa hết ba pháp là thọ, noãn, thức, nên gọi là Ma chết.

Ma trời là chủ cõi Dục, đắm sâu cái vui thế gian, vì có sở đắc, nên sanh tà kiến, ganh ghét tất cả thánh hiền, Niết bàn, đạo pháp. Ấy gọi là Ma trời.

Ma Trung Hoa dịch là hay cướp mạng. Chỉ Ma chết mới thật sự cướp mạng, các ma kia cũng làm nhân duyên cướp thân mạng, và cũng cướp mạng sống trí tuệ, thế nên gọi nó là kẻ giết.

Hỏi: Một Ma năm ấm đã gồm ba thứ ma, cớ gì nói riêng ra bốn?

Đáp: Thật một là Ma, nhưng vì phân biệt nghĩa nó nên có bốn. Ma phiền não là do người ta tham dục, sân nhuế, nên chết và có thể làm nhân duyên cướp mạng sống. Nó là nhân duyên gần cướp mạng sống, nên nói riêng.

Ma trời do nghiệp phước đức hỗn tạp nên được thế lực lớn, do tà kiến nên có thể cướp mạng sống trí tuệ, cũng làm nhân duyên cho sự chết, thế nên nói riêng.

Ma trời do nghiệp phước đức hỗn tạp nên được thế lực lớn, do tà kiến nên có thể cướp mạng sống trí tuệ, cũng làm nhân duyên cho sự chết, thế nên nói riêng.

Sức của vô thường chết lớn, không một ai tránh khỏi, rất đáng sợ đáng chán, thế nên nói riêng ma chết.

Hỏi: Vì sao Ma làm não loạn người tu?

Đáp: Trước đã nói rộng. Trong phẩm này đều có nói nghĩa bốn thứ Ma, chỉ tùy chỗ mà nói.

* Lại nữa, ba Ma không rời nhau, nêu có năm uẩn thời có phiền não, có phiền não thời thiên ma được chỗ dễ để phá; năm uẩn và phiền não hòa hợp nên có thiên Ma. Thế nên Tu bồ đề hỏi Phật: Trên đã tán thán công đức Bồ tát, cớ sao nay nói Bồ tát có Ma sự khởi lên? Phật đáp: Biện tài vui nói không sanh khởi liền, ấy là Ma sự. Nếu Bồ tát thương xót chúng sanh, lên tòa cao thuyết pháp, mà Biện tài vui nói không sanh khởi, thời thính giả ưu sầu nói rằng: Chúng ta cố đi đến nghe mà pháp sư không nói; hoặc nghĩ rằng pháp sư sợ sệt cho nên không thể nói; hoặc bảo pháp sư không biết cho nên không thể nói; hoặc tự nghĩ mình tội lỗi rất nặng nên không nói; hoặc bảo vì không được cúng dường nên không chịu nói; hoặc bảo vì khinh hèn chúng ta nên không nói; hoặc vì quen ưa vui nên không nói. Do các nhân duyên như vậy, làm cho tâm thính giả bại hoại; vì không vui nên gọi là Ma sự.

* Lại nữa, Bồ tát vì thương xót chúng sanh, đi đến muốn thuyết pháp, thính giả muốn nghe, tâm pháp sư muốn nói, mà miệng không nói được, thấy rõ ràng là Ma sự, như ma xâm nhập tâm A nan, Phật hỏi ba lần, mà ba lần không đáp, lâu mới đáp.

Trong đây Tu bồ đề thưa Thế Tôn: Vì sao biện tài không sanh khởi liền?

Phật đáp: Bồ tát khi tu sáu ba la mật, khó đầy đủ sáu ba la mật, vì sao? Vì người ấy do nhân duyên đời trước độn căn, biếng nhác, ma được chỗ dễ; không nhất tâm tu sáu ba la mật, nên biện tài vui nói không sanh khởi liền.

Hỏi: Như biện tài vui nói không sanh khởi liền ấy là Ma sự, nay biện tài vui nói vụt sanh khởi có gì lại là Ma sự?

Đáp: Ấy là vì pháp sư ái pháp, đắm pháp, cầu thanh danh, nên tự phóng túng vui nói, không có nghĩa lý, như ngựa lung khó ngăn, lại như nước lớn mênh mông, hỗn tạp mọi đồ nhơ. Thế nên trong đây Phật tự nói: Bồ tát tu sáu ba la mật mà ưa đắm thuyết pháp, ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật vì phá tâm kiêu mạn nên xuất hiện, mà người chép kinh này lại sanh tâm chấp ngã, kiêu mạn, tâm kiêu mạn nên thân cũng tự cao, nghĩa là ngạo mạn vô lễ, khi chép kinh Bát nhã ba la mật dùng tâm khinh mạn, tâm sân nhuế, giỡn cười bất kính.

* Lại nữa, đối với Bát nhã ba la mật nếu nhất tâm, nhiếp tâm còn khó được, huống gì đem tâm tán loạn mà chép. Khi chép theo miệng người truyền trao, hoặc chép theo kinh quyển, nếu nhất tâm hòa hợp thời được. Nếu người truyền không trao cho, như vậy là không hòa hợp.

* Lại nữa, khi xem Bát nhã ba la mật, phẩm nào cũng nói không, không có điều gì đáng vui, liền nghĩ rằng: Ta đối với kinh này không được ý vị, bèn bỏ đi. Bát nhã ba la mật là căn bản của tất cả điều vui, người ấy không được ý vị, ấy là Ma sự.

* Lại nữa, khi thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, mà ngạo mạn vô lễ, hiện tướng cười cợt, tâm tán loạn, không hòa hợp, như trên nói.

Cùng nhau khinh miệt là khi theo người lãnh thọ, nhớ nghĩ đúng, mới có việc thầy trò khinh dể nhau; còn khi chép kinh, chỉ có bỏ đi, không khinh dể nhau, thế nên không có khinh miệt.

Hỏi: Đối việc trên, cớ sao chỉ hỏi không được ý vị trong kinh, mà không hỏi việc khác?

Đáp: Bát nhã ba la mật, được thánh nhân nói ra, khác với phàm phu nói, thế nên người phàm phu không được ý vị. Ý Tu bồ đề là Bát nhã ba la mật là tích tụ trân bảo thanh tịnh, hay làm lợi chúng sanh, không có tội lỗi, cớ sao người ấy không được ý vị?

Phật đáp: Vì người ấy đời trước tu sáu ba la mật không lâu, vì năm căn tín, tấn v.v... mỏng, nên không thể tin pháp không, vô tướng, vô tác, không nơi nương tựa. Tâm tán loạn khởi lên nói rằng: Phật là bậc Nhất thiết trí, cớ sao không thọ ký cho ta, liền bỏ đi. Các điều khác dễ hiểu, nên không nói.

Tu bồ đề hỏi: Nếu như vậy,cớ sao không thọ ký cho tôi? Phật là bậc đại bi nên thương xót, niệm tưởng, phòng hộ tâm kia khỏi bị đọa ác. Phật dạy: Người chưa vào ngôi pháp, chư Phật không thọ ký, vì sao? Vì chư Phật tuy biết hết việc lâu xa của chúng sanh, nhưng vì hàng tiên nhân đủ 5 thần thông và chư thiên, thấy người chưa có nhân duyên của hành nghiệp thiện đáng được thọ ký mà nếu Phật thọ ký, thời sẽ khinh Phật mà không tin: "Không có đủ nhân duyên cớ sao thọ ký cho?"; thế nên người vào ngôi pháp mới được thọ ký. Danh tự và xóm làng người ấy, cũng như vậy. Người ấy từ tòa đứng dậy bỏ đi, tùy kia khởi niệm nhiều ít, mỗi niệm trừ một kiếp, khi trả

hết tội, trở lại làm thân người mới sẽ trở lại tu bấy nhiêu kiếp bằng kiếp trả tội.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát học các kinh khác bỏ Bát nhã ba la mật, thời trọn không thể đạt được trí Nhất thiết chủng. Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy bỏ gốc, vin lấy cành lá, cũng nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn, những kinh kác là những kinh gì, mà thiện nam tử thiện nữ nhân học không thể đạt đến trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Ấy là kinh mà hàng Thanh văn cần học; đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần; ba cửa giải thoát là không, vô tướng, vô tác. Thiện nam tử thiện nữ nhân ở trong đó chứng được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm và quả A la hán. Ấy là sở hành của Thanh văn, không thể dạt đến trí Nhất thiết chủng.

Như vậy là thiện nam tử, thiện nữ nhân bỏ Bát nhã ba la mật mà thân cận các kinh khác ấy, vì sao? Tu bồ đề từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh các Bồ tát ma ha tát, thành tựu pháp thế gian, xuất thế gian.

Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật, cũng học pháp thế gian, xuất thế gian. Tu bồ đề, ví như chó không theo chủ kiếm ăn, mà lại theo người làm việc kiếm ăn. Như vậy, Tu bồ đề, đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân, bỏ gốc Bát nhã ba la mật thâm sâu mà vin lấy cành lá các kinh của hành Thanh văn, Bích chi Phật hành trì; nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồđề, thí như có người muốn thấy voi, thấy rồi trở lại đi xem dấu chân nó. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy sáng suốt chăng?

Tu bồ đề thưa: Không sáng suốt, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Các thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phâït đạo cũng như vậy, đã được nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà thủ lấy kinh cần tu học của hàng Thanh văn, Bích chi Phật. Tu bồ đề, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, thí như người muốn thấy biển lớn, lại đi tìm nước ở dấu chân trâu, nghĩ rằng: Nước biển lớn có bằng nước này chăng? Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phật dạy: Đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo cũng như vậy, được nghe Bát nhã ba la mật rồi bỏ đi, mà thủ lấy kinh cần tu học của hàng Thanh văn, Bích chi Phật; nên biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, thí như thợ khéo hoặc học trò của thợ khéo nghĩ muốn làm cung điện thù thắng của trời Đế thích, lại đo cung điện mặt trời mặt trăng. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Như vậy, Tu bồ đề, đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân phước đức mỏng cầu Phật đạo, đã được nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm trí Nhất thiết chủng trong kinh của hàng Thanh văn, Bích chi Phật tu học. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phật dạy: Nên biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, thí như có người muốn thấy Chuyển luân Thánh vương, khi thấy mà không biết, sau thấy các tiểu quốc vương, thủ lấy tướng mạo rồi nói rằng: Chuyển luân Thánh vương có khác gì đây? Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Tu bồ đề, đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân phước đức mỏng, cầu Phật đạo, được nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm trí Nhất thiết chủng trong các kinh của hàng Thanh văn, Bích chi Phật cần tu học. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phạt dạy: Nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, thí như người đói được đồ ăn trăm vị, bỏ đi rồi trở lại ăn cơm từ thứ lúa 60 ngày. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phật dạy: Đời vị lai có thiện nam tử,thiện nữ nhân cầu Phạt đạo, được nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm cầu trí Nhất thiết chủng trong các kinh của hàng Thanh văn, Bích chi Phật tu học. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phật dạy: nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, thí như người được ngọc ma ni vô giá, lại đem sánh với ngọc thủy tinh. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không.

Phật dạy: Đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo đã được nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm cầu trí Nhất thiết chủng trong các kinh của hàng Thanh văn, Bích chi Phật tu học. Người ấy là thông minh chăng?

Tu bồ đề thưa: Không! Nên biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, khi chép kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu, mà ưa nói những điều không như pháp, thì không chép Bát nhã ba la mật thành tựu được. nghĩa là ưa nói sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp: ưa nói trì giới, thiền định, vô sắc định; ưa nói Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; ưa nói bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì cớ sao? Tu bồ đề, vì trong Bát nhã ba la mật không có tướng ưa nói. Tu bồ đề tướng Bát nhã ba la mật là không thể nghĩ bàn, tướng Bát nhã ba la mật là không sinh không diệt, tướng Bát nhã ba la mật là không nhơ không sạch, tướng Bát nhã ba la mật là không loạn không tán, tướng Bát nhã ba la mật là không nói không chỉ, tướng Bát nhã ba la mật là không lời không nghĩa, tướng Bát nhã ba la mật là không gì có được, vì sao? Tu bồ đề, vì trong Bát nhã ba la mật không có tướng các pháp.

Tu bồ đề, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu đạo Bồ tát, khi chép kinh Bát nhã ba la mật, vì các pháp ấy làm tán loạn tâm, nên biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ dề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật có thể chép ư?

Phật dạy: Không thể chép, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không có tự tánh vậy! Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, cho đến trí Nhất thiết chủng không có tự tánh vậy. Nếu tự tánh không có, thì không gọi là tánh. Pháp không có, không thể chép pháp không có.

Tu bồ đề, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo, mà nghĩ rằng: Pháp không có là Bát nhã ba la mật thâm sâu, nên biết đó chính là ma sự của Bồ tát.

Bạch đức Thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo, dùng văn tự chép Bát nhã ba la mật, mà tự nghĩ rằng: "Ta chép Bát nhã ba la mật". Vì chấp văn tự là Bát nhã ba la mật, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ tát. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn, vì Bát nhã ba la mật không có văn tự; Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật không có văn tự.

Bạch đức thếTôn, Sắc không có văn tự; thọ, tưởng, hành, thức không có văn tự; cho đến trí Nhất thiết chủng không có văn tự.

Bạch đức thế Tôn, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo, chấp không có văn tự là Bát nhã ba la mật, cho đến chấp không có văn tự là trí Nhất thiết chủng, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ tát. Chấp đọc tụng, thuyết giảng, suy nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói cũng như vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, khi chép kinh Bát nhã ba la mật mà khởi tâm nghĩ đến quốc độ, nghĩ đến xóm làng, nghĩ đến thành ấp, nghĩ đến phương hướng, hoặc nghe chê bai thầy mình mà khởi niệm; hoặc nghĩ đến cha mẹ, anh em, chị em, các bà con khác; hoặc nghĩ đến giặc; hoặc nghĩ đến hạng Chiên đà la; hoặc nghĩ đêùn chúng nữ; nghĩ đến dâm nữ, có các dị niệm như vậy làm chướng nạn, ác ma lại làm tăng thêm niệm ấy, phá hoại việc chép kinh Bát nhã ba la mật, phá hoại việc đọc tụng thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói. Tu bồ đề, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, được danh dự, cung kính, bố thí, cúng dường y phục, ăn uống, giường nằm, thuốc chữa bệnh, các thứ đồ vui, các thiện nam tử, thiện nữ nhân trong khi chép kinh Bát nhã ba la mật hoặc thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng mà đắm vào sự thọ dụng, chép kinh Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, không được thành tựu, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tư,û thiện nữ nhân cầu Phật đạo, khi chép kinh Bát nhã ba la mật cho đến tu hành đúng như lời nói, ác Ma khéo léo đem các kinh thâm diệu khác trao cho Bồ tát, nếu Bồ tát có trí tuệ thì không nên tham đắm các kinh thâm diệu của ác Ma cho, vì sao? Vì các kinh ấy không thể làm cho người đạt đến trí Nhất thiết chủng. trong đây hàng Bồ tát không có trí tuệ, nghe các kinh thâm diệu khác liền bỏ kinh Bát nhã ba la mật thâm diệu.

Tu bồ đề, ở trong kinh Bát nhã ba la mật, Ta đã nói rộng các pháp phương tiện của Bồ tát ma ha tát, các Bồ tát ma ha tát nên cầu tìm ở trong đó.

Tu bồ đề, nay thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo mà bỏ kinh Bát nhã ba la mật thâm diệu để cầu các phương tiện trong kinh thâm thuộc Thanh văn, Duyên giác do ma đưa đến, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ tát.

LUẬN: Học các kinh khác, bỏ kinh Bát nhã ba la mật là: Có người đối với Sư tăng Thanh văn thọ giới học pháp, lúc đầu không nghe Bát nhã ba la mật, hoặc có khi nghe ở nơi khác, song vì đắm pháp đã học trước, nên bỏ Bát nhã ba la mật, cứ ở trong pháp đã học trước mà cầu trí Nhất thiết chủng. Hoặc có đệ tử Thanh văn, trước nghe Bát nhã ba la mật không biết nghĩa thú, không được ý vị, nên hành đạo Bồ tát theo kinh Thanh văn; hoặc có người là đệ tử Thanh văn, được nghe kinh Bát nhã ba la mật, muốn tín thọ, gặp các người Thanh văn khác làm trở hoại tâm kia, nói rằng: Kinh ấy trước sau mâu thuẫn nhau, không có tướng nhất định, ông nên bỏ đi, trong pháp Thanh văn đâu phải không có. Luận Lục Túc A tỳ đàm và các luận nghị, phân biệt các pháp tướng, tức là Bát nhã ba la mật; luật Bát thập bộ tức là Giới ba la mật; trong A tỳ đàm phân biệt các thiền, giải thoát, các Tam muội v.v... tức là Thiền ba la mật; trong kinh Bổn Sinh ở tam tạng tán thán giải thoát, bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn tức là Bố thí, Nhẫn, Tinh tấn Ba la mật. Do các nhân duyên như vậy, nên bỏ Bát nhã ba la mật mà ở trong pháp Thanh văn cầu trí Nhất thiết chủng. Giống như người muốn đư?c gỗ cứng tốt, lại bỏ gốc cành mà lượm lấy nhánh lá. Tuy gọi là gỗ mà không dùng được.

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật là Tam tạng, cội gốc có được Bát nhã ba la mật rồi lại vì độ chúng sanh nên nói thêm các việc khác, vì vậy nên gọi là nhánh lá.

* Lại nữa, trong kinh Thanh văn tuy nói thật tướng các pháp, mà không rõ ràng, còn trong kinh Bát nhã ba la mật hiển hiện phân minh, dễ thấy, dễ được, như người vin nhánh lá thời sa rớt, nếu nắm cành gốc thời kiên cố. Nếu chấp kinh Thanh văn thời rơi vào Tiểu thừa, nếu trì kinh Bát nhã ba la mật thời dễ được Vô thượng đạo. Vì thế, nên nói bỏ gốc cành mà lấy nhánh lá.

Hỏi: Ba mươi bảy đạo phẩm, ba môn giải thoát, trong kinh Bát nhã cũng có, nay cớ sao chỉ nói ở trong kinh Thanh văn, Bích chi Phật có?

Đáp: Trong Đại thừa tuy có nói pháp ấy mà hợp với rốt ráo không, tâm không chấp trước, vì không bỏ trí Nhất thiết chủng, tâm đại bi, vì hết thảy chúng sinh mà nói ra, còn trong kinh Thanh văn thời không như vậy vì chứng đắc quả Tiểu thừa.

* Lại nữa, vì Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật nên có thể làm thành tựu pháp thế gian, xuất thế gian. Thế nên Bồ tát nếu cầu Phật đạo, hãy nên học Bát nhã ba la mật, ví như chó vì chủ giữ nhà, đáng nên theo chủ đòi ăn, lại đi theo người ở, đòi ăn. Bồ tát cũng như vậy. Chó ví người tu, Bát nhã ba la mật ví người chủ. Trong Bát nhã có đủ thứ lợi ích, lại bỏ đi tìm trong các kinh khác. Phật muốn làm cho rõ ràng dễ thấy, nên nói thí dụ: Voi, biển lớn, cung điện trời Đế thích, Chuyển luân Thánh vương, ngọc vô giá, cũng như vậy.

Hỏi: Năm dục sinh ra năm triền cái, vì năm triền cái che lấp trí tuệ, nên không nên vui nói. Cớ sao vui nói sáu ba la mật khác cho đến Vô thượng đạo mà cho rằng không như pháp?

Đáp: Không như pháp là không như thật tướng Bát nhã ba la mật. Trong thật tướng Bát nhã ba la mật pháp không có định tướng, làm sao vui nói? Nếu có định tướng thời tâm nhiễm trước vui nói? Chư Phật, Bồ tát vì tâm đại bi vì chúng sanh mà thuyết pháp, không đắm trước ngôn ngữ, dùng pháp không thể có được, chỉ thị cho chúng sinh tướng rốt ráo không của Bát nhã ba la mật. Người ấy chép, đọc tụng ... vì tâm nhiễm trước thủ lấy tướng sáu trần cho đến tướng Vô thượng đạo, nên gọi là không như pháp.

Hỏi: Nếu Bát nhã ba la mật rốt ráo không, không có gì không thể chép, đọc tụng, như vậy, thời không nên có ma sự?

Đáp: Rốt ráo không, không có gì cũng chẳng phải tướng Bát nhã ba la mật, cớ sao là Ma sự? Trong đây nói, nếu người ấy biết tướng không có gì là tướng Bát nhã ba la mật thì đó tức là Ma sự. Nếu dùng văn tự chép Bát nhã ba la mật, tự biết rằng ta chép Bát nhã ba la mật; có tâm nhiễm trước ấy tức là Ma sự. Nếu người biết tướng Bát nhã ba la mật không đem tâm chấp trước chép, đọc, tụng thời nếu có kẻ đến phá; ấy là phá Bát nhã ba la mật.

* Lại nữa, bên trong có ma phiền não, bên ngoài có Ma trời, vì nhân duyên của hai việc ấy nên khi chép Bát nhã ba la mật, cho đến tu hành đều làm hoại Bát nhã ba la mật.

Niệm khởi là nghĩ quốc độ này không an ổn, quốc độ kia giàu vui. Nghĩ đến xóm làng, thành ấp, phương hướng cũng như vậy; hoặc nghe chê bai thầy mình mà bỏ Bát nhã ba la mật để giúp thầy trừ diệt tướng xấu; hoặc nghe cha mẹ bị tật bệnh, bận việc quan; hoặc nghĩ đến giặc khủng bố, khởi tâm muốn đi đến chỗ khác; nghĩ đến hạng Chiên đà la cũng như vậy. Ở chung với giặc, Chiên đà la, thời nổi sân hận; ở chung với chúng nữ dâm nữ thời dục tâm khởi lên. Có các nhân duyên như vậy phá hoại Bát nhã ba la mật. Bồ tát giác tri, hãy chớ nghĩ, chớ nói.

Hoặc khi chép kinh Bát nhã ba la mật, người độn căn được sự cung kính, cúng dường nhiều hay sinh tâm ái trước, nghĩ rằng: Ta chép được, hành theo được kinh. Có sự ái trước lợi dưỡng ấy tức là Ma sự. Còn người lợi căn thì ma suy nghĩ Bồ tát lợi căn ấy không ái trước cái vui thế gian, nhất tâm thọ trì Bát nhã ba la mật, người ấy ta không thể phá hoại. Ta nay nên đem kinh thâm diệu của Thanh văn làm chuyển đổi tâm kia, khiến thành A la hán.

Phật dạy: Kinh Thanh văn tuy sâu xa, không nên tham đắm, thí như cục vàng đốt cháy, sắc tuy đẹp mà không thể cầm. Nếu Bồ tát không có phương tiện (trí tuệ) không có lợi căn lớn, gặp được kinh này hoan hỷ cho là không, vô tướng, vô tác, làm dứt hết gốc khổ, không còn chi hơn, liền bỏ kinh Bát nhã ba la mật, ấy cũng là ma sự, vì sao? Vì trong đây Phật nói nhân duyên rằng: Ở trong Bát nhã ba la mật nói rộng pháp phương tiện của Bồ tát, là quán Thanh văn, Bích chi Phật đạo mà không thủ chứng, vì tâm đại bi nên thật hành ba môn giải thoát, thí như lấy ván sữa hòa với chất độc, thế lực chất độc tiêu tan, không thể hại người. Bát nhã cũng như vậy, Bồ tát ở trong

Bát nhã cầu đạo vô thượng dễ được, ở trong các kinh khác cầu khó được, như chỉ uống chất độc. Thế nên, không nên tìm đạo Bồ tát trong kinh Thanh văn.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM HAI BÊN KHÔNG HÒA HỢP THỨ 47.

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm cái lỗi hai bên không hòa hợp).
(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phẩm không hòa hợp thứ 45).

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, người nghe pháp muốn chép, thọ trì kinh Bát nhã ba la mật và đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng, song người thuyết pháp biếng nhác không muốn nói cho. Nên biết ấy là ma sự của Bồ tát.

Tu bồ đề, người thuyết pháp tâm không biếng nhác, muốn bảo chép, thọ trì Bát nhã ba la mật, mà người nghe pháp lại không muốn thọ. Hai tâm không hòa hợp như vậy. Nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người nghe pháp muốn chép, thọ trì Bát nhã ba la mật, và đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, mà người thuyết pháp lại muốn đi đến phương khác. Nên biết ấy là Ma sự.

Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn bảo chép, thọ trì Bát nhã ba la mật, song người nghe pháp lại muốn đi đến phương khác. Hai tâm không hòa hợp như vậy. Nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp quý trọng của bố thí y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, vật nuôi sống, mà người nghe pháp thì ít muốn biết đủ, tu hạnh xa lìa, nhiếp niệm tinh tấn, nhất tâm trí tuệ. hai bên không hòa hợp, nên không được chép Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là Ma sự.

Tu bồ đề, người thuyết pháp ít muốn biết đủ, tu hạnh xa lìa, nhiếp niệm tinh tấn, nhất tâm trí tuệ, mà người nghe pháp lại quý trọng của bố thí y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, vật nuôi sống. Hai bên không hòa hợp nên không được chép, thọ trì Bát nhã ba la mật và đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, trong khi người thuyết pháp thọ trì mười hai hạnh đầu đà là: 1. Ở chỗ vắng (A lan nhã) 2. Thường khất thực, 3. Mặc áo vá, 4. Ngày ăn một bữa ngọ (nhất tọa thực) 5. Ăn có tiết độ, 6. Sau giờ ngọ không uống nước có xác, 7. Ở gò mả, 8. Ở dưới cây, 9. Ở chỗ đất trống, 10. Thường ngồi không nằm, 11. Theo thứ lớp khất thực, 12. Chỉ có 3 y. (Mười hai hạnh này nhiều chỗ ghi sai khác nhau - N.D), còn người nghe pháp lại không thọ trì mười hai hạnh đầu đà, không ở chỗ vắng cho đến không chỉ thọ ba y. Hai bên không hòa hợp nên không được chép, giữ gìn Bát nhã ba la mật và đọc tụng, hỏi nghĩ, nhớ nghĩ đúng. Nên biết ấy là Ma sự.

Tu bồ đề, trong khi người nghe pháp thọ trì mười hai hạnh đầu đà, ở chỗ vắng cho đến thọ chỉ ba y, còn người thuyết pháp không thọ trì mười hai hạnh đầu đà, không ở chỗ vắng, cho đến không thọ chỉ ba y, hai bên không hòa hợp, không chép, thọ trì Bát nhã ba la mạât và đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng được. Nên biết ấy là Ma sự.

LUẬN: Tất cả pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp sanh, các duyên ly tán thời không có, thí như dùi đồ để lấy lửa, phải có cái dùi, có đồ mồi là hai thứ để có được lửa.Viết chép Bát nhã cho đến nhớ nghĩ đúng cũng như vậy, phải có đủ nhân duyên trong ngoài hòa hợp mới thành, nghĩa là thầy và đệ tử phải đồng tâm đồng sự mới chép thành được. Thế nên Phật bảo Tu bồ đề, người nghe pháp, phát khởi năm thiện căn là tín, tấn, niệm, định, tuệ. Muốn chép, thọ trì Bát nhã cho đến nhớ nghĩ đúng, mà người thuyết pháp vì năm triền cái che tâm nên không muốn thuyết!

Hỏi: Nếu vì năm triền cái che tâm nên không muốn thuyết, thế sao làm thầy?

Đáp: người ấy đắm cái vui thế gian, chẳng quán không, vô thường, tuy tâm hiểu, miệng nói, mà không tự thật hành, còn đệ tử tuy tâm muốn tu mà không hiểu rõ, không có nơi nào khác nên phải hỏi người ấy; hoặc có khi thầy phát tâm từ bi muốn khiến chép, thọ trì Bát nhã, mà đệ tử ám độn không phát khởi năm thiện căn, đắm cái vui thế gian, nên không muốn nghe lời chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã.

Hỏi: Nếu không muốn thọ trì, cớ sao gọi là người nghe pháp?

Đáp: Chỉ nghe lãnh thọ ít nhiều, và đọc tụng mà không rốt ráo thành tựu được, nên chỉ gọi là nghe pháp. Nếu cả hai người đồng có thiện tâm thời có thể được Bát nhã ba la mật, nến không đồng có thiện tâm thời chẳng được, ấy gọi là Ma sự.

Phiền não bên trong nổi lên, thiên tử ma bên ngoài bèn trợ duyên, xa lìa Bát nhã, thời Bồ tát nên giác tĩnh biết đó là ma, ngăn đừng cho khởi. Nếu tự mình thối mất, hãy làm cho đầy đủ lại; nếu đệ tử thối mất, hãy dạy cho được lại.

* Lại nữa, hoặc thầy có tâm từ bi mỏng, bỏ đệ tử mà đi đến phương khác, hoặc vì không thích với đất nước, bốn đại chẳng hòa; hoặc vì thiện pháp không được tăng ích, hoặc vì lạnh nóng không hợp, hoặc vì đất đai hoang vu, vì các nhân duyên như vậy mà đi đến phương khác, trong khi đó đệ tử cũng vì các nhân duyên mà không thể đi theo thầy. Có người vì quý trọng lợi dưỡng, như trên nói vì năm triền cái che tâm v.v...

* Lại nữa, hai người đều có lòng tin, có giới hạnh, mà một người dùng mười hai hạnh đầu đà để trang nghiêm giới, còn một người không thể.

Hỏi: Vì sao một người không thể?

Đáp: Phật kiết giới, đệ tử thọ trì, mười hai hạnh đầu đà không gọi là giới, thật hành được thời giới được trang nghiêm, không thật hành được không phải là phạm giới, thí như bố thí, làm thì được phước, không bố thí được cũng không có tội. Hạnh đầu đà cũng như vậy. Thế nên, hai bên không hòa hợp, là Ma sự.

Mười hai hạnh đầu đà là hành giả cho việc ở nhà sinh phiền não, nên bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, xuất gia hành đạo, song thầy trò đồng học thì trở lại bị ràng buộc, tâm lại rối loạn, thế nên thọ phép ở chỗ vắng, để thân xa lìa ồn ào, ở chỗ không nhàn.

Xa lìa là gần nhất trong ba dặm, xa hơn nữa càng hay. Được thân xa lìa rồi, cũng nên khiến tâm xa lìa năm dục, năm triền cái.

Nếu nhận lời mời ăn, hoặc ăn cùng chúng Tăng là nhân duyên dễ khởi lên lậu hoặc, vì sao? Vì nhận lời mời ăn, nếu được mời thì nghĩ rằng ta là người tốt có phước đức nên được mời ; nếu không được mời thời chê người kia không hiểu biết, người không đáng mời lại mời, người đáng mời lại không mời. Hoặc tự khinh bạc, áo não tự trách mà sinh buồn khổ. Sự tham ưu đó dễ làm ngăn ngại đạo.

Ăn cùng chúng Tăng là vào giữa chúng, tất phải theo qui tắc của chúng, xử đoán công việc, đuổi người, liệu lý việc chúng tăng, phân xử sai khiến, thời tâm bị tán loạn; phế bỏ tu đạo. Vì những việc làm não loạn như vậy, nên thọ pháp thường khất thực.

Vì áo đẹp nên phải dong ruổi bốn phương, rơi vào lối sống tà mạng; nếu nhận áo tốt của người cho, thời sanh tâm gần gũi ái trước, nếu không gần gũi ái trước họ thời đàn việt hận. Nếu ở giữa chúng nhận được y thời có các lỗi như trên nói. Lại y tốt là chỗ tham đắm của người chưa đắc đạo. Vì y tốt mà chuốc lấy nạn giặc cướp, hoặc phải mất mạng, có những tai hoạn như vậy, nên thọ pháp mặc áo vá xấu xí. Hành giả nghĩ rằng: Tìm một bữa ăn trong một ngày còn nhiều trở ngại, huống gì bữa ăn nhẹ, ăn giữa ngọ, ăn sau ngọ, nếu không tự giảm bớt, thời mất công nữa ngày, không thể nhất tâm hành đạo.

Phật pháp cốt vì tu đạo, không phải vì nuôi thân, như nuôi ngựa nuôi heo, vì thế nên dứt việc thường ăn; thọ pháp ngày ăn một bữa ngọ.

Có người tuy ngày ăn một bữa ngọ, mà tâm tham ăn quá độ, bụng phình hơi thở nghẹt, phế bỏ tu đạo. Thế nên, thọ pháp ăn có tiết độ; tiết độ là lược nói tùy sức ăn được, ba phần chừa lại một phần, thời thân nhẹ nhàng an ổn, dễ tiêu, không có bệnh. Thân không tổn hại, thời việc hành đạo không phế bỏ. Như trong kinh, ngài Xá lợi phất nói: "Nếu ta ăn năm miếng sáu miếng, bổ túc thêm nước, là đủ nuôi thân". Với người Trung Quốc ăn trưa có thể kể mười miếng (?).

Có người tuy ăn có tiết độ, nhưng quá giờ ngọ còn uống nước có xác thời tâm sanh vui đắm, nên tìm nước gạo, nước quả, nước mật v.v... muốn uống mãi không chán, nên không thể nhất tâm tu tập thiện pháp, như ngựa không buộc dây cương, cứ muốn ăn cỏ quanh quẩn, không chịu lên đường, nếu có dây cương thời ý muốn ăn cỏ không còn, đi theo ý người. Vì thế, nên thọ pháp sau giờ ngọ không uống nước có xác.

Quán không, quán vô thường là cửa ban đầu bước vào Phật pháp, hay làm chán lìa ba cõi.

Gò mã thường có tiếng khóc lóc buồn than, thây chết bừa bãi, tận mắt thấy cảnh vô thường. Sau đó hoặc thiêu cháy, bị chim thú ăn, không bao lâu tiêu hết. Nhân quán thây chết mà dễ ngộ được tướng vô thường, tướng không của các pháp. Lại ở gò mả, hoặc thấy thây chết tan rã hôi hám bất tịnh, dễ thành

được quán 9 cách (cữu tưởng quán). Đây là cửa ban đầu để lìa tham dục. Vì vậy nên thọ pháp ở giữa gò mả, quán bất tịnh, vô thường xong, việc đắc đạo thành, bỏ gò mả mà đi đến dưới cây, người chưa đắc đạo, tâm không quá chán, thì hãy thủ lấy tướng thây chết, ấy mà ở dưới cây suy nghĩ: Như Phật lúc Đản sanh, lúc thành đạo, lúc Chuyển pháp luân, lúc vào Niết bàn đều ở dưới cây. Hành giả theo phép tắc của chư Phật thường ở dưới cây. Do các nhân duyên như vậy nên thọ pháp ở dưới cây. Do các nhân duyên như vậy nên thọ pháp ở dưới cây.

Hoặc hành giả quán dưới gốc cây không khác gì nữa cái nhà, che im vui mát. Lại nếu sanh tâm ái trước cho rằng ta ở cây này rất tốt, cây kia không bằng, vì sanh tâm lậu hoặc như vậy, nên đi đến ở chỗ đất trống, suy nghĩ rằng: Ở dưới cây có hai việc dở: 1. Mưa dột ẩm ướt, 2. Phân chim nhớp thân, trùng độc chung đụng, còn chỗ đất trống thời không có việc dở đó. Ở chỗ đất trống thời mặc y thuyết pháp, tùy ý vui thích. Trăng sáng soi khắp, bầu trời trong sáng, tâm dễ nhập vào "Không tam muội". Trong bốn oai nghi của thân, ngồi là tốt nhất, ăn dễ tiêu hóa, hơi thở điều hòa. Người cầu đạo, việc lớn chưa thành, giặc phiền não thường rình tìm chỗ dễ, thuận tiện, vậy không nên nằm yên. Nếu đi, nếu đứng thời tâm động khó thu nhiếp, và cũng không thể đi lâu, đ?ng lâu. Vì thế nên thọ pháp thường ngồi. Nếu khi muốn ngủ, thời hông không chính chiếu.

Hành giả không đắm trước vị ngon, không khinh chúng sanh, tâm bình đẳng thương xót, mà thứ lớp khất thực, không chọn nơi giàu nghèo, nên thọ pháp thứ lớp khất thực.

Hành giả ít muốn biết đủ, áo đủ che thân, không nhiều không ít, nên chỉ có ba y. Người bạch y (hàng mặc trắng tức cư sĩ - N.D) vì cầu vui nên chứa nhiều áo; hoặc có kẻ ngoại đạo tu khổ hạnh trần truồng không biết hổ. Thế nên đệ tử Phật lìa bỏ hai cực đoan ấy, hành xử theo trung đạo.

Chỗ ở chỗ ăn thường dùng hằng ngày nên nhiều việc, còn áo không cần tìm cầu hằng ngày, nên lược nói.

Mười hai hạnh đầu đà ấy là ý Phật muốn khiến đệ tử hành theo đạo, bỏ cái vui thế gian, nên tán thán mười hai hạnh đầu đà. Ý Phật thường lấy hạnh đầu đà làm gốc, vì có nhân duyên chẳng đaàu7841?ng đừng nên mới cho phép làm các việc khác. Như lúc Phật Chuyển động bánh xe pháp, năm Tỳ kheo mới đắc đạo, thưa Phật rằng: Chúng con nên mặc áo gì? Phật dạy: Nên mặc áo vá. Lại khi thọ giới pháp, phải suốt đời mặc áo vá, khất thực, ở dưới cây,

dùng thuốc dư để chữa bệnh. Đối với bốn Thánh chủng xưa, trong đó hạnh đầu đà gồm có ba Thánh chủng.

Phật pháp chỉ lấy trí tuệ làm gốc, không vì sợ khổ làm đầu, cách ấy đều giúp đạo, tùy thuận đạo, nên Phật thường tán thán.

(Hết cuốn 68 theo bản Hán)

--o0o –

Cuốn 69

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp có lòng tin có căn lành, muốn chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu, song người nghe pháp không có lòng tin, phá giới, làm việc ác, không muốn chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

Tu bồ đề, người nghe pháp có lòng tin, có căn lành, mà người thuyết pháp, không có lòng tin, phá giới, làm việc ác, hai bên không hòa hợp; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp, có thể bố thí tất cả, tâm không lẫn tiếc, song người nghe pháp tâm lẫn tiếc không thí xả; nên biết ấy là Ma sự. Tu bồ đề, người nghe pháp bố thí được tất cả, tâm không lẫn tiếc, còn người thuyết pháp lẫn pháp không bố thí, hai bên không hòa hợp, không được chép, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người nghe pháp muốn cúng dường người thuyết pháp y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, vật cần dùng nuôi sống, song người thuyết pháp không muốn thọ nhận; nên biết ấy là Ma sự. Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn cung cấp người nghe pháp y phục, cho đến vật cần dùng để nuôi sống, mà người nghe pháp không muốn thọ nhận, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp dễ ngộ, song người nghe pháp ám độn, nên biết ấy là Ma sự. Tu bồ đề, người nghe pháp dễ ngộ, mà người thuyết pháp ám độn, hai bên không hòa hợp, không được chép thành, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng được Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh, đó là Tu đa la cho đến Ưu ba đề xá, song người nghe pháp không biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh, nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh, mà người thuyết pháp không biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh; hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp thành tựu sáu ba la mật, song người nghe pháp không thành tựu sáu ba la mật, hai bên không hòa hợp, không được chép cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp có sáu ba la mật, mà người thuyết pháp không có sáu ba la mật, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp đối với sáu ba la mật, có sức phương tiện, song người nghe pháp đối với sáu ba la mật không có sức phương tiện, hai bên không hòa hợp, không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp đối với sáu ba la mật có sức phương tiện, mà người thuyết pháp đối với sáu ba la mật không có sức phương tiện, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp được Đà la ni, song người nghe pháp không có Đà la ni, hai bên không hòa hợp, không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp được Đà la ni, mà người thuyết pháp không có Đà la ni, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn khiến chép thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; song người nghe pháp không muốn chép, thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp muốn chép, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, mà người thuyết pháp không muốn khiến chép Bát nhã ba la mật, cho đến không muốn khiến giảng thuyết, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp lìa tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ, song người thuyết pháp thì tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp lìa tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ, mà người thuyết pháp thì tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, trong khi chép cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, hoặc có người đi đến nói việc khổ thống trong ba đường ác, và khuyên sao người không ở nơi thân này dứt khổ vào Niết bàn, dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy làm gì, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, trong khi chép, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, hoặc có người đi đến tán thán các cõi trời Tứ Thiên vương, trời Ba Mười Ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, trời Phạm thiên cho đến trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng; tán thán Sơ thiền cho đến Phi hữu tưởng Phi vô tưởng định, nói rằng: Này thiện nam tử, dầu ở trong cõi Dục hưởng thọ khoái lạc năm dục, ở trong cõi Sắc hưởng thọ cái vui do thiền định phát sanh, ở trong cõi Vô sắc hưởng thọ cái vui tịch diệt, các việc ấy cũng vô thường, khổ, không, vô ngã, là tướng biến đổi, tướng diệt tận, tướng tan rã, tướng ly tán, tướng hoại diệt, sao người không do nơi thân này thủ chứng quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật? Cần gì chịu đủ thứ khổ trong thế gian sanh tử để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm gì? Hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp, sống một mình không hệ lụy, tự tại vô ngại, song người nghe pháp nuôi dưỡng nhiều người, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp sống một mình không hệ lụy, tự tại vô ngại, mà người thuyết pháp lại nuôi nhiều người, hai bên không hòa hợp, nên không chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp nói như vầy: Ngươi theo được ý ta, ta sẽ cho ngươi Bát nhã ba la mật khiến chép, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ

nghĩ đúng, nếu không theo ý ta, thời ta không cho ngươi, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người nghe pháp muốn được theo như ý người thuyết pháp, mà người thuyết pháp không chịu, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn được tài vật lợi dưỡng, nên đưa cho kinh Bát nhã ba la mật bảo chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng, song người nghe pháp vì lý do ấy nên không muốn làm theo, hai bên không hòa hợp, nên không được chép cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp vì tài vật lợi dưỡng, nên muốn chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã ba la mật thâm sâu; còn người thuyết pháp vì lý do ấy nên không muốn thuyết cho, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành, đọc tụng thuyết giảng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn đi đến chỗ nguy hiểm tánh mạng ở phương xa, song người nghe pháp không muốn đi theo, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp muốn đi đến chỗ nguy hiểm tánh mạng ở phương xa, màngười thuyết pháp không muốn đi, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp, muốn đi đến chỗ đói khát, gạo hiếm, nước không, ở phương xa, song người nghe pháp không muốn đi theo, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự. Hoặc người nghe pháp muốn đi đến chỗ đói khát, gạo hiếm, nước không, ở phương xa, còn người thuyết pháp không muốn đi, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn đi đến chỗ giàu vui ở phương xa, người nghe pháp muốn đi theo, người thuyết pháp nói: Này thiện nam tử, ngươi vì lợi dưỡng mà đi theo ta, ngươi hảy khéo tự suy nghĩ, hoặc được hoặc không được, đừng để hối hận về sau. Vì chút ít lý do đó hai bên không hòa hợp, người nghe pháp nghe nói như vậy tâm sanh chán, nghĩ rằng ấy là

đối nghịch không muốn cho ta đi theo, bèn ngưng không đi; hai bên không hoà họp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp muốn đi qua chỗ đồng trống, chỗ giặc đáng sợ, chỗ hạng Chiên đà la đáng sợ, chỗ thợ săn, thú dữ, rắn độc đáng sợ, người nghe pháp cũng muốn đi theo, người thuyết pháp nói: Này thiện nam tử, ngươi cần gì đi đếùn đó, trong đó có nhiều điều đáng sợ, giặc cho đến rắn độc đáng sợ, người nghe pháp nghe nói như vậy, biết người kia không muốn cho chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, tâm chán không muốn đi theo. Vì chút ít lý do đó, hai bên không hòa hợp; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, người thuyết pháp có nhiều Đàn việt, thường đến thăm hỏi, vì nhân duyên ấy, nói với người nghe pháp rằng: Ta có nhân duyên, ngươi nên đi nơi khác. Người nghe pháp biết ý kia bèn ngừng, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

LUẬN: Hỏi: Có người chép, thọ trì, đọc tụng Bát nhã ba la mật, nhưng không tu hành được mà phạm giới, hoặc có việc như vậy, nếu không tin thì tại sao lại đi theo họ thọ pháp?

Đáp: người ấy không tin Bát nhã ba la mật nói về rốt ráo không, song vì cầu danh nên đọc tụng, giảng rộng, giống như đệ tử Phật không tin kinh sách ngoại đạo mà cũng giảng nói cho người khác.

* Lại nữa, không có tâm tin vui sâu xa về Bát nhãnên gọi là không tin, chứ chẳng phải hoàn toàn không tin.

Hỏi: Theo pháp thì đệ tử nên cúng dường thầy, cung phụng các điều có được, vì sao lại nói thầy không thể bố thí được.

Đáp: Đệ tử nghĩ rằng: Thầy có vật ít mà không thí xả đuỡc, huống gì xả thân, tuy tán thán việc bố thí, đó chỉ là hư dối, thế nên gọi là không hòa hợip. Đệ tử muốn lấy bốn việc cúng dường thầy, và thầy ít muốn biết đủ nên không nhận, hoặc hổ thẹn giống như buôn bán pháp nên không nhận. Hoặc thầy biết nhiều hiểu nhiều không thiếu thứ gì, có thể cung cấp cho đệ tử song đệ tử lại tự nghĩ rằng: Người ta sẽ cho mình tham cơm áo của thầy nên đến

thọ pháp, hoặc tự cho mình đức mỏng không tiêu hóa nổi vật của thầy cho. Tâm ấy tuy tốt, mà không thành Bát nhã, đó cũng là Ma sự.

Thầy độn căn, là thầy tụng kinh, chẳng phải thầy hiểu nghĩa; tụng mười hai bộ kinh, cũng là thầy tụng kinh.

* Lại nữa, vị thầy có sáu ba la mật nghĩ rằng: Đệ tử là người có tội, độn căn, không hành được sáu ba la mật, say đắm việc thế gian, chỉ có danh đệ tử, không có sự thật. Vị thầy ấy không biết rằng đệ tử sau khi nghe Bát nhã được việc lớn, chỉ vì hiện tiền không có sáu ba la mật, mà không chịu giáo hóa. Trái lại đệ tử cũng nghĩ rằng lý nghĩa sáu ba la mật, ta cũng tu hành được, còn thầy chỉ nói miệng không thể tu hành, mà không biết rằng thầy gặp nhân duyên chuyển đổi thân, sẽ thành đại sự; lại không biết rằng thầy có sự lợi ích về đọc tụng, vì thế nên hai bên không hòa hợp.

* Lại nữa, đệ tử tin tưởng đắm trước thiện pháp, còn thầy không đắm pháp, dùng phương tiện hành sáu ba la mật, đệ tử bảo vì thầy không có tâm ưa vui sâu xa sáu ba la mật, vì sao biết? Vì có khi thầy tán thán sáu ba la mật, có khi vì dứt tâm chấp trước của người mà phá tán thán sáu ba la mật. Trái lại, đệ tử có phương tiện (trí tuệ) cũng như vậy.

Hỏi: nếu đệ tử được Đà la ni, mà thầy không được Đà la ni, vì sao làm thầy?

Đáp: Đà la ni có nhiều thứ: Có đệ tử được văn trì Đà la ni (thứ thần chú nghe đâu nhớ đó - N.D) thọ trì đọc tụng, mà không hiểu nghĩa, vị thầy có thể giải thuyết cho. Hoặc đệ tử có được Đà la ni hiểu nghĩa thật tướng các pháp, mà không thể thứ lớp đọc tụng. Hoặc vị thầy đư?c Đà la ni văn trì, mà chưa có tâm đại bi, nên khinh thị đệ tử, không thể dạy đạo.

Hỏi: Đệ tử muốn thọ trì Bát nhã ba la mật, mà thầy không dạy cho, hoặc có việc như vậy, cớ sao thầy muốn dạy pháp cho mà đệ tử không nhận?

Đáp: Như trước đáp, vì đệ tử thấy thầy có lỗi, nên không muốn lãnh thọ pháp! Lại vị thầy muốn giáo hóa người trước mặt làm đệ tử, mà người ấy hoặc vì có tà kiến, các điều ác, nên không chịu thọ giáo.

* Lại nữa, sở hành của hết thảy chúng sanh nếu đồng nhau thời dễ hòa hợp, còn nếu một người lìa năm dục một người không lìa nên khinh nhau, khinh nhau nên không hòa hợp. Tất cả chúng sanh đều như vậy.

* Lại nữa, trong khi chép tụng, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, một người quở trách ba ác đạo, một người tán thán chư thiên. Việc này như trước đã đáp, tuy không thể phá hoàn toàn thiện hạnh người kia, chỉ phá hoại Đại thừa của người kia mà trao pháp Tiểu thừa.

* Lại nữa, thầy ít muốn biết đủ, không ưa tụ tập đông người, còn đệ tử thì có đông người. Vị thầy nghĩ rằng: Đệ tử tuy tốt có thể độ được, mà nuôi đồ chúng nhiều. Trái lại thầy cứ đắm sâu vào thiện pháp, xa lìa đệ tử, đệ tử sống một mình cũng như vậy.

* Lại nữa, ý người thuyết pháp là nếu đệ tử tu hành theo ý ta, hoặc đi hoặc ở, tùy lúc hỏi han v.v... còn người nghe pháp chỉ muốn cầu cái lợi của giáo pháp, không thể hành xử việc chúng, thế là không hòa hợp. Hoặc có khi người nghe pháp theo ý tới lui hỏi han v.v... mà người thuyết pháp không cho, nghĩ rằng: Cần gì việc ấy, tổn công đức ta; ý người nghe pháp cho đó là khinh thị, không hoan hỷ với nhau được. Thế là không hòa hợp.

* Lại nữa, vị thầy vì lợi dưỡng nên muốn dạy pháp cho, tâm đệ tử thì không kính thầy, tại sao thầy lại muốn bán kinh pháp. Trái lại, đệ tử cũng như vậy, vì tài vật lợi dưỡng nên đọc tụng Bát nhã, chứ chẳng phải tâm thanh tịnh. Thầy biết tâm đệ tử như thế, thời khinh bạc không chịu dạy cho. Thế nên không hòa hợp.

* Lại nữa, vị thầy muốn đi đến phương xa, trải qua đường hiểm nạn, đệ tử vì tiếc thân mạng không đi theo, nghĩ rằng: Ta có thân vậy sau mới cầu pháp. Trái lại đệ tử muốn đi cũng như vậy, muốn đi đến chỗ đói khát, gạo hiếm, nước không, cũng như vậy.

* Lại nữa, vị thầy muốn đi đến chỗ giàu vui, đệ tử không muốn đi theo thầy, mà thầy hoặc hổ thẹn không muốn đem đi, hoặc đệ tử quen thói vui chơi không thể laàu7841?n lội đi xa, hoặc đường sá xa thẳm, hoặc thầy biết rõ nước kia, còn đệ tử không hiểu mà cho thầy khen tốt nước kia, chứ chưa chắc có thật như vậy, hoặc nghĩ rằng: Thầy ham ăn uống nên đi. Do các nhân duyên như vậy, thầy nói với đệ tử như người nghe nói những điều ở nước kia, không hẳn có đủ nhân duyên như vậy, hãy tự suy tính, nếu muốn đi thì đi đừng do tài vật giàu vui mà đi, khi đến nước kia không được vừa ý, chớ thán oán. Thầy lại nói người nghe nước kia giàu vui nên đi chứ không phải vì pháp, nên không cần theo ta. Thầy có lòng tốt ngăn đệ tử, mà không biết đó là nhân duyên phá hoại Bát nhã ba la mật, đệ tử nghe lời ấy, kính sợ thầy nên không đáp được, liền ngưng không đi, nên không hòa hợp.

Hoặc thầy muốn đi đến nước xa, trong đó có đủ thứ cọp beo, giặc, trộm, nói với đệ tử rằng: Chỗ kia có nhiều tai nạn, người không cần đi, đệ tử nghe rồi ngưng không đi, thầy chỉ biết ở kia có nạn sự nên ngăn đệ tử màkhông biết đó là nhân duyên phá hoại Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Nếu ở nước xa có nhiều nạn, cớ sao thầy đi một mình?

Đáp: Có người trả lời, vì thầy sanh ra ở nước đó, đã chịu quen ở nước đó, có thể tự phòng hộ được. Có người nói: Ở nước kia có thầy giỏi, có kinh sách, nên không tiếc thân mạng rồi đi, thầy nghĩ rằng thân ta chết một mình thời có thể, chứ cớ sao làm oan uổng đệ tử, vì lẽ đó nên ngăn không để đệ tử đi.

Hoặc thầy có nhiều Đàn việt quen biết, tâm sanh vui đắm, còn đệ tử ít muốn biết đủ, không tham đắm Đàn việt; thầy thường tùy thời hỏi han Đàn việt, còn đệ tử chỉ muốn cầu pháp, không ưa việc ấy. Thầy biết ý, nói rằng: Ta có nhân duyên, không nói pháp cho ngươi được. Đệ tử nghe rồi không vui, thầy quí caí duyên thế tục, không qui pháp thế là không hòa hợp.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, ác Ma hiện làm thân tướng Tỳ kheo đi đến, dùng phương tiện phá hoại Bát nhã ba la mật, không để cho được chép thành, giữ gìn, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng : Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì ác ma hiện làm hình tướngTỳ kheo, dùng phương tiện phá hoại Bát-nhã ba-la-mật, không để cho được chéo thành, giữ gìn, cho đến nhớ nghĩ đúng? Phật dạy: Aùc Ma hiện làm thân tướng Tỳ kheo đi đến phá hoại tâm thiện nam tử thiện nữ nhân, làm cho xa lìa Bát nhã ba la mật, nói rằng: "Như kinh của ta nói tức Bát nhã ba la mật, còn kinh này chẳng phải Bát nhã ba la mật".

Tu bồ đề, trong đây khi các Tỳ jheo phá hoại, có vị Bồ tát chưa được thọ ký liền roi vào nghi hoặc, rơi vào nghi hoac nenân không chép kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu; không thọ, không trì cho đến không nhớ nghĩ thành Bát nhã ba la mật, cho đến nhớ nghĩ đúng. Nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, ác Ma hiện làm thân tướng Tỳ kheo đi đến chỗ Bồ tát nói rằng: Nếu Bồ tát tu hành Bát nhã nhã ba la mật thì thật tế chỉ chứng được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, được Bích chi Phật đạo. Vì không hòa hợp như thế không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật thâm sâu; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đềà, trong khi nói Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, có nhiều ma sự khởi lên, làm chướng nạn Bát nhã ba la mật, ấy là ma sự. Bồ tát ma ha tát hãy gíac tri, giác tri rồi xa lìa. Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, những gì là ma sự làm chướng nạn, Bồ tát nên phải giác tri, giác tri rồi xa lìa?

Phật dạy: Chính Bát nhã ba la mật tương tợ, là ma sự khởi lên, Thiền ba la mật tương tợ, Giới ba la mật tương tợ, Tấn ba la mật tương tợ, Nhẫn ba la mật tương tợ, Thí ba la mật tương tợ, là ma sự khởi lên, mà Bồ tát nên phải giác tri, giác tri rồi xa lìa.

* Lại nữa, Tu bồ đề, các kinh của hàng Thanh văn, Bích chi Phật, phải hành trì, Bồ tát ma ha tát nên biết đó là ma sự, mà xa lìa nó.

* Lại nữa, Tu bồ đề, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô tác, hành trì theo pháp này thì chứng được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật. Các kinh như vậy, ác ma giả hiện làm hình tướng Tỳ kheo, khéo léo đem cho Bồ tát. Thế là không hoà hợp, không được chép thành Bát nhã ba la mật thâm sâu; cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, ác ma giả hiện làm thân Phật, sắc vàng tỏa sáng một trượng, đi đến chỗ Bồ tát, Bồ tát ấy vì tham đắm, nên bị hao tổn trí Tát bà nhã. Thế là không hòa hợp, không được chép thành Bát nhã ba la mật, cho đến nhớ nghĩ đúng; nên biết ấy là Ma sự.

* Lại nữa, Tu bồ đề, ác ma giả hiện làm thân Phật và Tỳ kheo Tăng, đi đến trước Bồ tát, Bồ tát ấy khởi tâm tham đắm, nghĩ rằng: Ta đời sau cũng sẽ làm Tỳ kheo Tăng, như vậy để thuyết pháp cho người; Bồ tát tham đắm thân ma nên bị hao tổn trí Tát bà nhã, không được chép thành Báøt nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng; nên biết ấy là Ma sự.

Lại nữa, Tu bồ đề, Ác ma hóa làm vô số trăm ngàn vạn ức Bồ tát tu hành Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, rồi chỉ bày cho thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, thiện nam tử thiện nữa nhân ấy thấy rồi tham đắm nên bị hao tổn trí Tát bà nhã, không được chép thành Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng; nên biết ấy là ma

sự, tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật thâm sâu, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật, nếu không có sắc, cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời trong ấy không có Phật, không có Thanh văn, không có Bích chi Phật, không có Bồ tát, tại sao. Vì hết thảy pháp tự tánh không vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, thiện nam tử thiện nữ nhân, khi chép Bát nhã ba la mật thâm sâu, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, thường có nhiều chướng nạn nổi lên. Tu bồ đề! Thí như trong cõi Diêm phù đề, những thứ trân bảo, vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô v.v... thường gặp nhiều nạn giặc. Như vậy, Tu bồ đề, thiện nam tử thiện nữ nhân, trong khi chép Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, thường gặp nhiều giặc chướng nạn khởi lên.

tu bồ đề bạch Phật rằng: Như vậy, bạch đức Thế Tôn! Trong cõi Diêm phù đề các thứ trân bảo, vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô v.v... thường có nhiều giặc nhiều nạn. Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử thiện nữ nhân cũng như vậy, trong khi chép thành Bát nhã ba la mật thâm sâu cho đến nhớ nghĩ đúng, thường có nhiều giặc nhiều nạn khởi lên, có nhiều ma sự, tại sao? Ấy vì người ấy ngu si bị ma sai sử, trong khi thiện nam tử thiện nữ nhân chép Bát nhã ba la mật thâm sâu cho đến nhớ nghĩ đúng, nó phá hoại làm cho xa lìa.

Bạch đức Thế Tôn, người ngu si ấy rất ít trí tuệ, nên khi chép Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, Ma đến phá hoại làm cho xa lìa. Người ngu si ấy tâm không ưa pháp lớn, cho nên không chép Bát nhã ba la mật, không thọ, không đọc, không tụng, không nhớ nghĩ đúng, không tu hành như nói, ma cũng phá hoại người khác, khiến cho không được chép thành Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến tu hành như nói.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Tu bồ đề! Thiện nam tử thiện nữ nhân mới phát tâm Đại thừa, bị ma sai sử, không trồng căn lành, không cúng dường chư Phật, không theo thiện tri thức, nên không được chép thành Bát nhã ba la mật cho đến không nhớ nghĩ đúng, nên gây chướng nạn. Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, ít trí ít tuệ, tâm không ưa Đại thừa, thế nên không thể chép kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, vì Ma sự khởi lên.

Tu bồ đề, nếu thiện nam tử thiện nữ nhân khi chép được kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, thời ma sự không khởi lên, còn có thể đầy đủ Thiền ba la mật cho đến Thí ba la mật; có thể đầy đủ bốn niệm xứ cho đến trí nhất thiết chủng.

Tu bồ đề, nên biết nhờ Phật lực thiện nam tử thiện nữ nhân có thể chép kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu cho đến nhớ nghĩ đúng, cũng có thể đầy đủ Thiền ba la mật cho đến Thí ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, đầy đủ Phật lực cho đến trí nhất thiết chủng.

Tu bồ đề, vô lượng vô biên vô số chư Phật trong mười phương hiện tại, cũng hỗ trợ cho thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, khiến chép được thành Bát nhã ba la mật thâm sâu; cho đến nhớ nghĩ đúng. Các Bồ tát ở địa vị bất thối trong mười phương, cũng ủng hộ phò trợ cho thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, chép Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng.

LUẬN: Ma hiện làm hình tướng Sa môn, có oai đức long trọng, làm cho người ta nghe theo lời nó, thường cầm kinh quyển cùng với đông đủ chúng đệ tử, nói với các Tỳ kheo rằng: Bát nhã ba la mật, như trong kinh của ta nói mới chân thật Phật nói, còn Bát nhã ngươi nghe trước đó, không thật, chẳng phải Phật nói, chê bai trước, mỗi mỗi tự tán thán lời mình nói. Bồ tát độn căn tin thọ lời ấy sanh tàkiến; còn Bồ tát lợi căn nhưng chưa được thọ ký thời sanh nghi, vì sao? Vì nghĩ rốt ráo "không". vô tướng của Phật nói, trí tuệ khó hiểu, nên không hòa hợp. Có khi ma nói với Bồ tát rằng: "Bát nhã ba la mật, ba cửa giải thoát, nói rộng chỉ là "Không". Ông thường tập theo cái không đó, trong ấy chứng được, không chứng được. Làm sao làm Phật? Cách làm Phật là trước phải tu bố thí, trì giới v.v... tu phước đức về 32 tướng, đến khi ngồi đạo tràng, bấy giờ mới dùng "không". Nghe nói vậy, Bồ tát hoặc tin hoặc nghi, lìa bỏ Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Vì sao sáu ba la mật tương tợ, gọi là ma sự?

Đáp: Như đã nói trong đoạn nói về Bát nhã ba la mật tương tợ.

* Lại nữa, đem tâm chấp trước mà tu hành Bát nhã ba la mật, ấy gọi là tương tợ. Trong kinh Thanh văn, Bích chi Phật, không có nói từ bi, không cầu Phật đạo, chỉ muốn tự độ, tuy là việc tốt, nhưng phá đạo Bồ tát, nên gọi là Ma sự.

Hỏi: Nếu Bồ tát thấy thân Phật, thời tín tâm thanh tịnh, tại sao gọi là ma sự?

Đáp: Tất cả phiền não chấp thủ tướng, đều là Ma sự. Tiểu Bồ tát chưa nên thấy Phật thân, ma hiện làm thân Phật rất dẹp, tâm Bồ tát nhiễm đắm, vì cái thân đẹp ấy nên gắng tu đạo, như người chưa lìa dục, thấy hình con gái trời, tâm nhiễm đắm sâu, không thể hưởng được sự dục lạc cõi trời, mê muội mà chết, thế nên Ma được mãn nguyện.

Bồ tát tuy được chút ít tịnh tâm, mà bỏ mất trí tuệ thật tướng, như người tay cầm ngọc báu nặng cân, có người đem chút ít vàng đối phỉnh, liền bỏ ngọc báu có giá trị lớn, mà nhận lấy vật hèn, ấy gọi là hao tổn. Ma hiện làm thân Phật, dẫn các Tỳ kheo chỉ cho thấy nhiều vị Bồ tát tu sáu ba la mật cũng như trên. Trong đây Phật nói lý do hết thảy sắc pháp v.v... tự tánh không.

* Lại nữa, chúng hội sanh nghi: "Bát nhã ba la mật là pháp vô thượng, có lợi ích nhiều, tại sao có người ganh ghét'? Vì thế Phật nói thí dụ: Như trong cõi Diêm phù đề vì có vàng bạc, nên có nhiều oán nhiều giặc xuất hiện chớ không vì ngói đá.

Bát nhã ba la mật là diệu bảo trong kho tàng Phật pháp, vi diệu, thậm thâm, kẻ độn căn giải đãi không thể hiểu được, thế nên hủy báng. Ma vì cho rằng Bát nhã ba la mật làm cho nhiều chúng sanh vào Niết bàn nên Ma làm giặc oán. Tu bồ đề, vui mừng được lãnh thọ lời Phật, thuật lại lời Ngài dạy về kẻ hủy báng phá hoại Bát nhã.

Bạch đức Thế Tôn, người cuồng si ấy, bị Ma sai sử, không được tự tại, vì thiếu trí nên không thể thông đạt ý Phật. Người ấy không có tâm lớn, không biết pháp vị trong sạch, chỉ biết ba tướng là tham vị, dâm dục, sân nhuế như súc sanh, làm chướng nạn đối với Bát nhã.

Phật ấn khả lời Tu bồ đề nói, nói với Tu bồ đề rằng: Nếu Bồ tát ma ha tát chép Bát nhã, cho đến nhớ nghĩ đúng, Ma sự chẳng khởi lên, nên biết đó là nhờ sự ủng hộ của Phật lực và chư Phật Bồ tát trong mười phương , mà có thể đầy đủ năm ba la mật cho đến trí nhất thiết chủng, và cũng là do Phật lực trong hiện tại ở mười phương, vì sao? Vì Ma là chúa tể cõi Dục, đầy đủ phước đức trí tuệ thế gian; Ma là căn bản sanh tử thế gian.

Chư thiên cõi Sắc, tuy có tà kiến mà thường vào thiền định, nên tâm nhu nhuyến, không thể có sự phá hoại gì; trong cõi Vô sắc thì vô hình và tâm vi tế, không thể làm gì; còn các trời dưới cõi Dục, không có thế lực nên không thể phá hoại như vậy.

Ma ở cõi Dục do nhân duyên của nghiệp lực đời trước và chỗ ở mà cướp lấy việc làm của người khác.

Chúa giặc gọi là Ma, ấy là tướng Ma vậy. (nghi là chữ Ma pháp, tức cách thức của ma) phá hoại việc tốt.

Bồ tát mới phát tâm, trí tuệ mỏng nên tiếc thân, nếu chư Phật, Bồ tát mười phương không ủng hộ, tá trợ thì không thành được. Thế nên chư Phật, Bồ tát, chư thiên là những vị phá hoại Ma sự, mà Bồ tát ấy hoặc biết hoặc không biết, giống như giặc đi quanh thành, người lớn thủ hộ mà trẻ con không hay biết.

Lược nói Ma sự như vậy, nói rộng thời vô lượng vô biên. Nhưng ý Phật chỉ muốn khiến hành giả thành đại sự Bát nhã, thế cho nên thầy trò nên phải hòa hợp, không nên để ý vào các việc ác.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM PHẬT MẪU THỨ 48.

KINH: Phật bảo Tu bồ đề, thí như người mẹ có hoặc 5 con, 10 con, 20 con, 30 con, 40, con, 50 con, hoặc trăm hoặc ngàn con, khi mẹ mắc bệnh, các người con siêng năng tìm cầu cứu chữa, nghĩ rằng: Chúng ta làm sao làm cho mẹ được an, không có việc hoạn nạn đau khổ, không vui, gió, rét, lạnh, nóng, muỗi nhặng, rắn rết xâm phạm thân mẹ là điều lo lắng của chúng ta. Các người con thường tìm đồ vui thích, cúng dường mẹ nó, vì sao? Vì mẹ sanh nuôi chúng ta, chỉ bày cho chúng ta các sự nghiệp thế gian.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật thường lấy Phật nhãn quán sát hộ niệm Bát nhã ba la mật thâm sâu, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, hay chỉ bày thật tướng thế gian; mười phương hiện tại chư Phật cũng lấy Phật nhãn xem thấy Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, vì sao. Vì Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy hay sanh ra chư Phật, hay cho chư Phật nhất thiết trí, hay chỉ bày thật tướng thế gian. Vì thế nên chư Phật thường lấy Phật nhãn xem Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy.

Lại vì Bát nhã ba la mật hay sanh ra Thiền ba la mật, cho đếnThí ba la mật; hay sanh nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; hay sanh bốn niệm xứ

cho đến tám Thánh đạo phần, hay sanh mười lực cho đến trí nhất thiết chủng của Phật; Bát nhã ba la mật hay sanh Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, chư Phật.

Tu bồ đề, chư Phật đã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay được, sẽ được, đều do nhân duyên Bát nhã ba la mật thâm sâu nên được.

Tu bồ đề, nếu, thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Phật đạo, mà chép kinh Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, chư Phật thường lấy Phật nhãn xem thấy người ấy.

Tu bồ đề, thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo, được mười phương Phật thường thủ hộ, làm cho không thối thất Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Như Thế Tôn nói Bát nhã ba la mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian. Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật làm sao hay sanh chư Phật, hay chỉ bày thật tướng thế gian? làm sao chư Phật từ Bát nhã ba la mật sanh ra? Làm sao chư Phật nói tướng thế gian?

Phật bảo Tu bồ đề: Từ trong Bát nhã ba la mật ấy sanh ra mười lực cho đến mười tám pháp không chung, trí nhất thiết chủng của chư Phật.

Tu bồ đề, do được các công đức ấy nên gọi là Phật, Bát nhã ba la mật thâm sâu hay sanh chư Phật; chư Phật nói năm uẩn là tướng thế gian.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, trong Bát nhã ba la mật thâm sâu nói tướng năm uẩn thế nào? Trong Bát nhã ba la mật thâm sâu chỉ bày năm uẩn thế nào?

Tu bồ đề, trong Bát nhã ba la mật không nói, không chỉ bày năm uẩn có phá, có hoại, có sanh có diệt, có nhơ có sạch, có tăng có giảm, có vào có ra, không chỉ bày qúa khứ, vị lai, hiện tại, vì sao? Vì tướng "không" không có phá không có hoại, tướng "vô tướng" không có phá không có hoại, tướng "vô tác" không có phá không có hoại. Chỉ bày như vậy. Pháp không khởi, pháp không sanh, pháp không có gì của chính nó, pháp tánh, không có tướng phá, không có tướng hoại. Chỉ bày như vậy.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật nói trong Bát nhã ba la mật thâm sâu chỉ bày thật tướng thế gian.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Chư Phật nhân nói Bát nhã ba la mật thâm sâu mà biết rõ tâm sở hành của vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Tu bồ đề! Trong Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy không có chúng sanh, không có danh tự chúng sanh, không sắc không có danh tự sắc; không có thọ, tưởng, hành, thức; không có danh tự thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt cho đến không có ý, không có cái biết của mắt cho đến cái biết của ý; không có cái xúc chạm của mắt cho đến cái xúc chạm của ý; cho đến không có trí nhất thiết chủng, không có danh tự trí nhất thiết chủng. Như vậy, Tu bồ đề, là Bát nhã ba la mật thâm sâu chỉ bày thật tướng thế gian.

Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy không chỉ bày sắc, không chỉ bày thọ, tưởng, hành, thức; cho đến không chỉ bày trí nhất thiết chủng, vì sao? Tu bồ đề, vì trong Bát nhã ba la mật thâm sâu còn không có Bát nhã ba la mật huống gì có sắc cho đến trí nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề, sở dĩ có danh tự số lượng chúng sanh, hoặc có sắc,hoặc không có sắc, hoặc có tưởng, hoặc không có tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng chẳng phải không có tưởng. Hoặc ở thế giới này, hoặc khắp thế giới mười phương, các chúng sanh trong đó hoặc nhiếp tâm, hoặc loạn tâm, chư Phật đều biết đúng như thật nhiếp tâm, loạn tâm ấy.

Tu bồ đề, làm sao Phật biết tướng nhiếp tâm loạn tâm của chúng sanh? Do pháp tướng nên biết.

Dùng pháp tướng gì nên biết?

Tu bồ đề, trong pháp tướng ấy còn không có tướng pháp tướng, huống gì có nhiếp tâm loạn tâm. Tu bồ đề, do pháp tướng ấy, nên Phật biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm, làm sao biết? Vì tướng tận nên biết, vì tướng không nhiễm ô nên biết, vì tướng tịch diệt nên biết, vì tướng đoạn trừ nên biết, vì tướng tịch tịnh nên biết, vì tướng xa lìa nên biết.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật nhân nơi Bát nhã ba la mật thâm sâu nên biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật nhân nơi Bát nhã ba la mật nên chúng sanh tâm ô nhiễm, như thật biết tâm ô nhiễm; tâm sân hận, tâm ngu si, như thật biết tâm sân hận; tâm ngu si.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Phật biết chúng sanh tâm ô nhiễm, như thật biết tâm ô nhiễm? Tâm sân hận, tâm ngu si, như thật biết tâm sân hận, tâm ngu si?

Phật bảo Tu bồ đề: Tướng như thật của tâm ô nhiễm thời không có tướng tâm ô nhiễm, vì sao? Vì trong tướng như thật, tâm và tâm số pháp (Tâm sở) không thể có được, huống gì có được tâm ô nhiễm, tâm không ô nhiễm!

Tu bồ đề, tướng như thật của tâm sân hận, tâm ngu si, thời không có tướng sân hận, tướng ngu si, vì sao? Vì trong tướng như thật, tâm và tâm số pháp còn không thể có được huống gì có được tâm sân hận tâm không sân hận, tâm ngu si tâm không ngu si.

Như vậy, Tu bồ đề! Phật do Bát nhã Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh tâm ô nhiễm, như thật biết tâm ô nhiễm; tâm sân hận, tâm ngu si, như thật biết tâm sân hận tâm ngu si.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh tâm không ô nhiễm, như thật biết tâm không ô nhiễm; tâm không sân hận, tâm không ngu si, như thật biết tâm không sân hận không ngu si.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao chúng sanh tâm không ô nhiễm, như thật biết tâm không ô nhiễm; tâm không sân hận, như thật biết tâm không sân hận; tâm không ngu si, như thật biết tâm không ngu si?

Phật bảo Tu bồ đề: Trong tướng tâm không ô nhiễm ấy, tướng nhiễm ô tướng không ô nhiễm không thể có được, vì sao? Tu bồ đề! Vì hai tâm không cùng có một lần.

Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh tâm không ô nhiễm, như thật biết tâm không ô nhiễm.

Tu bồ đề, trong tướng tâm không sân hận, tâm không ngu si ấy, tâm ngu si, tâm không ngu si không thể có được, vì sao? Vì sao hai tâm không cùng có một lần.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh tâm rộng lớn, như thật biết tâm rộng lớn.

* Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Phật do nơi Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh ấy có tâm rộng lớn, như thật biết tâm rộng lớn?

Này Tu bồ đề, Phật biết tâm tướng của chúng sanh không rộng không hẹp, không tăng không giảm, không đến không đi; vì tâm tướng lìa, nên tâm ấy không rộng cho đến không đến không đi, vì sao? Vì tâm ấy không có tự tánh, vậy cái gì rộng cái gì hẹp, cho đến không đến không đi cũng như vậy.

Tu bồ đề, Phật do nơi Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh có tâm rộng, như thật biết tâm rộng.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh có tâm lớn, như thật biết tâm lớn.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh ấy có tâm lớn, như thật biết tâm lớn?

Phật bảo Tu bồ đề: Phật do Bát nhã ba la mật, không thấy tâm chúng sanh có tướng đến tướng đi, không thấy tâm chúng sanh có tướng sanh, tướng diệt, tướng trụ, tướng khác, vì sao? Vì các tâm ấy không có tự tánh; vậy cái gì đến, cái gì đi, cái gì sanh, diệt, trụ, dị?

Như vậy, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật nên chúng sanh ấy có tâm lớn, như thật biết tâm lớn.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật nên chúng sanh có tâm vô lượng, như thật biết tâm vô lượng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh có tâm vô lượng, như thật biết tâm vô lượng?

Phật bảo Tu bồ đề: Phật do Bát nhã ba la mật nên biết tâm chúng sanh ấy, chẳng thấy trụ, chẳng thấy không trụ, vì sao? Vì tướng tâm vô lượng ấy, không có nơi nương dựa, vậy cái gì có chỗ trụ không trụ.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên chúng sanh có tâm vô lượng, như thật biết tâm vô lượng.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên tâm của chúng sanh không thể thấy, Phật như thật biết tâm không thể thấy.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Phật do bát nhã ba la mật, nên tâm của chúng sanh không thể thấy, Phật như thật biết tâm không thể thấy?

Phật bảo Tu bồ đề: Tâm chúng sanh là vô tướng, Phật như thật biết vô tướng, vì tự tướng "không" vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật biết năm mắt không thể thấy tâm chúng sanh.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật, nên tâm của chúng sanh không thể thấy, Phật như thật biết tâm không thể thấy.

LUẬN: Ở trên nói mười phương chư Phật và đại Bồ tát ủng hộ người viết chép đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, không để Ma tìm được thuận tiện. Thính giả ở trong hội chúng nghe việc ấy, suy nghĩ rằng: Chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tướng tịch diệt, đối với các pháp và chúng sanh không có yêu ghét, vậy cớ sao ủng hộ người viết chép, giữ gìn cho đến nhớ nghĩ đúng? Vì thế nên Phật bảo Tu bồ đề,để nói thí dụ như đứa con vì biết ân thủ hộ mẹ nó. Bát nhã là mẹ của mười phương chư Phật, nếu có ma v.v... chướng nạn, muốn phá hoại Bát nhã ba la mật, chư Phật tuy hành tướng tịch diệt, nhưng vì thương xót chúng sanh, vì biết ân, nên đem tâm từ bi thường niệm, dùng Phật nhãn thường thấy, mà thủ hộ người tu hành Bát nhã, khiến được tăng ích, không mất Phật đạo. Trong đây Phật nói nhân duyên: Các hiền thánh và pháp của hiền thánh đều từ trong Bát nhã sanh ra.

Hỏi: Tu bồ đề hỏi bốn việc, cớ sao Phật đáp thẳng ba việc, mà không nói chư Phật từ trong Bát nhã sanh ra?

Đáp: Bát nhã sanh ra chư Phật, chư Phật từ Bát nhã sanh, nghĩ a không khác.

Có người nói các pháp hòa hợp sanh ra Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật sanh ra chư Phật. Có người tu hành Bát nhã ba la mật và các hạnh khác mà được thành Phật. 1. Nói về tác giả, 2. nói về pháp. Hoặc nói cành gãy làm chết người, hoặc nói cây gãy làm chết người, hai việc ấy giống nhau, cho

nên không đáp riêng. Hoặc Bát nhã ba la mật sanh ra chư Phật, tức là nói chư Phật từ Bát nhã sanh.

Hỏi: Như các kinh khác nói vì năm uẩn bị phá hoại nên gọi là thế gian, sao trong đây nói Bát nhã ba la mật giải bày năm uẩn, không có tướng phá hoại sanh diệt?

Đáp: Kia là việc Tiểu thừa, đây là pháp Đại thừa. Trong pháp Tiểu thừa phần nhiều nói vô thường, trong pháp Đại thừa phần nhiều nói pháp không. Trong pháp Tiểu thừa trước nói vô thường, sau nói pháp không, trong pháp Đại thừa mở đầu liền nói pháp không. Trong pháp Tiểu thừa nói vô thường làm chúng sanh sợ hãi, Đại thừa thời không như vậy, thế nên không có phá hoại, sanh diệt. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Không, vô tướng, vô tác, trọn không phá hoại. Trong Bát nhã ba la mật chỉ bày tướng thế gian như vậy.

* Lại nữa, năm uẩn gọi là chúng sanh thế gian, có hình sắc dễ biết, còn tâm và tâm số pháp vô hình khó biết, thế nên Phật nói với Tu bồ đề, tâm sở hành của vô lượng vô số chúng sanh Phật đều biết. Trong Bát nhã tuy không có chúng sanh và các pháp sắc cho đến trí nhất thiết chủng, song do lực phương tiện Bát nhã mà biết được tâm sở hành của chúng sanh, vì trong Bát nhã ba la mật rốt ráo không, nên không chỉ bày sắc pháp cho đến trí nhất thiết chủng. Trong đây Phật nói nhân duyên: trong Bát nhã ba la mật còn không có tướng Bát nhã, huống gì có sắc pháp v.v...

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật chỉ bày tướng thế gian là tất cả chúng sanh hoặc sắc hoặc vô sắc. Sắc là chúng sanh ở cõi Dục cõi Sắc; Vô sắc là chúng sanh ở cõi Vô sắc, Hữu tưởng là trừ cõi trời Vô tưởng và cõi trời Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng, ngoài ra là hữu tưởng; vô tưởng là chúng sanh ở cõi trời vô tưởng; Phi hữu tưởng phi vô tưởng là chúng sanh ở cõi trời hữu đảnh.

Thế giới ở đây là thế giới ba ngàn đại thiên. Khắp cả mười phương là các vô lượng vô biên thế giới khác. Chúng sanh ba đời trong sáu đường tại các thế giới ấy nhiếp tâm hay loạn tâm, Phật đều biết rõ.

Tu bồ đề hỏi xong, tâm nghi ngờ quái lạ: Chư Phật thường ưa hành pháp "không" tịch tịnh, sao nay biết khắp vô thỉ vô biên chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm? tâm Phật chỉ có một làm sao trong một lúc biết hết vô lượng tâm chúng sanh? Vì vậy nên hỏi Phật vì sao biết? Phật đáp: Do trí tuệ biết thật tướng các pháp nên biết chúng sanh nhiếp tâm, loạn tâm.

Tu bồ đề hỏi: Thế nào là thật tướng các pháp? Đáp: Đó là rốt ráo không. Rốt ráo không ấy, tánh rốt ráo không thể có được, huống gì nhiếp tâm loạn tâm.

Hỏi: Trong thật tướng các pháp rốt ráo không, không có phân biệt tâm và tâm số pháp, làm sao Phật biết được tâm ấy?

Đáp: Trong đây Phật tự nói: Tánh các pháp thật tướng cũng không thể có được, lấy trí tuệ ấy biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm, vì sao? Vì nếu "tánh không' có thể có được, nên mới có nạn vấn, còn "tánh không" không thể có được làm sao nạn vấn, nay Phật đã vượt qua hết thảy pháp do ức tưởng phân biệt hư vọng, an trú nơi thật tướng, nên như thật biết tâm hết thảy chúng sanh, còn tâm chúng sanh vì trú trong pháp hư vọng, nên không thể như thật biết các chúng sanh khác. Trước lược nói biết tâm kẻ khác, sau phân biệt chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm, gọi là tâm có ba độc, tâm không có ba độc, tâm rộng lớn vô lượng, không thể thấy ra vào co duỗi v.v...

Tu bồ đề hỏi từng việc, ban đầu đáp do thật tướng các pháp nên biết nhiếp tâm loạn tâm, kế đáp do tận, do không có ô nhiễm, do tịch diệt, đoạn tịch tịnh, ly tướng nên biết.

Tận là tuệ quán vô thường. Bồ tát tu hành tuệ tâm quán vô thường ấy, lìa bỏ ô nhiễm của thế gian; dùng thế gian đạo ngăn dứt kiết sử, nên gọi là Diệt; Dùng vô lậu đạo để dứt, nên gọi là Đoạn; đoạn các kiết sử xong, quán Niết bàn tịch tịnh, lìa tướng. Do nhân duyên ấy được thật tướng các pháp; do thật tướng các pháp, biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm, đều là thật tướng.

* Lại nữa, tâm ấy niệm niệm sanh diệt, ở đời vị lai không có nên không thể biết, hiện tại niệm niệm diệt, không có lúc ngừng, nên không thể biết,người phàm phu thủ lấy tướng mà phân biệt, đối với ba đời, ức tưởng vọng thấy, cho là biết được tâm niệm.

Quán theo tận môn tức là rốt ráo không, rốt ráo không nên không đắm trước gì, khi ấy đắc đạo. Biết thật tướng các pháp, đối với các pháp không vọng tưởng phân biệt, thời như thật biết tâm người khác.

Tâm nhiễm ô là hết thảy pháp vào trong pháp tánh đều là thanh tịnh, thế nên nói trong thật tướng của tâm ô nhiễm không có tâm ô nhiễm, vì sao? Vì trong tánh như thật không có tâm, không có tâm số pháp huống gì có tâm ô nhiễm. Tâm sân hận, tâm ngu si cũng như vậy. Trong tướng tâm không có ô

nhiễm, trong ấy không có tướng trạng tâm ô nhiễm. Tâm ô nhiễm từ xưa nay không có, nên cũng không có tâm chẳng ô nhiễm, tâm không ô nhiễm là tướng tịch diệt, không có phân biệt gì.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên, Tu bồ đề, vì hai tâm không cùng có, theo pháp của chúng sanh, thời tâm tâm thứ lớp sanh, khi tâm không ô nhiễm thời tâm không ô nhiễm, vì sao? Vì tâm ô nhiễm quá khứ đã diệt, vị lai chưa có, hiện tại không có, thời không có tâm ô nhiễm. Tâm ô nhiễm không có nên cũng không có tâm chẳng ô nhiễm, vì pháp đối đãi không có. Thế nên trong thật tướng không ô nhiễm, không có tâm ô nhiễm, tâm chẳng ô nhiễm; không có tâm sân hận, không có tâm ngu si cũng như vậy. Tâm rộng hẹp thêm bớt đều là vì chúng sanh thủ tướng phân biệt. Phật không biết như vậy, vì sao? Vì tâm ấy không sắc không hình, không có trú xứ, niệm niệm diệt, thời không có rộng hẹp thêm bớt sai khác.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Tánh và tướng của tâm không có, nên rộng hẹp v.v... không thể có được. Nghĩa của rộng, hẹp, thêm, bớt, lớn, nhỏ là như trong đoạn bốn tâm vô lượng đã nói.

Tâm vô lượng là tâm rộng tâm lớn tức là vô lượng. Lại duyên vô lượng chúng sanh nên gọi là vô lượng. Lại duyên pháp Niết bàn vô lượng nên gọi là vô lượng. Lại tâm tướng không thể chấp thủ, nên gọi là vô lượng. Như có mắt có sắc làm nhân duyên nên nhãn thức sanh, thức ấy không ở mắt, không ở sắc, không ở chặng giữa, không ở đây không ở kia, thế nên không có trú xứ. Nếu thật không có trú xứ thời làm sao có thể tạo tác gì, hoặc tốt hoặc xấu, như việc thấy trong mộng, không thể tìm tướng chắc thật nhất định của nó. Tâm cũng như vậy, không có chỗ nương tựa, nên không có tướng nhất định, nên gọi là vô lượng. Rộng và lớn cũng theo nghĩa mà phân biệt như vậy.

Hỏi: Nếu biết tâm không thể thấy, sao Phật nói như thật, biết tâm không thể thấy?

Đáp: Có người tọa thiền, ức tưởng phân biệt, thấy tâm ấy như sợi dây xâu trong hạt ngọc trong sạch, quán sát trong người với bộ xương trắng, thấy tâm thứ lớp nối nhau sanh, có khi thấy tâm ở nơi thân, có khi thấy tâm ở nơi cảnh, như ở vô biên thức xứ, chỉ thấy thức vô lượng vô biên, để phá các chỗ hư vọng như vậy, nên Phật nói như thật biết tâm chúng sanh, tâm chúng sanh tự tướng không, nên nó là tướng vô tướng.

* Lại nữa, Phật lấy năm mắt quán sát thấy tâm ấy không thể có được. Mắt thịt, mắt trời duyên sắc nên không thấy. Mắt tuệ duyên Niết bàn nên không thấy. Mắt pháp của kẻ sơ học, phân biệt biết các pháp lành chẳng lành, có phiền não không phiền não; mắt pháp ấy vào trong thật tướng thời không phân biệt, như trước nói, hết thảy pháp không có kẻ biết, không có kẻ thấy, thế nên không thể thấy. Mắt Phật quán sát tướng tịch diệt nên không thể thấy. Phật thấy tâm chúng sanh là như thật thấy, chứ không như người phàm phu ức tưởng phân biệt thấy.

* Lại nữa, năm mắt do nhân duyên hòa hợp sanh, đều là pháp bị tạo tác, hư dối không thật. Phật không tin không dùng, thế nên không dùng năm mắt thấy.

(Hết cuốn 69 theo bản hán)

--o0o –

Cuốn 70

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề Phật do Bát nhã ba la mật thâm sâu mà như thật biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi.

Bạch đức Thế Tôn, làm thế nào Phật do Bát nhã ba la mật thâm sâu mà như thật biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi.

Phật dạy: Tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi v.v... đều nương nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức phát sanh. Tu bồ đề, Phật từ nơi đó biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi, nghĩa là biết tâm số của chúng sanh chấp "thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ" Kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thần ngã và thế gian vô thường, là sự thật ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thần ngã" và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ" kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ" kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có.

Chấp "thần ngã và thế gian thuòng là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ" kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có; chấp "thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ:, kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có; chấp "thần

ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ, kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có; chấp "thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ', kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có.

Chấp "thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có; chấp "thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có; chấp "thần ngã thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có; chấp "thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có.

Chấp "thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp "thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp "thần ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp "thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ'. kiến chấp ấy nương nơi hành mà có.

Chấp "thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp "thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp "thần ngã cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ', kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp "thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi thức mà có.

Chấp "thế gian hữu biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thế gian vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thế gian hữu biên vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Chấp "thần ngã chính là thân", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp thần ngã khác, thân khác, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Chấp"sau khi chết còn có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "sau khi chết không còn có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "sau khi chết hoặc có như khứ hoặc không có như khứ, là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi ắc mà có; chấp "sau khi chết chẳng phải có như khứ chảng phải không có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương nơi thọ, tưởng, hành, thức, cũng như vậy.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật thâm sâu mà như thật biết tâm số chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật biết tướng săc, biết tướng sắc thế nào? Là như như, như như chẳng hoại, không phân biệt, không có tướng, không có ức tưởng, không có hý luận, không có đắc, tướng sắc cũng như vậy.

Tu bồ đề, Phật biết tướng thọ, tưởng, hành, thức thế nào? Là như như, như như chẳng hoại, không phân biệt, không có tướng, không có ức tưởng, không có hý luận, không có đắc; tướng thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật biết tướng như như của chúng sanh và tướng như như của tâm số ra khỏi, chìm đắm, co duỗi. Tướng như của năm uẩn, tướng như của các hành tức là tướng như của hết thảy pháp.

Những gì là tướng như của hết thảy pháp? Đó là sáu Ba la mật tướng như; sáu Ba la mật tướng như tức là ba mươi bảy phẩm tướng như; ba mươi bảy phẩm tướng như tức là "mười tám không" tướng như; "mười tám không" tướng như tức là tám bội xả tướng như; tám bội xả tướng như tức là chín định thứ đệ tướng như; chín định thứ đệ tướng như tức là Phật mười lực tướng như; Phật mười lực tướng như tức là bốn điều không sợ, bốn biện giải vô ngại, đại từ đại bi cho đến mười tám pháp không chung tướng như; mười tám pháp không chung tướng như tức là trí Nhất thiết chủng tướng như; trí Nhất thiết chủng tướng như tức là pháp thiện pháp bất thiện, pháp thế gian pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu pháp vô lậu tướng như ; pháp hữu lậu pháp vô lậu tướng như tức là các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại tướng như; các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại tướng như tức là pháp hữu vi pháp vô vi tướng như; pháp hữu vi pháp vô vi tướng như tức là quả vị Tu đà hoàn tướng như; quả Tu đà hoàn tướng như tức là quả vị Tư đà hàm tướng như; quả vị Tư dà hàm tướng như tức là quả vị A na hàm tướng như; quả vị A na hàm tướng

như tức là quả vị A la hán tướng như; quả vị A la hán tướng như tức là đạo Bích chi Phật tướng như; đạo Bích chi Phật tướng như tức là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tướng như; Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tướng như tức là chư Phật tướng như; chư Phật tướng như đều là tướng nhất như, chẳng hai chẳng khác, chẳng tận chẳng hoại, ấy gọi là tướng như của hết thảy các pháp. Phật do Bát nhã ba la mật biết được tướng như ấy. Do nhân duyên ấy nên Bát nhã ba la mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ thị tướng thế gian.

Như vậy, Tu bồ đề, Phật biết hết thảy pháp tướng như, không phải tướng chẳng như, tướng chẳng khác. Vì được tướng như ấy nên Phật gọi là Như lai.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, tướng như của các pháp ấy, không phải tướng chẳng như, tướng chẳng khác, rất sâu xa. Bạch đức Thế Tôn, chư Phật dùng như ấy mà vì người nói Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn, ai hay tin hiểu điều ấy? Chỉ có Bồ tát đã đến địa vị bất thối và người đầy đủ chánh kiến và A la hán đã hết sạch các lậu hoặc, vì sao ? Vì pháp ấy rất sâu xa.

Tu bồ đề, như ấy tướng không cùng tận nên rất sâu xa.

Tu bồ đề thưa: Pháp gì tướng không cùng tận nên rất sâu xa? Phật dạy: Hết thảy pháp không cùng tận. Như vậy, tu bồ đề, Phật biết được hết thảy pháp ấy rồi mà thuyết pháp cho chúng sanh.

LUẬN: Phật biết hết sở tác sở hành của tất cả chúng sanh, biết sáu mươi hai tà kiến, chín mươi tám kiết sử phiền não, thế nên nói Phật biết tâm tâm số pháp của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi. Người tại gia bị các phiền não ái nhiễm nhận chìm, nên gọi là chìm, người xuất gia lìa chín mươi sáu thứ tà kiến gọi là ra khỏi. Lại thường đắm cái vui ở đời gọi là chìm, hoặc biết nó vô thường mà sợ sệt cầu đạo gọi là ra khỏi. Lại lãnh thọ chín mươi sáu tà đạo không thể cầu chánh đạo trở lại chìm vào thế gian, gọi là chìm, co là không lìa khỏi cõi dục, duỗi là lìa khỏi cõi Dục. Lìa không lìa cõi Sắc cũng như vậy. Như ngươi đứng trên ao nước trong, trông thấy cá, có con thường ở trong nước, có con tạm nhảy ra rồi trở lại lặn xuống, có con ra khỏi nhìn bốn phương, có con ra khỏi muốn lội qua gần bờ trở lại lặn xuống. Phật cũng như vậy, lấy Phật nhãn nhìn chúng sanh trong mười phương sáu đường, có kẻ thường đắm năm dục, bị phiền não che tâm, không cầu ra khỏi; có kẻ tâm tốt hay bố thí, trì giới mà vi tà kiến nghi hoặc che tâm nên trở lại

chìm đắm; có kẻ ra khỏi năm dục, quán bốn chân lý vi diệu, đạt được noãn pháp, nhưng chưa đạt được thật pháp nên trở lại chìm đắm; có người lìa dục chứng được Sơ thiền cho đến Vô sở hữu xứ định, vì chẳng đặng Niết bàn nên trở lại chìm đắm.

Thế nào là tướng ra khỏi, chìm đắm, co duỗi? Trong đây Phật nói đó là chấp thần ngã và thế gian thường. Thần ngã là người phàm phu ức tưởng phân biệt theo tâm chấp ngã thủ tướng nên chấp có thần ngã. Ngoại đạo nói thần ngã có hai thứ là thường và vô thường. Nếu người chấp thần ngã thường, thì thường tu phước đức, để sau thọ quả báo; hoặc do hành đạo mà thần ngã được giải thoát. Nếu người chấp thần ngã vô thường thì vì danh lợi hiện đời nên có tạo tác. Chấp thường vô thường là có người cho thần ngã có hai thứ: 1. Vi tế thường trú. 2. Hiện có tạo tác. Hiện có tạo tác là thân này khi chết vô thường nhưng thần ngã vi tế là thường. Có người nói thần ngã chẳng phải thường chẳng phải vô thường, thường hay vô thường đều có lỗi. Nếu thần ngã vô thường tức không có tội phước, vì sao? Vì nếu thường thời khổ vui không đổi khác, thí như hư không , mưa không làm ướt, gió nắng không làm khô; nếu vô thường thì khổ vui biến đổi, thí như gió mưa, đối với da trâu thì làm cho hư nát. Vì tâm chấp ngã nên nói chắc có thần ngã, nhưng chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

Phật nói bốn thứ tà kiến; đều duyên nơi năm uẩn, chỉ vì nơi năm uẩn lầm chấp là thần ngã.

Thần ngã và thế gian là: Thế gian có ba thứ: 1. thế gian năm uẩn. 2. Thế gian chúng sanh. 3. Thế gian quốc độ. Trong đây nói hai thứ thế gian là thế gian năm uẩn và thế gian quốc độ; thế gian chúng sanh tức là thần ngã. Đối nơi tướng thế gian cũng có bốn thứ tà kiến.

Hỏi: Thần ngã thì từ xưa lại đây không có, nên chấp là sai, còn thế gian là có, cớ sao lại đồng với tà kiến chấp có thần ngã?

Đáp: Chỉ phá cái chấp tướng thường vô thường đối với thế gian, chứ không phá thế gian, thí như người không có mắt cầm rắn mà cho là anh lạc, còn người có mắt thì cho là rắn, chẳng phải anh lạc. Phật phá cái điên đảo chấp thế gian thường, mà không phá thế gian, vì sao? Vì hiện thấy thế gian vô thường. Nhưng cũng không được nói vô thường vì tội phước chẳng mất; vì quá khứ đã có tạo tác, nói thường hay nói vô thường, cả hai đều lỗi; còn nói chẳng phải vô thường, cũng có lỗi vì đắm trước thế gian.

Thế gian hữu biên là có người tìm nguồn gốc thế gian, không thấy chỗ bắt đầu của nó, không có bắt đầu, thời cũng không có khoảng giữa, khoảng sau. Nếu không bắt đầu, khoảng giữa, khoảng sau thời không có thế gian; thế nên thế gian lý đáng phải có bắt đầu, tức là hữu biên. Người chứng được thiền định nhờ trí biết kiếp trước, thấy được việc trong tám vạn kiếp trước, quá nữa thì không biết; chỉ thấy thức trung ấm bắt đầu của thân này, mà tự suy nghĩ: Thức này không thể không có nhân không có duyên; chắc phải có nhân duyên. Mà trí biết kiếp trước không thể biết, chỉ ức tưởng phân biệt, có một pháp gọi là "thế tánh", chẳng phải năm thức biết được, vì nó quá vi tế. Từ trong "thế tánh" đầu tiên sanh ra "giác", giác tức là "thức trung ấm". Từ giác sanh "ngã", từ ngã sanh "năm thứ vi trần" là sắc, tiếng, mùi, vị xúc. Từ vi trần tiếng sanh "hư không đại", từ vi trần tiếng và xúc sanh ra "phong đại", từ vi trần sắc tiếng và xúc sanh ra "hỏa đại", từ vi trần sắc, tiếng, mùi, vị, xúc sanh "thủy đại", từ vi trần sắc tiếng mùi, vị, xúc sanh "địa đại". Từ không sanh nhĩ căn, từ gió sanh thân căn, từ lửa sanh nhãn căn, từ nước sanh thiệt căn, từ đất sanh tỷ căn, như vậy dần dần từ tế đến thô.

Thế tánh là từ thế tánh đi đến thô, từ thô chuyển đến tế, trở lại thế tánh; thí như trong cục bùn có các tánh cách cái bình cái chậu v.v... Lấy bùn làm bình, phá bình làm chậu, như vậy chuyển biến mãi không mất; thế tánh cũng như vậy. Chuyển biến làm thô, thế tánh là pháp thường, không từ đâu đến, như trong kinh Tăng Khư (Samkya, Số luận) nói rộng thế tánh này.

Lại có người nói: Biên tế bắt đầu của thế gian là vi trần, là cực vi, vi trần là pháp thường hằng không thể phá, không thể đốt, không thể nát, không thể hoại, vì là rất nhỏ, chỉ đợi nhân duyên của tội phước nên hoà hợp mà có thân; hoặc thân trời hoặc thân địa ngục v.v... vì không có cha mẹ; nhân duyên của tội phước hết thời tan rã.

Có người cho "tự nhiên" là khởi nguyên thế giới, giàu nghèo, sanh hèn, chẳng phải do mong ước, tạo tác mà được.

Có người nói: Chúa Trời là khởi nguyên thế giới, tạo tác tốt xấu hoạ phước, trời đất muôn vật, các pháp ấy khi tiêu diệt, Trời trở lại thu nhiếp lấy. Chấp các nguyên nhân tà vạy như vậy cho là biên tế thế giới.

Có người nói: Khi chúng sanh đời đời chịu vui hết, tự đi đến biên tế, thí như đứng trên núi quăng cuốn chỉ, chỉ hết tự ngừng. Thọ tội thọ phước, đều qui về cùng tận. Tinh tấn hay biếng nhác không khác.

Có người nói: Thế gian quốc độ tám phương đều có bờ mé, chỉ phía trên và dưới không có bờ mé.

Có người nói: Phía dưới đến mười tám địa ngục, phía trên đến cõi trời Hữu Đảnh, trên dưới có bờ mé, còn tám phương không có bờ mé, còn tám phương không có bờ mé. Như vậy các thuyết về thế giới hữu biên.

Có người nói: Chúng sanh và thế giới có ngằn mé, như nói thần ngã ở trong thân thể, nhỏ như hạt cải, hoặc như trái táo, hoặc mật tấc, người lớn thì thần ngã lớn, người nhỏ thì thần ngã nhỏ, cho thần ngã la một phần pháp sắc, nên nói thần ngã có biên.

Vô biên là, có người nói: Thần ngã biến khắp hư không, không chỗ nào không có, gặp chỗ có thân thì có cảm giác khổ vui, thế nên gọi thần ngã vô biên.

Có người nói: Quốc độ thế gian vô thỉ, nếu có thỉ thời không có nhân duyên, lúc sau cũng thường thọ thân không cùng tận, thế thời phá hoại Niết bàn. Thế gọi là vô biên.

* Lại nữa, nói thế gian quốc độ, mười phương không có biên tế. Như vậy là các thuyết nói thần ngã thế gian, quốc độ thế gian vô biên.

Hữu biên vô biên là, có người nói: Thần ngã thế gian vô biên, còn quốc độ thế gian hữu biên. Hoặc nói thần ngã thế gian hữu biên còn quốc độ thế gian vô biên, vì như trên nói thần ngã là sắc pháp. Hoặc nói trên dưới hữu biên, tám phương vô biên, Tóm hai pháp trên gọi là hữu biên vô biên.

Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là, có người thấy thế gian hữu biên, có lỗi, vô biên cũng có lỗi, nên chẳng nói hữu biên, chẳng nói vô biên, chấp chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là thật tánh thế gian.

Thần ngã tức là thân là, có người nói thân này tức là thần ngã, vì sao? Vì phân tích thân này tìm thần ngã không thể có được.

* Lại nữa, thọ khổ vui tốt xấu đều là thân này, thế nên nói thân tức là thần ngã.

Thân khác thần ngã khác là, có người nói thần ngã vi tế, năm thức không thể biết được, cũng không phải hàng phàm phu thấy được, người nhiếp tâm

thanh tịnh, được thiền định mới có thể thấy được. Thế nên nói thân khác thần ngã khác.

* Lại nữa, nếu thân tức là thần ngã, thân diệt thần ngã cũng diệt, ấy là tà kiến, còn nói thân khác thần ngã khác, thân diệt thần ngã thường trú, ấy là biên kiến.

Sau khi chết còn có như khứ là:

Hỏi: Trên kia nói thường vô thường v.v... tức đã nói đời sau hoặc có hoặc không, sao nay lại còn phân biệt như khứ thành bốn câu?

Đáp: Trên nói chung hết thảy thế gian thường vô thường, còn việc đời sau có hay không cần phải nói riêng.

Như khứ là, như người đến sanh nơi đây, đi đến đời sau cũng như thế.

Có người nói đời trước không từ đâu đến, diệt cũng chẳng đi đâu.

Có người nói: Thân và thần ngã hòa hợp làm người, sau khi chết thần ngã đi thân không đi, ấy gọi là như khứ chẳng như khứ.

Chẳng phải có như khứ chẳng phải không như khứ là thấy đi không đi đều có lỗi, nên nói chẳng phải đi chẳng phải không đi. Người ấy không thể bỏ cái chấp có thần ngã, nhưng chấp thần ngã chẳng phải đi chẳng phải không đi.

Các phiền não tà kiến như trên, gọi là tướng tâm số ra khỏi, chìm đắm, co duỗi, vì sao? Vì người tà kiến với nhiều đường lối cầu ra khỏi không được, nên muốn ra mà vẫn chìm. Sức tà kiến nhiều khó giải thoát, cho nên nói mười bốn việc tà kiến, là chấp thế gian thường vô thường v.v...

Ngoại đạo tuy mỗi mỗi ức tưởng phân biệt, Phật nói đều duyên nơi năm uẩn, nương tựa năm uẩn không có thần ngã, không thường hằng. Phật biết năm uẩn trống không, không có tướng trạng, không có tạo tác, không có hý luận. Chỉ biết năm uẩn như như, không như chỗ thấy giả dối điên đảo của hàng phàm phu. Giống như năm uẩn như như, hết thảy pháp như như cũng như vậy, vì sao? Vì hai pháp thâu nhiếp hết thảy pháp, đó là pháp hữu vi và pháp vô vi. Năm uẩn là pháp hữu vi, năm uẩn như như tức là pháp vô vi. Quán sát, trù lượng, tư duy năm uẩn có thể thực hành sáu Ba la mật, thế nên nói

năm uẩn như tức là hết thảy pháp như; hết thảy pháp như tức là sáu Ba la mật như. Bồ tát thực hành sáu Ba la mật cầu thật đạo, quán năm uẩn vô thường, không, phát sanh ba mươi bảy phẩm, tám bội xả, chín định thứ đệ, ấy là đạo Thanh văn, khi biết rồi đi thẳng qua, tiếp thực hành mười tám không, mười lực, các Phật pháp, đều do chánh quán sát năm uẩn, năm uẩn như, không phân biệt, nên đều là hết thảy pháp như. Thế nên nói thiện pháp như tức là bất thiện pháp như, bất thiện pháp như tức là thiện pháp như. Pháp thế gian xuất thế gian cũng như vậy. Thế nên hành giả không đươc đắm trước thiện pháp, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tướng Phật như cũng như vậy, đều là tướng nhất như, không hai không khác, vì sao? Vì tìm thật tướng của chư pháp, đi đến rốt ráo không, không còn dị biệt.

Các pháp như như cũng như vậy, Phật do Bát nhã ba la mật mà chứng được, thế nên nói Bát nhã ba la mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ thị tướng thế gian.

Tu bồ đề tán thán là chưa từng có, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, lý hết thảy pháp như rất sâu xa, tùy thuận chẳng trái nhau, ba đời mười phương chư Phật như tức là các pháp như, hiểu các pháp như ấy nên vì chúng sanh mỗi mỗi thuyết pháp là thậm thâm như, khó hiểu khó tin, vị Bồ tát ở địa vị bất thối vào pháp vị, được thọ ký mới có thể tin. Người đầy đủ chánh kiến là ba bậc Đạo nhân (Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm) và A la hán sạch hết lậu hoạc không thọ nhận pháp gì nên có thể tin. Hạng người có lòng tin đã gần địa vị bất thối cho nên không nói riêng.

Phật bảo Tu bồ đề: Hết thảy pháp vô tận nên "như " ấy vô tận, "như " vô tận, nên người được Thánh đạo có thể tin, trong pháp vô vi có sai biệt nên có các đạo Tu đà hoàn nghe pháp tự mình chứng được nên có thể tin, còn người phàm phu đắm vào pháp điên đảo hư dối, nên không thể tin.

Phật bảo Tu bồ đề: Chư Phật được "các pháp như " ấy nên gọi là Như Lai, gọi là bậc Nhất thiết trí, hay cứu độ chúng sanh khiến đi đến Niết bàn.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM VẤN TƯỚNG THỨ 49

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phẩm Thị Tướng thứ 47).

KINH: Bấy giờ Thiên tử cõi Dục, Thiên tử cõi Sắc có trong ba ngàn đại thiên thế giới, từ xa rãi hoa hương, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi đứng ở một bên, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật sâu xa được nói đến. Thế nào là tướng Bát nhã ba la mật sâu xa?

Phật bảo các Thiên tử cõi Dục cõi Sắc: này các Thiên tử, tướng không là là tướng Bát nhã ba la mật, không tướng trạng, không tạo tác, không khởi, không sanh, không diệt, không nhơ, không sạch, không có pháp gì, không tướng trạng, tướng hư không không nương tựa, là tướng Bát nhã ba la mật. Này các Thiên tử, các tướng như vậy là tướng Bát nhã ba la mật sâu xa, Phật vì chúng sanh mà dùng pháp thế gian nên nói, chứ không phải theo đệ nhất nghĩa.

Này các Thiên tử, các tướng ấy, tất cả thế gian trời, người, A tu la không thể phá hoại, vì sao? Vì tất cả thế gian trời, người, A tu la cũng là tướng ấy. Này các Thiên tử, tướng không thể phá tướng, tướng không thể biết tướng, tướng không thể biết vô tướng, vô tướng không thể biết tướng. Tướng vô tướng ấy, tướng vô tướng đều không có gì của chính nó, nghĩa là biết, người biết, pháp bị biết, đều không thể có được, vì sao? Này các Thiên tử, vì các tướng ấy chẳng phải sắc làm ra; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức làm ra, chẳng phải Thí ba la mật làm ra; chẳng phải Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật làm ra; chẳng phải nội không làm ra; chẳng phải ngoại không làm ra; chẳng phải nội ngoại không làm ra; chẳng phải vô pháp không làm ra; chẳng phải hữu pháp không làm ra; chẳng phải vô pháp hữu pháp không làm ra; chẳng phải bốn niệm xứ làm ra; cho đến chẳng phải Nhất thiết trí làm ra.

Này các Thiên tử, các tướng ấy chẳng phải sở hữu của người, của phi nhân, chẳng phải thế gian chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Phật lại bảo các Thiên tử: Thí như có người hỏi thế nào là tướng hư không, người ấy hỏi có chính đáng không?

Các Thiên tử thưa: Bạch đức thế Tôn, câu hỏi ấy không có chính đáng, vì sao? Bạch đức Thế Tôn, vì hư không , không có tướng trạng để có thể nói, hư không không có tác vi, không sanh khởi.

Phật bảo các Thiên tử: Dù có Phật không có Phật ra đời, tướng tánh vẫn thường trú, Phật chứng được tướng tánh như thật, nên gọi là Như Lai.

Các Thiên tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn chứng đắc các tướng tánh rất sâu xa, được tướng ấy nên được trí vô ngại. Trú trong thật tướng ấy, lấy Bát nhã ba la mật, tập hợp tự tướng pháp.

Các Thiên Tử thưa: Hiếm có, Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật sâu xa là chỗ thường sở hành của chư Phật, hành đạo ấy chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rồi, thông đạt hết thảy pháp tướng, hoặc sắc tướng; hoặc thọ, tưởng, hành, thức tướng, cho đến Nhất thiết trí tướng.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Các Thiên tử, Tướng não hoại là tướng của sắc, Phật được vô tướng ấy. Cảm giác là tướng của thọ, thủ tướng là tướng của tưởng, khởi lamø là tướng của hành, nhận biết là tướng của thức, Phật được vô tướng ấy. Hay xả bỏ là tướng của Thí, không nhiệt não là tướng của Giới, không biến khác là tướng của Nhẫn, không thể khuất phục là tướng của Tấn, nhiếp tâm là tướng của Thiền, xả lìa là tướng của Bát nhã; Phạt được vô tướng ấy. Tâm không bị nhiễu loạn bức não là tướng của bốn thiền, bốn vô lượng tâm, bốn định vô sắc, Phật được vô tướng ấy.

Xuất thế gian là tướng của ba mươi bảy đạo phẩm, Phật được vô tướng ấy. Khổ là tướng của vô tác giải thoát môn, lìa là tướng của không giải thoát môn, tịch diệt là tướng của vô tướng giải thoát môn, Phật được vô tướng ấy. Thắng là tướng của mười lực, không sợ hãi là tướng của vô sở úy, khắp biết là tướng của trí vô ngại, các người khác không có được là tướng của mười tám pháp không chung, Phật được vô tướng ấy.

Thương nghĩ chúng sanh là tướng của đại từ đại bi, chơn thật là tướng của không sai lầm, không chấp thủ là tướng của thường buông xả, hiện biết rõ ràng là tướng của trí Nhất thiết chủng, Phật được vô tướng ấy.

Như vậy, các Thiên tử, Phật chứng được hết thảy pháp vô tướng, do nhân duyên ấy, nên Phật được gọi là trí vô ngại.

LUẬN: Hỏi: Trên kia nơi nơi đã nói không, vô tướng, vô tác, không khởi, không có gì là tướng của Bát nhã, sao nay các Thiên tử còn hỏi thế nào là tướng Bát nhã?

Đáp: Phật tuy nơi nơi nói Bát nhã ba la mật, hoặc nói không, hoặc nói có, hoặc nói quả báo, hoặc nói tội phước, không nhất định, vì vậy nên nay hỏi thế nào nhất định là tướng Bát nhã.

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật ấy như huyễn như hóa, như tuồng có thể nắm được, mà không có tướng nhất định có thể chấp thủ, chỉ chư Phật mới biết đúng đắn cùng khắp tướng ấy, chư thiên tuy có trí lanh lợi, mà không thể liễu tri cho nên hỏi.

* Lại nữa, có người nói: Các Thiên tử ấy có người đến sau, không kịp nghe nên hỏi.

Phật đáp với các Thiên tử: Không là tướng của Bát nhã ba la mật. Tướng không là trong ngoài không v.v... Nếu các pháp không tức là không có các tướng trai gái, dài ngắn, tốt xấu v.v... ấy gọi là tướng không có tướng. Nếu đã không, vô tướng thời không còn sanh tâm mong ước đắm trước thân đời sau, ấy gọi là tướng vô tác.

Ba môn giải thoát là tướng bắt đầu đi vào Bát nhã, ba thừa chung có, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, như hư không không nơi nương tựa v.v... là tướng sâu xa của Bát nhã ba la mật.

Vô tướng ở trong ba môn giải thoát trên kia, là không có tướng trai gái, dài ngắn, tốt xấu v.v... bên ngoài; còn tướng vô tướng dưới là không có tướng hết thảy pháp. "Không" tuy là một, nhưng căn tánh con người có lợi độn, nên vào Bát nhã có sâu cạn, nên nói "Không" có sai biệt, không có hý luận, rằng sanh rằng diệt v.v... như trước nói.

Phật biết các Thiên tử chắc chắn có ý nghĩ rằng: "Nếu Bát nhã ba la mật là không, không có gì, như tướng hư không, thời làm sao có thể nói, nếu nói tức là có tướng" chư Thiên tử vì thấy oai đức Phật lớn quá, không dám nạn hỏi, cho nên Phật tự nói cho họ. Phật thương chúng sanh, theo nghĩa thế đế nên nói các tướng không, chứ không theo đệ Nhất nghĩa đế. Nếu dùng đệ Nhất nghĩa đế thì nên nạn, còn nói theo thế đế thời không nên nạn.

* Lại nữa, tuy nói không, không do có tâm chấp trước thủ tướng, không chỉ pháp hoặc phải hoặc trái, mà do hết thảy pháp đồng một tướng, không phân biệt, thế nên lại nói rõ ràng, nghĩa là không có gì như tướng hư không. Không có pháp nào không nhập vào tướng ấy, thế nên nói hết thảy thế gian không thể phá hoại, vì sao? Vì hết thảy thế gian người, trời, A tu la chính là

tướng ấy. Nếu pháp sai khác trái nhau thời có thể phá hoại, như nước hay diệt lửa, lửa không thể diệt lửa, miệng nói đúng như sự thật mà muốn phá, trọn không phá được, huống gì nói không đúng như thật, thí như người mù đạp vàng ngọc miệng nói không phải vàng ngọc, trọn không thể làm cho nó chẳng phải vàng ngọc.

Trong đây Phật còn nói: Bát nhã ba la mật rốt ráo không, vô tướng, nên tướng không thể phá tướng.

* Lại nữa, có người nói:Tướng không thể phá tướng là có pháp phân tán được, còn các pháp hòa hợp, trọn không bị phá, không bị mất, như búa chẻ củi, phân tán ra từng phần, nhưng trọn không bị tiêu mất.

* Lại nữa, các pháp không có tướng nhất định, như cây do rễ, cành, cọng, lá, hợp lại gọi là cây, cây không có tướng nhất định, nên không bị phá. Như vậy gọi là tướng không thể phá tướng.

Hỏi: Các pháp sắc v.v... chẳng phải có tri giác, có thể không biết nhau, còn tâm số pháp là tướng tri giác làm sao không biết?

Đáp: Trong đây nói thật tướng; nên không nói đến cái biết hư vọng của phàm phu, trí tuệ phàm phu ấy vì là pháp hữu vi, nhân duyên hòa hợp sanh, là pháp hư vọng, không thể có cái biết đúng thật, thế nên xả bỏ vào Vô dư niết bàn. Nếu trí tuệ biết thường vô thường cho đến không, tịch diệt v.v... thì như trên đã rộng phá. Diệt không có gì, nếu như vậy làm sao sẽ có biết. Thế nên Tướng không biết tướng.

Tướng không thể biết vô tướng là bên trong tuy có trí tuệ, bên ngoài không không có pháp để có thể biết, bên ngoài không có cảnh duyên thì làm sao trí tuệ phát sanh? thế nên nói tướng không thể biết vô tướng, thí như dao bén không thể cắt hư không.

Vô tướng không thể biết tướng là có người nói: Bên trong trí tuệ không có định tướng, bên ngoài pháp sở duyên có định tướng, tâm theo duyên phát sanh, thế nên nói vô tướng không nên biết tướng, thí như không có dao, tuy có vật mà không có dao cắt.

Tướng ấy, vô tướng ấy, tướng vô tướng đều không thể có được là tướng không vào tướng, vì sao? Vì trước đã có tướng. Tướng không vào vô tướng,

vì sao? Vì tướng không có chỗ vào; lìa tướng vô tướng ấy, lại không có chỗ có thể vào.

* Lại nữa, vì tướng và sở tướng không nhất định, nhơn sở tướng nên có tướng, vì sao? Vì nếu trước có tướng, mà không có sở tướng thời không có tướng, vì không có sở nhân; nếu trước có sở tướng mà không có tướng, thời làm sao có sở tướng, vì không có sở nhân đối đãi (tướng như cứng, sở tướng như đất, có tướng (cứng) mới có sở tướng (đất) có sở tướng m?i có tướng; nếu không có tướng thì không có sở tướng, không có sở tướng thì không có tướng - N.D).

* Lại nữa, tướng vì sở tướng bất định, nên tướng có khi làm sở tướng, sở tướng có khi có là tướng. Vì tướng bất định không thật, nên sở tướng cũng không có; nếu sở tướng bất định không thật, nên tướng cũng không có. Thế nên nói tướng ấy, vô tướng ấy, tướng vô tướng ấy đều không thể có được.

Như trước nói các tướng "Không" v.v... là thật, vì sao? Vì tướng ấy chẳng phải năm uẩn làm, chẳng phải sáu Ba la mật cho đến chẳng phải trí Nhất thiết chủng làm, tướng ấy vì là vô vi không có pháp có thể làm, cũng không có người hay phi nhân có thể làm. người là Bồ tát, chư Phật v.v... phi nhân là chư thiên v.v... Tướng ấy vì rốt ráo không, nên chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian.

Trên tuy nói tướng vô vi, chỉ vì phá hữu vi nên nói là vô vi, vô vi cũng không có định tướng. Trong đây Phâït muốn làm cho việc ấy rõ ràng nên nói thí dụ. Người nghe nghĩ rằng: Nếu không có Phật thì chẳng nghe được tướng ấy, Phật là tối thượng đối với chúng sanh, vậy nên tác thành tướng ấy. Thế nên Phật nói với chư Thiên, dầu có Phật không Phật, tướng ấy thường trú. Phật biết được tướng ấy, nên gọi là Phật.

Bấy giờ, chư Thiên hoan hỷ bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn, các tướng ấy rất sâu xa, tuy không thể thủ tướng mà có thể tu hành, có thể cho người ta quả báo vô thượng, vì Phật được tướng ấy, nên đối với các pháp được trí vô ngại, nếu phân biệt các pháp có định tướng, thì trí có ngại.

Bạch đức Thế Tôn, an trú trong thật tướng các pháp ấy, thời thông đạt vô ngại, có thể nói các tướng riêng của mỗi mỗi pháp, đó là não hoại là tướng sắc, cho đến liễu tri hiện tiền là tướng của trí Nhất thiết chủng.

Phật khen ý ấy, phân biệt các tướng cho họ, cái biết của phàm phu, mỗi tướng khác nhau, còn Phật biết đều là tướng không, tướng không tức là vô tướng, Phật được vô tướng ấy. Được cái biết ấy không thể so sánh, biết cùng khắp nên gọi là được. Các pháp ấy nay đổi gọi là Bát nhã ba la mật.

KINH: Bấy giờ, Phật bảo Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật là mẹ chư phật, Bát nhã ba la mật hay chỉ bày tướng thế gian, thế nên Phật nương tựa pháp ấy mà trú. Cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán pháp ấy. Pháp ấy là gì? Đó là Bát nhã ba la mật. Chư Phật nương tựa Bát nhã ba la mật mà trú, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật ấy, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật xuất sanh chư Phật.

Phật biết làm người, nếu có người hỏi một cách chánh đáng ai biết làm người, thì đáp một cách chánh đáng là không ai hơn Phật, vì sao? Tu bồ đề, vì Phật biết làm người. Xe pháp mà Phật cỡi đi đến và đạo mà Phật từ đó đi đến, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Xe ấy, đạo ấy Phật trở lại cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, thọ trì thủ hộ. Tu bồ đề, ấy gọi là Phật biết làm người.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, vì không có tác giả; tất cả pháp không sanh khởi, vì hình trạng không thể có được.

Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, cũng do nhân duyên ấy nên Phật biết làm người.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật biết được tất cả pháp chẳng sanh, vì không có sở đắc. Do nhân duyên ấy nên Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, nếu tất cả pháp không kẻ biết, không kẻ thấy, làm sao Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian?

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Tất cả pháp thật không có kẻ biết, không có kẻ thấy. Tại sao không có kẻ biết, không có kẻ thấy? Vì tất cả pháp "không", hư dối, không kiên cố, thế nên tất cả pháp không có kẻ biết, không có kẻ thấy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, tại sao tất cả pháp không có kẻ biết, không có kẻ thấy? Vì tất cả pháp không có nương tựa, không bị ràng buộc. Vì thế nên tất cả pháp không có kẻ biết không có kẻ thấy.

Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian. Vì không thấy có tướng sắc nên chỉ bày tướng thế gian; không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức, nên chỉ bày tướng thế gian, cho đến không thấy tướng Nhất thiết chủng, nên chỉ bày tướng thế gian. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, vì sao không thấy tướng sắc nên Bát nhã ba la mật chỉ bày tướng thế gian; không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không thấy tướng trí Nhất thiết chủng, nên chỉ bày tướng thế gian?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu không duyên sắc sanh thức, ấy gọi là không thấy tướng sắc nên chỉ bày; không duyên thọ, tưởng, hành, thức, sanh thức cho đến không duyên trí Nhất thiết chủng sanh thức, ấy gọi là không thấy tướng trí Nhất thiết chủng nên chỉ bày. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật sâu xa ấy hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

* Lại nữa, Tu bồ đề, làm sao Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian? Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian không? Chỉ bày thế gian không, thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn không, chỉ bày thế gian mười hai nhập không, chỉ bày thế gian mười tám giới không, chỉ bày thế gian mười hai nhân duyên không, chỉ bày thế gian ngã kiến làm căn bản cho sáu mươi hai kiến không, chỉ bày thế gian mười thiện đạo không, chỉ bày thế gian bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc không; chỉ bày thế gian ba mươi bảy phẩm trợ đạo không; chỉ bày thế gian sáu Ba la mật không, chỉ bày thế gian nội không không, chỉ bày thế gian ngoại không không, chỉ bày thế gian nội ngoại không không, chỉ bày thế gian vô pháp không không, chỉ bày thế gian hữu pháp không không, chỉ bày thế gian vô pháp hữu pháp không không, chỉ bày thế gian hữu vi tánh không, chỉ bày thế gian vô vi tánh không, chỉ bày thế gian Phật mười lực không, chỉ bày thế gian mười tám pháp không chung không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Phật do Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian không, biết thế gian không, giác thế gian không, tư duy thế gian không, phân biệt thế

gian không. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật không, chỉ bày thế gian Phật không thế nào? Là chỉ thế gian năm uẩn không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật không thể nghĩ bàn, chỉ bày thế gian không thể nghĩ bàn thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn không thể nghĩ bàn, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không thể nghĩ bàn.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật lìa.Chỉ bày thế gian lìa thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn lìa, cho đến chỉ bày thế gian nhất thiết chủng lìa. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật lìa.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật tịch diệt. Chỉ bày thế gian tịch diệt thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn tịch diệt, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng tịch diệt.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian rốt ráo không. Chỉ bày thế gian rốt ráo không thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn rốt ráo không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng rốt ráo không.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật tánh không. Chỉ bày thế gian tánh không là thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn tánh không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật vô pháp không. Chỉ bày thế gian vô pháp không thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn vô pháp không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật vô pháp hữu pháp không. Chỉ bày thế gian vô pháp hữu pháp không thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn vô pháp hữu pháp không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian Phật độc không. Chỉ bày thế gian độc không thế nào? là chỉ bày thế gian năm uẩn độc không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không. Như vậy, Tu bồ đề, Bát nhã ba la mậthay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian. Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy chỉ bày tướng thế gian đó là tướng chẳng sanh đời này, đời sau, vì cớ sao? Vì các pháp không cần dùng tướng sanh đời này đời sau.

LUẬN: Bát nhã ba la mật là mẹ chư Phật, vì nhân duyên ấy chư Phật nương tựa Bát nhã ba la mật mà trú. trong Kinh khác nói: Phật nương tựa pháp, lấy pháp làm thầy. Trong đây Phật bảo Tu bồ đề: "Pháp ấy chính là Bát nhã ba la mật" Trong tất cả các pháp bất thiện, không gì hơn tà kiến, vì tà kiến nên không biết ân; tự nhiên ta phải là người biết ân, Bát nhã là tối thượng trong các thiện pháp thế gian, hay làm cho đời này có danh tiếng tốt, đời sau có quả báo thượng diệu, thế nên, Phật tự nói: Ta là đệ nhất trong hạng người biết ân, báo ân. Ta còn biết cái ân của bố thí, trì giới huống gì Bát nhã ba la mật.

* Lại nữa, các Thiên tử nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật rốt ráo không, không có tướng nhất định, nên hoặc có người không ham, không qúy, thế nên Phật nói Ta là bậc tôn qúy trong ba cõi còn cúng dường Bát nhã ba la mật, huống gì người khác. Lại có người sanh nghi, Phật đối với hết thảy thế gian, không vướng mắc như hư không, cớ gì lại ham Bát nhã ba la mật ấy và tôn trọng, tán thán tợ như tham đắm. Thế nên Phật nói: Ta không có tâm tham, chỉ phân biệt cho biết các pháp tốt xấu, phải dùng sức nhiều hay ít. Biết Bát nhã ba la mật ấy, có công năng dứt hết thảy lý luận, mở ba thừa đạo, diệt sạch các khổ; có vô lượng, vô biên công đức như vậy, nên tán thán, tôn trọng, cúng dường. Ví như người đi trên đường an ổn, tránh khỏi các hoạn nạn, thường nghĩ chỉ cho người khác biết con đường ấy.

Phật biết làm người là biết người khác có ơn với mình. Có chỗ khác nói Phật không biết làm người sợ người ta nghi, nên nói Phật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, nên nói không làm người, chớ chẳng vì không biết ân, nên gọi là không biết làm người. Nói biết làm người, không biết làm người, không có lỗi. Bấy giờ Tu bồ đề dùng nghĩa rốt ráo "không" vấn nạn: Bạch đức Thế Tôn, nếu vì hết thảy pháp rốt ráp không, nên không có người biết, người làm, làm sao Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày thế gian (Quốc độ - N.D) chư Phật? Phật chấp thuận câu hỏi ấy, và tự nói nhân duyên: Hết thảy pháp "không", hư dối không kiên cố. Ý Tu bồ đề: Tướng hết thảy các pháp ám độn, không thấy,

không biết, làm sao riêng Bát nhã ba la mật có thể thấy, có thể biết? Ý Phật: Hết thảy pháp chẳng phải chỉ không biết, không thấy vì hết thảy pháp không, không kiên cố, không kẻ biết, không kẻ thấy, cũng không thể thủ đắc, nên không nên vấn nạn.

* Lại nữa, vì hết thảy pháp không nơi nương tựa, không bị ràng buộc nên không có kẻ biết, không có kẻ thấy. Nhiều mặt phá các pháp làm cho không, hoặc phá thường, tu hành vô thường mà vào không, hoặc phá thật mà vào không, hoặc vì rốt ráo hết tận nên vào không, hoặc vì hết thảy pháp xa lìa nên vào không. Vào không như vậy nay vì hết thảy pháp không có trú xứ, không có nương tựa, không có ràng buộc; vì không nương tựa nên cũng không sanh diệt, thế nên tức là không. Không ràng buộc là thật tướng hết thảy pháp không bị ràng buộc hay ra khỏi ba cõi, vì cớ sao? Vì ba cõi hư dối, dùng hết thảy pháp, không kẻ biết, không kẻ thấy; như vậy mà chỉ bày thế gian. Bát nhã không thấy các pháp sắc v.v... nên chỉ bày thế gian. Các pháp sắc v.v... không nương tựa, không bị ràng buộc, hư dối, nên không thấy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của không thấy đó là không sanh thức duyên sắc, cho đến không sanh thức duyên trí Nhất thiết chủng, ấy gọi là không thấy sắc pháp v.v...

Hỏi: Thức có thể không sanh, chứ sắc làm sao không sanh?

Đáp: Tướng não hoại là sắc, nhơn thức nên mới phân biệt biết, không thức thời cũng không có tướng não hoại.

* Lại nữa, hết thảy pháp do nhân duyên hòa hợp nên có tướng sanh, không có tự tánh. Như có các duyên thân, thức, xúc hòa hợp nên biết tướng cứng của đất, tướng cứng ấy không lìa thân và thức mà có được. Thế nên các pháp đều do hòa hợp sanh, không có tự tánh.

Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gin không, là thế gian gọi là năm uẩn, cho đến trí Nhất thiết chủng. Khi Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật, quán pháp ấy hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc trong, hoặc ngoài, không có pháp nào chẳng "không", ấy gọi là Bát nhã ba la mật chỉ bày thế gian không.

Phật chỉ bày thế gian không, là vì hoặc có người nghi Phật ưa đắm pháp nên mới nói trong Bát nhã ba la mật chỉ bày tướng thế gian không, chứ chẳng phải là thật tướng thường có của các pháp ấy. Thế nên Phật nói: Ta chẳng phải ưa đắm pháp nên nói: "Phật biết tướng các pháp so lường gốc ngọn, suy nghĩ, phân biệt, không có pháp gì ra ngoài không. Ta chẳng phải chỉ tán tụng

nghe theo người khác nói, mà ta do nội tâm giác tri tư duy phân biệt nên nói chỉ bày tướng thế gian "không". Một đoạn nói chỉ bày tướng thế gian không này là như trên đã rộng nói, xa lìa 62 chấp kiến, nay chỉ nói năm uẩn cho đến trí Nhất thiết chủng. Khi ấy chúng hội cho rằng Bát nhã ba la mật là rốt ráo không, tâm tưởng đắm lấy thế nên Phật nói bất khả tư nghì. Bất khả tư nghì là rốt ráo không, cũng không thể thủ đắc. Rốt ráo không hoặc gọi là lìa, hoặc gọi là tịch diệt.

Lìa tức là phân tán, các pháp lâu về sau không còn sót lạivà tự lìa tánh nó. Biết rốt ráo không rồi, không có tâm số pháp, không có ngữ ngôn, nên gọi là tịch diệt. Nghĩa rốt ráo không v.v... như trước đã nói.

Hỏi: Thế nào là độc không?

Đáp: Mười tám "Không" đều là nhân duyên đối đãi, như nội không là nhân pháp ở bên trong (trong thân - N.D) nên gọi là nội không, nếu không có pháp bên trong thời không có nội không; mười tám "Không" đều như vậy. Độc không này, không có nhân duyên, không có đối đãi nên gọi là độc không.

* Lại nữa, độc không là như hư không, như như, pháp tánh, thực tế, Niết bàn.

Chỉ bày thế gian, chẳng phải tướng đời nay, chẳng phải tướng đời sau là có các ngoại đạo chỉ nói đời nay, không nói đời sau. Người ấy tà kiến, rơi vào đoạn diệt; có người nói đời nay, đời sau rằng thần ngã (thần hồn - N.D) đời nay nhập vào đời sau, người ấy tà kiến rơi vào chấp thường. Bát nhã ba la mật lìa hai bên đoạn thường mà nói trung đạo, tuy không mà chẳng chấp trước không, chỉ vì người nên nói có tội, có phước, tuy nói tội phước mà không sanh tà kiến chấp thường cũng đối với "Không" không bị chướng ngại. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Rốt ráo không, vì sao có chấp kiến đời nay đời sau, hoặc đoạn, hoặc thường.

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy vì đại sự nên sanh khởi. Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy, vì bất khả tư nghì sự nên sanh khởi. Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy vì bất khả xứng sự nên sanh khởi, Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy vì vô lượng sự nên sanh khởi. Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy vì vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật vì đại sự nên sanh khởi. Vì bất tư nghì sự nên sanh khởi. Vì bất khả xứng sự nên sanh khởi. Vì vô lượng sự nên sanh khởi. Vì vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi.

Tu bồ đề, thế nào Bát nhã ba la mật vì đại sự nên sanh khởi? Này Tu bồ đề, đại sự của chư Phật là cứu độ hết thảy chúng sanh, không bỏ hết thảy chúng sanh.

Tu bồ đề, thế nào là Bát nhã ba la mật vì bất tư nghì sự nên sanh khởi? Này Tu bồ đề, Bất tư nghì là pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí. Vì vậy nên chư Phật Bát nhã ba la mật vì bất tư nghì sự nên sanh khởi.

Tu bồ đề, thế nào Bát nhã ba la mật vì bất khả xứng sự nên sanh khởi? Này Tu bồ đề, trong hết thảy chúng sanh, không ai có thể suy nghĩ, cân lường Phật pháp, Như Lai pháp, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí nên Bát nhã ba la mật vì bất khả xứng sự nên sanh khởi.

Tu bồ đề, thế nào Bát nhã ba la mật vì vô lượng sự nên sanh khởi? Này Tu bồ đề, trong hết thảy chúng sanh, không ai có thể lường hết Phật pháp, Như Lai pháp, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí. Thế nên Bát nhã ba la mật vì vô lượng sự nên sanh khởi.

Tu bồ đề, thế nào Bát nhã ba la mật vì vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi? Này Tu bồ đề, trong hết thảy chúng sanh không ai có thể ngang bằng với Phật, huống gì quá hơn. Thế nên Bát nhã ba la mật vì vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi. Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, chỉ có Phật pháp, Như Lai pháp, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí, không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, vô đẳng đẳng sự sanh khởi ư?

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Phật pháp, Như Lai pháp, pháp người Tự nhiên, pháp người Nhất thiết trí là không thể nghĩ bàn, không thể cân, không có lường, không chi ngang bằng. Sắc cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không thể ngang bằng; thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng; cho đến trí Nhất thiết chủng, pháp tánh, pháp tướng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng. Trong đó tâm tâm số pháp bặt dứt, không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề, sắc không thể nghĩ bàn là cũng không thể có được, cho đến sắc không chi ngang bằng là cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không chi ngang bằng là cũng không thể có được.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Nhân duyên gì sắc không thể nghĩ bàn ... cho đến không có chi bằng là cũng không thể có được? Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không có chi bằng là cũng không thể có được?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì không thể lường về sắc, cũng không thể lường về thọ, tưởng, hành, thức cho đến không thể lường về trí Nhất thiết chủng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì không thể lường về sắc, cho đến không thể lường về trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì sắc không thể nghĩ bàn, cho đến vì sắc không chi sánh bằng nên không thể lường cho đến vì trí Nhất thiết chủng không thể nghĩ bàn, vì trí Nhất thiết chủng không chi sánh bằng nên không thể lường.

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao, không thể nghĩ bàn cho đến không chi sánh bằng liệu có thể có được chăng? Sắc, thọ, tưởng, hành thức cho đến trí Nhất thiết chủng liệu có thể có được chăng?

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, không thể có được.

Này Tu bồ đề, vì thế nên hết thảy pháp không thể nghĩ bàn, cho đến không chi sánh bằng. Như vậy, Tu bồ đề, pháp của chư Phật không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng. Tu bồ đề, ấy gọi là pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, cho đến không chi ngang bằng.

Tu bồ đề, Pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, vì vượt quá tướng nghĩ bàn; không thể cân vì vượt quá cân lường; không thể lường vì vượt quá sự lường; không chi ngang bằng vì vượt quá ngang bằng.

Tu bồ đề, vì nhân duyên ấy, hết thảy pháp cũng là tướng không thể nghĩ bàn, cho đến không chi ngang bằng.

Tu bồ đề, gọi không thể nghĩ bàn là nghĩa không thể nghĩ bàn; gọi không thể cân, là nghĩa không thể cân; gọi không lường là nghĩ không thể lường, gọi không chi ngang bằng là nghĩa không thể ngang bằng.

Tu bồ đề, ấy là pháp chư Phật không thể nghĩ bàn cho đến không chi ngang bằng. Không thể nghĩ bàn như hư không, không thể nghĩ bàn, không thể cân như hư không không thể cân, không có suy lường như hư không có thể lường, không chi ngang bằng như hư không không chi ngang bằng. Tu bồ đề, ấy cũng gọi pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, cho đến không chi ngang bằng. Phật pháp vô lượng như vậy, hết thảy thế gian, người, trời, A tu la không ai có thể nghĩ bàn, trù lượng.

Trong khi nói phẩm các Phật pháp không thể nghĩ bàn, không thể cân không có lường, không chi ngang bằng. 500 Tỳ kheo vì không lãng thọ hết thảy pháp nên các lậu sạch hết, tâm giải thoát được A la hán. 20 Tỳ kheo ni cũng không chấp thủ hết thảy pháp nên sạch hết các lậu được A la hán. 6 vạn Ưu bà tắc, 3 vạn Ưu bà di đối với các pháp xa lìa trần cấu, đối với các pháp con mắt pháp sanh khởi, 20 Bồ tát ma ha tát được vô sanh pháp nhẫn sẽ được thọ ký trong hiền kiếp này.

LUẬN: Tu bồ đề thâm hiểu tướng Bát nhã đối với các pháp không đắm, không ngại, tâm sanh hoan hỷ. Bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật vì đại sự nên sanh khởi v.v... Đại sự là phá hết thảy đại khổ não cho chúng sanh, đem cho chúng sanh đại pháp vô thượng của Phật nên gọi là đại sự. Nghĩa là không thể nghĩ bàn như trước đã nói, không thể cân là chỉ trí tuệ, thực tướng Bát nhã quyết định, rất sâu, rất nặng. Trí tuệ mỏng nhẹ nên không thể cân, lại vì Bát nhã nhiều trí tuệ ít nên không thể cân. Lại chỗ lợi ích Bát nhã rất rộng, khi chưa thành có thể cho quả báo thế gian, khi thành rồi cho quả báo đại pháp. Lại biết rốt ráo cùng tận gọi là cân, Bát nhã ba la mật không thể cân biết, hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc thật, hoặc hư, hoặc có, hoặc không, như vậy là những nghĩa không thể cân. Vô lượng sự là có người nói Cân tức là lường, có người nói chấp thủ tướng tức là lường, Bát nhã ba la mật không thể thủ tướng nên gọi là vô lường. Lại Bồ tát lấy bốn tâm vô lượng, tu hành Bát nhã nên gọi là vô lượng. Lại lượng là trí tuệ. Trí tuệ phàm phu, trí tuệ Nhị thừa, trí tuệ Bồ tát, không ai có thể lường được biên giới của Bát nhã nên gọi là vô lượng. Vô đẳng đẳng (không chi ngang bằng) là vô đẳng chỉ Niết bàn, hết thảy pháp hữu vi không có chi bằng Niết bàn. Niết bàn có 3: Niết bàn Thanh văn; Niết bàn Bích chi Phật; Niết bàn của Phật Bát nhã đưa đến Đ?i thừa Niết bàn nên gọi là Bát nhã vô đẳng đẳng.

* Lại nữa, hết thảy chúng sanh, không thể ngang bằng Phật nên Phật là vô đẳng; Bát nhã ba la mật lợi ích chúng sanh, tương tợ như Phật nên gọi là vô đẳng đẳng.

* Lại nữa, pháp chư Phật là vi diệu bậc nhất, không thể ngang bằng, không thể sánh kịp, không thể so sánh; Bát nhã ba la mật hay làm cho chúng sanh có được tâm ấy nên gọi là vô đẳng đẳng.

* Lại nữa, vô đẳng là thực tướng các pháp, các quán, các hành không thể sánh kịp vì thật tướng không có hý luận, không thể phá hoại được nên gọi là vô đẳng; Bồ tát được vô đẳng ấy vì hay khởi tâm từ bi đối v?i chúng sanh nên gọi là vô đẳng đẳng. Tu bồ đề thuộc hàng Thanh văn không có Nhất thiết trí mà có thể nói Bát nhã không thể nghĩ bàn ấy. Phật chấp thuận lời đó. Phật tự nói năm việc: Chúng sanh vô lượng vô biên nhiều hơn vi trần trong mười phương hằng hà sa thế giới, chư Phật dùng mười trí lực, muốn cứu vớt hết nên gọi là đại sự. Lại có Bồ tát tu lâu ngày được vô sanh pháp nhẫn, vì không bỏ chúng sanh nên không vào Vô dư Niết bàn.

* Lại nữa, lúc Bồ tát ấy thành Phật đạo, vì chúng sanh nên chịu năm việc: 1. Là chịu các lao khổ; 2. Là chịu bỏ cái vui tịch tịnh; 3. Là chịu cộng sự với người ác; 4. Là chịu tiếp đối cùng người; 5. là chịu vào đại chúng hội. Phật thâm đắc cái vui ly dục mà vì chúng sanh nên cam chịu năm việc lao khổ, giống như hưởng thọ công đức, ấy là đại sự. Không thể nghĩ bàn là chỉ cho Phật pháp, Như Lai pháp, pháp người Tự nhiên, pháp người Nhất thiết trí. Phật pháp là, Phật gọi là giác đối với hết thảy vô minh, mê ngủ bắùt đầu tỉnh giác gọi là giác. Như Lai là giống như chư Phật quá khứ, tu hành sáu Ba la mật được như tướng của các pháp, đi đến Phật đạo. Nay Phật cũng con đường như vậy đi đến, như chư Phật quá khứ đi đến nên gọi là Như Lai. Pháp người Tự nhiên là hàng Thanh văn cũng có "giác" cũng có "như", nhưng nghe từ người khác ấy là pháp đệ tử, nên nói Phật là người tự nhiên, không nghe từ người khác. Pháp người Nhất thiết trí là Bích chi Phật cũng tự nhiên đắc quả, không nghe từ người khác nhưng không có Nhất thiết trí. Bốn thứ pháp ấy, không có ai có thể suy nghĩ, cân lường nên gọi là không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường. Lại không có pháp gì tương tợ pháp ấy nên gọi là vô đẳng đẳng.

Tui bồ đề sợ hàng Bồ tát tân học chấp đắm bốn pháp ấy nên bạch Phật rằng: Chỉ có bốn pháp ấy không thể nghĩ bàn, không có chi ngang bằng chăng?

Phật đáp: Các pháp sắc v.v... cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, vô đẳng đẳng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên vì các pháp sắc v.v... không thể có được.

Như vậy, Tu bồ đề, các Phật pháp không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn như việc nói trên. Luận giả trước giải rộng, trong đây Phật nói lược, không thể nghĩ bàn là vượt qua tướng nghĩ bàn, vượt qua tướng đẳng đẳng. Về ý nghĩa, pháp Niết bàn không thể nghĩ bàn, về danh tự vì thuộc Thế đế nên có thể nghĩ bàn. Như hư không, không thể nghĩ bàn là như phẩm trước nói, tướng hư không không thể nghĩ bàn, thế nên nói không thể nghĩ bàn cho đến vô đẳng đẳng như hư không, vì hư không không thể lấy chi ví dụ nên gọi là vô đẳng đẳng. Tướng Bát nhã ba la mật tức là tướng Phật pháp; không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, vô đẳng đẳng tức là tướng Phật pháp. Phật pháp ấy, hết thảy thế gian người, trời, A tu la, không ai có thể nghĩ bàn, cân lường được. Trong sáu đường mà trong đây chỉ nói ba đường là chúng sanh trong ba đường thiện còn không thể cân lường, huống chi chúng sanh trong ba đường ác.

Hỏi: Trong khi nói phẩm này, cớ gì số Tỳ kheo ni, Bồ tát đắc đạo ít?

Đáp: Trong đây phần nhiều tán thán pháp chư Phật là không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng. Người nghe đa số tăng thêm tín căn nên kẻ bạch y đắc đạo nhiều, người nữ tuy có lòng tin nhiều mà trí tuệâ ít nên đắc đạo cũng ít. Kẻ áo trắng tham đắm thế sự, trí tuệ cạn mỏng, căn tánh ám độn, không thể sạch hết lậu hoặc. Các Tỳ kheo các căn tín và tuệ bằng nhau, nhất tâm cầu đạo nên người sạch hết lậu hoặc nhiều. Tỳ kheo ni vì trí tuệ ít nên chỉ có 20 người sạch hết lậu hoặc, tuy nhiều người được đạo quả ban đầu số vượt hơn kẻ áo trắng, nhưng vì không sạch hết lậu hoặc, không khác kẻ áo trắng thì trong đây không nói. Vào vô sanh pháp nhẫn thậm thâm khó được vào nên ít người; lại vì người đối với pháp này gieo trồng nhân duyên ít. Sẽ được thọ ký trong hiền kiếp là hoặc có người nói: Trong hiền kiếp ngàn đức Phật trừ bốn đức Phật, sẽ thọ ký cho. Hoặc có người nói, đức Phật Thích ca Văn thọ ký cho, trong hiền kiếp làm Phật ở các thế giới khác.

(Hết cuốn 70 của bản Hán)

--o0o –

Cuốn 71

GIẢI THÍCH: PHẨM THÍ DỤ THỨ 51.

KINH: Phật bảo Tu bồ đề̀à: "Thí như trong biển lớn, thuyền bị vỡ, người trong thuyền, nếu không dùng đồ vật, không dùng phao nổi, không dùng thây chết. Tu bồ đề, nên biết người ấy không đến được bờ kia, bị chết chìm trong biển. Tu bồ đề, nếu khi thuyền vỡ, người trong thuyền dùng cây, dùng đồ vật, phao nổi, thây chết, nên biết người ấy trọn không bị chết chìm , an ổn, vô ngại, đến được bờ kia.

Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Phật đạo cũng như vậy. Nếu chỉ có tâm tin vui, mà không nương Bát nhã ba la mật thâm sâu, không chép, không đọc tụng, không nhớ nghĩ đúng; không nương Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, không chép, không đọc tụng, không nhớ nghĩ đúng, cho đến không nương trí Nhất thiết chủng, không chép, không đọc tụng, không nhớ nghĩ đúng. Nên biết thiện nam tử ấy, giữa đường bị suy hao, chưa đến được trí Nhất thiết chủng, chỉ thủ chứng Thanh văn, Bích chi Phật địa.

Tu bồ đề, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Phật đạo vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có thâm tâm, có ham muốn, có hiểu biết, có buông bỏ, có tinh tấn, người ấy nương Bát nhã ba la mật thâm sâu, giữ gìn, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, ham muốn, hiểu biết, buông bỏ, tinh tấn, vì được Bát nhã ba la mật thâm sâu thủ hộ cho đến được trí Nhất thiết chủng thủ hộ. Vì được Bát nhã ba la mật thâm sâu thủ hộ cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ nên trọn không bị suy hao giữa đường, vượt quá Thanh văn địa, Bích chi Phật địa, hay làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, thí như nam tử, nữ nhơn cầm bình đất lấy nước, nên biết bình ấy không bao lâu tan rã, vì cớ sao. Vì bình ấy chưa nung chín nên trở lại về với đất. Cũng như vậy, Tu bồ đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn tuy có vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có thâm tâm, có an ổn, có hiểu biết, có buông bỏ, có tinh tấn mà không được Bát nhã ba la mật phương tiện lực thủ hộ. Không được Thiền ba la mật, Tinh tấn ba

la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật thủ hộ, không được nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, mười trí lực của Phật, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ. Tu bồ đề, nên biết người ấy bị suy hao giữa đường, rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa.

Tu bồ đề, thí như nam tử, nữ nhơn cầm chiếc bình đã nung chín lâùy nước ở sông, giếng, ao, suối, nên biết chiếc bình ấy giữ nướùc rất an ổn, vì cớ sao? Vì chiếc bình ấy đã nung chín. Cũng như vậy Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, ham muốn, hiểu biết, buông bỏ, tinh tấn, lại được Bát nã ba la mật, phương tiện thủ hộ, được thiền định, tinh tấn, nhẫn, giới, thí, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ. Tu bồ đề, nên biết người ấy không bị suy hao giữa đường, vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, có thể làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, thí như bên bờ biển lớn, thuyền chưa trang bị liền đem đồ vật chất lên trên. Nên biết thuyền ấy bị vỡ chìm giữa đường, thuyền cùng đồ vật ở chung một chỗ, đó la vì khách buôn không có lực phương tiện nên nó mất hết của cải.Cũng như vậy Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy cầu Phật đạo tuy có tâm vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, tinh tấn, nhưng không được Bát nhã ba la mật, phương tiện lực thủ hộ, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ, nên biết ngưởi ấy bị suy hao giữa đường, mất hết trân bảo lớn. Trân bảo lớn là trí Nhất thiết chủng; suy hao là rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa.

Tu bồ đề, thí như có người có trí phương tiện, ở tại bờ biển trang bị thuyền lớn, sau mới đẩy xuống nước, đem tài vật chất lên mà đi. Nên biết thuyền ấy không bị giữa đường vỡ chìm, chắc chắn được an ổn, đi đến nơi chốn. Cũng như vậy Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, tinh tấn, nhẫn nhục, giới, thí, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ; nên biết Bồ tát ấy đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bị rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa.

Tu bồ đề, thí như có người 120 tuổi, tuổi già, các căn suy yếu, lại có các bệnh gió, lạnh, nóng, hoaàu7841?c tạp bệnh. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao, người ấy có thể từ giữa đường đứng dậy chăng?

Tu bồ đề thưa: Không thể.

Phật dạy: Người ấy hoặc có thể đứng dậy thì thế nào?

Tu bồ đề thưa: Người ấy tuy đứng dậy mà không thể đi xa, hoặc 10 dặm, hoặc 20 dặm, vì già bệnh.

Phật dạy: Cũng như vậy, Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn tuy có tâm vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, tinh tấn, nhưng không được Bát nhã ba la mật thủ hộ; nên biết người ấy giữa đường rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, vì cớ sao? Vì không được Bát nhã ba la mật thủ hộ.

Tu bồ đề, thí như người già 120 tuổi trước kia, tuổi già, các căn suy yếu, lại có các bệnh gió, lạnh,nóng, hoặc tạp bệnh. Người ấy muốn đứng dậy đi có hai người mạnh dìu hai nách nói với người già rằng: Đừng có sợ khó, muốn đi đến đâu hai người chúng tôi trọn không rời bỏ. Cũng như vậy, Tu bồ đề, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, tinh tấn, nhờ được Bát nhã ba la mật phương tiện được thủ hộ, cho đến nhờ có trí Nhất thiết chủng thủ hộ, nên biết người ấy không giữa đường rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, có thể đi đến nơi chốn là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Bồ tát có hai hạng: 1. Hạng ngộ được thật tướng các pháp. 2. Hạng tuy chưa ngộ được thật tướng nhưng đối với trong Phật đạo có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có thâm tâm, có ham muốn, có hiểu biết, có buông bỏ, có tinh tấn.Tín là tin nghiệp tội phước, quả báo; tin và tu sáu Ba la mật thời được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có người tuy tin Phật đạo nhưng tư duy, tù lượng tâm không thể nhẫn chịu, còn ở đây nhẫn được nên nói có nhẫn. Có người tuy nhẫn, nhưng vì tà kiến, nghi ngờ chưa dứt, tâm ô trược không thanh tịnh, còn ở đây thanh tịnh nên nói có tịnh. Có người tuy có tín, nhẫn, tịnh tâm, nhưng có cạn có sâu, còn ở đây sâu nên nói thâm tâm. Có đủ nhân duyên của bốn thứ trên nên nhất tâm muốn được Vô thượng đạo, không muốn việc gì khác, thế nên nói có dục. Rõ ràng quyết định, biết vô thượng đạo là lớn, các việc thế gian là nhỏ, thế nên nói có giải. Vì có tâm dục giải quyết định, nên buông bỏ của cải và buông bỏ các ác tâm, phiền não, xan lận, sân hận v.v... thế nên nói xả. Vì xả nên thường hay tinh tấn. Có các công đức như vậy, nếu không được Bát nhã ba la mật, hoặc khi thân hoại mạng chung, hoặc bị ác tri thức làm trở ngại thời mất Bồ tát đạo. Vì có công đức

của thế gian nên hưởng thọ quả báo thế gian nhưng về sau rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, không thể đạt đến vô thượng đạo.

Trong đây Phật tự nói năm ví dụ: Chiếc thuyền là dụ thân hành giả; phao nổi v.v... là dụ Bát nhã phương tiện; chiếc bình là dụ Bồ tát đạo. Bát nhã phương tiện là lửa, vì chưa cùng Bát nhã phương tiện hoà hợp nên không thể giữ gìn nước công đức của sáu Ba la mật đạt đến vô thượng đạo; không sửa sang chiếc thuyền là Bồ tát không có phương tiện; vật báu về các công đức tín, nhẫn v.v... là năm chiếc thuyền thiện pháp Ba la mật. Thuyền và báu ở riêng rẽ là ví trái với bổn nguyện, hoặc hưởng thọ cái vui cõi trời, cõi người, hoặc rơi vào Nhị thừa. Lợi lớn là chỉ cho Phật pháp bảo và Nhất thiết trí v.v... người già bệnh là ví Bồ tát có các công đức tín, nhẫn v.v... nhưng không dứt 62 tà kiến, nên gọi là già, không dứt 108 phiền não nên gọi là bệnh. Từ giường đứng dậy là ví từ giường "tam giới" đứng dậy, ta sẽ thành Phật. Vì nhân duyên tà kiến phiền não, nên không thể thành Bồ tát đạo. Hai người mạnh là ví Bát nhã và phương tiện. Bát nhã ba la mật hay dứt các phiền não tà kiến, lý luận đưa đến trong rốt ráo không, còn phương tiện đưa ra khỏi rốt ráo không.

KINH: Bấy giờ, Phật nói với Tu bồ đề: "Lành thay, ông vì các Bồ tát mà hỏi các việc ấy. Tu bồ đề, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Phật đạo, từ khi mới phát tâm lại đây, đem tâm chấp ta, và của ta, làm việc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, khi bố thí nghĩ rằng: Ta la thí chủ, ta thí cho người ấy, ta thí vật ấy; ta tu trì giới, ta tu nhẫn, ta tinh tấn, ta nhập định, ta tu trí tuệ. Thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy nghĩ là thí, ấy là ta thí, cho đến ấy là trí tuệ, vì cớ sao? Vì trong Thí ba la mật, không có sự phân biệt như vậy, xa lìa bờ này, bờ kia, đó là tướng trạng của Thí ba la mật. Trong Giới ba la mật; Nhẫn ba la mật; Tán ba la mật; Thiền ba la mật; Bát nhã ba la mật không có sự phân biết như vậy, vì cớ sao? Vì xa lìa bờ này, bờ kia, là tướng trạng của Bát nhã ba la mật. Người ấy không biết bờ này, không biết bờ kia; vì người ấy không được Thí ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ nên rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, không thể đạt đến Nhất thiết trí.

Này Tu bồ đề, người cầu Phật đạo không có phương tiện thế nào?

Tu bồ đề, người cầu Phật đạo từ khi mới phát tâm lại đây, không có phương tiện tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; người ấy nghĩ như vầy: Ta bố thí, thí cho người ấy, lấy vật ấy là thí; ta trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhập định, tu trí tuệ, tu trí tuệ như vậy; người ấy nghĩ ấy là bố thí,

ấy là ta bố thí,, lấy việc bố thí mà tự cao, nghĩ ấy là giới, ấy là ta trì giới, lấy việc trì giới mà tự cao; nghĩ ấy là nhẫn, ấy là ta nhẫn, lấy việc nhẫn nhục mà tự cao; nghĩ ấy là tinh tấn, ấy là ta tinh tấn, lấy việc ta tinh tấn mà tự cao, nghĩ ấy là thiền định, ấy là ta thiền định, lấy việc thiền định mà tự cao, nghĩ ấy là tuệ, ấy là ta trí tuệ, lấy việc trí tuệ mà tự cao, vì cớ sao? Vì trong Thí ba la mật không có sự phân biệt như vậy, xa lìa bờ này bờ kia, là tướng trạng của Thí ba la mật; xa lia bờ này bờ kia là tướng trạng của Giới ba la mật; xa lìa bờ này bờ kia , là tướng trạng của Nhẫn ba la mật. Xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Tinh tấn ba la mật. Xa lià bờ này bờ kia là tướng trạng củaThiền ba la mật. Xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Bát nhã ba la mật, vì cớ sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có sự nghĩ nhớ phân biệt như vậy. Thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Phật đạo, không biết bờ này bờ kia, vì người ấy không được Thí ba la mật thủ hộ, không được Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật thủ hộ, cho đến không được trí Nhất thiết chủng thủ hộ, nên rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật đạo, không thể đến được Nhất thiết trí. Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát vì không được Bát nhã ba la mật và sức phương tiện thủ hộ, nên rơi vào Thanh văn và Bích chi Phật đạo.

Này Tu bồ đề, thế nào là Bồ tát ma ha tát được Bát nhã và sức phương tiện thủ hộ nên không rơi vào Thanh văn và Bích chi Phật đạo, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu bồ đề, Bồ tát từ khi mới phát tâm lại đây, do sức phương tiện, bố thí không có tâm chấp ta và của ta mà bố thí, cho đến không có tâm chấp ta và của ta mà tu trí tuệ; người ấy không nghĩ rằng ta có đây là thí, đây là ta thí, không lấy việc bố thí để tự cao, cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Bồ tát ấy không nghĩ rằng ta thí, không nghĩ rằng ta thí cho người ấy, dùng vật ấy thí, không nghĩ rằng ta trì giới, có trì giới ấy; không nghĩ rằng ta nhẫn nhục, có nhẫn nhục ấy; không nghĩ rằng ta tinh tấn, có tinh tấn ấy; không nghĩ rằng ta thiền định, có thiền định ấy; không nghĩ rằng ta tu trí tuệ, có trí tuệ ấy, vì cớ sao? Vì trong Thí ba la mật. Không có sự phân biệt như vậy. Xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Thí ba la mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Giới ba la mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Nhẫn nhục ba la mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Tinh tấn ba la mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Thiền ba la mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Bát nhã ba la mật, vì cớ sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có sự phân biệt như vậy. Bồ tát ấy biết bờ này, bờ kia, vì Bồ tát ấy được Thí ba la mật thủ hộ; Giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật thủ hộ cho đến được trí Nhất thiết

chủng thủ hộ nên không rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, đến được Nhất thiết trí. Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát được Bát nhã ba la mật và lực phương tiện thủ hộ nên không rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, mau được vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Bấy giờ, Phật chấp thuận ý Tu bồ đề, lại nói nhân duyên làm mất kết quả tu hành. Bồ tát tuy tu hành thiện pháp, tín, nhẫn v.v... cũng không được vô thượng đạo, đó là vì đem tâm chấp ta, và của ta, tu sáu Ba la mật. Trong đây nói không phân biệt bờ này bờ kia vì tướng xa lìa là tướng của Bát nhã ba la mật mà lại phân biệt chấp trước tu hành, thế là mất.

Trên đây, tuy Phật nói nghĩa không có phương tiện nhưng không nói cái danh không có phương tiện, vì muốn khiến việc ấy rõ ràng nên bảo Tu bồ đề: Thế nào là có phương tiện, không phương tiện? Bên trong không có tâm chấp ta và của ta, bên ngoài quán hết thảy pháp không, không thủ tướng, Bát nhã phương tiện cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ Bồ tát nên gọi là có phương tiện.

Thủ hộ ở phía năm Ba la mật được lực công đức, ở phía Bát nhã ba la mật được lực trí tuệ, do hai nhân duyên ấy nên không mất đạo.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM TRI THỨC THỨ 52.

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Thiện Tri Thức)

KINH: Bấy giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, hàng Bồ tát tân học, nên học Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Trì giới ba la mật, Thí ba la mật như thế nào?"

Phật bảo Tu bồ đề: Hàng Bồ tát tân học, nếu muốn học Bát nã ba la mật, Thiền, Tinh tấn, Nhẫn, Giới, Thí ba la mật. Trước tiên nên thân cận cúng dường thiện tri thức, người có thể thuyết giảng Bát nhã ba la mật thâm sâu. Người ấy dạy rằng: Thiện nam tử, ngươi có bố thí gì, tất cả hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, tất cả hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngươi chớ cho sắc là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho thọ, tưởng, hành, thức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho Thí ba la mật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền,

Bát nhã ba la mật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho nội không cho đến vô pháp, hữu pháp không là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám thánh đạo phần là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho mười trí lực cho đến mười tám pháp không chung của Phật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì cớ sao? Vì không chấp thủ sắc liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; không chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không chấp thủ thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; không chấp thủ nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, khi tu Bát nhã ba la mật thâm sâu chớ tham sắc, vì sao? Vì sắc chẳng phải cái có thể tham; chớ tham thọ, tưởng, hành thức, vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là cái có thể tham. Thiện nam tử, chớ tham Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật , chớ tham nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, chớ tham bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, chớ tham bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, chớ tham mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng của Phật. Vì sao? Vì trí Nhất thiết chủng chẳng phải là cái có thể tham. Thiện nam tử, chớ tham quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán; chớ tham Bích chi Phật đạo, chớ tham Bồ tát vị, chớ tham Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải là cái có thể tham, vì sao? Vì các pháp tự tánh không.

LUẬN: Hỏi: Tu bồ đề hỏi chỗ sở hành của hàng tân học cớ sao Phật đáp việc tu hành vi diệu lâu ngày của Bồ tát, đó là không chấp thủ hết thảy pháp, vì hết thảy pháp tánh không?

Đáp: Các pháp tánh không có hai:1. Cái không của đại Bồ tát ngộ được. 2. là nhu thuận nhẫn của tiểu Bồ tát học được vì trí tuệ mà phát tâm. Trong đây chỉ nói về cái không của tiểu Bồ tát học được.

* Lại nữa, có khi vị của trí tuệ, Phật kể: là Bồ tát, nếu không có khí vị của trí tuệ, thời tuy tu hành các công đức lâu ngày, Phật không kể là Bồ tát. Thí như Phật nói, tướng trạng của Đảnh pháp ở trong Thanh văn đối với Tam bảo có lòng tin chút ít, gọi là Đảnh pháp; lòng tin ấy cao hơn Noãn pháp nhờ tu thiền định phát sanh, do tâm cõi Sắc đạt được, nó đối với vô ngại giải thoát

của Phật là bé nhỏ, nhưng đối với người phàm là lớn. Như vậy, Bồ tát mới phát tâm có được khí vị của Bát nhã ba la mật, nên có thể lảnh thọ sự giáo hoá gọi là tân học, quá hơn công đức năm Ba la mật đối với người phàm là lớn, đối với Phật là nhỏ.

* Lại nữa, Phật không nói thẳng các pháp tánh không, mà trước tiên dạy cúng dường thân cận thiện tri thức, nhờ thiện tri thức nói công đức năm Ba la mật. Thiện tri thức tuy mỗi mỗi giáo hoá, nhưng Phật chỉ khen pháp bất hoại, đó là đối với sắc pháp v.v... không tham, không đắm, không thủ. Thí như chim cánh vàng mới sanh, từ một núi Tu di bay dến một núi Tu di, Bồ tát cũng như vậy, mới học đã có thể sanh trí sâu xa như vậy, huống gì học lâu. Lại như đóm lửa nhỏ có thể đốt cháy, huống gì là lửa lớn. Bồ tát cũng như vậy, lúc mới học có thể dùng trí tuệ, chuyển đổi pháp thế gian khiến rốt ráo không, đốt cháy các phiền não, huống gì đắc lực đầy đủ.

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, các Bồ tát làm được việc khó làm, ở trong hết thảy pháp tánh không mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, Bồ tát làm được việc khó, ở trong hết thảy pháp tánh không mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, các Bồ tát vì an ổn cho thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì an lạc cho thế gian, vì cứu thế gian, vì làm chỗ quy hướng cho thế gian, vì làm nơi nương tựa cho thế gian, vì làm gò bãûi cho thế gian, vì dẫn đạo thế gian, vì làm đạo rốt ráo cho thế gian, vì làm chỗ đi đến cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, Bồ tát vì an ổn thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, khi Bồ tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem chúng sanh ra khỏi sáu đường, đạt vào nơi bờ Niết bàn vô úy. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát vì an ổn cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì an lạc cho thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đem chúng sanh ra khỏi cái u sầu, khổ não, đaàu7841?t vào nơi bờ Niết bàn vô úy. Ấy là Bồ tát vì an lạc cho thế gian thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì cứu thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cứu các khổ nạn trong đường sanh tử cho chúng sanh, cũng thuyết pháp để dứt các khổ ấy, chúng sanh nghe pháp, tạm dùng Tam thừa để được độ thoát. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát vì cứu thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì làm chỗ quy hướng cho thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cứu chúng sanh ra khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu bi , sầu não đem đặt vào nơi bờ Niết bàn vô úy. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát vì làm chỗ quy hướng cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì làm chỗ nương tựa cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chúng sanh nói hết thảy pháp không có chỗ nương tựa. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát vì làm chỗ nương tựa cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, hết thảy pháp không có chỗ nương tựa như thế nào?

Phật dạy: Sắc không tương tục tức là sắc không sanh, sắc không sanh tức là sắc không diệt, sắc không diệt tức là sắc không có chỗ nương tựa; thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng cũng lại như vậy. Tu bồ đề, ấy là vì làm chỗ nương tựa cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì làm đạo cứu cánh cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, nếu khi Bồ tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sanh nói pháp như vầy: Tướng rốt ráo của sắc chẳng phải là sắc; tướng rốt ráo của thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng chẳng phải là trí Nhất thiết chủng. Tu bồ đề, tướng cứu cánh : "Như ", tướng hết thảy pháp cũng như vậy.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, nếu tướng hết thảy pháp cứu cánh "như " thời các Bồ tát đều nên tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì cớ sao? Vì trong tướng rốt ráo của sắc không có phân biệt; trong tướng rốt ráo của thọ, tưởng, hành thức, không có phân biệt cho đến trong tướng rốt ráo của trí

Nhất thiết chủng không có phân biệt cho là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Trong tướng rốt ráo của sắc không có phân biệt, trong tướng rốt ráo của thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không có phân biệt gọi là sắc cho đến gọi là trí Nhất thiết chủng. Tu bồ đề, ấy là việc kho ùcủa Bồ tát ma ha tát. Quán tướng các pháp tịch diệt như vậy, mà tâm không ẩn khuất, không sợ hãi, vì cớ sao? Vì Bồ tát nghĩ rằng các pháp thâm sâu ấy ta nên biết như vậy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Pháp vi diệu tịch diệt như vậy ta sẽ vì chúng sanh nói ra. Ấy là Bồ tát vì làm đạo cứu cánh cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì làm gò bãi cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, hoặc ở giữa sông ngòi, biển lớn, nước bốn bên bị gián đoạn ấy là cồn bãi. Tu bồ đề, sắc cũng như vậy, đời trước đời sau làm gián đoạn, ; thọ, tưởng, hành, thức đời trước đời sau gián đoạn, cho đến trí Nhất thiết chủng đời trước đời sau gián đoạn. Vì đời trước đời sau gián đoạn ấy nên hết thảy pháp cũng gián đoạn. Tu bồ đề, vì hết thảy pháp đời trước đời sau gián đoạn ấy, nên tức là tịch diệt, tức là diệu bảo, nghĩa là không, không có gì thủ đắc, ái sạch hết không còn, ly dục Niết bàn. Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đem pháp tịch diệt vi diệu, vì chúng sanh nói. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát vì làm cồn bãi cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì làm dẫn dạo cho chúng sanh như thế nào? Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sanh nói sắc chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch; nói thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch; nói mười hai xứ, mười tám giới, bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch; nói quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, Bích chi Phật đạo chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, nói mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng của Phật chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát ma ha tát vì làm dẫn đạo cho chúng sanh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Tu bồ đề phát tâm hy hữu bạch Phật rằng: Các Bồ tát chưa dứt phiền não, chưa đủ đại bi, chưa được địa vị bất thối chuyển, biết các pháp vốn tánh không mà có thể phát tâm Vô thượng đạo, việc ấy rất khó. Phật nhận lời ấy

rằng: Đúng như vậy. Lại tán thán nhân duyên hy hữu của Bồ tát rằng: Bồ tát vì an ổn cho thế gian nên phát tâm. An ổn là có thể phá hết thảy phiền não, rốt ráo không biến mất. Ví như thuốc hay chữa lành bệnh không cần hỏi ngọt đắng, chỉ cần rốt ráo trừ hết bệnh được an ổn. Phật hay làm cho chúng sanh thường an ổn, không kỳ hạn một đời, hai đời. Cái vui của thế gian là có cái tuy an ổn mà không vui, có cái đời nay khổ, đời sau vui như uống thuốc đắng trong bụng an ổn, trong miệng không ngon, thế nên nói Phật hay đem cái vui cho đời này đời sau. Sáu đường vì vô thường nên chẳng phải an ổn, thế nên nói ra khỏi sáu đường gọi là an ổn. Cái vui thế gian là nhân duyên của đắm trước nên lâu về sau, chắc chắn sanh ưu não, không gọi là vui; cái vui Niết bàn trước sau không biến đổi, lìa hết ưu khổ gọi là vui. Cứu thế gian là như người bị giặc oán đuổi bắt, nếu có thân thích, có thế lực quan quyền thời có thể cứu. Chúng sanh cũng như vậy, vì nhân duyên của tội ác, các phiền não và bị ma dân đuổi bắt. Chỉ có Phật thuyết pháp cứu hộ cho. Thế gian quy hướng là như người khi gặp gió dữ, mưa mạnh, chắc chắn tìm về phòng xá; các tà kiến phiền não thế gian trong ngoài thân tâm khổ não, già, bệnh, chết, ưu khổ, nên tìm về với Phật, Phật dùng các phương cách nhổ sạch ưu bi, khổ não. Nơi nương tựa là hết thảy pháp hữu vi, do nhân duyên hoà hợp sanh nên không có tự lực, không thể nương tựa. Chúng sanh bị khổ bức bách, đến nương tựa Phật, Phật vì nói cho pháp không có nương tựa. Pháp không có nương tựa là chân thật, đó là Vô dư Niết bàn. Năm uẩn diệt, không còn tương tục, không tương tục tức là chẳng sanh, chẳng diệt; chẳng sanh chẳng diệt tức là rốt ráo không, không có nơi nương tựa.

Hỏi: Nếu không có nơi nương tựa cớ sao nói làm chỗ nương tựa?

Đáp: Nương tựa có hai: 1. Các phiền não ái kiến nương tựa pháp hữu vi. 2. Trí tuệ thanh tịnh nương tựa Niết bàn. Vì phiền não kiến nên nói không có nương tựa. Đạo cứu cánh là thật tướng rốt ráo không của các pháp. Sắc pháp v.v... đời trước không có, đời sau không co, đời hiện tại cũng không cóù. Kẻ phàm phu vì thế lực của ức tưởng phân biệt, nghiệp quả báo tình thức nên điên đảo thấy có, còn Thánh nhân dùng con mắt trí tuệ quan sát thấy điều hư vọng không thật. Như đời trước đời sau; đời chính giữa cũng như vậy. Nếu không có trước sau làm sao có giữa? Như vậy, vì chúng sanh thuyết pháp là đặt chúng sanh an ổn trong đạo rốt ráo đệ nhất. Cồn bãi thế gian là như cồn bãi, bốn phiá không có đất, sắc pháp cũng như vậy, đời trước đời sau đều không thể thủ đắc. Trung gian như trong cứu cánh đạo đã phá, vì đời trước đời sau "không" nên trung gian cũng không. Nước là ví cho các phiền não ba lậu, bốn lưu và hết thảy pháp thuộc nghiệp quả báo, rốt ráo không, không có gì để thủ đắc, đó là Niết bàn, là cồn bãi. Chúng sanh chìm ở giữa bốn dòng

nước, Phật lấy con thuyền bát chánh đạo vớt lên đặt vào trên cồn bãi Niết bàn. Có các nhân duyên như vậy tiếp độ chúng sanh, ấy gọi là dẫn đạo.

KINH: Bồ tát vì làm chỗ đến cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào?

Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sanh nói chỗ đến của sắc là "không"; nói chỗ đến của thọ, tưởng, hành, thức là " không" cho đến nói chỗ đến của trí Nhất thiết chủng là "không". Vì chúng sanh nói sắc chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến, vì cớ sao? Vì tướng của sắc là "không", chẳng phải chỗ đến, chẳng phải chỗ không đến; nói thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến, vì sao? Vì tướng thọ, tưởng, hành, thức là "không", chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến, cho đến trí Nhất thiết chủng "không" chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến, vì sao? Vì tướng trí nhất thiết chủng là "không" chẳng phải chỗ đến, chẳng phải chỗ không đến.

Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát vì làm chỗ đến cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì chỗ đến của hết thảy pháp là "không", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong "không" chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "vô tướng" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong "vô tướng" chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "vô tác" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong vô tác chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "không dấy khởi" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không dấy khởi, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy là "không có gì của chính nó" chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong chỗ đến không có gì của chính nó, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hêùt thảy pháp là "như mộng", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong mộng chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "như huyễn", như vang, như bóng, như hóa, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong huyễn hóa chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "vô lượng vô biên", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong vô lượng, vô biên chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "không cho, không lấy" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không cho, không lấy, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "không cất lên, không hạ xuống", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không cất lên, không hạ xuống, chỗ đến chảng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "không thêm, không bớt", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không thêm không bớt, chỗ đến chẳng phải chỗ không đến đều không thể thủ đắc được.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy là "không đến, không đi" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không đến không đi, chỗ đến chẳng phải không đến đều không thể thủ đắc được.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "không vào, không ra, không hợp, không tán, không vướng, không dứt" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không vướng không đứt, chỗ đến chẳng phải không đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "ngã, chúng sanh, thọ, mệnh, người; dấy khởi, người khiến dấy khởi; làm, người khiến làm, kẻ biết, kẻ thấy" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy rốt ráo không thể thủ đắc, huống gì có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "thuờng" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì thường rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "lạc, tịnh, ngã" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì lạc, tịnh, ngã rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "tham dục" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì tham dục rốt ráo không thể thủ đắc, huống gì có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là sân hận, si mê, tà kiến, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì sân hận, si mê, tà kiến rốt ráo không thể thủ đắc, huống gì có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "như ", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong "như " không có đến không có đi.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là pháp tánh thực tế, tánh không thể nghĩ bàn, chỗ ấy không thể vượt quá được, vì sao? Vì trong pháp tánh, thực tế, tánh không thể nghĩ bàn, không có đến, không có đi.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "bình đẳng", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong bình đẳng chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "tướng bất động", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong tướng bất động chỗ đến, chảng phải chỗ đến không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "sắc", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì sắc rốt ráo không thể thủ đắc làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "thọ, tưởng, hành, thức", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì thọ tưởng, hành, thức, rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến. Mười hai xứ, mười tám giới cũng như vậy.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "Thí ba la mật', chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì Thí ba la mật rốt ráo khôngh thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy là Giới ba la mật; Nhẫn ba la mật; Tấn ba la mật; Thiền ba la mật; Bát nhã ba la mật; chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì Giới ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "nội không", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì nội không rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là "ngoại không, nội ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì vô pháp hữu pháp không rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng của Phật, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong trí Nhất thiết chủng , chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là quả Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật đạo, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong quả Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật đạo chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thảy pháp là Tu đà hoàn cho đến Phật, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong Tu đà hoàn cho đến Phật, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, ai tin hiểu được?

Phật bảo Tu bồ đề: Có Bồ tát trước tiên ở chỗ chư Phật, tu sáu Ba la mật lâu ngày, thiện căn thuần thục, cúng dường vô số trăm ngàn, vạn, ức Phật, thường đi theo thiện tri thức, hạng người ấy có thể tin hiểu Bát nhã ba la mật thâm sâu.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, người tin hiểu được Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy có tánh gì, tướng gì, hình mạo gì?

Phật dạy: Dứt lìa tham, sân, si là tánh, tướng, mạo. Bồ tát ma ha tát ấy có thể tin hiểu Bát nhã ba la mật thâm sâu.

LUẬN: Hỏi: Các việc trên chỉ lược nói, nay trong "chỗ đến" cớ sao nói rộng?

Đáp: "Chỗ đến" là cuối phẩm tóm tắt hết chỗ hội quy của chín việc trên cho nên nói nhiều.

* Lại nữa, an lạc v.v... và chỗ đến đều đồng một nghĩa, đều cứu chúng sanh ra khỏi khổ, đưa đến Niết bàn. Nếu mỗi việc, mỗi việc nói rộng thời không thể nói hết. Chỗ đến ở sau hết nên nói rộng, nên biết các việc khác cũng đều nên nói rộng.

Chỗ đến của sắc pháp v.v... là không, như hư không chỉ có tên gọi mà không có thực pháp, sắc pháp v.v... cũng như vậy, cuối cùng quy về nơi không, vì tướng rốt ráo của các pháp chắc chắn là không, ngoài ra những cái khác đều hư vọng. Như người lúc mới đầu tuy có lời nói lành lâu lâu mới biết tình thật. Các pháp sắc v.v... cũng như vậy, khi vào vô dư Niết bàn thời cùng với hư khôngkhông khác; nên biết trước tiên cũng như vậy, chỉ vì người phàm phu do quả báo điên đảo cho nên thấy khác. Hết thảy pháp không có gì qua khỏi tướng không v.v... như người muốn vượt quá hư không không thể được.

Mười sáu danh từ ngã, chúng sanh, thọ mệnh v.v... đều do năm uẩn hoà hợp, giả có danh từ đó, chứ không có thực pháp, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến, nếu thường, lạc, ngã, tịnh, bốn điên đảo phá hỏng bốn thánh hạnh như bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh không thể thủ đắc, chỉ vì điên đảo, các pháp sắc v.v... cũng như vậy. Như thường, lạc, ngã, tịnh, không thể thủ đắc thời vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã từ thường, lạc, ngã, tịnh, phát xuất cũng không thể thủ đắc. Thế nên nói, chỗ đến của hết thảy pháp là thường, lạc, ngã, tịnh, là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã.

Tu bồ đề hỏi Phật: Pháp ấy sâu xa, vi tế, ai sẽ tin hiểu được? - Phật đáp: Người có nhân duyên tu hành lâu ngày tin được.

Lại hỏi: Người tu hành lâu ngày có tướng trạng gì? - Phật đáp: Người ấy lìa tâm ba độc, cũng không thấy lìa, thâm nhập thật tướng các pháp.

Hỏi: Người ấy chưa được vô sanh nhẫn làm sao nói dứt ba độc?

Đáp: Dứt có hai: 1. Là dứt cội gốc. 2. Là dứt ngành ngọn chút ít, hành giả không phân biệt được sự dứt ấy, không phân biệt ấy là dứt, ấy là phiền não, vì sao? Vì tướng phiền não điên đảo không nhất định, nên phiền não tức là "dứt", nên nói là ly.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM THÚ TRÍ THỨ 53.

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Thú Nhất Thiết Trí)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần hai phẩm Điều phục tham đẳng 51)

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, các Bồ tát hiểu Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy sẽ đi đến chỗ nào?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát hiểu Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy sẽ đi đến trí Nhất thiết chủng.

Tu bồ đề bạch Phật ràng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát đến được trí Nhất thiết chủng ấy là làm chỗ nương tựa về cho chúng sanh tu Bát nhã ba la mật. Tu Bát nhã ba la mật là tu hết thảy pháp. Bạch đức Thế Tôn, không có tu gì là tu Bát nhã ba la mật. Không "thọ" tu, "hoại" tu là tu Bát nhã ba la mật.

Phật bảo Tu bồ đề: Những pháp gì hoại nên tu Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Bạch đức thế Tôn, vì sắc hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu; vì thọ, tưởng, hành, thức, mười hai xứ, mười tám giới hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu. Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy hư hoại nên Bát nhã ba la mật gọi là hoại tu. Vì Thí ba la mật hư hoại, nên Bát nhã ba la mật là hoại tu; cho đến vì Bát nhã ba la mật hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu. Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, quả Tu đà hoàn cho đến trí Nhất thiết chủng hư hoại, nên Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, vì sắc hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu; cho đến vì trí Nhất thiết chủng hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Bấy giờ, Phật bảo Tu bồ đề: Trong Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, Bồ tát ở địa vị bất thối chuyển phải nên niệm biết. Nếu Bồ tát không đắm trước ở trong Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, nên biết đó là địa vị bất thối chuyển; không đắm trước ở trong Thiền ba la mật, cho đến Thí ba la mật, không đắm trước ở trong bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng, nên biết đó là địa vị bất thối chuyển.

LUẬN: Hỏi: Bát nhã ba la mật chẳng phải chỗ đến, chẳng chỗ không đến, cớ sao Tu bồ đề lại hỏi người tu Bát nhã đi đến chỗ nào? Và cớ sao Phật đáp đi đến Nhất thiết trí?

Đáp: Ngoại đạo nói: Các pháp từ nhân đi đến quả, từ đời trước đi đến đời nay, từ đời nay đi đến đời sau. Vì phá cái điên đảo chấp thường ấy nên nói không có chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến. Trong đây Tu bồ đề đem tâm vô trước mà hỏi, Phật lấy tâm vô trước mà đáp. Bát nhã ba la mật rốt ráo không, đối với các pháp không chướng, không ngại, được sự giải thoát không chướng, không ngại, vì không chướng, không ngại có tính nhân quả tương tợ, nên nói người hiểu Bát nhã thâm sâu đi đến trí Nhất thiết chủng. Tu bồ đề thưa: Vị Bồ tát biết Bát nhã ba la mật làm chỗ nương về cho hết thảy chúng sanh, như đứa con bị khổ não bức bách đến nương cha mẹ.

Hỏi cớ sao chỉ có vị Bồ tát hiểu Bát nhã ba la mật thâm sâu là chỗ nương về cho chúng sanh?

Đáp: Vì Bồ tát có tâm đại bi đối với chúng sanh, nên thường tu tập Bát nhã ba la mật. Vì tu Bát nhã nên có thể hiểu hết thảy pháp, đều thu vào Bát nhã ba la mật; thế nên, tu Bát nhã ba la mật tức là tu hết thảy pháp. Vì Bát nhã ba la mật không có thật pháp nhất định có thể thủ đắc, nên trong kinh nói không có tu gì là tu Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật hết thảy cách quán sát đều có lỗi nên không "thọ", ấy là không "thọ" tu. "Hoại" tu là vì hết thảy pháp vô thường tán hoại nên gọi là "hoại" tu. Pháp có thể phá hoại là sắc cho đến trí Nhất thiết chủng. Phật chấp nhận lời của Tu bồ đề nói. Cuối phẩm trên có nói tánh, tướng, dung mạo của vị Bồ tát bất thối chuyển, nay nên thí nghiệm biết, đối với Bát nhã ba la mật thâm sâu có đắm trước hay không? Nếu có đắm trước thời sai, nếu không có đắm trước thời là đúng tướng nó. Bồ tát tu Bát nhã ba la mật có hai hạng: 1. Là nhơn Bát nhã ba la mật, quán hết thảy pháp rốt ráo không, Bát nhã cũng tự không. 2. là không thể quán Bát nhã cũng không, nên trong kinh nói thí nghiệm biết có đắm trước hay không.

KINH: Nếu có Bồ tát ở địa vị bất thối chuyển, khi tu hành Bát nhã ba la mật thâm sâu, không cho lời người khác nói làm cương yếu, cũng không theo người khác chỉ dạy tu hành. Vị Bồ tát bất thối chuyển không bị dục tâm, sân tâm, si tâm trói buộc. Nếu vị Bồ tát bất thối chuyển thời không xa lìa sáu Ba la mật; nếu vị Bồ tát bất thối chuyển khi nghe nói Bát nhã ba la mật thâm sâu, thời tâm không kinh, không mất, không sợ, không hãi, không hối hận, mà hoan hỷ vui nghe, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như kinh nói. Tu bồ đề, nên biết Bồ tát ấy đời trước đã nghe nghĩa lý trong Bát nhã ba la mật thâm sâu, đã thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, vì sao? Vì Bồ tát ấy có oai đức lớn nên nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, tâm không kinh, không mất, không sợ, không hãi, không hối hận mà hoan hỷ vui nghe, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu, không kinh, không sợ, cho đến nhớ nghĩ đúng, vị Bồ tát ấy làm sao tu Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng, Bồ tát nên như vậy tu hành Bát nhã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn, thế nào gọi là tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng, Bồ tát nên như vậy tu hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Tùy thuận "không" là Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật thâm sâu; tùy thuận vô tướng, vô tác, vô sở hữu, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, Bồ tát nên như vậy tu hành Bát nhã ba la mật. Tùy thuận như mộng, huyễn, sóng nắng, tiếng vang, biến hoá là tu hành Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Phật bảo tùy thuận không, cho đến tùy thuận như mộng, như huyễn là tu hành Bát nhã ba la mật. Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát tu hành pháp gì? Hoặc sắc, hoặc tho, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát không tu hành sắc, không tu hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến không tu hành trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì chỗ tu hành của Bồ tát là pháp không có tạo tác, là pháp không biến hoại, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, không chỗ trú. Pháp ấy không thể đếm, không có lường. Nếu không đếm, không lường pháp ấy không thể thủ đắc; không thể dùng sắc thủ đắc; cho đến dùng trí Nhất thiết chủng thủ đắc, vì sao? Vì sắc tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc cho đến trí Nhất thiết chủng tức là Nhất thiết trí; Nhất thiết trí tức là Nhất thiết chủng. Sắc "như tướng" cho đến trí Nhất thiết chủng "như tướng" đều là nhất như, không hai, không khác.

LUẬN: "Thí nghiệm": Bồ tát bất thối chuyển là đối với lời nói của người khác, không sanh niệm cho là có thật, không thật, vì sao? Vì người khác có hai hạng: Hạng tại gia đắm trước cái vui năm dục, hư dối, bất tịnh; hàng ngoại đạo xuất gia đắm trước tà kiến bất thật. Những điều hai hạng ấy nói đều không có thật sự nên không tin. Vì người tự chứng đắc thực tướng các pháp, nên dù có Phật thân hiện đến nói lời phá hoại thật tướng các pháp cũng chẳng tin. Vì chứng được pháp vô vi nên tâm an trụ, không còn di chuyển. Bồ tát ấy tuy chưa được Phật đạo mà vì các phiền não tham dục v.v... đã bị chẻ mỏng nên không bị lôi kéo. Vì tâm thường không lìa sáu Ba la mật, biết khí vị quả báo của thiện pháp nên tâm thường ưa vui không lìa sáu Ba la mật.

Có các nhân duyên như vậy, nên nghe Bát nhã thâm sâu, không sợ, không hãi, hoan hỷ muốn nghe, đọc tụng, hỏi nghĩa, tu tập. Như sấm sét thời chim nhỏ, sợ hãi, rầu chết, còn chim lớn Khổng tước vui mừng, nhảy nhót; Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Người tà kiến nghe thấy sợ hãi, vị Bồ tát bất thối chuyển nghe thời vui mừng, tâm không nhàm chán, không biết đủ; nên nói là vui mừng muốn nghe.

Trong đây Phật nói nhân duyên: Bồ tát ấy ở đời quá khứ đã nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu, đã chứa nhiều phước đức, trí tuệ nên có oai đức lớn. Có oai đức lớn nên không sợ hãi.

Tu bồ đề hỏi: Bồ tát ấy nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu tuy không sợ hãi, nhưng Bát nhã không có định tướng nên tu hành thế nào?

Phật dạy: Tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng.

Hỏi: Bồ tát ấy chưa được trí Nhất thiết chủng, làm sao tùy thuận?

Đáp: Thế nên nói tâm tùy thuận rốt ráo không tức là tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng. Trí Nhất thiết chủng là tướng tịch diệt. Ở trong phẩm sau Phật dạy hết thảy tướng tịch diệt là trí Nhất thiết chủng, thế nên nói tùy thuận rốt ráo không, tức là tùy thuận trí Nhất thiết chủng. Tùy thuận vô tướng, vô tác, hư không, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, như mộng cũng như vậy.

Tu bồ đề hỏi: Tâm tùy thuận rốt ráp không, quán pháp gì?

Phật đáp" Không quán sắc cho đến trí Nhất thiết chủng vì sao? Vì trí tuệ muốn cầu sự thật, sắc v.v... là pháp hữu vi tạo tác đều hư dối, trí Nhất thiết chủng là thật pháp. Thật pháp nên vượt quá pháp hữu vi, vì vượt quá pháp hữu vi nên nói pháp ấy là pháp vô tác, vô tác giả, không biến hoại. Không biến hoại là pháp ấy không từ sáu Ba la mật đến, nên nói không từ đâu đến. Không đi vào trong Phật pháp nên nói rằng không đi đến đâu. Pháp hữu vi vì hư dối nên không trụ; trong pháp vô vi vì không có ức tưởng phân biệt nên cũng không trụ. Vì năm uẩn hoà hợp nên có số lượng sáu đường, vì hư hoại năm uẩn tương tục nên vô lượng vô số. Vì vô lượng vô số nên đường ngôn ngữ dứt, vì đường ngôn ngũ dứt nên không thể do tu hành sắc pháp v.v... mà ngộ được. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Các pháp sắc v.v... tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là các pháp sắc v.v... vì sao? Vì các pháp sắc như v.v... tức là Nhất thiết trí như; Nhất thiết trí như tức là các pháp sắc như v.v... vì vậy, nên nói như ấy là không hai, không khác.

(Hết cuốn 71 theo bản Hán)

--o0o –

Cuốn 72

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐẠI NHƯ THỨ 54.

(Kinh Đại Bát nhã phần hai ghi: Phẩm Chơn như thứ 52)

KINH:Bấy giờ các Thiên tử cõi Dục, các Thiên tử cõi Sắc dùng hương bột chiên đàn cõi Trời, hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen hồng, hoa sen trắng của cõi Trời, từ xa rải lên trên Phật, rồi đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất sâu xa, khó thấy khó hiểu, không thể suy nghĩ biết được, chỉ có bâïc Trí vi diệu tịch tịnh mới biết được điều của tất cả thế gian không thể tin, vì cớ sao? Vì trong Bát nhã ba la mật thâm sâu, nói như vầy: Sắc tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là Nhất thiết chủng trí. Sắc như tướng và Nhất thiết trí như tướng là nhất như không hai không khác; cho đến Nhất thiết chủng trí như tướng, Nhất thiết trí như tướng, là nhất như không hai không khác.

Phật dạy các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc: Như vậy, như vậy! Các Thiên tử, sắc tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc; cho đến Nhất thiết chủng trí tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là Nhất thiết chủng trí; sắc như tướng cho đến Nhất thiết chủng trí như tướng là nhất như không hai không khác. Này các thiên tử, vì nghĩa ấy nên khi Phật mới thành đạo, tâm ưa yên lặng không muốn thuyết pháp, vì cớ sao? Vì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất sâu xa, khó thấy, khó hiểu, không thể suy nghĩ biết được, chỉ bậc có trí vi diệu tịch diệt mới biết được điều của hết thảy thế gian không thể tin, vì cớ sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có người chứng đắc, không có chỗ chứng đắc. Ấy gọi là tướng thậm thâm của các pháp là không có hai pháp. Này các Thiên tử, ví như hư không rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm, vì "như " rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm; vì tánh pháp rất sâu thẳm, thật tế rất sâu thẳm, không thể nghĩ bàn; vô biên rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm; vì không đến không đi rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm; vì chẳng sanh chẳng diệt, không nhơ không sạch, không trí không đắc rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm.

Này các thiên tử, vì "ta" rất sâu thẳm, cho đến kẻ biết kẻ thấy rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm. Này các thiên tử, vì sắc rất sâu thẳm; thọ, tưởng, hành, thức rất sâu thẳm, nên pháp ấy rất sâu thẳm. Vì Thí ba la mật rất sâu thẳm, cho đến Bát nhã ba la mật rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm. Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không rất sâu thẳm, nên pháp ấy rất sâu thẳm. Vì bốn niệm xứ rất sâu thẳm, cho đến Nhất thiết chủng trí rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm.

Bấy giờ các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, pháp được nói đó là pháp không thể tin nổi của tất cả thế gian.

Bạch đức Thế Tôn, Pháp rất sâu thẳm ấy, không vì lảnh thọ sắc nên nói, không vì xả bỏ sắc nên nói; không vì lảnh thọ thọi, tưởng, hành, thức nên nói, không vì xả bỏ thọ, tưởng, hành, thức nên nói; không vì lảnh thọ quả Tu đà hoàn nên nói, không vì xả bỏ quả Tu đà hoàn nên nói; cho đến không vì lảnh thọ Nhất thiết chủng trí nên nói, không vì xả bỏ Nhất thiết chủng trí nên nói. Các thế gian đều lảnh thọ chấp trước tu hành: "Bảo sắc là ta, là của ta; thọ, tưởng, hành, thức là ta, là của ta; cho đến bảo mười tám pháp không chung là ta, là của ta; quả Tu đà hoàn là ta. là của ta; cho đến Nhất thiết chủng trí là ta, là của ta".

Phật bảo các Thiên tử: "Như vậy, như vậy! Này các Thiên tử, Pháp ấy chẳng phải vì lảnh thọ sắc nên nói, chẳng phải vì xả bỏ sắc nên nói; cho đến chẳng phải vì lảnh thọ Nhất thiết chủng trí nên nói, chẳng phải vì xả bỏ Nhất thiết chủng trí nên nói. Này các Thiên tử, nếu có Bồ tát vì lảnh thọ sắc nên tu hành, cho đến vì lảnh thọ Nhất thiết chủng trí nên tu hành, thì Bồ tát ấy không thể tu Bát nhã ba la mật, không thể tu Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật cho đến không thể tu Nhất thiết chủng trí".

Tu bồ đề bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, Pháp ấy thuận theo tất cả pháp. Pháp ấy thuận theo tất cả pháp như thế nào?

Pháp ấy thuận theo Bát nhã ba la mật cho đến thuận theo Bố thí ba la mật; pháp ấy thuận theo nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không; pháp ấy thuận theo bốn niệm xứ, cho đến thuận theo Nhất thiết chủng trí. Pháp ấy vô ngại, không chướng ngại sắc, không chướng ngại thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không chướng ngại Nhất thiết chủng trí. Này các Thiên tử, Pháp ấy gọi là tướng vô ngại vì như hư không v.v... vì như như, pháp tánh, pháp trụ, thật tế, bất khả tư nghì tánh; vì là không, vô tướng, vô tác v.v... Pháp ấy là tướng

bất sanh, vì sắc chẳng sanh, chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh, chẳng thể nắm bắt được, cho đến vì Nhất thiết chủng trí chẳng sanh, chẳng thể nắm bắt được. Pháp ấy không có nơi chốn, vì sắc nơi chốn không thể có được; tho, tưởng, hành, thức nơi chốn không thể có được, cho đến vì Nhất thiết chủng trí nơi chốn không thể có được".

Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Tu bồ đề là đệ tử Phật tùy thuận Phật sanh, vì cớ sao? Vì những điều tu bồ đề nói đều hợp với không".

Bấy giờ, Tu bồ đề nói với các Thiên tử: Các ông nói rằng: Tu bồ đề là đệ tử Phật, tùy thuận Phật sanh, thế nào là tùy thuận Phật sanh? Này các Thiên tử, vì tướng "như " nên Tu bồ đề tùy thuận Phật sanh, vì sao? Vì Như Lai "như tướng" không đến không đi, Tu bồ đề như tướng cũng không đến không đi, thế nên Tu bồ đề tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, Tu bồ đề từ xưa lại đây tùy thuận Phật sanh, vì sao? Vì Như Lai " như tướng" tức là hết thảy pháp "như tướng", hết thảy pháp "như tướng" tức là Như Lai "như tướng"; trong tướng "như "ấy cũng không có tướng "như", thế nên Tu bồ đề là tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, Như Lai như, tướng thường trú Tu bồ đề như cũng tướng thường trú; Như Lai "như tướng" không hai không khác. Tu bồ đề như tướng cũng không hai không khác. Thế nên Tu bồ đề là tùy thuận Phật sanh. Như lai như tướng không có chỗ chướng ngại, hết thảy pháp "như tướng" cũng không có chỗ chướng ngại; Như lai "như tướng" hết thảy pháp "như tướng" là nhất như không hai không khác. "Như tướng" ấy không có khởi tác, trọn chẳng có gì chẳng "như ". Thế nên "như tướng" ấy không hai không khác. Thế nên Tu bồ đề là tùy thuận Phật sanh. Như lai "như tướng" ở tất cả chỗ không niệm lự, không khác biệt, Tu bồ đề "như tướng" cũng như vậy, ở tất cả chỗ không niệm lự, không khác biệt; Như Lai như tướng không hai không khác, không thể nắm bắt. Tu bồ đề như tướng cũng như vậy. Vì thế nên Tu bồ đề là tùy thuận Phật sanh. Như lai "như tướng" không xa lìa các pháp "như tướng", tướng "như "ấy trọn chẳng có gì như, thế nên Tu bồ đề cũng không có khác là tùy thuận Phật sanh cũng không có chỗ tùy thuận.

* Lại nữa, Như Lai "như tướng" chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Các pháp "như tướng" cũng chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Thế nên Tu bồ đề là tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, Như Lai như, chẳng ở trong quá khứ"như ", quá khứ "như "cũng chẳng ở trong Như Lai như; Như lai như chẳng ở trong vị lai "như ", vị lai "như " cũng chẳng ở trong Như Lai khứ; Như Lai như chẳng ở trong hiện tại "như ", hiện tại "như " cũng chẳng ở trong Như lai như. Quá khứ, vị lai, hiện tại như, Như Lai như, là nhất như, không hai không khác. Sắc "như ", Như lai "như "; thọ, tưởng, hành, thức "như ", Như Lai như. Sắc như, thọ, tưởng, hành, thức như và Như Lai như ấy là nhất như không hai, không khác. Ngã như, cho đến kẻ biết, kẻ thấy như và Như Lai như là nhất như không hai không khác.Thí ba la mật "như " cho đến bát nhã ba la mật "như "; nội không "như " cho đến vô pháp hữu pháp không "như "; bốn niệm xứ như, cho đến nhất thiết chủng trí như và Như Lai như là nhất như không hai, không khác. Tu bồ đề, vì Bồ tát ma ha tát được "như " ấy nên gọi là Như Lai.

Trong khi nói phẩm Như tướng này, đại địa ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách: nỗi bên đông lặng bên tây; nỗi bên tây lặng bên đông; nỗi bên nam lặng bên bắc; nỗi bên bắc lặng bên nam; nỗi chính giữa lặng bốn bên; nỗi bốn bên lặng chíng giữa.

LUẬN: Hỏi: Bát nhã ba la mật không có gì không thậm thâm cớ sao hoặc có khi lại tán thán thậm thâm?

Đáp: Trong Bát nhã ba la mật hoặc có khi phân biệt các pháp không, ấy là cạn; hoặc có khi nói thế gian pháp tức đồng Niết bàn ấy là sâu. Các pháp sắc v.v.... tức là Phật pháp, người nghe, nghe nói tâm tin lời Phật, còn trí tuệ mình không hiểu kịp nên nói là thậm thâm. Ví như nước sông có chỗ xoáy sâu, có chỗ cạn.

Hỏi: Cái pháp của chư thiên tán thán thậm thâm đó, hết thảy thế gian không thể tin được, cần gì nói ra?

Đáp: Chư "hết thảy" có hai thứ: 1. Danh tự hết thảy; 2. Thật "hết thảy". Như trong đây nói, là danh tự hết thảy, vì nhiều người không tin nên nói hết thảy. Còn nói bậc có Trí Vi Diệu Tịch Diệt mới có thể biết, vì bậc trí chắc chắn có tin, sau mới biết.

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật ấy chỉ Phật biết được còn chúng sanh nghe nói mà tin, điều ấy trong đây không gọi là tin, có trí tuệ biết rồi mới gọi là tin.

Hỏi: Nếu như vậy cớ sao nói bậc Trí vi diệu có thể biết được?

Đáp: Hết thảy thế gian không thể biết cùng khắp, Trí của chư Phật, chỉ người có Trí Tịch Diệt mới biết phần ít. Như Tu đà hoàn đối với đạo vô thượng được phần ít, đó là dứt ba kiết. Các đạo quả như vậy triển chuyển thêm nhiều. Nếu thế gian hoàn toàn không có người tin thời làm sao có các đạo? Vì lẽ ấy nên nói bậc Trí Tịch Diệt có thể biết được. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là Bát nhã chỉ khác nhau về danh tự gọi; ở trong tâm Bồ tát gọi là Bát nhã, ở trong tâm Phật gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong đây nói sắc pháp v.v... tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc pháp v.v... Trong đây nói sắc pháp như, Nhất thiết trí như không hai không khác. Phật chấp nhận ý của các Thiên tử, lại nói nhân duyên, như tướng chân thật của các Thiên tử, lại nói nhân duyên, như tướng chân thật của các pháp danh, sắc v.v... Thí như trừ bỏ cung điện và các nhà xấu xí, như đốt cháy hết chiên đàn và gỗ tạp, thời trống ở các nơi đó không có khác nhau; Các pháp, sắc, và Nhất thiết trí, tìm thật tướng của nó thấy đều là như. Vì nghĩa ấy nên lúc Phật mới thành đạo, tâm ưa vắng lặng, không ưa thuyết pháp, vì biết pháp thậm thâm, kẻ phàm phu khó ngộ.

* Lại nữa, pháp ấy không có hai nên thậm thâm, như hư không nên thậm thâm, vì như, pháp tánh thậm thâm nên thậm thâm.

Bấy giờ. các Thiên tử biết pháp ấy không có tướng có thể chấp thủ, bạch Phật rằng: "Pháp được nói ấy, hết thảy thế gian không thể tin, pháp ấy không vì lảnh thọ sắc v.v... nên nói". Phật chấp nhận lời đó, nếu có Bồ tát vì lảnh thọ sắc v.v... nên hành Bồ tát đạo, thời không thể tu các công đức Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, tướng Bát nhã ba la mật ấy thuận theo hết thảy pháp không có gì chướng ngại, vì cớ sao? Vì đối với Bát nhã ba la mật cũng không chấp trước. Nói lý do không chướng ngại vì là như hư không. Ví như trong vách, trước có tướng trống không, trẻ nhỏ dùng que xoi, vì sức ít nên không vào được, người có sức lớn có thể vào. Hành giả cũng như vậy, trong các pháp sắc v.v... tự có tướng như thật, vì sức trí tuệ ít không thể khiến nó không. Bạc Đại trí thời có thể biết. Thế nên nói các pháp không chướng ngại, như hư không bình đẳng. Sắc pháp v.v... chẳng sanh cũng chẳng có thể nắm bắt được, thế nên gọi là bất sanh. Chẳng phải chỉ có sắc pháp bất sanh, nếu pháp bất sanh mà có thể nắm bắt được thời chẳng phải rốt ráo không, chẳng phải là không chướng ngại. Không nơi chốn cũng như vậy.

Bấy giờ các Thiên tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Tu bồ đề tùy thuận Phật sanh, vì cớ sao? Vì điều Tu bồ đề biết, Tu bồ đề nói đều hợp không.

* Lại nữa, Kinh nói có ba loại con: 1. Là con không tùy thuận sanh ra; 2. Là con tùy thuận sanh ra; 3. Là con thắng sanh. Người đời đều ước muốn hai loại con là con tùy thuận sanh và thắng sanh. Trong Phật pháp chỉ muốn một loại con là con tùy thuận sanh, vì không có đứa con nào hơn Phật. Con Phật có 5 hạng: - đều từ miệng Phật sanh, từ pháp Phật sanh đó là: Tu đà hoàn cho đến A la hán và Bồ tát đã vào chánh vị.

Bích chi Phật tuy có nhân duyên từng gieo giống trong Phật pháp, lúc không có Phật tự mình có thể đắc đạo, nên không được nói từ miệng Phật sanh, vì nhân duyên gieo giống xa xôi như vậy.

Các người sắp hết lậu hoặc hạng tùy thuận. Tu bồ đề đối với các lậu hoặc sạch hết, thường ưa rốt ráo không, ấy là tùy thuận sanh, vì cớ sao? Vì pháp sở hành không thể phá hoại như hư không. Phật pháp tướng như vậy, ấy gọi là tùy thuận Phật sanh.

Hỏi: Vì sao không nói hàng Bồ tát vào pháp vị là tùy thuận Phật sanh?

Đáp: Có người nói vì lậu hoặc chưa sạch hết nên không nói. Vì Tu bồ đề lậu hoặc đã sạch hết nên nói. Có người nói người vào Vô dư Niết bàn là thanh tịnh đệ nhất, thân cuối cùng của bậc A la hán ở vào Hữu dư y Niết bàn, gần cửa Vô dư Niết bàn nên nói; Bồ tát tuy có trí tuệ sâu xa, sắc bén, nhưng còn qua lại trong sanh tử, cho nên không nói. Có người nói Bát nhã có hai: 1. Là chỉ nói cho hàng Bồ tát; 2. Là nói chung cho cả ba thừa. Trong sự nói chung cho Thanh văn, Tu bồ đề là tùy thuận Phật sanh; chỉ trong khi nói cho hàng Bồ tát thì không nói Tu bồ đề là tùy thuận Phật sanh, vì cớ sao? Hàng đại Bồ tát pháp tánh sanh thân, trong ấy không có thân kiết nghiệp sanh, chỉ có thân biến hoá sanh. Dứt ba độc, ra khỏi ba cõi, giáo hoá chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, nên ở trong thế gian trong đó hoàn toàn không có hạng Thanh văn. Tâm Phật đại từ bi, tâm Bồ tát cũng như vậy ấy gọi là Bồ tát tùy thuận sanh.Tu bồ đề, chỉ thủ lấy Niết bàn nên không nói là thuận sanh. Kinh này nói chung cho cả hai thừa. Tu bồ đề, biết Bát nhã ba la mật rất sâu thẳm, lực của Bồ tát pháp tánh sanh thân lớn, chư thiên tuy tán thán, không nên lảnh thọ, nói với chư thiên rằng: Các pháp tướng "như " đó là vô tướng, vì nhân duyên ấy tùy thuận Phật sanh, vì "như " ấy không sai khác. Như trong kinh

nói: "Như ", Như lai như tướng, không đến không đi. Tu bồ đề, Như tướng cũng không đến không đi.

* Lại nữa, Như Lai như rốt ráo không, hết thảy pháp như cũng rốt ráo không. Trong hết thảy pháp "như " thu nhiếp Tu bồ đề như, thế nên Tu bồ đề dùng Như Lai như, nên tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, như Như lai như không có ức tưởng phân biệt, thường trú như hư không Tu bồ đề như cũng như vậy, thế nên Tu bồ đề tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, như Như lai như được giải thoát vô ngại nên đối với hết thảy pháp không quái ngại, hết thảy pháp "như " cũng như vậy. Đối hết thảy pháp cũng không quái ngại; Như Lai như, hết thảy pháp như nhất như không sai khác. Tu bồ đề như cũng vào hết thảy pháp như, do vậy nên tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, các pháp như tướng là không làm, không có người làm, Như Lai như tướng cũng như vậy; Tu bồ đề như, vì thu nhiếp vào hết thảy pháp như nên tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, như Như Lai như tướng, ở hết thảy chỗ thường không có ức tưởng phân biệt. Tu bồ đề như thu nhiếp vào hết thảy pháp như, nên tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, Như Lai như tướng, không lìa hết thảy pháp như. Chính quán hết thảy pháp gọi là Phật. Hết thảy pháp là nhân duyên, Phật là quả báo, thế nên nói Như Lai như không lìa hết thảy pháp như. Như ấy rất thật nên thường như, không có lúc nào chẳng như. Tu bồ đề như cũng như vậy, vì không khác, nên thuận Phật sanh, cũng không có pháp có thể tùy thuận.

* Lại nữa, Như lai như tướng không có ức tưởng phân biệt, vượt quá ba đời, hết thảy pháp như cũng như vậy; Tu bồ đề như cũng vượt quá ba đời, thế nên tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, Như lai như chẳng ở trong quá khứ như , vì cớ sao? Vì Như Lai không, quá khứ cũng rốt ráo không, thế nên "không" không trú ở trong không, thí như hư không không trú trong hư không. Vị lai, hiện tại cũng như vậy. Ba đời như, Như Lai như không hai không phân biệt là ba đời như, không, vô tướng, vô sanh, vô diệt, Như Lai như cũng như vậy. Ba đời như không chướng ngại, như đời quá khứ, không cùng không biên giới, đời vị lai cũng không cùng không biên giới, đời hiện tại cũng không cùng không biên

giới. Như Lai như cũng như vậy. Ba đời, mười phương ấy không chướng ngại, không biên giới. Tu bồ đề như cũng như vậy. Lại nữa năm uẩn như cho đến Nhất thiết chủng trí như, Như lai như không hai không khác, vì cớ sao? Vì các pháp sắc v.v... hoà hợp nên có Như Lai. Như lai như vậy không được nói chỉ là sắc pháp, cũng không được nói lìa sắc pháp, cũng không được nói là sắc pháp ở trong Như Lai, cũng không được nói Như Lai ở trong sắc pháp, cũng không được nói sắc pháp ... thuộc Như Lai, cũng không được nói không có Như Lai; trong năm uẩn sắc v.v... giả gọi là Như lai. Như Lai "như " tức là hết thảy pháp như, thế nên nói sắc pháp như ... và Như Lai như không hai không khác. Người phàm phu thấy có hai có khác, thánh nhân quán chiếu không hai không khác, thánh nhân có thể tin điều của người phàm phu không thấy không thể tin. Phật nói với Tu bồ đề ấy gọi là "như ", Phật nhơn "như " ấy nên gọi là Như Lai. Như Lai là như thật mà đi đến trong Phật pháp. Trong khi thuyết về"như " ấy quả đất chấn động sáu cách, như trên đã nói.

KINH: Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc dùng bột hương chiên đàn của cõi trời rải lên trên Phật và Tu bồ đề, bạch Phật rằng: "Chưa từng có, Thế Tôn! Tu bồ đề do Như Lai như, tùy thuận Phật sanh". Tu bồ đề lại vì các Thiên tử nói rằng: "Này các Thiên tử, Tu bồ đề không từ nơi sắc tùy thuận Phật sanh, cũng không từ nơi sắc như tùy thuận Phật sanh, không lìa sắc tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa sắc như tùy thuận Phật sanh. Tu bồ đề không từ nơi thọ, tưởng, hành, thức tùy thuận Phật sanh cũng không từ nơi thọ, tưởng, hành, thức "như " tùy thuận Phật sanh; không lìa thọ, tưởng, hành, thức tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa nơi thọ, tưởng, hành, thức như tùy thuận Phật sanh. Cho đến không từ nơi Nhất thiết chủng trí tùy thuận Phật sanh, cũng không tư nơi Nhất thiết chủng trí "như " tùy thuận Phật sanh; không lìa Nhất thiết chủng trí tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa Nhất thiết chủng "như "tùy thuận Phật sanh. Tu bồ đề không từ nơi vô vi tùy thuận Phật sanh, cũng không từ nơi vô vi "như "tùy thuận Phật sanh, không lìa vô vi tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa vô vi như tùy thuận Phật sanh. Vì cớ sao? Vì hết thảy pháp đều không có gì của chính nó, không thể nắm bắt, không có kẻ tùy sanh, cũng không có pháp tùy sanh".

Bấøy giờ, Xá lợi phất bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, "Như " ấy thật chảng hư dối, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị rất sâu thẳm; trong ấy sắc không thể nắm bắt, sắc như không thể thủ đắc, vì cớ sao? Vì sắc còn không thể thủ đắc, huống gì sắc như lại có thể thủ đắc; thọ, tưởng, hành, thức không thể thủ đắc, thọ, tưởng, hành, thức như chẳng thể thủ đắc, vì cớ sao? Vì thọ tưởng, hành, thức còn chẳng thể thủ đắc, huống gì thọ, tưởng, hành, thức

như lại có thể thủ đắc cho đến Nhất thiết chủng trí có thể thủ đắc, Nhất thiết chủng trí như chẳng thể thủ đắc, vì cớ sao? Vì Nhất thiết chủng trí còn chẳng thể thủ đắc, huống gì Nhất thiết chủng trí như lại có thể thủ đắc".

Phật bảo Xá lợi phất: "Như vậy, như vậy! Xá lợi phất, "Như " ấy thật không hư dối. Pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, rất sâu thẳm, trong ấy sắc chẳng có thể thủ đắc, sắc như chẳng thể thủ đắc, vì cớ sao? Sắc còn chẳng thể thủ đắc, huống gì sắc như lại có thể thủ đắc, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng thể thủ đắc, Nhất thiết chủng trí như chẳng thể thủ đắc, vì cớ sao? Vì nhất thiết chủng trí còn chẳng thể thủ đắc, huống gì Nhất thiết chủng trí như lại có thể thủ đắc.

Trong khi Xá lợi phất nói tướng như ấy, 200 Tỳ kheo không lảnh thọ hết thảy pháp, nên lậu hoặc sạch hết, chứng quả A la hán; 500 Tỳ kheo ni xa lìa trần cấu, được mắt pháp đối với các pháp, được sanh vào hàng thiên nhơn; 5 ngàn Bồ tát ma ha tát được vô sanh pháp nhẫn; 6 ngàn Bồ tát đối với các pháp không lảnh thọ nên lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát thành A la hán. Này Xá lợi phất, sáu ngàn Bồ tát ấy, đời trước từng gặp năm trăm đức Phật thân cận cúng dường, đối với giáo pháp của năm trăm đức Phật, thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định vì không có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên tu hành theo tướng khác biệt, nghĩ rằng: Đây là bố thí, là trì giới, là nhẫn nhục, là tinh tấn, là thiền định, không có Bát nhã ba la mật. Vì không có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định hành theo tướng khác biệt. Vì hành theo tướng khác biệt, không được tướng không khác biệt nên không được vào Bồ tát vị, không được vào Bồ tát vị nên chỉ được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán.

Này Xá lợi phất, Bồ tát ma ha tát tuy có đạo hoặc tu pháp không, hoặc tu pháp vô tướng, hoặc tu pháp vô tác, vì xa lìa Bát nhã ba la mật, và không có sức phương tiện nên liền đối với thực tế tác chứng, chỉ thủ lấy Thanh văn thừa.

Xá lợi phất bạch Phật ràng: "Bạch đức thế Tôn, nhân duyên gì nên đồng tu pháp không, vô tướng, vô tác, mà xa lìa sức phương tiện nên đối với thực tế tác chứng, chỉ thủ lấy Thanh văn thừa? Bồ tát ma ha tát cũng tu pháp không, vô tướng, vô tác, vì có sức phương tiện nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Phật bảo Xá lợi phất: " Có Bồ tát xa lìa tâm Nhất thiết trí, tu pháp không, vô tướng, vô tác, vì không có sức phương tiện, nên chỉ thủ chứng Thanh văn thừa. Này Xá lợi phất, lại có Bồ tát ma ha tát không xa lìa tâm Nhất thiết chủng trí tu pháp không, vô tướng, vô tác, vì có sức phương tiện nên vào Bồ tát vị, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Xá lợi phất, ví như có loài chim thân dài trăm do tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, do tuần mà không có cánh, từ cõi trời Ba mươi ba, tự sa xuống Diêm phù đề. Này Xá lợi phất, ý ông nghĩ sao, loài chim ấy đang ở giữa đường nghĩ rằng: Muốn trở lại trên cõi trời Ba mươi ba, có thể trở lại được không? Thưa không, Bạch đức Thế Tôn. này Xá lợi phất, loài chim ấy lại mong rằng khi đến Diêm phù đề muốn thân không bị đau, không bức não. này Xá lợi phất, ý ông nghĩ sao? Loài chim ấy có được thân không bị đau, không bị bức não chăng? Xá lợi phất thưa: Thưa không, bạch đức Thế Tôn, loài chim ấy khi đến đất, hoặc đau, hoạc bị bức não, hoặc chết, hoặc khổ gần chết, vì cớ sao? Bạch đức Thế Tôn, vì loài chim ấy lớn mà không có cánh.

Này Xá lợi phất, Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, tuy trải nhiều kiếp như số cát sông Hằng, tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, phát khởi đại sự, sanh đại tâm, vì muốn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lảnh thọ vô lượng thệ nguyện, Bồ tát ấy, vì xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện nên hoặc rơi vào hàng A la hán, hoặc rơi vào Bích chi Phật đạo, vì cớ sao? Vì Bồ tát ấy xa lìa tâm Nhất thiết trí, tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vì không có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên rơi vào Thanh văn địa hoặc Bích chi Phật đạo.

Này Xá lợi phất, Bồ tát ma ha tát tuy tưởng niệm đến việc trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, mà chấp thủ tướng thọ trì, nên người ấy không biết, không hiểu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật, chỉ nghe âm thanh, danh tự, nói về không, vô tướng, vô tác, mà chấp thủ âm thanh, danh tự mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ tát ma ha tát hồi hướng như vậy, thời chỉ trụ trong Thanh văn, Bích chi Phật địa không thể quá hơn, vì cớ sao? Vì xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, đem các thiện căn hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá lợi phất, có Bồ tát ma ha tát từ khi mới phát tâm lại đây, không xa lìa tâm Nhất thiết trí, thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vì không xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên không chấp thủ tướng đối với giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ,vị lai, hiện tại, không chấp thủ tướng không giải thoát môn. Không

chấp thủ tướng vô tướng, vô tác giải thoát môn. này Xá lợi phất, nên biết Bồ tát ma ha tát ấy không rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật đạo, mà đi thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì cớ sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy từ khi mới phát tâm lại đây, thực hành bố thí mà không thủ tướng, thực hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, mà không chấp thủ tướng, đối với giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, không chấp thủ tướng. này Xá lợi phất, ấy gọi là Bồ tát có sức phương tiện vì tâm lìa tướng mà hành bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, cho đến vì tâm lìa tướng mà hành Nhất thiết chủng trí.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, như con hiểu nghĩa của Phật nói, nếu Bồ tát ma ha tát không xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên biết Bồ tát ấy đã gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì cớ sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy từ khi mới phát tâm lại đây, không có pháp hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí có thể biết. Bạch đức Thế Tôn, có thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Bồ tát đạo mà xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên hiểu người ấy đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hoặc được hoạc chẳng được, vì cớ sao? Bạch đức thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Bồ tát đạo ấy có làm việc bố thí đều chấp thủ tướng, có trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đều chấp thủ tướng. Vì thế nên thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là bất định.

Bạch đức Thế tôn, do nhân duyên ấy, nên Bồ tát ma ha tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không nên xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện. Bồ tát ma ha tát an trú trong Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên dùng tâm vô đắc, vô tướng, tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, cho đến dùng tâm vô đắc, vô tướng tu Nhất thiết chủng trí.

LUẬN: Các thiên tử vui mừng lấy bột chiên đàn rải lên trên Phật và Tu bồ đề, tán thán rằng: Hy hữu, Thế Tôn! Tu bồ đề do Như Lai "như " tùy thuận Phật sanh. Ý các thiên tử cho rằng: Tu bồ đề có sức trí tuệ nên khiến cho hết thảy pháp đều như Phật pháp, thế nên nói tùy thuận Phật sanh. Tu bồ đề biết tâm các Thiên tử, ít qúy chuộng các pháp "như " ấy nên Tu bồ đề muốn dứt tâm các Thiên tử nên nói: Tướng "như " ấy rốt ráo không, dùng bốn cấp phá tâm chấp trước "như " là:

Tu bồ đề chaàu7843?ng ở trong sắc;chẳng ỏ trong sắc như; không do sắc, không do sắc như; không lìa sắc, không lìa sắc như, tùy thuận chúng sanh.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Pháp ấy đều không, không thể thủ đắc.

Xá lợi phất thưa: Bạch đức Thế Tôn, "Như " ấy rất sâu thẳm, trong "như " ấy chỉ sắc pháp còn không thể thủ đắc, huống gì sắc pháp "như " lại có thể thủ đắc.

Hỏi: thế nào là sắc pháp? thế nào là sắc pháp như?

Đáp: Sắc pháp là các pháp của mắt thấy v.v...; "như " là thật tướng không hư dối của sắc pháp. Người đối với sắc pháp như, vì mê lầm nên hoặc khởi lên nghiệp bất thiện, bị sa vào đường ác, hoặc khởi lên nghiệp thiện được sanh vào cõi người, cõi trời cuối cùng trở về tiêu diệt, trở lại sanh ra các khổ; hoặc khởi lên nghiệp vô lậu, đáng lẽ cầu lợi ích lớn nhưng lại thủ lấy Tiểu thừa, không được tướng rốt ráo thanh tịnh "như ". Sắc pháp v.v... đều là pháp tạo tác, hữu vi hư vọng, từ điên đảo sanh, là nơi ức tưởng phân biệt hiện hành của kẻ phàm phu, thế nên sắc pháp v.v... hư vọng chẳng tức là "như '. Biết sắc pháp như thật v.v... nên tức là "như ", nhơn nơi sắc pháp v.v... nên được gọi là "như ", thế nên nói không lìa sắc pháp được "như ". Sắc pháp nhập vào "như " đều nhất tướng, không hai không khác. thế nên Tu bồ đề khiêm tốn nói ràng: Chẳng phải chỉ riêng tôi tùy thuận Phật sanh, hết thảy pháp cũng tướng như vậy. Xá lợi phất tán thán lời nói của Tu bồ đề. Sắc pháp cũng rốt ráo không, huống gì "như " ? Nhơn còn không, huống gì quả. Nghe tướng "như " thậm thâm như vậy, chúng sanh đều được lợi ích của đạo.

Hỏi: Bát nhã ba la mật ấy, vì hàng Bồ tát mà nói, cớ sao sáu ngàn người thành A la hán đạo?

Đáp: Phật biết chắc chắn có người vấn nạn, nên vì Xá lợi phất nói nhân duyên: Người ấy không có Bát nhã ba la mật, không có sức phương tiện, quá khứ làm công đức, vì không có sức phương tiện nên tà hạnh bất chánh. người ấy vì xa lìa Bát nhã ba la mật, đắm sâu thiện pháp, nay theo Phật, nghe nói Bát nhã ba la mật rất nhàm chán thế gian, vì tâm từ bi mỏng, nên chỉ cầu tự lợi, không lảnh thọ hết thảy pháp, tức chỉ đắc A la hán, chứ đối với Bát nhã ba la mật không có lỗi. Như người cầm đồ đi đến biển múc nước, tùy theo đồ lớn nhỏ, mỗi người tự lấy vừa đủ.

Hỏi: Như kinh nói sáu ngàn Bồ tát, vì không có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên thực hành năm Ba la mật, không được pháp vô phân biệt nên chỉ thành A la hán. nếu hết thảy thánh nhân đều được pháp vô vi, pháp

vô vi tức là vô phân biệt, cớ gì trong đây nói không được pháp vô phân biệt, chỉ thành A la hán?

Đáp: Chẳng phải nói lúc nghe pháp ở đời nay cho đến quá khứ năm trăm đời, không được Bát nhã và phương tiện mà tu tập công đức năm Ba la mật, vì thế nên nói không được vô phân biệt. Mất năm căn tín, tấn v.v... của Bồ tát, vì mất năm căn tín, tấn v.v... của Bồ tát nên tuy nghe Bát nhã mà không được như Bồ tát nghe, tác chứng đối với thực tế.

hỏi: Đồng tu không, vô tướng, vô tác cớ gì một người thành Phật, một người thành A la hán?

Đáp: Tuy có các nhân duyên mà nhân duyên lớn thành A la hán là vì xa lìa tâm Nhất thiết trí mà tu hành không, vô tướng, vô tác.

Loài chim lớn là loài chim cánh vàng ở cõi trời, cũng giống như chim sẽ ở cõi người. Chim ấy lý do không đến là vì nó ăn rồng, cánh phát ra gió độc, quạt làm cho mắt rồng mù đi. Chim ấy khi mới ra khỏi trứng, lông cánh chưa đủ, muốn bay đi liền bị rớt, giữa đường tâm hối hận: Ta chưa nên bay, muốn trở lại trên trời, leo trèo cây Xá ma lê. Chim ấy thân lớn, lông cánh chưa đủ, không thể cất nổi thân. Thân chim là ví dụ thân Bồ tát. Lớn là đời đời chứa nhóm rộng rãi công đức năm ba la mật. Không có hai cánh là không có Bát nhã ba la mật, không có sức phương tiện. núi Tu di là ví cho ba cõi. Hư không là ví vô lượng Phật pháp. Chưa nên bay mà bay là công đức Bồ tát ấy chưa thành tựu viên mãn, muốn thực hành ba môn giải thoát của Bồ tát, muốn đi dạo giữa hư không Phật pháp nhưng tự bị thối mất, tâm ấy tuy ước muốn thành Phật mà không thể được.

Hoặc chết là ví A la hán đạo; hoặc gần như chết là ví như Bích chi Phật đạo; hoặc đau, hoặc bị bức não là ví công đức bổn nguyện của Bồ tát. Phật tự kết bằng câu: cho đến nên trụ trong tâm vô đắc vô tướng, làm việc bố thí.

KINH: Bấy giờ các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật khó được, vì cớ sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy nên biết hết thảy các pháp rồi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà pháp ấy cũng không thể thủ đắc".

Phật dạy: "Như vậy, như vậy! này các Thiên tử, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật khó được, Ta cũng ngộ được nhất thiết pháp, Nhất thiết chủng trí rồi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có

gì được, không có cái biết, không có cái có thể biết, cũng không người biết, vì cớ sao? Vì các pháp rốt ráo thanh tịnh.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, như lời Phật dạy, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thật khó được; như tôi hiểu nghĩa của Phật nói, tâm tôi suy nghĩ, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy dễ được, vì cớ sao? Vì không có người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp khả đắc. Hết thảy pháp, hết thảy pháp tướng không, không có pháp khả đắc, không có người năng đắc, vì cớ sao? Vì hết thảy pháp không, cũng không có pháp khả tăng, cũng không có pháp khả giảm, nghĩa là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, cho đến Nhất thiết chủng trí, pháp ấy đều không có cái khả đắc không có người đắc. Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên ấy nên ý tôi cho rằng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là dễ được, vì cớ sao? Bạch đức Thế Tôn, Sắc, sắc tướng không; thọ, tưởng, hành, thức, thức tướng không, cho đến Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng không.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Nếu hết thảy pháp "không" ví như hư không, hư không không thể khởi niệm rằng: Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ tát ma ha tát tin, hiểu hết thảy pháp không ví như hư không, thế là Vô thượng Chánh đẳng chánh giác dễ được, sao nay hằng hà sa Bồ tát ma ha tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bị thoái thất? Này Tu bồ đề, vì thế nên biết Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không dễ được.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: "Ý ông nghĩ sao, sắc đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Thọ, tưởng, hành, thức, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Cho đến Nhất thiết chủng trí đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Lìa sắc có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa : Không.

Lìa thọ, tưởng, hành, thức, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Cho đến lìa Nhất thiết chủng trí, có pháp dối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Này Xá lợi phất, ý ông nghĩ sao, sắc như tướng đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Thọ, tưởng, hành, thức như tướng cho đến Nhất thiết chủng trí như tướng, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Lìa sắc như tướng, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Lìa thọ, tưởng, hành, thức như tướng, cho đến lìa Nhất thiết chủng trí như tướng, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Này Xá lợi phất, ý ông nghĩ sao, "như " đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, tánh bất khả tư nghì, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Này Xá lợi phất , ý ông nghĩ sao, lìa "như ' có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Lìa pháp tánh, pháp tru, pháp vị, thật tế, tánh bất khả tư nghì, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: "Các pháp rốt ráo không thể thủ đắc, vậy những pháp gì đối với pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất?

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: "Như lời Tu bồ đề nói trong pháp nhẫn ấy không có Bồ tát đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất. Nếu không thoái thất, Phật nói người cầu đạo có ba hạng: A la hán đạo, Bích chi Phật đạo, Phật đạo; ba hạng ấy là không phân biệt, như Tu bồ đề nói chỉ có một hạng Bồ tát cầu Phật đạo.

Khi ấy, Phú lâu na di đa la ni tử nói với Xá lợi phất rằng: Hãy nên hỏi Tu bồ đề: Chỉ có một Bồ tát thừa chăng? Bấy giờ Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Tu bồ đề muốn nói có một Bồ tát thừa chăng? Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Đối với trong các pháp "như " muốn khiến có ba hạng người là Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa, Phật thừa ư? Xá lợi phất nói không.

Này Xá lợi phất, trong ba thừa phân biệt có "như ", có thể thủ đắc chăng? Xá lợi phất nói: Không.

Này Xá lợi phất, "Như " ấy hoặc có một tướng, hai tướng, hoặc ba tướng chăng? Xá lợi phất nói: Không.

Này Xá lợi phất, ngươi muốn ở trong "như " cho đến có một Bồ tát chăng? Xá lợi phất nói: Không.

Như vậy trong bốn cách trên, người ba thừa là không thể có được. Này Xá lợi phất, tại sao nghĩ rằng: Đây là người cầu Thanh văn thừa, đây là người cầu Bích chi Phật thừa, đây là người cầu Phật thừa. Này Xá lợi phất, Bồ tát ma ha tát nghe nói tướng "như " của các pháp tâm không kinh hãi, không thối mất, không hối hận, không nghi ngờ, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát, có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Phật tán thán Tu bồ đề rằng: Lành thay, lành thay! Tu bồ đề, điều của ông nói đều là nhờ Phật lực. Này Tu bồ đề, nếu Bồ tát ma ha tát nghe nói "như " ấy không có các pháp sai biệt, tâm không kinh, không sợ, không hãi, không khó khăn, không thối mất, không hối hận, nên biết Bồ tát ấy có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Thành tựu Bồ đề gì? Phật dạy: Thành tựu Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Bấy giờ các Thiên tử suy nghĩ bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khó được, vì cớ sao? Vì hết thảy pháp rốt ráo không, mà Bồ tát cầu Phật đạo, tu tập quán hạnh, thành Phật độ chúng sanh, pháp ấy cũng không thể có được. Phật chấp nhận lời ấy, tự mình làm chứng. Ta ngồi ở đạo tràng, dùng đủ mọi cách ngộ được hết thảy pháp, cũng không có tướng nhất định có thể được.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, theo ý con, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác dễ được, vì hết thảy pháp rốt ráo thường không, trong ấy không

có người được, không có pháp có thể có được, không chướng, không ngại, không có gì tu, không có gì đoạn.

Bấy giờ Xá lợi phất hỏi: Nếu Phật đạo dễ được, cớ sao hằng hà sa vô lượng Bồ tát cầu Phật đạo mà chỉ hoặc một, hoặc hai được thành Phật, còn người khác đều thoái thất. Tu bồ đề đáp Xá lợi phất: Sắc thối thất đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí thối thất chăng? Đáp: Không, vì cớ sao? Vì sắc pháp rốt ráo không, không có thối thất, sắc pháp "như " không có hai tướng, cũng không phân biệt nên không thối thất. Lìa sắc pháp lại có pháp thối thất chăng? Đáp: lìa sắc pháp lại không có pháp nên đáp không. Lìa sắc pháp "như " lại có pháp thối thất chăng? Đáp: "Như " phá sắc pháp rồi, "như " cũng tự không, thế nên đáp không. Pháp tánh, pháp trụ, pháp vị cho đến tánh bất khả tư nghì cũng như vậy.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: nếu pháp không có thối thất, cớ gì nói Bồ tát nhiều như cát sông hằng thối thất?

Xá lợi phất đáp: Như lời Tu bồ đề nói, trong pháp nhẫn thời không có thối thất. Pháp nhẫn là pháp môn, pháp tu, pháp hành. Vào trong pháp môn của Tu bồ đề nói, thời không thối thất, ra khỏi pháp môn ấy thời có thối thất. Xá lợi phất tuy chấp nhận lời Tu bồ đề nói cũng tự dẫn Phật pháp để vấn nạn: Nếu không ai thối thất thời sẽ đều thành Phật hết, cớ sao lại nói ba thừa? Tu bồ đề dùng bốn câu "như tướng" để phá ba thừa.

Phạt tán thán Tu bồ đề: Lành thay, lành thay, nếu Bồ tát nghe trong "như " không có ba thừa phân biệt mà không sợ hãi, Bồ tát ấy tức có thể thành Vô thượng đạo.

Hỏi: Nếu Phật nói Bồ tát thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cớ gì Xá lợi phất hỏi thành tựu Bồ đề gì?

Đáp: Mỗi mỗi đều có Vô thượng, Xá lợi phất nghi nên hỏi đạo gì vô thượng? Đáp: Đại thừa vô thượng. Lại nữa, Tu bồ đề dùng trí tuệ về rốt ráo không, phá tâm chấp trước ba thừa. Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Tu bồ đề nói: Bồ tát nghe điều ấy tâm không thối mất, không sợ hãi, thời có thể tthành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Xá lợi phất hỏi: Bồ đề của ba thừa không có tướng nhất định nay nói thành tựu Bồ đề, là thành tựu Bồ đề gì? Phật dạy: Thành tựu Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu vào cửa rốt ráo không, thời hết thảy pháp đều nhất tướng, nếu ra khỏi rốt ráo không thời có

ba thừa sai khác. Nay Phật phân biệt các pháp nên nói có thượng, trung, hạ thừa, chứ không vì rốt ráo "không" mà nói.

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành thế nào?

Phật dạy: Nên khởi tâm bình đẳng, cũng nói với hết thảy chúng sanh với tâm bình đẳng không có thiên lệch; khởi tâm đại từ bi đối với hết thảy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm đại từ; ý khiêm tốn đối với hết thảy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với ý khiêm tốn; nên sanh tâm an ổn đối với hết thảy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm an ổn; nên sanh tâm vô ngại đối với hết thảy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm vô ngại; nên tâm không bức não đối với hết thảy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm không bức não; nên sanh tâm ái kính đối với hết thảy chúng sanh như cha, như mẹ, như anh, như em, như chị, như em gái, như con, như thân tộc, tri thức, cũng nói với chúng sanh bằng tâm ái kính.

Bồ tát ma ha tát ấy, nên tự mình không sát sanh, cũng dạy người khác không sát sanh, tán thán việc không sát sanh, hoan hỷ, tán thán những người không sát sanh, cho đến tự mình hành hạnh không tà kiến, cũng dạy người khác không hành hạnh tà kiến, tán thán việc không tà kiến, hoan hỷ tán thán những người không tà kiến. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát muốn thành tựuVô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành như vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma hát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu Sơ thiền cũng dạy người khác tu Sơ thiền, tán thán việc tu Sơ thiền, hoan hỷ, tán thán người tu Sơ thiền; Nhị thiền, Tam thiền; Tứ thiền cũng như vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựuVô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu từ tâm, cũng dạy người khác tu từ tâm, tán thán việc tu từ tâm, hoan hỷ tán thán người tu từ tâm, từ bi, hỷ, xả tâm cũng như vậy.

Tự mình tu hành hư không xứ định, cũng dạy người khác tu hư không xứ định, tán thán việc tu hư không xứ định, hoan hỷ tán thán người tu hư không xứ định; thức xứ định, vô sở hữu xứ định, phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ định cũng như vậy. Tự mình đầy đủ Bố thí ba la mật cũng dạy người đầy đủ Bố thí, tán thán việc đầy đủ Bố thí, hoan hỷ tán thán người đầy đủ Bố thí ba la mật; giới, nhẫn, tấn, thiền, Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

* Lại nữa, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tự mình tu hành nội không, cũng dạy người khác tu nội không, tán thán việc tu nội không, hoan hỷ tán thán người tu nội không; cho đến tu vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Tự mình tu bốn niệm xứ, cũng dạy người khác tu bốn niệm xứ, tán thán việc tu bốn niệm xứ, hoan hỷ tán thán người tu bốn niệm xứ; cho đến tu bát thánh đạo phần cũng như vậy. Tự mình tu không tam muội, vô tướng, vô tác tam muội, cũng dạy người khác tu không vô tướng, vô tác tam muội, tán thán việc tu không, vô tướng, vô tác tam muội, hoan hỷ tán thán người tu không, vô tướng, vô tác tam muội. Tự mình tu tám bội xả, cũng dạy người khác tu tám bội xả, tán thán việc tu tám bội xả, hoan hỷ tán thán người tu tám bội xả. Tự mình tu chín thứ đệ định, cũng dạy người khác tu chín thứ đệ định, tán thán việc tu chín thứ đệ định, hoan hỷ tán thán người tu chín thứ đệ định. Tự mình đầy đủ mười lực của Phật, cũng dạy người khác đầy đủ mười lực của Phật, hoan hỷ việc đầy đủ mười lực của Phật, hoan hỷ tán thán người đầy đủ mười lực của Phật. Tự mình tu bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ, đại bi, cũng dạy người khác tu bốn điều không sợ cho đến đại từ, đại bi, hoan hỷ tán thán người tu bốn điều không sợ cho đến đại từ đại bi. Tự mình quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên, cũng dạy người khác quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên, tán thán việc quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên, hoan hỷ tán thán người quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên. Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành như vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh Chánh giác tự mình nên biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, cũng dạy người khác biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, tán thán việc biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo; hoan hỷ tán thán người biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo. Tự mình sanh quả Tu đà hoàn, chứng trí mà không chứng thật tế, cũng dạy người khác đi đến quả Tu đà hoàn, hoan hỷ tán thán người được quả Tu đà hoàn; quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán cũng như vậy. Tự mình sanh Bích chi Phật đạo, chứng biết mà không chứng Bích chi Phật đạo, cũng dạy người khác đi đến Bích chi Phật đạo, tán thán Bích chi Phật đạo, hoan hỷ tán thán người được Bích chi Phật đạo. Tự mình vào Bồ tát vị, cũng dạy người khác vào Bồ tát vị, tán thán việc vào Bồ tát vị, hoan hỷ tán thán người vào Bồ tát vị. Tự mình nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, cũng dạy người khác nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, hoan hỷ tán thán người nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh. Tự mình dấy khởi Bồ tát thần thông, cũng dạy người khác dấy khởi thần thông, tán thán việc dấy khởi thần thông, hoan hỷ tán

thán người dấy khởi Bồ tát thần thông. Tự mình sanh trí Nhất thiết chủng, cũng dạy người khác sanh trí Nhất thiết chủng, tán thán việc sanh trí Nhất thiết chủng, hoan hỷ tán thán người sanh trí Nhất thiết chủng. Tự mình dứt tập khí, tất cả kiết sử, cũng dạy người khác dứt tập khí tất cả kiết sử, tán thán việc dứt tập khí, tất cả kiết sử, hoan hỷ tán thán người dứt tập khí, tất cả kiết sử. Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành như vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thanh tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tự mình thủ đắc thọ mạng thành tựu, cũng dạy người khác thủ đắc thọ mạng thành tựu, tán thán việc thủ đắc thọ mạng thành tựu, hoan hỷ tán thán người thủ đắc thọ mạng thành tựu. Tự mình thành tựu pháp trụ, cũng dạy người khác cách thành tựu pháp trụ, tán thán việc thành tựu pháp trụ, hoan hỷ tán thán người thành tựu pháp trụ.

Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu như vậy, cũng nên như vậy học Bát nhã ba la mật và sức phương tiện. Khi Bồ tát học như vậy, tu như vậy sẽ được sắc vô ngại, được thọ, tưởng, hành thức vô ngại; cho đến được pháp trụ vô ngại, vì cớ ao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy từ trước lại đây không lảnh thọ sắc, không lảnh thọ thọ, tưởng, hành, thức cho đến không lảnh thọ trí Nhất thiết chủng, vì cớ sao? Vì sắc không lảnh thọ là chẳng phải sắc, cho đến trí Nhất thiết chủng không lảnh thọ là chẳng phải trí Nhất thiết chủng.

Khi nói phẩm Bồ tát hạnh ấy, hai ngàn Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn.

LUẬN: Tu bồ đề hỏi: Bồ tát muốn thành tựu Vô thượng đạo nên tu như thế nào? Phật đáp: Nên khởi tâm bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh không có thiên lệch. Năm uẩn hòa hợp, giả gọi là chúng sanh, như xe, như rừng. Hết thảy chúng sanh là chỉ chung cho cả mười phương, sáu đường không có sót chúng sanh nào. Hết thảy chúng sanh mỗi hạng chia làm ba phần: oán, thân, không oán không thân. Phật dạy: Bồ tát khỏi tâm bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh đều có ý tưởng thân ái, chớ sanh tâm oán hận, chớ sanh tâm không thân không oán.

* Lại nữa, chúng sanh có hai loại: Thương và ghét. Phật dạy: Đối với hết thảy chúng sanh xa lìa hai tâm ấy, chớ sanh tâm thương ghét và ghét. Thương là tham dục, là tâm phiền não, không nên làm, nên thực hành tâm từ ái. Phép thế gian ái niệm vợ con, trâu ngựa v.v...; và oán ghét ác tặc. Bồ tát

chuyển đổi phép thế gian ấy nên thực hành tâm từ ái đối với hết thảy chúng sanh.

* Lại nữa, tâm bình đẳng la Bồ tát sanh pháp lạc đối với hết thảy chúng sanh, muốn khiến họ đều đến với Phật đạo. Bồ tát tự bỏ tâm thương ghét, cũng không chấp trước những chúng sanh đem tâm thương ghét đối với mình. Thế gian có ba hạng người: Ác; Đại ác; Ác trung ác; Thiện, Đại thiện, Thiện trung thiện. Ác lànhư người đem việc ác đến với mình, mình đáp lại bằng việc ác. Pháp của chư Phật là tâm bình đẳng đối với chúng sanh, không nên khởi lên ác niệm, huống gì khởi lên thân làm miệng nói; Đại ác là như không người xâm hại mình mà lại đem việc ác đến với họ; Ác trung ác là như người đem hảo tâm cung cấp, thương nghĩ mình nhưng mình lại đem ác tâm huỷ hại họ, gọi là ác trung ác.Thiện là như người đem việc tốt đối với mình, mình đáp lại bằng việc tốt. Đại thiện là như người đối với mình không tốt mà mình đem việc tốt lợi ích cho họ.Thiện trung thiện là như người lấy việc ác hại mình mà mình đem việc thiện cho đến đem thân mạng cúng dường họ, ấy gọi là thiện trung thiện. Bồ tát bỏ ba việc ác và vượt trên hai thứ thiện đầu, tu tâm thứ sáu (thiện trung thiện) đối với chúng sanh.

Hỏi: Bồ tát chưa được pháp thân làm sao có thể tu hành tâm ấy?

Đáp: Bồ tát cầu vô thượng đạo nên tu hành vô thượng pháp, cam chịu khổ hành khó khăn như vậy mới thành vô thượng đạo. Ví như người khách buôn, giữa đường hiểm, chịu đủ mọi thứ khổ mới được lợi lớn.

* Lại nữa, Bồ tát nghe yếu lý của Phật pháp là rốt ráo không, không ta, không của ta, không có thâït pháp nhất định. Những điều thấy, nghe, biết đều là hư dối, như huyễn, như mộng; vì thâm tín pháp ấy nên có thể đem thân mạng cúng dường giặc oán.

* Lại nữa, Bồ tát biết thân này, từ nhân duyên của tội nghiệp phiền não, điên đảo sanh ra, những điều thấy, nghe đều là cội gốc của hư dối, tội cấu. Nếu có người đến muốn hại ta, ta nên hoan hỷ cam chịu, dùng cái thân tệ lậu này mà được cái lợi vô thượng đạo. Vì sao không làm!

* Lại nữa, Bồ tát phát tâm rất yêu thương chúng sanh, vì muốn làm lợi ích cho họ; nên tự lấy thân mình cúng dường oán tặc, muốn khiến chúng sanh bắt chước việc làm của mình. Vì có chúng sanh, thuyết pháp dạy cho họ, không chắc họ tín thọ, nên lấy thân để giáo hoá khiến họ để tín thọ.

* Lại nữa, có nhiều người phát tâm cầu vô thượng đạo, mà thân hành không cân xứng vì thế nên Bồ tát lấy thân giáo hoá, khiến phải kiên tâm làm việc khó làm ấy. Muốn cầu vô thượng đạo nên tu hành điều thiện trung thiện, muốn làm việc khó làm ấy, bấy giờ mới có thể đắùc đạo. Có vô lượng nhân duyên như thế, Bồ tát tự đem thân mình cúng dường oán tặc.

Hỏi: Đẳng tâm và từ tâm có gì sai khác?

Đáp: Đẳng tâm là bốn tâm vô lượng, từ tâm là một trong bốn tâm ấy. Có người nói: Lúc đầu bỏ oán thân ấy là Đẳng tâm, lúc sau gia thêm niệm thương xót ấy là từ tâm.

* Lại nữa, có người nói: Đẳng tâm là quán chúng sanh như như, thực tế, pháp tánh, pháp ấy đều là vô vi, vô lượng cho nên gọi là đẳng tâm; ái niệm chúng sanh ấy gọi là từ tâm. Sở dĩ không nói bi tâm vì có bi tâm, hoặc có khi lo nghĩ đến chúng sanh, tích chứa tâm ấy thời tâm bị thối thất, hoặc có chúng sanh không chịu lòng thương của Bồ tát, nói rằng: Cớ gì ông không chịu lo thân mình mà cứ nghĩ đến người khác! Còn từ tâm thì không có việc như ậy, dễ nhiếp hoá chúng sanh, nên chỉ nói từ tâm.

Hỏi: Nếu chúng sanh có ba hạng: Thượng, trung, hạ, Bồ tát chứa nhóm phước đức và trí tuệ nên Bồ tát phải là người lớn, cớ sao nói đối với hết thảy chúng sanh, khởi tâm khiêm nhường?

Đáp: Bồ tát nghĩ rằng:, hết thảy pháp vô thường, hết thảy chúng sanh thượng, trung, hạ đều trở thành tiêu diệt trong ấy có ai là lớn ai là nhỏ. Người ta vì theo phép đời nên có lớn nhỏ.

* Lại nữa, lớn nhỏ không nhất định, ở nước này cho là lớn, ở nước khác cho là nhỏ; ở đây là lớn, ở kia là nhỏ; như đời nay là kẻ ty tiện, đời sau là vua cõi trời. Do nghiệp nhân duyên như vậy, luân chuyển ở thế gian, sang hèn, lớn nhỏ, không nhất định; như nước lửa sang hèn tùy theo lúc dùng hoặc bỏ không nhất định.

* Lại nữa, Bồ tát tuy có công đức mà biết công đức ấy rốt ráo không, như huyễn, như mộng, không đắm trước công đức ấy, không có chi là lớn nhỏ.

* Lại nữa, trong hết thảy chúng sanh, người có nhân duyên với Phật đạo, chỉ Phật biết được. Bồ tát nghĩ rằng: Nếu ta khinh chê chúng sanh hình mạo, tài

năng thấp hèn là ta khinh chê Phật vị lai, nếu khinh chê Phật thì còn ai nữa mà không khinh chê.

* Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng: Ta thề độ hết thảy chúng sanh, nếu chúng sanh không được gì thời ta cô phụ chúng sanh. Thí như người chủ mời khách, thời lẽ đáng cung kính khách mà tự hạ mình, nếu khách không được cúng dường thì chủ sẽ xấu hổ với khách.

* Lại nữa, vì tâm tự đại tự cao thời ưa sanh sân hận, vì kiêu mạn là gốc của sân, sân là gốc của hết thảy trọng tội. Nếu Bồ tát khởi tâm khiêm nhường đối với chúng sanh, thời chúng sanh hoặc mắng hoặc đánh cũng không sân hận. Thí như chủ nhà đánh tớ, tớ không dám sân hận. Nếu Bồ tát tự cao mà chúng sanh khiêm nhường, chúng sanh xâm hại Bồ tát thời tự nhiên nộ nạt sân hận, như tớ đánh chủ thời chủ sân hận nộ nạt. Tâm khiêm nhường có các lợi ích như vậy nên Bồ tát cần thực hành. Tâm an ổn là đưa đến cái vui rốt ráo trong đời nay, đời sau, chứ chẳng phải như cha mẹ, tri thức chỉ cho cái vui đời này. Bồ tát nếu trong khi lấy tâm bình đẳng, tâm từ, tâm khiêm nhường lợi ích chúng sanh, nếu có người không biết ơn đến bức não Bồ tát, không tin việc Bồ tát làm, cho là dối trá, vì cầu danh nên không có thật sự; lại vì ma xui khiến đến bức não Bồ tát, làm việc ác trung ác, không biết ân, Bồ tát tâm bình đẳng đối với các sự ấy thông suốt vô ngại; được tâm vô ngại ấy rồi chúng sanh tuy có tội lớn, lỗi lớn cũng chỉ muốn làm lợi ích cho nó, không sanh tâm ưu não. Thí như người con có hiếu yêu kính cha mẹ, như anh, như em, như chị em, như con trai, con gái không có tâm dâm dục, nhưng sanh tâm ái kính, thương tưởng. người đời chỉ có thể yêu kính người thân, Bồ tát yêu kính tất cả. Có được hảo tâm, thanh tịnh, mềm mỏng ấy gọi là chúng sanh nhẫn, là cửa ban đầu của pháp nhẫn. Tiếp đến tu hành mười thiện đạo, mười thiện đạo thì có Phật hay không có Phật, thế gian thường có thiện pháp ấy giáo hoá. Bồ tát trước tiên dùng bốn mươi thứ hành, tu hành mười thiện đạo, vì cớ sao? Vì Bồ tát thâm niệm thiện pháp, từ tâm với chúng sanh. Pháp của kẻ phàm phu ly dục có mười hai sự cũng dùng bốn mươi tám hành. Sáu Ba la mật cho đến pháp trụ là khách pháp, có Phật nói thời có Bồ tát tu hành, từ trước lại đây cựu pháp, khách pháp, gốc ngọn đầy đủ, đời nay được thiện pháp, trí tuệ vô ngại, xả sanh thân, được pháp thân vô ngại, tùy ý đi đến mười phương giáo hoá chúng sanh, đối trước mười phương Phật tu tập thiện pháp.

Khi nghe pháp ấy, hai ngàn Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, là phẩm này nói pháp vi diệu sâu xa, cũng nói có hành, cửa thiện, cửa trí hai hành đầy đủ. Nếu chỉ nói "như pháp" thì được ít lợi ích, nếu nói "hữu pháp" thì được lợi

cũng ít. Nay nói đầy đủ cả hữu pháp và vô pháp, nên được vô sanh nhẫn. Thí như có hai bánh xe đầy đủ, nên có thể đi đến. Trong đây khéo nói hai đế, nên hai ngàn Bồ tát được vô sanh nhẫn.

(Hết cuốn 72 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 73

GIẢI THÍCH: PHẨM CHẲNG THOÁI CHUYỂN THỨ 55

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đùc Thế Tôn, do hạnh gì, tướng mạo gì, biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát biết được địa vị phàm phu, địa vị Thanh văn, địa vị Bích chi Phật, địa vị Phật; các địa vị ấy trong tướng "như " không hai không khác, cũng chẳng niệm, cũng chẳng phân biệt. Vào trong "như " ấy nghe việc ấy vượt thẳng qua không nghi ngờ, vì sao? Vì trong "như " ấy không có tướng một, tướng hai. Bồ tát ấy cũng chẳng nói lời vô ích, chỉ nói lòi tương ưng với lợi ích, không thấy người khác hay, hay dỡ. Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, lại do hành, loại, tướng, mạo gì, biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu hết thảy pháp không có hành, không có loại, không có tướng mạo, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thảy pháp không có hành, không có loại, không có tướng mạo, thời Bồ tát thoái chuyển đối với pháp gì, gọi là chẳng thoái chuyển?

Phật dạy: Nếu Bồ tát chuyển tâm đắm nhiễm sắc, chuyển tâm đắm nhiễm đối với thọ, tưởng, hành, thức, ấy gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chuyển tâm đắm nhiễm Thí ba la mật cho đến chuyển tâm đắm nhiễm Bát nhã ba la mật; chuyển tâm đắm nhiễm nội

không, cho đến vô pháp hữu pháp không; chuyển tâm đắm nhiễm bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung; chuyển tâm đắm nhiễm Thanh văn, Bích chi Phật địa cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển, vì sao? Vì tánh sắc không có, Bồ tát ấy trụ ở đâu? Cho đến tánh Vô thượng Cháng đẳng Chánh giác không có, Bồ tát ấy trụ ở đâu?

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát không xem diện mạo ngôn ngữ đạo Sa môn, hoặc Bà la môn, không nghĩ rằng ngoại đạo hoặc sa môn hoạc Ba la môn ấy thực biết, thực thấy; nếu nói theo chánh kiến thời không có các việc ấy.

* Lại nữa, Bồ tát không sanh nghi ngờ, không đắm theo giới thủ, không rơi vào tà kiến, cũng không cầu việc tốt của thế tục cho là thanh tịnh, không lấy hoa hương, anh lạc, phan lọng, kỹ nhạc, lễ bái cúng dường chư thiên. Tu bồ đề, do hành loại tướng mạo ấy, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, vị Bồ tát chẳng thoái chuyển, thường không sanh vào nhà hạ tiện, cho đến không sanh vào chỗ có tám nạn, thường không thọ thân người nữ. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề , Bồ tát thường tu mười thiện đạo, tự mình không sát sanh, không dạy người sát sanh, tán thán việc không sát sanh, hoan hỷ tán thán người không sát sanh; cho đến tự mình không tà kiến, không dạy người tà kiến, cũng không tán thán việc tà kiến, không hoan hỷ tán thán người theo tà kiến. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát cho đến trong mộng cũng không làm mười bất thiện đạo. Do các hành, loại, tướng mạo ấy, nên biết đó là Bồ tát chẳng toái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát vì lợi ích hết thảy chúng sanh nên tu Thí ba la mật cho đến vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh nên tu Bát nhã ba la mật. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát có được các pháp như Khế kinh, cho đến luận nghị, thọ, trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng. Bồ tát ấy khi pháp thí nghĩ rằng: Nhờ nhân duyên của pháp thí ấy làm mãn nguyện của hết thảy chúng sanh; đem công đức pháp thí ấy cho hết thảy chúng sanh cùng hồi hướng đến

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát đối với pháp thậm thâm không nghi, không hối.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát đối với pháp thậm thâm vì nhân duyên gì nên không nghi, không hối?

Phật dạy: Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy hoàn toàn không thấy có pháp nào hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có thể sanh nghi, không thấy pháp ấy chỗ nào có thể sanh nghi, sanh hối. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lạinữa, Tu bồ đề, Bồ tát thân, khẩu, ý nhu nhuyến. Do các hành,loại, tướng mạo nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát do thành tựu thân, khẩu, ý từ ái. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát không cùng với năm triền cái là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát không ưa đắm tất cả nơi chỗ. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thaói chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ra vào đi lại, mằm, ngồi, đi, ở thường niệm nhất tâm; ra vào đi lại, ngồi, nằm, đi, ở, dỡ chân, để chân, an ổn, thong thả, thường niệm nhất tâm ngó xuống đất mà đi. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát mặc y phục và các đồ nằm, người ta không chê nhớp, ưa sạch sẽ, ít bệnh tật. Do hành. loại, tướng mạo ấy nên ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, thường tronbg thân người, có tám vạn hộ trùng xâm thực, thân Bồ tát chẳng thoái chuyển, không có loại trùng ấy, vì sao? Vì công đức Bồ tát vượt quá thế gian. Công đức Bồ tát ấy tăng ích, tùy theo

công đức ấy được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ tát được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh?

Phật dạy: Bồ tát tùy theo sự có được tăng thêm thiện căn, diệt trừ tâm quanh co tà vạy, ấy gọi là Bồ tát thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh. Vì thân tâm thanh tịnh nên vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật địa mà vào Bồ tát địa. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát không quí lợi dưỡng; tuy tu mười hai hạnh đầu đà mà không quí pháp A lan nhã (nơi thanh vắng), cho đến không quí việc chỉ mặc ba y. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát thường không sanh tâm xan tham, không sanh tâm phá giới, tâm sân động, tâm giải đãi, tâm tán loạn,tâm ngu si, tâm tật đố. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát tâm an trú bất động, trí tuệ thâm nhập, nhất tâm nghe, lảnh thọ pháp được nghe và việc thế gian đều hợp cùng Bát nhã ba la mật. Bồ tát ấy không thấy tài sản, sự nghiệp gì chẳng vào pháp tánh, hết thảy việc đều thấy hợp cùng Bát nhã ba la mật. Vì nhân duyên ấy nên gọi đó là tướng trạng của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

LUẬN: Hỏi: Từ trước lại đây nơi nơi đã nói tướng mạo chẳng thoái chuyển, cớ sao nay còn hỏi?

Đáp: Trên kia tuy nơi nơi lược nói, nay muốn nói rộng. Trong đây phần nhiều nói về tướng mạo chẳng thoái chuyển nên gọi là phẩm "chẳng thoái chuyển". Lại nữa, trên đây giải nói tướng mạo Ba la mật, thứ đến nói nhân duyên khiến ma phá hoại Bát nhã. nay nói người tín thọ Bát nhã ba la mật là chẳng thoái chuyển, muốn nói tướng mạo nó nên Tu bồ đề hỏi.

* Lại nữa, Bồ tát từ khi mới phát tâm lại đây, vì nhân duyên tu hành, quả báo chứng đắc là chẳng thoái chuyển, được thọ ký chắc chắn sẽ làm Phật. Như người nhận chức tước đã được ấn tín, tâm không còn nghi. Lại như hàng Thanh văn tu các hạnh, đều là bốn quả Sa môn. Chẳng thoái chuyển là đia vị quyết định an ổn vượt quá phàm phu, không vào Nhị thừa địa, tuy chưa

thành Phật đạo có thể làm ruộng phước cho thế gian. Việc ấy vi diệu khó biết được, nên Tu bồ đề hỏi tướng mạo nó. Phật vốn khiến Tu bồ đề nói Bát nhã ba la mật nên Tu bồ đề hỏi Phật địa vị chẳng thoái chuyển. Có hành, loại, tướng mạo gì.

Hỏi: Ba việc ấy có gì ssai khác?

Đáp: Có người nói ba việc ấy cùng một nghĩa, do đó biết là chẳng thoái chuyển, chẳng phải chẳng thoái chuyển. Lại có người nói: HÀNH là thân, khẩu, ý, nghiệp của Bồ tát chẳng thoái chuyển khác với người khác. Do hành vi ấy biểu thị trí tuệ thậm thâm chẳng thoái chuyển. LOẠI là phân biệt biết các Bồ tát chẳng thoái chuyển hay chẳng phải chẳng thoái chuyển. TƯỚNG MẠO là trừ hành và loại, do các nhân duyên khác biết được tướng mạo chẳng thoái chuyển.

Phật nói nghĩa lý, nếu Bồ tát đầy đủ được năm Ba la mật, thâm nhập Bát nhã ba la mật, có lực phương tiện nên không đắm trước Bát nhã ba la mậit, chỉ quán " như nghĩa" là thật tướng các pháp. Bồ tát lúc bấy giờ không cho hàng địa vị phàm phu Nhị thừa là hạ tiện, không cho địa vị Phật là cao quí vì đều nhập các pháp "như ", trong các pháp như ấy không có phân biệt hai pháp. Chỉ lấy "như " nhập vào "như " không còn việc chi khác, cũng không phân biệt chấp thủ tướng, vì sao? Vì "như " bình đẳng nên người có thể nhập như vậy tức nhập vào pháp tạng chư Phật, tâm không sanh nghi để trở lại tìm tướng quyết định của các pháp. Thế nên kinh nói: Phàm phu địa cho đến Phật địa trong tướng "như " không hai không khác. Chứng được pháp như vậy là hành, loại, tướng mạo của chẳng thoái chuyển. Lại nữa, lược nói nghĩa ấy: Bồ tát nhân các pháp "như ", nghĩa là rốt ráo không nên xả bỏ hết thảy việc thế gian, cũng không trụ vào rốt ráo không, vì sao? Vì thật tướng các pháp rốt ráo thanh tịnh. Nếu Bồ tát nghe pháp không có nương tựa, tâm không có nghi hối, không đến việc nương tựa.

Các việc như trên là thể tướng chính yếu của chẳng thoái chuyển; từ đây trở xuống đều là hạnh quả của rốt ráo không. Vì được rốt ráo không nên tâm thuần thục tịch diệt, không nói lời vô ích. Nói ra thường là pháp, chẳng phải là phi pháp; nói ra đều là thật, chẳng phải vọng thuyết; lời nói nhu nhuyến, không thô lậu, đều đem tâm từ bi mà nói, không dùng tâm sân nhuế; nói hợp thời, đúng với cơ hội, quán sát lòng người tùy theo phong tục địa phương. Nay trong đây lược nói lời lợi ích; hoặc dạy Phật đạo, hoặc dạy Nhị thừa, hoặc nhơn thiên đạo, hoặc đời nay được cái vui không tạo tội. Vì thường xa lìa bốn việc ác nơi miệng, vì đối với chúng sanh có tâm từ bi rộng lớn, lại có

thể tự mình chẻ mỏng các phiền não, nên có thể dùng các nhân duyên nói những lời lợi ích.

Hỏi: Hàng Thanh văn đi thẳng tới Niết bàn có thể không xem xét đến người khác. Còn Bồ tát xem chúng sanh như con, thường muốn giáo hoá, cớ sao không xem xét đến việc hay dỡ của họ?

Đáp: nếu chúng sanh không thể chiếc phục, không thể hóa độ, hạng như vậy chẳng cần xem xét, vì sao? Vì nếu đem tâm tốt dạy bao thời họ ghét mình, tâm họ như dao cắt, đã không ích gì còn thêm tội cho họ cho nên không nên xem xét hay dỡ.

* Lại nữa, Bồ tát nên nghĩ rằng: Như chư Phật đủ Nhất thiết trí, tập khí phiền não sạch hết, còn không thể độ hết chúng sanh, huống gì ta chưa được Bồ tát thần thông, chưa được trí vô ngại làm sao có thể xem xét khắp chúng sanh. Bồ tát chẳng thoái chuyển có vị được thần thông, có vị không được. Được chẳng thoái chuyển rồi, riêng tu thần thông đạo mới được. Nếu trước đã được thần thông, vì không đầy đủ nên không thể xem xét khắp.

Hỏi: Tu bồ đề lúc đầu hỏi hành, loại, tướng mạo, cớ sao Phật không đáp ngay là không có hành, loại, tướng mạo nay trong đây mới nói?

Đáp: Lúc đầu hỏi, vì chúng sanh chưa tham đắm tướng mạo chẳng thoái chuyển, nên Phật đáp hoặc nói về không tướng, hoặc nói về hữa tướng; nay vì chúng sanh tham đắm tướng mạo chẳng thoái chuyển, muốn từ phàm phu nhập vào địa vì chẳng thoái chuyển, thế nên Phật nói hết thảy không có hành, không có loại, không có tướng mạo.

Tu bồ đề lại hỏi: Nếu các pháp đều không, cớ gì còn nói đối với pháp gì chuyển tâm đắm nhiễm gọi là chẳng thoái chuyển? Nên từ phàm phu địa chuyển, đối Phật địa không chuyển sao?

Phật đáp: nếu Bồ tát quán được sắc pháp v.v... không, không có gì của chính nó, chuyển tâm nhiễm trước sắc, cho nên ở trong Phật đạo không thoái chuyển. Sắc pháp v.v... hòa hợp nhân duyên sanh, Bồ tát biết đó là pháp hữu vi, tội lỗi, không nên trú ở trong đó. Vì các pháp không, nên có thể chuyển tâm nhiễm trước, chuyển tâm nhiễm trước nên gọi là không thoái chuyển.

* Lại nữa, Bồ tát chẳng thoái chuyển, nhập vào chánh vị nên tâm quyết định không nghi. Trong hết thảy ngoại đạo có thật trí, nếu có thật trí không gọi là ngoại đạo. Như thế là tướng mạo của chẳng thoái chuyển.

Hỏi: Nay nói không sanh nghi, sau nói không nghi pháp thậm thâm. Hai cái không nghi ấy có gì sai khác?

Đáp: Không nghi ở đây là chỉ cho kiến hoặc trong lý tứ đế của Tu đà hoàn đoạn trừ; cái không nghi sau là không nghi đối với pháp sâu xa của chư Phật chứng tri. Bồ tát có lực phước đức và trí tuệ nên tuy không làm Tu đà hoàn, chưa làm Phật, mà có thể không có hai cái nghi ấy. Giới thủ là giới của ngoại đạo, tu giới ngoại đạo ấy không được Niết bàn. Còn bốn kiến: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, tà kiến đều gọi là tà kiến. Vì thâm tín nghiệp nhân duyên và quả báo nên không cầu việc tốt, không đem hương hoa cúng dường chư thiên. Vì cầu đạo, phá cội gốc kiêu mạn, nên thường không sanh vào nhà hạ tiện. Vì có công đức, không làm chướng ngại người khác, thường làm việc khuyến trợ nên không sanh vào chỗ tám nạn. Vì chẻ mỏng dâm dục, xa lìa tâm xiểm nịnh, nên không thọ thân người nữ.ù

* Lại nữa, các người khác tuy tu mười thiện đạo, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba không thể đủ bốn thứ. Bồ tát có tâm đại bi rất yêu thiện pháp nên tu đầy đủ bốn thứ. Thường tu tập mười thiện nghiệp đạo cho đến trong mộng không làm mười bất thiện đạo. Các người khác tu phước đức chỉ vì thân mình; tiểu Bồ tát tuy vì chúng sanh cũng tự vì mình; bậc chẳng thoái chuyển có làm phước gì đều vì chúng sanh, không vì thân mình. Nếu phước đức có thể đem cho người, thời Bồ tát đem cho hết chúng sanh, chỉ cầu sự tu tập không thể đem cho; nên Bồ tát đem mười hai bộ kinh giáo hóa chúng sanh, cũng chỉ vì chúng sanh, không vì tự kỷ.

* Lại nữa, vị Bồ tát có năm căn tín, tấn v.v... lanh lợi nên tuy chưa làm Phật có thể tin các pháp. Trong đây Phật lại nói nhân duyên của không; Bồ tát không thấy sắc pháp v.v... nên không có chỗ sanh nghi.

* Lại nữa, Bồ tát thường tu tâm từ bi nên ý nghiệp nhu nhuyến; ý nghiệp nhu nhuyến nên từ thân nghiệp, từ khẩu nghiệp thành tựu.

Hỏi: Tâm từ bi ngoại đạo cũng có, cớ sao lại nói đó là tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển?

Đáp: Ngoại đạo tuy có tâm từ bi mà không sâu, không thể trùm khắp chúng sanh, cũng không thường có, vì không hoà hợp thật tướng của các pháp, còn Bồ tát không như vậy.

* Lại nữa, Bồ tát quở trách năm dục, trừ năm triền cái, vào năm thiền chi, sơ thiền không cùng với năm triền cái. Vì năm triền cái che tâm, làm hao mòn trí tuệ, phá Phật đạo mở đường ma. Bồ tát biết hết thảy pháp hữu vi tạo tác, hư dối, không thật, như huyễn, như mộng; còn pháp vô vi "không", không có gì của chính nó, tướng tịch diệt nên đối với hết thảy chỗ, không có gì ưa đắm. Đối với chúng sanh cho đến Phật cũng không ưa đắm, đối với pháp cho đến Niết bàn cũng không ưa đắm. Sân và tội thô, tiểu Bồ tát đã dứt cũng không nói; ái sâu xa, vi tế, khó dứt nên nay nói.

* Lại nữa, Bồ tát vào sâu thiền định nên thủ hộ hết thảy chúng sanh, thủ hộ hết thảy chúng sanh nên thường nhất tâm niệm, không não hại chúng sanh. Vì không phá giới nên ra, vào, đến, đi an ổn, thong thả, nhất tâm. Dở chân, để chân, trông xuống đất mà đi là vì bảo hộ chúng sanh, vì tránh loạn tâm.

* Lại nữa, Bồ tát lâu ngày tu tập vô lượng, vô biên thiện pháp, trong thân không có tám muôn hộ trùng, cũng ít bệnh tật nên áo chăng đồ nằm thường sạch sẽ không nhơ. Vì có lực thiện căn chứng được thật tướng các pháp nên trong thân không có tám muôn hộ trùng. Vì tâm thanh tịnh nên thân, miệng cũng thanh tịnh; vì lìa hư dối, quanh co, tà vạy, hạ tiện nên tâm thanh tịnh, vì hai sự thanh tịnh nên tuy ở thế gian mà lìa khỏi các khổ não bức bách; vì tâm không nhàm chán nên vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật địa. Bồ tát vì qúy Phật đạo nên không quí lợi dưỡng; tuy tu hạnh đầu đà mà không quí hạnh ấy, vì hạnh ấy chỉ là nhân duyên phần ít đối với đạo cứu cánh, chứ chẳng phải đạo cứu cánh, ấy gọi là hành, loại, tướng mạo của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Hỏi: Bồ tát chưa được Phật dạo, chưa dứt các phiền não làm sao thường không sanh các ác tâm xan than v.v...?

Đáp: Bồ tát chẳng thoái chuyển, khi được vô sanh pháp nhẫn, thì đã dứt hết các phiền não, chỉ chưa dứt tập khí. Nếu không dứt làm sao có thể thường không sanh tâm xan tham làm chướng ngại đạo? Như kinh nói: Tu đà hoàn cho đến A la hán tức là Bồ tát vô sanh pháp nhẫn.

* Lại nữa, có người nói Bồ tát tu sáu Ba la mật, tu tập sâu xa các công đức nên các phiền não bị chẻ mỏng, không sanh trong tâm, nên gọi là thường không sanh.

* Lại nữa, Bồ tát trải vô lượng đời, tu Thiền ba la mật nên tâm an trú bất động; chưá tập Bát nhã, nên thâm nhập trí tuệ. Bồ tát biết pháp vị vi diệu nên theo người khác nghe pháp, nhất tâm thọ trì, vì tâm ưa pháp sâu xa nên nghe pháp Tam thừa hoặc pháp ngoại đạo, hoặc pháp thế gian, vì tự tâm thâm diệu nên các pháp ấy đều hòa hợp với Bát nhã, không phá pháp tướng. Thí như người mạnh khỏe không có bệnh, ăn vật gì đều tiêu hoá hết; lại như Phật được cái tướng tối thượng vị, tuy gặp món ăn đắùng, cay, không ngon, ở trong miệng Phật đều thành thượng vị. Lại nữa, như nấu đường phèn sắp chín, đem vật gì bỏ vào đều thành đường phèn vi sức vi diệu của nó mạnh. Bồ tát cũng như vậy, sức Bát nhã ba la mật mạnh nên có thể làm cho các pháp hợp thành một vị với Bát nhã, không có lỗi.

* Lại nữa, việc thế gian là Bồ tát khởi thân khẩu nghiêïp gì đều thương xót hoá độ chúng sanh; tâm thương xót ấy là cửa ban đầu vào Bát nhã ba la mật. Lại nhân duyên của các việc thế gian cho đến ngồi, đứng, dậy đi, bước, ăn uống, nói năng, thường nghĩ đến sự an ổn cho chúng sanh. Việc đi, đến, v.v... đều vào pháp tánh như đã nói ở trong phẩm "phá lai khứ" (Trung quán luận - ND). Các tài sản, sự nghiệp cũng lại như vậy, ấy gọi là chẳng thoái chuyển.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, nếu ác ma ở trước vị Bồ tát chẳng thoái chuyển hóa làm tám địa ngục lớn, trong mỗi địa ngục có ngàn vạn ức Bồ tát đều bị thiêu đốt chịu các khổ não cay chua, nói với Bồ tát rằng: "Các Bồ tát ấy đều là bậc chẳng thoái chuyển được Phật thọ ký vào địa ngục lớn, nếu ông là người được Phật thọ ký chẳng thoái chuyển vào địa ngục lớn ấy; Phật vì ông thọ ký cảnh địa ngục như vậy mà ông không như lời, trở lại bỏ tâm Bồ tát, vậy ông có thể nào được không đọa địa ngục mà được sanh cõi trời". Này Tu bồ đề, nếu Bồ tát thấy việc ấy, nghe việc ấy tâm không động, không nghi, không sợ, nghĩ rằng vị Bồ tát chẳng thoái chuyển, nếu đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ thời trọn không có lẽ đó. Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Ác ma hoá làm Tỳ kheo mặc áo pháp đi đến chỗ Bồ tát nói với Bồ tát rằng: "Ông trước nghe dạy nên như vậy tịnh tu sáu Ba la mật cho đến nên như vậy tịnh tu được Vô thượng Chánh đảng Chánh giác, việc ấy ông phải hối hận bỏ gấp đi! Ông trước ở nơi chỗ chư Phật quá khứ, vị lai,

hiện tại từ khi mới phát tâm cho đến pháp trụ, các thiện căn tạo được trong khoảng thời gian ấy, tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, việc ấy ông cũng nên buông bỏ gấp đi; nếu ông bỏ gấp ta sẽ nói cho ông chân Phật pháp, còn những điều ông nghe trước đó đều phi Phật pháp, phi Phật giáo, đều là văn chương trau chuốt, hợp lại tạo ra; điều ta nói mới là chân Phật pháp". Nếu Bồ tát nghe lời nói mà tâm sợ, nghi, hối nên biết Bồ tát ấy chưa được Phật thọ ký, chưa quyết định an trú trong tánh chẳng thoái chuyển. Nếu Bồ tát tâm không động, không sợ, không nghi, không hối, tùy thuận, nương tựa pháp vô pháp vô sanh, không tin lời người khác, không làm theo người khác; khi tu sáu Ba la mật không theo lời người khác; cho đến khi tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không nghe theo lời người khác, thí như vị A la hán sạch hết lậu hoặc, không tin lời người khác, không làm theo người khác, hiện tiền thấy được thật tướng các pháp; ác ma không thể làm lay chuyển. Như vậy, Tu bồ đề, vị Bồ tát chẳng thoái chuyển cũng như thế. Người cầu Thanh văn dạo, Bích chi Phật đạo không thể phá hoại, không thể chiết phục tâm Bồ tát. Này Tu bồ đề, Bồ tát ấy chắc chắn an trú trong địa vị chẳng thoái chuyển, không nghe theo lời người khác, cho đến lời Phật nói cũng không tín thủ ngay, huống gì tin lời của người cầu Thanh văn, Bích chi Phật các ác ma, ngoại đạo, phạm chí, trọn không có lẽ đó, vì sao? Vì Bồ tát ấy không thấy có pháp có thể tin theo, đó là sắc hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sắc "như " cho đến thức "như ", cho đến không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác "như ". Này Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Ác ma hoá làm thân Tỳ kheo đi đến chỗ Bồ tát nói rằng: "Pháp của người tu là pháp sanh tử chẳng phải đạo Nhất thiết trí, thân người nay chỉ lấy việc hết khổ làm chứng đắc. Khi ấy ác ma vì Bồ tát dùng pháp tu hành của thế gian nói đạo pháp tương tợ, đạo pháp tương tợ ấy là pháp ràng buộc trong ba cõi như Quán bất tịnh đó là quán tướng xương trắng; hoặc Sơ thiền cho đến Phi hữu tưởng Phi vô tưởng, nói với thiện nam tử rằng: Dùng đạo ấy dùng tu hạnh ấy, sẽ được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán; ngươi tu đạo ấy đời nay hết khổ, ngươi dùng cái pháp phải chịu mọi khổ não trong đường sanh tử như vậy làm chi? Thân tứ đại ngày nay còn không cần dùng lảnh thọ được, huống gì lại thọ thân tương lai". Này Tu bồ đề, nếu Bồ tát nghe lời ấy mà tâm không kinh, không nghi, không hối, nghĩ rằng: Vị Tỳ kheo ấy lợi ích cho ta không ít, vì ta nói đạo pháp tương tợ, tu đạo pháp tương tợ ấy, không được đến quả Tu đà hoàn, A la hán, Bích chi Phật đạo, huống gì được đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Bồ tát ấy lại càng hoan hỷ nghĩ rằng: Tỳ kheo ấy lợi ích cho ta không ít, vì ta nói pháp

làm chướng đạo, ta biết pháp làm chướng đạo ấy không chướng ngại học đạo ba thừa.

Khi ấy ác ma biết Bồ tát vui mừng liền nói tiếp rằng: "Thiện nam tử, ngươi muốn thấy Bồ tát cúng dường chư Phật số nhiều như cát sông Hằng với các đồ cần dùng nuôi sống như áo mặc, cơm ăn, đồ nằm, thuốc thang chăng? Cũng ở nơi chỗ hằng hà sa số chư Phật tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật chăng? Cũng thân cận hằng hà sa số chư Phật hỏi Bồ tát đạo: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát làm sao an trú trong Bồ tát thừa? Làm sao tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, tu bốn niệm xứ cho đến đại từ đại bi ? Bồ tát ấy theo như Phật dạy: Trụ như vậy, hành như vậy, tu như vậy; Bồ tát ấy dạy như vậy, học như vậy còn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không được Nhất thiết trí, huống gì ngươi làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Nếu Bồ tát nghe việc ấy, tâm không đổi khác, không kinh sợ, lại còn vui mừng, nghĩ rằng: Tỳ kheo ấy lợi ích cho ta không ít vì ta nói pháp làm chướng đạo, pháp làm chướng đạo ấy khiến không được đạo Tu đà hoàn cho đến không được đạo A la hán, Bích chi Phật, huống gì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy ác ma biết tâm Bồ tát ấy tâm không biến mất, không kinh sợ, liền ở tại chỗ đó hóa làm nhiều Tỳ kheo nói với Bồ tát rằng: Đây đều là những Bồ tát phát tâm cầu Vô thượng đạo, đều an trú địa vị A la hán, bọn ấy còn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh gaíc, ngươi làm sao được? Nếu Bồ tát liền nghĩ rằng ác ma ấy nói đạo pháp tương tợ. Bồ tát hành Bát nhã ba la mật không nên chuyển đổi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không nên đọa vào Thanh văn, Bích chi Phật đạo. Lại nghĩ rằng: Tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, cho đến tu trí Nhất thiết chủng không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; là không có lẽ ấy. Này Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, tu bồ đề, nếu Bồ tát nghĩ rằng: Nếu Bồ tát theo đúng lời Phật dạy, tâm không xa lìa Bát nhã ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, Bồ tát ấy trọn không thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh gaíc; nếu Bồ tát giác tri việc ma, thường không thoái mất Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là tướng của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, thoái chuyển đối với pháp gì gọi là không thoái chuyển?

Phật dạy: Thoái chuyển đối với sắc tướng, thoái chuyển đối với thọ, tưởng, hành, thức tướng; thoái chuyển đối với tướng mười hai nhập, tướng mười tám giới, tướng tham dục, sân nhuế, ngu si, tướng tà kiến, tướng bốn niệm xứ cho đến tướng Thanh văn, Bích chi Phật và tướng Phật. Do vậy, gọi là tướng Bồ tát chẳng thoái chuyển, vì sao? Vì Bồ tát chẳng thoái chuyển do pháp "tự tướng không" ấy vào Bồ tát vị, được vô sanh pháp nhẫn; cho đến mảy may pháp cũng không thể thủ đắc, vì không thể thủ đắc nên không tác khởi, vì không tác khởi nên không sanh, ấy gọi là vô sanh pháp nhẫn. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

LUẬN: Ma biết rõ Bồ tát ấy là vị Bồ tát chẳng thoái chuyển, không còn làm trở ngại; nếu chưa biết rõ thời dùng mọi cách thí nghiệm phá hoại, hoặc hoá làm tám địa ngục lớn, hoá làm vô số Bồ tát bị thiêu đốt ở trong đó và nói với Bồ tát rằng: Các Bồ tát ấy đều là bậc chẳng thoái chuyển, được Phật thọ ký. Ông nếu được Phật thọ ký là thọ ký vào ở địa ngục.

Hỏi: Ác ma vì nhân duyên gì nói người tu thiện thọ ký vào ở địa ngục?

Đáp: Ác ma vì cho vị Bồ tát ấy muốn thay thế chúng sanh thọ khổ nên nói thọ ký ở trong địa ngục; "ngươi nếu tu phước đức để sanh cõi trời thời đó là tự vì mình chứ không dính dự đến việc chúng sanh". Nếu Bồ tát nghe việc ấy tâm kinh động, nghi hối, nếu tín thọ lời ma, nên biết Bồ tát là chưa được thọ ký lên bậc chẳng thoái chuyển. Nếu Bồ tát nghe việc ấy mà không nghi, không động, không kinh nghĩ rằng: Bậc chẳng thoái chuyển vì ngộ được thật tướng các pháp nên không đắm trước pháp, vì không đắm trước pháp nên cho đến không sanh tội nhỏ, huống gì tội đọa ba đường ác. Như trong lửa có nước, trong nước sanh lửa, không có lẽ đó.

Lại có ác ma hóa làm Tỳ kheo mặc áo pháp đi đến nói với Bồ tát rằng: "Ngươi trước theo thầy nhỏ nghe dạy tu sáu Ba la mật đó đều là hư dối, chứa nhóm tâm tùy hỷ công đức cũng là hư dối. Những điều ngươi nghe từ trước đều là hư dối, văn chương trau chuốt chẳng thật, chẳng phải miệng Phật nói ra; nay ta vì ngươi nói, đều là chơn Phật pháp, ngươi nên bỏ mau đi". Nếu Bồ tát nghe lời ấy mà tâm kinh động, sân hận, nghi ngờ, nên biết Bồ tát ấy Phật chưa thọ ký cho. Thí như vàng giả, lấy lửa mà mài đập, hoặc đen, hoặc đỏ, hoặc trắng liền biết chẳng phải vàng thật. Nếu Bồ tát nghe lời ấy mà không giận, không nghi, tùy theo pháp vô sanh, vô diệt, vô khởi, vô tác, tu sáu Ba la mật tự biết không nghe theo lời người khác; nên biết ấy là thật chẳng thoái chuyển. Thí như vị A la hán sạch hết lậu hoặc nên ác ma đi đến không phá hoại được; vị Bồ tát chẳng thoái chuyển cũng như vậy, không ai

hàng phục được. Vì hiện tiền tự biết thật tướng các pháp nên ác ma hiện làm thân Phật đi đến, nói lời khác với pháp tướng cũng không tín thọ. Thí như con chó mang lốt sư tử, các thú trông thấy tuy sợ nhưng khi nghe tiếng thời biết đó là chó, huống gì biến hóa làm thân khác. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ tát thấy sắc pháp "không" v.v... nên ai sẽ nghe theo lời người khác?

* Lại nữa, ác Ma hiện thân làm Tỳ kheo đi đến nói với Bồ tát rằng: "Sáu Ba la mật ấy đều là pháp sanh tử, vì do nhân duyên của phước đức bố thí nên thọ phước vui trong cõi Dục; do nhân duyên của Thiền ba la mật nên thọ vui trong cõi Sắc; vì Bát nhã ba la mật không có tướng nhất định nên gọi là pháp hư dối, xoay vần trong năm đường, không thể tự ra khỏi đường sanh tử. Người ta dối với ngươi rằng: Đó là đạo Nhất thiết chủng trí, ta nay nói thật, ngươi thủ chứng Niết bàn, đời nay hết khổ". Bồ tát nếu im lặng, ma liền tiếp nói đạo pháp tương tợ: "Hoạc quán 36 thứ bất tịnh, hoặc quán bộ xương người, hoặc niệm hơi thở ra vào, nhơn đạo ấy chứng được bốn thiền, bốn định vô sắc; nhơn thiền định ấy có thể được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán. Thân này của ngươi do tội báo sanh ra; Phật không tán thán thọ thân trở lại trong một khoảnh khắc khảy móng tay, huống gì ở lâu trong sanh tử". Vị Bồ tát chẳng thoái chuyển nghe việc ấy tâm vui mừng nghĩ rằng: Tỳ kheo ấy rất lợi ích cho ta, vì ta nói đạo pháp tương tợ, ta được đạo pháp tương tợ ấy liền biết chơn đạo, như người đi đường, biết đường tà thời biết nẽo chánh, pháp làm chướng ngại đạo cũng như vậy. Bậc chẳng thoái chuyển vì là người lớn, quý trọng, nên không tranh cải với Tỳ kheo ấy.

Ác ma thấy Bồ tát im lặng thì vui mừng nói: "Người ấy tín thọ lời ta nên nói tiếp với Bồ tát rằng: Thiện nam tử, có vô lượng Bồ tát cúng dường hằng hà sa số Phật, hỏi han, khổ hạnh sáu Ba la mật và Bồ tát đạo, ở trước mặt nhận lời Phật dạy, chịu thực hành hết thảy hạnh Bồ tát còn không được Vô thượng đạo, nay đều thành A la hán, vậy ngươi làm sao muốn được". Bồ tát nghe việc ấy xong im lặng. Ở ngay chỗ đó ma liền hoá vô số Tỳ kheo A la hán nói với Bồ tát rằng: "Các Tỳ kheo ấy đều tu Vô thượng đạo đã lâu, nay đều thành A la hán, tại sao riêng ngươi muốn thành Phật", Bồ tát lại vui mừng nghĩ rằng: Tỳ kheo ấy vì ta nói pháp tợ đạo, chướng đạo. Bồ tát thực hành sáu Ba la mật, được các công đức chắc chắn không thối đọa vào Nhị thừa; như lời Phật nói tâm thường không lìa sáu Ba la mật mà không được Vô thượng đạo là không có lẽ ấy. Bồ tát nếu gặp tri ma sự ấy, thời được lợi ích lớn không có mất, vì thế nên tâm Bồ tát không động chuyển, ấy gọi là tướng chẳng thoái chuyển.

Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, thoái chuyển đối với pháp gì gọi là không thoái chuyển.

Phật dạy: Đối với sắc tướng thoái chuyển. Trên lược nói, nay sẽ nói rộng. Nếu Bồ tát đối với sắc tướng v.v... đều thoái chuyển được, ấy gọi là tu hết thảy pháp tánh không, được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị. Vô sanh nhẫn là cho đến pháp vi tế không thể thủ đắc huống gì pháp lớn, ấy gọi là vô sanh. Được pháp vô sanh ấy không khởi làm các nghiệp, ấy gọi là được vô sanh pháp nhẫn. Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, ấy gọi là chẳng thoái chuyển. Vô lượng loại, hành, tướng mạo như vậy là tướng của chẳng thoái chuyển.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM CHUYỂN BÁNH XE BẤT THOÁI THỨ 56

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi: Phẩm Chuyển Bất Chuyển).

KINH: Lại nữa Tu bồ đề, Ác ma đi đến chỗ Bồ tát, muốn phá hoại tâm Bồ tát, nói rằng:"Nhất thiết trí với hư không, không có tướng gì; các pháp cùng với hư không, không có tướng gì. trong các pháp hư không, 'không", không có tướng gì ấy, không có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có chẳng được. Các pháp ấy đều như hư không, không có tướng gì, ngươi luống chịu siêng năng khổ nhọc; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà ngươi được nghe nói đều là ma sự, chẳng phải Phật nói, ngươi nên phóng xả tâm nguyện ấy, ngươi chớ suốt ngày đêm chịu sự không an ổn, lo khổ, đọa ác đạo". Các thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy khi nghe lời chê trách đó nên nghĩ như vầy: Đó là ác ma phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của ta. Các pháp tuy như hư không, không có gì của chính nó, tự tướng không mà chúng sanh không biết, không thấy, không hiểu, ta đem nghĩa lý các pháp như hư không, không có gì của chính nó, tự tướng không với đại thệ nguyện trang nghiêm, được trí Nhất thiết chủng, vì chúng sanh nói pháp ấy, khiến được giải thoát, được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu bồ đề, Bồ tát từ khi mới phát tâm lại đây nghe pháp như vậy nên kiên cố tâm mình, không động không chuyển. Bồ tát đem tâm kiên cố, tâm không động không chuyển ấy tu sáu Ba la mật sẽ vào Bồ tát vị.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vì không động chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển, động chuyển cũng gọi là chẳng thoái chuyển?

Phật dạy: Không động chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển, động chuyển nên cũng gọi là chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, tại sao không động chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển, động chuyển nên cũng gọi là chẳng thoái chuyển.

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát đối với Thanh văn, Bích chi Phật địa không động chuyển nên gọi chẳng động chuyển. Nếu Bồ tát đối với Thanh văn, Bích chi phật địa động chuyển nên cũng gọi là chẳng thoái chuyển. Tu bồ đề do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là tướng của Bồ tát chẳng thoái chuyển. Do hành, loại tướng mạo ấy nên ác ma không thể phá hoại tâm Bồ tát, khiến lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển, nếu muốn vào Sơ thiền, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền cho đến diệt thọ tưởng định liền được vào.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển, nếu nuốn tu bốn niệm xứ, cho đến tám thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác, tam muội cho đến năm thần thông liền tu được. Bồ tát ấy tuy tu bốn niệm xứ cho đến năm thần thông, nhưng không thọ quả bốn niệm xứ; tuy tu các thiền, không thọ quả các thiền, cho đến không thọ quả diệt thọ tưởng định, không chứng quả Tu đà hoàn cho đến không chứng đạo Bích chi Phật. Bồ tát ấy cố vì chúng sanh mà thọ thân, theo chỗ thích ứng mà làm lợi ích cho họ. Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy thường nhớ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa tâm Nhất thiết trí nên không quí sắc, không quí tướng, không quí Thanh văn, Bích chi Phật, không quí Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; không quí bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, không qúi bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần; không quí mười trí lực cho đến mười tám pháp không chung của Phật, không quí sự nghiêm tịnh cõi Phật, không qúi sự thành tựu tuệ giác cho chúng sanh; không quí việc thấy Phật, không quí việc gieo trồng thiện căn, vì sao? Vì hết thảy pháp tự tướng không, không thấy pháp gì có thể sanh tâm quí, vì sao? Vì hết thảy pháp cùng với hư không, không có gì của chính nó, tự tướng không. Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển thành tựu tâm ấy đối với bốn oai nghi của thân ra vào, đến đi, ngồi nằm, đi ở, nhất tâm không loạn. Này tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển nếu ở nhà dùng sức phương tiện vì lợi ích cho chúng sanh nên thọ năm dục, bố thí cho chúng sanh, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, áo chăn đồ nằm cho đến đồ cần để nuôi sống đều cấp cho cả. Bồ tát ấy tự mình tu Thí ba la mật, dạy người tu thí, tán thán việc tu thí, hoan hỷ tán thán người tu Thí ba la mật, tu Giới ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển khi ở nhà có thể đem trân bảo đầy cõi Diêm phù đề thí cho chúng sanh, cho đến đem trân bảo đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới thí cho chúng sanh; cũng không tự vì tu phạm hạnh, không lấn ép khảo đánh người khác khiến họ ưu não. Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, chẳng thoái chuyển là vị thần cầm kim cương thường theo dõi Bồ tát nguyện rằng: Bồ tát ấy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta thường theo dõi, cho đến vị thần ngũ tánh cầm kim cương thường theo thủ hộ. Vì thế nên hoặc trời hoặc ma, hoặc phạm, hoặc các kẻ có sức lớn ở thế giới khác, không thể phá hoại tâm Nhất thiết trí của Bồ tát ấy, cho đến khi Bồ tát ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu bồ đề, ấy gọi là tướng chẳng thoái chuyển của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát thường đầy đủ năm căn là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, ấy gọi là tướng chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển là bậc thượng nhơn, chẳng phải hạ nhơn.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn, Thế nào là thượng nhơn?

Phật bảo tu bồ đề: Nếu Bồ tát nhất tâm tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tâm không tán loạn, ấy gọi là thượng nhơn. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là tướng chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển nhất tâm thường niệm Phật đạo; không làm chú thuật, hoà hợp thuốc thang, không chú thuật quỷ thần khiến nhập vào trai gái để hỏi việc lành dữ, trai gái, bỗng lộc, thọ mệnh dài ngắn, vì sao? Vì Bồ tát ấy biết các pháp ấy tự tướng không, vì không thấy tướng các pháp nên không làm việc nuôi sống một cách tà vạy, mà làm việc nuôi sống một cách thanh tịnh. Này, Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy gọi là tướng của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

LUẬN: Lại có tướng của Bồ tát chẳng thoái chuyển là nếu ác ma nghĩ rằng:: Nhất thiết trí với hư không bình đẳng. Nhất thiết trí có các danh tự hoặc gọi Nhất thiết trí, hoặc gọi Nhất thiết chủng trí, hoặc gọi Vô thượng đạo, hoặc gọi Vô lượng Phật pháp, hoặc gọi Bồ đề, đều là danh tự của Nhất thiết trí. Trong đây nói Nhất thiết trí nên biết là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hết thảy Bồ tát đều nguyện muốn được Nhất thiết trí, ma đi đến muốn phá hoại nói rằng:"Nhất thiết trí ấy trống không, không có gì của chính nó, chỉ các sư dối người vậy thôi, như hư không không có gì của chính nó, không sắc, không hình, không thể biết, Nhất thiết trí cũng như vậy. Thế nên nói cùng với hư không bình đẳng. Các pháp là các pháp trợ đạo giúp đưa đến trí Nhất thiết chủng như sáu Ba la mật v.v... pháp ấy cũng không. Trí Bát nhã không, không có tướng gì của chính nó, các pháp chỉ có danh tự, không có thật sự. Ở trong đó không có người được Nhất thiết trí, không có đi đến Nhất thiết trí, không có trợ đạo. Ngươi chỉ luống chịu cay đắng. thầy ngươi thường dạy ngươi xa lìa ma sự, nhưng Nhất thiết trí chính là Ma sự, vì sao? Vì bỏ Niết bàn mà thủ lấy sanh tử. Các kinh ngươi nghe trước đó hoặc nghĩa lý về sáu Ba la mật, đều chẳng phải Phật pháp, đều do người tạo ra, nay ngươi hối hận gấp, bỏ tà tâm ấy; nếu không bỏ, suốt ngày đêm chịu khổ trong ba đường ác".

Bồ tát chẳng thoái chuyển nghe việc ấy liền giác tri Ma sự, Ma hủy báng Nhất thiết trí, muốn khiến ta xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì hết thảy pháp tuy không, không có gì của chính nó nhưng vì chúng sanh phàm phu, điên đảo che tâm nên không biết, không thấy, ta sẽ lấy "tự tướng không" làm trang nghiêm được Nhất thiết trí, vì chúng sanh nói pháp. Nếu hết thảy pháp không mà ta lấy thật hữu làm trang nghiêm là không tương ứng, nếu các pháp không, trang nghiêm cũng không ấy là tương xứng; vì chúng sanh thuyết pháp cũng như vậy. Khiến chúng sanh được quả Tu đà hoàn; quả Tu đà hoàn có hai: 1. Là pháp vô vi dứt ba kiết sử; 2. Là quả Tu đà hoàn hữu vi tương ưng với không, vô tướng, vô tác tam muội. hai thứ ấy đều không: Trong pháp hữu vi do ba môn giải thoát nên không; trong pháp vô vi do không có tướng sanh, trụ, diệt nên không; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy. Bồ tát chẳng thoái chuyển, từ khi mới phát tâm trở đi, nghe pháp ấy kiên cố tâm mình không động, không chuyển. Mũi tên phiền não không vào được nên gọi là kiên cố; ngoại đạo ác Ma không lay chuyển được nên gọi là không động; không thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là không chuyển. Bồ tát đem ba tâm như vậy tu sáu Ba la mật vào Bồ tát vị. Nghĩa chữ Bồ tát vị như trước đã nói. Vào Bồ tát vị gọi là chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề hỏi: Không chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển, sao chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển?

Phật đáp: Phật đáp bằng hai cách bằng lấy hai đế là Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế. Nếu Bồ tát vào Bồ tát vị thời chuyển tâm Thanh văn, Bích chi Phật mà thẳng vào Bồ tát vị, ấy gọi là chuyển; không chuyển là vào đệ nhất nghĩa chẳng thoái chuyển. Trong các pháp "nhứt tướng" nghĩa là "vô tướng" còn không có định tướng Nhất thừa, huống gì Tam thừa thời không có gì để chuyển. Vì không có gì để chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, chẳng thoái chuyển, tuy hành theo pháp cõi Dục để độ chúng sanh mà đối với thiền định thì ra vào tự tại; vì đối với thiền định tự tại nên nếu muốn giáo hóa người khác tu bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, ba môn giải thoát, năm thần thông đều được tự tại. Tuy vào thiền định mà tâm kia nhu nhuyến, thanh tịnh nên không hưởng thọ cái phước sống lâu ở cõi trời, chỉ ở cõi Dục để giáo hóa, nên tuy tu bốn niệm xứ cũng không chứng quả Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật đạo. Bồ tát ấy xem xét mười phương quốc độ biết chỗ nào có thể làm lợi ích chúng sanh thời thọ thân sanh ở cõi ấy; như vậy gọi là tướng của chẳng thoái chuyển. Bồ tát ấy nhất tâm thâm niệm, thường không xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên chỉ quí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không việc khác nghĩa là thân kim sắc đủ 32 tướng của Phật; vì không bỏ bản nguyện độ sanh nên không quí Thanh văn, Bích chi Phật đạo. Người ấy vì quí pháp rốt ráo không vô sở đắc nên không quí việc bố thí, cho đến không quí việc gieo trồng căn lành, huống gì lợi dưỡng ngũ dục của thế gian, vì sao? Vì Bồ tát xem xét hết thảy pháp tự tướng không, không thấy có thật pháp nhất định có thể sanh tâm quí.

* Lại nữa, có người vì có chỗ tham quí nên tâm lay động không tự an, nếu được thời vui mừng, mất thời lo buồn; Bồ tát thời không quí gì, không tham gì nên đối với được mất tâm thanh tịnh không lay động. Thân hành, khẩu hành điều hòa không khác, nên bốn oai nghi nơi thân, nhất tâm thường nhớ không có trái lỗi.

* Lại nữa, vì thâm nhập Thiền ba la mật. nên bốn oai nghi nơi thân không có trái lỗi.

Hỏi: Trong kinh nói Bồ tát chẳng thoái chuyển có lực phương tiện, vì lợi ích chúng sanh nên hưởng thọ năm dục ấy là phương tiện gì?

Đáp: Thí như lấy kềm gắp lửa, tuy gắp mà mà không bị cháy tay. Năm dục lạc như lửa hay đốt cháy thiện căn của người. Bồ tát suy nghĩ ta xuất gia, chỉ có cái thân duy nhất làm sao dùng để bố thí, nhiếp hóa chúng sanh? chúng sanh cần nhiều ăn uống, y phục mà vật chu cấp của ta lại ít. Bồ tát vì nhiếp hóa chúng sanh nên sanh vào nhà giàu sang để bố thí cho chúng sanh tự do theo chỗ cần dùng của họ, chúng sanh xuất gia, tại gia đều được lợi ích. Thí như đại địa, nhân dân chim thú đều mong nhờ lợi nhuận. Khi ấy bốn cách tu sáu Ba la mật. Nếu xuất gia tán thán việc bố thí thì hoặc có người nói: Ông chỉ có một thân không có tài sản mà chỉ dạy người bố thí thời người ta không thể tín thọ; thế nên Bồ tát phương tiện làm người cư sĩ, đem tài sản làm sung mãn cho tất cả mà khuyên người bố thí, thời người ta tín thọ. Bồ tát hoặc làm Chuyển luân Thánh vương, trong khi khởi tâm nghĩ đến việc bố thí thời châu báu đầy cõi Diêm phù đề, như vua Đảnh sinh ở trong cung điện, khởi tâm muốn châu báu thời có châu báu đến bên đầu gối; hoặc làm Đế thích, hoặc làm Phạm vương, mưa châu báu đầy ba ngàn thế giới cúng dường chư Phật sung mãn hết thảy. Vì nhiếp hóa chúng sanh nên không tự thọ hưởng. Người hưởng thụ năm dục thời tâm sanh kiêu mạn, lấn ép người khác. Bồ tát thường dứt tham dục, các phiền não mỏng, không sanh kiêu mạn; vì không sanh kiêu mạn, nên không lấn ép người khác, ấy là tướng của chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, nếu Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn vào Bồ tát vị, được thọ ký, tức thời thần kim cương theo dõi thủ hộ; khi thành Phật đạo thời hiện thân kia, khiến người trông thấy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Hoặc người, hoặc phi nhân không thể phá hoại; người phá hoại là hoặc giết, hoặc trói, hoặc luận nghị hơn. Phi nhơn phá hoại là làm cho bệnh, cuồng, hoặc cướp mạng, hoặc hiện thân hung dữ làm cho sợ hãi, hoặc biến làm thân Phật nói tà đạo. Những việc như vậy không thể chiết phục Bồ tát.

Hỏi: Nếu được thần kim cương thủ hộ thế là Bồ tát tự mình không có sức sao?

Đáp: Bồ tát tự mình cũng có sức, lại do công đức của Bồ tát nên hay khiến thần kim cương thủ hộ; vì thần kim cương thủ hộ nên tuy chưa được pháp thân mà công đức vẫn tăng thêm. Lại khiến thiên thần thấy thần kim cương hộ vệ nên càng thêm kinh sợ. Bồ tát đầy đủ năm căn là nếu như người không có năm căn mắt, tai v.v... thời không khác gì cây đá; do lực năm căn nên hay thấy, hay nghe. Trong tâm Bồ tát không có năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ tức là phàm phu, không vào hàng Thánh.

Hỏi: Như kinh A tỳ đàm nói: Ai thành tựu năm căn là người không dứt thiện căn, cớ sao nay nói người không có năm căn tín, tấn v.v... tức là phàm phu?

Đáp: Chúng sanh không dứt thiện căn, tuy thành tựu năm căn nhưng không thể phát khởi tác dụng. Thí như trẻ nhỏ tuy có các phiền não, tham dục v.v... nhưng chưa thể phát sanh tác dụng, nên nói là không có. Năm căn, tín, tấn, niệm, định, tuệ cũng như vậy, chúng sanh tuy có mà không phát khởi tác dụng thế nên không kể. Năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ có hai loại: 1. là thuộc Thanh văn, Bích chi Phật; 2. Là thuộc Phật và Bồ tát. Năm căn thuộc Thanh văn, Bích chi Phật hay thâm tín Niết bàn, hay dùng trí tuệ biết thế gian vô thường, không, biết được Niết bàn tịch diệt; năm căn thuộc Bồ tát hay sanh tâm từ bi sâu xa đối với chúng sanh oán ghét, cũng hay quán thật tướng các pháp là vô sanh, vô diệt, tuy chưa được thành Phật cũng có thể tín thọ việc Phật. Lại do năm căn của Bồ tát nên hay thấy, hay nghe, hay biết lực thần thông của Phật, chẳng phải hàng Thanh văn, Bích chi Phật bắt kịp. Như trong kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát nói: Xá lợi phất, Mục liên, Tu bồ đề v.v... tuy ở hai bên Phật, song vì không có năm căn của Bồ tát nên không thấy Bồ tát đại hội và lực thần thông, cũng không nghe Phật nói lý bất khả tư nghì giải thoát. Thế nên nói, nếu Bồ tát đầy đủ năm căn tín, tấn v.v... thời gọi là chẳng thoái chuyển.

Hỏi: Trong các kinh khác nói: Người lành thời thân, khẩu, ý nghiệp không có dữ, biết ân, báo ân, hay vì chúng sanh nên từ bỏ cái vui của mình để an ổn cho chúng sanh, có làm việc lợi ích gì không cầu quả báo, như vậy là tướng của Thượng nhơn. Vì sao chỉ nói có một việc tâm không tán loạn, tu vô thượng đạo gọi là Thượng nhơn?

Đáp: Trong đây Phật tự lược nói chỉ một việc nhất tâm không tán loạn là thu nhiếp các pháp lành, vì sao? Vì quí trọng Phật đạo nên các phiền não bị bẻ mỏng, sanh từ tâm sâu xa đối với chúng sanh, tự đem thân mạng cấp thí huống gì không biết ân, báo ân. Thường nhất tâm niệm tưởng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giữ giới thanh tịnh, nên không sống theo tà mạng là không làm chú thuật, hoà hợp thuốc thang. Chú thuật là có thể dấu thân khiến người khác không thấy, có thể biến người làm súc thú. Hòa hợp thuốc thang là dùng mỗi cầu Tiên giáng và hòa hợp các thứ thuốc chữa bệnh để cầu tài danh cầu danh. Chú quỷ là có người muốn biết việc vị lai, phù chú ma quỷ khiến nhập vào con trai, con gái để hỏi việc lành dữ, sanh con trai hay con gái, thọ mạng dài ngắn giàu, vui, hơn, thua v.v... Nếu có làm là vì nhiếp hóa chúng sanh, phá tâm kiêu mạn của nó, không vì tài lợi danh vọng, vì sao? Vì người ấy biết hết thảy pháp tự tướng không; nên không thấy các

pháp tướng là thân mình, vợ, con, nam nữ; vì không thấy tướng ấy nên không làm việc tà để nuôi sống.

(Hết cuốn 73 theo bản Hán)

--o0o –

Cuốn 74

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, nay sẽ nói tiếp hành, loại, tướng mạo của Bồ tát chẳng thoái chuyển, hãy nhất tâm lắng nghe.

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát tu Bát nhã ba la mật thường không xa lìa tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên không nói đến năm uẩn, không nói đến mười hai nhập, không nói đến mười tám giới, vì cớ sao? Vì thường quán niệm năm uẩn tướng không, mười hai nhập, mười tám giới không, Bồ tát ấy không ưa nói việc quan, vì sao? Vì Bồ tát ấy an trú trong các pháp tướng không, không thấy pháp hoặc sanh hoặc hèn. Không ưa nói việc giặc giả, vì sao? Vì các pháp tự tướng không nên không thấy hoặc được, hoặc mất. Không ưa nói việc quân bình, vì sao? Vì các pháp tự tướng không, nên không thấy hoặc nhiều, hoặc ít. Không ưa nói việc đấu tranh, vì sao? Vì Bồ tát ấy an trú trong các pháp "như" nên không thấy pháp hoặc ghét hoặc yêu. Không ưa nói việc phụ nữ, vì sao? Vì an trú trong các pháp không, không thấy hoặc đẹp hoặc xấu. không ưa nói việc xóm làng, vì sao? Vì các pháp tự tướng không, nên không thấy pháp hoặc khởi, hoặc tán. Không ưa nói việc thành ấp, vì sao? Vì an trú trong các pháp thực tế, không thấy có hơn có thua. Không ưa nói việc nước, vì sao? Vì an trú trong thực tế, không thấy pháp có sở thuộc, không sở thuộc. Không ưa nói việc ta, vì sao? Vì an trú trong pháp tánh, không thấy pháp là ta, là không ta, cho đến không thấy kẻ biết kẻ thấy. Như vậy, không nói đến các việc thế gian, chỉ ưa nói Bát nhã ba la mật, không xa lìa tâm Nhất thiết trí. Nếu khi tu Thí ba la mật chẳng làm việc xan tham; khi tu Giới ba la mật chảng làm việc phá giới; khi tu Nhẫn ba la mật chẳng làm việc sân hận đấu tranh; khi tu Tấn ba la mật chẳng làm việc giải đãi; khi tu Thiền ba la mật chẳng làm việc tán loạn; khi tu Bát nhã ba la mật chẳng làm việc ngu si. Bồ tát tuy tu hết thảy pháp không mà vui pháp, yêu pháp. Bồ tát tuy tu pháp tánh, thường tán thán pháp bất hoại mà vui thích thiện tri thức là chư Phật và Bồ tát, Thanh văn, Bích chi Phật, những vị hay giáo hóa khiến vui thích an trú Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát ấy thường nguyện muốn thấy chư Phật, nghe quốc độ nào có

Phật hiện tại thì theo nguyện sanh đến đó; tâm như vậy thường hành ngày đêm đó là tâm niệm Phật. Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển tu Sơ thiền cho đến phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, nhờ sức phương tiện, nên muốn khởi tâm cõi Dục, nếu gặp chúng sanh hay tu mười thiện đạo, và chỗ hiện tại có Phật thời sanh đến trong đó. Có hành, loại, tướng mạo như vậy, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển, khi tu Bát nhã ba la mật an trú nội không, ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; an trú bốn niệm xứ cho đến ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô tác; ở trong tự địa mỗi mỗi biết rõ, không nghi ta là chẳng thoái chuyển hay chẳng phải chẳng thoái chuyển, vì cớ sao? Cho đến không thấy mảy may pháp hoặc chuyển hoặc không chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí như người được quả Tu đà hoàn, an trú trong Tu đà hoàn địa mỗi mỗi tự biết rõ, trọn không nghi, không hối; Bồ tát chẳng thoái chuyển cũng như vậy, an trú trong địa vị chẳng thoái chuyển trọn không nghi. An trú trong địa vị ấy làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, các ma sự khởi lên tức thời biết rõ không theo ma sự, mà phá hoại ma sự. Thí như người tạo tội ngũ nghịch, cái tâm tạo tội ngũ nghịch cho đến khi chết thường theo dõi không rời, tuy có tâm khác cũng không thể làm ngăn cách. Bồ tát chẳng thoái chuyển cũng như vậy, tự an trú ở địa vị mình, tâm thường bất động hết thảy thế gian người, trời, a tu la không thể động chuyển, vì cớ sao? Vì Bồ tát ấy đã vượt khỏi hết thảy thế gian, người, trời, a tu la mà vào trong ngôi vị chánh pháp, an trú trong địa vị tự chứng; đầy đủ các thần thông của Bồ tát hay nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, ở chỗ mười phương Phật gieo trồng căn lành, thân cận hỏi han chư Phật. Bồ tát an trụ như vậy, các ma sự khởi lên niền biết mà không theo; lấy lực phương tiện đặt ma sự vào trong thực tế, trong địa vị tự chứng, không nghi, không hối, vì cớ sao? Vì trong thực tế không có tướng nghi, nên biết thực tế ấy chẳng phải một chẳng phải hai. Vì nhân duyên ấy nên Bồ tát cho đến khi chuyển thân, trọn không hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật địa. Bồ tát ấy đối với các pháp tự tướng không, không thấy pháp hoặc sanh, hoặc diệt, hoặc nhơ, hoặc sạch. Tu bồ đề, Bồ tát ấy cho đến khi chuyển thân cũng không nghi ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hoặc chẳng được, vì cớ sao? Vì các pháp tự tướng không tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề, Bồ tát ấy an trú trong địa vị tự chứng, không nghe theo lời người khác, không ai phá hoại được, vì cớ sao? Vì Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy thành tựu trí tuệ bất động. Tu bồ đề. do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ấy nếu có ác Ma hiện làm thân Phật đi đến nói với Bồ tát rằng: "Nay ở đây người có thể thủ chứng A la hán đạo, chứ ngươi không có được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chưa được vô sanh pháp nhẫn, ngươi cũng có các hành, loại, tướng mạo chẳng thoái chuyển, cũng không có tướng được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Tu bồ đề, nếu Bồ tát nghe lời nói ấy tâm không đổi khác, không biến mất, không khinh, không sợ; Bồ tát ấy nên tự biết ta chắc chắn theo chư Phật được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì cớ sao? Vì các Bồ tát do các pháp ấy mà được thọ ký, ta cũng có pháp ấy được thọ ký. Này Tu bồ đề, hoặc ma, hoặc kẻ bị ma sai khiến hiện làm thân Phật đi đến, thọ ký Thanh văn, Bích chi Phật cho Bồ tát, Bồ tát ấy nghĩ rằng: Đó là ác ma hoặc kẻ bị ma sai khiến hiện làm thân Phật đi đến chứ chư Phật thời không lẽ nào dạy Bồ tát xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dạy an trú vào Thanh văn, Bích chi Phật đạo. Này Tu bồ đề, do các hành, loại, tướng mạo ấy, nên biết ấy là tướng chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Ác ma lại hiện làm thân Phật đi đến chỗ Bồ tát nói rằng: "Kinh điển của ngươi học, chẳng phải do Phật nói, cũng chẳng phải do Thanh văn nói mà là ma nói". Này Tu bồ đề, Bồ tát nên biết rằng: Đó là ác ma, hoặc ma sai khiến, dạy ta xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu bồ đề, nên biết Bồ tát ấy đã được Phật quá khứ thọ ký an trú địa vị chẳng thoái chuyển, vì cớ sao? Vì các Bồ tát kia đã có các hành, loại, tướng mạo chẳng thoái chuyển. Bồ tát này cũng có hành, loại, tướng mạo ấy, đó gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển khi tu Bát nhã ba la mật. Vì hộ trì các pháp, nên không tiếc thân mạng huống gì vật khác. Bồ tát hộ trì pháp nghĩ rằng: Ta không vì hộ trì pháp của một đức Phật, ta vì hộ trì pháp của mười phương ba đời các đức Phật. này Tu bồ đề, thế nào là Bồ tát hộ trì Phật pháp, nên không tiếc thân mạng? Tu bồ đề, như Phật nói hết thảy các pháp chơn không, khi ấy có người ngu si phá hoại không tín thọ, nói rằng: Đó là chẳng phải pháp, chẳng phải lành, chẳng phải Thế Tôn dạy. Tu bồ đề, Bồ tát vì hộ trì pháp như vậy nên không tiếc thân mạng. Bồ tát cũng nên nghĩ rằng: Chư Phật đời vị lai, ta cũng ở trong số ấy được thọ ký, pháp ấy cũng là pháp của ta, thế nên không tiếc thân mạng. Tu bồ đề, Bồ tát thấy được sự lợi ích ấy, nên hộ trì pháp không tiếc thân mạng. Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là tướng chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển nghe Phật thuyết pháp, chẳng nghi, chẳng hối, nghe xong thọ trì trọn không quên mất, vì cớ sao? Vì được Đà la ni.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, được Đà la ni gì mà nghe Phật thuyết kinh pháp không bị quên mất?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ấy được Đà la ni văn trì nên nghe Phật nói kinh pháp, không quên, không mất, không nghi, không hối.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, chỉ có nghe Phật thuyết pháp, không quên, không mất, không nghi, không hối hay là nghe Thanh văn, Bích chi Phật nói, nghe Thiên long, Qủy thần, A tu la, Khẩn na la, Ma hầu la già nói, cũng không quên, không mất, không nghi, không hối?

Phật bảo Tu bồ đề: Có các việc nói năng gì vị Bồ tát được Đà la ni nghe xong đều không quên, không mất, không nghi, không hối. Tu bồ đề, thành tựu các hành, loại, tướng mạo như vậy, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

LUẬN: Phật lại muốn nói kỷ càng về tướng chẳng thoái chuyển, nên bảo Tu bồ đề nhất tâm lắng nghe. Bồ tát thường không xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ưa tu rốt ráo không, nên không ưa phân biệt tướng quyết định của năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, lại không ưa nói việc quốc vương v.v... như các ngoại đạo, hưởng thọ người khác cúng dường, vì không có chánh đạo, hư dối, nhiễm đắm, tâm muốn giải sầu, nên luận bàn quốc sự, phân biệt cái vui thế lực của các quốc vương thời quá khứ; còn vị Bồ tát chẳng thoái chuyển không bàn luận các việc ấy, vì thấy hết thảy thế gian thường bị lửa vô thường thiêu đốt, chúng sanh đáng thương, ta chưa thành Phật đạo, ta chỉ nên nói pháp độ chúng sanh, không nên nói việc khác. Vì hết thảy pháp rốt ráo không, nên tướng lớn nhỏ không thể thủ đắc, việc giặc, việc binh cũng như vậy. Rốt ráo không tức là như như, pháp tánh, thật tế. Tu sáu Ba la mật, không nói đến sáu tệ. Bồ tát tuy an trú trong hết thảy pháp không mà vẫn vui pháp, yêu pháp, vì cớ sao? Vì Bồ tát không đắm trước hết thảy pháp không ấy. Lại tu pháp thứ lớp từ, thiền định, trí tuệ v.v... vậy sau mới chứng được hết thảy pháp không; pháp không ấy không thể miệng nói mà tâm đắm trước được, thế nên trước tu pháp tu thứ lớp.

* Lại nữa, trong pháp tánh không phân biệt các pháp, vì pháp tánh chẳng phải tướng phá hoại; Bồ tát không đắm trước pháp tánh, thương xót chúng

sanh vì họ mà phân biệt pháp thiện, bất thiện, khiến họ được hiểu. Tuy vì chúng sanh nói như vậy cũng thường tán thán pháp không phá hoại, dẫn dắt chúng sanh vào trong pháp tánh.

* Lại nữa, Bồ tát chẳng thoái chuyển lại không có người thân thiện, chỉ lấy chư Phật và đại Bồ tát cùng những người hay tán thán các pháp thực tướng làm thân thiện. Công đức và trí tuệ của Bồ tát ấy rất lớn, nên tùy ý đi đến, nếu muốn đến các cõi Phật thời tùy ý sanh đến. Bồ tát ấy tuy lìa dục được thiền định, do sức phương tiện nên vì chúng sanh mà sanh đến cõi Dục nơi có Phật hiện tại. Sanh vào cõi Dục là vì chúng sanh mà lưu lại một phần ái và mạn, chứ không vì quả báo thiền định mà sanh cõi Sắc và cõi Vô sắc; chỉ lấy thiền định làm nhu hòa tâm mình mà không thọ quả báo thiền định.

* Lại nữa, Bồ tát ấy, an trú trong nội không v.v... an trú nghĩa là thâm nhập thông suốt, tâm không vướng mắc, nên không sanh nghi: Ta la chẳng thoái chuyển hay chẳng phải chẳng thoái chuyển, tự tâm thâm nhập trí tuệ ấy gọi là tự địa chứng. Lại Bồ tát ấy không thấy hết thảy pháp hoặc chuyển hoặc không chuyển thế nên không sanh nghi. Nghi là thủ tướng có sở đắc, như người đi đêm thấy cây trụi nghĩ rằng hình người ta cũng vậy, liền sanh tâm nghi, hoặc chấp hai thủ tướng ấy nên gọi là nghi. Bồ tát tu vô tướng tam muội nên đối với hết thảy pháp không thủ tướng, thời không có chỗ để sanh nghi. Trong đây Phật nói thí dụ: Như Tu đà hoàn từ vô thỉ lại chưa được trí tuệ vô lậu, do dứt ba kiết, nên liền tự mình biết được pháp vô lậu đối với tứ đế, tâm quyết định không nghi hoặc khổ hoặc vui; bậc chẳng thoái chuyển cũng như vậy, từ vô thỉ lại chưa được thật tướng các pháp là địa vị chẳng thoái chuyển, đến khi được cũng không sanh nghi. Các người sanh nghi là thấy việc trái ngược, không giống như điều đã được nghe; Bồ tát đối với hết thảy pháp rốt ráo không, chẳng thấy việc không giống như pháp đã được nghe, nghi không có chỗ trú nên không nghi. Tự biết đó là đạo rốt ráo không thể bàn luận, không thể phá hoại. An trú trong địa vị ấy mà giáo hóa chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật, cũng có thể dùng sức phương tiện phá các ma sự. Pháp chẳng thoái chuyển ấy thường dõi theo Bồ tát cho đến khi thành Phật. Trong đây, Phật nói hai thí dụ: 1. Là Tu đà hoàn; 2. Năm tội nghịch. Hai tâm ấy sâu nặng nên không thể trừ bỏ: Tâm tu đà hoàn thường không thể từ bỏ; tâm tạo năm tội nghịch khi tội hết mới trừ. Như người vận suy, qủy thường theo dõi, tâm chẳng thoái chuyển theo dõi Bồ tát còn quá hơn thế. Tâm chẳng thoái chuyển, không ai có thể làm chuyển động được; các việc khổ bức bách không thể chuyển động; các sự cúng dường lợi dưỡng cũng không thể làm cho bỏ tâm ngộ thật tướng và tâm từ bi.

Từ trước lại đây nói về tướng mạo của tâm chẳng thoái chuyển, nay nói việc nó làm là giáo hóa chúng sanh, là nghiêm tịnh cõi Phật, từ chỗ các đức Phật gieo trồng căn lành, từ một đức Phật hỏi han pháp thâm yếu của chư Phật và các pháp môn độ sanh, mười phương các ma sự dấy lên mà không theo, do sức phương tiện xem xét ma sự ấy; đúng như Phật pháp xem xét các thân Ma như Phật không khác, vì cớ sao? Vì hết thảy pháp và thật tế đồng một tướng, nghĩa là vô tướng. Bồ tát khi chuyển thân cũng không hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật địa, vì sao? Vì Bồ tát khi được địa vị chẳng thoái chuyển biết hết thảy pháp thật tướng không, khi chuyển thân , tâm cũng không hướng vào Nhị địa, tâm không nghi hoặc được vô thượng đạo, hoặc không được. Bồ tát ấy đời đời không có ai hàng phục, phá hoại được.

Phật vì thí nghiệm Bồ tát ấy, nên nêu thí dụ: Nếu ma hiện làm thân Phật đi đến muốn dối trá thử Bồ tát ấy mà nói rằng: "Ngươi có thể thủ chứng A la hán trong đời nay, chứ ngươi không có tướng chẳng thoái chuyển có thể được Phật đạo; vô sanh pháp nhẫn tức là hết thảy pháp, trong đó làm sao có thể nhẫn được". Nếu Bồ tát nghe lời ấy tâm không thối mất, Bồ tát ấy tự biết chắc chắn được thọ ký từ chư Phật, vì sao? Vì ta có vô sanh pháp nhẫn nghe, ma sự mà không sợ hãi.

* Lại nữa, ác ma biết Bồ tát ấy hoan hỷ liền cho thọ ký Thanh văn, Bích chi Phật đạo, hoặc đời nay được quả A la hán, đời sau được Bích chi Phật đạo; nếu Bồ tát không nghe theo lời ma biến hóa thân Phật ấy, biết đó là ma hoặc ma sai khiến, vì cớ sao? Vì thân Phật mà lời nói ma, như thử tiền vàng gõ ra tiếng thời biết đó là thật hay giả. Nếu Phật thọ ký cho Bồ tát quả vị Thanh văn, Bích chi Phật thời trọn không có lẽ đó, vì cớ sao? Vì Phật dùng các phương tiện đều muốn khiến cho mọi người vào Phật đạo chứ làm sao lại dắt Bồ tát đi đến Thanh văn.

* Lại nữa, ma lại hóa làm thân Phật nói với Bồ tát rằng: "Kinh sách của ngươi hành trì đều là ma nói". Bồ tát ấy biết đó là ma sự, nên biết Bồ tát ấy đã được Phật thọ ký an trú trong tánh chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Bồ tát chẳng thoái chuyển rất ưa vui pháp, nên nghe pháp thời tâm liền mê say, toàn thân lông dựng ngược. Nghĩ đến tâm đại bi của Phật thời buồn vui rơi nước mắt, hoặc đối với pháp thậm thâm sanh tâm vui mừng, nên biết ấy là tướng của tâm chẳng thoái chuyển. Thí như quân binh lớn bị thối bại, thời sợ hãi sầu muộn, ngã xuống đất giống như chết, bà con trông thấy, muốn biết rõ sống chết, lấy gậy đánh vào, nếu thấy có lằn nỗi lên thời biết chắc còn sống. Bồ tát cũng như vậy, đều mang thân xác thịt, cớ sao

biết chắc chắn có thể thành Phật? Nếu nghe Phật pháp mà trong thân có tướng hiện ra, lông trên thân dựng đứng, nhan sắc khác thường, còn người khác nghe pháp không nhập tâm, thời không có tướng dị thường, giống như ngươi chết đánh không nỗi lăn. Bồ tát rất ưa pháp nên có thể xả thân vì pháp, hoặc Phật, hoặc đệ tử Phật ở giữa đại hội nói các pháp rốt ráo không, có một người cuồng chấp lấy tướng âm thanh, danh tự, đắm trước rốt ráo không, đưa ra những điều sai quấy rằng: nếu các pháp rốt ráo không, thời không có Phật, không có pháp, không có nghiệp tội phước, cũng không có tu hành tinh tấn đắc đạo chứng quả, như vậy đưa ra vô lượng sai quấy. Vi Bồ tát chẳng thoái chuyển quán sát, so lường biết người nào thuyết pháp có tâm không nhiễm trước, theo lời Phật thương xót chúng sanh nên nói; và biết người nào cuồng si đắm trước tướng ngôn ngữ, phá hoại rốt ráo không nên nói.

Bấy giờ Bồ tát chẳng thoái chuyển thà chết, hỗ trợ nói rằng: Đó là người cuồng, là người tà kiến, tự chìm vào tà kiến cũng dạy nhiều người rơi vào tà kiến hoại diệt Phật pháp. Ôm lòng sân hận quá sâu nên hoặc tự giết, hoặc bảo đệ tử giết. Bấy giờ Bồ tát nếu chết đã đến bên mình, mà vì bảo trợ pháp, nên không vì sợ hãi mà hủy hoại pháp tánh. Trong đây Phật nói nhân duyên: Bồ tát nghĩ rằng: Phật đời vị lai, ta cũng ở trong số ấy, pháp ấy cũng là pháp của ta, vì là pháp của ta nên không tiếc thân mạng để thủ hộ. Lại suy nghĩ rằng: Ta trong vô lượng đời vì phiền não tà kiến nên mất mạng nhiều vô số. Nay vì phát khởi tâm hổ trợ pháp của chư Phật trong ba đời mười phương, hoặc có ích mà chết còn hơn vô ích mà sống. Tâm vì pháp như vậy nên không tiếc thân mạng.

* Lại nữa, Bồ tát chưa thành Phật đạo, theo Phật nghe pháp thậm thâm, lãnh thọ được hết, không mất tín lực nên có thể thọ trì, có lực văn trì Đà la ni nên không quên mất, có lực đoạn nghi Đà la ni nên không nghi.

Tu bồ đề hỏi: Chỉ nghe lời Phật, tin tưởng ghi nhớ không nghi, nghe lời người khác cũng như vậy chăng?

Phật dạy: Hết thảy lời ai nói đều có thể ghi nhớ, hoặc hàng Nhị thừa, trời, rồng v.v... nói có đạo lý thời có thể tin tưởng, ghi nhớ, không nghi; không có đạo lý thời ghi nhớ, không nghi mà không tin.

* Lại nữa, có người nói:Tín là tà pháp, không nghi điều bất thiện là thiện. Có người nói hàng chư thiên, rồng, nhị thừa nói, đều là Phật pháp, do tướng chẳng thoái chuyển ấy nên nghe thời ghi nhớ, không nghi, không hối. Bồ tát ấy tuy chưa làm Phật, nhưng đối với thật tướng các pháp hoàn toàn không có

nghi. Do hành, loại, tướng mạo như vậy, ấy gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Hỏi: Được việc gì từ đó trở đi gọi là chẳng thoái chuyển?

Đáp: trong luận A tỳ đàm Tỳ ba sa nói: Quá ba a tăng kỳ kiếp về sau, gieo trồng nhân duyên về ba mươi hai tướng, từ đó trở đi gọi là chẳng thoái chuyển. Trong luận Tỳ ni a ba đà na nói: Từ khi gặp Phật Nhiên Đăng, lấy năm cành hoa cúng Phật, lấy tóc trải trên đất để Phật đi qua, Phật thọ ký cho chẳng thoái chuyển, bay lên giữ hư không, dùng kệ tán Phật, từ đó trở đi gọi là chẳng thoái chuyển. Trong Bát nhã ba la mật này nếu Bồ tát đầy đủ tu sáu Ba la mật đượclực trí tuệ phương tiện không đắm trước Ba la mật rốt ráo không, quán sát hết thảy pháp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng nhơ, chẳng sạch,chẳng đến, chẳng đi, chẳng một, chẳng khác, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng phải có, chẳng phải không, vô lượng hai pháp đối đãi nhau như vậy, do trí tuệ quán sát phá hết thảy tướng vô thường, sanh diệt v.v... Trước tiên nhơn nơi vô thường v.v... phá điên đảo chấp thường v.v... nay cũng bỏ luôn cách quán chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn v.v...; đối với chẳng sanh chẳng diệt cũng không đắm trước, cũng không rơi vào cái không, không có gì của chính nó; cũng biết đó là tướng chẳng sanh chẳng diệt, chẳng được không đắm trước, nên cũng tin dùng pháp chẳng sanh, chẳng diệt ấy, đối với trí tuệ chơn thật của chư Phật có tín lực nên thông suốt vô ngại, ấy gọi là Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, gọi là chẳng thoái chuyển. Bồ tát ấy tuy từ khi mới phát tâm lại đây, gọi là chẳng thoái chuyển, nhưng tướng chẳng thoái chuyển chưa đầy đủ nên không được Phật thọ ký cho, vì sao? Vì ngoại đạo, Thánh nhơn, chư Thiên, tiểu Bồ tát nghĩ rằng: Phật thấy người ấy có được những việc gì mà thọ ký cho? Người ấy chưa đủ nhân duyên an trú trong Phật đạo vì sao thọ ký cho; thế nên Phật chưa thọ ký cho. Bồ tát có hai hạng: 1. Là mang thân xác thịt còn sanh tử. 2. Là thân pháp tánh sanh. Được vô sanh pháp nhẫn, dứt các phiền não, sau khi bỏ thân xác thịt được thân pháp tánh sanh. Bồ tát thân xác thịt chẳng thoái chuyển cũng có hai hạng: Có hạng ở trước Phật được thọ ký; có hạng không ở trước Phật được thọ ký. Nếu gặp lúc Phật không ở đời, được vô sanh pháp nhẫn, hạng ấy không ở trước Phật được thọ ký.

Hỏi: Nếu như vậy có người đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, tùy thuận nghĩa lý vô sanh pháp nhẫn, người ấy chưa được thiền định, hoặc sanh tâm nghi, hoặc bị tâm chấp trước lôi kéo, hạng người như thế là Bồ tát gì? Là Bồ tát chẳng thoái chuyển chăng?

Đáp: Người ấy không gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển. Bồ tát chẳng thoái chuyển đối với Phật pháp thậm thâm còn không nghi huống gì đối với pháp môn ban đầu là vô sanh nhẫn. Người chưa được chẳng thoái chuyển có hai hạng: 1. là có lòng tin ít mà nghi ngờ nhiều. 2. là nghi ngờ ít mà lòng tin nhiều. Tin ít nghi nhiều là hơn chút ít đối với người đọc tụng Kinh; tin nhiều nghi ít là nếu được thiền định tức thời được "nhu thuận nhẫn", vì chưa dứt tâm ái trước pháp nên hoặc sanh tâm ái trước, hoặc bị lui mất. Người ấy nếu thường tu tập nhu thuận nhẫn ấy, nhu thuận nhẫn tăng trưởng nên dứt tâm ái trước pháp, được vô sanh nhẫn, vào Bồ tát vị. Lược nói nghĩa tướng chẳng thoái chuyển đã xong.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM THÂM ÁO THỨ 57.

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi: Phẩm Đăng Chú Thâm Áo)

(Kinh Đại Bát Nhã phần 2 ghi: Phẩm Thậm Thâm Nghĩa Thứ 55)

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy thành tựu công đức lớn, thành tựu vô lượng công đức, vô biên công đức. Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Bồ tát chẳng thoái chuyển thành tựu công đức lớn thành tựu vô lượng vô biên công đức, vì sao? Vị Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy được vô lượng, vô biên trí tuệ không chung cùng với hết thảy Thanh văn, Bích chi Phật. Vị Bồ tát chẳng thoái chuyển an trú trong trí tuệ ấy nên sanh bốn trí vô ngại, được bốn trí vô ngại ấy nên hết thảy thế gian người trời không thể biết cùng tận.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Phật hay do nhiều kiếp như cát sông Hằng, tán thán các hành, loại, tướng mạo của Bồ tát chẳng thoái chuyển. Bạch đức Thế Tôn, có chỗ thâm áo gì Bồ tát chẳng thoái chuyển an trú trong ấy mà khi tu sáu Ba la mật lại đầy đủ bốn niệm xứ, cho đến đầy đủ trí Nhất thiết chủng?

Phật khen Tu bồ đề rằng: Lành thay, lành thay! Tu bồ đề, ông vì hàng Bồ tát chẳng thoái chuyển hỏi chỗ thâm áo ấy. Này Tu bồ đề, chỗ thâm áo nghĩa nó là không, vô tướng, vô tác, không khởi, không sanh, không nhiễm, xa lìa, tịch diệt, như, pháp tánh, thật tế, Niết bàn. Những pháp như vậy là nghĩa thâm áo.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, chỉ có "không" cho đến Niết bàn là thâm áo, sắc cũng là thâm áo; thọ, tưởng, hành, thức cũng thâm áo; mắt cho đến ý cũng thâm áo, chẳng phải hết thảy pháp thâm áo ư?

Phật dạy: Hết thảy pháp cũng là thâm áo, sắc cũng là thâm áo, thọ, tưởng, hành, thức cũng thâm áo; mắt cho đến ý cũng thâm áo; sắc cho đến pháp, nhãn giới cho đến ý thức giới, thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng thâm áo.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là sắc thâm áo cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng thâm áo? Phật dạy: Vì sắc "như" thâm áo nên sắc thâm áo; vì thọ, tưởng, hành, thức "như" cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác "như" thâm áo nên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thâm áo.

Bạch đức Thế Tôn, thế nào là sắc "như" thâm áo cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác "như" thâm áo.

Này Tu bồ đề, Sắc "như" chẳng phải là sắc; chẳng phải lìa sắc, cho đến thức "như" chẳng phải là thức, chẳng phải là lìa thức; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác "như" chẳng phải là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Hy hữu thay, bạch đức Thế Tôn, do lực phương tiện vi diệu nên làm cho Bồ tát chẳng thoái chuyển, lìa sắc an trú Niết bàn, lìa thọ, tưởng, hành, thức an trú Niết bàn, lìa hết thảy pháp, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu mà an trú Niết bàn.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, Phật do lực phương tiện vi diệu, nên làm cho Bồ tát chẳng thoái chuyển, lìa sắc an trú Niết bàn, cho đến lìa hữu lậu, vô lậu pháp mà an trú Niết bàn. Này Tu bồ đề, nếu Bồ tát quán sát, so lường, tư duy pháp thậm thâm tương ứng với Bát nhã ba la mật như vậy mà nghĩ rằng: Ta nên tu như vậy, như trong Bát nhã ba la mật dạy, ta nên tập như vậy như trong Bát nhã ba la mật nói. Tu bồ đề, nếu Bồ tát làm được như kinh nói, học được như kinh nói, như trong Bát nhã ba la mật mà quán sát, tinh tấn đầy đủ, khi một niệm sanh ra sẽ được vô lượng, vô biên, vô số phước đức, Bồ tát ấy vượt qua vô lượng kiếp được gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; huống gì thường tu Bát nhã ba la mật ứng hợp với tâm

niệm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí như người nhiều dâm dục, ước hẹn với người nữ đoan chánh, thanh khiết, người nữ ấy bị trở ngại không đến đúng kỳ hẹn. Ý Tu bồ đề nghĩ sao? Tâm niệm người ấy bấy giờ để vào chỗ nào? Bạch đức Thế Tôn, tâm niệm người ấy để chỗ người nữ kia, thường nghĩ rằng: Tưởng nhớ tương lai sẽ cùng ngồi nằm hoan lạc với người nữ. Nàu Tu bồ đề, người ấy trong một ngày một đêm có bao nhiêu niệm sanh khởi? Tu bồ đề thưa: người ấy trong một ngày một đêm có rất nhiều niệm sanh khởi. Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát niệm Bát nhã ba la mật đúng như trong Bát nhã ba la mật nói, tu đạo ấy trong khoảng môt niệm vượt quá kiếp số, cũng như số tâm niệm trong một ngày một đêm của người kia. Bồ tát ấy tu Bát nhã ba la mật xa lìa các tội, là xa lìa các tội đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát ấy tu Bát nhã ba la mật, trong một ngày được công đức thiện căn, giả sử các công đức khác chứa đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng vẫn cũng không giảm, đối với các công đức tàn dư trăm phần không kịp một, ngàn phần ngàn ức vạn phần cho đến toán số, thí dụ cũng không thể kịp.

LUẬn: Tu bồ đề khi nghe nói tướng chẳng thoái chuyển, và công đức chẳng thoái chuyển tâm rất vui mừng tán thán công đức chẳng thoái chuyển, nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, bậc chẳng thoái chuyển thành tựu công đức vô lượng vô biên. Phật chấp nhận lời khen đó, lại tự nói nhân duyên của công đức lớn ấy chính là Bồ tát chẳng thoái chuyển, được vô lượng vô biên trí tuệ không đi chung với Thanh văn, Bích chi Phật; cần phải trước biết rồi sau làm, làm xong hưởng công đức ấy. Vì thế nói nhân duyên của công đức là do nơi trí tuệ vô lượng, vô biên. Trí tuệ là Bát nhã ba la mật, Bồ tát an trú trong Bát nhã ba la mật ấy, hay sanh ra bốn trí vô ngại: Đối với thật nghĩa hết thảy pháp, trí tuệ không chướng ngại, đã biết nghĩa vô ngại rồi, phân biệt mỗi mỗi danh tự các pháp, vì nó biểu thuyết thật nghĩa nên gọi là pháp vô ngại; danh tự ấy phải do ngôn ngữ, do ngôn ngữ nên phát xuất các danh tự ấy gọi là từ vô ngại; được pháp vô ngại và từ vô ngại nên vui nói thật nghĩa các pháp, ấy gọi là lạc thuyết vô ngại. Bồ tát an trú trong bốn trí vô ngại, hết thảy chúng sanh vấn nạn không thể làm cùng kiệt, như nước biển lớn không thể khô kiệt.

Tu bồ đề nghe Phật dạy đầy đủ tướng chẳng thoái chuyển ở trong hai phẩm trên. Nay vào phẩm này Phật mới mở cửa bốn vô ngại, lại muốn nói tướng chẳng thoái chuyển. Thế nên Tu bồ đề tán thán Phật: Thế Tôn có trí tuệ vô lượng, vô biên, công đức chẳng thoái chuyển cũng vô lượng, vô biên, nếu Phật trải qua kiếp số như cát sông Hằng vui nói cũng không thể cùng tận, tướng mạo chẳng thoái chuyển cũng không thể cùng tận.

Bạch đức Thế Tôn, những gì là chỗ thâm áo của bậc chẳng thoái chuyển? Bồ tát chẳng thoái chuyển, an trú chỗ thâm áo ấy thời có thể đầy đủ sáu Ba la mật, bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng?

Phật khen Tu bồ đề: Ông có thể vì Bồ tát chẳng thoái chuyển hỏi nghĩa thâm áo. Này Tu bồ đề, "Không, cho đến Niết bàn" ấy gọi là thâm áo.

Hỏi: Có những pháp mỗi mỗi phân biệt tỉ mỉ, vì người ta không hiểu nên có thâm áo, còn "không", không có gì của chính nó, lấy gì làm thâm áo?

Đáp: Chẳng phải miệng nói thẳng danh tự nên "không", mà cốt phân biệt, giải thích các tướng "hữu", bên trong không thấy có ngã, bên ngoài không thấy thực pháp nhất định; được cái "không ấy rồi, xem hết thảy pháp tướng đều là hư dối, có lỗi lầm, nếu diệt các tướng lại không nguyện sanh vào ba cõi. Cái "không" này là cái "không" do đắc đạo, chẳng phải miệng nói không, thế nên nói thâm áo.

* Lại nữa, không lại cũng không, nếu chấp trước cái không ấy thời có lỗi lầm, chẳng gọi là thâm áo; nếu cái không phát xuất từ sự phá tà kiến chấp có, ấy là thâm áo; nếu đối với không cũng không chấp trước không, nên cũng là thâm áo. Lại nữa, quán năm uẩn sanh diệt, phá điên đảo chấp thường; quán rốt ráo không, phá chấp tướng sanh diệt, vì sao? Vì trong "không' không có vô thường, không có sanh diệt. Không có sanh diệt có hai thứ: 1. Là người tà kiến cho thế gian thường có nên không có sanh diệt; 2. Là vì phá chấp tướng sanh diệt nên nói không có sanh diệt. Trong đây phá chấp tướng sanh diệt, cũng không chấp tướng chăng sanh, chẳng diệt, nên gọi là thâm áo. Các phiền não khó trừ nên nói sự lìa dục được tịch tịnh là thâm áo, vì sai lầm dễ, chơn thật khó. Như như, pháp tánh, thực tế là Niết bàn thâm áo, vì các Phạm thiên và 96 thứ ngoại đạo không thể hiểu kịp nên gọi là thâm áo. Lại trong Niết bàn , hết thảy người đắc đạo nhập vào vĩnh viễn không ra, cho nên thâm áo.

Hỏi: Trong đây nói "không" v.v... là thâm áo, ấy là "không" gì?

Đáp: Có người nói ba Tam muội không, vô tướng, vô tác, tâm số pháp gọi là "không", vì "không" nên quán các pháp "không". Có người nói: "Sắc sở duyên bên ngoài đều "không" duyên cái ngoại không ấy nên gọi là "không Tam muội". Trong đây Phật nói: Chẳng vì không Tam muội nên không, cũng chẳng vì sắc sở duyên bên ngoài nên không, vì sao? Vì nếu sắc bên

ngoài chẳng thực "không", do sức Tam muội làm cho không nên "không", thời cái không ấy hư dối chẳng thật. Nếu duyên cái ngoại không nên sanh tam muội thế cũng chẳng phải, vì cớ sao? Vì nếu sắc pháp v.v... thật là tướng "không" thời chẳng sanh không tam muội. Nếu sanh không tam muội thời chẳng phải là không. Trong đây nói lìa hai bên ấy mà nói trung đạo, nghĩa là các pháp nhân duyên hoà hợp sanh, pháp hoà hợp ấy không có tướng nhất định nên "không", vì sao? Vì pháp nhân duyên sanh không có tự tánh, vì không tự tánh nên tức là rốt ráo không. Rốt ráo không ấy từ xưa đến nay vốn "không", chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải người khác làm; chư Phật vì chúng sanh khả độ nên nói tướng rốt ráo không. Tướng "không" là thực thể của hết thảy pháp, không nhơn bên trong, bên ngoài mà có. Tướng không có nhiều danh tự gọi là vô tướng, vô tác, tịch diệt, ly, Niết bàn v.v...

Tu bồ đề biết các Bồ tát lợi căn đắm sâu vào niết bàn, vì Bồ tát ấy nên hỏi Phật: Chỉ có Niết bàn thậm thâm còn các pháp khác không thậm thâm ư?

Phật đáp: Chơn chánh quán sát sắc mà được Niết bàn, các pháp sắc v.v... nhơn Niết bàn nên thậm thâm, thế nên trong Kinh nói: Sắc "như" nên thậm thâm, sắc "như" tức là chính quán.

Tu bồ đề hỏi: Thế nào là vì sắc "như" nên sắc thậm thâm?

Trong đây Phật tự nói nhân duyên của thậm thâm: Là "như" chẳng là sắc, chẳng phải lìa sắc. Thí như lấy bùn làm bình, bùn chẳng phải tức là bình, chẳng lìa bùn có bình, cũng không được nói không có bình.

Tu bồ đề biết pháp nhân duyên ấy thậm thâm như biển cả không có đáy nên tán thán rằng: Hy hữu thay Thế Tôn! Phật dùng lực phương tiện vi diệu làm cho các Bồ tát lìa sắc v.v... mà an trú Niết bàn, cũng không chấp đắm Niết bàn, cũng không ở thế gian, ấy là lực phương tiện vi diệu.

Phật chấp nhận lời ấy, khen Bồ tát thực hành thật tướng các pháp được quả báo phước đức, bảo Tu bồ đề: Quán sát, so lường pháp thậm thâm tương ứng với Bát nhã như vậy, khi một niệm sanh khởi, liền được vô lượng, vô biên, vo số phước đức.

Hỏi: Pháp vô lậu của hàng Nhị thừa còn không có quả báo phước đức, huống gì Đại thừa do rốt ráo không mà quán pháp lại được vô lượng phước đức, mà chính phước đức ấy từ tâm đại bi thương xót chúng sanh phát khởi, như tội do não hại chúng sanh mà có?

Đáp: Trong tâm vô lậu của hàng Nhị thừa phiền não sạch hết, nên không có quả báo, phước đức, còn Bồ tát phiền não chưa hết, nên phải có phước đức quả báo.

* Lại nữa, Nhị thừa chứng đắc đối với thực tế nên đốt cháy hết các công đức; Bồ tát chẳng chứng lại sanh trở lại để độ sanh, nên có phước đức.

* Lại nữa, người ta có sai lầm đối với sự thật nên phước đức ít. Chánh tu hành thật sự nên phước đức nhiều, như thí cho súc sanh được phước gấp trăm, thí cho người ác được phước gấp ngàn, thí cho người lành được phước gấp mười vạn, thí cho người ly dục được phước gấp mười ức vạn, thí cho bậc Thánh Tu đà hoàn v.v... được phước vô lượng. Người phàm phu, tuy lìa dục, thực hành tâm từ bi, vì không được pháp thực tướng nên không được làm ruộng phước vô lượng; Tu đà hoàn tuy chưa ly dục, vì phân biệt được pháp thực tướng nên thành phước điền vô lượng. Ngộ được thực tướng các pháp có sâu, có cạn, thế nên Bồ tát vì thâm nhập thật tướng nên chỉ trong một khởi niệm được phước đức vô lượng vô biên. Trong đây vì mỗi niệm, mỗi niệm phước đức rất nhiều nên nói thí dụ: Tâm chúng sanh tuy niệm niệm sanh diệt, nhưng vì tương tục sanh nên không biết diệt theo. Như người dâm dục tâm đắm sâu điều dục lạc, vì không thỏa tình nên sanh tâm nhớ nghĩ, thủ tướng, mỗi mỗi phân biệt tìm lý do vì sao không đến, hoặc vì người con gái đổi lòng mà không đến hoặc bị người ngăn trở mà không đến. Sanh tâm giác quán nhiều như vậy, tâm ấy dễ biết, nên dùng làm ví dụ. Như vậy, là nhân duyên chỉ trong một niệm mà sự việc đã qua một kiếp; lại như người uống thuốc yếu, một năm mới lành bệnh, uống thuốc mạnh một ngày có thể lành. Bồ tát cũng như vậy, tu năm Ba la mật lâu ngày mới thành Phật. Có người tu Bát nhã ba la mật mau được thành Phật.

* Lại nữa, công đức của một ngày tu Bát nhã ba la mật, giả sử có hình chất đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới số như cát sông Hằng, thời đối với thực thể của chánh công đức trong một ngày còn không giảm thua, đối với phước đức ấy trăm phần không sánh kịp, cho đến toán số, thí dụ cũng không thể kịp.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà bố thí Tam bảo, Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ kheo tăng bảo trải số kiếp như cát sông Hằng. Ý ông nghĩ sao? Vì Bồ tát ấy do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất hiều, vô lượng, vô biên, vô số. Phật bảo Tu bồ đề: Chẳng bằng Bồ Bồ tát ở trong Bát nhã ba la mật thậm thâm, một ngày tu hành đúng như kinh nói, được phước đức rất nhiều, vì sao? Vì Bát

nhã ba la mật là Bồ tát đạo, nương đạo ấy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà cúng dường Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật trải số kiếp như cát sông Hằng. Ý ông nghĩ sao, Bồ tát ấy, do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng. Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát tu hành đúng như Bát nhã ba la mật thậm thâm, một ngày được phước rất nhiều, vì sao? Vì Bồ tát tu Bát nhã ba la mật vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật địa, vào Bồ tát vị, dần dần chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ trải số kiếp như cát sông Hằng. Ý ông nghĩ sao? Bồ tát ấy do nhơn duyên ấy được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức thế Tôn, rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát tu hành đúng như Bát nhã ba la mật dạy, một ngày tu bố thí, trì giới,nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ được phước rất nhiều; vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là mẹ của Bồ tát, Bát nhã ba la mật hay sanh các Bồ tát, các Bồ tát trú trong Bát nhã ba la mật hay đầy đủ hết thảy Phật pháp.

Tu bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật, tu pháp thí trải số kiếp như cát sông Hằng. Ý ông nghĩ sao, Bồ tát ây được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát tu hành đúng như Bát nhã ba la mật thậm thâm dạy, cho đến pháp thí trong một ngày được phước rất nhiều, vì sao? Vì Bồ tát ầy không xa lìa Bát nhã ba la mật thời không xa lìa trí Nhất thiết chủng; không xa lìa trí Nhất thiết chủng thời không xa lìa Bát nhã ba la mật. Vì thế Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nên xa lìa Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật trải số kiếp như cát sông Hằng mà tu bốn niệm xứ, cho đến tám thánh đạo phần, nội không cho đến trí Nhất thiết chủng. Ý ông nghĩ sao! Bồ tát ấy được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát đúng như Bát nhã ba la mật thậm thâm dạy, trong một ngày tu bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng, được phước rất nhiều, vì sao? Vì nếu Bồ tát không xa lìa Bát nhã ba la mật mà lay chuyển đối với trí Nhất thiết chủng, thời không có lẽ ấy. Nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà đối với trí Nhất thiết chủng lay chuyển, thời có lẽ ấy. Vì lẽ ấy nên Bồ tát thường không nên xa lìa Bát nhã ba la mật mà tu hành.

Tu bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà trải số kiếp như cát sông Hằng, tu tài thí, pháp thí và thiền định, có được phước đức đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ý ông nghĩ sao? Bồ tát ấy được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều, rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát đúng như Bát nhã ba la mật thậm thâm dạy, tu hành tài thí, pháp thí, thiền định trong một ngày có được phước đức đem hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được phước rất nhiều, vì sao? Vì đây là cách hồi hướng đệ nhất, nghĩa là Bát nhã ba la mật hồi hướng; nếu xa lìa Bát nhã ba la mật mà hồi hướng, ấy không gọi là hồi hướng. Vì vậy, nên Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên phương tiện học Bát nhã ba la mật hồi hướng.

Tu bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà hòa hợp các thiện căn có được của chư Phật và đệ tử Phật quá khứ, vị lai, hiện tại sống lâu nhiều kiếp như cát sông Hằng để tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ý ông nghĩ sao? Bồ tát ấy được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức thế Tôn, rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát đúng như Bát nhã ba la mật thậm thâm chỉ dạy mà tu hành cho đến chỉ một ngày, tùy hỷ đem thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được phuóc đức nhiều. Vì vậy nên Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát nhã ba la mật và phương tiện hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, như lời Phật dạy: Pháp do nhân duyên sanh khởi, đều từ vọng tưởng sanh, chẳng phải thật, làm sao Bồ tát được phước đức lớn? Bạch đức thế Tôn, dùng pháp nhân duyên sanh khởi lẽ đáng không thể được chánh kiến, vào pháp vị, lẽ đáng không thể được quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, dùng pháp do nhân duyên sanh khởi ấy lẽ đáng không được chánh kiến, vào pháp vị, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu bồ đề, Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật biết pháp do nhân duyên sanh khởi cũng không, không bền chắc, hư dối, không thật, vì sao? Vì Bồ tát ấy khéo học nội không, cho đến khéo học vô pháp hữu pháp không. Bồ tát ấy an trụ mười tám không ấy, mỗi mỗi quán sát pháp có tạo tác đều không, tức không xa lìa Bát nhã ba la mật. nếu Bồ tát như vậy dần dần không xa lìa Bát nhã ba la mật, dần dần được vô lượng, vô số, vô biên phước đức.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vô số, vô lượng, vô biên có gì khác nhau?

Tu bồ đề, vô số là không rơi vào số đếm hoặc trong tánh hữu vi, hoặc trong tánh vô vi. Vô lượng là cân lường không thể được hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại. Vô biên là biên giới các pháp không thể có được.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, vả chăng sắc cũng vô số, vô lượng, vô biên? Vả chăng thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên?

Này Tu bồ đề, có nhân duyên khiến sắc cũng vô số, vô lượng, vô biên; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch đức Thế Tôn, do nhân duyên gì nên sắc cũng vô số, vô lượng, vô biên? Thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì sac không nên vô số, vô lượng, vô biên; vì thọ, tưởng, hành, thức không nên vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch đức thế tôn, chỉ sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không; chẳng phải hết thảy pháp không ư?

Này Tu bồ đề, Ta chẳng từng nói hết thảy pháp không ư.

Bạch đức Thế Tôn, nói hết thảy pháp không. Các pháp không tức là không thể cùng tận; vô số, vô lượng, vô biên. Trong "không", số đếm không thể có được, lượng không thể có được, biên không thể có được. Do vậy, nên nghĩa không thể cùng tận, vô lượng, vô số, vô biên không có khác nhau. Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Pháp nghĩa ấy không có khác biệt, pháp ấy không thể nói, Phật dùng sức phương tiện nên phân biệt nói, đó là không thể cùng tận, vô lượng, vô số, vô biên vô trước; không, vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, Niết bàn. Đó là Phật mỗi mỗi dùng sức phương tiện nói.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch đức Thế Tôn! Thật tướng các pháp không thể nói mà Phật dùng sức phương tiện để nói. Như tôi hiểu nghĩa của Phật nói; hết thảy pháp cũng không thể nói.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, hết thảy pháp không thể nói, tướng hết thảy pháp không thể nói tức là không. Không ấy không thể nói.

Bạch đức Thế Tôn, nghĩa của không thể nói có thêm, có bớt chăng?

Phật dạy: Không, Tu bồ đề, nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt.

Bạch đức Thế Tôn, nếu nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt, thời Thí ba la mật cũng sẽ không thêm không bớt, cho đến Bát nhã ba la mật cũng sẽ không thêm không bớt; bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần cũng sẽ không thêm không bớt; bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, tám bội xả, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, Phật mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung của Phật cũng sẽ không thêm không bớt. Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát tu sáu Ba la mật không thêm cho đến mười tám pháp không chung không thêm, thời làm sao Bồ tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt. Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật, vì có sức phương tiện nên nghĩ rằng: Ta tăng thêm Bát nhã ba la mật cho đến tăng thêm Thí ba la mật. Lại sẽ nghĩ rằng: Chỉ có danh tự nên gọi là Thí ba la mật. Bồ tát khi tu Thí ba la mật, đem tâm ấy và thiện căn đúng như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà hồi hướng; cho đến khi tu Bát nhã ba la mật, đem tâm ấy và thiện căn đúng như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hồi hướng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Tướng "như" của hết thảy pháp ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức thế Tôn, thế nào là tướng "như" của hết thảy pháp ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu bồ đề: Sắc tướng như; thọ, tưởng, hành, thức như, cho đến Niết bàn tướng "như" là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; tướng "như" ấy cũng chẳng thêm chẳng bớt. Này Tu bồ đề, Bồ tát không lìa Bát nhã ba la mật, thường quán tướng "như" ấy, không thấy có thêm có bớt, vì nhân duyên ấy nên nghĩa của không thể nói không thêm không bớt, Thí ba la mật cũng không thêm không bớt, cho đến mười tám pháp không chung cũng không thêm không bớt. Này Tu bồ đề, Bồ tát vì pháp không thêm không bớt ấy, nên tu Bát nhã ba la mật.

LUẬN: Lìa Bát nhã ba la mật mà cúng dường Tam bảo, trải kiếp số như cát sông Hằng, không bằng một ngày tu Bát nhã. Lại có người sống lâu nhiều kiếp số như cát sông Hằng cúng dường Tu đà hoàn v.v... cũng không bằng một ngày tu Bát nhã. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ tát tu Bát nhã vượt quá Nhị thừa vào Bồ tát vị, thành vô thượng đạo. Lại xa lìa Bát nhã, tu sáu Ba la mật trải kiếp số như cát sông Hằng, chẳng bằng một ngày đúng như lời dạy, an trú trong Bát nhã tu sáu Ba la mật. Trong đây nói nhân duyên vì sao hơn? Vì Bát nhã là mẹ chư Phật, an trú trong Bát nhã là có thể đầy đủ các pháp của chư Phật. Đó là nói về tài thí. Nếu xa lìa Bát nhã mà thực hành pháp thí trải kiếp số như cát sông Hằng, chẳng bằng một ngày an trú trong Bát nhã thực hành pháp thí.

* Lại nữa, xa lìa Bát nhã mà theo pháp Thanh văn, Bích chi Phật, tu hành tứ niệm xứ, trải kiếp số như cát sông Hằng chẳng bằng một ngày đúng như lời dạy an trú trong Bát nhã, tu tứ niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Trong đây nói lý do hơn là vì không xa lìa Bát nhã, mà bị lay chuyển đối với Nhất thiết trí là không có lẽ ấy.

* Lại nữa, Bồ tát lìa Bát nhã mà tài thí, pháp thí, thiền định trải qua kiếp số như cát sông Hằng có được phước đức rồi hồi hướng vô thượng đạo, chẳng bằng một ngày ấn hợp với Bát nhã mà tài thí, pháp thí, thiền định sanh phước đức rồi hồi hướng vô thượng đạo, vì sao? Vì Bát nhã không có độc hại xen tạp, nên chính hồi hướng vậy.

* Lại nữa, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã mà sống lâu nhiều kiếp số như cát sông Hằng, tùy hỷ với công đức chư Phật ba đời mười phương, hồi hướng đến vô thượng đạo, chẳng bằng một ngày ấn hợp với Bát nhã mà tùy hỷ hồi hướng.

Bấy giờ, Tu bồ đề gạn hỏi Phật: Như Phật dạy hết thảy pháp hữu vi như huyễn, hư dối không thật, không thể sanh chánh kiến, vào chánh vị, làm sao Bồ tát phước đức tu trong một ngày mà hơn được. Phật chấp nhận lời ấy rằng: Như vậy, như vậy! Pháp hữu vi đều hư dối, không được dùng pháp hư dối để vào chánh vị, được chánh đạo. Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật, có được phước đức biết nó đều hư dối, trống không, không bền chắc, tâm không đắm trước phước đức ấy, phước đức ấy thanh tịnh, nên hơn phước đức khác như kim cương tuy nhỏ có thể đục phá núi lớn. Trong đây Phật dạy Bồ tát khéo học mười tám không, tuy quán không mà có thể thật hành các công đức; tuy biết Niết bàn vô thượng đạo mà vì thương xót chúng sanh nên

tu tập phước đức; tuy biết hết thảy pháp tướng chẳng thể nói mà vì chúng sanh mỗi mỗi phương tiện thuyết pháp; tuy biết trong pháp tánh. Nhất tướng vô tướng không có phân biệt mà vì chúng sanh phân biệt thiện bất thiện, khả hành, bất khả hành, thủ, xả, lợi, thất v.v... nếu Bồ tát tuy quán rốt ráo không, mà vẫn có thể làm các phước đức, ấy gọi là tu hành không lìa Bát nhã ba la mật. nếu Bồ tát thường không xa lìa Bát nhã ba la mật, thời dần dần được vô số, vô lượng, vô biên công đức, vì sao? Vì nếu khi Bồ tát mới học Bát nhã sức phiền não còn mạnh, sức Bát nhã còn yếu, dần dần được sức Bát nhã, dứt các phiền não, diệt các hý luận. Thế nên được phước đức vô số vô lượng vô biên. Phật tự phân biệt nói vô số là không rơi vào trong tánh hữu vi, hoặc tánh vô vi; cân lường ba đời không thể có được nên gọi là vô lượng; ranh giới mười phương cũng không thể có được nên gọi là vô biên.

Tu bồ đề hỏi Phật: Có thể có nhân duyên mà năm uẩn cũng vô số, vô lượng, vô biên ư?

Phật đáp: Có, do năm uẩn "không" nên cũng vô số, vô lượng, vô biên.

Tu bồ đề thưa: Chỉ có năm uẩn "không" chứ chẳng phải hết thảy pháp không ư?

Phật đáp: Hết thảy pháp không.

Tu bồ đề thưa: Pháp không ấy tức không thể cùng tận, không thể cùng tận tức là vô số, vô số tức là vô lượng, vô lượng tức là vô biên; thế nên trong "không" ấy sự cùng tận không thể có được, nên gọi là vô tận. Số đếm không thể có được nên gọi là vô số; sự cân lường không thể có được nên gọi là vô lượng; biên giới không thể có được nên gọi là vô biên. Bốn việc ấy danh tuy khác mà nghĩa đồng, nghĩa là đồng rốt ráo "không.

Phật chấp nhận lời ấy rằng: Đúng như vậy. Lại tự nói nhân duyên: Tướng pháp không ấy chẳng thể nói, nếu có thể nói thời chẳng gọi là không. Phật vì tâm đại từ bi thương xót chúng sanh nên phương tiện nói ra, miễn cưỡng nói ra danh tự, ngôn ngữ để khiến chúng sanh được hiểu. Chữ "không" hoặc nói là không thể cùng tận, vô số, vô lượng, vô biên v.v... thật tướng ấy không sanh, không tác, nên nói là không cùng tận, các bậc thánh khi ngộ được thật tướng các pháp, vào Vô dư Niết bàn, không rơi vào trong số sáu đường; pháp thật tướng ấy cũng không rơi vào trong số các pháp hữu vi, vô vi, thế nên gọi là vô số; chữ "lượng" là dùng trí tuệ cân lường tốt xấu, nhiều ít, lớn nhỏ, phải trái; ở trong thật tướng các pháp,vì dứt hết các tướng ấy nên gọi là

vô lượng. Thật tướng các pháp không thể lường nên gọi là vô biên. Thật tướng các pháp vốn tịch diệt nên gọi là vô trước. Trong thật tướng các pháp, tướng ngã và ngã sở nhất định không thể có được nên nói là không. Vì "không" nên vô tướng, vô tướng thời không tác, không khởi. Vì pháp ấy thường trú không hoại nên vô sanh vô diệt. Vì pháp ấy dứt được ô nhiễm của ba cõi nên gọi là không nhiễm, vì pháp ấy không dệt nên nghiệp phiền não nên gọi là Niết bàn. Như vậy có vô lượng danh tự theo mỗi mỗi nhân duyên nói thật tướng các pháp.

Bấy giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Hy hữu thay! Thật tướng các pháp tuy không thể nói mà Phật dùng sức phương tiện để nói; như con hiểu nghĩa Phật dạy chẳng phải chỉ có thật tướng không thể nói mà hết thảy các pháp cũng không thể nói. Phật chấp nhận lời ấy và nói nhân duyên: Hết thảy pháp rốt cuộc trở về "không", vì trở về "không" nên không thể nói, nghĩa của không thể nói tức là không thêm, không bớt. Nếu hết thảy pháp không thêm không bớt thời sáu Ba la mật và các thiện pháp cũng không thêm không bớt.

Nếu sáu Ba la mật và các thiện pháp không thêm thời làm sao được vô thượng đạo.

Phật chấp nhận lời đó và nói nhân duyên: Pháp tuy không thêm, bớt mà có thể được vô thượng đạo nghĩa là vị Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên tuy tu các pháp trợ đạo như Thí ba la mật. Nhờ dứt ngã, ngã sở và kiêu mạn nên không nghĩ rằng ta tăng trưởng được sáu Ba la mật, không chấp thủ tướng trong, tướng ngoài, tu các thiện pháp đúng như tướng vô thượng đạo mà hồi hướng.

Tu bồ đề hỏi: Thế nào là vô thượng đạo?

Phật đáp: Các pháp "như" là vô thượng đạo.

Tu bồ đề hỏi: Những gì là hết thảy pháp?

Phật đáp: Sắc pháp v.v... cho đến Niết bàn. Tướng "như" tịch diệt của các pháp ấy là tướng vô thượng đạo. Tịch diệt là không thêm, không bớt, không cao, không hạ, diệt các phiền não, hý luận, không động, không hoại, không bị chướng ngại. Bồ tát do Bát nhã ba la mật và sức phương tiện nên có thể làm cho bố thí đồng như tướng tịch diệt. Có các nhân duyên như vậy nói về tướng vô thượng đạo. Nếu Bồ tát thường nghĩ đến tướng vô thượng đạo tịch diệt thời làm cho hết thảy pháp đều đồng tướng tịch diệt cũng quán sát nghĩa

bất khả thuyết là tướng chẳng thêm chẳng bớt; Bồ tát như vậy mau được vô thượng đạo, vì không thêm không bớt, không thể thủ đắc.

(Hết cuốn 74 theo bản Hán)
--o0o –

Cuốn 75

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát dùng tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay dùng tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch đức Thế tôn, tâm lúc đầu không đi đến tâm lúc sau, tâm lúc sau không ở nơi tâm lúc đầu. Như vậy, mỗi tâm tâm số pháp không cùng lúc làm sao thiện căn tăng trưởng? nếu thiện căn không tăng trưởng làm sao sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu bồ đề: Ta sẽ nói thí dụ cho ông rõ, người trí nghe được thí dụ thời đối với nghĩa dễ hiểu. Này Tu bồ đề, thí như thắp đèn, dùng ngọn lửa lúc đầu đốt tim đèn hay dùng ngọn lủa lúc sau đốt tim đèn? Tu bồ đề thưa: Chẳng phải ngọn lửa lúc đầu đốt cháy tim đèn, cũng chẳng phải lìa ngọn lửa lúc đầu; chẳng phải ngọn lửa lúc sau đốt tim đèn, cũng chẳng phải lìa ngọn lửa lúc sau.

Này Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Tim đèn cháy chăng?

Bạch đức Thế Tôn, tim đèn thật cháy.

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát cũng như vậy, chẳng dùng tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng lìa tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chẳng dùng tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng lìa tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề! Trong đây Bồ tát từ khi mới phát tâm tu Bát nhã ba la mật đến khi đầy đủ mười địa thời được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, những gì là mười địa mà Bồ tát đầy đủ rồi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Bồ tát đầy đủ Càn huệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích chi phật địa, Bồ tát địa, Phật địa. Đầy đủ

mười địa ấy là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề, Bồ tát học mười địa ấy xong, chẳng phải tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng phải lìa tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chẳng phải tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng phải lìa tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, pháp nhân duyên ấy rất sâu, chẳng phải tâm lúc đầu, chẳng phải lìa tâm lúc đầu; chẳng phải tâm lúc sau, chẳng phải lìa tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Nếu tâm diệt rồi, tâm ấy có sanh lại chăng? - Thưa không. Bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Tâm sanh là tướng diệt chăng? - Là tướng diệt, bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Cũng trụ như vậy chăng? - Cũng trụ như vậy, như "như" mà trụ.

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? - Nếu tâm ấy như "như" mà trụ sẽ là thực tế chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề ý ông nghĩ sao? "Như" ấy rất sâu chăng? - Rất sâu, rất sâu, bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Chỉ "như" là tâm chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Lìa "như" là tâm chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? "Như' thấy "như" chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Nếu Bồ tát tu hành được như vậy là tu hành Bát nhã ba la mật thậm thâm chăng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát tu hành được như vậy là tu hành Bát nhã ba la mật thậm thâm.

Tu bồ đề ý ông nghĩ sao? Bồ tát tu hành như vậy là ở chỗ nào tu hành? - Tu bồ đề thưa: nếu Bồ tát tu hành được như vậy là không có chỗ tu hành. Vì sao? Vì nếu Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật an trú trong các pháp "như", thời không khởi niệm như vậy, không có chỗ khởi niệm, không có người khởi niệm.

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát tu hành như vậy là ở chỗ nào tu hành? - Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát tu hành như vậy là ở trong đệ nhất nghĩa tu hành, vì hai tướng không thể có được.

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Đó là tướng hư hoại của Bồ tát chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Phật bảo Tu bồ đề: Sao gọi là tướng chẳng hư hoại? - Tu bồ đề thưa: Bồ tát tu Bát nhã ba la mật không nghĩ rằng ta sẽ phá hoại tướng các pháp. Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát tu Bát nhã ba la mật chưa đầy đủ mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung của Phật, thời không được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác. Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát do sức phương tiện nên đối với các pháp không chấp thủ tướng, cũng không phá hoại tướng nó, vì sao? Vì Bồ tát biết hết thảy pháp tự tướng không. Bồ tát an trú trong tự tướng không ấy vì chúng sanh nên vào ba tam muội, dùng ba tam muội để thành tựu tuệ giác cho chúng sanh.

Bạch đức thế Tôn! Làm sao Bồ tát vào ba tam muội mà thành tựu tuệ giác cho chúng sanh.

Phật dạy: Bồ tát an trú ba tam muội ấy thấy chúng sanh ở trong pháp tác khởi tu hành. Bồ tát dùng sức phương tiện dạy khiến được pháp không tác khởi; thấy chúng sanh ở trong ngã tướng tu hành, Bồ tát dùng sức phương tiện dạy khiến tu hành 'không"; thấy chúng sanh ở trong hết thảy tướng tu hành, Bồ tát dùng sức phương tiện dạy khiến tu hành vô tướng. Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát tu Bát nhã ba la mật, vào ba tam muội, dùng ba tam muội để thành tựu tuệ giác cho chúng sanh.

LUẬN: Tu bồ đề hỏi Phật: Dùng tâm ban đầu được Vô thượng đạo hay dùng tâm sau được.

Hỏi: Cớ gì Tu bồ đề nạn hỏi việc ấy?

Đáp: Ở đoạn trên kia Tu bồ đề nghe nói các pháp chẳng thêm, chẳng bớt, tâm sanh nghi: Nếu các pháp chẳng thêm, chẳng bớt thời làm sao được Vô thượng đạo.

* Lại nữa, nếu do như thật tu hành đúng đắn được vô thượng đạo, thời chỉ có Phật được như vậy, còn Bồ tát chưa dứt hết phiền não, vô minh, làm sao có thể như thật tu hành đúng đắn?

* Lại nữa, ở trong đây Tu bồ đề tự nói lý do gạn hỏi, đó là tâm lúc đầu không đến tâm lúc sau, tâm lúc sau không ở nơi tâm lúc đầu, làm sao tăng trưởng được thiện căn để được vô thượng đạo? Vì nhân duyên như vậy nên hỏi rằng, dùng tâm lúc đầu được hay tâm lúc sau được? Phật lấy pháp nhân duyên sâu xa trả lời rằng: Không dùng tâm lúc đầu được, cũng không lìa tâm lúc đầu được, vì cớ sao? Nếu chỉ dùng tâm lúc đầu được, không dùng tâm lúc sau được ấy thời Bồ tát mới phát tâm, lẽ đáng liền là Phật. Nếu không có tâm lúc đầu làm sao có tâm thứ hai, thứ ba? Tâm thứ hai thứ ba lấy tâm lúc đầu làm nhân duyên căn bản. Cũng không chỉ có tâm lúc sau, cũng không lìa tâm lúc sau nghĩa là tâm lúc sau cũng không lìa tâm lúc đầu, nếu không có tâm lúc đầu thời không có tâm lúc sau. Tâm lúc đâu tập hợp vô lượng công đức, đến tâm lúc sau thời đầy đủ, vì đầy đủ nên có thể dứt hết phiền não và tập khí, được vô thượng đạo.

Ở trong đây, Tu bồ đề tự nói nhân duyên gạn hỏi: Tâm tâm số pháp lúc đầu và lúc sau không hiện có cùng lúc, không hiện có cùng lúc thời tâm quá khứ đã diệt, không hòa họp được, nếu không hòa hợp thời thiện căn không nhóm, thiện căn không nhóm, thời làm sao thành vô thượng đạo?

Phật lấy thí dụ hiện tiền để đáp: nhu tim đèn chẳng phải riêng ngọn lửa lúc đầu đốt cháy, cũng chẳng phải lìa ngọn lửa lúc đầu; chẳng phải riêng ngọn lửa lúc sau đốt cháy, cũng chẳng lìa ngọn lửa lúc sau mà đốt cháy tim đèn. Phật nói với Tu bồ đề: mắt ông thấy tim đèn đốt cháy, chẳng phải ngọn lửa lúc đầu, chẳng phải ngọn lửa lúc sau mà tim đèn đốt cháy, ta dùng mắt Phật thấy Bồ tát được vô thượng đạo chẳng do tâm lúc đầu được, cũng chẳng lìa tâm lúc đầu; chẳng do tâm lúc sau được, cũng chẳng lìa tâm lúc sau mà được vô thượng đạo. Đèn thí dụ cho Bồ tát đạo, tim đèn thí dụ cho phiền não vô minh, ngọn lửa thí dụ cho trí tuệ tương ưng Sơ địa cho đến trí tuệ tương ưng với Kim cang tam muội, đốt cháy tim đèn vô minh phiền não. Cũng chẳng phải ngọn lửa trí tuệ của tâm lúc đầu, cũng chảng phải ngọn lửa trí tuệ của tâm lúc sau mà tim đèn vô minh phiền não bị đốt cháy hết, được thành vô thượng đạo. Trong đây Phật lại giải thích nhân duyên được thành vô thượng

đạo, là Bồ tát từ khi mới phát tâm trở đi, tu Bát nhã ba la mật đầy đủ Sơ địa đến Thập địa, mười địa ấy đều hỗ trợ thành vô thượng đạo.

Mười Địa:

1.Càn huệ địa có hai: 1. là Thanh văn. 2. Là Bồ tát. hàng Thanh văn chỉ vì cầu Niết bàn nên siêng năng tinh tấn, trì giới thanh tịnh, kham chịu tu hành hoặc quán Phật tam muội, hoặc quán bất tịnh, hoặc tu từ bi, hoặc quán vô thường v.v... phân biệt nhóm các pháp thiện, bỏ pháp bất thiện, tuy có trí tuệ mà không được nước thiền định thời không thể đắc đạo nên gọi là Càn huệ địa. Còn Bồ tát thời từ khi mới phát tâm cho đến khi chưa được thuận nhẫn là Càn huệ địa.

2.Tánh địa là hàng Thanh văn tu từ noãn pháp cho đến thế gian đệ nhất pháp; còn hàng Bồ tát được thuận nhẫn, ưa đắm thật tướng các pháp, không sanh tà kiến, được nước thiền định.

3. Bát nhơn địa là tu từ khổ pháp nhẫn cho đến đạo tỷ nhẫn (hoặc gọi đạo loại nhẫn - ND); mười lăm tâm ấy đối với hàng Bồ tát là vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị.

4. Kiến địa là được thánh quả ban đầu, là quả Tu đà hoàn, còn đối với Bồ tát là địa vị chảng thoái chuyển.

5. Bạt địa hoặc là Tu đà hoàn, hoặc là Tư đà hàm, đoạn được sáu phần phiền não trong chín phần não tư hoặc của cõi Dục; còn đối với Bồ tát là đã vượt quá địa vị chẳng thoái chuyển cho đến chưa thành Phật, dứt các phiền não và các tập khí khác.

6. Ly dục địa là lìa các phiền não tham dục của cõi Dục, ấy gọi là A na hàm; còn đối với Bồ tát, vì lìa nhân duyên của năm dục, nên được năm thần thông.

7. Dĩ tác địa la hàng Thanh văn được tận trí, vô sanh trí, được A la hán; còn đối với Bồ tát là thành tựu Phật địa.

8. Bích chi Phật địa là đời trước gieo trồng nhân duyên về Bích chi Phật đạo, đời này được chút ít nhân duyên xuất gia cũng quán lý nhân duyên sâu xa mà thành đạo gọi là Bích chi Phật.

9. Bồ tát địa là từ Càn huệ địa trở đi cho đến ly dục địa. Lại nữa, Bồ tát địa là từ Hoan hỷ địa cho tới Pháp vân địa. Có người nói từ khi mới phát tâm trở đi cho đến Kim cang tam muội là Bồ tát địa.

10. Phật địa là đối với các Phật pháp như trí Nhất thiết chủng v.v... Bồ tát ở trong tự địa (là ở trong địa vị của chính mình -N.D) được đầy đủ; đối với mỗi mỗi địa quán đầy đủ, hai việc ấy đủ nên gọi là đầy đủ.

Hỏi: Cớ sao không nói Bồ tát tương tự Bích chi phật địa?

Đáp: Các địa khác không nói danh tự, chỉ Bích chi Phật địa nói danh tự là Bích chi Phật.

* Lại nữa, Bồ tát hay phân biệt biết chúng sanh có thể dùng nhân duyên Bích chi Phật để được độ, nên Bồ tát dùng trí tuệ thực hành việc Bích chi Phật. Như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Bồ tát Văn thù thi lị trải 72 ức lần làm Bích chi Phật. Bồ tát cũng như vậy. Đầy đủ chín địa, tu tập Phật pháp tuy chưa đầy đủ mười trí lực, bốn điều không sợ, tuy chưa đầy đủ, do tu tập gần Phật nên gọi là đầy đủ. Vì vậy, nói mười địa đầy đủ nên được vô thượng đạo.

Các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp, nên chẳng phải tâm lúc đầu, cũng chẳng lìa tâm lúc đầu; chẳng phải tâm lúc sau, cũng chẳng lìa tâm lúc sau mà được vô thượng đạo. Tu bồ đề tôn trọng pháp ấy nên tán thán rằng: Bạch đức Thế Tôn, pháp nhân duyên ấy rất sâu nghĩa là tâm quá khứ không diệt, không trụ mà có thể tăng trưởng được thành vô thượng đạo. Việc ấy rất sâu xa hy hữu, khó có thể tin hiểu, tâm ấy là trụ hay là diệt ư?

Phật hỏi ngược lại Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Kinh nói: "Nếu tâm diệt rồi có sanh lại chăng?" là các pháp tuy rốt ráo không, chẳng sanh, chẳng diệt; nhưng vì chúng sanh dùng sáu căn thấy pháp có sanh có diệt nên Phật hỏi tâm diệt rồi có sanh lại chăng? Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch đức Thế Tôn. Vì sao? Vì tâm diệt rồi làm sao sanh trở lại. Nếu tâm diệt rồi sanh trở lại thời rơi vào chấp thường. Kinh nói: "Nếu tâm sanh là tướng diệt chăng?" Là ở trên hỏi tâm quá khứ xong, nay hỏi tướng của tâm hiện tại sẽ diệt chăng? Thế nên đáp là tướng diệt, vì sao? Vì sanh diệt là tướng đối đãi, có sanh ắt có diệt, nên trước không mà nay có, có rồi lại hoàn không.

Kinh nói: "Tướng tâm diệt là diệt chăng?" Là hoặc tướng tâm diệt là diệt ư hay còn có diệt ư? Đáp: Thưa không, bạch đức Thế Tôn, vì sao? Vì nếu

tướng tâm diệt tức là diệt thời một tâm có hai lúc: Lúc sanh và lúc diệt. Nói vô thường là nói tâm tồn tại không quá một niệm, như trong kinh A tỳ đàm nói: Có pháp sanh, có pháp chẳng sanh; có pháp sắp sanh, có pháp không sắp sanh; có pháp diệt, có pháp không diệt; có pháp sắp diệt, có pháp không sắp diệt. Pháp sanh hiện tại ở trong một tâm có hai: 1. Là sanh. 2. Là sắp diệt. Sanh chẳng phải tướng sắp diệt, tướng sắp diệt chẳng phải sanh; việc ấy không đúng, cho nên Tu bồ đề đáp, không. Kinh nói: "Sẽ trụ như vậy chăng?". Là nếu tướng diệt chẳng phải tức là diệt, thời có lẽ thường trụ chăng? Nếu thường trụ tức tướng không diệt.

Phật gạn qua gạn lại như vậy, Tu bồ đề lý cùng nên nghĩ rằng: Ta nếu nói tướng diệt tức là diệt, thời một tâm rơi vào trong hai lúc; nếu nói chẳng diệt thì sự thật là tướng diệt làm sao nói rằng chẳng diệt. Vì hai lẽ trên đều có lỗi nên Tu bồ đề tự đem trí tuệ đã được chứng đắc mà đáp; Bạch đức Thế Tôn, trụ như vậy, như "như" trụ.

Kinh nói: "Nếu tâm ấy như "như" trụ, thời sẽ là thực tế chăng?". Là nếu nói tâm tương đồng với "như" mà trụ, thì "như" tức là thực tế. Nếu như vậy tâm có thể tức là thực tế chăng? - Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch đức Thế Tôn! Vì sao? Vì Tu bồ đề đã lâu tôn trọng thực tể, nhưng tâm là pháp hư dối, sức trí tuệ của hàng Tiểu thừa ít, không thể quán tâm tức là thật tế, thế nên Tu bồ đề đáp không.

Hỏi: Nếu Tu bồ đề đã nói tâm như "như", cớ sao tâm không được là thực tế?

Đáp: "Như" là thật tướng hết thảy pháp, thật tướng của tâm cũng là "như". Ý Tu bồ đề muốn nói những điều do sáu căn của phàm phu thấy được, hư dối, điên đảo cho nên có lỗi, nay nói tâm tướng "như' như thật không có lỗi, nên nói như như mà trụ. Lại thật tế tức là Niết bàn, nên không thể tức thời lấy tâm làm Niết bàn, cho nên đáp không.

* Lại nữa, vì thật tế không có tướng nên không được nói tâm tức là thật tế. Kinh nói "Như" ấy thậm thâm chăng?" là vì Tu bồ đề nói tâm như "như" mà trụ, lại nói tâm không được là thật tế, nên Phật hỏi "như" ấy thậm thâm chăng? Tu bồ đề không thể biết khắp nên đáp thậm thâm.

Kinh nói: "Phật hỏi: Chỉ như là tâm chăng?" - Tu bồ đề đáp: Thưa không, bạch đức Thế Tôn! vì sao? Vì "như" là một tướng, chẳng phải hai tướng. Tâm do nhân duyên ức tưởng phân biệt sanh nên là hai tướng: "Như" không có biết gì còn tâm có biết; lại "như" rốt ráo thanh tịnh nên không có biết, còn

tâm có điều giác tri. Lìa "như", tâm cũng như vậy, vì sao? Vì hết thảy pháp đều có "như", làm sao lìa "như" mà có tâm được.

Phật hỏi Tu bồ đề: "Như" có thể thấy "như" chăng?

Đáp: Trong "như" không có phân biệt là biết có thể biết, Bồ tát không an trú "như", pháp tánh, thật tế mà tu ngay Bồ tát đạo thâm sâu.

Phật hỏi Tu bồ đề: Nếu tu như vậy có thể tu Bát nhã ba la mật thậm thâm chăng? - Tu bồ đề tự quán xét hàng Tiểu thừa cạn mỏng, pháp Đại thừa sâu xa nên đáp rằng: Tu như vậy là tu Bát nhã ba la mật thậm thâm.

Bấy giờ, có Bồ tát chưa được vô sanh pháp nhẫn nghe pháp ấy thời tâm cống cao, tự cho mình ra khỏi Tiểu thừa, sâu vào Đại thừa. Phật muốn phá tâm cống cao ấy nên hỏi Tu bồ đề: Bồ tát tu như vậy là ở chỗ nào tu? Tu bồ đề thưa: Tu như vậy là không có chỗ tu, vì sao? Vì Bồ tát an trụ trong "như" không có phân biệt. Bồ tát nghe nói không có chỗ tu, thời hoặc bị rơi vào chấp đoạn diệt, nên Phật lại hỏi Tu bồ đề: Bồ tát tu Bát nhã là ở chỗ nao tu? Tu bồ đề thưa: Ở trong đệ nhất nghĩa tu. Tướng đệ nhất nghĩa là không có hai tướng.

Phật hỏi Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Nếu Bồ tát không ức niệm, tu đệ nhất nghĩa, sự tu ấy có thủ tướng chăng? - Tu bồ đề thưa: Thưa không. Bạch đức Thế Tôn!, Vì sao? Vì hết thảy pháp rốt ráo không, không có ức niệm tức là không tướng tu hành.

Phật hỏi Tu bồ đề: Bồ tát ấy phá hoại tướng mà được vô tướng chăng? Tu bồ đề thưa: Thưa không, vì tướng từ trước lại đây không có, chỉ trừ điên đảo nên không phá hoại tướng các pháp.

Phật hỏi Tu bồ đề: Nếu không phá hoại tướng các pháp làm sao tu hạnh vô tướng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế tôn, Bồ tát không nghĩ rằng ta sẽ phá tướng nên tu hành Bát nhã. Bồ tát chưa đầy đủ mười trí lực của Phật v.v..., do sức phương tiện nên không khởi tâm thấy có tướng, không khởi tâm thấy vô tướng, vì sao? Vì nếu chấp thủ tướng thời tướng ấy đều là hư dối vọng ngữ, có các sai lầm; nếu phá hoại tướng thì rơi vào chấp đoạn diệt, cũng mắc nhiều sai lầm. Thế nên không chấp thủ tướng có, không chấp thủ tướng không. Thủ tướng tức là hữu pháp, không thủ tướng tức là vô pháp; do lực phương tiện xa lìa hai bên có không ấy, thực hành trung đạo.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên là vì biết hết thảy pháp tự tánh không, nên không chấp có, không chấp không. Tự tướng không thời phá hết thảy pháp tướng, cũng tự phá tướng nó. Bồ tát an trú trong tự tướng không, khởi lên ba tam muội, làm lợi ích chúng sanh. Chúng sanh mỗi mỗi ước thọ thân ở trong sáu đường: Có người không nhiếp phục tâm, không thể tu phước, buông lung theo ý tạo nghiệp, hoặc đọa địa ngục, khi sắp chết gió lạnh bức thiết, thời mong muốn được lửa, bèn rơi vào ba đường ác, địa ngục, ngạ qủy, súc sanh; nếu được làm người thời bần cùng hạ tiện. Có người nhiếp phục tâm, bẻ gãy lòng xan tham, tu hạnh bố thí, trì giới, người ấy được sinh vào chỗ giàu vui trong cõi người, cõi trời dục giới. Có người lìa cõi dục, trừ năm triền cái, nhơn có năm căn tín, tấn, v.v... được năm thiền chi, thời sinh vào cõi sắc. Có người bỏ sắc tướng, diệt tướng đối đãi, không nghĩ đến tạp tướng, nên vào vô biên hư không xứ định v.v... Các việc làm như vậy đều là ước nguyện tà vạy. Vì sao? Vì lâu ngày đều sẽ bị phá hoại, đọa lạc. Thí như lấy dây buộc chim bay, dây hết, chim phải trở lại. Bồ tát do vô tác tam muội, dứt các nguyện ấy cho chúng sanh.

Lại, thân này đều không, chỉ có gân, xương, năm tạng, máu chảy, da bọc, đầy dẫy nhơ nhớp, gió theo tâm lay động, tâm ấy sanh diệt không ngừng, như huyễn, như hóa, không có thật tướng nhất định. Chúng sanh thấy tướng đi lại, nói năng nên cho là có người, có ta, có của ta, khởi tâm điên đảo; chỉ vì ức tưởng phân biệt nên có sự sai lầm ấy. Bồ tát dùng Không tam muội dứt tâm chấp ta, của ta cho chúng sinh, khiến an trú trong "không".

Lại, chúng sinh thủ lấy tướng nam nữ, sắc thanh, hương vị, tốt xấu, dài ngắn; vì thủ tướng nên sinh các phiền não, chịu các ưu khổ; Bồ tát dùng Vô tướng tam muội dứt các tướng cho chúng sanh, khiến an trú trong Vô tướng.

Hỏi: Nếu giáo hóa cho chúng sanh khiến chứng được "Không" là đủ, thì cần gì đến Vô tướng, Vô tác tam muội?

Đáp: Căn cơ chúng sinh có lợi độn. Người lợi căn nghe nói"Không" liền ngộ Vô tướng, Vô tác; người độn căn nghe nói "Không" phá các pháp, liền chấp thủ tướng "Không"; thế nên tiếp nói Vô tướng; nếu người tuy biết Không, Vô tướng, nhưng trí tuệ ấy lại muốn tác nghiệp thọ thân; nhưng biết thân ấy pháp hữu vi có các hoạn nạn, thế nên không nên tác nghiệp thọ thân. Như Kinh nói: Ngoài thân Bồ tát, các thân khác không thể có được cái vui trong giây lát huống gì lâu dài; thế nên nói Vô tác. Vì nhân duyên ấy nên cần nói đầy đủ ba tam muội để giáo hóa chúng sinh.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM MỘNG HÀNH THỨ 58

KINH: Bấy giờ Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ở trong mộng mà vào ba tam muội Không, Vô tướng, Vô tác thời có thể có ích đối với Bát nhã ba la mật chăng?

Tu bồ đáp; nếu Bồ tát ban ngày vào ba tam muội có ích ích đối với Bát nhã ba la mật, nên ban đêm ở trong mộng cũng sẽ có ích, vì sao? Vì ban ngày, ban đêm ở trong mộng không có khác nhau. nếu Bồ tát ban ngày tu Bát nhã ba la mật có ích, Bồ tát ấy ở trong mộng tu Bát nhã ba la mật cũng nên có ích.

Xá lợi phất hỏi: Bồ tát nếu ở trong mộng tạo nghiệp, nghiệp ấy có tích tụ thành không? Như Phật dạy: hết thảy pháp như mộng nên không tích tụ thành. Vì sao? Vì trong mộng không có pháp tích tụ thành, nếu khi thức nhớ tưởng phân biệt lại, nên tích tụ thành.

Tu bồ đề hỏi: Nếu người ở trong mộng sát sinh, khi thức rồi nhớ nghĩ, phân biệt, thủ lấy tướng sát sinh, ta giết như vậy khoái ư? Việc ấy thế nào?

Xá lợi phất đáp: Không có nhân duyên thời nghiệp không sinh, không có nhân duyên thời tư duy không sinh; có nhân duyên thời nghiệp sinh, có nhân duyên thời tư duy sinh.

Tu bồ đề nói: Như vậy, như vậy! Không có nhân duyên nghiệp không sinh, không có nhân duyên tư duy không sinh; có nhân duyên nghiệp sinh, có nhân duyên tư duy sinh. Đối với pháp thấy, nghe, hay, biết có tâm sinh, chẳng từ trong pháp không thấy, không nghe, hay biết tâm sinh; tâm ấy có sạch có nhơ. Vì thế nên có nhân duyên nghiệp sinh, chẳng từ không có nhân duyên nghiệp sinh; có nhân duyên tư duy sinh, chẳng từ không có nhân duyên tư duy sinh.

Xá lợi phất hỏi: Như Phật dạy hết thảy các nghiệp, các tư duy xa lìa tự tướng, làm sao nói có nhân duyên nên nghiệp sinh, không có nhân duyên nghiệp không sinh; có nhân duyên nên tư duy sinh, không có nhân duyên tư duy không sinh?

Tu bồ đề đáp: Vì chấp thủ tướng nên có nhân duyên nghiệp sinh, chẳng từ không có nhân duyên nghiệp sinh. Vì chấp thủ tướng nên có nhân duyên tư duy sinh, chẳng từ không có nhân duyên tư duy sinh.

Xá lợi phất hỏi: Nếu Bồ tát ở trong mộng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, tu trí tuệ; đem phước đức thiện căn ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là thật hồi hướng chăng?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát Di lặc đang ở trước mặt được Phật thọ ký chẳng thối chuyển sẽ làm Phật, nên hỏi Di lặc, Di lặc sẽ đáp.

Xá lợi phất hỏi Bồ tát Di lặc rằng: Tu bồ đề nói Bồ tát Di lặc hiện ở trước mặt được Phật thọ ký chẳng thối chuyển sẽ làm Phật, Di lặc sẽ đáp.

Di lặc Bồ tát nói với Xá lợi phất: Sẽ lấy danh Di lặc đáp chăng? hoặc lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức đáp chăng? hoặc lấy sắc không đáp chăng? hoặc lấy thọ, tưởng, hành, thức không đáp chăng? Sắc không thể đáp; thọ, tưởng, hành thức không thể đáp. Sắc không không thể đáp; thọ, tưởng, hành, thức không không thể đáp. Ta không thấy pháp ấy có thể đáp, không thấy người hay đáp; ta không thấy người được thọ ký, cũng không thấy pháp có thể thọ ký, cũng không thấy nơi thọ ký, hết thảy pháp ấy đều không hai, không khác.

Xá lợi phất nói với Di lặc Bồ tát: Như lời nhân giả nói, như thế là được pháp tác chứng chăng?

Di lặc đáp: Như lời tôi vừa nói, như thế chẳng chứng.

Bấy giờ Xá lợi phất suy nghĩ: Bồ tát Di lặc trí tuệ rất sâu; lâu ngày tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, tu trí tuệ, vì theo nghĩa vô sở đắc nên có thể nói như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Xá lợi phất: Ý ông nghĩ sao? Ông dùng pháp ấy được A la hán, có thấy pháp ấy chăng? - Xá lợi phất thưa: Không thấy.

Này Xá lợi phất! Bồ tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy, không nghĩ rằng tu pháp ấy sẽ được thọ ký; tu pháp ấy sẽ được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Xá lợi phất! Bồ tát tu Bát nhã ba la mật không nghi ta

hoặc được hoặc chẳng được, mà tự biết thực được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Xá lợi phất vì cớ gì đem việc trong mộng gạn hỏi Bồ tát về tam muội?

Đáp: Vì việc trong mộng hư dối như cuồng như điên, chẳng phải thất thật, còn ba tam muội là pháp thật. Lại, các chỗ khác nói ở trong mộng cũng có ba thứ: thiện, bất thiện và vô ký. Nếy Bồ tát lấy thiện tâm tu ba tam muội thời được phước đức. Nhưng mộng là việc cuồng si không thể ở trong đó tu thật pháp được quả báo; nếu có thật pháp thời không gọi là mộng. Vì thế nên hỏi: Nếu Bồ tát ở trong mộng tu ba tam muội có tăng trưởng Bát nhã ba la mật và phước đức, nhóm các thiện căn gần Phật đạo chăng?

Ý Tu bồ đề là, nếu nói tăng trưởng thời mộng là hư dối, còn Bát nhã là thật pháp, làm sao tăng trưởng được? Nếu nói không có tăng trưởng thời trong mộng có thiện, làm sao không tăng trưởng? Không được đáp rằng, có tăng trưởng, không tăng trưởng? Thế nên Tu bồ đề xa lìa câu nạn vấn về hai bên ấy, nên đem thực tướng các pháp để đáp: Còn phá hành nghiệp tạo trong ban ngày huống gì tạo trong mộng rằng: Bồ tát nếu trong ban ngày tu Bát nhã ba la mật có ích, thời trong ban đêm tu cũng có ích. Nhưng vì trong ban ngày tu còn không có ích, huống gì tu trong mộng! Vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không phân biệt có tướng ngày đêm.

Xá lợi phất nghe Tu bồ đề nói đã biết Bát nhã không thêm, không bớt, không còn gạn hỏi gì nữa. Nay lại nhân việc khác hỏi việc trong mộng: Này Tu bồ đề, nếu trong mộng tạo nghiệp, nghiệp ấy có tích tụ thành, nghiệp ấy thật có tích tụ thời nghiệp ấy có thành quả báo chăng? Nghiệp ấy nếu có thật, thời Phật thường nói hết thảy pháp không, như mộng, không thể tích tụ thành được, vì sao? Vì tâm mộng, vi tế, yếu ớt, không thể tích tụ thành nghiệp. Trong ban ngày tâm vi tế, yếu ớt còn không thể tích tụ thành, huống gì trong mộng! Nếu khi thức phân biệt trong mộng đã sinh tâm thiện, bất thiện là đã có thể tích tụ thành.

Tu bồ đề hỏi: Như người trong mộng giết người, khi thức dậy phân biệt rằng ta giết, thế là khoái chăng? Nghiệp ấy thế nào, có tích tụ thành chăng?

Xá lợi phất đáp: Hết thảy nghiệp trong ngày hoặc đêm đều từ nhân duyên sinh, không có nhân duyên thời không sinh.

Tu bồ đề chấp nhận lời ấy: Như vậy, nghiệp có nhân duyên thời sinh, không có nhân duyên thời không sinh,tu duy có nhân duyên thời sinh, không có nhân duyên thời không sinh. Nghiệp là thân nghiệp, khẩu nghiệp; Tư duy chỉ là ý nghiệp. Tư là nghiệp thật, còn thân, khẩu nghiệp vì do Tư nên gọi là nghiệp. Ba nghiệp ấy nhân nơi bốn thứ là, hoặc thấy hoặc nghe, hoặc hiểu hoặc biết, nhân bốn thứ ấy tâm sinh, tâm ấy theo nhân duyên sinh hoặc tịnh hoặc bất tịnh; tội nghiệp là bất tịnh, phước duyên là tịnh. Thế nên, nếu ở trong mộng thấy gì đều nhân việc thấy, nghe, hay, biết trước đó. Trong mộng tạo thiện, ác, vì sự ngủ nghỉ che tâm, không được tự tại, không có thế lực nên không thể tích tụ thành quả báo. Nếu nghiệp ấy khi thức dậy đem tâm thiện ác hòa hợp nên có thể giúp thành quả báo. Ý Tu bồ đề là, trong mộng tạo nghiệp thật có tích tụ thành, vì sao? Vì có nhân duyên nên mới sanh khởi, nên tâm trong ban ngày với tâm trong mộng không khác nhau, vì cớ sao? Vì đều nhân nơi bốn thứ thấy nghe hay biết làm sinh khởi.

Xá lợi phất lấy Không tánh để gạn Tu bồ đề: Như Phật nói hết thảy các nghiệp xa lìa tự tướng, ông làm sao nói chắc các nghiệp nhân duyên sinh, không có nhân duyên không sinh?

Tu bồ đề đáp: Các pháp tuy "không", xa lìa tự tướng, nhưng phàm phu chấp thủ tướng, có nhân duyên nên nghiệp sinh; nếu không chấp thủ tướng, không có nhân duyên thời nghiệp không sinh. Thế nên biết, hết thảy nghiệp đều từ nhân duyên chấp thủ tướng nên có, trong ban ngày và trong mộng không khác nhau.

Xá lợi phất lại hỏi: Nếu Bồ tát ở trong mộng tu sáu Ba la mật rồi hồi hướng Vô thượng đạo là thật hồi hướng chăng? Nếu trong mộng và trong ban ngày không khác nhau, thời ở trong mộng hồi hướng sẽ phải là thật? Lại, nếu trong ban ngày có tâm chấp trước thủ tướng, thời không gọi là hồi hướng, huống gì khi ngủ nghỉ che tâm? Tu bồ đề cho hai vấn nạn ấy sau xa, khó đáp, nên nói với Xá lợi phất nên hỏi Di lặc.

Hỏi: Cớ gì chỉ nói Không mà chẳng đáp?

Đáp: Hai đệ tử ấy vì lợi ích cho Bồ tát, nên phân biệt thức với mộng, hoặc đồng, hoặc khác. Vì Phật thường nói hết thảy pháp như mộng, vậy nếu trong ban ngày hành đạo thời trong mộng cũng có thể hành đạo. Di lặc thấy hai người đều có chỗ chấp, không thể thông suốt nên Di lặc không đáp.

Lại có người nói Di lặc lấy Không để đáp. Xá lợi phất hỏi Di lặc: Như "Không" được nói. lấy đó làm chứng đắc chăng? Ý Xá lợi phất là nếu lấy "không" làm chứng đắc tức muốn sinh nạn vấn, sao làm chứng đắc được? Nếu không chứng đắc, như vậy tự ông chẳng được, chẳng biết làm sao nói được. Ý Di lặc là : Ông lấy Niết bàn làm chứng đắc, ta cho Niết bàn cũng không, vì vô sở đắc nên chẳng chứng đắc.

Có người nói: Vì Di lặc chưa đầy đủ Phật pháp nên nói không làm chứng đắc. Pháp của Bồ tát là nên biết không, vô tướng, vô tác, chẳng nên chứng đắc.

Bấy giờ Xá lợi phất nghĩ rằng: Bồ tát Di lặc có trí rất sâu, nói được như vậy, biết được tướng Niết bàn mà không thủ chứng, ấy gọi là rất sâu. Trong đây Xá lợi phất tự nói nhân duyên: Vì Di lặc lâu ngày tu sáu Ba la mật nên có trí rất sâu. Ý Xá lợi phất là, Di lặc kế tiếp sẽ làm Phật, nên có thể đáp mà không đáp. Vì vậy Phật trở lại hỏi Xá lợi phất: Ý ông nghĩ sao? Ông thấy dùng pháp ấy được A la hán chăng? Xá lợi phất thưa: Không thấy, vì sao? Vì pháp ấy không, vô tướng, vô tác thời làm sao thấy được? Nếu thấy được tức là có tướng, mắt thịt, mắt trời phân biệt thủ tướng nên không thể thấy; mắt tuệ không có phân biệt thủ tướng nên cũng chẳng thấy, vì vậy đáp chẳng thấy.

Phật dạy: Bồ tát cũng như vậy, khi được vô sanh nhẫn, không nói rằng ta nhờ thấy pháp ấy mà được thọ ký sẽ được Vô thượng đạo. Tuy không khởi lên cái thấy ấy cũng chẳng sinh nghi: Ta chẳng được Vô thượng đạo. Như ông tuy chẳng thấy pháp cũng chẳng nghi ta thành A la hán hay chẳng thành A la hán.

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Có Bồ tát khi tu Thí ba la mật, gặp người đói rét, lạnh lẽo, áo chăn rách rưới, Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu bố thí cũng như khi ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có những việc như vậy; trái lại áo chăn, ăn uống, dụng cụ nuôi sống sẽ như cõi trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ Thí ba la mật, có thể đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Khi tu Giới ba la mật, thấy chúng sanh sát sinh cho đến tà kiến, nhiều bệnh, chết yểu, nhan sắc chẳng đẹp, không có uy đức, nghèo thiếu tài vật, sinh vào nhà hạ tiện, hình thù què quặt, xấu xí; Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu Giới ba la mật cũng như khi

ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ Giới ba la mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát khi tu Nhẫn ba mật, thấy chúng sanh giận dữ, mắng nhiếc lẫn nhau, dùng dao, gậy, ngói, đá tàn hại, cướp đoạt mạng sống của nhau, Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu Nhẫn ba la mật cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy, trái lại xem nhau như cha mẹ, như anh em, như chị em, như thiện tri thức, đều hành từ bi. này Tu bồ đề, tu như vậy có thể đầy đủ Nhẫn ba la mật, gần đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu tTấn ba la mật, thấy chúng sinh biếng nhác, không siêng tinh tấn, xa bỏ ba thừa Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thừa; Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu Tấn ba la mật cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy, trái lại hết thảy chúng sinh đều siêng tu tinh tấn, đối với ba thừa đều được độ thoát. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ Tấn ba la mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa,Tu bồ đề! Bồ tát khi tu Thiền ba la mật, thấy chúng sinh bị năm triền cái che lấp, đó là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi làm mất sơ thiền cho tới đệ tứ thiền; mất từ, bi, hỷ, xả; mất hư không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi phi tưởng xứ; Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu Thiền ba la mật cũng như khi ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ Thiền ba la mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật, thấy chúng sinh ngu si, mất chánh kiến thuộc thế gian và xuất thế gian, hoặc nói không có nghiệp, không có nhân duyên của nghiệp, hoặc nói ngã là thường, hoặc nói ngã là đoạn diệt; hoặc nói không có gì; Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu Bát nhã ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta được thành phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ Bát nhã ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh ở vào ba nhóm: một là nhóm chánh định; hai là nhóm tà định; ba là nhóm bất định,

Bồ tát nên nguyện rằng: tùy theo thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có nhóm tà định cho đến không có tên ấy. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể dây đủ sáu Ba la mật, cho đến gần trí nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh ở trong địa ngục, ngạ qủy, súc sinh, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta thành Phật, khiến trong cõi nước ta cho đến không có cái tên ba đường ác. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy cõi nước thuần là đất không có vàng bặc, châu báu, Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến trong cõi nước ta lấy cát vàng rải đất. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát jgi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có điều luyến đắm, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có điều luyến đắm. Này Tu bồ đề, Bồ tát khi tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy các hạng chúng sinh Sát đế lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà la, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịng cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh ở trong cõi nước ta không có tên gọi về bốn giai cấp đó. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy, có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có kém, vừa, hơn; sinh vào nhà kém, vừa, hơn, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi

nước ta không có điều hơn kém như vậy. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh sắc tướng mỗi mỗi sai biệt, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có sắc tướng mỗi mỗi sai biệt, trái lại hết thảy chúng sinh đều đoan chính, tinh khiết, thành tựu sắc đẹp. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật thấy chúng sinh có sáu đường sai biệt, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có tên gọi sáu đường là địa ngục, ngạ qủy, súc sinh, thần, trời, người, trái lại hết thảy chúng sinh đều đồng một nghiệp, tu bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, chóng đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có bốn loại sinh: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có ba loại sinh, trái lại đều bình đẳng một loại hóa sinh. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh không có năm thần thông, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta, hết thảy đều được năm thần thông cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có hoạn nạn về đại tiện, tiểu tiện, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta đều lấy việc vui pháp làm thức ăn, không có hoạn nạn về đại tiện, tiểu tiện, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh không có ánh sáng, nên phát nguyện: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta đều có ánh sáng, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy có sự tính đếm ngày, tháng, năm, thời tiết, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến trong cõi nước ta không có tên gọi về ngày, tháng, năm cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh thọ mạng ngắn ngủi, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta kiếp số, thọ mạng vô lượng, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh không có tướng tốt, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta đều thành tựu 32 tướng cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh xa lìa các thiện căn, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta thành tựu các thiện căn, dùng phước đức ấy có thể cúng dường chư Phật cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có ba độc, bốn bệnh, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có bốn bệnh: rét, sốt, bệnh gió, ba loại tạp bệnh và ba bệnh độc, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh theo tam thừa, nên phát nguyện rằng: Kiu ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có tên gọi Nhị thừa, chỉ toàn Đại thừa cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có tăng thượng mạn, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng inh trong cõi nước ta không có tên gọi tăng thượng mạn, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật cần phải phát nguyện: Nếu ta có ánh sáng, sống lâu có hạn lượng, tăng chúng có giới hạn, thời sẽ phát nguyện rằng: Ta tu sáu Ba la mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến ta có ánh sáng, sống

lâu không hạn lượng, tăng chúng không giới hạn, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, nên phát nguyện rằng: Nếu cõi nước ta có hạn lượng thời sẽ phát nguyện: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến cõi nước ta như Hằng hà sa cõi Phật. Này Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, nên nghĩ rằng: Tuy trong đường dài sinh tử, chúng sinh có nhiều căn tính, bấy giờ ta nên nhớ nghĩ chơn chính như vầy: Biên giới sinh tử như hư không; biên giới căn tính của chúng sinh cũng như hư không, trong đó thật tế không có sinh tử qua lại, cũng không có người giải thoát. Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

LUẬN: Hỏi: Vì thứ lớp gì mà nói Bồ tát thấy chúng sinh đói khát lạnh lẽo ...?

Đáp: Bồ tát vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật, được thọ ký vô sinh pháp nhẫn, không còn có việc gì khác, chỉ có một việc là làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Nay nói nhân duyên nghiêm tịnh cõi Phật là khi thấy tướng cõi nước bất tịnh, thời nguyện cõi nước ta không có các việc như vậy, nên thứ lớp nói việc ấy. Bồ tát khi tu Thí Ba la mật, nếu thấy chúng sinh đói khát, áo chăn rách rưới liền nghĩ rằng: Ta chưa thành tựu phước đức và trí tuệ nên không thể cấp đủ sự cần dùng cho chúng sinh; nếu ta chỉ tu tâm từ bi thời đối với chúng sinh không có lợi ích, lúc bấy giờ ta sẽ tu hành mạnh mẽ ba thứ phước đức, trụ trong ba thứ phước đức ấy có thể làm cho chúng sinh bần cùng được sung túc, đó là phước đức được làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm Thiên vương, hoặc làm Thánh nhân có thần thông, thời có thể dẫn dắt chúng sinh, phá lòng xan tham của họ, khiến tu bố thí, nên sau khi thành Phật, trong cõi nước không có kẻ nghèo cùng, trái lại tâm muốn gì đều có được, như các vật có được của cõi trời thứ sáu ở cõi Dục. Như vậy, Bồ tát lúc bấy giờ chứa nhóm công đức bố thí, nên quả báo được sung mãn hết thảy, vì cớ sao? Vì hết thảy pháp hữu vi đều thuộc nhân duyên sinh; nhân duyên tu thiện đầy đủ nên có thể tùy ý được quả báo.

* Lại nữa, chúng sinh vì nhân duyên phá việc trì giới nên thọ mạng ngắn, nhiều bệnh, không có uy đức. Bồ tát nguyện rằng: Ta tự đầy đủ trì giới, cũng

dạy chúng sinh trì giới. Các nguyện nhỏ nhặt khác cũng như vậy cứ theo nghĩa phân biệt. Nghĩa của lời nguyện tối hậu chẳng rõ ràng nên nay lược nói: Bồ tát khởi nguyện như trên, sinh tâm mỏi mệt nhàm chán nghĩ rằng: Theo Phật đạo phải tu hành công đức trải vô lượng, vô biên, vô số kiếp rồi sau này mới được. Nhưng số năm của một kiếp không thể đếm được, nên Phật dùng thí dụ chỉ dạy, huống gì vô lượng vô biên vô số kiếp sống chết, chịu các khổ não. Chúng sinh cũng vô lượng vô biên, không thể dùng thí dụ, toán số biết được; chỉ chúng sinh số như vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới còn khó độ, huống gì là chúng sinh số như vi trần trong mười phương vô lượng thế giới mà có thể độ được. Vì việc ấy nên tâm sinh thối chuyển; ấy gọi là nhớ nghĩ tà. Thế nên Phật dạy: Bồ tát phải chánh ức niệm rằng, đường sinh tử tuy dài, nhưng việc ấy đều không, như hư không, như thấy trong mộng, chẳng phải thật dài, không nên sinh tâm nhàm chán. Lại, đời vị lai là cảnh sở duyên của một niệm, cũng chẳng phải dài.

* Lại nữa, Bồ tát có vô lượng lực phước đức và trí tuệ, nên có thể vượt qua vô lượng kiếp. Do các nhân duyên như vậy, không nên sinh tâm nhàm chán. Trong đây, Phật nói nhân duyên lớn, đó là sinh tử như hư không, chúng sinh cũng như hư không, chúng sinh tuy nhiều nhưng cũng không nhất định thật có chúng sinh, như chúng sinh vô biên, vô lượng, trí tuệ Phật cũng vô biên vô lượng nên Phật độ sinh cũng chẳng khó; thế nên Bồ tát không nên sinh tâm mệt mỏi, nhàm chán.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM HÀ THIỆN THỨ 59

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi phẩm: Hằng già đề bà)

Kinh Đại Bát Nhã phần 2 ghi: Phẩm Căn Già Thiên Thứ 57)

KINH: Bấy giờ có một người nữ tên Hằng già đề bà ngồi ở giữa hội chúng. Người nữ ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, trạch áo vai bên hữu, gối bên hữu qùy sát đất, chấp tay bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, con sẽ tu sáu Ba la mật, sẽ làm tất cả hạnh thủ đắc cõi Phật thanh tịnh như trong Bát nhã ba la mật nói. Khi ấy người nữ lấy hoa vàng bạc và hoa sinh dưới nước, trên khô, các dụng cụ trang nghiêm để cúng dường; dệt chỉ vàng thành tấm thảm vải căng lên trên Phật. Căng lên xong, ở giữa hư không phía trên Phật, hóa thành đài báu,

có bốn cây trụ nghiêm trang đẹp đẽ. Người nữ đó liền đem công đức ấy chia cho chúng sanh, cũng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết thâm tâm của người nữ ấy, tức thời mỉm cười. Như pháp của chư Phật, các thứ ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng... đều từ trong miệng Phật phát ra, chiếu khắp mười phương vô lượng vô biên cõi Phật, rồi trở lại nhiễu quanh Phật ba vòng và vào trên đỉng đầu của Phật.

Khi ấy A nan từ chỗ ngồi đứng dậy, gối bên phải qùy sát đất, chấp tay bạch Phật rằng: Thế Tôn có nhân duyên gì mà mỉm cười? Vì pháp của chư Phật chẳng vì không có nhân duyên mà cười.

Phật bảo A nan: Đó là vì cô Hằng gia đề bà trong vô số kiếp vị lai sẽ thành Phật, kiếp gọi là Tinh tú, Phật tên là Kim hoa. Này A nan, người nữ ấy khi bỏ thân nữ, thọ thân nam, sẽ sinh vào cõi nước A tỳ la vệ của Phật A súc, ở đó tịnh tu phạm hạnh. Này A nan, Bồ tát ở cõi nước kia cũng có hiệu Kim hoa, Bồ tát Kim hoa ấy sau khi mệnh chung ở nước kia lại sinh đến cõi Phật ở phương khác. Từ một cõi Phật đến một cõi Phật, không rời chư Phật; ví như Chuyển luân Thánh vương từ một nhà đến một nhà, từ sinh đến chết, chân không đạp đất. Này A nan, Bồ tát Kim hoa cũng như vậy, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chưa từng không thấy Phật.

Khi ấy A nan nghĩ rằng: Bồ tát Kim hoa sau khi làm Phật, các hội Bồ tát sẽ như Phật hội?

Phật biết ý A nan nghĩ, bảo A nan rằng: Như vậy, như vậy! Lúc Phật Kim hoa hội các Bồ tát sẽ như Phật hội, tăng chúng của Phật Kim hoa vô lượng vô biên, không thể đếm , không thể đếm bao nhiêu trăm, ngàn, vạn, ức, na do tha. Này A nan, lúc Bồ tát Kim hoa làm Phật, cõi nước kia không có các điều xấu ác như trên đã nói.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, người nữ ấy từ chỗ nào trồng gốc đức, gieo căn lành?

Phật bảo: Người nữ ấy từ chỗ Phật Nhiên Đăng gieo căn lành, mới bắt đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem công đức ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng lấy hoa vàng rải lên trên Phật Nhiên Đăng cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. này A nan, như ta lúc bấy giờ lấy năm cành hoa rải lên trên Phật Nhiên Đăng cầu Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giá, Phật Nhiên Đăng biết ta thành tựu thiện căn, thọ ký cho ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người nữ nghe ta được thọ ký, phát tâm rằng: Đương lai tôi cũng như Bồ tát được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này A nan, nên biết người nữ ấy bắt đầu phát tâm ở chỗ Phật Nhiên Đăng.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, người nữ ấy lâu đời tập tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Phật dạy: Như vậy, như vầy! Người nữ ấy lâu đời tập tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Như vầy, cả đại chúng đều nghe nói tu hạnh làm nghiêm tịnh cõi nước, cớ gì chỉ một người nữ phát nguyện thủ đắc cõi nước thanh tịnh?

Đáp: Có nhiều người thủ đắc cõi nước thanh tịnh nhưng không nói ra. Tính người nữ khinh suất, háo thắng, vì tập khí nhiều đời nên không nói ra.

* Lại nữa, có người nói người nữ có được phần đắc đạo, các người khác không có. Phật pháp không vậy, tùy theo duyện nghiệp của chúng sinh; thí như thuốc hay trị lành các bệnh, không chọn sang hèn. Tuy có người nữ trí cạn mà có nghiệp duyên đời trước nên được thọ ký, sinh tâm muốn nói, nên Phật cho phép nói.

* Lại nữa, nếu Phật im lặng thọ ký cho thời người khác sinh nghi: Vì nhân duyên gì Phật chỉ thọ ký cho người nữ ấy? Thế nên nhân lời người nữ nói mà Phật thọ ký cho.

Hỏi: Cớ gì tên là Hằng già đề bà?

Đáp: Tất cả đều có tên gọi để mà biết, cần gì tìm hiểu nó.

Có người nói người nữ ấy do cha mẹ cúng dường thần Hằng già nên đặt tên Hằng già đề bà. Hằng già là tên sông; Đề bà nghĩa Trời. Người nữ ấy có nhân duyên phước đức sinh vào nhà giàu, nghe giảng Phật pháp, tin vui, nên dùng hoa báu, vàng bạc, chỉ vàng dệt thành áo thượng hạ và đồ anh lạc trang nghiêm nơi thân mình dùng để cúng dường Phật. Phật đáp lại bằng cách thọ ký cho và vì xem thấy sở hành đời trước của người nữ ấy nên mỉm cười. Vì nhân duyên nhỏ mà phát khởi đại sự nên Phật mỉm cười.

Hỏi: Phước đức người nữ ấy phải lâu lắm mới chuyển đổi thân nữ, cớ gì vừa ở nơi cõi Phật A súc liền chuyển đổi thân nữ?

Đáp: Năm món dục lạc của thế gian khó dứt, chính người nữa đắm say năm dục lạc rất nhiều, nên tuy đời đời tu phước đức mà không thể được thân nam tử. Nay được thọ ký, các phiền não chẻ mỏng, nên ở nơi nước Phật A súc liền được thân nam. Có người nói: Người nữ này trước vì bị nhiều người khinh là nữ, nên phát nguyện thọ thân nữ được thọ ký. Có các nhân duyên như vậy, không chuyển đổi thân nữ mà vẫn được thọ ký.

* Lại nữa, Kinh nói: thân người nữ có năm chướng ngại, chứ không nói không được thọ ký, thế nên không nên gạn hỏi.

A nan nghe nói người nữ ấy trong vô lượng kiếp từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật, rộng tu công đức, tương lai sẽ được cõi Phật thanh tịnh. Bồ tát ở trong cõi ấy đều có 32 tướng, 80 vẻ đẹp, ánh sáng vô lượng, thế nên A nan tán thán cho là việc chưa từng có, có thể được cõi nước thanh tịnh như vậy, giống như hội Phật. Phật chấp nhận lời ấy. A nan nghi người nữ ấy hiếm có: Nghe pháp ít mà được quả báo lớn. Thế nên A nan hỏi người nữ ấy từ chỗ nào trồng căn đức? Phật bảo: Lúc đức Phật Định Quang thọ ký cho ta, người nữ ấy cầm hoa vàng rải lên Phật và phát nguyện: người này (Bồ tát Thích ca Văn - ND) sau khi thành Phật cũng sẽ thọ ký cho ta như vậy. Từ các thiện căn ấy.

(Hết cuốn 75 theo bản Hán)
--o0o –

Cuốn 76

GIẢI THÍCH: PHẨM HỌC KHÔNG KHÔNG THỦ CHỨNG THỨ 60

(Kinh Đại Bát Nhã phần 2 ghi: Phẩm Tập Cận Thứ 59)

KINH:Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát ma ha tát muốn hành Bát nhã ba la mật, làm sao học không tam muội? Làm sao chứng nhập không tam muội? Làm sao học vô tướng, vô tác tam muội? Làm sao chứng nhập vô tướng vô tác tam muội? Làm sao học bốn niệm xứ? Làm sao

tu bốn niệm xứ? Cho đến làm sao tám thánh đạo phần? Làm sao tu tám thánh đạo phần?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật nên quán sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không; mười hai nhập, mười tám giới không; cho đến nên quán cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc không. Khi tu quán ấy khiến tâm không loạn. Bồ tát ma ha tát nếu tâm không loạn thời không thấy pháp ấy; nếu không thấy pháp ấy thời không khởi tâm chứng đắc, vì sao? Vì Bồ tát ấy khéo học tự tướng không, không có dư thừa, không có phân biệt, pháp chứng người chứng đều không thể thấy.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn! Như lời Phật dạy: "Bồ tát không nên khởi tâm chứng đắc pháp không". Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Bồ tát trú trong pháp không mà không khởi tâm chứng đắc?

Phật bảo Tu bồ đề: nếu Bồ tát quán "Không" đầy đủ trước tiên nguyện rằng ta nay không nên khởi tâm chứng đắc pháp "không", khi ta học chẳng phải là khi ta chứng. Bồ tát không chuyên nhiếp tâm buộc ở trong các duyên, thế nên Bồ tát đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thối thất,cũng không thủ chứng A la hán lậu tận. Này Tu bồ đề! Bồ tát như vậy là thành tựu pháp thiện diệu lớn, vì sao? Vì trú trong "không" ấy nghĩ rằng: Khi ta tu chẳng phải là khi ta chứng. Này Tu bồ đề! Bồ tát nên nghĩ như vầy, khi ta học Thí ba la mật chẳng phải là khi ta chứng. Khi ta học Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật; khi tu bốn niệm xứ cho đến khi tu tám thánh đạo phần, chẳng phải là khi ta chứng, khi tu "không" tam muội, vô tướng vô tác tam muội chẳng phải là khi chứng. Khi tu mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi của Phật chẳng phải khi chứng, khi ta học trí Nhất thiết chủng, chẳng phải là khi chứng đắc quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật.

Như vậy Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật học quán không, trú trong không; học quán vô tướng, vô tác, trú trong vô tướng, vô tác. Tu bốn niệm xứ, không chứng bốn niệm xứ, cho đến tu tám thánh đạo phần, không chứng tám thánh đạo phần. Bồ tát ấy, tuy học ba mươi bảy đạo phẩm, tuy tu ba mươi bảy đạo phẩm mà không chứng quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật. Này Tu bồ đề! Thí như tráng sĩ tráng kiện dũng mãnh, giỏi binh pháp, đủ sáu mươi bốn khả năng, cầm chắc binh khí, đứng vững không lay động, khéo các nghệ thuật, đoan chính, trong sạch, được mọi người yêu kính. Tạo ít sự nghiệp, được báo lợi nhiều, do nhân duyên ấy nên

được mọi người cung kính, tôn trọng, tán thán; thấy người kính trọng lại càng vui mừng. Khi có chút nhân duyên phải đi đến xứ khác, đem theo người già yếu đi qua chỗ hiểm nạn, khủng bố; an ủi cha mẹ, hiếu dụ vợ con chớ có sợ hãi, tôi có thể đi qua đây, chắc chắn không có việc gì khổ nạn. Trên con đường hiểm nạn có nhiều kẻ oán tặc ẩn núp cướp hại, người kia nhờ có trí lực đầy đủ nên có thể vượt qua đường hiểm, trở về nhà không còn gặp giặc nạn, hoan hỷ, an vui.

Này Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, có tâm từ, bi, hỷ, xả đầy đủ cùng khắp đối với hết thảy chúng sanh. Bấy giờ Bồ tát trú bốn tâm vô lượng, đầy đủ sáu ba la mật mà không thủ chứng A la hán lậu tận; học trí nhất thiết chủng, tu ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô tác; khi ấy Bồ tát không theo tất cả tướng cũng không chứng vô tướng tam muội; vì không chứng vô tướng tam muội nên không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, thí như chim có hai cánh bay lượn giữa không mà không bị rơi, tuy ở trong không mà cũng không ở trong không. Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, học ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác, cũng không khởi tâm chứng đắc; vì không chứng đắc nên không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Chưa đầy đủ mười trí lực, đại từ đại bi, vô lượng Phật pháp, trí Nhất thiết chủng của Phật cũng không chứng ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác, thí như người mạnh học các phép bắn cung, giỏi nghệ thuật bắn, ngửa mặt bắn lên không trung, lại dùng mũi tên sau bắn mũi tên trước, mỗi mũi tên bám vào nhau không để rớt xuống, tùy ý tự tại; nếu muốn để rơi liền ngưng bắn mũi tên sau, tự nhiên rơi xuống đất. Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, tu hành Bát nhã ba la mật, nhờ sức phương tiện nên vì các thiện căn về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chưa đầy đủ, không khởi tâm chứng đắc thực tế; nếu thiện căn thành tựu, bấy giờ bèn khởi tâm chứng đắc thực tế. Vì thế nên Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật phải như vậy quán các pháp tướng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Việc làm của Bồ tát ma ha tát rất khó, vì cớ sao? Vì tuy học các pháp tướng, học thực tế, học "như" học tự tướng không, và ba môn giải thoát mà hoàn toàn giữa đường không đọa lạc, việc ấy rất hiếm có.

Phật bảo Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát ấy vì không bỏ rơi chúng sanh nên phát thệ nguyện như vậy. Nếu Bồ tát ma ha tát ấy nghĩ rằng: "Ta không nên bỏ rơi chúng sanh, chúng sanh bị chìm trong pháp không có gì của chính nó, ta nên độ thoát". Bấy giờ liền vào ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác. Này Tu bồ đề! Nên biết Bồ tát ấy thành tựu sức phương tiện, tuy chưa được

trí Nhất thiết chủng mà tu hành ba môn giải thoát ấy cũng không giữa đường thủ chứng thực tế.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nếu muốn quán các pháp thậm thâm, đó là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến ba môn giải thoát. Bấy giờ Bồ tát nên sanh tâm như vầy: Các chúng sanh suốt đêm dài hành theo ngã tướng cho đến tướng kẻ biết, kẻ thấy, đắm nơi pháp sở đắc, ta vì dứt các tướng ấy cho chúng sanh, nên khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta sẽ thuyết pháp. Bấy giờ Bồ tát tu ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác cũng không thủ chứng thực tế (Niết bàn - N.D) vì không thủ chứng nên không rơi vào quả Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật. Này Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát ấy vì tâm muốn thành tựu thiện căn ấy nên không giữa đường khởi tâm chứng đắc thực tế, không mất bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác và mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung của Phật. Khi ấy Bồ tát thành tựu hết thảy pháp trợ đạo cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không hao giảm. Bồ tát ấy nhờ có sức phương tiện, thường tăng ích pháp hành, các căn thông lợi hơn căn tánh A la hán, Bích chi Phật.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Nếu Bồ tát nghĩ rằng: Chúng sanh suốt đêm dài đắm trước bốn điên đảo là tưởng thường, tưởng vui, tưởng sạch, tưởng ta; vì chúng sanh ấy nên ta cầu Nhất thiết trí, khi ta chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ vì chúng sanh nói pháp vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã. Bồ tát thành tựu tâm ấy do sức phương tiện tu hành Bát nhã ba la mật tuy không được tam muội của Phật, chưa đầy đủ mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung của Phật, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế. Bấy giờ Bồ tát tu môn giải thoát vô tác, tuy chưa chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế (Niết bàn).

* Lại nữa, Tu bồ đề! Nếu Bồ tát nghĩ rằng: Chúng sanh suốt đêm dài. đắm trước vào pháp sở đắc là ta, là chúng sanh, cho đến kẻ biết kẻ thấy, là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức; là mười hai nhập, là mười tám giới, là bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; ta thật hành như vậy, như khi ta chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ khiến chúng sanh không có pháp sở đắc ấy. Bồ tát thành tựu tâm ấy nhờ sức phương tiện tu hành Bát nhã ba la mật, tuy chưa đầy đủ mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ, đại bi, mười tám pháp không chung của Phật, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế. Bấy giờ Bồ tát tu "không" tam muội đầy đủ.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Nếu Bồ tát nghĩ rằng chúng sanh suốt đêm dài tập hành theo các tướng là tướng nam tướng nữ, tướng sắc tướng vô sắc; ta tập hành như vậy khi ta chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ khiến chúng sanh không có các tướng tội lỗi ấy. Tâm ấy thành tựu do sức phương tiện tu hành Bát nhã ba la mật, tuy chưa đầy đủ mười trí lực cho đến mười tám pháp không chung của Phật, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế. Bấy giờ Bồ tát tu vô tướng tam muội đầy đủ.

Tu bồ đề! Nếu Bồ tát học sáu ba la mật, học nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; học bốn niệm xứ cho đến ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác; học mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung của Phật. Thành tựu trí tuệ như vậy mà nếu còn đắm trước pháp tạo tác, hoặc còn ở trong ba cõi thời không có lẽ đó. Bồ tát ấy khi học pháp trợ đạo, hành pháp trợ đạo nên thử hỏi: Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao học pháp ấy, quán không nhưng không chứng thực tế? Vì không chứng nên không rơi vào quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật; quán vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu, cũng không thủ chứng thực tế mà tu hành Bát nhã ba la mật, nên hỏi như vậy. Này Tu bồ đề! Nếu khi Bồ tát thử hỏi, mà Bồ tát ấy nếu đáp như vầy: Bồ tát chỉ nên quán "không", chỉ nên quán vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu; Bồ tát không nên học "không" vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu, không nên học pháp trợ đạo ấy.

Này Tu bồ đề! Nên biết Bồ tát ấy Phật chưa thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì người ấy không thể nói, không thể chỉ bày, không thể đáp về tướng sở học của Bồ tát chẳng thoái chuyển. Nếu Bồ tát ấy nói được, chỉ bày được, đáp được về tướng sở học của Bồ tát chẳng thoái chuyển, thời nên biết Bố tát ấy đã tập học đạo Bồ tát, bước vào Bạt địa như các Bồ tát chẳng thoái chuyển khác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn có thể có vị Bồ tát chưa được chẳng thoái chuyển mà đáp được như vậy chăng?

Phật dạy: Có. Bồ tát ấy hoặc nghe, hoặc không nghe sáu ba la mật, đều đáp được như vậy như Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ thưa: Bạch đức Thế Tôn, có nhiều Bồ tát cầu Phật đạo, mà ít có Bồ tát đáp được như vậy, như Bồ tát chẳng thoái chuyển, như trong hàng học đạo, vô học đạo.

Phật dạy Tu bồ đề: Như vậy! Như vậy! Bồ tát ấy rất ít, vì sao? Vì ít có Bồ tát được thọ ký tập hành địa vị chẳng thoái chuyển và Càn huệ, nếu được thọ ký thời người ấy có thể đáp như vậy, người ấy thiện căn sáng suốt, chư thiên và người đời không thể phá hoại.

LUẬN: Hỏi: học "không" chứng nhập "không" có sai khác gì?

Đáp: Đầu gọi là học "không", sau là chứng nhập "không", nhơn là học "không", quả là chứng nhập 'không", phương tiện là học "không", chứng đắc là nhập "không", vô tướng, vô tác, ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng như vậy. Ba môn giải thoát, ba mươi bảy pháp trợ đạo là con đường đi đến Niết bàn của Thanh văn, Bích chi Phật, Phật dạy Bồ tát nên đi con đường ấy. Tu bồ đề nghĩ rằng: Làm sao Bồ tát đi theo con đường Niết bàn ấy mà không thủ chứng Niết bàn? Phật dạy: Bồ tát quán hết thảy pháp sắc v.v... là không. Bồ tát ấy do vào sâu thiền định tâm không rối loạn, được sức trí tuệ mảnh lợi nên không thấy pháp không ấy, vì không thấy nên không có gì thủ chứng; còn hành Thanh văn, Bích chi Phật dứt ngã chấp, bỏ tâm ưa đắm, đi thẳng tới Niết bàn. Bồ tát khéo học tự tướng "không" đối với sắc pháp cho đến mảy bụi cũng không lưa lại vi tế nhất; đối với pháp vô sắc cho đến cũng không lưu lại một ý tưởng, đi thẳng vào rốt ráo không, cho đến không còn thấy pháp không ấy, để có thể chứng đắc.

Tuy Phật pháp như vậy, Tu bồ đề chưa hiểu ý Phật lại hỏi: Như lời Phật dạy, Bồ tát không nên thủ chứng pháp không, nay vào trong pháp không, làm sao không thủ chứng?

Phật đáp: Vì thâm nhập nên không thủ chứng; đầy đủ tức là thâm nhập, thí như cầm cây cỏ may, cầm lỏng thời xước tay, cầm chắc thì không xước, Bồ tát cũng như vậy, vì thâm nhập không, nên biết "không" cũng không, Niết bàn cũng không, nên không có gì chứng đắc.

* Lại nữa, Bồ tát khi chưa vào không, suy nghĩ rằng: Ta nên quán xét khắp các pháp "không", chẳng nên không biết đầy đủ mà thủ chứng. Thế nên không chuyên tâm nhiếp niệm vào thiền, buộc nó ở trong cảnh duyên "không", vì sao? Vì nếu chuyên tâm buộc ở trong cảnh duyên "không" thời tâm mềm yếu, không thể từ "không" tự ra được.

Hỏi: trên nói sâu vào thiền định, không để tâm tán loạn, sao nay nói không chuyên tâm, nhiếp niệm?

Đáp: Nay nói không chuyên tâm nhiếp niệm là vì khi mới vào, không thể tự đi ra được; trên nói sâu vào là vào đã sâu, biết "không" cũng "không", không để tâm ở vào việc khác, nên nói không tán loạn.

* Lại nữa, Bồ tát nên nghĩ rằng: Ta chưa đầy đủ 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, mười trí lực, bốn điều không sợ, các Phật pháp làm sao thủ chứng Niết bàn. Ta nay khi đang học, mỏng các phiền não, giáo hóa chúng sanh đưa vào Phật đạo, nếu ta được đầy đủ các Phật sự, khi ấy sẽ thủ chứng Niết bàn. Thế nên Bồ tát tuy vào ba cửa giải thoát mà không thủ chứng.

Trong đây nói thí dụ: Tráng sĩ là Bồ tát, cha mẹ thân tộc là chúng sanh khả độ, đường hiểm là ba cõi sanh tử, giặc ác là ma dân và các phiền não; khí cụ là năm thần thông và các sức phương tiện của Bồ tát, trở về chỗ cũ là con đường đi của Bồ tát, đứng vững không lay động là Bồ tát an trú rốt ráo không, dùng bốn tâm vô lượng vận chuyển chúng sanh khả độ đặt vào Niết bàn an vui. Khi ấy, hội chúng nghi rằng: Trong "không" không có gì, làm sao đi được? Thế nên Phật nói thí dụ con chim: Như chim bay giữa hư không, không nương tựa đâu hết mà bay xa không rớt.

* Lại nữa, Bồ tát chưa đầy đủ đạo Pháp, chưa đến Phật đạo, ở trung gian đó không thủ chứng, như chim chưa đến chỗ cần đến, trọn không ngừng bay giữa chừng. Học pháp không ấy để tự dứt phiền não và độ chúng sanh. Lại vì muốn rõ ràng nên nói thí dụ giỏi bắn, như người giỏi nghệ thuật bắn, cái cung là thiền định của Bồ tát; mũi tên là trí tuệ, hư không là ba cửa giải thoát, đất bằng là Niết bàn. Bồ tát dùng mũi tên trí tuệ bắn vào hư không ba cửa giải thoát, do sức phương tiện nên dùng mũi tên sau bắn vào mũi tên trước không để rớt xuống đất bằng Niết bàn. Vì chưa đầy đủ Phật sự là mười trí lực v.v... nên trọn không thủ chứng.

Tu bồ đề vui mừng bạch Phật rằng: Việc làm của Bồ tát rất khó, thật là hy hữu, đó là tu tập "không" mà không thủ chứng.

Phật dạy: Bồ tát ấy có bản nguyện khiến các chúng sanh được lìa khổ, vì tâm đại bi bản nguyện ấy bảo trì, nên tu tập không mà không thủ chứng.

* Lại nữa, nếu Bồ tát nghĩ rằng: Hết thảy chúng sanh ở trong khổ, vì bị điên đảo trói buộc chìm ở trong chỗ không có gì, khi ấy chính là khi tập hành ba cửa giải thoát. Nên biết Bồ tát ấy có sức phương tiện tập hành ba cửa giải thoát mà không bỏ chúng sanh. Lại nữa, Bồ tát muốn quán pháp thậm thâm

là mười tám không, ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba cửa giải thoát trước tiên nghĩ rằng: Chúng sanh suốt đêm dài chấp trước tướng ngã v.v... hành giả nếu quán thẳng pháp thậm thâm thời hoặc được đạo Thanh văn, hoặc rơi vào tà kiến, vì không có tâm từ mẫn, và không thể sâu vào tự tướng không. Vì thế Bồ tát muốn quán pháp thậm thâm, trước tiên sanh bi tâm nghĩ rằng: Chúng sanh suốt đêm dài tâm chấp tôi, ta, sinh ra các phiền não. Đêm dài có nghĩa là lâu xa; vô lượng kiếp lại đây cái ta ấy chắc chắn không thể có được, chỉ là trống không hư dối điên đảo nên chịu các ưu não. Bồ tát thấy như vậy rồi, phát nguyện: " Ta sẽ vì chúng sanh mà thành Phật đạo, dứt cái điên đảo chấp ngã cho chúng sanh". Khi ấy chính là tập hành ba môn giải thoát mà không thủ chứng thực tế. (Niết bàn, Chân lý - N.D). Thiện căn ấy thành tựu, Bồ tát không thủ chứng thực tế, cũng không mất các công đức bốn thiền v.v... Bồ tát vì sâu vào "không" nên các căn mảnh lợi hơn hàng Nhị thừa. Ý nghĩa pháp bốn điên đảo như trên nói.

* Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng: Chúng sanh suốt đêm dài chấp trước pháp sở đắc là ta, chúng sanh, cho đến hoặc chấp trước pháp tạo tác, hoặc ở ba cõi là không có lẽ đó. Ý nghĩ đều đồng với nghĩa quán không mà không thủ chứng.

Hỏi: Làm sao biết Bồ tát chưa đắc đạo mà có thể tập hành pháp không sâu xa ấy?

Đáp: Trong kinh này tự nói nhân duyên, Bồ tát nên thử hỏi làm sao Bồ tát nên học không mà không thủ chứng? Nếu Bồ tát đáp rằng chỉ nên niệm không, nhứt tâm tập hành như Thanh văn, Bích chi Phật đạo chứ không chỉ học biết mà thôi, cho đến học vô sanh, vô sở hữu cũng như vậy. Nên biết Bồ tát ấy chưa được Phật thọ ký, vì sao? Vì không nói phương tiện học biết nên quán không. Nếu Bồ tát đáp cách khác, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển, đã tập học vào Bạt địa: Tập học nghĩa là trước tập học biết không. Bạt địa là ở trong địa vị chẳng thoái chuyển, các phiền não mỏng.

Tu bồ đề nghe tướng trạng không thoái chuyển chẳng phải không thoái chuyển rồi bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có thể có Bồ tát chưa được chẳng thoái chuyển mà đáp được như vậy chăng?

Phật dạy: Có. Có Bồ tát hoặc nghe sáu ba la mật, hoặc không nghe có thể đáp được như Bồ tát chẳng thoái chuyển. Hoặc nghe là chỉ nghe từ Phật dạy, tự mình chưa đầy đủ Bồ tát địa; hoặc nghe là tự suy nghĩ, nhớ nghĩ đúng, tuy chưa được vô sanh nhẫn mà có thể cầu các pháp tướng, đáp được như Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề thưa: Có nhiều người cầu Phật đạo mà ít ai đáp được như vậy, đáp như hàng Bồ tát chẳng thoái chuyển ở học địa, vô học địa. Chưa được vô sanh pháp nhẫn gọi là học địa; được vô sanh pháp nhẫn gọi là vô học địa.

Phật dạy: Ít! Vì sao ít? Có Bồ tát theo Phật được thọ ký, đã được Phật thọ ký rồi nên đáp được như vậy, vì sao? Vì thực tướng các pháp chỉ có Phật biết được cùng khắp, Phật biết người ấy đáp đúng như Pháp, nên huyền ký cho. Hàng Bồ tát ấy tuy ít mà thiện căn sáng suốt, có thể rộng làm lợi ích chúng sanh, không ai phá hoại được.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM MỘNG THỆ THỨ 61

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi: Phẩm Mộng Trung)

(Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Tăng Thượng Mạn Thứ 60)

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát cho đến trong mộng không tham địa vị Thanh văn, Bích chi Phật cũng không tham ba cõi, tuy quán các pháp như mộng, như huyễn, như tiếng vang, như sấm nắng, như hóa cũng không thủ chứng. Tu bồ đề! Nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ở trong mộng thấy Phật thuyết pháp cho số trăm ngàn vạn ức Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Trời, Rồng, Qủy, Thần, Khẩn na la v.v...; theo Phật nghe pháp liền hiểu đúng nghĩa, thực hành theo pháp, nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ở trong mộng thấy Phật 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, có hào quang lớn, vọt lên giữa hư không, thuyết pháp cho đại Tỳ kheo Tăng; hiện thần lực lớn, hóa làm hóa nhơn đi đến quốc độ Phật khác thi hành Phật sự. Nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ở trong mộng thấy binh lính nổi lên phá làng xóm, hoặc thấy phá thành ấp hoặc thấy hỏa hoạn, hoặc thấy loài hổ lang sư tử dũng mãnh sát hại, hoặc thấy người muốn đến cắp cho cái đầu họ, hoặc thấy cha mẹ chết, anh em, chị em, và thân hữu tri thức chết. Thấy các việc

sầu khổ như vậy mà không kinh, không sợ, cũng không ưu não, từ mộng thức đậy liền suy nghĩ: Ba cõi hư dối đều như mộng! Khi ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng sẽ vì chúng sanh nói ba cõi như mộng. Này Tu bồ đề! nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Làm sao biết Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong nước không có ba đường ác. Này Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ở trong mộng thấy cảnh địa ngục, súc sinh, ngạ qủy liền nghĩ rằng: Ta sẽ siêng tinh tấn, khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến trong nước ta không có ba đường ác, vì sao? Vì mộng ấy và các pháp không hai không khác. Này Tu bồ đề! Nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ở trong mộng thấy lửa địa ngũc đốt chúng sanh, liền thề rằng: Nếu ta thực là bậc chẳng thoái chuyển, thời lửa ấy sẽ tắt! Lửa ấy liền tắt; nếu lửa địa ngục liền tắt thời đó là tướng trạng của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, nếu Bồ tát trong ban ngày thấy lửa nổi lên giữa thành quách liền nghĩ rằng: Ta ở trong mộng, thấy hành, loại, tướng, mạo chẳng thoái chuyển, nay ta thực có việc ấy, tự lập thệ rằng: Lửa ấy sẽ tắt. Nếu lửa ấy tắt thời nên biết Bồ tát ấy đã được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, an trú địa vị chẳng thoái chuyển. Nếu lửa không tắt, thời đốt một nhà, chừa một nhà, đốt một làng, chừa một làng. Này Tu bồ đề! Nên biết nhà bị đốt là vì nhân duyên của nghiệp phá pháp sâu dày. Vì thế nên đốt một nhà chừa một nhà, ấy là các chúng sanh đời nay chịu dư ương của nghiệp phá pháp nên bị đốt. Này Tu bồ đề! Do nhân duyên ấy, nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Phật bảo Tu bồ đề: Nay sẽ lại vì ông nói hành, loại, tướng, mạo của địa vị chẳng thoái chuyển. Này Tu bồ đề! Hoặc nam tử, hoặc nữ nhơn bị hàng phi nhơn cầm giữ, khi ấy hàng Bồ tàt nghĩ rằng: Nếu ta được chư Phật quá khứ thọ ký, tâm ta thanh tịnh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành chánh đạo thanh tịnh, xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật, xa lìa niệm cầu Thanh văn, Bích chi Phật, nên sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ chẳng phải không được; vô lượng chư Phật hiện tại trong mười phương quốc độ, không có điều gì không biết, không thấy, không hiểu, không chứng. Chư Phật biết thâm tâm của ta, thẩm định biết ta chắc chắn sẽ được Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác. Do thệ nguyện chí thành ấy nên thiện nam thiện nữ kia bị hàng phi nhơn cầm giữ, não hại, thì hàng phi nhơn ấy sẽ rời bỏ đi xa. Này Tu bồ đề! Nếu Bồ tát thệ nguyện như vậy, hàng phi nhơn không bỏ đi, thời nên biết Bồ tát ấy chưa được chư Phật quá khứ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu bồ đề! Bồ tát ấy thệ nguyện như vậy, nếu hàng phi nhơn bỏ đi, thời nên biết Bồ tát ấy đã được chư Phật quá khứ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu bồ đề! Do hành, loại. tướng mạo như vậy nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát xa lìa sáu Ba la mật và sức phương tiện, không tu hành lâu bốn niệm xứ cho đến không, vô tướng, vô tác tam muội, chưa vào Bồ tát vị, bị ma quấy nhiễu, Bồ tát thề rằng: Nếu ta thật được chư Phật thọ ký thời hàng phi nhơn ấy sẽ bỏ đi. Khi ấy ác ma liền khéo léo bảo kẻ phi nhơn bỏ đi. Ác ma có uy lực hơn hàng phi nhơn nên kẻ phi nhơn liền bỏ đi. Khi ấy Bồ tát nghĩ rằng vì nguyện lực của ta nên kẻ phi nhơn bỏ đi.

Vì không biết đó là do sức của ác ma, mà ỷ thị vào chứng cớ ấy nên khinh động, chê bai các Bồ tát khác nói rằng: "Ta đã được chư Phật thọ ký, còn ngươi chưa được". Dùng lời thề trống không ấy, không có sức phương tiện tu tập, nên sinh ra tăng thượng mạn. Vì việc ấy nên xa lìa Nhất thiết trí, xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu bồ đề! Nên biết người ấy rơi vào hai địa vị hoặc Thanh văn, Bích chi Phật, do nhân duyên của lời thề ấy nên khởi lên ma sự. Người ấy không thân cận, nương tựa thiện tri thức, không hỏi tướng trạng của chẳng thoái chuyển, nên bị ma trói buộc, càng thêm bền chắc, vì cớ sao? Vì Bồ tát ấy không tu hành lâu sáu ba la mật, không có sức phương tiện. Nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Này Tu bồ đề! Tại sao Bồ tát không tu hành lâu sáu ba la mật cho đến chưa vào Bồ tát vị, bị ác ma quấy nhiễu? Này Tu bồ đề! Ác ma biến hoá thành nhiều thân đến nói với Bồ tát rằng: "Ngươi ở chỗ Phật được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tên ngươi , tên cha ngươi như vậy, tên mẹ ngươi như vậy, tên anh em, chị em như vậy, tên cha mẹ bảy đời của ngươi như vậy, ngươi sanh ở nước ấy, thành ấy, xóm làng ấy". Nếu thấy Bồ tát tánh hạnh nhu hòa liền nói tiếp với Bồ tát rằng: Ngươi đời trước cũng nhu hòa; nếu thấy Bồ tát tánh hạnh bạo ngược liền nói: Ngươi đời trước cũng có tánh như vậy; nếu thấy Bồ tát tu hành tịch tịnh thời liền nói: Ngươi đời trước cũng tu hạnh tịch tịnh; nếu thấy Bồ tát mặc áo vá đi khất thực, sau giờ ngọ không uống thức ăn lỏng, một lần ngồi ăn, một bình bát xin ăn nơi người khác, nghỉ ở giữa gò mả, ở chỗ đất trống, dưới cây , thường ngồi không nằm, như trải tòa ngồi, chỉ dùng ba y, hoặc ít muốn, hoặc biết đủ,hoặc ở chỗ xa

làng xóm, hoặc không dùng dầu xoa chân, hoặc ít nói năng. Liền nói với Bồ tát ấy rằng: Ngươi đời trước cũng có hạnh như vậy, vì sao? Vì ngươi nay có công đức khổ hạnh ấy nên biết ngươi đời trước cũng chắc chắn có công đức ấy. Bồ tát ấy nghe việc và tên họ đời trước của mình, nghe tán thán công đức khổ hạnh của mình, liền vui mừng sanh tâm kiêu mạn. Khi ấy ác ma nói với Bồ tát rằng: Ngươi có công đức như vậy, có tướng mạo như vậy, thật ngươi đã được chư Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu bồ đề! Ác ma hoặc làm Tỳ kheo mặc áo pháp, hoặc làm thân cư sĩ, hoặc làm thân cha mẹ đi đến chỗ Bồ tát nói như vậy: Ngươi đã được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì tướng trạng công đức của bậc chẳng thoái chuyển, ngươi đã có đầy đủ. Này Tu bồ đề! Ta đã nói Bồ tát ấy vĩnh viễn thật không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển. Nên biết Bồ tát ấy bị ma cầm giữ. Vì sao? Vì Bồ tát ấy vĩnh viễn không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển, chỉ vì nghe danh tự nên sinh tâm kiêu mạn, khinh lộng chê bai người khác, Này tu bồ đề, ấy là Bồ tát bị ma cầm giữ, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát không tu hành lâu sáu Ba la mật, không biết tướng danh tự, không biết tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ác ma đi đến nói rằng: Tương lai ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có tên gọi như vậy, tùy theo bổn niệm người kia mà nói lên danh hiệu của nó. Vị Bồ tát không có trí, không có phương tiện liền nghĩ rằng: Ta đời trước cũng có danh hiệu thành Phật, người kia nói đúng như ý nghĩ của ta, lời người kia nói hợp với bản nguyện của ta, ta chắc chắn đã được Phật thọ ký. Này Tu bồ đề! Ta đã nói Bồ tát ấy vĩnh viễn không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển, chỉ vì chấp lấy danh tự suông mà khinh lộng chê bai người khác, vì thế nên xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát ấy xa lìa Bát nhã ba la mật, không có sức phương tiện, xa lìa thiện tri thức, tương đắc với ác tri thức, nên rơi vào hai địa vị Thanh văn và Bích chi Phật. Nếu nhiều lần qua lại trong đường sanh tử, vậy sau trở lại nương tựa Bát nhã ba la mật, hoặc gặp thiện tri thức thường theo dõi, thân cận, nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người ấy ở ngay thân này, nếu không hối cải liền, thời sẽ rơi vào hai địa vị hoặc A la hán hoặc Bích chi Phật.

Thí như Tỳ kheo đối với bốn trọng giới, nếu phạm một giới tức chẳng phải Sa môn, chẳng phải Thích tử. Người ấy hiện thân không được bốn quả Sa môn. Này Tu bồ đề! Tâm của Bồ tát đắm vào danh tự suông cũng như vậy, vì khinh lộng chê bai người khác, nên biết tội ấy nặng hơn tội phạm bốn trọng giới của Tỳ kheo, hơn nữa còn quá hơn tội ngũ nghịch. Vì đắm vào

danh tự mà sanh tâm cao ngạo, khinh lộng chê bai người khác, nếu sanh tâm như vậy, nên biết tội ấy rất nặng, các ma sự vi tế về danh tự như vậy, hàng Bồ tát nên giác tri.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ở nơi chỗ xa vắng, không nhàn, núi chầm, ma đi đến chỗ Bồ tát, khen ngợi việc ở xa lìa xóm làng ấy rằng: "Thiện nam tử! Việc ngươi làm đúng theo lời Phật khen ngợi". Này Tu bồ đề! Ta không khen ngợi xa lìa là chỉ ở chỗ trống không, nhàn tịnh, núi chầm, khoáng đạt xa xôi.

Tu bồ đề thưa: Nếu chỗ trống không, nhàn tịnh, núi chầm, khoáng đạt xa xôi không phải là cách xa lìa, vậy lại có cách xa lìa khác thế nào?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật mà ở chỗ trống không, nhàn tịnh, núi chầm, khoáng đạt xa xôi thời đó là cách xa lìa được Phật khen ngợi. Này tu bồ đề! Cách xa lìa như vậy, Bồ tát nên phải ngày đêm thực hành các xa lìa ấy, đó gọi là Bồ tát tu hạnh xa lìa. Này Tu bồ đề! Nếu ác ma nói cách xa lìa là ở chỗ trống, không nhàn tịnh, núi chầm, khoáng đạt xa xôi, thì Bồ tát đó tâm vẫn ở chỗ huyên náo là vì không xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật, không siêng tu Bát nhã ba la mật, Bồ tát ấy không thể đầy đủ tí Nhất thiết chủng. Bồ tát ấy hành theo cách xa lìa của ác ma nói, nên tâm không thanh tịnh, khinh khi Bồ tát khác ở gần thành thị mà tâm thanh tịnh, khinh khi không có sự huyên náo của Thanh văn, Bích chi Phật, cũng không có các tâm tạp ác khác; được đầy đủ thiền định, giải thoát, trí tuệ, thần thông. Bồ tát lìa Bát nhã ba la mật không có sức phương tiện, thời tuy ở chỗ cầm thú, qủy thần, la sát ở, xa ngoài trăm ngàn do tuần, trải qua hoặc một năm, trăm ngàn vạn ức năm, hoặc quá vạn ức năm mà không biết cách xa lìa của Bồ tát, đó là Bồ tát do cách xa lìa ấy, mà thâm tâm phát nguyện được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, không hành tạp nhạp. Bồ tát tu ở chỗ huyên náo mà nương tựa, đắm trước tướng xa lìa, việc làm người ấy, Phật không chấp thuận hứa.

Này Tu bồ đề! Ta nói cách xa lìa thật là Bồ tát không ở trong đó cũng không thấy tướng "xa lìa", vì sao? Vì chỉ thực hành hạnh không "xa lìa". Khi ấy ma đến ở giữa hư không khen ngợi rằng: "Lành thay! Lành thay! thiện nam tử, đó là cách xa lìa chơn chánh của Phật nói, ngươi thực hành hạnh xa lìa ấy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác" Bồ tát ấy nghe như vậy, khởi niệm đắm trước hạnh xa lìa mà khinh dễ các Tỳ kheo thanh tịnh cầu Phật đạo cho là huyên náo, lấy huyên náo làm không huyên náo, lấy không huyên náo làm huyên náo, nên cung kính lại không cung kính, không nên cung

kính lại cung kính. Bồ tát ấy nói rằng: "Kẻ phi nhơn nghĩ đến ta mà khen ngợi ta sở hành của ta là hạnh xa lìa chơn chánh, còn người ở gần thành thị thì ai đến khen ngợi ông!" Do nhân duyên ấy nên khinh các Bồ tát khác. Này Tu bồ đề! Nên biết đó là hạng Bồ tát Chiên đà la làm ô nhiễm các Bồ tát; người ấy tương tợ Bồ tát mà thật là giặc lớn giữa trời người, cũng là kẻ giặc trong hàng Sa môn mặc áo pháp. Ngươi như vậy, các ngươi cầu Phật đạo không nên thân cận, không nên cúng dường cung kính, vì sao? Này Tu bồ đề! Vì nên biết người ấy đã rơi vào tăng thượng mạn. Thế nên nếu Bồ tát muốn không bỏ Nhất thiết trí, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhất tâm muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn lợi ích chúng sanh, thời không nên thân cận, cung kính, cúng dường người ấy. Pháp của Bồ tát là thường nên siêng cầu tư lợi, nhàm sợ thế gian, tâm thường xa lìa ba cõi, đối với người ấy nên khởi tâm từ, bi, hỷ, xả, ta tu Bồ tát đạo, không nên sinh các tội lỗi như vậy, nếu sinh hãy nên diệt gấp. Này Tu bồ đề! Bồ tát nên khéo giác tỉnh việc ấy, đối với việc ấy khéo tự mình ra khỏi.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát thâm tâm muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hãy nên thân cận, cung kính, cúng dường thiện tri thức.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn! Thế nào là thiện tri thức của Bồ tát?

Phật bảo Tu bồ đề: Các đức Phật là thiện tri thức Bồ tát, các Bồ tát cũng là thiện tri thức của Bồ tát, A la hán cũng là thiện tri thức của Bồ tát, sáu Ba la mật cũng là thiện tri thức của Bồ tát, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, cũng là thiện tri thức của Bồ tát. Như như, thực tế, pháp tánh cũng là thiện tri thức của Bồ tát.

Này Tu bồ đề! Sáu Ba la mật là Thế Tôn, sáu Ba la mật là đạo, sáu Ba la mật là ánh sáng lớn, sáu Ba la mật là ngọn đuốc, sáu Ba la mật là cứu vớt, sáu Ba la mật là trí, sáu Ba la mật là tuệ, sáu Ba la mật là cứu vớt, sáu Ba la mật là chỗ về, sáu Ba la mật là gò bãi, sáu Ba la mật là đạo rốt ráo, sáu Ba la mật là cha me. Bốn niệm xứ cho đén trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, vì sao? Vì sáu Ba la mật và ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng là cha mẹ của chư Phật quá khứ, cũng là cha mẹ của chư Phật vị lai, hiện tại, vì sao? Vì chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ trong sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo xuất sanh. Vì thế nên Bồ tát muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác chúng sanh, nên học sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo và bốn nhiếp pháp mà nhiếp thủ chúng sanh.

Những gì là bốn nhiếp pháp? Đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Này Tu bồ đề! Vì sự lợi ich ấy nên ta nói sáu Ba la mật và ba mươi bảy pháp trợ đạo là Thế Tôn của Bồ tát; là đạo, là ánh sáng lớn, là ngọn đuốc, là trí, là tuệ, là cứu vớt, là chỗ về, là gò bãi, là đạo rốt ráo, là cha mẹ của Bồ tát. Do lẽ ấy nên Bồ tát muốn không theo lời dạy của người khác, mà an trú muốn dứt hết nghi lầm cho chúng sanh, muốn nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nên học Bát nhã ba la mật, vì cớ sao? Vì trong Bát nhã ba la mật nói rộng các pháp, đó là chỗ Bồ tát nên học.

LUẬN - Hỏi: Trong phẩm "Chẳng thoái chuyển" đã nói rộng tướng trạng chẳng thoái chuyển, cớ sao nay nói lại?

Đáp: Nghĩa Bát nhã ba la mật được nói đều là tướng trạng chẳng thoái chuyển, nhưng trong phẩm "chẳng thoái chuyển" nói nhiều việc ấy; còn trong các phẩm khác cũng có nhiều chỗ nói tướng trạng chẳng thoái chuyển nhưng không có thứ lớp. Có người nói: Vì chúng sanh hậu lai mà nói tướng trạng chẳng thoái chuyển với lời lẽ khác. Có người nói: Có hai thứ chẳng thoái chuyển: 1. Là đã được thọ ký; 2. Là chưa được thọ ký. Được thọ ký có hai:1. Là được thọ ký trong hiện tiền. 2. Là không được thọ ký trong hiện tiền. Không được thọ ký trong hiện tiền có hai:1. Là đầy đủ nhân duyên thọ ký. 2. Là chưa đầy đủ nhân duyên thọ ký. Đầy đủ nhân duyên thọ ký là biết thực tướng các pháp, đầy đủ sáu Ba la mật; không đầy đủ nhân duyên thọ ký là chỉ biết thực tướng các pháp, được một phần Bát nhã ba la mật, còn các Ba la mật khác chưa đầy đủ. Bồ tát ấy có thể đối đáp như Bồ tát chẳng thoái chuyển, đây là tướng trạng chẳng thoái chuyển, được nói ở cuối phẩm trước. Thế nên thứ lớp nói: Trong mộng không tham hai địa Nhị thừa, nên tuy chưa đầy đủ pháp chẳng thoái chuyển cũng gọi là chẳng thoái chuyển, như vậy nên trong phẩm này thứ lớp nói. Bồ tát ấy trong ban ngày, thường tu tập ":không" nên ban đêm ở trong mộng cũng không tham ba cõi; người ấy thường tu hành tâm từ bi đối với chúng sanh, ưa vui Phật pháp, nên không tham Nhị thừa, hoặc khi mộng, khi thức đều quán các pháp như mộng, như huyễn. Bồ tát ấy tuy chưa được hiện tiền thọ ký, chưa đầy đủ các pháp khác, cũng được gọi là tướng trạng chẳng thoái chuyển, vì sao? Vì Bồ tát thoái chuyển ở hai nơi. 1. Là đắm trước cái vui của thế gian nên thoái chuyển. 2. Là thủ chứng Nhị thừa nên thoái chuyển. Còn Bồ tát tâm kiên cố, sâu vào "không" và có tâm từ bi, nên cho đến trong mộng cũng không tham ba cõi Nhị thừa, huống gì trong khi thức.

* Lại nữa, nếu Bồ tát trong mộng thấy Phật thuyết pháp ở giữa đại chúng trời, người, đó là nghĩa thực tướng các pháp. Bồ tát biết nghĩa ấy tâm hợp với pháp.

* Lại nữa, Pháp bí mật của chư Phật, Bồ tát trong mộng được thấy, đó là thấy thân Phật vô lượng quá núi Tu di, sắc vàng Diêm phù đề, tự trang nghiêm với 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, phóng ra vô lượng hào quang, phạm âm thuyết pháp; lại từ lỗ chân lông trên thân, biến ra vô lượng hóa Phật đi đến mười phương dùng sức phương tiện, thi hành Phật sự, độ thoát chúng sinh. Bấy giờ Bồ tát ấy thấy sức thần thông của Phật, nên thâm tâm trong sạch, hỏi Phật pháp, biết được thực tướng các pháp, ấy gọi là chẳng thoái chuyển. Bồ tát ấy thường tập hành rốt ráo không, nên các phiền não chấp ta và của ta bị bẻ mỏng, cho đến đối với tự thân không tiếc, huống gì kẻ thân thích khác. Vì nhân duyên ấy nên nếu trong mộng thấy hoặc tự thân, hoặc cha mẹ, hoặc bị giết, hoặc chết, và làng xóm bị phá hoại cũng không ưu não sợ hãi. Khi thức dậy suy nghĩ: Như trong mộng không chết mà thấy chết, không sợ mà thấy sợ, hết thảy ba cõi đều như vậy, chứ dâu chỉ trong mộng. Khi ta thành Phật sẽ vì chúng sanh nói các pháp rốt ráp không, như mộng.

* Lại nữa, có Bồ tát khi gieo trồng nhân duyên về cõi nước thanh tịnh nguyện rằng: Ta trong thời gian bao nhiêu chứa nhóm công hạnh làm cõi nước thanh tịnh. Tu tập tâm ấy, nên trong mộng nếu thấy chúng sanh ba đường ác, liền được tâm ấy, khi ta thành Phật khiến cõi nước ta cho đến không có danh tự ba đường ác.

* Lại nữa, Bồ tát thường tu tâm từ bi, nên trong mộng thấy lửa địa ngục đốt chúng sinh liền thề, lửa liền tắt; khi thức dậy giữ lấy tướng ấy, nếu thấy lửa thiệt đốt thành quách liền nghĩ rằng: Ta trong mộng có thể làm tắt lửa, thời lửa này cũng sẽ tắt, vì cớ sao? Vì Phật nói cảnh mộng và thức không khác nhau. Do Bồ tát ở trong vô lượng kiếp tu tập phước đức, được thật tướng các pháp nên qủy thần, long vương giúp đỡ làm tắt lửa. Trong đó có thứ lửa không tắt mà đốt cháy một nhà chừa một nhà, đó là vì chúng sinh tội nặng, sức phước đức và trí tuệ của Bồ tát không thể dứt tội nặng ấy vì đó là tội phá pháp. Pháp đây là Bát nhã ba la mật. Sư lợi ích cũa các pháp khác không sánh kịp Bát nhã ba la mật, thế nên phá Bát nhã ba la mật mắc tội nặng. Do sức thệ nguyện của Bồ tát nên lửa không thứ lớp đốt cháy, chỉ vì tội nặng không thể cứu, chứ không ngại gì tướng trạng chẳng thoái chuyển. Bị kẻ phi nhơn cầm giữ cũng như lửa chú thuật. Có Bồ tát chưa biết vô sinh pháp nhẫn, nghe nói đọc câu chú chẳng thoái chuyển, qủi bỏ đi, liền đọc chú. Bồ

tát ấy tự mình chưa có sức, ác ma đến khiến quỷ thần bỏ đi, lại tự ỷ thị cho là do sức của mình. Vì có lỗi lầm như vậy nên Phật dạy phải giác tĩnh.

* Lại nữa, Bồ tát chưa vào chính vị, ác ma hiện các loại hình, theo tâm niệm của Bồ tát đi đến nói rằng: Ông dã được thọ ký, ông có tướng ấy, chỉ vì mắt thịt nên không biết. Do nhân duyên đó, nên Bồ tát sinh tâm tăng thượng mạn, khinh miệt người khác.

* Lại nữa, Bồ tát không ngộ được thực tướng các pháp, không biết năm uẩn hòa hợp bèn có ra tướng danh tự. Ác ma đi đến thọ ký cho rằng: Ông sẽ làm Phật, danh tự như vậy. Bồ tát ấy suy nghĩ, ta vốn có ý nghĩ về danh tự ấy, nay ma nói đồng với sở nguyện của ta, chắc chắn chư Phật thọ ký cho ta thế nên sanh tâm kiêu mạn, khinh các đại Bồ tát khác. Do nhân duyên ấy nên xa lìa đạo Vô thượng, khi chịu tôi xong, lại rơi vào hàng Nhị thừa. Nếu ngay thân này biết sám hối, thời sau khi đền tội xong sẽ trở lại nương tựa Bát nhã ba la mật được làm Phật, vì cớ sao? Nếu để qua thân khác mới sám hối thời tội càng nặng khó dứt, không được làm Phật. Tâm Bồ tát ấy đắm trước vào danh tự suông, mắc tội nặng, nên Phật nói thí dụ về bốn trọng cấm; phá trọng cấm; phá trọng cấm ấy thời hiện thân không được thành bốn đạo quả, vì cớ sao? Vì trong bốn trọng cấm, tội đại vọng ngữ là tự xưng ta là A la hán; còn trong kinh này, đắm trước theo danh từ thọ ký mà tự cho mình sẽ làm Phật, nên tội nặng hơn phạm bốn trọng cấm.

Quá hơn tội ngũ nghịch là như trong phẩm ĐỊA NGỤC đã nói về tội phá hoại Bát nhã ba la mật.

Ma sự vi tế: Tế là không trái ý kia, tùy theo bản nguyện của người kia giúp thành tâm niệm họ; Bồ tát ấy chưa pháp chẳng thoái chuyển, bị ma dối gạt nói đã được; đó là ma sự vi tế. Hàng Bồ tát lợi căn nên giác tĩnh trừ bỏ xa lìa.

* Lại nữa, Bồ tát ở chỗ xa lìa làng xóm, ác ma đi đến khen ngợi rằng: "Ngươi có thể xa lìa thân tộc, bạn đồng học, một mình ở giữa rừng sâu, hành Phật đạo, ấy là đạo hạnh của vị chơn Bồ tát". Bồ tát nghe lời nói ấy sanh tâm kiêu mạn, khinh các Bồ tát khác đang ở giữa đại chúng. Vì việc ấy nên xa lìa Phật đạo, rơi vào Nhị thừa. Phật dùng mọi cách, quở trách Bồ tát ấy là giặc là Chiên đà la v.v... như trong kinh này nói, không nên thân cận hạng người ấy. Phật nói xa lìa là tâm xa lìa Nhị thừa, ba cõi, ấy là "chơn xa lìa". Như trong kinh nói rộng về các ma sự vi tế như ậy, hãy nên giác tĩnh mà xa lìa.

* Lại nữa, Bồ tát thâm tâm muốn cầu được đạo Vô thượng; thâm tâm là nhứt tâm, là tâm chuyên nhứt, tâm cẩn trọng, tâm ưa Phật đạo, vượt ra ngoài cái vui thế gian, nên thân cận thiện tri thức, vì cớ sao? Vì có hai nhân duyên được vô thượng đạo: 1. Là trong. 2. Là ngoài. Trong là nhớ nghĩ, tư duy, trù lượng các pháp mộc cách đúng đắn; ngoài là thiện tri thức. Phật ở nhiều nơi nói về tướng mạo thiện tri thức , thế nên Tu bồ đề hỏi Phật: Thế nào là thiện tri thức của Bồ tát? Phật đáp: Chư Phật, đại Bồ tát và Thanh văn là thiện tri thức của Bồ tát; sáu Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, như như, pháp tánh, thực tế cũng là thiện tri thức. Vì các pháp ấy có thể làm thàn tựu sự việc Bồ tát nên nói sáu Ba la mật v.v... là thiện tri thức. Ba hạng Thánh nhơn lấy sáu Ba la mật ấy, khiến Bồ tát phụng hành, được làm Phật. Thế nên pháp và người, chung gọi là thiện tri thức.

Hỏi: Phật và Bồ tát, sáu Ba la mật có thể làm thành Bồ tát nên là thiện tri thức, còn Tiểu thừa đạo thì khác, làm sao cùng làm thiện tri thức được?

Đáp: Có người Tiểu thừa đời trước cầu Phật đạo nên có lợi căn, tuy là Tiểu thừa mà có tâm thương xót, xem xét họ có thể thành Đại thừa nên vì họ nói pháp Đại thừa, biết báo ân Phật, khiến cho giống Phật không dứt. Như Xá lợi phất trong 60 kiếp cầu Phật đạo, tuy thoái chuyển là A la hán, nhưng cũng có trí tuệ lợi căn có thể vì hàng Bồ tát nói pháp Đại thừa. Tu bồ đề thường tu hạnh vô tánh tam muội, thường có tâm từ bi đối với chúng sanh nên cũng có thể giáo hóa hàng Bồ tát về pháp Đại thừa. Như Ma Ha Ca Diếp dùng sức thần thông duy trì thân này cho đến ngày Phật Di lặc ra đời, ở núi Cửu túc đi ra, làm nhân duyên đắc đạo cho đại chúng. Những việc như vậy rất nhiều.

Hỏi: Sáu ba la mật thu nhiếp hết các pháp, sao nay còn nói riêng ba mươi bảy pháp trợ đạo cho đến "như như, pháp tánh, thật tế"?

Đáp: Sáu Ba la mật là nói lược, bốn niệm xứ v.v... là nói rộng, giải thích sáu Ba la mật. Sáu ba la mật là sơ đạo của Bồ tát, hơi xa, còn ba mươi bảy pháp trợ đạo là nhân duyên gần. Trong sáu Ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật rất lớn; thí như tuy có nhiều sao sáng, mà mặt trời, mặt trăng sáng hơn. Trong hai Ba la mật ấy, bốn niệm xứ và mười trí lực của Phật rất thù diệu, có thể làm lợi ích lớn, hiện đời làm cho người ta đắc đạo, còn trì giới, bố thí v.v... không sánh bằng. Nói riêng về pháp vô vi, như như, pháp tánh, thật tế, vì là chân thật không hư dối, nên có thể thành Bồ tát sự. Tu bốn niệm xứ, ngộ được như như, pháp tánh khiến Bồ tát ra khỏi hư dối nên gọi là thiện tri thức.

* Lại nữa, sáu Ba la mật như Phật không khác, hiện tại Phật dùng pháp ấy độ người, nên gọi là Thế Tôn. Lời Thế Tôn nói không thể hoại, lời của sáu Ba la mật nói cũng không thể hoại, thế nên nói sáu Ba la mật là Thế Tôn. Đó là đạo, tu theo đạo ấy đi thẳng vào vô lượng Phật pháp. Những lời nói trong sáu Ba la mật, người biết trù lượng tư duy phân biệt thường tu hành thời được trí tuệ lớn, phá các vô minh thế gian, thế nên nói sáu Ba la mật là ánh sáng lớn, là đuốc lớn, là trí, là tuệ, là cứu vớt, là chỗ về, là gò bãi, là đạo rốt ráo như trên nói.

Bát nhã ba la mật là mẹ, năm Ba la mật kia là cha hợp lại nói sáu Ba la mật là cha mẹ, như sáu Ba la mật nói về bốn niệm xứ cũng như vậy. Trong kinh này nói nhân duyên sáu Ba la mật cũng là cha mẹ của chư Phật mười phương ba đời. Sáu Ba la mật là pháp tự lợi. người tu hành muốn lấy sáu Ba la mật giáo hóa chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật, nên lấy bốn nhiếp pháp thủ chúng sinh. Tự lợi, lợi tha như vậy nên Phật nói sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo là Thế Tôn, là đạo. Thế nên Bồ tát nếu muốn không tùy theo giáo lý khác, không tùy theo giáo lý khác là tự biết thực tướng các pháp, cho đến gặp ma biến làm thân Phật đi đến nói khác với pháp thực tướng cũng không tin, không theo. Tự được Bồ tát đạo, dần dần đầy đủ Phật pháp, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được Phật đạo nên có thể dứt nghi lầm cho chúng sinh; nếu muốn được đạo ấy nên học Bát nhã. Trong Bát nhã ba la mật nói đủ các việc thế gian, xuất thế gian, hoặc lớn hoặc nhỏ.

(Hết cuốn 76 theo bản Hán)

--o0o –

Cuốn 77

KINH: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Như tướng hư không là tướng Bát nhã ba la mật. Này Tu bồ Đề! Bát nhã ba la mật không có tướng gì.

Tu bồ đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Vã chăng có nhân duyên như tướng Bát nhã ba la mật, tướng các pháp cũng như vậy ư?

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy! Như vậy! như tướng Bát nhã ba la mật, tướng các phap cũng như vậy, vì sao? Vì tướng các pháp là tướng lìa, là tướng không, vì nhân duyên ấy, như tướng Bát nhã ba la mật, tướng các pháp cũng như vậy, đó là tướng lìa, tướng không.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp hết thảy pháp lìa, hết thảy pháp hết thảy pháp không, làm sao biết chúng sanh hoặc nhơ, hoặc sạch. Bạch đức Thế Tôn! Pháp tướng lìa không nhơ, không sạch; pháp tướng không, không nhơ không sạch; pháp tướng lìa, tướng không, không thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng lìa tướng không thì không có pháp có thể thủ đắc. Bạch đức Thế Tôn! Trong tướng lìa, tướng không không có Bồ tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch đức Thế Tôn! Tôi lam sao hiểu được nghĩa Phật nói.

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao, chúng sanh suốt đêm dài hành theo tâm chấp nhã, ngã sở chăng? Như vậy bạch Thế Tôn, chúng sanh suốt đêm dài hành theo tâm chấp ngã, ngã sở.

Ý ông nghĩ sao? Tướng tâm chấp ngã, ngã sở ấy là xa lìa, là "không" chăng?

Tu bồ đề thưa: Tướng tâm chấp ngã, ngã sở ấy, là xa lìa, là không.

Ý ông nghĩ sao, do tâm chấp ngã, ngã sở mà chúng sanh qua lại trong đường sanh tử chăng? Như vậy bạch Thế Tôn, do tâm chấp ngã, ngã sở mà chúng sanh qua lại trong đường sanh tử.

Đúng như vậy Tu bồ đề! Vì chúng sanh qua lại trong đường sanh tử nên biết có cấu uế phiền não. Nếu chúng sanh không có tâm chấp ngã, ngã sở, không có tâm nhiễm trước thời chúng sanh ấy không còn qua lại trong đường sanh tử; nếu không qua lại trong đường sanh tử, thời biết không có cấu uế phiền não. Như vậy, chúng sanh có được thanh tịnh.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ tát tập hành như vậy là không tập hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức; là không tập hành theo bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần; là không tập hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; là không tập hành mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng của Phật, vì sao? Vì pháp ấy không thể có được, cũng không có chỗ tập hành, cũng không có pháp tập hành. Bồ tát tập hành như vậy, hết thảy thế gian người, trời, A tu la không thể hàng phục được. Bồ tát ấy, hết

thảy Thanh văn, Bích chi Phật không thể sánh kịp, vì sao? Vì nơi trú xứ không thể sánh kịp, đó là Bồ tát vị. Bạch Thế Tôn! Bồ tát ấy tập hành tâm tương ứng với Nhất thiết trí nên không có ai có thể sánh kịp. Tu bồ đề, Bồ tát tập hành như vậy mau gần Nhất thiết trí.

Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao, nếu chúng sanh trong cõi Diêm phù đề đều được làm thân người, được làm thân người rồi, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ suốt đời cúng dường, tôn trọng, tán thán các chúng sanh ấy, rồi đem thiện căn ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác, thiện nam, thiện nữ ấy do nhân duyên đó được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Chẳng bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ ở giữa đại chúng diễn nói, chỉ bày, phân biệt, khai triển Bát nhã ba la mật và nhó nghĩ đúng đắn, thực hành ứng hợp Bát nhã ba la mật, phước đó rất nhiều. Cho đến đối với chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới cũng như vậy.

Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao, chúng sanh ở trong cõi Diêm phù đề cùng một lúc đều được làm thân người, được làm thân người rồi, nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ dạy họ tu mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, dạy họ khiến được đạo Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, dạy họ khiến được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi đem thiện căn ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao, kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Rát nhiều, bạch đức Thế Tôn!

Phật dạy: Chẳng bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ đem Bát nhã ba la mật thậm thâm, vì chúng sanh thuyết giảng, chỉ bày, phân biệt, soi sáng, khai triển và chẳng lìa Nhất thiết trí, được phước rất nhiều. Cho đến đối với chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới cũng lại như vậy. Bồ tát ấy, không xa lìa tâm tương ưng với Nhất thiết trí, thời đạt đến bờ mé hết thảy phước điền, vì sao? Vì trư Phật ra không có pháp nào khác sánh bằng thế lực của Bồ tát, vì sao? Vì Bồ tát khi tu Bát nhã, đối với hết thảy chúng sanh khởi tâm đại từ, thấy chúng sanh đi đến chỗ chết mà khởi tâm đại bi; khi tu đạo vui vẻ sanh tâm đại hỷ, không có ý tưởng phân biệt, liền được đại xả. Tu bồ đề, ấy là đại trí sáng suốt của Bồ tát. Đại trí sáng suốt là sáu Ba la mật.

Này Tu bồ đề! Các thiện nam tử ấy, tuy chưa làm Phật mà có thể vì chúng sanh làm ruộng phước lớn, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thoái chuyển. Được thọ nhận sự cúng dường, y phục, ăn uống, đồ nằm, giường chiếu, thuốc chữa bệnh và các thứ cần để nuôi sống, tập hành tương ưng với Bát nhã ba la mật, nhớ nghĩ tới ân thí chủ, có thể báo đáp, chóng gần Nhất thiết trí. Vì thế, nên nếu Bồ tát muốn không hư phí ăn của thí chủ trong quốc độ, muốn chỉ bày con đường ba thừa cho chúng sanh, muốn vì chúng sanh làm ánh sáng lớn, muốn vớt chúng sanh ra khỏi lao ngục ba cõi, muốn cho chúng sanh con mắt sáng, thời nên thường tập hành Bát nhã ba la mật, khi tập hành Bát nhã ba la mật nếu muốn giảng nói chỉ giảng nói Bát nhã ba la mật; giảng nói Bát nhã ba la mật rồi thường nhớ nghĩ Bát nhã ba la mật; thường nhớ nghĩ Bát nhã ba la mật rồi, thường thực hành Bát nhã ba la mật không để cho ý niệm khác khởi lên, ngày đêm siêng tập hành niệm tương ưng với Bát nhã ba la mật, không ngừng, không nghỉ. Thí như kẻ sĩ phu, chưa từng được ngọc ma ni, lúc sau mới được, được rồi rất vui mừng nhảy nhót, sau đó lại mất đi, liền rất ưu sầu thương nhớ nghĩ ngọc ma ni ấy, nghĩ rằng: Ta vì sao bỗng chốc mất của báu lớn ấy. Này Tu bồ đề! Bồ tát cũng như vậy, thường nhớ nghĩ Bát nhã ba la mật, tâm không lìa Nhất thiết trí.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: bạch đức Thế Tôn! Tính của hết thảy ý niệm tự "xa lìa". tính của hết thảy ý niệm tự "không", làm sao Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật, không lìa ý niệm tương ưng với Nhất thiết trí? Trong pháp "xa lìa" và "không" ấy, không có Bồ tát, không có ý niệm, không có tương ưng Nhất thiết trí?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát biết tính hết thảy pháp tự xa lìa, tính hết thảy pháp tự không, chẳng phải Thanh văn, Bích chi Phật làm, cũng chẳng phải Phật làm. Biết tướng các pháp là thường trú, pháp trụ, pháp vị, như như thật tế, ấy gọi là Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật, không xa lìa tâm niệm tương ưng với Nhất thiết trí, vì sao? Vì tính Bát nhã ba la mật tự xa lìa, tự không, không thêm, không bớt.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu tính Bát nhã ba la mật tự xa lìa, tự không, thời làm sao Bồ tát cùng với Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát với Bát nhã ba la mật không thêm, không bớt, vì sao? Vì như như, pháp tính, thật tế không thêm, không bớt, vì cớ sao? Vì Bát nhã ba la mật chẳng phải một, chẳng phải khác. Nếu Bồ tát nghe nói tướng

Bát nhã ba la mật như vậy mà tâm không kinh, không thối mất, không sợ, không hãi, không nghi, nên biết Bồ tát ấy tập hành Bát nhã ba la mật, nên biết Bồ tát ấy chắc chắn trú trong địa vị chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật không, không có gì của chính nó, tướng không kiên cố ấy là tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Lìa "không" lại có pháp tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn ! Bát nhã ba la mật tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Lìa Bát nhã ba la mật tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Sắc tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức, tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Sáu Ba la mật tập hành Bát nhã ba la mật chăng? Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Tướng sắc không, hư dối không thật, không có gì của chính nó, tướng không kiên cố, tướng sắc như như, pháp tính, pháp vị, thật tế tập hành Bát nhã ba la mật chăng? Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Tướng thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung không, hư dối không thật, không có gì của chính nó, tướng không kiên cố, như như, Pháp tính, Pháp trụ, Pháp vị, thật tế tập hành Bát nhã ba la mật chăng? Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp ấy đều không tập hành Bát nhã ba la mật thời làm sao tập hành, gọi là Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao, ông thấy riêng có pháp tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn.

Này Tu bồ đề! Ông thấy chỗ khả hành Bát nhã ba la mật của Bồ tát chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn.

Này Tu bồ đề! Pháp mà ông không thấy, pháp ấy có thể có được chăng? - Thưa không, bạch đức thế Tôn.

Này Tu bồ đề! Nếu pháp không thể có được, pháp ấy sẽ sinh ra chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn.

Này Tu bồ đề! ấy gọi là Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, Bồ tát thành tựu nhẫn ấy, thời được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề! Ấy gọi là trí không ngại, không sợ của chư Phật. Bồ tát tập hành Pháp ấy một cách siêng năng, tinh tấn, nếu không được trí lớn, trí nhứt thiết chủng tức là trí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời không có lẽ ấy, vì sao? Vì Bồ tát ấy từ khi được vô sanh pháp nhẫn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không giảm, không thối.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Tướng các pháp là vô sinh, ở trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn: Tướng các pháp sinh, ở trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch Thế Tôn: Tướng các pháp chẳng phải sinh, chẳng phải không sinh ở trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch thế Tôn: Vậy các Bồ tát làm sao biết các pháp mà được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu bồ đề: Ông thấy có pháp được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Thưa không, bạch Thế Tôn, con không thấy có pháp được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thấy pháp có người được và chỗ được. Phật dạy: Như vậy! Như vậy.

Nếu Bồ tát khi đối với hết thảy pháp không có sở đắc gì, nên không nghĩ rằng ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc dùng việc ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là chỗ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì các Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật không có các ức tưởng phân biệt. Vì cớ sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có các ức tưởng phân biệt.

LUẬN - Hỏi: Trên đã nói mỗi mỗi tướng Bát nhã, sao nay còn hỏi lại?

Đáp: Bát nhã ba la mật vi diệu đệ nhất, nghe không chán, không có khi nào đủ, không có tướng nhất định nên không nên nạn hỏi. Như đại Bồ tát ở ngôi thập trụ đối với Bát nhã ba la mật còn chưa đầy đủ, huống gì Tu bồ đề là hạng người Tiểu thừa!

* Lại nữa, nghe trên kia mỗi mỗi khen ngợi Bát nhã là cha, là mẹ v.v... thế nên hỏi lại. Phật nhân Tu bồ đề hỏi, nên vì các chúng sanh khác nói rộng tướng Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề gọi tướng hư không là tướng Bát nhã ba la mật. Như tướng hư không không có sắc, không có tướng phi sắc; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, không có tướng gì của chính nó. Tu bồ đề lại hỏi: Vả chăng có nhân duyên mà tướng các pháp như tướng Bát nhã chăng? Phật đáp: Có, vì hết thảy pháp rốt ráo không, rốt ráo lìa tướng, nên nói như tướng Bát nhã ba la mật, hết thảy pháp cũng vậy. Tu bồ đề gạn hỏi: Nếu hết thảy lìa tướng, không tướng thời làm sao biết có nhơ có sạch? làm sao Bồ tát được đạo Vô thượng?

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh suốt đêm dài hành theo tướng ngã, ngã sở; theo nghĩa của Phật nói: Như ngã, ngã sở rốt ráo không có, vì chúng sinh điên đảo, si cuồng chấp có nên sinh các phiền não, nhân các phiền não nên có nghiệp, nhân nghiệp nên qua lại trong đường sinh tử; các việc ấy rốt ráo không, vì sao? Vì ngã không có, nên tâm ngã sở hư dối; tâm ngã sở hư dối nên các pháp nhân quả khác, triển chuyển đều hư dối; tâm ngã sở hư dối nên các nhân quả khác, triển chuyển đều hư dối. Nếu do thật trí tuệ Bát nhã ba la mật quán năm uẩn vô thường, khổ, không, vô ngã, lìa tự tướng, tự tướng không, từ xưa nay rốt ráo không sinh. Bấy giờ tâm chấp ngã, ngã sở tiêu diệt; như mặt trời xuất hiện, các bóng tối đều mất. Vì tâm chấp ngã, ngã sở diệt nên các phiền não diệt; vì các phiền não diệt nên nghiệp duyên cũng diệt; vì nghiệp duyên diệt nên việc qua lại trong đường sinh tử chấm dứt; ấy gọi là tịnh.

Tuy tướng hết thảy pháp đều không, nhưng cũng do nhân duyên như vậy nên có sạch có nhơ. Khi ấy Tu bồ đề suy nghĩ, trù lượng lời Phật xong, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát hành như vậy thật không hành sắc ... vì sao? Vì Bồ tát không thủ đắc tướng tập hành, chỗ tập hành, người tập hành. Bạch Thế Tôn, Bồ tát tập hành được như vậy thời hết thảy trời, người, thế gian không ai hàng phục được. Người thế gian đều chấp trước giả danh, còn hành giả thời tu hành thật pháp, cho nên không thể hàng phục. Người thế gian chấp đắm vào mọi thứ hư dối, điên đảo và quả báo hư dối, còn Bồ tát đối với rốt ráo không, còn không chấp trước, huống gì các các pháp khác! Như vậy làm sao hàng phục được?

Trời , người, A tu la, thế gian là hạng người có trí tuệ trong ba đường thiện, nên nói không thể hàng phục. Lại nữa, hết thảy Thanh văn, Bích chi Phật là không thể sánh kịp, đây là hạng ở trên ba đường thiện, là y cứ nơi người chưa đắc đạo mà nói, còn trong đây nói người đắc đạo không thể sánh kịp. Lý do không thể sánh kịp là khi Bồ tát vào pháp vị thời hết thảy ma, kẻ ma xui khiến không thể làm não hại. Bồ tát ấy thường tập hành tâm tương ưng Nhất thiết trí, gần với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì không chấp trước hết thảy pháp, thường chứa nhóm hết thảy pháp trợ đạo, nên Phật chấp thuận lời kia mà khen ngợi.

Phật muốn đem trí tuệ như vậy, vì người khác nói, nên trước tán thán hạnh tự lợi của Bồ tát, nay vì lợi tha, phân biệt quả báo phước đức nên hỏi Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh ở cõi Diêm phù đề đều được làm thân người như trong kinh này nói rộng, cho đến tâm tương ưng với Nhất thiết trí là vượt trên hết thảy ruộng phước. Trong đây nói nhân duyên rằng: Nếu Bồ tát tự tu Bát nhã ba la mật, cũng dạy người khác tu; người ấy đối với hết thảy ruộng phước có thể đạt đến bờ mé nó.

Ruộng phước là từ Tu đà hoàn cho đến Phật. Bồ tát có thể thực hành như Bát nhã nói, thời được làm Phật; các phước đức thiện pháp khác vì lìa Bát nhã ba la mật, nên đều cùng tận, còn Bát nhã ba la mật không thể cùng tận.

Kinh nói: Không có phước đức nào khác bằng thế lực của Bồ tát, là khi Bồ tát tu hành Bát nhã, được các nhẫn lực đối với các pháp bình đẳng; được bình đẳng nhẫn nên tuy tu hành "không", cũng có thể tu bốn tâm vô lượng. Trong bốn tâm vô lượng, tâm đại bi là gốc của đại thừa, thấy chúng sinh đi đến cái chết như người tù bị giết, các Bồ tát có thể phát sinh sáu Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, nên tuy chưa được đạo Vô thượng, đã là ruộng phước cho hết thảy chúng sinh. Thế nên nói: Bồ tát nếu muốn không luống

uổng ăn của thí chủ trong nước, hãy nên học Bát nhã ba la mật. Không luống uổng ăn là có thể báo đáp ơn thí chủ, có thể phát sinh đạo, có thể làm cho phước đức của thí chủ không cùng tận cho đến vào Niết bàn. Nếu chỉ bày đạo ba thừa cho chúng sinh, chỉ bày Nhất thiết trí rất sáng cho chúng sinh, cũng muốn kéo chúng sinh ra khỏi bốn trói buộc trong ngục ba cõi, muốn chúng sinh được năm mắt, phải nên thường tu niệm tương ưng với Bát nhã ba la mật. Niệm tương ưng tức là tâm Bát nhã. Nếu tập hành tâm Bát nhã thời nếu có nói gì chỉ nói Bát nhã ba la mật mà thôi.

Phật sắc dạy đệ tử, nếu hòa hợp cộng trú thường nên hành hai việc: một là hiền thánh im lặng; hai là thuyết pháp. Hiền thánh im lặng là tâm Bát nhã; thuyết pháp là thuyết Bát nhã ba la mật. Người ấy từ tâm Bát nhã phát xuất, thuyết Bát nhã ba la mật; thuyết Bát nhã ba la mật rồi trở lại vào trong Bát nhã, không để cho tâm khác, lời khác xen vào, ngày đêm thường tu như vậy không ngừng, không nghỉ như vậy sẽ được công như trước nói. Phật muốn làm cho việc ấy rõ ràng nên nói thí dụ: Như người nghèo mất của báu có giá trị lớn, thường nhớ mãi không rời, Bồ tát cũng như vậy, không rời tâm Nhất thiết trí, thường tu Bát nhã ba la mật không ngừng, không nghỉ.

Bấy giờ Tu bồ đề nghe việc ấy liền bạch Phật rằng; Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thảy tâm niệm đều không, làm sao Bồ tát không rời niệm Nhất thiết trí? Vì trong không, Bồ tát không thể có được, Nhất thiết trí cũng không thể có được?

Phật đáp: Nếu Bồ tát biết hết thảy pháp xa rời tự tánh, chẳng phải Thanh văn, Bích chi Phật làm ra, cũng chẳng Phật làm ra, mà từ nhân duyên xuất sinh các pháp tướng như như, thật tế thường trụ thế gian, tức là Bồ tát không rời hạnh Bát nhã ba la mật. Phật tự nói nhân duyên, vì Bát nhã ba la mật không, xa lìa, nên không thêm không bớt.

Tu bồ đề nghe như vậy lại hỏi Phật: Nếu Bát nhã ba la mật tánh không, làm sao Bồ tát hợp cùng Bát nhã được đạo Vô thượng? Phật theo câu hỏi của Tu bồ đề mà nói rằng: Nếu Bồ tát hợp cùng Bát nhã ba la mật thời không thêm không bớt; vì các pháp như như, pháp tánh, thật tế, không thêm không bớt nên Bát nhã ba la mật không thêm không bớt. Bát nhã tức là các pháp như như, pháp tánh, thật tế; như như, pháp tánh, thật tế tức là Bát nhã ba la mật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Như như như, pháp tánh, thực tế chẳng phải một, chẳng phải khác, Bát nhã cũng như vậy. Pháp thế gian chẳng phải một tức là hai, chẳng khác tức là một, còn Bát nhã ba la mật không như vậy, nên Bát nhã ba la mật vô lượng vô biên. Vì không, vô tướng, vô tác nên

không thêm không bớt; nếu Bồ tát ngộ được tính không thêm không bớt ấy, thời chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ tát nghe việc ấy mà thông suốt, không chướng ngại vào trí tuệ Phật, nên tuy chưa làm Phật nhưng nhờ tín lực mà đối với Phật pháp cũng không nghi, không kinh, không sợ, vì cớ sao? Vì kẻ phàm phu tâm chấp ngã nên có sợ, Bồ tát dứt hết ngã tưởng nên không sợ, nên biết Bồ tát ấy an trụ địa vị chẳng thoái chuyển, cũng có thể hành đúng Bát nhã.

Tu bồ đề nghe nói Bồ tát hành đúng Bát nhã nên lại hỏi Phật: Bát nhã ba la mật quán hết thảy đều không, không bền chắc, tướng không ấy là hànnh Bát nhã chăng? - Phật đáp: Không phải, vì sao? Vì nếu pháp không, không có, làm sao hành Bát nhã? - Lìa pháp không ấy lại riêng có pháp hành Bát nhã chăng? - Phât đáp: Không phải, vì sao? Vì nếu hết thảy pháp không, vô tướng, vô tác làm sao lìa không lại có pháp khác, thế nên đáp không phải. Tu bồ đề nghe nói "Không" chẳng phải hành Bát nhã; lìa "Không" chẳng phải hành Bát nhã; hết thảy pháp đều thu nhiếp ở trong Bát nhã, nay chỉ hỏi Bát nhã tập hành Bát nhã chăng? - Pháp không tự tập hành, phải do pháp khác tập hành, nên đáp "không".

Lại hỏi lìa Bát nhã lại riêng có pháp tập hành Bát nhã chăng? Phật đáp: Không, vì sao? Vì hết thảy pháp thu nhiếp ở trong Bát nhã, không thể riêng có pháp tập hành Bát nhã. Từ trước lại đây lược hỏi người thực hành Bát nhã, nay hỏi về lý do danh tự năm uẩn tập hành Bát nhã chăng? Phật đáp: Không, vì sao? Vì năm uẩn từ nhân duyên hoà hợp hư dối, không tự tại không có tướng "tác vi", làm sao tập hành được? Tu bồ đề lại hỏi: Nếu Bồ tát chỉ là danh tự giả, trống không, không thật, nên không tập hành Bát nhã, vậy Ba la mật và các pháp trợ đạo tập hành Bát nhã ba la mật chăng? Phật đáp: Không, vì sao? Vì như năm uẩn do hoà hợp mà có nên không thể tập hành, sáu Ba la mật cũng như vậy. Sắc pháp tướng không, không bền chắc; như như, pháp tính, pháp vị, pháp trụ, thật tế, pháp ấy tập hành Bát nhã chăng? Phật đáp: Pháp ấy là pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, tự tính thường trú nên không tập hành.

Tu bồ đề lại hỏi Phật: Người là danh tự giả, nên không tập hành; các pháp cũng do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tự tính nên cũng không tập hành, vậy ai sẽ tập hành Bát nhã? Nếu không tập hành làm sao được đạo Vô thượng? Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại: Ý ông nghĩ sao? Vì thấy Tu bồ đề gấp rút tìm biết người tập hành Bát nhã, thế nên Phật hỏi: Ông lấy mắt tuệ xem thấy có một pháp nhất định tập hành Bát nhã chăng? Tu bồ đề nhân ba cửa giải thoát được vào thật tướng các pháp, tướng các pháp còn không thể

có được, huống gì người tập hành? Thế nên đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Không thấy có người tập hành Bát nhã. Phật lại hỏi: Ông thấy có chỗ Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật? Tu bồ đề đáp: Không thấy, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật, hết thảy pháp quán hoặc thường hoặc vô thường; hoặc sinh hoặc diệt đều dứt; không có một pháp có tướng nhất định gọi là Bát nhã, làm sao nói đó là Bát nhã ba la mật!

Phật lại hỏi: Nếu ông dùng mắt tuệ không thấy pháp, vậy pháp không thấy ấy là có hay là không? Tu bồ đề đáp: Không, vì sao? Vì theo Phật nói, mắt tuệ chơn thật, còn mắt thịt, mắt trời hư dối, Tu bồ đề dùng mắt tuệ quán sát không thấy, nên đáp: Không. Phật lại hỏi: Nếu pháp không, không thể có được, pháp ấy có sinh chăng? Tu bồ đề đáp: Không sinh. Pháp ấy vốn tự không có, rốt ráo không, không có gì của chính nó, Hý luận về các pháp có hay không đã diệt làm sao có sinh? Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát đối với pháp ấy thông suốt vô ngại, có tín lực, tuệ lực nên có thể an trú trong pháp ấy, ấy gọi là Vô sinh nhẫn.

Trong năm uẩn giả gọi là Bồ tát, được pháp như vậy, ấy gọi là hành đúng Bát nhã ba la mật. Đây theo pháp thế tục nên nói, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa, trong đệ nhất nghĩa, các hý luận tức là vô sinh. Được vô sinh nhẫn ấy liền được thọ ký đạo Vô thượng. Phật dạy: Nếu Bồ tát nhất tâm, siêng tinh tấn, không ngừng không nghỉ, hành theo Vô sinh nhẫn mà không được trí tuệ lớn, trí tuệ vô thượng, Nhất thiết trí, thời không có lẽ đó, vì sao? Vì như Kinh nói: Nếu không nhân không duyên thời không có quả báo, tà nhân tà duyên cũng không có quả báo, nhân duyên ít cũng không có quả báo. Bồ tát được nhân duyên pháp nhẫn như vậy, khi bỏ nhục thân sinh tử liền được thân pháp tánh sinh, trú trong quả báo thần thông của Bồ tát, trong một lúc có thể biến hóa làm vô lượng thân, nghiêm tịnh cõi Phật, độ thoát chúng sanh. Người ấy ở thân cuối cùng đầy đủ Phật pháp, ngồi đạo tràng. Đầy đủ nhân duyên chính, nếu không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời không có lẽ ấy, vì cớ sao? Vì người ấy được pháp vô sinh nhẫn, nhất tâm tiến thẳng, không có lùi bỏ. Bồ tát chưa được Vô sinh pháp nhẫn, còn đắm sâu pháp thế gian, các phiền não sâu dày; tuy có thiện tâm phước đức mà mỏng manh không chứa nhóm được, nên bị phiền não ngăn che, nếu được vô sinh pháp nhẫn thời không còn có việc ấy. Chưa được vô sinh pháp nhẫn thời dùng sức khó khăn, thí như đi bộ; được vô sinh pháp nhẫn rồi thời dùng sức rất dễ, thí như cỡi thuyền.

Thế nên các Bồ tát quý vô sinh pháp nhẫn, vì quý nên Tu bồ đề hỏi Phật: Được pháp vô sinh nên được thọ ký chăng? Phật đáp: Không phải, vì sao?

Vì pháp vô sinh không sinh không diệt, không có tướng được, làm sao nhân được thọ ký. Tu bồ đề lại hỏi: Pháp sinh được thọ ký ư? Phật đáp: Không được, vì sao? Vì pháp sinh là hư dối, các pháp là pháp vọng ngữ tạo tác, làm sao được pháp chơn thật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề lại hỏi: Pháp sinh và chẳng sinh được thọ ký chăng? Phật đáp: Không được, vì sao? Vì cả hai đều có lỗi. Tu bồ đề lại hỏi: Nếu như vậy làm sao sẽ được thọ ký? Phật hỏi ngược lại: Ông lấy mắt tuệ quán sát thấy có pháp thọ ký cho hàng Bồ tát chăng? Tu bồ đề đáp: Không thấy, vì sao? Vì pháp ấy từ trước lại đây tướng tịch diệt, trong đó không có thấy và chẳng thấy, không có thọ ký và chẳng thọ ký, cũng không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có pháp để đắc cũng không có người đắc. Vì Bát nhã ba la mật không có sự ức tưởng phân biệt ấy.

Hỏi: Trên đây Tu bồ đề hỏi Bồ tát do được vô sinh nhẫn nên được thọ ký chăng? Phật đáp không, sao nay Phật lại lấy lý vô sinh để đáp rằng Bồ tát khi tu Bát nhã không có các ức tưởng phân biệt?

Đáp: Hành giả thật do vô sinh nhẫn nên được thọ ký, nhưng Tu bồ đề vì hàng Bồ tát nên lấy tâm chấp trước, tâm sở đắc để hỏi, vì vậy Phật đều đáp không. Như hết thảy pháp thật không có ngã mà Phạm chí Bà sa hỏi Phật có ngã chăng? Phật im lặng không đáp. Hỏi không có ngã chăng? Phật cũng im lặng không đáp. Hết thảy pháp tuy thật không có ngã, nhưng vì Phạm chí đem tâm chấp trước hỏi, muốn hý luận vô ngã, nên Phật không đáp.

Ý Tu bồ đề hỏi, biết chắc chắn có việc thọ ký nhưng không biết quán pháp gì mà được thọ ký nên hỏi. Thế nên Phật đem điều sở đắc của Tu bồ đề hỏi lại: ông lấy mắt tuệ thấy nhất định có pháp thọ ký chăng? Tu bồ đề trong ba cửa giải thoát, quán pháp tánh không thấy nhất định có người thọ ký, vì tánh của các pháp là vô tướng, vô lượng. Nếu không thấy có pháp thọ ký thời làm sao sẽ có người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề nghe người thọ ký ấy không, tâm nạn vấn liền dứt, tự hiểu rõ không nghi. Phật chấp nhận ý ông, nói: Như vậy, như ậy! Ông chẳng thấy pháp chẳng được là thật, vì sao? Vì tướng Bát nhã ba la mật không có phân biệt.

---o0o---

GIẢI THÍCH PHẨM MA SẦU THỨ 62

(Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Vấn Học Thứ 61)

KINH: Bấy giờ trời Đế Thích bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật không có các ức tưởng phân biệt, vì rốt ráo xa lìa tướng. Bạch đức Thế Tôn! Chúng sinh nghe Bát nhã ba la mật có thể thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, thân cận, tu đúng như nói cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không xen lẫn các tâm, tâm sở khác; việc ấy không do công đức nhỏ đưa lại.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến không xen lẫn các tâm sở khác, việc ấy không do công đức nhỏ đưa lại.

Này Kiều thi ca! Ý ông nghĩ sao? Nếu chúng sinh ở cõi Diêm phù đề thành tựu mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; lại có kẻ thiện nam, người thiện nữ thọ trì Bát nhã thậm thâm, đọc tụng, thân cận, nhớ nghĩ đúng, tu đúng như nói, thời hơn chúng sinh ở cõi Diêm phù đề thành tựu mười thiện đạo cho đến bốn định vô sắc gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn ức lần, cho đến toán số thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Bấy giờ, có một Tỳ kheo nói với trời Đế thích rằng: Kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy tu hành Bát nã ba la mật được công đức nhiều hơn nhơn giả. Trời Đế thích nói: Kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy chỉ phát tâm còn hơn tôi, huống chi nghe Bát nhã ba la mật rồi viết chép, giữ gìn, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu đúng như nói! Kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy tu Bát nhã ba la mật chẳng phải chỉ hơn tôi mà còn hơn hết thảy thế gian, trời, người, A tu la; chẳng phải chỉ hơn hết thảy trời, người, A tu la mà cũng hơn Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật; chẳng phải chỉ hơn Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật mà cũng hơn vị Bồ tát tu năm Ba la mật nhưng xa lìa Bát nhã ba la mật; chẳng phải chỉ hơn vị Bồ tát tu năm Ba la mật nhưng xa lìa Bát nhã ba la mật mà cũng hơn vị Bồ tát tu Bát nhã ba la mật nhưng không có sức phương tiện. Bồ tát ấy đúng như kinh nói: Tu Bát nhã ba la mật không dứt giống Phật, thường được thấy chư Phật, chóng đến đạo tràng. Bồ tát tu như vậy vì muốn cứu vớt chúng sinh ra khỏi dòng chìm đắm. Bồ tát học như vậy là không học Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ tát học như vậy trời Tứ thiên vương đi đến chỗ Bồ tát nói rằng: "Thiện nam tử hãy siêng học mau, khi ngồi đạo tràng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như chư Phật quá khứ được nhận bốn chiếc bát, ông cũng sẽ được, chúng tôi cũng sẽ đem đến dâng cúng". Lại các trời khác, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ xoa, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, cho đến trời Thủ đà hội cũng sẽ đến cúng dường. Chư Phật mười phương cũng sẽ thường nghĩ đến vị Bồ tát ấy là người đúng như kinh nói, tu hành Bát nhã ba la mật thậm thâm. Vị Bồ tát ấy vĩnh viễn không còn các

việc ách nạn, khổ nhọc của thế gian. Thân vị Bồ tát ấy không có 404 bệnh như thế gian, do tu hành Bát nhã ba la mật thậm thâm nên được công đức hiện đời như vậy.

Bấy giờ A nan nghĩ rằng: Trời Đế thích do tự lực nói ra hay nhờ thần lực của chư phật nói ra? Trời Đế thích biết ý nghĩ của A nan, nói với A nan rằng: Lời tôi nói ra dều do oai thần của Phật. Phật bảo A nan: Như vậy, như vậy! như lời trời Đế thích đều do oai thần của Phật.

Này A nan! Khi Bồ tát ấy học tập Bát nhã ba la mật thậm thâm, ác ma trong ba ngàn đại thiên thế giới đều sinh hồ nghi: Bồ tát ấy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư" Hay sẽ giữa đường thủ chứng Niết bàn rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật?

* Lại nữa, A nan! Nếu khi Bồ tát không rời Bát nhã ba la mật thời ma rất sầu khổ, như mũi tên đâm vào tâm. Khi ấy ma lại phóng ra ngọn gió lửa lớn dậy khắp bốn phương, muốn làm cho tâm Bồ tát biến mất, sọ hãi, biếng nhác cho đến khởi lên một niệm loạn động đối với Nhất thiết trí.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Ma quấy nhiễu hết thảy Bồ tát hay có người không bị quấy nhiễu?

Phật bảo A nan: Có người bị quấy nhiễu, có người không bị quấy nhiễu.

A nan bạch Phật: Hạng Bồ tát nào bị ma quấy nhiễu.

Phật dạy: Hạng Bồ tát đời trước nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm, tâm không tin hiểu; hạng Bồ tát ấy ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

* Lại nữa, A nan! Bồ tát khi nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm, ý nghi ngờ Bát nhã ấy là thật có hay là thật không có? Hạng Bồ tát như thế ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

* Lại nữa, A nan! Có hạng Bồ tát xa lìa thiện tri thức, bị ác tri thức nhiếp phục, nên không nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm, không nghe nên không biết, không thấy, không hỏi nên làm sao tu hành Bát nhã ba la mật; nên làm sao tu Bát nhã ba la mật; hạng Bồ tát ấy ác ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

* Lại nữa, A nan! Nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật, lãnh thọ pháp ác, Bồ tát ấy ma tìm được chỗ tiện lợi. Nó nghĩ rằng bọn ta sẽ có bạn đảng, sẽ thỏa mãn nguyện ta. Bồ tát ấy tự rơi vào nhị địa, cũng khiến người khác rơi vào nhị địa.

* Lại nữa, A nan! Nếu Bồ tát khi nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm, liền nói với người khác rằng: "Bát nhã ba la mật ấy thậm thâm, ta còn không thể biết được thấu đáo, vậy người nghe làm gì, học làm gì Bát nhã ba la mật ấy": Hạng Bồ tát như vậy, ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

* Lại nữa, A nan! Nếu Bồ tát khinh các Bồ tát khác rằng: Ta hành Bát nhã ba la mật, hành hạnh "viễn ly không", còn ngươi không có công đức ấy. Khi ấy ác ma rất vui mừng nhảy nhót. Nếu có Bồ tát tự ỷ thị tên họ mình nhiều người biết đến, nên khinh các Bồ tát hành thiện khác. Hạng Bồ tát ấy thật không có công đức về hành, loại, tướng mạo của chẳng thoái chuyển. Vì không có công đức ấy nên sinh các phiền não, chỉ đắm trước hư danh nên khinh dễ người khác, nói rằng: Ngươi không ở trong pháp của ta có được. Bấy giờ ác ma nghĩ rằng: nay cảnh giới cung điện của ta chẳng trống không, lại tăng thêm ba đường ác. Ác ma giúp thêm uy lực khiến người khác tín thọ lời người kia nói; vì tín thọ lời người kia nói nên tin chịu làm theo kinh sách nó, tu học như lời nó nói; khi tu học nhu lời nó nói, thời tăng thêm các kiết sử. Vì tâm các người ấy điên đảo nên ba nghiệp thân, miệng, ý họ làm đều chịu ác báo. Do nhân duyên ấy làm tăng thêm ba đường ác, quyên thuộc, cung điện của ma càng thêm nhiều. Này A nan! Ma thấy các lợi đó nên rất vui mừng, nhảy nhót.

Này A nan! Nếu người hành đạo Bồ tát tranh đấu với người cầu đạo Thanh văn, ma liền nghĩ rằng, thế là xa lìa Nhất thiết trí. Này A nan! nếu Bồ tát tranh đấu với Bồ tát, sân giận, mắng nhiếc, khi ấy ác ma liền rất vui mừng, nhảy nhót nói rằng: Cả hai đều xa lìa Nhất thiết trí.

* Lại nữa, A nan! Nếu Bồ tát chưa được thọ ký, hướng tới Bồ tát đã được thọ ký sinh ác tâm tranh đấu, mắng nhiếc, tùy theo niệm ác trong nhiều ít kiếp, bằng kiếp số bao nhiêu, nếu không bỏ trí Nhất thiết chủng, vậy sau mới được bổ túc bấy nhiêu kiếp đại trang nghiêm.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn! Ác tâm ấy trải qua số kiếp bấy nhiêu, ở giữa khoảng đó có thể được giải trừ chăng?

Phật bảo A nan: Ta tuy nói người cầu đạo Bồ tát và Thanh văn được xuất tội, nhưng nếu người câu đạo Bồ tát tranh đấu nhau, sân giận, mắng nhiếc, ôm hận không hối cãi, không xả bỏ, ta không nói người đó được xuất tội, chắc chắn sẽ lại phải trải qua nhiều kiếp số nếu không bỏ trí Nhất thiết chủng vậy sau mới được trang nghiêm. Nếu Bồ tát tranh đấu, sân giận, mắng nhiếc, liền tự biết hối cải, nghĩ rằng: Ta có lỗi lớn, ta phải vì tất cả chúng sinh mà khuất mình xuống, khiến đời nay, đời sau được hòa giải; ta sẽ nhẫn chịu cho chúng sinh bước qua như cầu đò, như điếc, nhu ngọng chứ làm sao ta dùng lời ác đáp trả người! Ta không nên phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ nên độ hết thảy chúng sinh khổ não, chứ làm sao ta lại khởi lên tâm sân giận!

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Còn Bồ tát với Bồ tát cộng trú thì thế nào?

Phật bảo A nan: Bồ tát với Bồ tát cộng trú thì nên xem nhau như Thế Tôn, vì sao? Vì Bồ tát nên nghĩ rằng: Đó là bạn thật của ta, đi chung một thuyền; kia học ta học Thí ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Nếu Bồ tát kia tu hành tạp nhạp, lìa tâm Nhất thiết trí;, ta không nên học như vậy; nếu Bồ tát kia không tu hành tạp nhạp, không lìa tâm Nhất thiết trí, ta nên học như vậy. Bồ tát học như vậy là đồng học.

LUẬN: Trên kia trời Đế thích nói người thiện nam viết chép, trì thọ Bát nhã cho đến nhớ nghĩ đúng được vô lượng công đức. Nay nói về ý nghĩa ấy. người đọc tụng Bát nhã cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không để cho tâm tâm số pháp khác xen vào là được công đức như đã nói trên. Chỉ từ người khác nghe mà không thể thực hành, khiến các tâm khác không xen vào, thời tuy công đức nhưng không gọi là vô lượng.

Tâm tâm số pháp xen vào là có người nói đó là xan tham, là ác tâm phá sáu Ba la mật. Có người nói chỉ cần không để ác tâm tăng trưởng thì thế lực ma đi đến liền bị diệt trừ. Có người nói không để cho tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật được xen vào. Có người nói tâm vô ký tán loạn tuy chẳng phải ác, song vì chướng ngăn thiện đạo, cũng không để cho xen vào. Thế nên người ấy không phải từ công đức nhỏ đưa đến. Phật chấp thuận lời đó rằng: đúng như vậy. Vì muốn phân biệt thế lực của hạnh thanh tịnh nên hỏi ngược lại Kiều thi ca rằng: Nếu hết thảy người cõi Diêm phù đề thành tựu mười thiện đạo như kinh nói, phước đức ấy tuy nhiều song vì lìa thật tướng các pháp nên hư dối, không bền chắc, vô thường, tận diệt, không đủ cho là nhiều, giống như cỏ tuy rất hiều song không bằng một chút kim cương.

Hỏi: Tỳ kheo ấy vì sao nói với trời Đế thích rằng: Phước đức người thiện nam ấy hơn ông?

Đáp: trời Đế thích đã ở trong quả báo phước đức làm chủ cả trời người, tuy rất được tôn trọng, nhưng Tỳ kheo ấy vì qúy trọng chuyện khác, muốn nêu bày công đức thiện pháp nên nói hơn trời Đế thích.

* Lại nữa, Tỳ kheo ấy nghe nói trời Đế thích được đạo Thanh văn, nên nói ông tuy có phước đức mà không bằng Bồ tát. Trời Đế thích đắc đạo, thâm niệm Phật pháp nên nhận lời nói của Tỳ kheo, không sinh tâm cao ngạo, nói rằng: Bồ tát vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỉ phát tâm là đã hơn tôi, huống gì còn tu hành như kinh nói, vì sao? Vì phước đức của trời Đế thích mỏng ít, còn công đức của Bồ tát sâu dày. Lại, vì phước đức của trời Đế thích đắm vào cái vui cõi trời, chỉ vì tự thân, còn công đức của Bồ tát là vì hết thảy chúng sinh mà hồi hướng đến cái vui Phật đạo. Khi ấy hội chúng nghe Tỳ kheo nói hơn trời Đế thích, trời Đế thích nhận lời nói đó, họ đều sinh tâm khinh trời Đế thích. Thế nên trời Đế thích nói: Không chỉ hơn tôi mà còn hơn cả vị Bồ tát tập hành Bát nhã mà không có sức phương tiện, như kinh nói tập hành Bát nhã ba la mật mà không lìa tâm tâm số pháp. Trong đây trời Đế thích tự nói lý do hơn, đó là Bồ tát tu hành Bát nhã đúng như kinh nói, không dứt giống Phật, cho đến do tu hành Bát nhã ba la mật nên được công đức đời này.

Hỏi: Vì sao A nan nghĩ rằng: Trời Đế thích do tự lực nói ra hay nhờ Phật lực?

Đáp: A nan biết trời Đế thích là Thanh văn mà nói rất sâu, hơn trí Thanh văn, Bích chi Phật, thế nên sinh nghi mà hỏi.

Hỏi: Trời Đế thích tự có trí hay hỏi hay đáp, cớ sao nói nhờ Phật lực?

Đáp: Bát nhã rất sâu, rất khó, vô lượng, vô biên; nếu ở chỗ khác nói còn khó, huống gì ở trước Phật, trước đại chúng nói! Thế nên nói nhờ Phật lực. Như kinh Trì Tâm nói: Do oai thần sánh sáng nhập vào tâm kia, nên có thể đối trước Phật nói lời nạn vấn.

Phật bảo A nan: Chấp thuận lời Đế thích nói; lại khen ngợi vị Bồ tát tu hành Bát nhã thậm thâm, có uy đức lớn. Đó là A nan, khi vị Bồ tát tập học Bát nhã thậm thâm, ác ma liền sinh nghi. Ác ma là giặc oán của Bồ tát, thường

tìm lúc thuận tiện để phá Bồ tát như nói ở trong phẩm Ma. Vì Bồ tát tu hành sâu Bát nhã ba la mật, nên ma dùng phương tiện lớn phá hoại tâm Bồ tát. Nếu Bồ tàt giải đãi thời ma rất vui mừng, nói rằng: Người ấy sẽ tự sa đọa.

Có người nói hết thảy Bồ tát đều phải bị ma oán. Thế nên A nan hỏi: Tấ cả đều có ma oán hay có người không bị? Phật phân biệt đáp: Người có tâm thanh tịnh sâ u xa, hành đạo Bồ tát thời không có bị ma phá; người không thanh tịnh thời bị ma phá; như kinh nói rộng.

Hỏi: Như Phật nói hết thảy pháp hữu vi đều có thể chuyển đổi, có thể xả bỏ, cớ sao A nan nghi mà hỏi Phật, tội ấy có thể hối cải chăng?

Đáp: A nan biết Bát nhã ba la mật là nhân duyên vô tận, nếu ai cúng dường sẽ được phước vô biên cho đến khi thành Phật, phước đức ấy vẫn bất tận; nếu trách mắng Bát nhã, tội ấy cũng vô biên; thế nên hỏi Phật. Phật đáp: Ta tuy nói có thể xuất tội, nhưng nếu Bồ tát kết hận, đấu tranh nhau không chịu bỏ thời không thể xuất tội được, vì sao? Vì Bồ tát ấy có tâm khinh mạn quá sâu, sân giận các Bồ tát khác. Vì tâm sân giận, kiêu mạn nên không thể hạ mình cùng sám hối, lại muốn làm công đức khác để mong dứt tội ấy. Phật dạy: Tội ấy không thể dứt được, vì tâm ôm hận nên tuy làm phước khác đều không thanh tịnh, không thanh tịnh nên không có lực, không có lực nên không thể diệt tội. Người ấy nếu muốn làm Phật, không bỏ Nhất thiết trí, hạ mình sám hối, cho đủ bấy nhiêu kiếp mới được đại trang nghiêm.

Hỏi: Trong tâm ôm hận, làm sao có thể dứt tội?

Đáp: Vì phá sân hận như kinh nói. A nan biết chúng sinh tùy thuộc vào nghiệp duyên, không được tự tại, không ai cứu hộ, ôm tâm sợ hãi, hỏi Phật: Bồ tát cộng trú như thế nào? Dụng tâm cung kính thế nào? - Phật đáp: Bồ tát nên cúng dường, cung kính, xem nhau như Phật, vì đó là Phật vị lai. trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ tát cộng trú nên nghĩ rằng, đây là bạn chơn thật của ta, cùng đi đến Phật đạo, cùng cỡi một thuyền. Thuyền là chỉ sáu Ba la mật; ba cõi và ba lậu hoặc là nước; bờ kia là Phật đạo. Điều người kia học ta cũng nên học, đó là sáu Ba la mật, đồng giới, đồng kiến, đồng đạo. Như anh em trong hàng cư sĩ, không nên đấu nhau; ta và kia là anh em đồng pháp, không nên tranh nhau. Nếu Bồ tát kia tu hành tạp nhạp, lìa tâm Nhất thiết trí, ta không nên học như vậy, vì sao? Vì việc tốt nên học theo, việc xấu nên bỏ. Bồ tát nếú hoạc được như vậy thời việc khinh mạn, sân hận chấm dứt; ấy gọi là Bồ tát đồng học.

---o0o---

GIẢI THÍCH PHẨM ĐẲNG HỌC THỨ 63

Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Đồng Tánh Thứ 62)

KINH: - Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp bình đẳng của các Bồ tát, Bồ tát nên học?

Này Tu bồ đề! Nội không là pháp bình đẳng của Bồ tát; ngoại không cho đến tự tướng không là pháp bình đẳng của Bồ tát. Sắc, sắc tướng không; thọ, tưởng, hành, thức tướng không cho đếnVô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tướng không là pháp bình đẳng của Bồ tát. An trú pháp bình đẳng ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn! Bồ tát vì sắc tận nên học, là học Nhất thiết trí; vì sắc lìa nên học, vì sắc diệt nên học, là học Nhất thiết trí; vì sắc chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; tận, ly diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí?

Phật bảo Tu bồ đế: Như lời ông nói: vì sắc, tận, ly, diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí; vì thọ, tưởng, hành, thức, cho đến mười tám pháp không chung tận, ly, diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí.

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Sắc như như, thọ, tưởng, hành, thức như như cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như như; Phật như như; các như ấy tận, diệt, đoạn chăng? Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát như vậy học như như, là học Nhất thiết trí. Như như ấy không thủ chứng, không diệt, không đoạn. Tu bồ đề! Bồ tát như vậy học như như, là học Nhất thiết trí, là học sáu Ba la mật, là học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Nếu học sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung ấy là học Nhất thiết trí. Học như vậy là tận bờ mé của sự học, học như vậy ma hoặc ma trời không thể phá hoại; học như vậy đi thẳng đến địa vị chẳng thoái chuyển; học như vây là học đạo sở hành của Phật; học như vậy là được ủng hộ, là học đại từ đại bi, là học nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; học như vậy là học pháp luân có ba lần chuyển, mười hai hành tướng; học như vậy là học độ chúng sinh; học như vậy là học không dứt giống Phật; học như vậy là học mở cửa cam lồ;

học như vậy là học muốn chỉ bày tính vô vi. Này Tu bồ đề! Người hạ liệt không thể học như vậy. Người học như vậy là vì muốn kéo chúng sinh ra khỏi đắm chìm sinh tử. Bồ tát học như vậy trọn không bị đọa vào địa ngục, ngạ qủy, súc sinh; trọn không sinh nơi biên địa; trọn không sinh nhà Chiên đà la; trọn không điếc, đui, ấm ớ, qùe quặt; các căn đầy đủ, quyến thuộc thành tựu; trọn không mồ côi cùng khổ. Bồ tát học như vậy trọn không sát sinh cho đến trọn không tà kiến, không sống theo tà mạng, không thâu nhiếp người ác và người phá giới. Học như vậy do có sức phương tiện, nên không sinh cõi trời trường thọ.

Thế nào là sức phương tiện? - Như đã nói trong phẩm Bát nhã ba la mật. Bồ tát do sức phương tiện nên vào bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, mà không theo thiền vô lượng vô sắc định sinh ra. Tu bồ đề! Bồ tát học như vậy, đối với hết thảy pháp được thanh tịnh, nghĩa là sạch tâm Thanh văn, Bích chi Phật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy pháp tính vốn thanh tịnh, vì sao nói Bồ tát đối với hết thảy pháp thanh tịnh?

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Hết thảy pháp tính vốn thanh tịnh, nếu Bồ tát đối với pháp ấy tâm thông suốt, không thối mất tức là Bát nhã ba la mật. Các pháp như vậy hàng phàm phu không biết không thấy. Bồ tát vì chúng sinh ấy nên tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, tu bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Tu bồ đề! Bồ tát học như vậy, đối với hết thảy pháp được trí lực không có sợ gì; học như vậy vì liễu tri tâm chúng sinh hướng về đâu. Thí như đại địa, ít chỗ xuất sinh vàng bạc trân bảo. Chúng sinh cũng như vậy, ít người học được Bát nhã ba la mật, nhiều người rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa. Thí như ít người chịu tạo nghiệp làm Chuyển luân Thánh vương, nhiều người tạp nghiệp làm tiểu vương. Cũng như vậy, ít chúng sinh tu Bát nhã ba la mật cầu Nhất thiết trí, nhiều người tu đạo Thanh văn, Bích chi Phật. Tu bồ đề! Trong các Bồ tát phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ít có người tu hành đúng như kinh nói, nhiều người trụ vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật.

Có nhiều Bồ tát tu Bát nhã ba la mật vì không có sức phương tiện nên ít người trụ địa vị chẳng thoái chuyển. Tu bồ đề! Do lẽ đó Bồ tát muốn trụ địa vị chẳng thối chuyển, muốn ở trong số bồ tát chẳng thối chuyển, hãy nên học Bát nhã ba la mật thậm thâm.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Khi Bồ tát học Bát nhã ba la mật không sinh tâm xan tham, không sinh tâm phá giới, sân hận, giải đãi, tán loạn, ngu si; không sinh các tâm tội lỗi khác; không sinh tâm thủ tướng sắc, thủ tướng thọ, tưởng, hành, thức; không sinh tâm thủ tướng bốn niệm xứ cho đến không sinh tâm thủ tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì Bồ tát tu Bát nhã ba la mật thậm thâm, không có pháp khả đắc; vì không có pháp khả đắc nên đối với các pháp không sinh tâm thủ tướng. Tu bồ đề! Bồ tát học Bát nhã ba la mật thậm thâm như vậy, thu nhiếp các Ba la mật làm cho các Ba la mật tăng trưởng, các Ba la mật đều đi theo, vì sao? Vì các Ba la mật đều thu vào trong Bát nhã ba la mật thậm thâm; thí như trong ngã kiến thu nhiếp hết sáu mươi hai kiến. Cũng như vậy, Bát nhã ba la mật thậm thâm thu nhiếp hết các Ba la mật; thí như người chết, vì mạng căn diệt nên các căn khác đều diệt theo. Như vậy, Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật thậm thâm thời các Ba la mật kia đều đi theo. Tu bồ đề! Bồ tát muốn làm cho các Ba la mật qua đến bờ kia, nên học Bát nhã ba la mật thậm thâm. Bồ tát học Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, thời vượt lên trên hết thảy chúng sinh.

Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Chúng sinh trong một cõi Diêm phù đề còn nhiều, huống gì trong ba ngàn đại thiên thế giới!

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới cùng một lúc đều được làm thân người, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu có Bồ tát suốt đời cúng dường bấy nhiêu đức Phật đó y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, vật cần dùng nuôi sống. này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy do nhân duyên ấy được phước đức nhiều chăng? - Tu bồ đề thưa: Rất nhiều, rất nhiều!

Phật dạy: không bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ học Bát nhã ba la mật, tu đúng như kinh nói, nhớ nghĩ đúng, được phước đức nhiều hơn, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật có thế lực có thể làm cho Bồ tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Bồ tát muốn vượt lên trên hết thảy chúng sinh, nên học Bát nhã ba la mật; muốn vì chúng sinh không có ai cứu hộ làm người cứu hộ; muốn làm chỗ nương về cho chúng sinh không có chỗ nương về; muốn làm đạo rốt ráo cho chúng sinh không có đạo rốt ráo; muốn làm mắt cho người đui; muốn được công đức Phật; muốn làm tiếng rống Sư tử của Phật; muốn đánh chuông trống Phật; muốn thổi loa Phật; muốn lên tòa cao Phật thuyết pháp; muốn dứt hết nghi lầm cho chúng sinh thời nên học Bát nhã ba la mật thậm thâm. Tu bồ đề! Bồ tát nếu học Bát nhã ba la mật thậm thâm thời các công đức lành không việc gì không làm được.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có thể còn được công đức Thanh văn, Bích chi Phật chăng? Phật dạy: Công đức Thanh văn, Bích chi Phật có thể được nhưng không trụ ở trong đó. Dùng trí quán sát rồi, đi thẳng qua mà vào Bồ tát vị. Tu bồ đề! Bồ tát học như vậy là gần Nhất thiết trí, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát học như vậy là làm ruộng phước cho hết thảy thế gian trời, người, A tu la. Bồ tát học như vậy là vượt quá trên ruộng phước của Thanh văn, Bích chi Phật , chóng gần Nhất thiết trí. Bồ tát học như vậy gọi là không bỏ, không rời Bát nhã ba la mật mà thường tu Bát nhã ba la mật. Bồ tát học như vậy nên biết là Bồ tát chẳng thối chuyển, chóng gần Nhất thiết trí, xa lìa Thanh văn, Bích chi Phật, gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề! Bồ tát khi hành Bát nhã ba la mật nếu nghĩ rằng: Ta do Bát nhã ba la mật mà được trí Nhất thiết chủng. Nếu nghĩ như vậy không gọi là hành Bát nhã ba la mật. Nếu không nghĩ rằng: Đó là Bát nhã ba la mật, đó là người có Bát nhã ba la mật, đó là pháp Bát nhã ba la mật, đó là người hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy gọi là hành Bát nhã ba la mật. Này Tu bồ đề! Nếu Bồ tát nghĩ rằng: Không có Bát nhã ba la mật, không có người Bát nhã ba la mật, không có người hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì hết thảy pháp đều như như, pháp tánh, thật tế, thường trú. Hành nhu vậy gọi là Bồ tát hành Bát nhã ba la mật.

LUẬN: - Trên kia A nan hỏi về đấu tranh. Phật đáp về đồng học thanh tịnh. Nay Tu bồ đề hỏi Phật những pháp bình đẳng về đồng tâm sâu xa là học xứ của Bồ tát. Phật đáp: Nội không cho đến tự tướng không là pháp bình đẳng của Bồ tát. Có hai đẳng nhẫn: Ở cuối phẩm trên nói về Chúng sinh đẳng nhẫn, ở phẩm này nói về Pháp đẳng nhẫn; như chiếc cân hai đầu đứng ngang nhau. Nhu vậy, nội không v.v... là bình đẳng giữa các pháp. Như pháp bên trong thân mỗi mỗi sai biệt, nếu được "nội không" thời đều bình đẳng không hai; cho đến "tự tướng không" thời hết thảy pháp tướng đều tự không, khi ấy thời tâm bình đẳng. Bồ tát trú trong bình đẳng ấy, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề hỏi: Vì sắc diệt tận hay vì học Nhất thiết trí nên quán sắc vô thường, niệm niệm diệt không an trụ; nếu tu được quán ấy thời tâm lìa sắc, tâm lìa sắc nên các phiền não diệt; phiền não diệt nên được pháp vô sinh.

Tu bồ đề hỏi: Học như vậy là học Nhất thiết trí chăng? - Phật hỏi ngược lại Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Sắc như v.v... và Như lai như, như ấy bị tận, diệt, đoạn chăng? Tu bồ đề thưa: Không. Như ấy từ trước tới nay không nhóm, không hòa hợp làm sao có tận; Xưa nay chẳng sinh làm sao có diệt; Pháp ấy vốn hư dối, không có định tướng làm sao có thể đoạn. Tu bồ đề! Bồ tát học "như" được như vậy là học Nhất thiết trí. Như ấy thường không thể chứng, không thể diệt, không thể đoạn; tận, ly, đoạn là vì trừ điên đảo cho nên tu hành, chẳng phải rốt ráo. Ở trong này nói việc rốt ráo được Phật khen ngợi: Học như vậy tuy không cố định vì một pháp mà học Nhất thiết trí, nếu học Nhất thiết trí tức là học sáu Ba la mật; nếu học được sáu Ba la mật là cùng tận bờ mé các pháp học. Nếu tận cùng bờ mé các pháp học, thời người ấy đầy đủ vô lượng phước đức và trí tuệ; ma hoặc ma dân không thể hàng phục. Học cách chính đáng như vậy đi thẳng đến địa vị chẳng thoái chuyển. Học như vậy là học đạo sở hành của Phật; học như vậy là được mười phương chư Phật và đại Bồ tát, chư thiên và người lành thủ hộ. Học được như vậy, người ấy không có tà kiến, tâm không vướng mắc gì, đối với chúng sinh khởi tâm đại từ đại bi; vì đại từ đại bi nên có thể giáo hóa chúng sinh; tâm chúng sinh thanh tịnh nên cõi Phật thanh tịnh; cõi Phật thanh tịnh rồi được Phật đạo chuyển pháp luân ba lần chuyển mười hai hành tướng, dùng pháp ba thừa độ vô lượng chúng sinh. Vi dùng pháp Đại thừa độ chúng sinh nên không dứt giống Phật; không dứt giống Phật nên thường mở cửa pháp cam lồ giữa thế gian, thường chỉ bày cho chúng sinh tính vô vi. Tính vô vi là như như, pháp tánh, thật tế, Niết bàn; cam lồ là tính vô vi; cửa là ba cửa giải thoát. Kẻ hạ liệt là kẻ biếng nhác, buông lung, không ưa Phật pháp, không nhất tâm hành đạo, làm tội phước hỗn tạp. Những người như vậy không thể học pháp vô vi, vì sao? Vì kẻ hạ liệt nghĩ rằng: Thân ta và quyến thuộc ta, ta nên bảo hộ, các chúng sinh khác can dự gì việc ta, mà ta đem đầu, mắt, tủy, não cho họ để họ được vui; hết thảy mọi người đều dùng phương tiện tìm vui, sao ta lại bỏ vui tìm khổ. Hoặc sinh tà kiến nghĩ rằng: Chúng sanh vô lượng vô biên độ không thể hết, nếu có thể độ hết, tức làcó lượng có biên, một đức Phật có thể độ hết. Hoặc nghĩ rằng: Phật nói hết thảy pháp không, không sinh không diệt, vậy ta còn độ cái gì! Cầu Phật đạo hay không cầu Phật đạo đều đồng như huyễn mộng. Người hạ liệt nghĩ như vậy, do vì tà kiến tham dục nên không thể học đại pháp này. Hoặc có khi Đại nhơn xuất thế, trù lượng, suy nghĩ thực tướng các pháp là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải hữu biên, chảng phải vô biên, chẳng phải có, chẳng phải không. Hành đạo như vậy có thể phá tà kiến điên đảo xong, trở lại bỏ đạo ấy, đi thẳng vào pháp tánh và thường an trú trong pháp tánh thanh tịnh ấy. Vì chúng sinh không không biết việc ấy nên sinh tâm đại bi, vậy sau tu tập các công đức sáu Ba la mật, thần thông, trí tuệ, giải thoát vô ngại, được Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng các môn phương tiện, rộng độ chúng sinh, hạng người như vậy thật hiếm có.

Hỏi: Như trước nói chúng sinh vô lượng vô biên, lại nói chúng sinh không, vậy còn độ cái gì? làm sao có thể độ?

Đáp: Đó là lời nói của người hạ liệt, đâu đủ lấy đó làm chứng.

* Lại nữa, trước đã nói lý do vì tà kiến, tham dục nên người hạ liệt nghĩ rằng: Chúng sinh có biên, không biên, hết thảy pháp không, không có gì của chính nó, hoặc nghĩ rằng hết thảy pháp thường, thật, đó đều nhiếp thuộc vào 62 tà kiến. Bậc đại nhơn không có ham muốn, suy nghĩ, trù lượng lìa các tội lỗi như vậy, an trú trong pháp tính, sinh tâm đại bi. Thí như người lớn chỉ đem tâm bố thí, thí tài vật cho người khác mà không lấy giá cả. Còn người tham dục tìm có lý do mới bố thí. Người tà kiến dựa vào chấp kiến có biên, không biên nên không có việc gì không có lợi mà làm. Thí như tiểu nhơn buôn bán giữa chợ, cầu có lợi mới trao cho. Lại Đại nhơn Bồ tát không có cầu mong gì vẫn có thể đem đầu mắt thí cho chúng sanh, được quả báo gì cũng thí luôn; tâm không nương tựa vào một pháp nào mà vẫn tập hợp được các công đức. Thế nên Phật dạy: Muốn kéo chúng sinh ra khỏi dòng sinh tử chìm đắm, hãy nên học như vậy.

* Lại nữa, Bồ tát học như vậy, thường có tâm từ bi thương xót, không não hại chúng sinh, nên không đọa địa ngục, thường quán thật tướng của các pháp nhơn duyên sinh, không sinh ngu si nên không đọa súc sinh; thường tu bố thí, diệt tâm xan tham, nên không sinh vào ngạ quỷ. Đối với 12 bộ Kinh, 84.000 pháp tụ của Phật dạy, thường không lẫn tiếc, nên không sinh nơi biên địa. Thường cúng dường bậc Thiện nhơn Tôn trưởng, bỏ tính kiêu mạn nên không sinh vào nhà hạ tiện Chiên đà la. Vì thâm tâm yêu mến chúng sinh, làm đủ hạnh lợi ích nên thọ thân hoàn mỹ. Lấy thiện pháp giáo hóa chúng sanh nên quyến thuộc thành tựu, trọn không bị mồ côi nghèo cùng. Vì ưa vui sâu xa thí Ba la mật, nên không làm mười điều ác và sống tà mạng. Vì không có tâm chấp ngã, chỉ vì lợi ích chúng sinh, không tự vì thân mình nên không thâu nhiếp kẻ ác và người phá giới. Người ác là người có tâm ác, người phá giới là người có thân và miệng ác.

Lại ý làm ba việc chẳng lành gọi là người ác, thân và miệng làm bảy việc chẳng lành gọi là phá giới. Lại Bồ tát nếu ở nhà, thu nhiếp người ác gọi là người ác, xuất gia thu nhiếp người ác gọi là phá giới.

Hỏi: Bồ tát vì độ người ác nên xuất hiện ở đời, thí như lương y chữa các bệnh tật, cớ sao không thâu nhiếp người ác?

Đáp: Người ác, người phá giới có hai hạng: Hạng có thể hóa cải, hạng không thể cải hóa, trong đây nói hạng không thể cải hóa, nếu thâu nhiếp họ ở chung, thời tự hoại đạo mình mà đối với họ vô ích. Thí như cứu kẻ bị chìm, tự mình không nổi được mà muốn cứu kẻ kia, thời cả hai đều chết, thế nên nói: Nên xa lìa người ác. Vì cõi Dục nhiều ác, sinh tâm thương xót nên sinh cõi Dục; tuy hành thiền, tâm điều hòa mềm dịu, do có sức phương tiện nên khi mệnh chung không sinh theo thiền, nhu trong kinh rộng nói: Tu bồ đề! Bồ tát học như vậy, đối với các pháp tâm được thanh tịnh, nghĩa là sạch tâm Thanh văn, Bích chi Phật, thanh tịnh nghĩa là lìa bỏ, rốt ráo không, không có gì.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Nếu hết thảy pháp từ trước lại đây vốn "không", vốn thanh tịnh tại sao nói Bồ tát học như vậy được tâm thanh tịnh đối với hết thảy các pháp?

Phật chấp thuận lời Tu bồ đề và nói nhơn duyên rằng: Nếu Bồ tát biết hết thảy pháp từ trước lại đây vốn "không" thanh tịnh, đối với trong đó tâm không biến mất không từ khước. Không biến mất tức là không nghi ngờ, không sinh tà kiến, thông suốt, không chống trái với "không" ấy gọi là Bát nhã ba la mật. Hàng phàm phu không nhiếp, không thấy pháp thanh tịnh như vậy, vì hạng người ấy nên Bồ tát tu sáu Ba la mật và các pháp trợ đạo. Pháp của Bồ tát là phải giáo hóa chúng sinh, ấy gọi là Bồ tát được thanh tịnh đối với hết thảy pháp, nghĩa là bỏ cái điên đảo của ba cõi, vượt quá địa vi Thanh văn, Bích chi Phật, được lực trí tuệ thanh tịnh đối với hết thảy pháp. Được công đức ấy nên có thể biết khắp về nghiệp nhơn duyên và tâm tâm số pháp, biết tâm hành khởi lên của chúng sinh trong ba đời mười phương; biết rồi theo sự thích hợp với họ nói pháp khai hóa họ. Những việc lợi ích như vậy đều do học Bát nhã nên có được, thế nên nói cùng tận bờ mé các sự học. Ít có người học được như vậy, người học như vậy khó có được. Phật muốn làm cho nghĩa ấy rõ ràng nên nói thí dụ vàng, bạc, và tạo nghiệp làm Chuyển luân Thánh vương.

* Lại nữa, Bồ tát khi học Bát nhã, không sinh tâm xan tham. Không sinh tâm xan tham là Bồ tát học Bát nhã nên ức chế các phiền não, phiền não tuy chưa sạch hết, nhưng không thể làm chi được, nên nói là chẳng sinh. Bồ tát học Bát nhã biết tướng hết thảy pháp đều hư dối không thật, nên không chấp thủ

tướng sắc cho đến tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì không muốn bị rơi vào tà kiến chấp cố, chấp không, nên đi thẳng trung đạo tập hành Bồ tát. Trong đây Phật tự nói nhơn duyên: Bồ tát tu Bát nhã đối với hết thảy pháp không có sở đắc, vì không có sở đắc nên không có tướng pháp khả thủ là lành, hoặc chẳng lành. Bồ tát nếu học như vậy là tổng nhiếp hết các Ba la mật, Thí ba la mật v.v... không lìa Bát nhã ba la mật kia đều được tăng trưởng, lìa các tà kiến tham đắm. Phật muốn làm cho nghĩa ấy rõ ràng nên nói thí du: Như ngã kiến và mạng căn đã hết.

Hỏi: Ngã kiến và các kiến đều có tướng riêng, cớ sao các kiến lại nhiếp vào trong ngã kiến?

Đáp: Tuy có tướng riêng mà ngã kiến là gốc; người ta vì vô minh nên trong năm uẩn trống rỗng sinh ra ngã kiến. Vì sinh ngã kiến nên nói thân này sau khi chết như đi từ đây đến kia, hoặc không như đi từ đây đến kia. Nếu như đi từ đây đến kia tức là thường kiến, nếu không như đi từ đây đến kia tức là đọan kiến. Nếu cho là đoạn diệt lo thụ hưởng cái vui say sắm năm dục đời nay, lấy ác pháp cho là tối ưu, thời sinh kiến thủ. Nếu bảo thường mà xuất gia học đạo, giữ giới, khổ hạnh, thời sinh giới cấm thủ. Hoặc thấy thường, đoạn đều có lỗi bèn nói không có nhơn duyên quả báo thời sinh tà kiến. Từ trong năm kiến ấy chấp thế gian hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc hữu biên, hoặc vô biên v.v... sinh ra 57 chấp kiến. Thế nên nói thân kiến (ngã kiến) thu nhiếp 62 kiến, không có lỗi. Do các nhơn duyên và thí dụ như vậy nên biết Bát nhã ba la mật là tối đệ nhất trong các pháp; vì Bát nhã ba la mật tối đệ nhất trong các pháp nên Bồ tát học Bát nhã là người đệ nhất giữa chúng sinh. Phật muốn lấy việc ấy, thiện hóa chúng sinh nên nói thí dụ: Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều chăng? Như vậy! Cho đến Bồ tát học Bát nhã như vậy, nên biết đó là bậc chẳng thoái chuyển, xa lìa Nhị thừa, gần gũi Phật thừa.

* Lại nữa, Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật là khai thị tướng Bát nhã ba la mật hoặc có, hoặc không v.v...; nếu thấy có Bát nhã, được Bát nhã là chấp trước Bát nhã. Ta nhờ Bát nhã ba la mật được trí Nhất thiết chủng, biết năm uẩn hòa hợp giả gọi là Bồ tát, Bồ tát theo tên gọi giả, chấp cho là ngã, cho đó là Bát nhã có làm; Bát nhã là không có tướng được, không có tướng chấp trước mà người ấy bảo có tướng Bát nhã đệ nhất nghĩa , người ấy theo tên gọi giả, mà sinh ngã tâm. Bát nhã tướng không có làm mà người ấy muốn dùng Bát nhã tạo tác, cho rằng ta dùng Bát nhã mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên Phật dạy: Người nghĩ như vậy không gọi là tu Bát nhã; nếu không nghĩ như vậy thời gọi là tu Bát nhã.

Hỏi: Nghĩ như ậy, không nghĩ như vậy, việc đã rồi, cớ sao còn nói lần thứ ba?

Đáp: Đầu hết là chỉ tướng tà hạnh; thứ hai là ngăn tà hạnh nhưng chưa nói tướng chánh hạnh; thế nên thứ ba nói tướng chánh hạnh.

* Lại nữa, đầu là tâm chấp trước thủ tướng; thứ hai là phá tướng chấp trước ấy mà không nói thế nào là tướng các pháp; thứ ba phá chấp trước tà và nói thật tướng. Bồ tát nghĩ rằng: Nơi hết thảy chỗ không hiển bày tướng Bát nhã ba la mật; cũng không sinh ngã tâm rằng, ta dùng Bát nhã ba la mật có công việc làm; chỉ biết hết thảy pháp thường trú trong như, pháp tánh, thực tế không tranh cãi. Thế nên nói lần thứ ba, không có lỗi.

(Hết cuốn 77 theo bản Hán)
--o0o –

Cuốn 78

GIẢI THÍCH: PHẨM TỊNH NGUYỆN THỨ 64

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi: Phẩm Nguyện Lạc Tùy Hỷ)
(Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Vô Phân Biệt Thứ 63)

KINH: Bấy giờ trời Đế thích nghĩ rằng: Khi Bồ tát tu Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật cho đến mười tám pháp không chung là đã vượt lên trên hết thảy chúng sinh; huống gì khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các chúng sinh nghe Nhất thiết trí mà tin, còn được thiện lợi, được sống lâu hơn giữa loài người, huống gì phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các chúng sinh khác hãy nên tùy nguyện vui mừng.

Khi ấy trời Đế thích lấy hoa Mạn đà la cõi trời rải lên trên Phật, cất tiếng nói rằng: Do phước đức này, nếu có người cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thời khiến người ấy đầy đủ Phật pháp, đầy đủ trí Nhất thiết chủng, đầy đủ pháp tự nhiên; nếu người cầu Thanh văn, khiến người ấy đầy đủ pháp Thanh văn. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có Bồ tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, con trọn không bao giờ sinh một niệm làm cho họ thối chuyển, cũng không sinh một niệm làm cho họ chuyển trở lại địa vị Thanh

văn, Bích chi Phật. Bạch Thế Tôn! Con nguyện các Bồ tát càng tinh tấn gấp bội đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thấy các chúng sinh chịu khổ não trong đường sinh tử, muốn làm lợi ích an vui cho hết thảy thế gian trời, người, A tu la, đem tâm ấy nguyện rằng: Con đã tự độ cũng sẽ độ người chưa được độ, con đã giải thoát cũng sẽ giải thoát cho người chưa được giải thoát; con đã an ổn cũng sẽ an ổn cho người chưa được an ổn ; con đã diệt độ cũng sẽ khiến người chưa được diệt độ được diệt độ.

Bạch Thế Tôn! Kẻ thiện nam, người thiện nữ sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ tát mới phát tâm, được bao nhiêu phước đức? Sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ tát đã phát tâm lâu ngày được bao nhiêu phước đức? Sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ tát chẳng thối chuyển, được bao nhiêu phước đức? Sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ tát còn một đời bổ xứ làm Phật, được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo trời Đế thích: Kiều thi ca! Thế giới trong bốn châu thiên hạ có thể cân lường biết được, còn phước đức của tâm tùy hỷ ấy không thể cân lường.

Này Kiều thi ca! Ba ngàn đại thiên thế giới đều có thể cân lường biết được, còn phước đức của tâm tùy hỷ ấy không thể cân lường.

Này Kiều thi ca! Trong ba ngàn đại thiên thế giới đầy nước biển, lấy một sợi tóc chẻ làm một trăm phần, lấy một phần sợi tóc chấm lấy nước biển có thể đếm biết số giọt nước bao nhiêu, còn phước đức của tâm tùy hỷ ấy không thể đếm biết được.

Trời Đế thích bạch Phật rằng: Nếu có chúng sinh không tùy hỷ với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, họ đều là quyến thuộc của ma; các kẻ tâm không tùy hỷ ấy từ trong ma sinh đến, vì sao? Vì các Bồ tát phát tâm tùy hỷ sinh ra để phá cảnh giới ma, thế nên muốn ái kính Tam bảo, nên sinh tâm tùy hỷ; tùy hỷ rồi nên hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không một, không hai tướng.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Kiều thi ca! Nếu có người đối với Bồ tát tùy hỷ và hồi hướng được như vậy, thời thường được gặp Phật, trọn không thấy sắc tướng dữ, trọn không nghe âm thanh dữ, trọn không ngửi mùi hương dữ, trọn không ăn vị dữ, trọn không chạm vật dữ, trọn không theo niệm dữ, trọn không xa lìa Phật; từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật, thân cận chư Phật, gieo trồng căn lành, vì sao? Vì kẻ thiện nam, người thiện nữ vì tùy hỷ và hồi hướng với các thiện căn của vô lượng, vô số vị Bồ tát mới phát tâm. Vì thiện

căn vô lượng, vô số vị Bồ tát ở đệ Nhị địa, đệ Tam địa cho đến đệ Thập địa và Bồ tát còn một đời bổ xứ làm Phật mà tùy hỷ và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên của thiện căn ấy, nên chóng gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi độ vô lượng, vô biên, vô số chúng sinh.

Này Kiều thi ca! Do nhân duyên ấy nên kẻ thiện nam, người thiện nữ đối với thiện căn của Bồ tát mới phát tâm, nên tùy hỷ và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải tâm, chẳng phải lìa tâm; đối với thiện căn của Bồ tát đã lâu, Bồ tát chẳng thối chuyển, và Bồ tát còn một đời bổ xứ làm Phật, nên tùy hỷ và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải tâm, chẳng phải lìa tâm.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tâm ấy như huyễn, làm sao có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Ông thấy tâm ấy như huyễn chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Con không thấy huyễn, cũng không thấy tâm như huyễn.

Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu không có huyễn, không có tâm như huyễn, vậy ông thấy tâm ấy chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn!

Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Lìa huyễn, lìa tâm như huyễn, ông thấy lại có pháp khác được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Con không thấy lìa huyễn, lìa tâm như huyễn, lại có pháp khác được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con không thấy lại có pháp có thể nói hoặc có hoặc không, vì tướng pháp ấy rốt ráo lìa, nên không rơi vào có, không rơi vào không. Nếu pháp rốt ráo lìa thời không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; không có pháp gì cả, cũng không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì hết thảy pháp không có gì của chính nó, trong ấy không nhơ không sạch. Vì thế nên Bát nhã ba la mật rốt ráo lìa; Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật rốt ráo lìa tướng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo lìa. Nếu pháp rốt ráo lìa thời không thể tu, không thể hoại. Tu Bát nhã ba la mật cũng không có pháp có thể thủ đắc, vì rốt ráo lìa.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã rốt ráo lìa, làm sao nhân Bát nhã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng rốt ráo lìa, trong hai lìa làm sao có sở đắc?

Phật bảo Tu bồ đề: Lành thay, lành thay!

Bát nhã ba la mật rốt ráo lìa, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật rốt ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết thủng rốt ráo lìa. Này Tu bồ đề! Nếu Bát nhã ba la mật rốt ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết chủng rốt ráo lìa, do vậy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu bồ đề! Nếu Bát nhã ba la mật chẳng phải rốt ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết chủng chẳng phải rốt ráo lìa ấy không gọi là Bát nhã ba la mật chẳng phải rốt ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết chủng chẳng phải rốt ráo lìa, ấy không gọi là Bát nhã ba la mật, không gọi là Thiền ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Này Tu bồ đề! Nếu Bát nhã ba la mật rốt ráo lìa cho đến trí Nhất thiết chủng rốt ráo lìa, do vậy nên chẳng phải nhân Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng không vì lìa, được lìa mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng chẳng phải nhân Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Ý nghĩa sở hành của Bồ tát rất sâu!

Phật dạy: Như vậy! Ý nghĩa sở hành của Bồ tát rất sâu. Bồ tát làm được việc khó làm, đó là nghĩa sở hành ấy rất sâu mà không chứng quả vị Thanh văn, Bích chi Phật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như ý nghĩa con theo Phật được nghe sở hành của Bồ tát không là khó, vì sao? Vì Bồ tát không thể thủ chứng được nghĩa ấy, cũng không thủ chứng được Bát nhã, cũng không có người thủ chứng. Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp không thể có được, nghĩa ấy thế nào, có thể thủ chứng? Thế nào là Bát nhã có thể thủ chứng? Thế nào là người thủ chứng? Thủ chứng rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch đức Thế Tôn! Ấy gọi là Bồ tát không có sở đắc mà tu Bồ tát hạnh, đối với hết thảy pháp đều được rõ ràng. Bạch đức Thế Tôn! nếu Bồ tát nghe pháp sâu xa, tâm không khinh, không nghi, không sợ, không hãi; ấy gọi là Bồ tát tu Bát nhã ba la mật. Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật không thấy ta tu Bát nhã ba la mật, cũng không thấy đó là Bát nhã ba la mật, cũng không thấy ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì khi Bồ tát tu Bát nhã ba la mật, không nghĩ rằng Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta. Thí như hư không, không nghĩ rằng nghĩ rằng có vật cách xa ta hay cách gần ta, vì sao? Vì hư không không có phân biệt.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát tu Bát nhã cũng không nghĩ rằng Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta, vì sao? Vì trong Bát nhã không có phân biệt. Thí như người huyễn hóa không nghĩ rằng: Vị thầy huyễn thuật cách gần ta, người xem huyễn thuật cách xa ta, vì sao? Vì người huyễn hóa không có phân biệt. Vị Bồ tát tu Bát nhã không nghĩ rằng: Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta. Thí như ảnh tượng trong gương không nghĩ rằng: Gương và tượng cách gần ta, còn cái khác cách xa ta, vì sao? Vì ảnh tượng không có phân biệt. Vị Bồ tát tu Bát nhã không nghĩ rằng: Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta, vì sao? Vì trong Bát nhã không có phân biệt. Vị Bồ tát tu Bát nhã không có yêu ghét, vì sao? Vì tự tính Bát nhã không thể có được. Thí như Phật không có yêu ghét, vị Bồ tát tu Bát nhã không có yêu ghét cũng như vậy, vì sao? Vì trong Bát nhã không có yêu ghét. Thí như Phật đã dứt hết thảy ức tưởng phân biệt, vị Bồ tát tu Bát nhã cũng như vậy, hết thảy tưởng phân biệt dứt, rốt ráo không. Thí như người Phật biến hóa ra, không nghĩ rằng Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cách gần ta, vì sao? Vì người Phật biến hóa ra không có phân biệt. Vị Bồ tát tu Bát nhã cũng như vậy, không nghĩ rằng: Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cách gần ta. Thí như có việc phải làm nên biến hóa làm, việc biến hóa làm không có phân biệt; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, có việc phải làm nên làm, việc ấy thành tựu, nhưng Bát nhã ba la mật không có phân biệt. Thí như người thợ hoặc đệ tử người thợ có việc phải làm nên làm ra người gỗ hoặc trai hay gái, hoặc voi, ngựa, trâu, dê; các loại ấy có thể làm mà cũng không có phân biệt. Bạch Thế Tôn! Bát nhã ba la mật cũng như vậy, có việc phải làm nên nói việc ấy thành tựu mà Bát nhã ba la mật không có phân biệt.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Chỉ Bát nhã ba la mật không có phân biệt hay Thiền ba la mật cho đến Thí ba la mật cũng không có phân biệt?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phất: Thiền ba la mật không có phân biệt, cho đến Thí ba la mật cũng không phân biệt.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Sắc không có phân biệt, cho đến thức cũng không có phân biệt; mắt cho đến ý không có phân biệt; sắc cho đến pháp cũng không có phân biệt; mắt, thức, xúc cho đến ý, thức, xúc không có phân biệt; thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo; không, vô tướng, vô tác, Phật mười lực, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, tính vô vi ... cũng không có phân biệt. Này Tu bồ đề! Nếu sắc không có phân biệt cho đến tính vô vi không có phân biệt; nếu hết thảy pháp không có phân biệt, thời làm sao phân biệt có sáu đường sinh tử là địa ngục, ngạ qủy, súc sinh, trời, người, A tu la; làm sao phân biệt được Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật và chư Phật?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phất: Chúng sinh vì điên đảo nên tạo nghiệp thân, miệng, ý; theo chỗ ham muốn nghiệp báo cũ mà thọ thân trong sáu đường địa ngục, ngạ qủy, súc sinh, trời, người, A tu la. Như ông nói làm sao phân biệt có Tu đà hoàn cho đến Phật đạo? Thưa Xá lợi phất, Tu đà hoàn chính là vì không có phân biệt nên có, quả Tu đà hoàn cũng là vì không có phân biệt nên có; cho đến A la hán, quả A la hán, Bích chi Phật, đạo Bích chi Phật, Phật và Phật đạo cũng là vì không có phân biệt nên có. Thưa Xá lợi phất, chư Phật quá khứ cũng là vì không có phân biệt, dứt phân biệt nên có. Vì thế nên biết, tướng hết thảy pháp không có phân biệt, không thể phá hoại, vì các pháp là như như, pháp tính, thật tế. Thưa Xá lợi phất, như vậy Bồ tát tu Bát nhã ba la mật không có phân biệt; tu Bát nhã ba la mật không có phân biệt rồi, liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có phân biệt.

LUẬN - Khi ấy trời Đế thích và hội chúng đều vui mừng. Trời Đế thích nghĩ rằng: Bồ tát khi tu đạo Bồ tát, công đức có được còn hơn hết thảy chúng sinh, huống gì thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Chúng sinh có hai hạng: Hạng phát tâm và hạng chưa phát tâm. Hạng phát tâm Bồ tát hơn hàng chưa phát tâm, vì cớ sao? Vì hạng ấy gieo trồng nhân duyên về với vô lượng vô thượng Phật pháp, muốn độ chúng sinh khiến lìa khổ được vui, còn chúng sinh khác chỉ cầu cái vui cho mình, muốn đưa cái khổ cho người khác. Do nhân duyên ấy nên người phát tâm hơn.

Hỏi: Các A la hán, Bích chi Phật và người được năm thần thông là người ly dục, còn người phát tâm hoặc chưa ly dục, chỉ mới phát tâm, làm sao hơn được?

Đáp: Việc ấy ở trong phẩm trước đã mỗi mỗi đáp: A la hán tuy đã sạch hết lậu hoặc chẳng bằng Bồ tát mới phát tâm. Thí như thái tử của Chuyển luân Thánh vương tuy ở trong thai đã hơn con của người khác. Lại như thái tử của Quốc vương, tuy chưa lên ngôi đã hơn các đại thần có tước vị giàu sang. Bồ tát phát tâm có hai hạng: một là tu các đạo Bồ tát Ba la mật; hai là chỉ âm thầm phát tâm. Trong đây nói về hàng tu Bồ tát đạo, người ấy tuy việc chưa

thành tựu đã có thể hơn hết thảy chúng sinh, huống gì khi thành tựu! Thí như chim A lăng tần già còn ở trong trứng chưa cất tiếng kêu đã hơn các chim khác, huống gì khi ra khỏi trứng cất tiếng kêu! Bồ tát cũng như vậy, tuy chưa thành tựu Phật, tu Bồ tát đạo, còn phát âm thanh nói về thật tướng các pháp, khởi phá các hý luận của ngoại đạo và ma dân, huống gì khi thành Phật. Có người nói: Nếu có người một lần phát tâm nói rằng: "Ta sẽ làm Phật, diệt khổ cho chúng sinh". Người ấy tuy chưa dứt phiền não, chưa làm việc khó làm, mà do nghiệp tâm và miệng manh hơn hết thảy chúng sinh. Hết thảy chúng sinh đều tự tìm vui, tự vì mình nên yêu thương thân thích. A la hán, Bích chi Phật tuy không ham cái vui thế gian, nhưng chỉ tự vì diệt khổ cho mình, cầu cái vui Niết bàn, không thể vì chúng sinh, còn Bồ tát tâm sinh miệng nói đều vì hết thảy chúng sinh, cho nên hơn. Thí như có một vị A la hán đủ sáu thần thông, đem theo một Sa di khiến mang y bát ven theo đường mà đi. Sa di suy nghĩ: "Ta sẽ do thừa nào cầu vào Niết bàn? Nghĩ rồi liền phát tâm rằng: Phật là Thế Tôn thối thượng, Ta sẽ do Phật thừa mà vào Niết bàn". Vị thầy biết ý nghĩ của Sa di, liền lấy y bát tự mang lấy, đẩy Sa di đi phía trước. Sa di lại suy nghĩ: "Phật đạo quá khó, phải ở lâu trong sinh tử chịu vô lượng khổ, còn theo Tiểu thừa sớm vào Niết bàn" Vị thầy lại lấy y bát, đẩy lọc nước đưa lại Sa di, khiến mang và bảo đi sau. Cứ như vậy đến lần thứ ba, Sa di thưa với thầy: Tuổi thầy già cả mà sao giỡn như trẻ con, mới vừa khiến con đi trước, lại bảo con đi sau một cách mau chóng? Vị thầy đáp: Ngươi niệm đầu phát tâm làm Phật, tâm ấy qúy trọng. Theo lẽ, ngươi là thầy ta, người như vậy, các Bích chi Phật còn nên cúng dường, huống gì A la hán, thế nên ta đẩy ngươi đi trước. Nhưng tâm ngươi trở lại ăn năn, muốn đi theo Tiểu thừa mà chưa thể được, như vậy ngươi cách ta rất xa, thế nên ta khiến ngươi đi sau. Sa di nghe rồi kinh hãi tỉnh ngộ: Thầy ta biết được tâm ta, Ta một lần phát tâm đã hơn A la hán, huống gì khi được thành tựu! Liền tự phát tâm kiên cố ở trong pháp Đại thừa.

* Lại nữa, hơn là không hẳn trong mọi việc đều hơn, mà chỉ do một lần phát tâm, muốn thành Phật độ chúng sinh, việc ấy là hơn. Các thiền định, giải thoát còn chưa có được, sao lại nói hơn! Thí như lấy việc bay lượn nói là chim hơn người, còn công đức sẽ được trong tương lai không luận đến. Người Tiểu thừa nói: Cho đến vị Bồ tát còn một đời bổ xứ làm Phật còn không hơn vị Sa di có đủ vô lượng luật nghi. Trong luận Đại thừa hoặc có người nói như vầy: Người có phát tâm Đại thừa, tuy ở trong hàng tiểu nhân xấu ác vẫn hơn người Nhị thừa được giải thoát; ấy gọi là Nhị biên, lìa Nhị biên ấy gọi là Trung đạo. Nghĩa trung đạo như trên đã nói. Vì nó có nghĩa lý thật nên phải thủ lấy. Thế nên nói khi mới phát tâm đã hơn hết thảy chúng sinh, huống gì khi thành Phật!

Nghe nói Nhất thiết trí mà tin là được thiện lợi trong loài người. Có người nói sáu Ba la mật là lợi, có người nói quả báo của sáu Ba la mật là lợi, đó là quả báo làm Chuyển luân Thánh vương, vua trời Đế thích, Phạm thiên, vua người, vua pháp. Có người nói: Được chẳng thoái chuyển, không đọa đường ác, thường sinh chỗ giàu sang trong cõi người cõi trời. Có người nói: Bồ tát trú nơi quả báo thần thông, dạo khắp mười phương cúng chư Phật, dùng mỗi mỗi phương tiện giáo hóa chúng sinh. Nhơn duyên của việc tín thọ, giáo hóa chúng sinh được các lợi lớn như vậy.

Sống lâu trong hàng sống lâu là chúng sinh có hai mạng sống: 1. Là mạng căn; 2. Là tuệ mạng. Người được tuệ mạng nên nói sống lâu trong hàng sống lâu. Huống gì phát tâm, người phát tâm là người đáng kính, đáng qúy, vì cớ sao? Vi như trước nói, người ấy có thể bỏ cái vui của riêng mình, đem cái vui đến người khác, không lo mình khổ, mà lo người khác khổ. Bấy giờ trời Đế thích muốn hiện tướng hoan hỷ, nên lấy hoa Mạn đà la trời (hoa biểu tượng - N.D) rải lên trên Phật, như kinh đã nói rộng.

Hỏi: Tội phước không thể đem cho người, tuy muốn cho cũng không được, cớ sao trời Đế thích muốn lấy phước đức này khiến người cầu Phật đạo đầy đủ Phật pháp?

Đáp: Tuy không thể cho người nhưng tự làm cho tâm mình tốt, lại trời Đế thích tỏ bày không đắm trước phước ấy nên đem tâm tùy hỷ cho người cầu Phật đạo; cho người cầu Thanh văn cũng như vậy.

Trời Đế thích bạch Phật: Tôi tuy được Thanh văn đạo cũng không sanh một niệm, khiến tâm Bồ tát xoay trở lại hướng về Nhị thừa, vì cớ sao? Vì các Bồ tát thấy chúng sanh chịu khổ trong đường sanh tử, muốn lấy lợi ích hết thảy thế gian nên phát nguyện rằng: Người chưa được độ tôi sẽ độ.

Bấy giờ trong hội chúng có người nghĩ rằng: Nếu như trên nói, tùy hỷ cũng có công đức, vậy tùy hỷ với người mới phát tâm và tùy hỷ với người phát tâm đã lâu có gì sai khác? Trời Đế thích muốn giải cái nghi đó cho chúng nên hỏi Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tùy hỷ với công đức của Bồ tát mới phát tâm được bao nhiêu phước đức? Như Kinh nói rộng, phước đức ấy vô lượng, vô biên vì gieo vào vô lượng, vô biên ruộng phước, người ta không thể đếm biết được, nên nói thí dụ để giải thích như trong Kinh đã nói rộng. Phước đức của tùy hỷ tuy vô lượng, vô biên nhưng phước đức của tùy hỷ đối với người gần thành Phật đạo càng nhiều hơn. Khi ấy trời Đế thích hoan hỷ nên

bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có người nghe công đức ấy tâm không tùy hỷ thì đó là ma dân, từ ma trời đi đến, vì cớ sao? Vì ở cảnh giới ma chứa nhóm ác tâm nên không tùy hỷ. Trong đây nói nhân duyên: Tâm tùy hỷ có thể phá cảnh giới ma, nên người cầu Phật đạo,muốn ái kính Tam Bảo không bỏ, hãy đem tâm tùy hỷ, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chẳng một chẳng hai tướng là không thấy các pháp có tướng nhất định không thuộc nhân duyên, nên nói chẳng một; không phân biệt tâm tùy hỷ với tâm hồi hướng nên nói chẳng hai, vì rốt ráo không. Phật chấp thuận ý của trời Đế thích, lại khen ngợi công đức tùy hỷ rằng: Người ấy thường nhớ nghĩ tùy hỷ với công đức của mười phương chư Phật nên mau được thấy Phật. Lại do thâm tâm muốn khiến hết thảy chúng sinh lìa khổ được vui, nên qua lại trong đường sanh tử, sáu căn ban sơ không chịu sáu trần xấu ác, về sau thường được sinh ở trước chư Phật. Vì không dứt gieo trồng hạnh thấy Phật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy đối với vô lượng, vô số vị Bồ tát mới phát tâm, cho đến vô lượng vị Bồ tát còn một đời bổ xứ làm Phật, đều tùy hỷ, nên được quả báo như trên, chóng thành Phật đạo, độ vô lượng vô số chúng sinh.

* Lại nữa, Kiều thi ca! Bồ tát ấy nhơn phước đức ấy mà hồi hướng đúng như pháp thật tướng ở trong thật tướng tâm không thể có được, nên nói chẳng phải tâm, cũng chẳng lìa tâm. Như trên nói ý nghĩa chẳng một, chẳng hai vì sự việc có khác nên lại nói thêm.

Tu bồ đề nghe xong, chấp lấy tướng tâm không, không có, để gạn hỏi Phật; tâm ấy chẳng phải tâm không , không có gì như huyễn, làm sao có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Phật hỏi ngược lại Tu bồ đề: Ông thấy tâm không ấy có định tướng như huyễn chăng? Tu bồ đề nghĩ rằng: Nếu tâm không, như huyễn làm sao thấy được? Nếu thấy được thời chẳng phải không, thế nên đáp rằng: Không phải. Phật dạy: Tâm nếu không, không có gì, ông thấy trong ấy có hý luận nói hoặc có hoặc không chăng? Đáp, không. Lìa tâm không, không có gì, như huyễn ấy, ông lại thấy có pháp có thể được đạo Vô thượng chăng? Đáp: Không thấy. Không thấy, không thể có được nên đâu có pháp hoặc có hoặc không, vì sao? Vì hết thảy pháp rốt ráo lìa tướng, rốt ráo không, nên không rơi vào có không; nếu pháp không rơi vào có không, thời pháp ấy rốt ráo không có gì của chính nó, không thể được đạo Vô thượng. Do nhân duyên ấy nên Bát nhã ba la mật rốt ráo lìa tướng, thấy có thấy không, cả hai đều có lỗi. Thiền ba la mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng rốt ráo lìa tướng như vậy. Nếu pháp rốt ráo lìa tướng, thời không thể thấy được, không thể tu được, không thể chứng được. Tu

pháp ấy lại không có sở đắc, vì rốt ráo lìa tướng. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật rố ráo lìa tướng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo lìa tướng, thời làm sao do rốt ráo lìa tướng, được rốt ráo lìa tướng? Nếu một pháp rốt ráo lìa tướng còn không thể có được, huống gì hai pháp lìa tướng. Thí như lấy ngón tay chạm hư không, vì hư không không có chạm được nên ngón tay không thể chạm, huống gì cả hai đều không có chạm, cũng như hư không, như Niết bàn.

Bát nhã ba la mật rốt ráo lìa tướng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo lìa tướng thời làm sao dùng lìa tướng được lìa tướng? Phật biết Tu bồ đề nói theo thật tướng các pháp, nên chấp nhận lời ấy rằng: Lành thay! Lành thay! Liền nói nhân duyên: Này Tu bồ đề! nếu Bát nhã ba la mật rốt ráo lìa tướng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo lìa tướng, do nhân duyên ấy nên có thể được lìa tướng, vì sao? Vì nếu một pháp nhất định có tướng chẳng phải không thời đó là tướng pháp thường chẳng sinh, từ vị lai đến hiện tại, từ hiện tại đến quá khứ. Nếu không có tướng thật sinh thời không có tướng thật diệt; nếu không sinh diệt, thời không có Tứ đế; nếu không có Tứ đế thời không có Pháp bảo; Pháp bảo không có nên cũng không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Pháp bảo tức Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nếu không có Pháp bảo, thời không có Phật bảo, nếu không có Phật pháp, thời không có Tăng bảo; nếu không có Tam bảo, thời không có hết thảy các pháp, có các tội lỗi như vậy. Rốt ráo lìa tướng, thời thông suốt không chướng ngại. Nếu nói rốt ráo lìa tướng nên biết cũng lìa không; nếu chẳng lìa không thời chẳng gọi rốt ráo lìa tướng. Thế nên Kinh nói: Vì nói Bát nhã ba la mật rốt ráo lìa tướng nên có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tuy chẳng lìa Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng do hai lìa tướng mà được hai lìa tướng, vì rốt ráo không, không nên nạn hỏi.

Tu bồ đề biết Phật nói tướng thậm thâm nên bạch Phật rằng: Nếu Bồ tát tu hành được như vậy là tu hành theo nghĩa thậm thâm. Phật chấp nhận lời ấy rằng: Bồ tát có thể làm việc khó làm, có thể tu theo nghĩa thậm thâm như vậy mà không chứng quả Nhị thừa, vì cớ sao? Vì Bồ tát nhất tâm dùng lợi trí thâm nhập vào "không" mà không chứng Niết bàn, ấy là việc khó. Tu bồ đề thưa: Như tôi hiểu nghĩa của Phật nói, việc ấy không khó, vì sao? Vì người ấy không nắm bắt được tướng nhất định của nghĩa thậm thâm có thể thủ chứng, không nắm bắt được tướng Bát nhã ba la mật, không nắm bắt tướng người chứng, thời ai sẽ do nghĩa thậm thâm để thủ chứng. Nếu không thủ chứng thậm thâm ấy, thời ai sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ấy gọi là Bồ tát tu hành không có đắc gì; tu đạo ấy thời soi rõ hết thảy pháp.

Hỏi: Phật nói rằng khó, Tu bồ đề nói rằng không khó, nghĩa của thầy và đệ tử phải đồng nhau, cớ sao lại trái nhau?

Đáp: Phật theo nghĩa Thế đế nên nói khó; Tu bồ đề theo đệ nhất nghĩa nên nói không khó; Phật nói Bồ tát được nghĩa thậm thâm;Tu bồ đề nói Bồ tát không được nghĩa thậm thâm. Phật cho rằng: Tu bồ đề vì chúng sinh nên nói: Có người nghe việc khó thời phát tâm nên nói là khó, có người nghe việc khó mà thoái thất nên nói không khó, ấy gọi là Bồ tát hành hạnh không có đắc gì. Trú trong hạnh ấy, thông suốt hết thảy pháp không chướng ngại. Tu bồ đề nói: Nếu Bồ tát nghe nói Bồ tát rốt ráo lìa tướng như vậy, không có pháp khả chứng, không có người thủ chứng, cũng không có Bát nhã và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà không kinh, không nghi, thông suốt không chướng ngại, ấy gọi là tu Bát nhã ba la mật. Người tu Bát nhã ba la mật gọi là chơn hành, thâm hành, vì sao? Vì Bồ tát ấy không thấy Bát nhã ba la mật, cũng không thấy ta tu Bát nhã ba la mật, không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thấy do pháp ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều không có phân biệt. Bồ tát ấy an trú trong thật tướng các pháp, nên không khởi tâm phân biệt rằng: Nhị thừa cách xa ta, Phật đạo cách gần ta. Trong đây nói thí dụ hư không là để rõ nghĩa rốt ráo không. Bát nhã ba la mật tuy không nhưng nếu có chỗ tu hành có thể thành việc ấy. Thí như người gỗ, tùy ý làm việc gì đều có thể làm được.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Chỉ Bát nhã ba la mật không có phân biệt hay các Ba la mật khác cũng không có phân biệt? Nếu chỉ Bát nhã ba la mật không, không có phân biệt thời các Ba la mật khác lẽ đáng là có tướng, vậy thời Bồ tát đạo có chỗ khác biệt không bình đẳng, lại trong phẩm đầu nói khi tu Thí ba la mật, không có người thí, người nhận, cũng không có tài vật, làm sao nói khác. Nếu cả năm Ba la mật đều không, thời không có phân biệt, không có sáu tên gọi khác nhau cũng không thể tu hành.

Tu bồ đề đắp: Năm Ba la mật cũng không, không có phân biệt, nhưng đối với người mới phát tâm, chưa được vô sanh pháp nhẫn thời có phân biệt. Thí như bốn sông khi chưa hội về biển cả thời có tên gọi riêng, khi đã vào biển cả thời không có sai biệt, Bồ tát cũng như vậy, theo Tục đế thời có sai biệt, theo Đệ nhất nghĩa đế thời không có sai biệt.

Xá lợi phất hỏi: Sắc, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và tính vô vi cũng không có phân biệt. Nếu pháp ấy không, không có sai biệt làm sao

có sáu đạo chúng sinh sai biệt, làm sao có phân biệt Tu đà hoàn cho đến Phật đạo?

Tu bồ đề đáp: Các pháp tuy rốt ráo không, không có phân biệt, mà vì tâm chúng cuồng si điên đảo khởi lên thân, khẩu, ý nghiệp, theo nghiệp thọ báo thân, chính tham dục là gốc, chỉ vì tham dục bức bách nên sanh tâm chấp trước, chứ các pháp không có định tướng. Nghiệp quả báo là sáu nẻo luân hồi. Do vậy nên biết không, không có phân biệt, ấy là gốc thật, chỉ vì điên đảo không thật, nên có sáu nẻo luân hồi sai khác. Lại các bậc Hiền thánh Tu đà hoàn v.v... cũng nhơn pháp rốt ráo không, không có phân biệt mà xuất sinh, nghĩa là do dứt ba kiết sử chứng quả Tu đà hoàn, ba kiết sử tức là điên đảo, biết điên đảo trừ hết gọi là dứt, dứt tức là không, không có phân biệt. Theo Thế đế nên giả gọi là người, chứng được pháp ấy nên gọi là Tu đà hoàn. Thế nên biết, người Tu đà hoàn và quả Tu đà hoàn rốt ráo không, không cóphân biệt; cho đến Phật và Phật đạo cũng như vậy. Trong đây, nói nhân duyên, chẳng phải chỉ hiện tại không có phân biệt mà chư Phật quá khứ nhiều như cát sông Hằng do hết thảy phân biệt đều dứt, nên vào Vô dư Niết bàn, không có một tí pháp có định tướng có thể phân biệt. Hết thảy pháp rốt ráo không, vì vào cửa như, pháp tánh, thực tế, thế nên nói pháp nhân duyên thậm thâm, vì vào ba cửa ấy. Bồ tát nên tu Bát nhã ba la mật không có phân biệt như vậy, tu Bát nhã ba la mật không có phân biệt, nên chứng được pháp không có phân biệt đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

--o0o –

Cuốn 79

GIẢI THÍCH PHẨM CHÚC LỤY THỨ 66

(Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Thật Ngữ Thứ 65)

KINH: Bấy giờ trời Đế thích bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nói như vậy, đáp như vậy là thuận theo pháp chăng? là đáp đúng chăng? Phật bảo trời Đế thích: Này Kiều thi ca! Lời ông nói và đáp đều thuận theo pháp.

Trời Đế thích thưa: Hy hữu thay! Điều Tu bồ đề vui nói đều là nói về không, vô tướng, vô tác, bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật bảo trời Đế thích: Tỳ kheo Tu bồ bồ đề trong khi tu hạnh "Không", Thí ba la mật còn không thể có được, huống gì người hành Thí ba la mật, cho

đến Bát nhã ba la mật còn không thể có được, huống gì người hành Bát nhã ba la mật. Bốn niệm xứ không thể có được, huống gì người tu bốn niệm xứ; cho đến tám phần Thánh đạo không thể có được, huống gì người tu tám phần Thánh đạo; thiền, giải thoát, tam muội, định không thể có được, huống gì người tu thiền, giải thoát, tam muội, định; mười lực của Phật không thể có được, huống gì người tu mười lực của Phật;bốn việc không sợ không thể có được, huống gì người được bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại không thể có được, huống gì người được bốn trí vô ngại; đại từ, đại bi không thể có được, huống gì người thực hành đại từ bi, mười tám pháp không chung không thể có được, huống gì người được mười tám pháp không chung; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể có được, huống gì người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; Nhất thiết trí, Như lai không thể có được, huống gì người sẽ làm Như lai; pháp vô sinh không thể có được, huống gì người chứng pháp vô sinh; ba mươi hai tướng không thể có được, huống gì người được ba mươi hai tướng; tám mươi vẻ đẹp tùy hình không thể có được, huống gì người được tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Vì cớ sao? Này Kiều thi ca! Vì Tỳ kheo Tu bồ đề đối với hết thảy pháp tu hạnh ly tướng, đối với hết thảy pháp tu hạnh không có sở đắc, đối với hết thảy pháp tu hạnh không, đối với hết thảy pháp tu hạnh vô tướng, đối với hết thảy pháp tu hạnh vô tác, đó là sở hành của Tỳ kheo Tu bồ đề, muốn sánh với Bồ tát tu hạnh Bát nhã ba la mật trăm phần không kịp một; ngàn, vạn, ức phần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp, vì sao? Vì trừ Phật hạnh, Bồ tát ấy hành Bát nhã ba la mật đối với các hành của Thanh văn, Bích chi Phật là tối tôn, tối diệu, tối thượng. Vì thế, nên Bồ tát muốn được tối thượng đối với chúng sinh hãy nên tu hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì các Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật đã vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ tát vị, đầy đủ được Phật pháp, được trí Nhất thiết chủng, dứt hết tập khí phiền não, thành Phật.

Trong hội chúng, trời Ba mươi ba lấy hoa trời Mạn đà la rải lên trên Phật và Tăng. Khi ấy 800 Tỳ kheo từ chỗ ngồi đứng dậy lấy hoa rải lên Phật, trạc áo vai phải chấp tay, gối phải qùy sát đất, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chúng con sẽ tu hạnh vô thượng ấy, hàng Thanh văn, Bích chi Phật không thể tu được. Bấy giờ Phật biết tâm hạnh của các Tỳ kheo bèn mỉm cười. Như pháp của chư Phật có các thứ ánh sáng đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồ thủy, từ miệng Phật phóng ra chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở lại vào trên đỉnh Phật.

Bấy giờ A nan trịch áo vai bên phải, gối phải qùy sát đất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nhân duyên gì nên mỉm cười, chư Phật chẳng vì không có nhân duyên mà cười.

Phật bảo A nan: Tám trăm Tỳ kheo ấy vào kiếp Tinh tú sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các Phật ấy đều có danh hiệu Tán Hoa. Chúng Tỳ kheo Tăng, cõi nước thọ mạng đều đồng nhau, mỗi mỗi trải qua 10 vạn năm, xuất gia làm Phật. Khi ấy các cõi nước thường có mưa hoa trời năm sắc. Vì thế nên Bồ tát muốn tu hạnh tối thượng hãy nên tu Bát nhã ba la mật.

Phật bảo A nan: Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ tu được Bát nhã ba la mật thậm thâm, nên biết Bồ tát ấy đã chết từ trong cõi người và sinh đến đây; hoặc chết ở cõi trời Đâu suất lại sinh đến đây; hoặc ở trong cõi người, hoặc ở trên cõi trời Đâu suất, khi ấy đã rộng nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm. Này A nan, ta thấy các Bồ tát ấy tu được Bát nhã ba la mật thậm thâm.

Này A nan! Nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm, thọ trì, đọc tụng, thân cận, nhớ nghĩ đúng, trở lại đem Bát nhã ba la mật dạy người tu đạo Bồ tát, nên biết Bồ tát ấy từng đối diện trước Phật nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến thân cận và gieo trồng căn lành ở chỗ Phật. Kẻ thiện nam người thiện nữ sẽ nghĩ rằng: Chúng ta chẳng phải gieo trồng căn lành đối với Thanh văn, cũng chẳng từ Thanh văn nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm. Này A nan, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm, đọc tụng, thân cận, tu theo nghĩa, theo pháp, nên biết kẻ thiện nam người thiện nữ ấy mặt từng thấy Phật. Này A nan, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật thâm thâm, tín tâm thanh tịnh không thể phá hoại, nên biết kẻ thiện nam người thiện nữ ấy từng cúng dường Phật, trồng căn lành, đắc ý với thiện tri thức.

Này A nan! Ở nơi ruộng phước của chư Phật trồng căn lành, tuy không hư dối nhưng phải được Thanh văn, Bích chi Phật và Phật mới được giải thoát, nên phải rõ ràng, sâu xa tu sáu Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Nếu Bồ tát rõ ràng, sâu xa tu sáu Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, người ấy nếu trụ vào Thanh văn, Bích chi Phật đạo mà không chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời không có lẽ ấy. Thế nên A nan! Ta đem Bát nhã ba la mật phó chúc nơi ông, nếu ông thọ trì hết thảy pháp, trừ Bát nhã ba mật hoặc quên, hoặc mất, lỗi ấy nhỏ nhặt không có tội lớn. Nếu ông thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm nếu quên mất một câu, lỗi ấy rất lớn. Nếu ông thọ trì Bát nhã ba la mật thâm thâm, sau trở lại quên mất, tội ấy rất nhiều. Thế nên A nan! Ta phó chúc nơi ông Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, ông hãy khéo thọ trì, đọc tụng cho thông suốt. Này A nan! Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm, thời là thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật, quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này A nan! Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ hiện tại, muốn cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường Ta hoa hương, anh lạc, hương bột, hương nước, y phục, phan lọng, hãy nên thọ trì Bát nhã ba la mật, đọc tụng, thuyết giảng, thân cận, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa hương cho đến phan lọng. Này A nan! Cúng dường Bát nhã ba la mật là đã cúng dường Ta và cúng dường chư Phật quá khứ, vị lại, hiện tại. Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ, nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm, tín tâm thanh tịnh cung kính, thời là đã tín tâm thanh tịnh cung kính, ưa thích chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Này A nan! Ông ưa thích Phật không rời bỏ, nên ưa thích Bát nhã ba la mật chớ rời bỏ. Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến một câu không nên quên mất.

Này A nan! Ta nói nhân duyên phú chúc rất nhiều, nay chỉ lược nói: Như Ta là Thế Tôn; Bát nhã ba la mật cũng là Thế Tôn. Thế nên có nhiều nhân duyên Ta phó chúc cho ông Bát nhã ba la mật. Này A nan! Nay Ta ở giữa hết thảy thế gian, trời, người, A tu la mà phó chúc cho ông. Những ai muốn không bỏ Phật, không bỏ pháp, không bỏ tăng, không bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại thời hãy cẩn thận chớ bỏ Bát nhã ba la mật. Đó là điều Ta giáo hóa đệ tử. Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, lại vì người khác mỗi mỗi nói rộng nghĩa ấy; khai thị, diễn giảng, phân biệt làm cho dễ hiểu, kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chóng gần Nhất thiết trí, vì sao? Vì từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật quá khứ, vị lai đều từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh. Nay Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật hiện tại ở phương Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới cũng từ Bát nhã ba la mật xuất sinh. Thế nên các Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hãy nên học sáu Ba la mật, vì sáu Ba la mật là mẹ của Bồ tát, xuất sinh các Bồ tát. Nếu có Bồ tát học sáu Ba la mật thời đều sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Ta một lần nữa đem sáu Ba la mật phó chúc cho ông. Này A nan! Sáu Ba la mật ấy là pháp tạng vô tận của chư Phật. Mười phương chư Phật hiện tại thuyết pháp đều từ pháp tạng sáu Ba la mật xuất sinh; chư Phật quá khứ cũng từ trong sáu Ba la mật tu học, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật vị lai cũng từ trong sáu Ba la mật tu học được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đệ tử của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ trong sáu Ba la mật tu học mà diệt độ, đã được, nay được và sẽ diệt độ.

Này A nan! Ông là hạng Thanh văn mà thuyết pháp khiến cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều chứng được quả A la hán, vẫn chưa phải là việc của đệ tử Ta; nếu ông đem một câu tương ưng với Bát nhã ba la mật dạy hàng Bồ tát, thời là làm việc của đệ tử Ta, Ta cũng hoan hỷ hơn là dạy chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, khiến chứng được quả A la hán.

* Lại nữa, này A nan! Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới chẳng trước, chẳng sau, cùng trong một lúc đều chứng được quả A la hán. Các A la hán ấy tu công đức bố thí, trì giới, thiền định, công đức ấy nhiều chăng? - A nan thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Phật dạy: Này A nan! Chẳng bằng đệ tử đem pháp tương ưng với Bát nhã ba la mật giảng nói cho Bồ tát cho đến chỉ một ngày, phước rất nhiều. Không kể một ngày, chỉ nữa ngày; không kể nữa ngày, chỉ khoảng một bữa ăn, chỉ trong một lát giảng nói, phước kia rất nhiều, vì sao? Vì trồng căn lành của Bồ tát hơn hết thảy Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ tát tự mình muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng khai thị giáo hóa lợi ích vui mừng cho người khác khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. này A nan! Bồ tát tu sáu Ba la mật, bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng như vậy, tăng ích căn lành, nếu không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời không có lẽ ấy.

Khi nói phẩm Bát nhã ba la mật, Phật ở trước bốn chúng đệ tử và trời, người, rồng, qủy, thần, Khẩn na la, Ma hầu la già biến hóa thần thông khiến đại chúng đều thấy Phật A súc, với chúng Tỳ kheo Tăng vây quanh Phật nghe thuyết pháp, đại chúng nhiều như biển cả, đều là A la hán sạch hết lậu hoặc, không còn phiền não, đều được tự tại, được hảo giải thoát, tâm giải thoát, tuệ giải thoát; tâm kia điều hòa nhu nhuyến như voi lớn; việc cần làm đã làm xong, chóng được lợi mình, sạch hết các thứ kiết sử ba cõi, chánh trí, được giải thoát; được tự tại đối với hết thảy tâm tâm số pháp, và thành tựu vô lượng công đức của các Bồ tát.

Bấy giờ Phật thu nhiếp thần túc, đại chúng không còn thấy Phật A súc, hàng Thanh văn, Bồ tát và cõi nước kia cũng không còn đối hiện trước mắt, vì sao? Vì Phật đã thu nhiếp thần túc.

Bấy giờ Phật bảo A nan: Hết thảy pháp không đối hiện trước mắt, pháp pháp không thấy nhau, pháp pháp không biết nhau; như Phật A súc, đệ tử, Bồ tát cõi nước không đối hiện trước mắt. Như vậy, hết thảy pháp không đối hiện trước mắt, pháp pháp không thấy nhau, pháp pháp không biết nhau, vì sao? Vì hết thảy pháp không có biết, không có thấy, không có tác, không có động, không thể nắm bắt, không thể nghĩ bàn, như người huyễn hóa, không có thọ,

không có giác, không có chơn thật. Bồ tát tu như vậy là tu Bát nhã ba la mật, cũng không nhiễm đắm các pháp. Bồ tát học như vậy là học Bát nhã ba la mật. Muốn được các Ba la mật nên học Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì học như vậy là đệ nhất học, tối thượng học, vi diệu học. Học như vậy sẽ lợi ích, an vui cho thế gian, làm nơi cứu hộ cho người không ai cứu hộ. Ấy là sở học của chư Phật, chư Phật ở trong học ấy có thể dùng cánh tay phải cất ba ngàn đại thiên thế giới lên, đem để lại chỗ cũ mà chúng sinh ở trong đó không ai hay biết, vì sao? Vì chư Phật học Bát nhã ba la mât được thí vô ngại, thấy pháp quá khứ, vị lại, hiện tại. Này A nan! Bát nhã ba la mật là tối tôn đệ nhất, vi diệu vô thượng giữa các môn học. Nếu có người muốn biết được bờ mé Bát nhã ba la mật là không khác gì muốn biết bờ mé hư không, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không có hạn lượng, danh nhân, cú thân, văn thân là có lượng; Bát nhã ba la mật không có hạn lượng.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật vì sao không có hạn lượng?

Phật bảo A nan: Vì Bát nhã ba la mật không có tận, không có cùng tận nên không có hạn lượng; vì Bát nhã ba la mật lìa tướng nên không có hạn lượng. Này A nan! Chư Phật quá khứ đều học Bát nhã ba la mật ấy mà được độ, vì Bát nhã ba la mật nên không cùng tận; chư Phật vị lai cũng học Bát nhã ba la mật mà được độ, vì Bát nhã ba la mật không cùng tận; mười phương chư Phật hiện tại đều học Bát nhã ba la mật mà được độ, vì Bát nhã ba la mật không cùng tận. Đã không tận, nay không tận, sẽ không tận, Này A nan! Muốn tận Bát nhã ba la mật chẳng khác gì muốn tận hư không. Bát nhã ba la mật không thể tận, nay không tận và sẽ không tận. Thiền ba la mật cho đến Thí ba la mật không thể tận, nay không tận, sẽ không tận, cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, vì sao? Vì hết thảy pháp đều vô sinh, nếu pháp vô sinh làm sao có cùng tận!

Bấy giờ, Phật hiện tướng lưỡi rộng dài bảo A nan: Từ ngày nay nên ở giữa bốn chúng diễn rộng, mở bày, phân biệt Bát nhã ba la mật, làm cho rõ ràng, dễ hiểu, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật thậm thâm, nói rộng các pháp tướng. Người cầu Thanh văn, Bích chi Phật, người cầu Phật đạo đều nên học trong đó, học rồi đều được thành tựu. Này A nan! Bát nhã ba la mật thậm thâm là cửa ngõ của hết thảy chữ, tu Bát nhã ba la mật thậm thâm có thể vào môn đà la ni; các Bồ tát học môn đà la ni ấy được biện tài lạc thuyết (nghĩa là tài biện luận vui vẻ, giảng nói và làm cho người ta vui vẻ - ND). Này A nan! Bát nhã ba la mật là diệu pháp của chư Phật ba đời, thế nên Ta vì ông mỗi mỗi nói ra rõ ràng. Nếu có người thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm,

đọc tụng, thân cận, thời người ấy có thể thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật. Này A nan! Ta nói Bát nhã ba la mật là đôi chân của người tu; ông thọ trì Bát nhã ba la mật đà la ni (Tổng trì) thời thọ trì được hết thảy pháp.

LUẬN: Hỏi: Trời Đế thích cớ sao nghi lời mình nói rằng: Tôi nói là thuận theo pháp và đáp đúng đắn chăng?

Đáp: Trời Đế thích chẳng phải là người Nhất thiết trí, tuy được đạo quả ban đầu mà ba độc tham, sân, si chưa hết, nên còn có sai lầm mà tự suy lường: Ta tuy có nhân duyên phước đức làm chúa tể chư thiên, tuy được ý vị của Thánh đạo mà chưa có Nhất thiết trí, hết thảy lậu hoặc chưa hết, nên nói ra có thể sai lầm, không tự giác tri, vì thế nên hỏi.

* Lại nữa, trong chúng có nhiều vị Bồ tát chẳng thoái chuyển, vị A la hán sạch hết lậu hoặc và hàng chư thiên ly dục, thấy Phật và Tu bồ đề với trời Đế thích cùng nhau vấn nạn tâm không khiếp nhược, liền nghĩ rằng: Trời Đế thích lậu hoặc còn chưa hết, làm sao có thể vấn nạn đến cùng tận bờ mé các pháp. Vì việc ấy nên trời Đế thích hỏi Phật.

* Lại nữa, trời Đế thích tự biết mình nói các pháp tướng không có sai trái, cầu Phật ấn chứng khiến người nghe tin thọ, nên Phật liền chấp thuận.

Hỏi: Cớ gì Phật chấp thuận lời trời Đế thích nói?

Đáp: Trời Đế thích tuy chẳng phải là người Nhất thiết trí, nhưng vì thường theo Phật nghe pháp, có sức đọc tụng mạnh nên nói ra có lý, Phật bèn chấp thuận. Phật nói có ba thứ tuệ: văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Người có văn tuệ, tư tuệ sáng suốt nên có thể cùng người có tu tuệ vấn nạn; thí như có thuyền đi theo dòng nước, không tự dùng sức mà mau hơn đi bộ; như A nan tuy chưa lìa dục, chưa được thiền định thâm sâu mà có thể cùng với Phật và các vị A la hán đã sạch hết lậu hoặc luận nghị, thuận theo pháp không trái.

Trời Đế thích bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tu bồ đề ưa nói về không, khéo nói về không, là bậc tối đệ nhất giữa hàng đệ tử Phật, có nói gì cũng đều hướng về không, vô tướng, vô tác; nghĩa là, nói pháp bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều là nhân duyên hòa hợp rốt ráo không. Phật nói với trời Đế thích: Tu bồ đề là người tu về "rốt ráo không", đời đời tu tập, chẳng phải chỉ đời nay, ông ấy do pháp môn "không giải thoát" mà vào đạo, cũng lấy pháp môn ấy giáo hóa chúng sinh. Ông ấy nếu

vào pháp "không" thâm diệu, còn không thấy các pháp, huống gì thấy có người tu pháp ấy? Như kinh nói: Thí ba la mật không thể có được, huống gì người tu thí cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Tu bồ đề tu hạnh "không", muốn so sánh với Bồ tát tu hạnh "không", trăm phần chẳng kịp một.

Hỏi: Pháp Không, chúng sinh không, lại còn cái gì không cùng tận mà nói trăm phần chẳng kịp một?

Đáp: Phật dạy: Trừ Phật ra, các Thanh văn, Bích chi Phật không có ai bằng Bồ tát. Thật tướng các pháp có nhiều tên gọi, hoặc gọi là không, hoặc gọi rốt ráo không, hoặc gọi Bát nhã ba la mật, hoặc gọi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn trong đây gọi thật tướng các pháp là Không hành. Như giữa hết thảy các đệ tử Thanh văn, Tu bồ đề tu " không" hành hơn hết. Như vậy, trừ Phật, các Bồ tát tu Không hành hơn Nhị thừa, vì sao? Vì trí tuệ có lợi độn mà thâm nhập có sâu cạn, nên tuy đều gọi là được thật tướng các pháp, nhưng người lợi căn thì được rõ ràng hơn. Thí như muốn phá bóng tối nên đốt đèn, lại có đèn lớn thời ánh sáng càng tỏ hơn. Nên biết, ngọn đèn trước tuy chiếu sáng nhưng bóng tối li ti không hết được; nếu hết được thời ngọn đèn sau trở thành vô dụng. Người tu về Không hạnh cũng như vậy, tuy đều được đạo, song vì trí tuệ có lợi độn nên vô minh có diệt hết và diệt không hết, duy chỉ có trí tuệ Phật mới diệt hết các vô minh.

* Lại nữa, hàng Thanh văn, Bích chi Phật không có tâm từ bi, không có tâm độ sinh, không có ý nguyện nghiêm tịnh cõi Phật, không có vô lượng Phật pháp, không có chuyển pháp luân độ chúng sinh, cũng không vào Vô dư Niết bàn cho đến không có tâm nguyện lưu lại giáo pháp để độ sinh; không có tâm ba đời độ sinh, là thời kỳ làm Bồ tát, thời kỳ làm Phật và thời kỳ diệt độ, nên chẳng phải chỉ do tu Không hạnh mà bằng Bồ tát được.

* Lại nữa, hàng Nhị thừa ngộ "Không" còn có phân lượng; chư Phật, Bồ tát không có phân lượng; giống như người khát uống nước sông, chẳng qua uống vừa đủ, vậy đâu được nói đều tu Không hạnh mà không thể có sai khác! Lại, như chỗ trống của lỗ chân lông, muốn đem so với lỗ trống giữa mười phương, không có lẽ ấy. Thế nên, Thanh văn so với Phật và Bồ tát ngàn vạn ức phần không kịp một. Phật phân biệt các lối tu Không hạnh ấy rồi bảo Đế thích rằng: Nếu muốn tối thượng giữa hết thảy chúng sinh, nên tu Bát nhã ba la mật. Trong đây, Phật tự nói nhân duyên: Bồ tát học Không hạnh của Bát nhã ba la mật vì không chấp thủ tướng không, nên hơn Nhị thừa, được vào pháp vô sinh nhẫn vào Bồ tát vị. Vì vào Bồ tát vị nên được đầy đủ Phật pháp. Phật pháp là Bồ tát đạo, Bồ tát đạo đầy đủ nên được trí

Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng nên gọi là Phật, người dứt các phiền não tập khí. Các việc ấy đều lấy Không hạnh làm gốc.

Hỏi: Niết bàn là vô lượng, cớ sao nói Niết bàn của Nhị thừa chứng được có lượng?

Đáp: Nói trí tuệ có phân lượng chứ không nói thật tánh các pháp có phân lượng. Không nghe nói thí dụ nước lớn ư? Đồ đựng có lượng, chẳng phải nước có lượng.

* Lại nữa, lượng, vô lượng đối đãi nhau, đối với người phàm là vô lượng, đối với Phật đều lượng được hết. Ngang bấy nhiêu phần cho đến ngang bấy nhiêu phần là A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát, còn lại bao nhiêu phần pháp tính rốt ráo khác là Phật.

Bấy giờ chư thiên ở trong hội chúng lấy hoa trời Mạn đà la rải lên Phật như trong kinh văn nói.

Hỏi: Hoa cúng dường Phật và Tăng, cớ sao 800 Tỳ kheo đây chỉ lấy cúng dường Phật?

Đáp: Hoa của chư thiên rải, các Tỳ kheo được phần hoa rơi trên áo mình, thấy sắc hương của nó rất tuyệt diệu, nhân đó phát tâm đem cúng dường Phật, bạch rằng: Tôi từ nay sẽ tu hạnh vô thượng ấy, nghĩa là tu rốt ráo không, vô tướng, vô tác, vì độ hết thảy chúng sinh, nên hàng Nhị thừa không sánh kịp như Phật đã nói.

Bấy giờ Phật mỉm cười như đã nói trong phẩm "Hằng già đề bà", 800 Tỳ kheo ấy là thiện tri thức của nhau, hạnh đồng, tâm đồng, đời đời cùng nhau tu tập công đức nên cùng một lúc được làm Phật, đồng một danh hiệu. Do lấy hoa trời năm sắc cúng Phật nên trong cõi nước thường mưa hoa trời Mạn đà la đủ năm sắc. Phật nhân việc ấy tán thán Bát nhã rằng: Người muốn hành đạo Bồ tát tối thượng, hãy hành Bát nhã ba la mật.

Này A nan! Nếu có kẻ thiện nam tu Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, nên biết người ấy đến từ trong nhân đạo, hoặc từ trên trời Đâu suất, vì cớ sao? Vì trong ba đường ác tội khổ nhiều, không tu Bát nhã thậm thâm được. Trời ở cõi Dục say đắm năm dục tịnh diệu tâm cuồng hoặc, không thể tu, trời cõi Sắc đắm say hương vị thiền định nên không thể tu; cõi Vô sắc không có hình tướng nên không thể tu; qủy thần có đạo nhãn, căn lợi, vì bị phiền não che

tâm nên không thể chuyên tu Bát nhã thậm thâm; chỉ trong nhân đạo khổ ít hơn ba đường ác, vui, không bằng chư thiên; các căn mắt, tai ... ô trược nặng nề, thân phần nhiều thuộc địa đại, nên có thể chế phục ý khổ vui mà thực hành Bát nhã. Trên trời Đâu suất thường có vị Bồ tát còn một đời bổ xứ làm Phật, chư thiên cõi trời kia thường nghe Bồ tát ấy thuyết Bát nhã nên cái vui ngũ dục tuy nhiều, mà có pháp lực mạnh hơn; thế nên nói đến từ hai nơi; hoặc đến từ cõi Phật ở phương khác hoặc đến từ cõi này, nơi có Bát nhã ba la mật.

* Lại nữa, A nan! Nếu có người cầu Phật đạo, có thể hỏi, có thể tin, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết người ấy Phật thường dùng Phật nhãn trông thấy. Người ấy nên nghĩ rằng: Chúng ta trực tiếp theo Phật thọ trì, theo Phật phát tâm, gieo trồng căn lành, chứ không từ nơi Nhị thừa. Này A nan! Nếu có người tín tâm thanh tịnh không thể phá hoại, nên biết người ấy từng cúng dường vô lượng chư Phật, được thiện tri thức thủ hộ, nên có thể thọ trì.

Hỏi: Phật cũng gọi là báu, cũng gọi là ruộng phước vô thượng; nếu người theo Phật trồng căn lành, chắc chắn do pháp ba thừa mà vào Niết bàn không hư dối; như trong kinh Pháp hoa nói: Có người hoặc lấy một cành hoa, hoặc lấy ít hương cúng dường Phật, cho đến một lần xưng "Nam mô Phật". Những người như vậy đều sẽ thành Phật. Nếu như vậy có người nghĩ rằng: Chỉ cần tu năm Ba la mật, khi muốn làm Phật mới quán Không, cần gì thường tu Bát nhã ba la mật khó biết, khó được Không hạnh?

Đáp: Do việc ấy nên Phật tự đáp với A nan: Nơi ruộng phước của Phật tuy không hư dối nhưng cần phải được pháp ba thừa vào Niết bàn, phải nên rõ ràng tu sáu Ba la mật cho đến rõ ràng tu trí Nhất thiết chủng, mới chóng được thành Phật đạo, chịu khổ sinh tử không còn lâu. Bát nhã có công đức, lợi ích như vậy nên cần phải học.

Này A nan! Vì Bát nhã có công đức, lợi ích như vậy nên ta phó chúc cho ông.

Hỏi: Phật không có tham gì, cho đến trí Nhất thiết chủng, Phật được giải thoát vô ngại, thanh tịnh vi diệu, đối với Phật pháp còn không tham, cớ gì lại đem Bát nhã ba la mật ân cần phó chúc cho A nan, như tuồng có tham kiết?

Đáp: Chư Phật vì lợi ích chúng sinh nên xuất hiện ở đời, hiện đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, có hào quang vô lượng, biến hoc thần túc đều vì chúng sinh. Đều làm lợi ích cho chúng sinh nhất không gì hơn Bát nhã ba la

mật, vì có thể dứt hết các khổ. Bát nhã ba la mật nhân nơi ngữ ngôn, văn tự, chương cú mà có thể hiểu được nghĩa nó, thế nên Phật đem quyển kinh Bát nhã ân cần phó chúc cho A nan.

* Lại nữa, có người thấy Phật ân cần phó chúc nói rằng: Đại sự Phật đã làm xong, còn tôn trọng Bát nhã, như vậy pháp ấy chắc chắn tôn qúy mầu nhiệm; thí như trưởng giả giàu lớn, khi sắp mệnh chung đem bảo vật trao cho con, riêng ngọc báu Như ý thời ân cần phó chúc rằng: Ngươi chớ cho thứ châu báu này không có màu sắc nhất định, chất như hư không, nhiệm mầu khó biết mà không thủ hộ; nếu các vật báu khác mất có thể được, còn châu báu này không thể để mất. Vị trưởng giả giàu lớn là Phật, đem châu báu Bát nhã ba la mật phó chúc cho A nan: Ông khéo giữ gìn, thủ hộ, đừng để mất. Ngoại trừ Bát nhã ba la mật, 12 bộ kinh tuy đều mất hết, lỗi ấy còn ít, nếu mất một câu Bát nhã, lỗi ấy rất nhiều, vì sao? Vì pháp tạng Bát nhã thậm thâm là mẹ của ba đời mười phương chư Phật, hay khiến người mau đạt đến Phật đạo, như trong kinh này nói: Ba đời chư Phật đều từ Bát nhã mà được, cho đến vì hàng Thanh văn thuyết pháp, trong ấy đều là việc tán thán Bát nhã.

Hỏi: Thuyết pháp làm cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều được thành A la hán, tại sao không bằng đem một câu Bát nhã dạy cho Bồ tát?

Đáp: Việc ấy trước đã đáp rồi, nay sẽ lược nói: Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới tuy đều được thành A la hán mà chỉ tự độ mình, không nhằm làm Phật; nếu nói một câu Bát nhã, người nghe sẽ được làm Phật. Như người trồng nhiều cây quả có nhiều quả, chẳng bằng một người trồng một cây Như ý, tùy sở nguyện của người đều được như ý.

Trong pháp nói cho hàng Thanh văn không có đại từ bi, trong pháp Đại thừa, một câu tuy ít mà có tâm đại từ bi. Trong pháp Thanh văn đều vì lợi mình, trong pháp Đại thừa rộng vì chúng sinh; trong pháp Thanh văn không có tâm muốn biết rộng các pháp, chỉ muốn mau lìa khổ già, bệnh, chết; trong pháp Đại thừa muốn mỗi mỗi rõ ràng biết hết thảy pháp; trong pháp Thanh văn công đức có hạn lượng; trong pháp Đại thừa bao gồm hết các công đức không có bỏ sót. Đại tiểu sai khác nhau nhu vậy; thí như kim cương tuy nhỏ song có thể hơn tất cả châu báu, chẳng được nói ít không bằng nhiều. Phước đức của các vị A la hán trong ba ngàn đại thiên thế giới so với đem một câu Bát nhã dạy cho Bồ tát trong một ngày, cho đến trong giây lát, phước kia rất nhiều. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ tát tự muốn được Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, cũng dạy người khiến được; tự tu sáu Ba la mật, cũng dạy người tu. Bồ tát có hai công đức như vậy mà không thành Phật đạo, thì không có lẽ ấy.

Bấy giờ Phật muốn làm rõ việc ấy nên dẫn chứng, cũng muốn chứng hết thảy pháp không, không đắm trước hết thảy pháp không ấy, mà chỉ vì thương xót hết thảy chúng sinh nên phó chúc cho A nan. Như Phật A súc và đại chúng trang nghiêm không đối hiện trước mắt, hết thảy pháp không đối hiện trước mắt cũng như vậy. Pháp mà mắt thịt, mắt trời trông thấy đều là pháp tác vi hư dối không thật; còn pháp mà mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật trông thấy đều là pháp vô tướng, vô vi nên không thể thấy; nếu không thể thấy cũng không thể biết. Pháp không tác vi cũng như vậy. Chúng hội Phật A súc được trông thấy đều như huyễn, như mộng. Quán các pháp được như vậy gọi là Bồ tát tu Bát nhã, gọi là không đắm trước. Điều Phật phó chúc cũng không đắm trước, chỉ vì tâm đại từ bi nên tán thán Bát nhã. Tướng hết thảy pháp tuy không thể nghĩ bàn, song vì lợi ích chúng sinh nên tán thán rằng: Học như vậy là học Bát nhã; nếu muốn được hết thảy Ba la mật nên học Bát nhã ba la mật như kinh đã nói rộng.

Phật dùng nghĩa vô lượng tán thán Bát nhã, trí tuệ Phật không thể cùng tận, công đức Bát nhã cũng không thể cùng tận, vì sao? Vì tướng Bát nhã ba la mật không có hạn lượng; danh từ, ngôn ngữ, chương cú, quyển số có hạn lượng như các câu chữ trong các quyển kinh Tiểu phẩm Bát nhã, Phóng quang Bát nhã, Quang tán Bát nhã v. v... có hạn lượng, còn nghĩa lý Bát nhã không có hạn lượng. A nan hỏi: Tại sao Bát nhã không có hạn lượng? - Phật đắp: Vì Bát nhã tự lìa tướng, lìa tướng nên từ trước lại đây không sinh không nhóm; không sinh không nhóm nên không tận không diệt. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vô lượng vô số chư Phật và đệ tử quá khứ dùng Bát nhã ba la mật chiếu sáng mười phương, độ vô lượng chúng sinh đều vào Vô dư Niết bàn, vì Bát nhã ba mật nên không cùng tận; chư Phật vị lai, hiện tại cũng như vậy. Thí như có người muốn đi cùng tận hư không, hư không không thể cùng tận, công đức của Bát nhã ba la mật, cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, đã không tận, nay không tận sẽ không tận. Có người biết quá khứ không cùng tận, nhưng cho vị lai, hiện tại có cùng tận, thế nên nói ba đời không thể cùng tận, vì sao? Vì các pháp vốn vô sinh, làm sao cùng tận! Phật biết Bát nhã ba la mật là không cùng tận nên phó chúc. Như người đem bình dầu thơm phó chúc cho đệ tử, tuy không phải vì tiếc cái bình mà chỉ vì để giữ gìn dầu thơm. Ngôn ngữ, văn tự hay giữ gìn nghĩa lý cũng như vậy; nếu mất ngôn ngữ, văn tự thời nghĩa lý chẳng còn.

Bấy giờ Phật vì người tín thọ Bát nhã, nên hiện tướng lưỡi dài phủ lên mặt, hỏi A nan rằng: Ta nay ở giữa bốn chúng phó chúc Bát nhã cho ông, ông hãy vì chúng sinh giải nói, hiển bày, phân biệt, làm cho dễ hiểu.

Sở dĩ hiện tướng lưỡi rộng dài là theo tướng pháp của thế gian. Lưỡi có thể phủ lên mũi là tướng không vọng ngữ, huống gì phủ lên mặt, thế nên Phật chỉ cho chúng sinh rằng: Thân ta từ cha mẹ sinh ra đã có tướng lưỡi ấy, nay muốn đem Bát nhã ba la mật khiến ông tin hiểu, vì các ông chưa được Nhất thiết trí, không thể biết khắp, vì muốn khiến các ông tin nên hiện tướng lưỡi, chứ chẳng phải dùng thần thông hiện ra.

Phật đối với pháp thậm thâm, trí tuệ, thiền định còn không đắm trước, huống gì tám pháp thế gian (lợi, suy, hủy, dự, xưng cơ, đắc, thất - ND), vì cái lợi cúng dường mà lại làm việc hư dối! Ở giữa hết thảy pháp như chim bay giữa hư không không bị chướng ngại. Phật chỉ vì bản nguyện độ sinh, tâm đại bi thương xót hết thảy nên đem cái lợi đệ nhất là Bát nhã ba la mật, ân cần phó chúc cho ông.

* Lại nữa, A nan! Người tu Bát nhã ba la mật thậm thâm có thể vào môn Đà la ni Văn tự, nhân nơi một chữ mà liền chứng nhập rốt ráo không, nên gọi là Đà la ni Văn tự. Như các văn tự đều từ Bát nhã ba la mật mà có được; ngoài ra như Văn trì Đà la ni (là nghe được rồi, giữ gìn không mất - ND) cũng đều do Bát nhã ba la mật ma có được. Bồ tát có được Pháp Đà la ni rồi, được môn biện tài như đã nói trước, trải vô lượng vô số kiếp nói một câu, một nghĩa mà không bao giờ hết; ấy gọi là chơn pháp của chư Phật ba đời, lại không có pháp khác.

* Lại nữa, A nan! Bát nhã là diệu pháp của ba đời mười phương chư Phật; như thành chỉ có một cửa, người bốn phương đi đến không có cửa khác đi vào. Này A nan! Ta nay vì ông mỗi mỗi nói rõ ràng: Nếu có người thọ trì Bát nhã, chẳng phải chỉ thọ trì pháp Ta, mà cũng thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật ba đời. Này A nan! Nơi nơi ta đều nói Bát nhã ba la mật là đôi chân của hành giả, vì cớ sao? Vì Bồ tát được Bát nhã thời có thể hành đạo Bồ tát. Này A nan! Ông được Bát nhã Đà la ni nên có thể giữ gìn hết thảy Phật pháp.

Hỏi: Do sức Văn trì Đà la ni nên có thể giữ gìn, cớ sao lại nói có được Bát nhã nên có thể giữ gìn hết thảy Phật pháp?

Đáp: Văn trì Đa la ni có thể giữ gìn pháp có số lượng, Đà la ni thế gian cũng có, như Tu thi ma ngoại đạo cũng được Văn trì Đà la ni, tuy được trong ít lúc, lâu ngày quên mất, còn từ Bát nhã được Đà la ni thời thọ trì rộng rãi các pháp, không bao giơ quên mất, đó là chỗ sai khác.

Hỏi: Bát nhã là Ba la mật, cớ gì còn gọi là Đà la ni?

Đáp: Thật tướng các pháp là Bát nhã có nhiều lợi ích, được chúng sinh ái niệm, nên có nhiều danh xưng; như Phật có mười hiệu. Văn tự Bát nhã ba la mật cũng như vậy, hay dẫn đến bờ mé hết thảy trí tuệ, nên gọi là Bát nhã ba la mật. Bồ tát tu Bát nhã được thành Phật, đổi lại gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như ở trong tâm Tiểu thừa thời chỉ gọi là Ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba cửa giải thoát; nếu người muốn được nghe rồi không quên, thời ở trong tâm người ấy gọi là Đà la ni. Thế nên Phật nói thí dụ ngọc Như ý, tùy theo màu sắc của vật ở trước nó mà thay đổi tên gọi. Phật nói mỗi mỗi công đức của Đại Bát nhã cũng như vậy.

(Hết cuốn 79 theo bản Hán)

--o0o –

Cuốn 80

GIẢI THÍCH PHẨM VÔ TẬN THỨ 67

(Kinh Ma Ha Bát Nhã Ghi: Phẩm Bất khả tận)

KINH: - Bấy giờ Tu bồ đề nghĩ rằng: Vô thượng Chánh đẳng chánh giác của chư Phật rất sâu, ta sẽ hỏi Phật. Nghĩ rồi bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật có thể cùng tận chăng?

Phật dạy: hư không không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật không thể cùng tận.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao có thể phát sinh Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Sắc không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; thọ, tưởng, hành, thức không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; Thí ba la mật không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã

ba la mật không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh, cho đến trí Nhất thiết chủng không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Vô minh không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; hành không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; thức không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; danh sắc không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; sáu nhập không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; sáu nhập không, không thể cùngtận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; sáu xúc không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; thọ không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; ái không, không thể cùng tận nên Bồ tát bát nhã ba la mật có thể phát sinh; thủ không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; hữu không, không thể cùng tận, nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; sinh không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; sinh không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; già, chết, lo, buồn, khổ, não không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh ... Như vậy, Tu bồ đề! Mười hai nhân duyên đây là pháp riêng của Bồ tát hay trừ các điên đảo biên kiến. Khi ngồi đạo tràng nên quán như vậy sẽ được trí Nhất thiết chủng.

Này Tu bồ đề! Nếu có Bồ tát vì hư không không thể cùng tận mà tu Bát nhã, quán mười hai nhân duyên, thời không rơi vào Nhị thừa mà an trú Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề! Nếu cầu đạo Bồ tát mà bị thoái chuyển trở lại, là vì niệm lìa Bát nhã ba la mật. Người ấy chẳng biết thế nào là tu Bát nhã ba la mật, do hư không không cùng tận để quán mười hai nhân duyên. Tu bồ đề! nếu người cầu đạo Bồ tát mà thoái chuyển trở lại là vì không có sức phương tiện nên thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề! Nếu Bồ tát không thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là đều vì có đủ sức phương tiện.

Này Tu bồ đề! Bồ tát nên do hư không, không thể cùng tận mà quán Bát nhã ba la mật, nên do hư không, không thể cùng tận mà phát sinh Bát nhã ba la mật. Như vậy, khi Bồ tát quán mười hai nhân duyên, không thấy pháp nào không do nhân duyên sinh, không thấy pháp nào thường trú bất diệt, không thấy pháp nào có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, mạng giả, cho đến kẻ biết, kẻ thấy; không thấy pháp vô thường; không thấy pháp khổ; không thấy pháp vô ngã; không thấy pháp tịch diệt chẳng phải tịch diệt. Như vậy, Tu bồ đề!

Bồ tát tu Bát nhã ba la mật nên quán mười hai nhân duyên như vậy. Tu bồ đề! Nếu Bồ tát tu Bát nhã ba la mật được như vậy, khi ấy không thấy sắc hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịch diệt hoặc chẳng phải tịch diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Khi ấy cũng không thấy Bát nhã ba la mật, cũng không thấy do pháp ấy thấy Bát nhã ba la mật, không thấy Thiền ba la mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy Tu bồ đề! Vì hết thảy pháp không thể có được ấy là nên tu Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ tát khi tu Bát nhã không có gì sở đắc, thời ác ma sầu não như bị mũi tên bắn vào tim, như người có cha mẹ mới chết.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có một ma sầu muộn hay các ma trong ba ngàn đại thiên thế giới cũng sầu muộn.

Phật bảo Tu bồ đề: Ác ma trong ba ngàn đại thiên thế giới đều sầu muộn như bị mũi tên bắn vào tim, không thể ngồi yên. Tu bồ đề! Bồ tát tu Bát nhã được như vậy, khi ấy hết thảy thế gian trời, người, A tu la không thể tìm được thuận tiện để làm cho người kia ưu não. Vì vậy, Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hãy nên tu Bát nhã ba la mật.

Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật là đầy đủ tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật, làm sao đầy đủ tu Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát bố thí gì đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, như vậy, Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật đầy đủ tu Thí Ba la mật; Bồ tát tu Trì giới đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Giới ba la mật. Bồ tát tu Nhẫn nhục đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Nhẫn ba la mật. Bồ tát tu Tinh tấn đều hồi hướng Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Tấn ba la mật. Bồ tát tu Thiền định đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Thiền ba la mật. Bồ tát tu Trí tuệ đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Bát nhã ba la mật. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát tu Bát nhã ba la mật đầy đủ sáu Ba la mật.

LUẬN: Tu bồ đề theo Phật nghe nói mỗi mỗi tướng của Bát nhã ba la mật, ban đầu nghe nói tướng rốt ráo không; giữa nghe lời phú chúc thì tuồng như có; sau lại nghe nói không, đó là vì nghĩa của Bát nhã ba la mật vô lượng mà danh tự, chương cú của Bát nhã ba la mật thì có lượng. Khi ấy, Tu bồ đề nghĩ rằng: Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật rất sâu, ta sẽ hỏi

Phật vì sao rất sâu. Phật nói cho Tu bồ đề một ít phần, chỉ để phá tâm điên đảo của chúng sinh nên không nói đầy đủ, vì cớ sao? Vì không có người lãnh thọ được. Nếu người chấp thủ tướng Như, Phật nói Như cũng không, vì không có sinh, trụ, diệt; nếu pháp không có sinh, trụ, diệt, pháp ấy tức là không có; pháp tính, thật tế cũng như vậy.

Nếu có người chấp thủ rốt ráo không, Phật cũng nói không phải, vì sao? Vì nếu rốt ráo không là định tướng có thể thủ, thế là chẳng phải rốt ráo không. Thế nên nói rất sâu. Ta sẽ lại hỏi Phật, Tu bồ đề nghĩ như vậy rồi, như lời Phật tự nói: Chư Phật ba đời đều dùng Bát nhã ba la mật mà đắc đạo, vì Bát nhã ba la mật không cùng tận; đã không tận, nay không tận, và sẽ không tận. Thế nên ta nay chỉ hỏi nghĩa không tận. Phật đáp: Như hư không không tận, nên Bát nhã cũng không tận, như hư không không có thật pháp, chỉ có danh tự; Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Bát nhã ba la mật như hư không, không có gì của chính nó, nên không thể tận, làm ssao Bồ tát có thể phát sinh Bát nhã ba la mật ấy? nếu có thể phát sinh, làm sao trong tâm Bồ tát lại phát sinh việc tu được, chứng được? Phật đáp: Vi sắc vô tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; như sắc lúc đầu, lúc sau, lúc giữa sinh không thể có được, vì sắc sinh sắc, không thể có được; lìa sắc sinh sắc, không thể có được, sinh không thể có được, sinh không thể có được, như đã phá tướng sinh ở trước. Vì sinh không thể có được, nên sắc cũng không thể có được, vì sắc không thể có được nên sắc sinh không thể có được; vì hai pháp không thể có được nên sắc như huyễn, như mộng, chỉ dối gạt mắt người. Nếu sắc có sinh ắt có tận, vì sắc không sinh nên cũng không có tận; sắc chơn tướng tức là Bát nhã ba la mật. Thế nên nói sắc không thể tận, Bát nhã ba la mật cũng không tận, Thọ, tưởng, hành, thức, Thí ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy.

* Lại nữa, Kinh nói: " Có thể sinh Bát nhã" là vì vô minh hư không không thể cùng tận. Nếu người chỉ quán rốt ráo không, thời phần nhiều đọa vào bên đoạn diệt; nếu quán có thời phần nhiều đọa vào bên thường. Lìa hai bên ấy nên nói mười hai nhân duyên không. Vì sao? Vì nếu pháp từ nhân duyên hòa hợp sanh, pháp ấy không có định tính; nếu pháp không cò định tính tức là pháp tịch diệt rốt ráo không; lìa hai bên ấy nên giả gọi là trung đạo. Thế nên nói mười hai nhân duyên như hư không, không có pháp, nên không tận. Vô minh cũng do nhân duyên hòa hợp sinh nên không có tự tướng; không có tự tướng nên rốt ráo "không", như hư không.

* Lại nữa, vì nhân duyên sinh nên không thật, như kinh nói: Nhân mắt duyên sắc sinh giác xúc, giác xúc từ vô minh sinh. Giác xúc không ở trong mắt,

không ở trong sắc, không ở trong thân, không ở ngoài thân, không ở chặng giữa; cũng không từ mười phương ba đời đến, định tướng của pháp ấy không thể có được. Vì sao? Vì hết thảy pháp vào Như. Nếu nắm bắt được định tướng vô minh, tức là trí tuệ, không gọi là vô minh; thế nên tướng vô minh, tướng trí tuệ không khác nhau, thật tướng của vô minh tức trí tuệ, chấp trước tướng trí tuệ tức vô minh. Thế nên, thật tướng vô minh rốt ráo thanh tịnh như hư không, không sinh, không diệt. Vì thế nói rằng: Có được quán ấy mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức gọi là Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Nếu không có vô minh, cũng không có các hành v.v... làm sao nói mười hai nhân duyên?

Đáp: Nói mười hai nhân duyên có 3 loại: Một là đối với phàm phu, dùng mắt thịt trông thấy, tâm điên đảo chấp ngã khởi các phiền não nghiệp, qua lại trong đường sinh tử.

Hai là đối với hiền thánh, dùng mắt pháp phân biệt các pháp; thấy già, bệnh, chết sinh tâm nhàm chán, muốn ra khỏi thế gian. Tìm nguyên nhân của già, chết do sinh; sinh ấy do các phiền não nghiệp, vì sao? Vì người không có phiền não thời không sinh, nên biết phiền não làm nhân duyên cho sinh. Làm nhân duyên cho phiền não là vô minh, vì vô minh, nên điều đáng bỏ lại lấy, đáng lấy lại bỏ. Đáng bỏ gì? Đáng bỏ già, bệnh, khổ và phiền não; nhưng vì điên đảo cho khổ làm vui nên lấy. Trì giới, thiền định, trí tuệ là gốc của sự lành, là nhân duyên của cái vui Niết bàn, việc ấy đáng lấy lại bỏ. Trong ấy không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ làm, vì sao? Vi pháp ấy không có định tướng, chỉ do nhân duyên hư dối tương tục sinh ra. Hành giả biết là hư dối không thật thời không sinh hý luận, chỉ vì muốn diệt khổ vào Niết bàn, không cứu xét cùng tận tướng các khổ.

Ba là đối với các đại Bồ tát, là người đại trí, lợi căn nên chỉ cứu xét cùng tận tướng cội gốc của mười hai nhân duyên, không vì lo sợ mà tự thoái thất. Bấy giờ không thấy có định tướng, già và chết rốt ráo không, chỉ do hư dối, giả gọi là có, vì cớ sao? Vì người phân biệt tướng các pháp thì nói già, chết là pháp tâm bất tương ưng hành, tướng ấy không thể có được. Đầu bạc v.v... là tướng màu sắc, không phải tướng già; hai việc không thể có được nên không có tướng già.

* Lại nữa, người đời gọi tướng già là tóc bạc; răng long, mặt nhăn, thân cong, gầy gò, sức yếu, các căn mờ ám, nhưng việc ấy không đúng, vì sao?

Vì tóc bạc chẳng phải chỉ người già; có người tuổi trẻ tóc lại bạc, người già tóc lại đen; gầy gò, thân cong, mặt nhăn ... cũng như vậy. Có người già mà các căn sáng suốt, lanh lợi; người trẻ mà mờ ám; lại uống thuốc hoàn đồng tuy già mà trẻ. Như vậy, tướng già không có định tướng, chỉ do các pháp hòa hợp giả gọi là già; lại như mượn bánh, trục, thùng, căm ... gọi là xe, đó chỉ là giả danh, chẳng phải thật.

* Lại nữa, trong các pháp rốt ráo không, tướng sinh không thể có được, huống gì có già! Do các nhân duyên như vậy, tìm pháp già không thể có được. Vì không thể có được nên không có tướng, như hư không không thể tận; cũng như già cho đến vô minh cũng như vậy. Phá tướng vô minh như trên nói. Bồ tát quán thực tướng các pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, không có sở đắc; cũng vì không chấp trước việc ấy nên đối với chúng sinh sanh tâm đại bi: chúng sinh vì vô minh nên đối với pháp hư dối điên đảo không thật, chịu các khổ não. Mười hai nhân duyên nói đầu chỉ là vì người phàm phu không tìm phải trái trong đó; mười hai nhân duyên nói thứ hai là chỗ quán sát của hàng Nhị thừa và Bồ tát chưa được vô sinh pháp nhẫn; mười hai nhân duyên nói thứ ba là chỗ quán sát của các Bồ tát từ được vô sinh pháp nhẫn cho đến khi ngồi đạo tràng. Thế nên nói, vô minh hư không không thể tận cho đến lo, buồn, khổ, não hư không không thể tận, nên Bồ tát tu Bát nhã ba la mật.

Quán sâu về pháp nhân duyên như vậy, xa lìa các bên và điên đảo. Bên là bên thường, bên đoạn, bên có bên không, bên thật, bên hư, bên thế gian hữu biên, bên thế gian vô biên; điên dảo là nơi vô thường khởi lên phiền não chấp thường v.v... Quán mười hai nhân duyên ấy thời các bên và điên đảo dứt. Các phiền não có hai phần; Một là theo người ngoại đạo tà kiến gọi là bên; hai là theo các chúng sinh khác, phiền não gọi là điên đảo. Quán mười hai nhân duyên thời hai thứ phiền não ấy đều dứt. Đó là quán mười hai nhân duyên thứ ba rất sâu, chỉ các Bồ tát ngồi đạo tràng mới có thể quán; trước tuy nói có thể quán nhưng chưa đầy đủ. Như trong kinh Thành Dụ, Phật nói: Khi Ta chưa đắc đạo, suy nghĩ như vầy: Chúng sinh đáng thương, đi sâu vào đường hiểm, thường thường sinh, thường thường già, thường thường chết, qua lại ba cõi không biết đường ra. Ta liền nghĩ rằng: Vì nhân duyên gì có già chết? Trong khi tìm cầu như vậy được trí tuệ chơn thật, biết rằng sinh làm nhân duyên cho già, chết v.v... Thế nên, biết lối quán mười hai nhân duyên nói lần thứ ba, khi ngồi đạo tràng mới có được, như Kinh nói rộng.

* Lại nữa, quán mười hai nhân duyên như vậy, vượt quá hàng Nhị thừa, được trí Nhất thiết chủng. Nếu có người thoái lui đối với Phật đạo, là vì

không được lối quán sâu xa ấy, nếu được lối quán ấy thời không thoái lui, vì sao? Vì đã sâu vào rốt ráo không thời không thấy Thanh văn, Bích chi Phật địa; vì không thấy nên không trú ở trong đó.

* Lại nữa, người quán nhân duyên được như vậy thời không thấy có một pháp nào chắc chắn, tự tại, không do nhân duyên sinh, hết thảy pháp không tự tại đều thuộc nhân duyên sinh, có người tuy thấy hết thảy pháp từ nhân duyên sinh, nhưng lại cho là từ tà nhân duyên sinh. Tà nhân duyên là cho rằng vi trần, thế tánh v.v... làm nhân duyên sinh các pháp.Thế nên nói, không thấy pháp nào không do nhân duyên sinh, cũng không thấy pháp nào từ thường nhân duyên như vi trần, thế tánh sinh. Như hư không thường, thường thời không có sinh; hư không cũng không làm nhân cho vật khác sinh, vì thế nên không có pháp nào từ thường nhân duyên sinh.

* Lại nữa, Bồ tát quán hết thảy pháp thuộc nhân duyên sinh như vậy không tự tại, vì không tự tại nên không có ta, cho đến không có kẻ biết, kẻ thấy. Bấy giờ Bồ tát an trú trong mười hai nhân duyên rốt ráo không, không thấy một pháp nào hoặc có hoặc không v.v... không thấy Bát nhã, cũng không thấy dùng pháp ấy tu Bát nhã, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy; ấy gọi là Bát nhã ba la mật không có sở đắc của Bồ tát. Được Bát nhã ba la mật không có sở đắc ấy, đối với hết thảy pháp bèn được Bát nhã không có chướng ngại gì. Bấy giờ ác ma rất sầu khổ. Vì sao? Vì Bồ tát ấy sâu vào mười hai nhân duyên rốt ráo không, không vướng vào trong lưới ma về 62 tà kiến chấp có, chấp không, chấp chẳng phải có chẳng phải không v.v... Ta nay không có cách thuận tiện để phá Bồ tát. Thí như người bắt cá, thấy một con cá lặn sâu trong dòng nước lớn, lưỡi câu không tới kịp thời tuyệt vọng ưu sầu và cũng như người mới mất cha mẹ.

* Lại nữa, Bồ tát tu Bát nhã ba la mật không có sở đắc, được như vậy thời đầy đủ Thí ba la mật v.v... vì sao? Vi tu pháp ấy thời các phiền não làm chướng ngại Bát nhã đều bị bẻ gãy; ma chúa, ma dân không tìm được thuận tiện để phá, nên các Ba la mật được đầy đủ; từ trước lại đây tuy tu sáu Ba la mật nhưng chưa thể được đầy đủ như vậy.

Tu bồ đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Bồ tát làm sao tu Bát nhã ba la mật được như vậy, có thể đầy đủ Thí ba la mật v.v...?

Phật đáp: Nếu Bồ tát có bố thí gì đều hồi hướng đến Nhất thiết trí. Có hai hạng người: độn căn và lợi căn. Người độn căn có bố thí nhiều ít đều chấp thủ tướng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; người lợi căn

phá chấp thủ tướng những hý luận sai lầm về pháp "không", tín lực cạn mỏng, không dùng Nhất thiết trí, chỉ tìm thật tướng các pháp. Hai hạng người ấy đều không thể đầy đủ Thí ba la mật. Một là hạng người vì tín lực nhiều, tuệ lực ít; hai là người vì tuệ lực nhiều, tín lực ít. Nay Phật nói tín lực, tuệ lực bằng nhau nên có thể hồi hướng đến Nhất thiết trí. Tưởng niệm Nhất thiết trí là tín lực; đúng như Nhất thiết trí mà hồi hướng là trí lực, cho đến Bát nhã ba la mật cũng lại như vậy.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM SÁU ĐỘ TƯƠNG NHIẾP THỨ 68

(Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Tương Nhiếp thứ 67)

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Thí Ba la mật mà được Giới ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát khi bố thí, đem công đức bố thí ấy hồi hướng đến Nhất thiết trí, đối với chúng sinh giữ thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ; ấy là trú trong Thí ba la mật mà được Giới ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Thí ba la mật mà được Nhẫn ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát khi bố thí bị người lãnh thọ thí sân giận, mắng nhục, nói lời hung dữ, khi ấy Bồ tát nhẫn nhục không sinh tâm giận, ấy là Bồ tát trú trong Thí ba la mật được Nhẫn ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Thí ba la mật mà được Tấn ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát khi bố thí bị người lãnh thọ sân giận, mắng nhục, nói lời hung dữ, Bồ tát càng bố thí thêm và tâm nghĩ rằng: Ta nên cấp thí, không nên tiếc gì, tức thời thân tinh tấn, tâm tinh tấn; ấy là Bồ tát trú trong Thí ba la mật được Tấn ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! làm sao Bồ tát trú trong Thí ba la mật được Thiền ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát khi bố thí chỉ hồi hướng đến Nhất thiết trí, không hồi hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật địa, chỉ nhất tâm quán niệm Nhất thiết trí; ấy là Bồ tát trú trong Thí ba la mật được Thiền ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao trú trong Thí ba la mật được Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát khi bố thí biết việc bố thí là không, như huyễn, không thấy vì bố thí cho chúng sinh là hữu ích, vô ích; ấy là Bồ tát trú trong Thí ba la mật được Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Làm sao Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Thí ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật và Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát trú trong Giới ba la mật, thân, miệng, ý sinh phước đức bố thí, giúp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; với công đức ấy không thủ chứng Thanh văn, Bích chi Phật địa; trú trong Giới ba la mật không cướp mạng sống kẻ khác, không cướp tài vật kẻ khác, không hành tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không miệng dữ, không nói thêu dệt, không tham lam tật đố, không sân giận, không tà kiến. Thực hành bố thí, người đói cho ăn, người khát cho uống, cần xe cho xe, cần áo cho áo, cần hương cho hương, cần chuỗi anh lạc cho chuỗi anh lạc; hương xoa, đồ nằm, phòng nhà, đèn đuốc, các vật cần nuôi sống đều cấp cho hết. Đem công đức bố thí ấy chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng chánh giác. Hồi hướng như vậy không đọa vào Thanh văn, Bích chi Phật địa. Tu bồ đề! Ấy là Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Thí ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Nhẫn ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát trú trong Giới ba la mật, nếu có chúng sinh đi đến cắt xẻ từng mảnh, Bồ tát không sinh tâm sân giận, cho đến chỉ trong một giây lát, tự nói rằng: Ta được lợi lớn, chúng sinh đi đến lấy từng chi tiết thân ta để dùng, ta không một niệm sân giận; ấy là Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Nhẫn ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Tấn ba la mật?

Phật dạy: Nếu Bồ tát thân tinh tấn, tâm tinh tấn thường không bỏ, nghĩ rằng: Hết thảy chúng sinh ở trong sinh tử, ta sẽ cứu vớt đem đặt trên đất cam lồ, ấy là Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Tấn ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! làm sao Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Thiền ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát vào Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, không tham vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, nghĩ rằng: Ta sẽ trú trong Thiền ba la mật, độ hết thảy chúng sinh khỏi sinh tử; ấy là Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Thiền ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Bát nhã ba la mật?

Phạt dạy: Bồ tát trú trong Giới ba la mật không có pháp có thể thấy, hoặc tác pháp, hoặc hữu vi pháp, hoặc số pháp, hoặc tướng pháp, hoặc có, hoặc không; chỉ thấy các pháp không ngoài tướng Như. Vì có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện nên không đọa vào Thanh văn, Bích chi Phật địa; ấy là Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Bát nhã ba la mật.

LUẬN: Cuối phẩm trước nói: Làm sao Bồ tát tu Bát nhã ba la mật đầy đủ sáu Ba la mật? Phật đã mỗi mỗi đáp. Trong phẩm này Tu bồ đề hỏi: Làm sao Bồ tát tu một Ba la mật mà thu nhiếp năm Ba la mật. Hỏi rằng: Sáu Ba la mật mỗi tướng khác nhau làm sao tu một Ba la mật mà thu nhiếp năm Ba la mật? Đáp rằng: Bồ tát do sức phương tiện nên tu một Ba la mật có thể thu nhiếp năm Ba la mật.

* Lại nữa, pháp hữu vi vì nhân duyên quả báo tiếp tục nhau nên tạo thành nhau; thiện pháp làm nhân duyên cho thiện pháp; các Ba la mật đều là thiện pháp, nên tu một thời nhiếp được năm; lấy một Ba la mật làm chủ, các Ba la mật khác làm chi phần. Có Bồ tát tu sâu về Thí ba la mật, an trú trong Thí Ba la mật, khi bố thí cho chúng sinh, được có tâm từ, từ tâm từ khởi lên thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ khi ấy Bồ tát liền được Giới ba la mật, vì sao? Vì nghiệp từ là ba thiện đạo, căn bản của Giới ba la mật là không tham, không sân và chánh kiến. Ba nghiệp từ ấy sinh ra ba nghiệp nơi thân, bốn nghiệp nơi miệng. Từ tức là thiện nghiệp, vì lợi ích chúng sinh nên gọi là từ.

Được Tấn ba la mật là Bồ tát vi Nhất thiết trí nên bố thí.

Bị người lãnh thọ giận là nếu thí chủ xướng rằng: Ta có thể bố thí hết thảy, nhưng người lãnh thọ không được vừa ý liền nói rằng: Ai bảo ông mời ta đến mà không theo ý ta? Giận là ý nghiệp ác, mắng là khẩu nghiệp ác, đánh hại là thân nghiệp ác. Giận có thượng, trung, hạ. Thượng là giết hại; trung là mắng nhiếc; hạ là tâm giận. Bấy giờ Bồ tát không sinh ba thứ ác nghiệp, ý nghiệp là gốc nên chỉ nói ý nghiệp, nghĩ rằng: Đó là tội của ta. Ta mời người kia đến mà không thể làm vừa ý họ, do ta phước mỏng nên không thể bố thí đầy đủ. Nếu ta sân giận thời đã mất tài vật lại mất luôn phước đức, thế nên không nên giận.

Được Tấn ba la mật là nếu Bồ tát khi bố thí bị người lảnh thọ đánh hại, tâm không thoái thất, không bỏ. Vì bố thí nên thân tâm siêng năng tinh tấn, nghĩ rằng: Ta đời trước không cố gắng bố thí nên nay không thể làm vừa lòng người lảnh thọ, hãy nên siêng bố thí, không nên tính kể các việc nhỏ khác.

Được Thiền ba la mật là Bồ tát bố thí không cầu phước lạc đời nay, không cầu làm Chuyển luân Thánh vương, vua trời, vua người đời sau; cũng không cầu cái vui thiền định thế gian, vì chúng sinh nên không cầu cái vui Niết bàn. Chỉ thu nhiếp các ý vào trong trí Nhất thiết chủng không cho tán loạn.

Được Bát nhã ba la mật là Bồ tát trong khi bố thí, thường quán hết thảy pháp hữu vi tạo tác đều hư dối không kiên cố, như huyễn, như mộng. Khi bố thí cho chúng sinh, không thấy có ích, không ích, vì sao? Vì vật bố thí chẳng phải nhất định là nhân duyên của vui, hoặc có khi được ăn no bụng sình trướng mà chết; hoặc có khi được của cải mà bị giặc hại; hoặc cũng vì được của cải nên sinh tâm xan tham mà đọa vào ngạ qủy. Lại, tài vật là tướng hữu vi, niệm niệm sinh diệt vô thường, là nhân duyên sinh ra khổ.

* Lại nữa, của cải vào trong các pháp thật tướng rốt ráo không, không phân biệt có lợi, không lợi. Thế nên, Bồ tát đối với người lảnh thọ không cầu báo ân, đối với việc bố thí không mong quả báo. Giả sử cầu quả báo, nếu người kia không đền đáp thì sinh oán hận. Bồ tát nghĩ rằng: Các pháp rốt ráo không, nên ta không có cho gì; nếu cầu quả báo, hãy nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo không. Như tướng bố thí, nên không thấy có ích; vì rốt ráo không nên cũng không thấy có ích. Như ậy, ở nơi Thí ba la mật có được năm Ba la mật.

Bồ tát lấy Giới ba la mật làm chủ, có thân, miệng, ý thiện nghiệp, bố thí, đa văn, tư duy, trì giới giúp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; vì sức trì giới lớn nên tổng quát gọi là Giới ba la mật, vì sao? Vì ở trong cõi Dục, việc

trì giới là trên hết, còn việc bố thí, đa văn, tư duy, tu tập trí tuệ, vì tâm ở cõi Dục tán loạn nên đắc lực mỏng manh. Như trong A tỳ đàm nói: Pháp để ra khỏi sự trói buộc vào cõi Dục, Sắc và Vô Sắc chính là thiền định thanh tịnh; pháp học, vô học, và Niết bàn, Bồ tát cho việc trì giới v.v... ấy không hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật địa, chỉ an trú trong Giới ba la mật, không cướp mạng sống của chúng sinh cho đến giới không tà kiến; đó là Giới trợ đạo, đầy đủ mười giới thiện đạo. Bồ tát trú trong hai thứ giới ấy mà bố thí cho chúng sinh. Nếu ân cần cho ăn v.v... như trong phẩm đầu đã nói rõ. Đều đem phước ấy hồi hướng đến Phật đạo, không hướng đến Nhị thừa, vì sao? Vì Bồ tát có hai thứ phá giới: Một là làm mười bất thiện đạo; hai là hướng tới Thanh văn, Bích chi Phật địa, trái với hai thứ ấy là hai thứ trì giới.

Được Nhẫn ba la mật là Bồ tát ở trong Giới ba la mật muốn đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật. Nếu có chúng sinh đi đến cắt xẻo thân thể từng mảnh đem đi, cho đến Bồ tát không sinh một niệm giận, huống gì khởi lên thân, khẩu, ác nghiệp.

Hỏi: Nhẫn nhục là đối với hết thảy việc xâm hại đều nhẫn được, cớ gì chỉ nói nhẫn trước việc cắt xẻo thân thể?

Đáp: Vật được ưa đắm có trong, có ngoài. Trong là tự thân đầu, mắt, tủy, não v.v...; ngoài là vợ con, châu báu v.v... tuy đều là vật ưa đắm, nhưng vật ưa đắm bên trong sâu hơn. Có người nói đắm đuối theo của cải mà chết, ấy cũng là thân. Lại, người ta phần nhiều tiếc thân, có khi tiếc của, vì tiếc của ít nên không nói. Lại, người ấy còn không tiếc thân, huống gì tiền của! Thế nên chỉ nói việc lớn là đủ nhiếp việc nhỏ.

Hỏi: Bồ tát cho đến không sinh một niệm giận, đó là đối với thân biến hóa hay là đối với thân cha mẹ sinh? Nếu đối với thân biến hoá thời không có gì kì lạ; nếu đối với thân cha mẹ sinh thì người chưa kiết sử, làm sao không sinh một niệm giận được?

Đáp: Có người nói: Do phiền não nghiệp làm nhân duyên sinh thân, Bồ tát trong vô lượng kiếp vì chúng sinh mà ưa tu tập từ tâm, dầu có bị cắt xẻ cũng không giận, như cha mẹ lành nuôi con dại, tuy nó đái ỉa trên thân, vì lòng quá thương yêu mà không giận, lại thương nó không biết gì, Bồ tát đối với chúng sinh cũng như vậy, những người chưa được Thánh đạo đều như trẻ nít, ta là Bồ tát, nên sinh tâm từ như cha mẹ, dầu chúng sinh có gây ác đến với ta, ta không nên giận, vì sao? Vi chúng sinh bị phiền não sai sử, không được tự tại.

* Lại nữa, Bồ tát từ vô lượng kiếp,lại đây thường tu pháp rốt ráo không, không thấy người hại, người mắng, người lành, người dữ, hết thảy đều như huyễn, như mộng; những người sân giận đều là vô minh; nếu ta đáp trả họ, thời ta với họ không khác.

* Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng: Chỗ đáng giận mà ta không giận thời là lợi lớn.

Được Tinh tấn ba la mật là ở trong Giới ba la mật phần nhiều là hạng người xuất gia, thỉnh thoảng có hạng người tại gia. Hết thảy người xuất gia đều được vô lượng giới luật nghi, đầy đủ bốn mươi thứ thiên đạo, sâu vào thật tướng các pháp, vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật địa. ba thứ giới ấy gọi là Giới ba la mật. Người tại gia không có vô lượng giới luật nghi, thế nên không đầy đủ ở trong Giới ba la mật. Bồ tát nghĩ rằng: Ta nay bỏ cái vui thế gian mà vào đạo, không thể chỉ trú ở trì giới, vì trì giới là trú xứ của các công đức khác; nếu chỉ được trú xứ, không được các công đức khác thời được lợi rất ít; thí như người ở trong hòn đảo châu báu mà chỉ lấy được ngọc thủy tinh thời lợi rất ít. Vì thế nên, Bồ tát muốn đủ năm Ba la mật nên thân tâm siêng năng tinh tấn. Thân tinh tấn là đúng như pháp làm ra của cải dùng đem bố thí; tâm tinh tấn là các ác tâm xan, tham v.v... hiện đến phá sáu Ba la mật, không để cho vào. Được hai thứ tinh tấn ấy rồi, nên nghĩ rằng: Hết thảy chúng sinh chìm đắm trong sinh tử, ta nên cứu vớt, đặt lên chỗ cam lồ, người Thanh văn chỉ độ một thân còn không nên giải đãi, huống gì Bồ tát độ mình, độ chúng sinh mà giải đãi; vì lẽ ấy nên ta không nên giải đãi, phế bỏ; tuy thân khổ nhọc mà tâm không nên ngừng, vì cớ sao? Vì pháp Đại thừa này nếu không vận dụng thời bị bại hoại.

Được Thiền ba la mật là Bồ tát ở trong Giới ba la mật hoặc vì chưa được pháp vô sinh nhẫn nên gió phiền não thổi động cây đại nguyện, muốn phá hoại Giới ba la mật ấy. Bấy giờ nên cầu cái vui thiền định, trừ bỏ cái vui năm dục lạc; cái vui năm dục trừ, nên giới được thanh tịnh, phiền não tuy chưa dứt hết, cũng đã bị nhiếp phục nên không thể gây loạn. Thí như rắn độc, vì bị sức chú thuật nên độc không thể phun nhằm. Thiền là bốn thiền, bốn định vô sắc, bốn tâm vô lượng. Bồ tát được thiền, tâm tuy mềm dịu song vì an trú trong Giới ba la mật nên cũng không thủ lấy Thanh văn, Bích chi Phật địa. Bồt tát nghĩ rằng: Ta nên tu Thiền ba la mật, không vì Niết bàn Tiểu thừa, cũng không vì quả báo, chỉ vì độ chúng sinh nên nói thật tướng các pháp. Trí thật tướng ấy từ thiền định sinh, tâm ấy không bị giác quán làm lay động, cũng không bị tham dục, sân nhuế làm ô trược, buộc tâm một nơi thanh tịnh, mềm dịu, thời phát sinh thật trí. Như nước đứng lặn thời

chiếu sáng phân minh. Bồ tát ở trong Giới ba la mật được thiền ấy, được thiền định nên tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh nên biết các pháp như thật. Pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp sinh, hư dối. Bồ tát lấy mắt tuệ quán sát không thấy pháp hữu vi ấy có thật. Pháp hữu vi có nhiều tên gọi là tác pháp, hữu vi, số pháp, tướng pháp, hoặc có hoặc không, vì hữu vi nên có thể nói vô vi; tướng hữu vi còn không thể có được, huống gì vô vi.

Hỏi: Pháp hữu vi là có tướng, pháp vô vi là không tướng, nay sao trong pháp hữu vi lại nói không có tướng?

Đáp: Vô vi có hai thứ: Một là tịch diệt không có tướng, không có hý luận, như Niết bàn; hai là đối đãi nhau, không có nhơn nơi có mà sanh. Như ở tại miếu đường không có con ngựa, thời có thể sinh vô tâm, vô tâm ấy là nhơn duyên sinh phiền não, làm sao là pháp vô vi được? Vì Bồ tát không thấy pháp có không, chỉ thấy các pháp như như, pháp tánh, thật tế.

Hỏi: Ông trước nói lìa"có" thời không có "không" nay sao nói thấy như như, pháp tánh thực tế?

Đáp: Không thấy pháp hữu vi hoặc thường, lạc, ngã, tịnh, pháp hư dối ấy nếu không có, tức là pháp thật. Vì thấy pháp vô sinh nên có thể xa lìa pháp hữu sinh; pháp vô sinh ấy không có định tướng có thể thủ đắc, chỉ có khả năng khiến người ta xa lìa pháp hữu sinh hư dối, nên gọi là vô sinh. Nếu có được trí tuệ như vậy, lại do sức phương tiện và bổn nguyện bi tâm nên không thủ chứng Nhị thừa mà thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy gọi là Bồ tát ở trong Giới ba la mật được đầy đủ năm Ba la mật.

(Hết cuốn 80 theo bản Hán)

- Hết tập 04 –